

TÚ THU

Đại học

(Giới thiệu)

Cuốn đầu tiên trong bộ Tứ thư

Đại học nguyên là **một chương** trong **Kinh Lễ** (Lễ ký) được viết thành sách trong khoảng thời gian từ thời Chiết Quốc đến thời Tần Hán, được xem là một trong những sách chủ yếu của Nho gia. Tác giả của đại học là ai hiện nay vẫn chưa xác định rõ, có người cho là của Tử Tư viết, nhưng Chu Hy đời Tống lại cho là của Tăng Tử viết. Bởi Chu Hy cho rằng Tăng Tử là học trò của Không Tử nên Tăng Tử ghi chép lại lời của Không Tử là hợp đạo lí. Và đa số người ta tin vào giả thiết này hơn. Đại học cùng với Trung Dung, Luận Ngữ và Mạnh Tử hợp thành bộ Tứ Thư được Không Tử khởi xướng và Mạnh Tử kế thừa.

Chu Hy cho rằng **Đại học** là **cương lĩnh**, không có cái gì không bao hàm, dung nạp trong đó. Ông còn cho rằng, có thể dùng những thuyết giáo trong sách Đại học để bù đắp lại những lỗ hổng trong tư tưởng của giai cấp thống trị phong kiến. Hai chữ Đại học ở đây có nghĩa là **học vẫn uyên bác, tinh sâu**. Đời Chu con cháu quý tộc sau khi học qua lớp tiểu học đến 15 tuổi sẽ vào đại học, còn gọi là Thái học, học lí luận quản lý chính sự qua các kinh thư. Ở đời Hán xem các kinh ở thời Xuân Thu là Đại kinh, xem Tứ Thư trong đó có Đại học là tiểu kinh. Vào đời Đường xem Đại học, Mạnh Tử và Kinh Dịch như nhau, đều gọi là Kinh thư. Đời Tống, hai anh em Trình Hao và Trình Di nói “sách Đại học là sách nhập môn cho người mới đi vào học Đạo”. Điều đó nói lên địa vị của Đại học trong các loại kinh thư.

Nội dung

Đại học có **11 chương**. Chương đầu tiên là **Thánh Kinh** là ý của Không Tử do Tăng Tử truyền lại bằng miệng. Còn **10 chương sau giải thích chương đầu tiên** do học trò của Tăng Tử ghi chép lại bài giảng của Tăng Tử.

1. Thánh Kinh
2. Khang cáo
3. Bàn minh
4. Bang kì
5. Thính tụng
6. Tri bản
7. Thành ý
8. Chính tâm tu nhân
9. Tề gia
10. Trị quốc
11. Hiệt Cử: Trong đạo trị quốc, người trên cần phải làm gương tốt trước, để người dưới noi theo. Không nên xem **tài sản** là lợi ích mà nên xem **nhân nghĩa** là lợi ích vậy

Xuyên suốt **Đại học** là tư tưởng **“Tri quốc bình thiên hạ”** được Nho Gia đề ra với cương lĩnh Tam Cương, Bát Mục.

Chương I – Thánh kinh

1. Đại đạo cốt để biết phát huy đức sáng đức tốt đẹp của con người, đổi mới khiến lòng dân bỏ cũ theo mới, bỏ ác làm thiện, ai cũng đạt đến đạo đức hoàn thiện. Phải kiên định chí hướng. Tâm yên tĩnh. Lòng ổn định, suy nghĩ mới chu toàn. Từ đó xử lý giải quyết công việc được thỏa đáng. Vạn vật đều có đầu có đuôi, có gốc có ngọn.

Vạn sự đều có bắt đầu và có kết thúc. Biết làm cái gì trước cái gì sau là đúng nguyên tắc của Đạo rồi.

1. Thời cổ đại phàm là thánh nhân muôn phát huy tính thiện của con người đều khắp thiên hạ thì trước hết phải lãnh đạo tốt xứ mình, nước mình.
Muốn lãnh đạo tốt xứ mình, nước mình trước hết chỉnh đốn tốt gia tộc gia đình mình.
Muốn chỉnh đốn gia tộc gia đình phải tu dưỡng phẩm chất bản thân mình.
Muốn tu dưỡng phẩm đức bản thân trước hết phải làm cho tâm tư mình ngay thẳng, đoan chính...
Muốn ngay thẳng thì ý nghĩ phải thành thật.... Muốn thành thật phải có nhận thức đúng đắn. Mà con đường nhận thức đúng đắn chính là nghiên cứu đến nơi đến chốn nguyên lý của sự vật.
3. Có lịnh hội được nguyên lý sự vật thì nhận thức mới đúng đắn, ý nghĩ mới thành thật. Ý nghĩ thành thật thì tâm tư ngay thẳng. Tâm tư ngay thẳng mới tu dưỡng phẩm đức tốt. Phẩm đức bản thân tốt thì mới chỉnh đốn tốt gia đình gia tộc. Chỉnh đốn tốt gia đình gia tộc thì mới lãnh đạo xứ mình, nước mình, thiên hạ mới được thái bình....
4. Từ vua tới người bình dân ai ai cũng phải tu dưỡng đạo đức làm gốc.
Một cái cây, gốc đã mục nát mà ngọn cành còn tươi là điều không thể có.
(Đó là các nguyên tắc và lời bàn rộng của Khổng Tử mà học trò Tăng Tử truyền lại).
Mười chương sau là bài giảng của Tăng Tử nhằm phân tích rõ Thánh kinh, do học trò của Tăng Tử ghi chép lại. Có thể phân thành hai chủ điểm (tam cương và bát mục (**Cương* : lớn, khái quát, *mục*: nhỏ, cụ thể hơn. Cương mục là cấu trúc, tiêu chí).
- Tam cương**
1. Minh minh đức (phát huy cái đức sáng/ làm sáng/ dùng đức trị)
 2. Tân dân (đổi mới dân chúng theo hướng đạo đức Nho gia)
 3. Chỉ ư chí thiện (chỉ làm việc thiện).
- Bát mục (8 bước thực hiện 3 cương lĩnh trên)**
1. Cách vật (nghiên cứu thấu đáo sự vật)
 2. Trí tri (có kiến thức rõ rệt, hiểu biết sâu sắc, đến cùng)
 3. Thành ý (lòng chân thành), thành thật ngay với mình, không giả dối, tạm bợ
 4. Chính tâm (giữ lòng dạ ngay thẳng khi tu dưỡng) gần với “thiền”.
 5. Tu thân (học làm quân tử: sửa mình làm người tốt.)
 6. Tề gia (xây dựng gia đình tốt, hài hòa cân đối)
 7. Trị quốc (làm quan chức tốt)
 8. Bình thiên hạ (lãnh đạo thiên hạ thái bình / làm thế nào chinh phục thiên hạ / hội nhập quốc tế).
- * **Tam cương bát mục** được Khổng tử dẫn giải cụ thể, sinh động, xem ở **Luận ngữ**
- || **Ngọc biên tập 29.3.2010**
- Trung Dung
- Trung Dung** (中庸 Zhōng Yóng) là một trong 4 cuốn của bộ Tứ Thư. (Ba quyển còn lại là Đại Học (大學 Dà Xué), Luận Ngữ (論語 Lùn Yǔ), Mạnh Tử (孟子 Mèng Zǐ).
- Sách Trung Dung do Tử Tư làm ra cũng trên cơ sở một thiêng trong Kinh Lễ (Tử Tư là cháu nội của Khổng Tử, học trò của Tăng Sâm/ Tăng Tử), tiếp thu được cái học tâm truyền của thầy.
- Mục đích của sách Trung Dung là theo Đạo có thể giúp chúng ta đạt được một trình độ cao của đạo đức.
- Trong sách Trung Dung, Ngũ Tử Tư dẫn những lời của Khổng Tử nói về “**đạo trung dung**”, tức là nói về *cách giữ cho ý nghĩ và việc làm luôn luôn ở mức trung hòa, không thái quá, không bát cập và phải cố gắng ở đời theo nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, cho thành người quân tử, để cuối cùng thành thánh nhân.*

Sách Trung Dung chia làm hai phần:

Phần 1: từ chương 1 đến chương 20, là phần chính, gồm những lời của Khổng Tử dạy học trò về đạo lý trung dung, phải làm sao cho tâm được: *tồn, dưỡng, tĩnh, sát*; gồm đủ: *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín* cho hòa với muôn vật, hợp với lòng Trời để thành người tài giỏi.

1. Thiên mệnh
2. Thời trung
3. Tiết nǎng
4. Hành minh
5. Bất hành
6. Đại trí
7. Dư trí
8. Phục ưng
9. Khả quân
10. Vấn cường
11. Tố ẩn
12. Phí ẩn
13. Bất viễn
14. Tố vị
15. Hành viễn
16. Quý thần
17. Đại hiếu
18. Vô ưu
19. Đạt hiếu
20. Vấn chính

Phần 2: từ chương 21 đến chương 33, là phần phụ, gồm những ý kiến của Tử Tư giảng giải thêm cho rõ nghĩa và giá trị của hai chữ “trung dung”.

1. Thành minh
2. Tận tính
3. Trí khúc
4. Tiễn tri
5. Tự thành
6. Vô túc
7. Đại tai
8. Tự dụng
9. Tam trọng
10. Thuật tổ
11. Chí thành
12. Kinh luân
13. Thượng cách

Hết

LUẬN NGỮ

MỤC LỤC

Lời nói đầu. 2

1. 學而 Học nỗi 8

2. 為政Vi chính. 13
3. 八佾 Bát dật 20
4. 裡仁 Lý nhân. 29
5. 公冶長Công Dã Tràng. 35
6. 雍也Ung dã. 44
7. 述而 Thuật nhi 53
8. 泰伯 Thái Bá. 63
9. 子罕Tử hân. 69
10. 言鄉黨Hương đảng. 78
11. 先進Tiên tiến. 85
12. 顏淵Nhan Uyên. 95
13. 子路Tử Lộ. 103
14. 憲問Hiến vấn. 113
15. 衛靈公Vệ Linh công. 126
16. 季氏Quí thị 137
17. 陽貨 Dương Hóa. 143
18. 微子 Vi Tử.. 152
19. 子張 Tử Trương. 157
20. 堯曰 Nghiêu viết 165

BÀI TẬP NGHIÊN CỨU LUẬN NGỮ..	167
PHỤ LỤC- SƠ LUỢC LỊCH SỬ TRUNG QUỐC.....	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO	169

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học Trung Quốc thời cổ đại còn gọi Văn học tiên Tần, có 4 thành tựu chính:

- 1.Thân thoại,
2. Ca dao dân ca (Kinh Thi)
3. Khuất Nguyên và Ly Tao,
4. Bách gia chư tử.

Trong Bách gia chư tử, quan trọng nhất là Khổng tử và Nho học.

Trong Nho học, Luận ngữ mang tính tiêu biểu, được coi là tập đại thành của Nho học.

Luận ngữ cũng là tác phẩm đầu tiên của thể loại tản văn cổ đại.

Khổng tử – Nho học

Khổng tử tên là Khâu, tự là Trọng Ni, sinh ngày 27 tháng 8 năm 551 trước CN, mất tháng 4 năm 479 tr CN, thọ 73 tuổi.

Nho học là khoa học giáo dục do Khổng tử sáng lập, Mạnh tử đời sau nối tiếp và hoàn chỉnh về cơ bản.

Giải thích nội dung chữ “Nho”: 儒.

Thời Tây Chu, một chức quan coi việc lễ-nhạc gọi là Nho quan (儒官). Đến đời Đông Chu, học thuyết Khổng tử ra đời nội dung rất coi trọng lễ- nhạc nên đời sau gọi tên là Nho học (Xem bài 1 thiên Tiên tiến trang 76).

Hơn hai thế kỷ sau khi Khổng tử qua đời, Nho học mới được chính thức phổ biến, áp dụng rộng rãi, từ thời nhà Hán (206 tr.CN- 220 CN) kéo dài đến nhà Thanh. Qua mỗi triều đại, lại có các nhà nho nổi tiếng biên soạn gia giảm, chú giải, bàn luận... Tất cả những tác gia ấy được gọi chung là bậc thánh hiền, trong đó Khổng tử là đại thánh, Mạnh Tử là á thánh (hai vị đứng đầu Nho gia).

Ở Việt Nam, học thuyết Khổng- Mạnh do các quan thái thú Trung Quốc áp đặt cho người Việt học. Đến thời Lý-Trần, khi nhà nước Đại Việt giành lại độc lập, tự chủ, mở đầu kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc thì tổ tiên ta chủ động du nhập học thuyết này

Khi đã được đồng đảo dân chúng kề cả người mù chữ hâm mộ, coi trọng thì Nho học được gọi là Nho giáo (hoặc Khổng giáo), được sùng bái như một tôn giáo.

Nho học gồm hai bộ sách cơ bản: Tứ thư (4 quyển) và Ngũ kinh (5 quyển).

Tứ thư gồm: Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử.

Đại học: quan điểm tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Trung dung: quan điểm về ứng xử cân bằng trong cuộc sống.

Luận ngữ.

Mạnh tử thư: nội dung tập trung vào việc dạy dỗ khuyên cáo vua chúa, ít tính phổ biến cộng đồng và bình dân.

Ngũ kinh gồm: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ và Kinh Xuân thu

Thứ so sánh với các kinh điển khác (Ngũ kinh, Tứ thư):

Kinh Thi: thành tựu thi ca dân gian đầu tiên được tiếp thu vào Đường thi, từ Tống sau này.

Kinh Thư: “sử” thời truyền thuyết (Nghiêu, Thuấn, Vũ, Hạ, Thang, Chu) nêu gương tiền nhân.

Kinh Dịch: sách triết học, sách bói. Ngày nay chỉ còn một số ít học giả Kinh Dịch ở Việt Nam tiếp tục nghiên cứu Kinh Dịch ứng dụng trong việc phục vụ cho bộ phận nhỏ người hâm mộ (làm nhà, xuất hành, đám cưới, đám tang, tìm đất táng, xem hậu vận.v.v...) nhìn chung ít phổ biến trong cộng đồng.

Kinh Lễ: Gọi là Chu lễ. Phần nghi lễ đã thay đổi nhiều qua các giai đoạn lịch sử, phần tinh thần được đúc kết chuyển vào trong Luận ngữ (Lễ là xuất phát điểm và trung tâm của Khổng học).

Kinh Xuân thu: lịch sử nước Lỗ thời Xuân thu (770- 455 tr.CN) do Khổng tử ghi chép.

Những điểm cơ bản của Đại học và Trung dung cũng được thể hiện trong Luận ngữ.

câu khôi phục dạy Hán văn trong trường phổ thông trên nhiều diễn đàn, báo chí và một số Hội thảo khoa học.

Giáo viên dạy Văn ở nước ta đôi khi cần thiết vẫn nhắc đến Khổng tử và Nho học trong bài giảng. Không chỉ vận dụng Nho học trong nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại, ngay cả văn học hiện đại cũng không thể bỏ qua Nho học. Tuy nhiên nhiều người chỉ đọc sách của các nhà nghiên cứu bình luận đánh giá ưu điểm, nhược điểm chung chung của Nho học mà chưa đọc trực tiếp tác phẩm của Khổng tử. Đọc lời văn Khổng tử, chúng ta sẽ thấy nhiều thú vị hấp dẫn hơn và thu hoạch nhiều ích lợi khác trong nghiên cứu.

Luận ngữ – cuốn sách tiêu biểu của Nho học

Luận ngữ là một trong những giá trị quý báu độc đáo, tài sản chung của các nền văn hóa khu vực đồng văn (Trung Quốc, Đài Loan, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam).

Luận ngữ ([1*]) là sách do học trò ghi chép lại những lời nói, hành vi của Khổng tử, học trò ông và người đương thời.

Luận ngữ là sự tóm lược những bài giảng, các buổi học và thuật lại nhiều sự việc, nét sinh hoạt của thầy trò Khổng tử.

Sách gồm 20 thiên (tương đương với 20 chương), mỗi thiên gồm nhiều bài. Cách đặt tên thiên: lấy hai chữ xuất hiện đầu thiên làm tựa đề. Có lẽ thật khó đặt một cái tên bao quát nội dung phong phú của thiên. Mỗi thiên có nhiều bài (mỗi bài chỉ là một câu nói, một đối thoại hoặc một câu chuyện rất ngắn).

Toàn bộ Luận ngữ có 511 bài, chỉ là 511 câu nói, đối thoại, mẩu chuyện cực ngắn. Nội dung bao trùm hầu hết những quan niệm về lễ, nhân, đức, trung, nghĩa, trí, tín, dũng, liêm, âm nhạc, văn chương, hội họa, những tình huống đối nhân xử thế đa dạng trong cuộc sống cho đến việc giải trí, nghỉ ngơi, ăn uống. Qua những bài học ngắn gọn, hình ảnh người quân tử và tiêu nhân hiện lên tương phản rõ nét, trong đó tấm gương vua hiền, quan chức mẫu mực và kẻ sĩ chân chính nổi bật ở vị trí trung tâm của cuốn sách.

Đọc qua Luận ngữ, ta thấy nội dung các thiên dường như rời rạc, không có liên hệ với nhau. Thực ra, người quân tử chính là sợi chỉ đỏ kết nối, xuyên suốt tập sách. Chữ nhân (hai chữ :人, 仁) là phẩm chất của quân tử, khái niệm mở ra từ hẹp tới rộng, đến vô cùng.

Nội dung chính của Luận ngữ là Quân tử. Chữ Hiếu (*2) là điều kiện tiên quyết của quân tử.

Khổng tử coi chữ Hiếu ([2]) là điều kiện tiên quyết thì các vua chúa đời sau như Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đầy nó xuống hàng thứ 2 và đặt chữ Trung (trung quân: trung thành với nhà vua) lên hàng đầu.

Đọc sách này, ta hiểu được phẩm chất tư cách của thầy trò Khổng tử và những người khác. Đó là những bài học thực tế, tránh được giáo điều. Luận Ngữ trình bày đạo quân tử qua lời nói và những câu chuyện sinh động, không giảng lý thuyết dài dòng nhưng rất ấn tượng, dễ hiểu. Nhân vật chính là thầy Khổng tử với bao buồn, vui, lo âu, lạc quan, thát vọng. Thầy Khổng đôi khi cũng mắc khuyết điểm nhưng không giấu diếm.

Về phương pháp giáo dục, Khổng tử thấu hiểu tâm lý của từng học trò, khéo đem lời giảng dạy thích hợp với từng trình độ, từng hoàn cảnh của mỗi người. Có khi cùng một câu hỏi mà ông trả lời cho mỗi người một cách khác nhau.

Luận ngữ có 5 mục tiêu giáo dục rõ rệt: Học làm người. Học làm công dân. Học làm quan. Học làm vua. Học làm thầy giáo.

Đọc Luận ngữ rất khó hiểu thông nghĩa lý, bởi từ ngữ cổ và ngữ pháp cổ thô sơ. Vậy nên cần phải có thầy ngồi trên giảng sách. Thầy giảng bằng kim văn (tiếng nói đương thời) thì học trò mới hiểu được. Thực ra, giảng bài tức là thầy đang “phiên dịch” cổ văn thành kim văn vậy. Lời văn của

Chúng tôi mạnh dạn đưa Luận ngữ vào bộ môn Văn học Trung Quốc để bàn về nội dung “Văn” của sách. (Môn Ngữ văn Hán Nôm sẽ giải quyết vấn đề “Ngữ”: ngữ pháp, từ pháp cổ văn). Biên dịch quyển Luận ngữ đưa vào tủ sách điện tử của trường Đại học An Giang, trước hết chúng tôi muốn dành cho sinh viên Ngữ văn và sau nữa hi vọng rằng Luận ngữ là của mọi người; như giới nho sĩ Việt Nam ngày xưa từng suy tôn Khổng tử là vạn thể sư biểu: người thầy tiêu biểu của muôn đời.

(1*) **Ngôn**: lời nói, tự nói ra... **Ngữ**: đáp lại, thuật lại, có ý nghĩa, lời hay.

Luận ngữ: Lời nói hay để bàn luận.

(2*) Thi hào Nguyễn Du viết cả một truyện thơ về chữ hiếu (đặt bên chữ tình, chữ trung) tựa là Đoạn trường tân thanh, tục gọi Truyền Kiều. Nguyễn Du vẫn đặt chữ Hiếu lên đầu. Nhưng thầy Đồ Chiểu viết trong Lục Vân Tiên theo quan điểm phong kiến “Trai thời trung hiếu làm đầu” (trung trước- hiếu sau). Sinh thời, Hồ Chí Minh viết lời dặn chiến sĩ trên lá quân kỳ “Trung với nước, hiếu với dân”, cũng vẫn theo quan điểm phong kiến.

Đại học An Giang 2010-2011

Biên giả

1. 學而 Hoc nhi

第一篇 thiên 1

16 bài

1.1

子曰: 學而時習之,不亦悅乎 ?

有朋自遠方來,不亦樂乎?

人不知而不慍,不亦君子乎 ?

Tử viết: Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hò ?

Hữu bằng tự viễn phuong lai, bất diệc lạc hò ?

Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hò ?

Khổng tử nói: Học thì phải luyện tập, chẳng vui lăm sao ?

Có bạn hữu nơi xa đến thăm, chẳng mừng lăm sao?

Người chẳng hiểu ta mà ta không buồn giận họ, thế chẳng phải người quân tử ư ?

(Lời bàn: Bài học đầu tiên, Khổng tử nói về niềm vui “học và hành”, niềm vui đón “bạn phuong xa” và...nhắc đừng buồn khi có người hiểu lầm ta)

1.2

有子曰:“其為人也孝悌,而好犯上者,鮮矣;

不好犯上,而好作亂者,未之有也。君子務本,本立而道生。孝悌也者,其為仁之本與 ?”

Hữu tử viết: Kỳ vi nhân dã hiếu dẽ, nhi hiếu phạm thượng giả, tiền hĩ; bất hiếu phạm thượng, nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã. Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu dẽ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dữ !

Hữu tử nói: Người biết hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng người lớn tuổi hơn mà lại thích cãi cọ xung đột mạo phạm cấp trên là hiềm có; Người không thích mạo phạm cấp trên mà lại thích làm loạn là không có. Quân tử chuyên tâm lo cái gốc tu thân thì đạo lập thân tự nhiên phát sinh. Hiếu và đế là cái gốc của đạo Nhân.

(Chú thích: Hữu tử tức Hữu Nhược, tự Tử Hữu người nước Lỗ, là học trò Khổng tử. Hiếu: hiếu thảo với cha mẹ, đế: tôn trọng anh, chị, các bê trên)

1.3

子曰：巧言，令色，鮮矣仁。

Tử viết: Xảo ngôn, lệnh sắc, tiễn hĩ nhân.

Khổng tử nói: Người ưa dùng lời nói khéo hay, làm vẻ mặt hiền lành, như vậy chưa hẳn là người có lòng nhân.

(Chú thích: Chữ “lệnh sắc” nghĩa là “làm ra vẻ mặt theo ý muốn”, “giả bộ”, thay vì vẻ mặt thể hiện tự nhiên tâm trạng bên trong. Theo mạch câu văn, tạm dịch là “làm vẻ mặt hiền lành”).

1.4

曾子曰: 吾日三省吾身。為人謀而不忠乎？與朋友交而不信乎？傳不習乎？

Tăng tử viết: Ngô nhật tam tinh ngô thân. Vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ băng hữu giao nhi bất tín hồ ? Truyền, bất tập hồ ?

Tăng tử nói: Tôi mỗi ngày xét mình ba điều. Mưu việc cho người khác thành tâm chưa ? Kết giao bạn bè đã giữ chữ tín chưa ? Kiến thức thầy truyền dạy, đã luyện tập chưa ?

(Chú thích: Tăng tử tức Tăng Sâm, học trò giogi của Khổng tử, sau này viết ra sách “Đại học”.

Phàn cuối có người dịch là: Kiến thức ta sắp đi truyền dạy, đã luyện tập chưa?)

1.5

子曰:道千乘之國，敬事而信，節用而愛人，使民以時

Tử viết: Đạo thiên thura chi quốc, kính sự nhi tín, tiết dụng nhi, ái nhân, sử dân dĩ thời.

Khổng tử nói: Lãnh đạo quốc gia có nghìn cỗ xe, phải giữ điều tín mọi việc, tiết kiệm chi tiêu, yêu mến dân, sử dụng sức dân theo thời gian thích hợp

(Chú thích: Vua quan sử dụng sức dân cần phải nghĩ tới mùa vụ, tránh sai khiến tùy tiện khiến nông dân lỡ thời vụ).

1.6

子曰: 弟子，入則孝，出則悌，謹而信，汎愛眾而親仁，行有餘力，則以學文

Tử viết: Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc đế, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.

Khổng tử nói: Nay trò, ở nhà phải hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài tôn kính người hơn tuổi, cẩn thận giữ điều tín, gần gũi thân cận với người nhân đức, được như vậy mà còn dư sức thì học tập tri thức nữa.

1.7

子夏曰: 賢賢易色；事父母能竭其力；事君，能致其身；與朋友交，言而有信。雖曰未學，

吾必謂之學矣。

Tử Hạ viết: Hiền hiền dịch sắc; sự phụ mẫu nồng kiệt kỳ lực; sự quân, nồng trí kỳ thân; dữ băng hữu giao ngôn nhi hữu tín. Tuy viết vị học, ngô tất vị chi học hĩ.

Tử Hạ nói: Tôn trọng hiền tài hơn nữ sắc; đối đãi với cha mẹ tận lực; thờ vua liều chết quên thân, giao lưu bạn hữu nói lời tin cậy. Người như vậy tuy không đi học, ta coi là người có học.

(Chú thích: Tử Hạ là học trò của Khổng tử. Người có học (trí thức), là người có bốn phẩm chất trên, không cần bằng cấp học vị)

1.8

子曰: 君子, 不重則不威, 學則不固。主忠信。無友不如己者; 過則勿憚改

Tử viết: Quân tử, bát trọng tǎc bát uy, học tǎc bát cō. Chủ trung tín. Vô hữu bát như kỷ giả; Quá tǎc vật đạn cài.

Khổng tử nói: Quân tử thiếu thái độ trang trọng thì không uy nghiêm; học cũng không củng cố được kết quả. Quân tử lấy chữ tín và trung làm chủ. Không kết bạn với người không giống mình. Có sai lầm không ngại sửa chữa.

(Lời bàn: Bạn đọc thử nghĩ xem có nên “kết bạn với người không giống mình”?)

1.9

曾子曰: 慎終追遠, 民德歸厚矣。

Tăng tử viết: Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ.

Tăng tử nói: Cần thận lo tang lễ cha mẹ, thường tưởng nhớ tổ tiên xưa, dân chúng cảm đức mà theo về.

(Lời bàn: “truy viễn” (nhớ người xưa) rất đa nghĩa. Tưởng nhớ ông bà tổ tiên, nhớ họ hàng nơi xa, nhớ lời dạy của bậc thánh nhân thời trước... Đây là lời khuyên dành cho vua chúa, quan chức)

1.10

子禽問於子貢曰: 夫子至於是邦也, 必聞其政, 求之與, 抑與之與? ”

子貢曰: “夫子溫, 良, 恭, 儉, 讓以得之。夫子之求之也, 其諸異乎人之求之與? ”

Tử Cầm vấn ư Tử Cống viết: Phu tử chí ư thị bang dã; tất văn kỳ chính, cầu chi dự, ức dữ chi dự ?
Tử Cống viết: Phu tử ôn, lương, cung, kiệm, nhường dĩ dắc chi. Phu tử chi cầu chi dã, kỳ chư dì hò nhân chi cầu chi dự ?

Tử Cầm hỏi Tử Cống rằng: Thầy Khổng đi qua các nước đều được tham dự chính sự ở các nước ấy. Là do thầy cầu xin hay do người ta yêu cầu ?

Tử Cống đáp: Thầy Khổng có đức tính ôn, lương, cung, kiệm, nhường nhịn nên được như vậy. Cách cầu việc của thầy khác với lối xin việc của người khác.

(Chú thích: ôn: ôn hòa, lương: hiền dịu, cung: cung kính, kiệm: tiết kiệm, nhường: nhường nhịn. Tử Cầm và Tử Cống có tên là Đoan Mộc Tú đều là học trò Khổng tử).

1.11

子曰: “父在, 觀其志; 父沒, 觀其行; 三年無改於父之道, 可謂孝矣”

Tử viết: Phụ tại, quan kỳ chí; phụ một, quan kỳ hành; Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ.

Khổng tử nói “Khi cha còn tại thế, chú ý quan sát chí hướng của cha, khi cha mất đi thì suy ngẫm về cách hành sự của cha. Nếu ba năm sau khi cha mất, người con không thay đổi lời dạy của cha thì gọi là có hiếu”.

1.12

有子曰:“禮之用,和為貴。先王之道,斯為美。小大由之,有所不行。知和而和,不以禮節之,亦不可行也”.

Hữu tử viết: Lễ chi dụng, hòa vi quý. Tiên vương chi đạo, tư vi mĩ, tiêu đại do chi, hữu sở bất hành. Tri hòa nhi hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã.

Hữu tử nói: Giữ lễ mà đạt được sự hài hòa là quý. Đạo trị nước của vua chúa thời trước, việc lớn nhỏ đều tuân theo sự hài hòa. Nhưng nếu chỉ biết hài hòa, không lấy chữ “lễ” để ràng buộc thì việc nào cũng không xong.

1.13

有子曰:“信近於義,言可復也;恭近於禮,遠恥辱也;人不失其親,亦可宗也”

Hữu tử viết: Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã; cung cận ư lễ, viễn sỉ nhục dã; Nhân bất thất kỳ thân, diệc khả tông dã.

Hữu tử nói: Giữ được chữ tín là gần với nghĩa, lời hứa có thể thực hiện được. Cung kính là gần với chữ Lễ, vậy tránh xa được điều sỉ nhục; Vì không mất đi sự thân cận lễ nghĩa đó nên giữ được tông pháp.

1.14

子曰:“君子食無求飽,居無求安,敏於事而慎於言,就有道而正焉,可謂好學也已”

Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học dã dĩ.

Quân tử ăn không cầu no, chỗ ở không cầu an toàn quá mức, làm việc minh mẫn mà lời nói thận trọng, là kẻ có đạo chính đáng, có thể gọi là người hiếu học.

(Lời bàn: “an cư” nghĩa rất rộng: nơi ở an toàn, nghiêm mật lại thoải mái rộng rãi, cầu kỳ, ở được lâu, ít thay đổi chỗ... Quan điểm “cư vô cầu an” của quân tử trái với phương châm thông thường “an cư lạc nghiệp”)

1.15

子貢曰: “貧而無謔,富而無驕, 何如 ? ”

子曰: “可也。未若貧而樂,富而好禮者也”.

子貢曰: “詩”雲, ‘如切如磋 ! 如琢如磨’, 其斯之謂與 ? ”

子曰: “賜也 ! 始可與言“詩”已矣, 告諸往而知來者。”

Tử Cống viết “Bần nhi vô siêm, phú nhi vô kiêu, hà như ? ”.

Tử viết “Khả dã. Vị nhược bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã”.

Tử Cống viết “Thi vân, như thiết như tha ! Như trác như ma, kỳ tư chi vị dư ? ”.

Tử viết “Tú dã ! Thi khả dữ ngôn “Thi” dĩ hĩ, cáo chư vãng nhi tri lai giả”.

Tử Cống hỏi “Nghèo khổ mà không nịnh bợ, giàu có mà không kiêu ngạo, như vậy được chưa ? ”.

Không trả lời “Như vậy là được, nhưng không bằng nghèo mà lạc quan, giàu mà chuộng học lễ nghĩa”.

Tử Công hỏi “Kinh Thi viết: như cắt như gọt (xương, sừng), như mài như giũa (đá ngọc) để tạo ra vật quý, là nói điều này phải chăng ?”.

Không tử nói “Tú này, có thể bắt đầu bàn luận Kinh Thi được rồi, bởi vì nói cho người việc quá khứ, người đã hiểu việc tương lai”.

(Lời bàn: “Nghèo lạc quan” nghĩa là vẫn ước mơ, phần đầu làm giàu chứ không phải lạc quan chịu nghèo. “Như cắt như gọt, như mài như giũa” ý nói việc học hành rèn luyện phải kiên trì và khéo léo).

1.16

子曰:“不患人之不已知, 患不知人也”.

Tú viết: Bất hoạn nhân chi bất kỉ tri, hoạn bất tri nhân dã.

Không tử nói: Không sợ người không hiểu ta, chỉ sợ (ta) không hiểu người.

Hết thiên 1

1. 2. 為政 Vi chính

第二篇 thiên 2

24 bài

2.1

子曰 : 為政以德, 譬如北辰, 居其所而眾星共之

Tú viết: Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thiên, cư kỵ sở nhi chúng tinh cung chi

Không tử nói: Cầm quyền phải có đức, giống như sao Bắc đẩu ở nơi cố định cho các ngôi sao vây quanh.

2.2

子曰 : 詩三百, 一言以蔽之, 曰 : “思無邪”

Tú viết: Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tết chi, viết: “Tư vô tà”.

Không tử nói: Kinh Thi có 300 bài, một câu tóm tắt là: không có suy nghĩ tà xấu ở trong.

2.3

子曰 : 道之以政, 齊之以刑, 民免而無恥, 道之以德, 齊之以禮, 有恥且格 .

Tú viết: Đạo chi dĩ chính, tết chi dĩ hình, dân miễn nhi vô si, đạo chi dĩ đức, tết chi dĩ lễ, hữu si thả cách.

Không tử nói: Lãnh đạo dân bằng pháp luật đều dùng hình phạt, dân có thể tránh được sai phạm nhưng mất lòng tự trọng. Lãnh đạo dân bằng đức độ và lễ khiêm người ta biết xấu hổ mà tự cảm hóa.

2.4

子曰 : 吾十五而志於學,三十而立,四十而不惑,五十而知天命,六十而耳順,七十而從心所欲不逾矩.

Tú viết:

Ngô thập ngũ nhi chí ư học,
tam thập nhi lập,
tứ thập nhi bất hoặc,
ngũ thập nhi tri thiên mệnh,
lục thập nhi nhĩ thuận,
thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du cù..

Không tử nói:

Lúc mươi lăm tuổi ta đã lo nỗ lực học tập.

Ba mươi tuổi đã xác định được chí hướng.

Bốn mươi tuổi đã hiểu được lý sự, không còn bị lầm lẫn.

Năm mươi tuổi đã hiểu được mệnh trời.

Sáu mươi tuổi nghe người khác nói đều thuận tai cả.

Bảy mươi tuổi có thể theo lòng mong muốn mà không vượt ra ngoài giới hạn.

(Lời bàn

15 tuổi mà chưa có chí học hành thì nên chọn con đường lao động chân tay thích hợp.

Chưa tới 30 tuổi mà chưa ổn định nghề nghiệp thì vẫn chưa đáng lo, đừng sốt ruột...

40 tuổi: hiểu rõ mọi sự, không nhầm lẫn nữa.

50 tuổi: nhìn rõ quãng đời còn lại, ung dung đi tới tương lai (tri thiên mệnh)

60 tuổi: hiểu và đồng tình với lời nói đúng, biết lời nói sai mà không bức bối.

70 tuổi: nhu cầu cá nhân được thực hiện, tự hào lòng mà không quá trớn, vẫn phù hợp khách quan. Không tử phân chia cuộc đời của một người bình thường thành 6 giai đoạn, có tính chất tương đối... Nếu người có năng lực (lại gặp hoàn cảnh thuận lợi) thì 6 cột mốc sẽ đến sớm hơn. Trái lại, người yếu kém hoặc ít may mắn thì mỗi cột mốc đến muộn hơn.

2.5

孟懿子問孝,子曰:“無違”,樊遲御,子告之曰:“孟孫問孝於我,我對曰無違”

樊遲曰:“何謂也”. 子曰:“生, 事之以禮; 死, 葬之以禮, 祭之以禮”

Mạnh Ý tử vấn hiếu, Tử viết “Vô vi”,

Phàn Trì ngũ, Tử cáo chi viết: “Mạnh Tôn vân hiếu ư ngã, ngã đổi viết vô vi. Phàn Trì viết: “Hà vị dã ?”. Tử viết “Sinh, sự chi dĩ lễ; tử, táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ.”

Mạnh Ý tử hỏi về đạo Hiếu. Không tử nói “Không được làm trái (lẽ)”.

Phàn Trì đánh xe cho Không tử, Không tử kể lại rằng Mạnh Ý tử có hỏi ta về đạo hiếu, ta trả lời là không được vi phạm lẽ. Phàn Trì hỏi lại “Như thế là ý gì ?”.

Không tử nói “Cha mẹ lúc còn sống, ta phải theo lẽ mà phụng sự. Cha mẹ chết, phải theo lẽ mà an táng, theo lẽ mà cúng tế”.

2.6

孟武伯問孝,子曰 :父母唯其疾之憂.

Mạnh Vũ Bá vấn hiếu, Tử viết: “Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu”

Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo Hiếu.

Không tử đáp: Cha mẹ chỉ lo sợ con mắc bệnh tật mà thôi.

(Lời bàn: Con phải giữ gìn thân thể (do cha mẹ sinh ra) khỏe mạnh mới là có Hiếu. Trái lại, không biết giữ sức khỏe thân thể cũng là bất Hiếu).

2.7

子游問孝,子曰: 今之孝者,是謂能養。至於犬馬,皆能有養,不敬,何以別乎?

Tử Du vấn hiếu, Tử viết: “Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyên mā, giai năng hưu dưỡng, bất kính, hà dī biệt hò ?”.

Tử Du hỏi về đạo Hiếu.

Không tử đáp: Thông thường, những người có thể nuôi dưỡng được cha mẹ thì được gọi là có hiếu. Đến cả giống chó ngựa thì người ta vẫn nuôi được, nếu không kính trọng cha mẹ trong khi nuôi dưỡng, thì có khác chi nuôi chó ngựa ?!

2.8

子夏問孝,子曰 : 色難。有事,弟子服其勞;有酒食,先生饌, 會是以為孝乎?

Tử Hạ vấn hiếu, Tử viết: Sắc nan. Hữu sự, đệ tử phục kỵ lao; hữu tửu thực, tiên sinh soạn, tằng thị dī vi hiếu hò ?

Tử Hạ hỏi về đạo Hiếu. Không tử nói: Khó nhất là con cái có giữ được vẻ hòa vui thường xuyên lúc phụng dưỡng cha mẹ hay không. Khi có việc cực nhọc, con cái chủ động làm thay, có gì ngon mang cho cha mẹ ăn... Như thế chắc gì đã là có hiếu?

2.9

子曰: 吾與回言,終日不違,如愚。退而省其私,亦足以發,回也不愚

Tử viết: Ngô dū Hồi ngôn, chung nhật bất vi, như ngu. Thoái nhi tinh kỵ tư, diệc túc dī phát, Hồi dã bất ngu.

Không tử nói: Ta tham dự việc học của Nhan Hồi, suốt ngày nó không làm trái, như kẻ ngu đần. Nhưng khi ngẫm kỹ thấy Hồi phát huy thực hành đầy đủ, như thế Hồi không phải kẻ ngu.

(Chú thích: Nhan Hồi là học trò quý nhất của đức Không)

2.10

子曰: 視其所以, 觀其所由, 察其所安, 人焉瘦哉 ? 人焉瘦哉 ?

Tử viết: Thị kỵ sở dī, quan kỵ sở do, sát kỵ sở an, nhân yên suru tai ? Nhân yên suru tai ?

Không tử nói: Nhìn kỹ cách người làm, xét xem người làm vì cái gì, xem kỹ người làm có vui vẻ không, như thế người ta có gì mà giàu được ? Có gì mà giàu được ?

2.11

子曰 : 溫故而知新,可以為師矣

Tử viết: “Ôn cổ nhi tri tân, khả dī vi sư hī ”

Không tử nói: Ôn tập cái cũ để hiểu cái mới, có thể làm thầy được rồi.

2.12

子曰 : 君子不器

Tử viết: Quân tử bất khí.

Không tử nói: Quân tử chẳng phải như công cụ

(Lời bàn: “công cụ” chỉ làm một việc. Không tử đòi hỏi quân tử phải làm được việc khác khi cần thiết)

2.13

子貢問君子。子曰：先行其言而后從之

Tử Công vấn quân tử. Tử viết: Tiên hành kì ngôn nhi hậu tòng chi.

Tử Công hỏi về quân tử. Không trả lời: Trước hết, thực hành lời mình nói, sau mới nói ra. (Chú thích: Tử Công là học trò giỏi của Khổng tử).

2.14

子曰：君子周而不比，小人比而不周

Tử viết: “Quân tử chu nhi bất tì, tiều nhân tì nhi bất chu”.

Không nói: Quân tử đoàn kết rộng rãi mọi người chứ không kéo bè cánh. Tiều nhân kéo bè kết cánh mà không đoàn kết.

2.15

子曰：學而不思則罔，思而不學則殆

Tử viết: Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi.

Không nói: Học mà không suy nghĩ sẽ trở nên rối rắm, chỉ suy nghĩ mà không học sẽ rất mệt.

2.16

子曰：攻乎異端，斯害也已

Tử viết: Công hò dị đoan, tu hại dã dã.

Không nói: Phá bỏ mê tín dị đoan, cái hại sẽ tiêu tan.

2.17

子曰：由，誨女，知之乎？知之為知之，不知為不知，是知也

Tử viết: Do, hối nhữ, tri chi hò ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.

Không nói: Này trò Do, ta dạy ngươi, có hiểu bài không ? Biết thì nói là biết, không biết thì nói không biết. Đó là biết vậy.

2.18

子張學干祿，

子曰：多聞闕疑，慎言其余，則寡尤。多見闕殆，慎行其余，則寡悔。言寡尤，行寡悔，祿在其中矣

Tử Trương học can lộc, Tử viết: “Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vưu; Đa kiến khuyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối. Ngôn quả vưu, hành quả hối, lộc tại kỳ trung hĩ”.

Tử Trương hỏi cách học cầu bổng lộc, Không nói: Cần nghe nhiều, điều nghi ngờ giữ lại, điều gì hiểu rõ thì nói ra, như thế ít sai lầm. Phải quan sát nhiều, giữ lại điều nghi ngờ đừng làm, chỉ làm cái điều chắc chắn, như vậy ít hối hận. Nói năng ít sai, làm ít hối hận thì bổng lộc nằm trong ấy rồi.

2.19

哀公問曰：“何為則民服？”。孔子對曰：舉直錯諸枉，則民服；舉枉錯諸直，則民不服。

Lỗ Ai Công vấn viết: “Hà vi tắc dân phục?”. Không trả lời: “Cử trực thô chư uổng, tắc dân phục; Cử uổng thô chư trực, tắc dân bất phục.”.

Lỗ Ai Công (vua nước Lỗ, quê Khổng tử) hỏi: Làm sao cho dân phục ?

Không trả lời: Bỏ nhiệm người ngay thẳng trên kẻ ác, át dân phục. Xếp kẻ ác trên người ngay thẳng thì dân không phục.

2.20

季康子問：使民敬、忠以勸，如之何？.

子曰：臨之以庄，則敬。孝慈，則忠。舉善而教不能，則勸

Quí Khang tử vấn: “Sử dân kính, trung dĩ khuyễn, như chi hà ?”.

Khổng tử viết: “Lâm chi dĩ trang, tắc kính; Hiếu từ, tắc trung; Cử thiện nhi giáo bất năng, tắc khuyễn”.

Quí Khang tử hỏi: Làm thế nào cho dân kính trọng, trung thành với ta và tự khuyễn bảo nhau ?
Khổng tử đáp: Đối xử mọi việc trang trọng, dân sẽ kính trọng; Hiếu thảo với cha mẹ, hiền từ với mọi người thì dân sẽ trung thành. Sử dụng người tốt và giáo dục người kém, dân chúng sẽ tự khuyễn bảo nhau.

(Chú thích: Quí Khang tử là đại thần nước Lỗ)

2.21

或謂孔子曰：“子奚不為政？”，子曰：“書”雲：“孝乎惟孝，

友於兄弟”施於有政，是亦為政，奚其為為政？”

Hoặc vi Khổng tử viết: Tử hè bất vi chính ?

Tử viết: Thư vân “Hiếu hò duy hiếu, hữu ư huynh đệ. Thi ư hữu chính, thị diệc vi chính, hè kỳ vi vi chính ?”

Có người hỏi Khổng tử: Sao Thầy không ra làm chính trị ?

Khổng tử đáp: Kinh Thượng Thư viết rằng “Ta chỉ thực hiện đạo hiếu, sống với anh em. Phổ biến đạo ra khắp chính trường, cũng là làm chính trị rồi, cứ gì phải ra làm chính trị ?”.

(Lời bàn: Khổng tử tin rằng mình khuyên dạy các nhà chính trị, như vậy cũng là làm chính trị)

2.22

子曰：人而無信，不知其可也。大車無輗，小車無軖，其何以行之哉？

Tử viết: “Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ hà dã. Đại xa vô nghê, tiểu xa vô nghê, kỳ hà dĩ hành chi tai”.

Khổng tử nói: Người không có chữ tín, chẳng biết sẽ làm được việc gì. Cỗ xe lớn không có chốt (hãm), cỗ xe nhỏ cũng không có chốt thì làm sao chạy được ?!.

2.23

子張問：“十世可知也？”子曰：殷因於夏禮，所損益可知也。周因於殷禮，所損益可知也。其或繼周者，雖百世，可知也”。

Tử Trương vấn: “Thập thế khả tri dã ?”.

Tử viết: “Ân nhân ư Hạ lễ, sở tồn ích khả tri dã; Chunhân ư Ân lễ, sở tồn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chugiả, tuy bách thế, khả tri dã”.

Tử Trương hỏi: Có thể biết được (về lễ) 10 đời sau không ?

Khổng tử đáp: Nhà Ân dựa theo lễ nhà Hạ, bớt hay thêm có thể hiểu được. Nhà Chu theo lễ nhà Ân, thêm bớt có thể hiểu được. Tương lai nhà Chu hoặc trăm đời sau cũng có thể đoán được.

2.24

子曰：非其鬼而祭之，諂也。見義不為，無勇也。

Tử viết: “Phi kỳ quý nhi té chi, siêm dã. Kiến nghĩa bát vi, vô dũng dã”.

Khổng tử nói:

Không phải tổ tiên của mình mà lại cúng tế, đó là siêm nịnh.

Thấy việc chính nghĩa mà không làm, chẳng phải kẻ dũng.

Lời bàn:

Câu “Không phải tổ tiên...” e khó tính quá, thầy Khổng có chấp chăng?

Người dịch từng nghe một câu ca trên sân khấu cải lương như sau:

Kiến ngã bát vi vô dũng dã

Lâm nguy bát cựu mạc anh hùng

(thấy người mắng nguy hiểm không cứu thì chẳng phải anh hùng)

Hết thiên 2

1. 八佾 Bát dật

第三篇 thiêng 3

26 bài

3.1

孔子謂季氏：八佾舞於庭，是可忍也，孰不可忍也！

Khổng tử vị Quý Thị: Bát Dật vũ ư đình, thị khả nhẫn, thực bát khả nhẫn dã!

Khổng tử nói về Quý Thị: Múa điệu Bát Dật ở sân đình, sự ấy chấp nhận được thì việc gì chẳng dám làm !

(Chú thích: Theo qui định lễ nhạc nhà Chu, hoàng đế được dùng 8 đội bát dật, mỗi đội 8 người ($8 \times 8 = 64$ vũ công), vua chư hầu được dùng 6 đội, quan đại phu dùng 4 đội, quan sĩ dùng 2 đội. Họ Quý là đại phu mà dám dùng 8 đội, vậy là khi quân phạm thượng.

Khổng tử sống vào thời Xuân thu, thời này có hai bậc vua. Thiên tử (hoàng đế nhà Chu) là vua lớn nhất bao trùm Trung Hoa, mỗi nước chư hầu có một vua (hầu), dưới vua chư hầu là quan đại phu, dưới quan đại phu là quan sĩ, dưới nữa là gia thần. Kinh Lễ của nhà Chu qui định mọi thứ quyền lợi, nghi thức kể cả trang phục, lối giải trí văn nghệ... gắn liền với cấp bậc. Khổng tử cho rằng nếu vi phạm một lễ, dù nhỏ (như nhảy múa) thì sau có thể vi phạm lớn hơn, thậm chí làm phản. Ngài phê phán Quý Thị lúc này mới giữ chức đại phu nước Lỗ mà dám cho nhảy múa theo nghi thức thiêng tử nhà Chu !... Thực tế giai đoạn này (Đông Chu từ 778 đến 256 trCN) đã nảy sinh một bậc vua thứ 2 chen vào giữa đế và hầu, gọi là vương (hoặc bá). Bá vương chỉ muốn chinh phục các chư hầu mà ngoi lên ngôi đế... Do vương chưa được danh chính ngôn thuận nên chưa có lề qui định. Khổng tử chỉ thừa nhận có hai bậc là đế và hầu. Nhiều thời phong kiến về sau, các vua chúa chính thức đặt ra tước vương để làm yên lòng công thần và hoàng tộc nhưng không phong đất.)

3.2

三家者以《雍》徹。子曰：‘相維辟公，天子穆穆’，奚取於三家之堂？

Tam gia giả dĩ “Ung” triệt. Tử viết: “Tướng duy tịch công, thiên tử mục mục, hè thủ ư tam gia chi đường?”

Ba đại gia tấu bài nhạc “Ung” nghe sau khi cúng lễ. Khổng tử nói: “Trợ té là vua chư hầu hoặc thiên tử chủ té uy nghiêm sâu xa, bây giờ ba nhà làm té là có ý gì?”

(Chú thích: Ba vị đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn lén dùng lễ chế thiên tử, té tự xong còn ca tụng nhạc “Ung”. Khổng tử cảnh báo ba người ấy dám chơi bẩn nhạc “Ung” tức là phạm thượng, có mầm mống phản nghịch)

3.3

子曰：人而不仁，如禮何？人而不仁，如樂何？

Tử viết: “Nhân nhi bất nhân, như lễ hè ? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hè ?”

Khổng tử nói: Một người bất nhân, coi chừ lễ có ra gì ? Một người không có lòng nhân sao có thể tấu nhạc?

(Lời bàn: nhân là cốt lõi chi phôi tất cả, lễ và nhạc là hình thức bên ngoài, thiếu “nhân” thì “lễ và nhạc” chỉ là phô trương giả dối, sẽ không có tác dụng gì tốt. Như vậy lễ-nhạc- nhân là một thể hữu cơ thống nhất.

Quan điểm mỹ học của Khổng tử bền vững muôn đời và rất hiện đại. Ngày nay chúng ta nghĩ đến phần lớn âm nhạc trẻ dẽ dại đâu thế kỷ 21, game onlines. v.v...thật nhố nhăng, chỉ là giải trí giết thời gian. Lại nghĩ đến mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, nếu hình thức nhố nhăng (nhạc, game) có thể gây tác động xấu, dần dần tác hại vào bản chất của “nhân”)

3.4

林放問禮之本。子曰：大哉問！禮，與其奢也，寧儉；喪，與其易也，寧戚

Lâm Phóng vấn lễ chi bản. Tử viết: “Đại tai vân ! Lễ, dự kỳ xa, ninh kiệm; Tang, dự kỳ dị dã, ninh thích.”

Lâm Phóng (người nước Lỗ) hỏi về bản chất của lễ. Khổng tử nói: Vân đê này rất quan trọng ! Lễ nói chung mà đi kèm với xa hoa, không bàng tiết kiêm. Đám tang mà cầu kỳ phô trương, chẳng bàng đau buồn trong lòng.

3.5

子曰：夷狄之有君，不如諸夏之亡也

Tử viết: Di Địch chi hữu quân, bất như chư Hạ chi vong dã.

Khổng tử nói: “Các dân tộc mọi rợ còn có vua, chẳng như các dân tộc Hoa Hạ cứ như thế không có vua vậy”.

(Chú thích: thời Chu loạn lạc, vua chư hầu lán át quyền thiên tử, đại phu lấn lướt vua chư hầu, chẳng có kỷ cương nữa... Khổng tử buồn bã mà than thở. Khổng tử sao nỡ gọi tất cả các dân tộc láng giềng là “mọi rợ”. Thôi, chúng ta hãy tha thứ cho ông (chữ thứ của Khổng tử) bị hạn chế bởi thời đại. Hồi ấy ông chưa từng biết nước Văn Lang của vua Hùng đâu nhỉ).

3.6

季氏旅於泰山，子謂冉有曰：“女弗能救與？”對曰：“不能”。子曰：“嗚呼！曾謂泰山不如林放乎？”

Quí Thị lữ ư Thái Sơn, Tử vị Nghiêm Hữu viết: “Nhữ phát năng cứu dự? Đối viết “Bất năng”. Tử viết: “Ô hô ! Tằng vị Thái Sơn bất như Lâm Phóng hồ ?”.

Quí Thị đi lê núi Thái Sơn, Không tử nói với Nhiễm Hữu rằng: “Ngươi không can thiệp việc đó ư?”. Nhiễm Hữu đáp: “Không thể được!”. Không tử nói: “Than ôi, đã như thần núi Thái Sơn lại không bằng Lâm Phóng ư?”.

(Chú thích: Núi Thái Sơn ở nước Lỗ (tỉnh Sơn Đông ngày nay) rất linh thiêng, thiên tử ủy nhiệm vua Lỗ đi cúng tế, vậy mà Quí Thị đại phu nước Lỗ dám vượt lê đi cúng. Không tử trách thần núi Thái Sơn vẫn nhận lê của Quí Thị tức là không bằng Lâm Phóng một người dân Lỗ hiểu biết lê (xem lại câu 3.4 ở trên).

3.7

子曰：君子無所爭，必也射乎！揖讓而升，下而飲，其爭也君子。

Tử viết: “Quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hò ! Áp nhượng nhi thăng, hạ nhi ảm, kỳ tranh dã quân tử”. Không tử nói: “Quân tử không cần tranh đua, có thể tranh đua khi bắn cung thôi. Vái chào khi bước lên bắn, xong ngồi uống rượu nâng chén mừng nhau – đó mới chính là lối tranh đua của quân tử”.

(Lời bàn: Tranh đua cũng như thi bắn cung, cần trổ tài hết sức, nhưng vẫn phải giữ lẽ với nhau. Bắn cung là môn thi không đối kháng, còn dễ thực hiện. Như môn thi đối kháng thì quả là khó giữ chữ Lẽ, vậy cần phải có luật chơi và trọng tài răn)

3.8

子夏問曰：‘巧笑倩兮，美目盼兮，素以為絢兮’。何謂也？

子曰：“繪事后素”

子夏曰：“禮后乎？”

子曰：“起予者商也，始可與言詩已矣”

Tử Hạ vấn viết: “Xảo tiêu thiên hè, mỹ mục phán hè. Tố dĩ vi huyền hè. Hà vi dã ?”.

Tử viết: “Hội sự hậu tố”.

Tử Hạ viết: “Lễ hậu hò?”.

Tử viết “Khởi dư giả thương dã, thi khả dĩ ngôn thi dĩ hĩ”.

Tử Hạ hỏi: “Cười khéo đẹp làm sao, đôi mắt thật có duyên. Nền trắng vẽ bức tranh rực rỡ”. Kinh Thi nói thế nghĩa là gì ?

Không tử đáp: Phải có nền trắng đẹp trước, sau mới vẽ tranh.

Tử Hạ tiếp: Vậy lẽ nhạc cũng đến sau “nhân” ư ?

Không tử nói: Như thế là trò hiểu biết đầy, ngươi có thể cùng ta thảo luận Kinh Thi được rồi.

(Lời bàn: Nhân đức và lẽ là nền tảng của nghệ thuật, kẻ bất nhân không thể làm nghệ sĩ từ té được)

3.9

子曰：夏禮吾能言之，杞不足徵也。殷禮吾能言之，宋不足徵也。文獻不足故也。足，則吾能徵之矣。

Tử viết: Hạ lẽ ngô năng ngôn chi, Ký bát túc trung dã; Ân lẽ ngô năng ngôn chi, Tống bát túc trung dã, Văn hiến bát túc có dã. Túc, tắc ngô năng trung chi hĩ.

Không tử nói: Lẽ nghĩa đời Hạ ta có thể nói ra được, nhưng nước Kỉ (cũng dòng dõi nhà Hạ) do thiếu sách vở nên ta không khảo chứng thực tình được. Lẽ triều Ân ta cũng có thể nói ra được,

nhưng nước Tống do thiếu tài liệu nên ta không khảo chứng tỏ tường được. Tất cả đều do thư tịch sách vở không đủ. Nếu có đủ, át ta đã có thể khảo cứu tường tận hết rồi.

(Lời bàn: Lẽ nghĩa cũng cần ghi thành văn bản qui định. “Nói có sách, mách có chứng”)

3.10

子曰：禘自既灌而往者，吾不欲觀之矣。

Tử viết: Đế tự ký quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hĩ.

Không tử nói: Lễ tế đê ư, ta xem xong đợt chúc rượu thứ nhất thì đã không muốn xem rồi.

(Chú thích: Không tử xem lễ tế Đế của vua chư hầu nước Lỗ, thấy họ lạm quyền thiên tử nên phê phán)

3.11

或問禘之說，子曰：不知也。知其說者之於天下也，其如示諸斯乎！指其掌。

Hoặc vấn Đế chi thuyết, Tử viết: Bát tri dã. Tri kỳ thuyết giả chi ư thiên hạ dã, kỳ như kì chư tư hồ ! Chỉ kỳ chưởng.

Có người hỏi về chuyện tế Đế (hoàng đế cũng tế tổ tiên và trời), Không tử đáp: “Ta không biết. Người biết việc ấy thì cai trị thiên hạ cũng dễ như đưa vật vào chỗ này”, Không tử chỉ vào bàn tay.

3.12

祭如在，祭神如神在。子曰：吾不與祭，如不祭。

Tế như tại, tế thần như thần tại. Tử viết: Ngô bất dự tế, như bất tế.

Tế lễ cha mẹ phải coi như người đó ở trước mặt mình, tế lễ chư thần cũng coi như thần linh ở trước mặt mình. Không tử nói: Nếu ta không tham dự lễ tế (có người thay mặt ta tế lễ đi nữa) thì cũng như không tế lễ mà thôi.

3.13

王孫賈問曰：“與其媚於奧，寧媚於灶”，何謂也？

子曰：“不然。獲罪於天，無所禱也”。

Vương Tôn Giả vấn viết: “Dự kỳ mị ư Áo, ninh mị ư Táo, hà vị dã?”.

Tử viết: “Bát nhiên. Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã.”

Vương Tôn Giả hỏi: “Nịnh thần Áo, chẳng bằng nịnh thần Táo” nghĩa là sao ?

Không tử đáp: Không đúng. Định tội do Trời, còn nơi nào để cầu xin!

(Chú thích: Thần Áo thờ ở nhà trên, thần Táo thờ ở dưới bếp. Thần Táo lo việc ăn no mặc ấm nên người dân nghèo coi trọng hơn thần Áo... Không tử bảo không nên phân biệt đối xử các thần, Trời cao sẽ phán xét tất cả).

3.14

子曰：周監於二代，郁郁乎文哉，吾從周。

Tử viết: Chu giám ư nhị đại, úc úc hò văn tai, ngô tòng Chu.

Không tử nói: Lễ nhà Chu theo hai triều đại (Hạ, Ân), phong phú rực rỡ thay, ta theo nhà Chu.

3.15

子入太廟，每事問。或曰：“孰謂鄹人之子知禮乎？入太廟，每事問”。子聞之，曰：“是禮也”。

Tử nhập thái miếu, mỗi sự vấn. Hoặc viết: “Thục vị Trâu nhân chi Tử tri lễ hò? Nhập thái miếu, mỗi sự vấn”. Tử văn chi, viết: “Thị lễ dã”.

Khổng tử đi vào thái miếu (nước Lỗ), gặp mỗi việc đều hỏi kỹ. Có người nói: “Ai bảo con trai áp Trâu (chỉ Khổng tử) biết lễ ? Anh ta đến thái miếu mà cái gì cũng không biết, phải hỏi”. Khổng tử nói: “Thế là biết lễ vậy”.

3.16

子曰：射不主皮，為力不同科，古之道也。

Tử viết: “Xạ bất chủ bì, vị lực bất đồng khoa. Cổ chi đạo dã”.

Khổng tử nói: Thi bắn cung không nhất thiết phải xuyên qua tấm da (làm bia), vì sức lực không giống nhau. Đó là qui tắc bắn cung thời cổ.

(Lời bàn: Bắn cung miễn là toàn tâm toàn ý bắn vào đích, xuyên qua hay không là tùy theo sức người).

3.17

子貢欲去告朔之餼羊。子曰：賜也！爾愛其羊，我愛其禮。

Tử Công dục khứ cáo sóc chi hí dương. Tử viết: “Tú dã ! Nhĩ ái kỳ dương, ngã ái kỳ lễ”.

Tử Công làm lễ sóc muốn bỏ tục lệ cúng dê. Khổng tử nói “anh Tú này ! Người yêu dê của người, ta tiếc lễ của ta”.

(Chú thích: Lễ Sóc là ngày mồng một đầu tháng, theo Lỗ lễ qui định cúng một con dê. Vua Lỗ bỏ không cúng dê nhưng vẫn bắt dân nộp dê. Tử Công bèn đòi bỏ luôn tục cúng dê. Khổng tử bất đồng, kiên trì giữ lễ, nên nói rằng cúng con dê là nhắc ta giữ lễ).

3.18

子曰：事君盡禮，人以為謔也。

Tử viết: Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siêm dã.

Khổng tử nói: Phụng sự vua cho đúng lễ, vậy mà có người bảo ta siêm nịnh.

3.19

定公問：“君使臣，臣事君，如之何？”孔子對曰：君使臣以禮，臣事君以忠。

Định Công vấn: “Quân sử thần, thần sự quân, như chi hè? Khổng tử đối viết: Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung.

Vua Lỗ Định Công hỏi: Vua sai khiến bè tôi, bè tôi phụng sự vua, phải như thế nào là tốt ? Khổng tử thưa: Vua sử dụng bè tôi theo lễ, bè tôi thờ vua phải trung thành.

3.20

子曰：《關雎》，樂而不淫，哀而不傷。

Tử viết: “Quan thư”, lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương.

Khổng tử nói: Bài “Quan thư” vui mà không quá đà, buồn mà không bi thương.

(Chú thích: Bài Quan thư mở đầu tập Kinh Thi, có chương “Yêu điệu thực nữ. Quân tử hảo cầu. Cầu chi bất đặc, Triển chuyên phản tặc”: dịch nghĩa “Cô gái xinh tươi kia, Có chàng tài giỏi muôn

gặp cô, không gặp được, năm canh trấn trọc trở mình”. Bài thơ vui vẻ mức độ vừa phải. Quân tử mong nhớ buồn bâng khuâng, chưa đến nỗi sầu muộn quá mức. Không tử khen là vui và buồn hài hòa, không quá đà).

3.21

哀公問社於宰我,宰我對曰:“夏后氏以鬆,

殷人以柏,周人以栗,曰:使民戰栗”.子聞之,曰:“成事不說,遂事不諫,既往不咎”

Ai Công vấn xă ư Tề Ngă, Tề Ngă đói viết: Hạ hậu thị dĩ tùng, Ân nhân dĩ bách, Chunhân dĩ lật, viết: Sử dân chiến lật”. Tử văn chi, viết: “Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cữu”. Lỗ Ai Công hỏi Tề Ngă về việc lập đàn xă, Tề Ngă trả lời: Đời Hạ dùng cây tùng, đời Ân dùng cây bách, đời Chu dùng cây lật là có ý khiến cho dân nhìn thấy cây lật mà sợ hãi”. Không tử nghe biết, trách Tề Ngă rằng “Việc đã thành, không nên nói lại. Việc nhất định xảy ra, không nên can ngăn. Việc đã qua, không nên trách”.

(Chú thích: Xă là nơi thờ thần đất, triều đại nào thích cây gì trồng cây đó hoặc tùy theo chất đất. Cái tên cây không có ý nghĩa gì. Tề Ngă thuyết minh về 3 loại cây là có ý xui vua dựng đàn xă sao cho dân sợ. Không tử không hài lòng, có ý trách Tề Ngă.

Xă (社) là thần Đất và tắc (稷) là thần Lúa. Nhà vua mỗi năm có nhiệm vụ thay mặt dân chúng tế lễ ở bàn thờ xă tắc. Nếu là một “giang sơn” thì át phải có “xă tắc” vậy).

3.22

子曰:“管仲之器小哉 !”. 或曰:“管仲儉乎 ?”, 曰:“管氏有三歸, 官事不攝, 焉得儉?”.

“然則管仲知禮乎 ?”, 曰:“邦君樹塞門, 管氏亦樹塞門. 邦君為兩君之好有反坫 , 管氏亦有反坫。管氏而知禮,孰不知禮 ?”

Tử viết: Quản Trọng chi khí tiểu tai ! Hoặc viết: Quản Trọng kiệm hò ?

Viết: Quản thị hữu tam quy, quan sự bất nhiếp, yên đắc kiệm ?

Nhiên tắc Quản Trọng tri lễ hò ?

Viết: Bang quân thụ tắc môn, Quản thị diệc thụ tắc môn; Bang quân vi lưỡng quân chi hảo hữu phản điểm, Quản thị diệc hữu phản điểm. Quản thị nhi tri lễ, thực bất tri lễ ?

Không tử nói: Quản Trọng bụng dạ hẹp hòi.

Có người hỏi: Hay là Quản Trọng tiết kiệm ?

Không tử nói: Quản Trọng qui ra ba lõi, thu nhiều thuế má của dân thị thành, trong nhà nuôi nhiều đầy tớ, mỗi người chỉ làm một việc không kiêm nhiệm, thế sao gọi là tiết kiệm ? Người kia hỏi tiếp: Quản Trọng có biết lễ không ? Không tử đáp: Vua chư hầu dựng bình phong trước nhà, Quản Trọng cũng dựng bình phong trước nhà. Vua chư hầu mở tiệc tiếp vua khác được dùng giá úp chén, Quản Trọng đãi khách cũng dùng giá úp chén. Ôi Quản Trọng mà biết lễ, thì còn ai không biết lễ !

3.23

子語魯大師樂, 曰: 樂其可知也 : 始作,翕如也; 從之,純如也, 噟如也, 繹如也, 以成

Tử ngữ Lỗ đại sư nhạc, viết: Nhạc kỳ khả tri dã: thi tác, hợp như dã; Tòng chi, đòn như dã, kiều như dã, dĩ thành”.

Không tử nói với quan nhạc nước Lỗ: Ta cũng có biết về nhạc: khỏi đâu phải tương hợp, (nhạc khớp lời ca), tiếp tục khai triển quán quát hài hòa, rõ ràng trong sáng, liên tục, như thế là thành công.

3.24

儀封人請見,曰:“君子之至於斯也,吾未嘗不得見也”.

從者見之。出曰：“二三子何患於喪乎？天下之無道也久矣，天將以夫子為木鐸”.

Nghi phong nhân thỉnh kiến, viết: “Quân tử chi chí ư tư dã, ngô vị thường bất đắc kiến dã”. Tòng giả kiến chi. Xuất viết: “Nhi tam tử hà hoạn ư tang hò ? Thiên hạ chi vô đạo dã cửu hĩ, thiên tượng dĩ phu tử vi mộc đặc”.

Quan trấn thủ áp Nghi xin gặp (Không tử), nói: “Quân tử các nơi đến đây, chưa có ai tôi chưa được tiếp kiến”. Học trò dần vào gặp Không tử. Khi trở ra, vị quan đó nói với học trò của thầy Không: “Các vị đừng lo buồn việc Không tử mất chức. Thiên hạ vô đạo đã lâu, trời sai Không tử làm cái mõ cây (gõ mõ cảnh báo người đời).

(Chú thích: Không tử từ bỏ chức tướng quốc nước Lỗ, đi chu du sang nước Vệ, ở đây gặp quan áp tên Nghi. Ông Nghi sùng bái, đánh giá cao vai trò thầy Không còn hơn mọi chức quan)

3.25

子謂韶:“盡美矣,又盡善也”; 謂武:“盡美矣,未盡善也”

Tử vị Thiều: “Tận mỹ hĩ, hựu tận thiện dã;” vị Vũ: “Tận mỹ hĩ, vị tận thiện dã”.

Không tử nói về bản nhạc Thiều: “Đẹp tuyệt vời, nội dung lại hay, tốt”, và nhận xét về bản nhạc Vũ: “Rất hay, nhưng nội dung kém hơn một chút”.

(Chú thích: Thiều là khúc nhạc thời vua Thuấn, Vũ là khúc nhạc thời Chu Vũ Vương)

3.26

子曰：居上不寬，為禮不敬，臨喪不哀，吾何以觀之哉？

Tử viết: Cư thường bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ai, ngô hè dĩ quan chi tai?”.

Không tử nói: Cấp trên thiều khoan dung kẻ dưới, hành lễ thiều kính cẩn, gặp việc tang không đau buồn, làm sao ta có thể chịu họ được ?

Hết thiên 3

1. 4. 裡仁 Lý nhân

第四篇 thiên 4

26 bài

4.1

子曰：裡仁為美，擇不處仁，焉得知？

Tử viết: “Lý nhân vi mỹ, trạch bất xứ nhân, yên đắc tri ?”

Không tử viết: Ở nơi có nhân đức là tốt đẹp, sống nơi thiêng nhân đức sao gọi là hiểu biết ?

4.2

子曰：不仁者不可以久處約，不可以長處樂。仁者安仁，知者利仁

Tử viết: Bất nhân giả bất khả dĩ cữu xú chung, bất khả dĩ trường xú lạc. Nhân giả an nhân, tri giả lợi nhân.

Không tử nói: Kẻ bất nhân không ở lâu cảnh cùng khốn được, cũng không thể ở lâu nơi sung sướng được. Người có nhân yên tâm sống làm điều nhân, người hiểu biết làm lợi cho đức nhân.

4.3

子曰：唯仁者能好人，能惡人

Tử viết: Duy nhân giả nǎng hiếu nhân, nǎng ô nhân.

Không tử nói: Chỉ có người nhân đức mới biết yêu và ghét rõ ràng.

4.4

子曰：苟志於仁矣，無惡也

Tử viết: Cầu chí ư nhân hĩ, vô ô dã.

Không tử viết: Nếu quyết chí thực hành đức nhân thì không làm điều ác.

4.5

子曰：

富與貴,是人之所欲也.不以其道得之,不處也;貧與賤,是人之所惡也,不以其道得之,不去也。君子去仁,惡乎成名 ? 君子無終食之間違仁,造次必於是,顛沛必於是.

Tử viết: Phú dũ quý, thị nhân chi sở dục dã. Bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xú dã; Bần dũ tiệm, thị nhân chi sở ô dã; bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ dã. Quân tử khứ nhân, ô hò thành danh ? Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân, tạo thứ tất ư thị, diên phái tất ư thị.

Không tử viết: Giàu và sang thì ai cũng thích. Không dùng đạo nhân mà đạt được thì không nên chọn làm. Nghèo và thấp hèn, chẳng ai thích. Không dùng đạo nhân để thoát nghèo hèn thì không làm. Người quân tử mà bỏ mất điều nhân, sao có thể gọi là quân tử ? Quân tử không làm trái điều nhân dù chỉ trong khoảng cách một bữa ăn (*), dù vội vã cấp thiết cũng không như vậy, dù phải khốn cùng phiêu dạt cũng không xa rời đạo nhân.

(Lời bàn: * “Trong khoảng cách một bữa ăn”: tức là trong nửa ngày quân tử cũng không quên làm điều nhân đức).

4.6

子曰：

我未見好仁者,惡不仁者。好仁者,無以尚之;惡不仁者,其為仁矣,不使不仁者加乎其身。有能一日用其力於仁矣乎 ? 我未見力不足者。蓋有之矣,我未之見也

Tử viết: Ngã vị kiến hảo nhân giả, ô bất nhân giả. Hiếu nhân giả vô dĩ thượng chi; Ô bất nhân giả, kỳ vi nhân hĩ, bất sủ bất nhân giả gia hò kỳ thân. Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hĩ hò ? Ngã vị kiến lực bất túc giả. Cái hữu chi hĩ, ngã vị chi kiến dã.

Không tử nói: Ta chưa thấy người nào thích điều nhân và ghét kẻ bất nhân. Người có nhân không đặt cái gì trên chữ nhân. Người ghét điều ác, thực tế biết làm điều nhân, không chịu thân thích với

kẻ bất nhân. Có ai dốc sức làm điều nhân suốt ngày chưa ? Ta chưa thấy người đạt điều nhân mà không phải dốc sức rèn luyện. Có người không cần dốc sức cũng làm được điều nhân, nhưng ta chưa thấy bao giờ.

4.7

子曰：人之過也，各於其黨。觀過，斯知仁矣

Tử viết: Nhân chi quá dã, các ư kỳ đảng. Quan quá, tư tri nhân hĩ.

Không tử nói: Người mắc sai lầm, còn tùy theo loại người nào. Nhìn sai lầm của họ, ta biết có phải người đức nhân không.

(Lời bàn: Có nhiều kiểu sai lầm, quân tử cũng có thể mắc sai lầm nhưng vẫn khác với sai lầm của kẻ tiêu nhân).

4.8

子曰：朝聞道，夕死可矣

Tử viết: Triệu văn đạo, tịch tử khả hĩ.

Không tử nói: Buổi sáng nghe được đạo, chiều tối chết cũng cam lòng.

4.9

子曰：士志於道，而恥惡衣惡食者，未足與議也。

Tử viết: Sĩ chí ư đạo nhi si ô y ô thực giả, vị túc dũ nghị dã.

Không tử nói: Kẻ sĩ lập chí vì đạo nhân mà cảm thấy xấu hổ vì ăn đói mặc rách, chưa thể cùng bàn luận (về đạo nhân) được.

4.10

子曰：君子之於天下也，無適也，無莫也，義之與比

Tử viết: Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô đích dã, vô mạc dã, nghĩa chi dự bỉ.

Không tử nói: Quân tử sống trong thiên hạ, không kẽ to nhỏ, sang hèn, đều phải ngẫm xem có hợp đạo nghĩa không.

4.11

子曰：君子懷德，小人懷土；君子懷刑，小人懷惠

Tử viết: quân tử hoài đức, tiêu nhân hoài thổ; Quân tử hoài hình, tiêu nhân hoài huệ

Không tử nói: Quân tử nghĩ đến đạo đức, tiêu nhân nghĩ đến đất đai.

Quân tử coi trọng hình thức phép tắc, tiêu nhân chỉ mong ân huệ.

4.12

子曰：放於利而行，多怨

Tử viết: Phóng ư lợi nhi hành, đa oán

Không tử viết:

Kẻ chỉ biết tính đến lợi ích của mình, sẽ chuốc lấy nhiều oán hận.

4.13

子曰：能以禮讓為國乎，何有？不能以禮讓為國，如禮何？

Tử viết: Năng dĩ lễ nhượng vi quốc hò, hà hữu ?

Bất năng dĩ lễ nhượng vi quốc, như lễ hà ?

Khổng tử nói: Dùng lễ nhượng để trị quốc, được không ?

Nếu không dùng lễ nhượng để trị quốc được thì lễ còn có tác dụng gì nữa.

(Chú thích: “lễ nhượng trị quốc” là lanh đạo mềm dẻo, nhường nhịn lẫn nhau. Chắc hẳn điều này lạc hậu so với thời đại “pháp quyền”. Hình như chế độ “pháp quyền xã hội chủ nghĩa” ua dùng “lễ nhượng” kiểu Khổng tử)

4.14

子曰：不患無位，患所以立。不患莫己知，求為可知也。

Tử viết: Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập; Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã.

Khổng tử nói: Chẳng lo buồn vì không có địa vị, chỉ lo không có đức tài xứng với địa vị ấy. Không cần lo người khác không hiểu mình, nên lo làm sao có năng lực khiến cho người khác biết mình.

4.15

子曰: 參乎，吾道一以貫之。

曾子曰：“唯”。

子出，門人問曰：“何謂也？”。

曾子曰：夫子之道，忠恕而已矣

Tử viết: Sâm hò, ngô đạo nhất dĩ quán chi.”.

Tăng tử viết: “Duy”.

Tử xuất, môn nhân vấn viết: “Hà vị dã ?”.

Tăng tử viết: “Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ”.

Khổng tử nói: Trò Sâm à, đạo của ta nhất quán một điểm thôi.

Tăng tử: Đúng a.

Khổng tử đi ra, một người khác hỏi: “Thầy nói như vậy có ý gì?”.

Tăng tử nói: Đạo của thầy chỉ có một chữ “trung thứ” thôi.

[Chú thích: Tăng tử là Tăng Sâm.

Trung nghĩa là trung thành, tận tâm theo đạo nhân. Mình làm được rồi thì muốn người khác cũng làm được (kỷ dục đạt nhi đạt nhân).

Thứ là: Cái gì mình không muốn thì cũng đừng làm cho người khác (kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân)

]

4.16

子曰：君子喻於義，小人喻於利

Tử viết: Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi.

Khổng tử nói: Người quân tử chỉ biết điều nghĩa, kẻ tiểu nhân chỉ biết điều lợi.

4.17

子曰：見賢思齊焉，見不賢而內自省也

Tử viết: Kiến hiền tư tế yên, kiến bất hiền nhi nội tự tĩnh dã.

Không tử nói: Nhìn thấy người hiền thì noi theo, thấy kẻ không hiền thì xem xét lại mình.

4.18

子曰：事父母幾諫，見志不從，又敬不違，勞而不怨

Tử viết: Sự phụ mẫu kỵ gián, kiến chí bất tòng, hựu kính bất vi, lao nhi bất oán.

Không tử nói: Phụng dưỡng cha mẹ phải can ngăn khuyên giải, nếu can không được, vẫn phải tôn kính không làm trái, đừng để cha mẹ mệt vì oán giận.

4.19

子曰：父母在，不遠游，游必有方。

Tử viết: Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hưu phương

Không tử: Cha mẹ còn sống, không được đi xa, nếu đi phải nói rõ nơi cụ thể.

(Lời bàn: Thời đại ngày nay thực khó làm theo lời Khổng tử, chỉ cần nhớ phần chót câu nói)

4.20

子曰：三年無改於父之道，可謂孝矣

Tử viết: Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vi hiếu hĩ.

Không tử: Ba năm không thay đổi cách đối xử với cha mẹ, có thể gọi là con hiếu.

4.21

子曰：父母之年，不可不知也。一則以喜，一則以懼

Tử viết: Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã. Nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cù.

Không tử nói: Tuổi tác của cha mẹ, con không thể không biết. Biết là để vui mừng hoặc là lo sợ.

(Lời bàn: Vui mừng cha mẹ thương thọ, lo sợ cha mẹ già yếu bệnh tật và cần lo hậu sự)

4.22

子曰：古者言之不出，恥躬之不逮也

Tử viết: Cố giả ngôn chi bất xuất, si cung chi bất đai dã.

Không tử: Người xưa thận trọng lời nói ra, bởi sợ xấu hổ không thực hiện được lời nói.

4.23

子曰：以約失之者鮮矣

Tử viết: Dĩ ước thát chi giả tiễn hĩ.

Không tử: Người biết tự kiềm chế mình mà phạm sai lầm là rất ít.

4.24

子曰：君子欲訥於言而敏於行。

Tử viết: Quân tử dục nột ư ngôn nhi mẫn ư hành.

Không tử: Quân tử nói nồng chậm rãi, thực hành thì nhanh nhẹn.

4.25

子曰：德不孤，必有鄰

Tử việt: Đức bất cô, tất hữu lân.

Không tử: Người đạo đức không bao giờ bị cô lập, át có bạn hữu gần gũi.

4.26

子游曰：事君數，斯辱矣；朋友數，斯疏矣

Tử Du viết: Sự quân sác, tư nhục hĩ; Bằng hữu sác, tư sơ hĩ.

Tử Du nói: Thờ vua mà luôn kẽ sai làm của vua, dễ chuộc lấy phiền toái lăng nhục; kết giao bạn bè mà luôn góp ý sai làm của bạn, dễ bị mọi người xa lánh.

Hết thiên 4

1. 5. 公冶長Công Dã Tràng

第五篇 thiên 5

28 bài

5.1

子謂公冶長：“可妻也。雖在縲絏之中，非其罪也”。以其子妻之

Tử vị Công Dã Tràng, “Khả thé dã, tuy tại luy tiết chi trung, phi kì tội dã”. Dĩ kỵ tử thé chi.

Không tử nói về Công Dã Tràng: “Có thể gả con cho Tràng, tuy nó bị ngài tù nhưng tội này không do nó gây ra”. Sau đó Không tử gả con gái cho Tràng.

5.2

子謂南容，“邦有道，不廢；邦無道，免於刑戮”。以其兄之子妻之。

Tử vị Nam Dung, bang hữu đạo, bất phế; Bang vô đạo, miễn ư hình lục. Dĩ kỵ huynh chi tử thé chi.

Không tử nói về Nam Dung: “Nước có đạo, không bị phế truất; Nước vô đạo, không bị hình phạt”. Sau đó Không tử đem gả cháu gái cho Dung.

(Chú thích: Nam Dung thờ vua theo đạo Trung dung, khi nước nhà thịnh vượng được khen ngợi, khi nước nhà suy đốn cũng không bị chê trách, trùng phạt)

5.3

子謂子賤，君子哉若人，魯無君子者，斯焉取斯”

Tử vị Tử Tiện, quân tử tai nhược nhân, Lỗ vô quân tử giả, tư yên thủ tư

Không tử nói về Tử Tiện: Người này quả đúng là quân tử. Nếu nói nước Lỗ không có người quân tử, thì Tử Tiện học từ đâu được những phẩm chất như vậy chứ.

5.4

子貢問曰：“賜也何如？”。子曰：“女，器也”。曰：“何器也？”。曰：“瑚璉也”

Tử Cống vấn viết: Tú dã hà như ?

Tử viết: Nhữ, khí dã.

Viết: Hà khí dã ?

Viết: Hồ liền dã.

Tử Cống hỏi: Tú là người thế nào ạ?

Không tử đáp: Người giống như một công cụ.

Tử Cống hỏi: Như công cụ nào ?

Không tử: Như cái hồ liền

(Chú thích: Hồ liền là cái bình đựng thức ăn cúng trong tông miếu

Ý nói Tử Cống (tên là Tú) là người tài nhưng chỉ giỏi một loại công việc).

5.5

或曰:“雍也仁而不佞”. 子曰: 焉用佞? 御人以口給,屢憎於人,不知其仁。焉用佞?

Hoặc viết: Ung dã nhân nhi bất nịnh.

Tử viết: Yên dụng nịnh ? Ngự nhân dĩ khẩu cáp, lũ tăng ư nhân, bất tri kỳ nhân. Yên dụng nịnh?

Có người nói: Ung là người có đức nhân, không biết nịnh (kém tài ăn nói). Không tử nói: Tại sao phải có tài nói khéo? Nhanh mồm miệng để cãi thay cho người ta, thường bị người ta ghét, ta chẳng biết anh ta có nhân không. Sao cần phải nịnh ?

5.6

子使漆雕開仕。對曰:“吾斯之未能信”。子說。

Tử sử Tất Đieu Khai sĩ, đối viết: Ngô tư chi vị năng tín. Tử duyệt.

Không tử bảo Tất Đieu Khai ra làm quan, anh ta trả lời: Con nghĩ con chưa tự tin ra làm quan.

Không tử nghe rất vui lòng.

(Lời bàn: Thầy mừng vì học trò khiêm tốn, thận trọng, chẳng hăng máu vồ vập ra làm quan như nhiều trò khác. Lại không coi nhẹ việc quan)

5.7

子曰:“道不行,乘桴浮於海,從我者,其由與！”, 子路聞之喜。子曰:“由也好勇過我,無所取材”.

Tử viết: Đạo bất hành, thừa phù phù ư hải, tòng ngã giả, kỳ Do dư !.

Tử Lộ văn chi hỉ. Tử viết: Do dã hảo dũng quá ngã, vô sở thủ tài.

Không tử viết: Nếu Đạo của ta không được thực hiện, ta sẽ ngồi bè gỗ trôi ra biển, theo ta đi có lẽ chỉ có Trọng Do... Tử Lộ nghe thấy rất vui.

Không tử nói tiếp: Do này, chí dũng cảm của người cao hơn ta, tìm đâu ra người như thế.

(Chú thích: Không tử biểu lộ ý chí quyết tâm truyền bá đạo nhân tới cùng. Ông khen học trò Trọng Do tức Tử Lộ có được đức “dũng” để làm việc nghĩa)

5.8

孟武伯問子路仁乎? 子曰:“不知也”.

又問。子曰:“由也,千乘之國,可使治其賦也,不知其仁也”。“求也何如?”. 子曰:“求也,千室之

邑，百乘之家，可使為之宰也，不知其仁也”，“赤也何如？”

子曰：“赤也，束帶立於朝，可使與賓客言也，不知其仁也。”

Mạnh Vũ Bá vấn Tử Lộ nhân hò ? Tử viết: Bất tri dã. Hựu vấn.

Tử viết: “Do dã, thiên thừa chi quốc, khả sử trị kỳ phú dã, bất tri kỳ nhân dã.

“Cầu dã hà nhu ?”.

Tử viết: “Cầu dã, thiên thất chi áp, bách thừa chi gia, khả sử vi chi tể dã, bất tri kỳ nhân dã.

“Xích dã hà nhu ?”.

Tử viết: Xích dã, thúc đói lập ư triều, khả sử dữ tân khách ngôn dã, bất tri kỳ nhân dã.

Mạnh Vũ Bá hỏi rằng Tử Lộ có đức nhân không. Không tử nói: Không biết. Bá lại hỏi. Không tử nói: Trọng Do có thể giao quản lý nước nghìn cỗ xe, nhưng ta không biết hắn là người có nhân hay không.

Lại hỏi tiếp: “Cầu là người thế nào ?”.

Không tử nói: Nhiễm Cầu có thể giao làm quan tể một áp có nghìn hộ, chỉ huy lính trăm binh xa, còn nó có nhân hay không, ta không biết.

“Còn Công Tây Xích thế nào ?”.

Không tử đáp: Xích à, mặc lǚ phục đứng trong triều đình, phụ trách tiếp đai khách nước ngoài. Nhưng ta cũng không biết anh ta là người có đức nhân không.

(Lời bàn: Con người có năng lực làm việc thì được tín nhiệm. Nhưng phải qua thực tế mới đánh giá được đức nhân của họ).

5.9

子謂子貢曰：“女與回也孰愈？”對曰：“賜也何敢望回？回也聞一以知十，賜也聞一以知二。”

子曰：“弗如也。吾與女弗如也”.

Tử vị Tử Cống viết: “Nhữ dữ Hồi dã thực dũ ?

Đối viết: “Tú dã hà cảm vọng Hồi ? Hồi dã văn nhất dĩ tri thập, tú dã văn nhất dĩ tri nhị.

Tử viết: “Phát như dã. Ngô dữ nhữ phát như dã.”.

Không tử nói với Tử Cống: Người với Nhan Hồi ai giỏi hơn ?

Tử Cống đáp: Con làm sao dám sánh với Nhan Hồi. Hồi nghe một việc thì suy ra được mươi việc, con nghe một việc chỉ suy ra được 2 việc thôi.

Không tử nói: Chẳng bằng. Ta và người chẳng bằng Hồi.

(Lời bàn: Thế giới bao la phong phú nhưng việc này có liên quan với việc kia. Học cần biết suy luận từ việc này đến việc khác theo các qui luật biện chứng... Tử Cống tự biết mình không bằng Nhan Hồi, đó là Cống hiểu biết. Ngay cả Không tử cũng nói mình chẳng bằng trò Hồi).

5.10

宰予晝寢，子曰：“朽木不可雕也，糞土之牆不可朽也，於予與何誅！”。

子曰：“始吾於人也，聽其言而信其行；今吾於人也，聽其言而觀其行。於予與改是”

Tề Dữ trú tẩm, Tử viết: Hủ mộc bất khả điêu dã, phân thô chi tường bất khả ô dã, ư Dữ dữ hà tru !

Tử viết: Thỉ ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hành; Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hành. Ư Dữ dữ cải thị.

Tề Dữ ngủ ban ngày, Khổng tử nói: Gỗ mục thì không thể đẽo thành công cụ, bức tường bằng đất xấu không thể quét vôi mới được. Còn gì để trách cứ anh ấy nữa. Khổng tử nói thêm: trước đây ta chỉ nghe người khác nói thì tin (anh ta), bây giờ ta nghe rồi còn phải quan sát (anh ta) nữa. Tề Dữ ngủ ngày khiến ta thay đổi suy nghĩ (về anh ta).

(Chú thích: Khổng tử khuyên trò học tập tích cực... Tề Dữ nói thì hay nhưng không chăm chỉ. Nay thầy Khổng chính mắt nhìn thấy mới đánh giá đúng về anh ta).

5.11

子曰:“吾未見剛者”. 或對曰：“申枨”子曰:“枨也欲，焉得剛？”

Tử viết: Ngô vị kiến cương giả. Hoặc đổi viết: Thân Trành.

Tử viết Trành dã dục, yên đắc cương ?.

Khổng tử nói: Ta chưa thấy người nào kiên cường. Có người đáp “Thân Trành là người như vậy”.

Khổng tử nói: Thân Trành nhiều dục vọng, sao gọi là kiên cường ?

(Chú thích: Thân Trành là người kiêu hãnh, vị kỷ, người ta tưởng nhầm là kiên cường)

5.12

子貢曰：我不欲人之加諸我也，吾亦欲無加諸人。子曰：賜也，非爾所及也。

Tử Công viết: Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân.

Tử viết: Tú dã, phi nhĩ sở cập dã

Tử Công nói: Con không chịu để người đỡ cái xấu cho con, cũng không muốn đem việc không tốt đỡ cho người khác.

Khổng tử nói: Trò Tú, ngươi chưa phải là người làm được việc đó.

(Chú thích: Khổng tử cho rằng “Không muốn người khác đỡ tội cho mình”- đó là thiên tính của con người, điều này dễ hiểu. Không đỡ việc xấu cho người khác thì chỉ người có đức nhân mới làm được. Đạo Nhân là vần đê rộng lớn, phúc tạp ông chưa đê cập, trò Tú chưa thể theo kịp).

5.13

子貢曰：夫子之文章可得而聞也;夫子之言性與天道，不可得而聞也

Tử Công viết: Phu tử chi văn chương khả đắc nhi văn dã; phu tử chi ngôn tính dũ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã.

Tử Công nói: Văn chương của thầy, chúng ta đã được biết. Còn luận bàn của thầy về nhân tính và đạo trời thì chúng ta chưa biết.

(Chú thích: Nhân tính và đạo trời là hai vấn đề triết lý cao xa, Khổng tử ít bàn tới bởi khả năng nhận thức của học trò chưa tới...)

5.14

子路有聞，未之能行，唯恐有聞。

Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khùng hữu văn.

Tử Lộ mỗi khi nghe được một việc, nếu thấy vẫn chưa làm được, thì rất sợ nghe thêm những việc khác.

5.15

子貢問曰:孔文子何以謂之“文”也？子曰:敏而好學,不恥下問,是以謂之“文”也。

Tử Công văn viết: Không Văn tử hà dĩ vị chi “văn” dã ?

Tử viết: Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ văn, thị dĩ vị chi “văn” dã.

Tử Công hỏi: Không Văn tử vì sao đặt tên thụy là “văn” ?

Không tử nói: Ông ta thông minh lại ham học, không cho là nhục khi cần hỏi người dưới mình, nên đặt tên thụy là “văn”.

5.16

子謂子產有君子之道四焉:“其行己也恭,其事上也敬,其養民也惠,其使民也義”

Tử vị Tử Sản hữu quân tử chi đạo tú yên: Kỳ hành kỷ dã cung, kỳ sự thượng dã kính, kỳ dưỡng dân dã huệ, kỳ sử dân dã nghĩa.

Không tử nói về Tử Sản có bốn phẩm chất của người quân tử: Làm người xử sự rất khiêm cung.

Phụng thờ vua cung kính, có trách nhiệm, nuôi dưỡng dân cho nhiều ân huệ, điều khiển dân hợp lý.

(Chú thích: Công Tôn Tử Sản là cháu của Trịnh Mục công, cầm quyền nước Trịnh hơn 20 năm, nhà cải cách nổi tiếng. Bài này nói về 4 phẩm chất của người quản lý quốc gia)

5.17

子曰：晏平仲善與人交，久而敬之。

Tử viết: Án Bình Trọng thiện dũ nhân giao, cữu nhi kính chi.

Không tử nói: Án Bình Trọng giỏi về kết giao bằng hữu, cả khi quan hệ với bạn lâu ngày vẫn tôn trọng bạn.

5.18

子曰：臧文仲居蔡，山節藻棁，何如其知也！

Tử viết: Tang Văn Trọng cư thái, sơn tiết tảo chuyết, hà như kỳ tri dã !

Không tử nói: Tang Văn Trọng nuôi một con rùa lớn, quanh cột nhà chạm khắc núi non và hình rong biển, người như vậy sao gọi là người có trí !

(Chú thích: Tang Văn Trọng sưu tầm rùa lớn, quanh cột nhà chạm khắc núi non, trên kèo chạm trổ hoa văn đẹp đẽ, bị Không tử chê trách. Người xưa thường tìm bắt rùa lấy mai để bói toán cát hung, nhà vua thường dùng rùa to, quan đại phu chỉ được dùng rùa nhỏ. Tang Văn Trọng dùng rùa to là không đúng phép tắc. Việc chạm khắc núi non và hoa văn đẹp đẽ thường chỉ có trong cung điện hay tông miêu nhà vua, người dân thường không được tùy tiện làm như vậy).

5.19

子張問曰:“令尹子文三仕為令尹,無喜色;三已之,無慍色。舊令尹之政,必以告新令尹。何如 ? ”.

子曰：“忠矣”.

曰：“仁矣乎 ? ”.

曰：“未知。焉得仁 ? ”,

曰“崔子弑齊君,陳子文有馬十乘,棄而違之,至於他邦,

則曰:‘猶吾大夫崔子也’ . 違之。之一邦, 則又曰:‘猶吾大夫崔子也’ . 違之, 何如? 子曰:“清矣”. 曰:“仁矣乎?” 曰:“未知, 焉得仁?”

Tử Trương vấn viết: Lệnh doãn tử Văn tam sĩ vi lệnh doãn, vô hỉ sắc; tam dĩ chi, vô uẩn sắc. Cựu mệnh quân chi chính, tất dĩ cáo tân lệnh doãn. Hà như?

Tử viết: Trung hĩ. Viết: Nhân hĩ hò? Viết: Vị tri. Yên đắc nhân?

Viết: Thôi tử thí Tè quân, Trần tử văn hữu mã thập thừa, khí nhi vi chi, chí ư tha bang, tắc viết: Do ngô đại phu Thôi tử dã. Vi chi. Chi nhất bang, tắc hựu viết: Do ngô đại phu Thôi tử dã, vi chi, hà như? Tử viết: Thanh hĩ. Viết: Nhân hĩ hò? Viết: Vị tri, yên đắc nhân?

Tử Trương hỏi: Tử Văn ba lần làm quan lệnh doãn nước Sở, không tỏ vẻ vui mừng; Ba lần bị bãi quan mà không oán hận. Mỗi lần thay đổi chức vụ, đều đem chính sự bàn giao đầy đủ cho quan mới. Nên đánh giá ông ta thế nào?

Không tử nói: Là người trung thành. Tử Trương hỏi thêm: Tử Văn là người có nhân, được không? Không tử đáp: Ta không biết, làm sao đánh giá có nhân được.

Tử Trương lại hỏi: Khi Thôi tử (Thôi Trữ) giết vua Tè Trang công, Trần Văn tử có 10 cỗ xe ngựa dám vứt bỏ mà rời nước Tè sang nước khác, lại nhận xét: “Người chấp chính ở đây cũng giống như Thôi tử nước tôi”. Nói rồi lại bỏ đi nước khác, được một thời gian lại chê “Cũng giống như Thôi tử nước chúng tôi”... Rồi lại bỏ đi qua nước khác, vậy đánh giá ông ta thế nào? Không tử đáp: Người ấy rất trong sạch.

Tử Trương nói: có phải là người nhân không?

Không tử nói: Không biết, sao vội đánh giá được!

5.20

季文子三思而后行。子聞之，曰：“再，斯可矣”

Quí Văn tử tam tư nhi hậu hành. Tử văn chi, viết: Tái, tư khả hĩ.

Quí Văn tử ba lần nghĩ rồi mới làm. Không tử nghe biết, nói: Nghĩ thêm lần nữa là được rồi.

5.21

子曰：甯武子，邦有道則知，邦無道則愚，其知可及也，其愚不可及也

Tử viết: Ninh Vũ tử, bang hữu đạo tắc tri, bang vô đạo tắc ngu, kỳ tri hà cập dã, kỳ ngu bất khả cập dã.

Không tử nói: Ninh Vũ tử, khi nước nhà có đạo, thái bình thì được tiếng là có đức trí, khi nước nhà loạn lạc thì mang tiếng ngu đần. Có trí như Ninh thì thiên hạ theo kịp, giả ngu như Ninh thì thiên hạ không ai đuổi kịp.

5.22

子在陳曰: 歸與！歸與！吾黨之小子狂簡, 斐然成章, 不知所以裁之

Tử tại Trần viết: Qui du! Qui du! Ngô đảng chi tiêu tử cuồng giản, phi nhiên thành chương, bất tri sở dĩ tài chi.

Không tử (lúc còn ở nước Trần) nói: Vè đi, vè đi. Học trò quê hương ta kinh nghiệm còn ít ỏi, văn chương học vẫn tuy có chỗ khả quan nhưng chưa biết đào sâu sự lí, mở mang đạo đức và hiểu biết bản thân.

5.23

子曰：伯夷叔齊不念舊惡，怨是用希

Tử viết: Bá Di, Thúc Tè bất niêm cựu ô, oán thị dung hy.

Không tử nói: Bá Di, Thúc Tề không nhớ oán giận cũ, nên hiếm người giận họ.

5.24

子曰：孰謂微生高直？或乞醯焉，乞諸其鄰而與之

Tử viết: Thục vị Vi Sinh Cao trực ? Hoặc khát ê yên, khát chư kỳ lân nhi dự chi.

Không tử nói: Ai bảo Vi Sinh Cao là người thẳng thắn ? Có người đến xin giấm, nhà không có không dám nói thực, rồi sang nhà hàng xóm xin cho người ta (kể như của nhà mình).

5.25

子曰：巧言令色足恭，左丘明恥之，丘亦恥之。匿怨而友其人，左丘明恥之，丘亦恥之

Tử viết: Xảo ngôn lệnh sắc túc cung, Tả Khâu Minh sỉ chi, Khâu diệc sỉ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả Khâu Minh sỉ chi, Khâu diệc sỉ chi.

Không tử nói: Những người nói khéo, ngọt ngào, giả bộ hiền lành, cung kính quá độ, Tả Khâu Minh cho như thế là đáng sỉ nhục, Khâu ta cũng cho là sỉ nhục. Giấu kín oán hận trong lòng mà giả bộ hữu hảo, Tả Khâu Minh cho đó là sỉ nhục, Khâu ta cũng cho là đáng nhục.

(Chú thích: Tả Khâu Minh là tác giả bộ Chiến quốc sách)

5.26

顏淵，季路侍。子曰：“盍各言爾志”。子路曰：“願車馬，衣輕裘，與朋友共，敝之而無憾”。

顏淵曰：“願無伐善，無施勞”。子路曰：“願聞子之志”。

子曰：“老者安之，朋友信之，少者懷之”。

Nhan Uyên, Tử Lộ thị. Tử viết: Hợp các ngôn nhĩ chí ? Tử Lộ viết: Nguyên xa mã, y khinh cùu, dũ bằng hữu cộng, tệ chi nhi vô hám. Nhan Uyên viết: Nguyên vô phạt thiện, vô thi lao.

Tử Lộ viết: Nguyên văn tử chi chí. Tử viết: Lão giả an chi, bằng hữu tín chí, thiếu giả hoài chí.

Nhan Uyên, Tử Lộ theo hầu. Không tử nói: Sao các anh chẳng nói ý chí của mình (cho ta nghe) ? Tử Lộ thưa: Con nguyên mang xe ngựa, áo da cùu của con cho bạn hữu dùng, dù đến hỏng cũng không oán giận.

Nhan Uyên nói: Con nguyên không phô trương ưu điểm của con, không tò rõ công lao của mình.

Tử Lộ thưa: chúng con muốn nghe thầy nói nguyên vọng của thầy.

Không tử đáp: Người già được nuôi dưỡng đầy đủ, bạn bè tin cậy lẫn nhau, trẻ em được quan tâm chăm sóc.

5.27

子曰：“已矣乎！吾未見能見其過而內自訟者也”。

Tử viết: Dĩ hĩ hò ! Ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã.

Không tử nói: Thôi hết rồi ! Ta chưa từng thấy người nào có thể tự phát hiện sai lầm và tự phê phán bản thân.

5.28

子曰：十室之邑，必有忠信如丘者焉，不如丘之好學也

Tử viết: Thập thất chi áp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã.

Không tử: Một thôn có chục nhà thì nhất định có một người trung tín như ta, nhưng không hiểu học như ta.

(Không tử tin tưởng rằng nơi nào cũng có người nhân đức, nhưng chưa hẳn đã hiểu học)
Hết thiên 5

1. 6. 雍也Ung dã

第六篇 thiêng 6

30 bài

6.1

子曰: 雍也可使南面。

Tử viết: Ung dã khả sử nam diện

Không tử nói: Nhiễm Ung có thể ngồi quay mặt hướng nam.

(Chú giải: Phương Nam ánh nắng nhiều nhất, có ý nói ghế ngồi quan chức. Quan chức ngồi ghế tựa lưng phương Bắc, mặt ngoảnh hướng Nam. Nhiễm Ung học trò Khổng tử học giỏi ung dung, khoan thư có đức quân tử nên Khổng tử tin rằng anh này sẽ làm quan)

6.2

仲弓問子桑伯子。子曰:“可也，簡”。

仲弓曰:“居敬而行簡,以臨其民,不亦可乎？居簡而行簡,無乃大簡乎？”。

子曰:“雍之言然”。

Trọng Cung vấn tử Tang Bá Tử. Tử viết: Khả dã, giản.

Trọng Cung vấn: Cư kính nhi hành giản, dĩ lâm kỳ dân, bất diệc khả hò ? Cư giản nhi hành giản, vô nãi đại giản hò ?

Tử viết: Ung chi ngôn nhiên.

Trọng Cung (tức Nhiễm Ung) hỏi Khổng tử về Tang Bá Tử.

Không tử nói: Được đấy, con người này giản dị chất phác.

Trọng Cung lại hỏi: Sóng kính nhường, làm việc giản dị, gần gũi dân chúng, như vậy chẳng tốt sao? Còn nếu chỉ có kính nhường, làm việc giản dị mộc mạc thì e rằng thái quá chẳng?

Không tử đáp: Người nói rất đúng.

6.3

哀公問:“弟子孰為好學?”。

孔子對曰:“有顏回者好學,不遷怒,不貳過,不幸短命死矣。今也則亡,未聞好學者也”。

Ai Công vấn: Đệ tử thực vi hiểu học ? Khổng tử đổi viết: Hữu Nhan Hồi giả hiểu học, bất thiên nộ, bất nhị quá, bất hạnh đoán mệnh tử hĩ. Kim dã tắc vong, vị văn hiểu học giả dã.

Vua Lỗ Ai Công hỏi: Đệ tử của ngài có ai ham học nhất ?

Không tử đáp: Có Nhan Hồi là học trò ham học, khi giận không lè lè giận qua người khác, không bao giờ phạm lỗi làm cũ nhưng bất hạnh đoán mệnh. Nay đã chết rồi, chẳng nghe thấy ai hiểu học như thế nữa.

6.4

子華使於齊,冉子為其母請粟。子曰:“與之釜”。請益。曰:“與之庾”

。冉子與之粟五秉。子曰:“赤之適齊也,乘肥馬,衣輕裘。吾聞之也:君子周急不濟富”。

Tử Hoa sứ ứ Tề, Nhiễm tử vi kỳ mẫu thỉnh túc. Tử viết: Dữ chi phủ. Thỉnh ích. Viết: Dữ chi dữu. Nhiễm tử dữ chi túc ngũ bính. Tử viết: Xích chi thích Tề dã, thừa phì mã, y khinh cùu.. Ngô văn chi dã: quân tử chu cấp bất tết phú.

Tử Hoa đi sứ sang nước Tề, Nhiễm Hữu thưa với Khổng tử: tiện xe đi nước Tề gửi cho mẹ Tử Hoa một ít lương thực. Khổng tử bảo cho một vò gạo. Nhiễm nài thêm ít nữa. Khổng tử bảo cho thêm một hũ nữa. Nhiễm Hữu mang cho năm bính (80 đấu). Thấy thế, Khổng tử nói: Tử Hoa (tức Công Tây Xích) đi sứ nước Tề ngồi xe có ngựa kéo, mặc áo da vừa nhẹ vừa ấm. Ta nghe nói người quân tử chỉ cứu tết cho người nghèo, không cứu tết người giàu.

6.5

原思為之宰,與之粟九百,辭。子曰:母,以與爾鄰裡鄉黨乎!

Nguyên Tư vi chi tết, dữ chi túc cửu bách, từ. Tử viết: Vô. Dĩ dữ nhĩ lân lý hương đảng hò!

Nguyên Tư làm chức quản gia, Khổng tử cấp tiền lương chín trăm đấu. Nguyên Tư từ chối. Khổng tử nói: Đừng từ chối, cứ mang về cho người nghèo trong xóm.

6.6

子謂仲弓,曰:犁牛為之骍且角。雖欲勿用,山川棒舍諸?

Tử vị Trọng Cung, viết: Lê nguru vi chi tuynh thả giác. Tuy dục vật dụng, sơn xuyên bồng xá chu? Khổng tử nói về Trọng Cung: Con bê là con của bò lang lông đỏ hai sừng cân đối. Người ta cho là mẹ nó lang nên không dùng nó làm vật tế. Thần núi thần sông có nỡ bỏ rơi nó đâu?

(Chú thích: Người xưa cúng tế bằng con bò màu lông đỏ vì rất quý màu đỏ. Trọng Cung có người cha độc ác hèn hạ, nên nhà cầm quyền không muốn dùng Cung làm quan. Khổng tử nói vậy để an ủi Cung và phản đối quan niệm coi trọng lý lịch, dòng dõi)

6.7

子曰:回也其心三月不違仁, 其余則日月至焉而已矣。

Tử viết: Hồi dã kỳ tâm tam nguyệt bát vi nhân, kỳ dư tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hĩ

Khổng tử nói: Nhan Hồi, tâm lòng trò ấy ba tháng không trái đạo nhân, trò khác không được vậy, có chẳng chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

6.8

季康子問:仲由可使從政也與?

子曰:“由也果, 於從政乎何有”.

曰:“賜也可使從政也與?”.

曰：“賜也達，於從政乎何有”.

曰：“求也可使從政也與？”.

曰：“求也藝，於從政乎何有？”

Quí Khang tử vấn: Trọng Do khả sử tòng chính dã dư ?

Tử viết: Do dã quả, ư tòng chính hò hà hưu

Viết: Tú dã khả sử tòng chính dã dư ?

Viết: Tài dã đạt, ư tòng chính hò hà hưu

Viết: Cầu dã khả sử tòng chính dã dư ?

Viết: Cầu dã nghệ, ư tòng chính hò hà hưu

Quí Khang tử hỏi: Trọng Do có thể giao làm lãnh đạo được không ?

Không tử nói: Do là người quyết đoán, làm lãnh đạo còn có gì khó khăn.

Quí Khang tử hỏi: Đoan Mộc Tú giao làm quan chức được không ?

Không tử: Tú có tài năng, làm quan chắc sẽ thuận lợi thôi.

Quí hỏi tiếp: Nhiễm Cầu làm quan được không?

Không tử đáp: Cầu đa tài đa nghệ, làm quan có gì khó khăn đâu.

6.9

季氏使閔子騫為費宰,閔子騫曰:“善為我辭焉！如有復我者,則吾必在汶上矣”。

Quí thị sứ Mẫn Tử Khiên vi Phí tể, Mẫn Tử Khiên viết: Thiện vi ngã từ yên ! Như hữu phục ngã giả, tắc ngô tất tại Ván thượng hī.

Quí thị cho mời Mẫn Tử Khiên làm quan tể áp Phí. Mẫn nói (với người báo tin): Xin vui lòng từ chối giúp tôi. Nếu có người lại đến mời, tôi đành phải trốn lên ở thượng nguồn sông Ván thôi.

(Chú thích: quan tể là quan đứng đầu. Mẫn Tử Khiên oán trách họ Quí tiếm quyền nên không chịu ra hợp tác)

6.10

伯牛有疾,子問之,自牖執其手,曰:亡之,命矣夫,斯人也而有斯疾也!斯人也而有斯疾也 !

Bá Ngưu hữu tật, Tử vấn chi, tự dũ chấp kỳ thủ, viết: Vong chi, mệnh hī phu, tư nhân dã nhi hữu tư tật dã ! Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã !

Bá Ngưu nằm bệnh, Không tử đến thăm, cầm tay nói: Thôi rồi, đây là mệnh rồi. Người tốt thế này mà mắc bệnh này. Người tốt thế này mà mắc bệnh này !

(Chú thích: Người tốt mà mắc bệnh này, chẳng phải do mình gây ra, là mệnh trời không tránh khỏi)

6.11

子曰:賢哉回也,一簞食,一瓢飲,在陋巷,人不堪其憂,回也不改其樂。 賢哉回也

Tử viết: Hiền tai Hồi dã, nhất đan thực, nhất biều ảm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai Hồi dã

Không tử nói: Nhan Hồi rất hiền, một giỗ cơm, một bát nước, ở tại ngõ nhỏ, người khác không chịu nổi, còn Hồi vẫn không thay đổi niềm vui, Hồi thật là hiền đức.

6.12

冉求曰:“非不說子之道 ,力不足也”.

子曰：“力不足者，中道而廢。今女畫”。

Nhiễm Cầu viết: Phi bát duyệt tử chi đạo, lực bát túc dã.

Tử viết: Lực bát túc giả, trung đạo nhi phé, kim nhữ hoạch.

Nhiễm Cầu nói: Không phải con không thích đạo của mình, do con không đủ sức mà thôi.

Khổng tử nói: Nếu không đủ sức, nửa đường sẽ bỏ dở. Con đã tự vạch giới hạn cho mình rồi, không muốn tiến nữa.

(Ý Khổng tử: vẫn đề không phải do thiếu lực mà là thích hay không thích đạo nhân mà thôi)

6.13

子謂子夏曰：女為君子儒，無為小人儒。

Tử vị Tử Hạt viết: Nhĩ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho.

Khổng tử nói với Tử Hạt: Người nên trở thành học trò quân tử, không nên trở thành học trò tiểu nhân.

6.14

子游為武城宰。子曰：“女得人焉爾乎？”曰：“有澹台滅明者，行不由徑，非公事，未嘗至於偃之室也”。

Tử Du vi Vũ Thành tể. Tử viết: Nhữ đặc nhân yên nhĩ lạc hò ? Viết: Hữu Đạm Đài Diệt Minh giả, hành bát do kinh, phi công sự vị thường chí ư yển chi thất dã.

Tử Du làm quan tể áp Vũ Thành. Khổng tử nói: Ở đây người có thích ai không? Trả lời: có người tên Đạm Đài Diệt Minh, đi không qua lối tắt, không có việc công thì không đến công sở.

6.15

子曰：孟之反不伐，奔而殿，將入門，策其馬，曰：非敢后也，馬不進也。

Tử viết: Mạnh Chi Phản bát phạt, bôn nhi điền, thương nhập môn, sách kỳ mã, viết: phi cảm hậu dã, mã bát tiến dã.

Khổng tử nói: Mạnh Chi Phản không thích khoe công lao, chạy đằng sau (khi quân rút lui), khi về đến cửa thành, cầm roi quát ngựa mảng: “chẳng phải ta dám chạy sau, do người không chịu tiến lên trước”.

(Lời bàn: Mạnh là người khiêm tốn, khi thua trận, sau khi dũng cảm chạy sau về, cũng không nhận mình như vậy).

6.16

子曰：不有祝鵠之佞，而有宋朝之美，難乎免於今之世矣。

Tử viết: Bất hữu Chúc Đà chi nịnh, nhi hữu Tống Triều chi mỹ, nan hò miễn ư kim chi thê hĩ.

Khổng tử nói: Nếu không nói khéo như Chúc Đà mà có sắc đẹp như công tử Triều nước Tống, đời nay khó mà tránh bị người ta ghét bỏ.

6.17

子曰：誰能出不由戶，何莫由斯道也？

Tử viết: Thùy năng xuất bát do hộ, hà mạc do tư đạo dã?

Khổng tử nói: Có ai ra khỏi nhà mà không qua cửa ? Làm người có sao không theo đạo lí chung đó mà làm ?

6.18

子曰：質勝文則野，文勝質則史。文質彬彬，然后君子。

Tử viết: Chất thắng văn tắc dã, văn thắng chất tắc sử. Văn chất bân bân, nhiên hậu quân tử.
Không tử nói: Chất phác mà thiếu văn vẻ thì hoang dã, văn vẻ mà bỏ qua chất phác thì phù phiếm (mang tính sách vở/ lý thuyết suông). Văn vẻ và chất phác hoàn hảo, ấy là người quân tử.

6.19

子曰：人之生也直，罔之生也幸而免。

Tử viết: Nhân chi sinh dã trực, võng chi sinh dã hạnh nhi miễn
Không tử nói: Người sống được nhờ thẳng ngay. Không ngay thẳng cũng sống được, ấy là nhờ may mắn tránh khỏi tai họa mà thôi.

6.20

子曰：知之者不如好之者，好之者不如樂之者。

Tử viết: Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như lạc chi giả.
Không tử nói: Người hiểu biết (đạo lí) không bằng kẻ thích đạo lí, thích đạo lí không bằng thi hành đạo lí làm vui.

6.21

子曰：中人以上，可以語上也；中人以下，不可以語上也。

Tử viết: Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã; Trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.
Không tử nói: Người bậc trung trở lên có thể dạy cao sâu; Bậc trung trở xuống thì không thể dạy cao sâu được.

6.22

樊遲問知，子曰：“務民之義，敬鬼神而遠之，可謂知矣”。問仁，曰：“仁者先難而后獲，可謂仁矣”

Phàn Trì vấn trí, Tử viết: Vụ dân chi nghĩa, kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị tri hĩ.

Vấn nhân, viết: Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch, khả vị nhân hĩ.

Phàn Trì hỏi về trí, Không tử đáp: Phục vụ dân vì nghĩa. Tôn kính quỷ thần mà đứng xa, thế là hiểu chữ trí.

Lại hỏi về đức nhân. Không tử đáp: Người nhân chịu gian khó trước, thu hoạch sau, đó là người nhân.

(Phàn Trì là người đánh xe, học vấn thấp, Không tử giải thích chữ trí, chữ nhân rất đơn giản dễ hiểu)

6.23

子曰：知者樂水，仁者樂山；知者動，仁者靜；知者樂，仁者壽

Tử viết: Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn; trí giả động, nhân giả tĩnh; trí giả lạc, nhân giả thọ.
Không tử nói: Người trí ưa nước, người nhân thích núi; Người trí hoạt động, người nhân yên tĩnh;
Người trí sống vui, người nhân sống thọ.

6.24

子曰：齊一變，至於魯；魯一變，至於道

Tử viết: Tè nhất biến, chí ư Lỗ; Lỗ nhất biến, chí ư đạo.

Khổng tử nói: Nước Tè thay đổi, tiến đến nước Lỗ; nước Lỗ thay đổi tiến đến Đạo.
(Chú thích: Khổng tử so sánh sự tiến bộ của hai nước...)

6.25

子曰：觚不觚，觚哉！觚哉！

Tử viết: Cô bất cô, cô tai ! Cô tai !

Khổng tử nói: Cái bình rượu không ra bình rượu. Bình rượu đây ư! sao có thể gọi là bình rượu ?
Chú thích: thời xưa bình rượu lỗ có 6 góc cạnh là đúng mẫu mực, nếu thay bằng cái bình khác
chứng tỏ chỗ lỗ bị coi thường, nên Khổng tử lo lắng.

Lời bàn: Người bình thường, thực dụng sẽ chê trách Khổng tử là “quá máy móc, công thức, cứng
nhắc”. Cốt yếu là có rượu cúng, cần gì cái bình đựng phải đúng mẫu mực (!). Đây là câu chuyện
tiêu biểu cho tính lỗ giáo nghiêm túc mà Khổng tử, đạo Nho yêu cầu.

6.26

宰我問曰：“仁者雖告之曰并有仁焉，

其從之也？”子曰：“何為其然也？君子可逝也，不可陷也；可欺也，不可罔也”。

Tè Ngã vấn viết: Nhân giả tuy cáo chi viết tinh hũu nhân yên, kỳ tòng chi dã ? Khổng tử viết: Hà
vi kỳ nhiên dã ? Quân tử khả thê dã, bất khả hăm; Khả khi dã, bất khả võng dã.

Tè Ngã hỏi: Người nhân đức được báo có người rơi xuống giếng, anh ta có nhảy xuống cứu
không?

Khổng tử đáp: Sao phải làm vậy ? Quân tử tìm cách cứu người, không thể tự hăm hại thân mình;
Quân tử có thể bị lừa bởi những điều có lý, nhưng không thể bị hại vì lời xằng bậy.

6.27

子曰：君子博學於文，約之以禮，亦可以弗畔矣夫

Tử viết: Quân tử báu học ư văn, ước chi dī lǚ, diệc khả dī phát bạn hī phu.

Khổng tử nói: người quân tử trước học văn, sau học lễ, nhờ vậy khỏi trái đạo.

6.28

子見南子，子路不說。夫子矢之曰：“予所否者，天厭之！天厭之！”

Tử kiến Nam tử, Tử Lộ bất duyệt. Phu tử thi chi viết: “Dư sở phủ giả. Thiên yếm chi! Thiên yếm chi !

Khổng tử gặp nàng Nam tử, Tử Lộ không vui. Khổng tử thề rằng: Như ta mà làm gì trái lễ thì trời
phạt ta”.

(Chú thích: nàng Nam tử là vợ vua Vệ Linh công nước Vệ, nàng rất đẹp nhưng nhiều tai tiếng. Ai
muốn làm quan đều ra mắt Nam tử trước... Tử Lộ nghĩ rằng thầy Khổng cũng làm như người
thường... Nhưng Khổng tử vì việc công mà đến chứ không nhờ cậy, ngài phải thề với học trò)

6.29

子曰：中庸之為德也，其至矣乎！民鮮久矣

Tử viết: Trung dung chi vi đức dã, kỳ chí hĩ hò! Dân tiên cừu hĩ.

Trung dung là đạo đức tốt đẹp cao nhất ! Dân chúng từ lâu thiêu hản đạo đức này.

6.30

子貢曰:“如有博施於民而能濟眾,何如?可謂仁乎? ”.

子曰:何事於仁?必也聖乎!堯舜其猶病諸.夫仁者,己欲立而立人,己欲達而達人.

能近取譬,可謂仁之方也已.

Tử Công viết: Như hữu bác thi ư dân nhi nǎng tέ chúng, hà như? Khả vị nhân hò? Tử viết: Hà sự ư nhân? Tất dã thánh hò! Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư. Phu nhân giả, kỹ dục lập nhi lập nhân, kỹ dục đạt nhi đạt nhân. Nǎng cặn thủ thí khả vị nhân chí, phương dã dĩ.

Tử Công nói: Nếu có một người đưa nhiều điều tốt đến cho dân, giúp dân sống tốt, có phải là người nhân không?

Không tử đáp: Không chỉ là người nhân mà là bậc thánh nhân. Vua Nghiêu vua Thuấn cũng khó làm được như vậy. Người có nhân muốn thành người nhân đức thì cũng muốn người khác như mình, người có nhân đã làm được việc gì cũng muốn người khác đạt như thế. Lấy bản thân mình làm thí dụ để hiểu người khác, đức nhân là vậy.

Hết thiên 6

1. 述而 Thuật nhi

第七篇 thiên 7

38 bài

7.1

子曰:述而不作,信而好古,竊比於我老彭。

Tử viết: Thuật nhi bát tác, tín nhi hiếu cổ, thiết tǐ ư ngã lão Bành

Không tử nói: Ta chỉ thuật lại chứ không sáng tác, ta yêu và tin văn hóa cổ, trộm ví mình như lão Bành.

(Lời bàn: Không tử khiêm tốn nói mình chỉ thuật lại lời dạy cổ nhân chứ không sáng tạo, cốt sao cho mọi người do tin tưởng cổ nhân mà tiếp thu đạo thánh hiền là được, thay chả cần “bản quyền tác giả”. Lão Bành tổ truyền thuyết là người sống lâu. Không tử khiêm tốn nói ta biết nhiều chỉ vì ta sống lâu thôi).

7.2

子曰:默而識之,學而不厭,誨人不倦,何有於我哉?

Tử viết: Mặc nhi thức chi, học nhi bát yếm, hối nhân bát quyện, hà hữu ư ngã tai?

Không tử: Lặng yên nhớ điều đã học, kiên trì học tập không biết chán, dạy bảo người khác không biết mệt mỏi, ta đã làm được việc nào trong ba việc ấy?

7.3

子曰：德之不修，學之不講，聞義不能徙，不善不能改，是吾憂也。

Tử viết: Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng tǐ, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã.

Khổng tử nói: Đức hạnh mà không tu dưỡng, học không giảng giải, thấy việc nghĩa không làm, mắc điều sai không chịu sửa chữa, đó là những nỗi lo của ta.

7.4

子之燕居，申申如也；夭夭如也。

Tử chi yến cư, thân thân như dã, yêu yêu như dã.

Khổng tử khi ở nhà an nhàn, chân tay thoái mái buông lỏng, sắc mặt vui vẻ

7.5

子曰：甚矣吾衰也！久矣吾不復夢見周公。

Tử viết: Thật hĩ ngô suy dã ! Cứu hĩ ngô bất phục mộng kiến Chucông.

Khổng tử: Ta già yêu lâm rồi, từ lâu ta không nằm mộng thấy Chu công.

(Chú thích: Chu công tức Chu Công Đán, phò giúp anh là Chu Vũ Vương diệt trừ vua Trụ, lập ra nhà Chu. Khi anh chết, lại phò cháu ruột lên ngôi là Chu Thành Vương, đóng vai trò cố vấn tối cao xây dựng nhà Chu cai trị ngàn nước chư hầu. Chu công tiếp tục công việc của cha là Chu Văn Vương chú giải bộ sách Kinh Dịch- bộ sách triết học cổ điển nhất xứ Trung Hoa. Khổng tử rất sùng bái Chu công, kiến trúc sư nhà Chu, thường gọi là thánh nhân. Lời nói của Khổng tử có hai ý: lo buồn vì sức khỏe đã suy yếu mà lễ ché nhà Chuchura được phục hồi)

7.6

子曰：志於道，據於德，依於仁，游於藝。

Tử viết: Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ.

Khổng tử nói: Có chí học hành theo đạo, dựa vào đức, ứng dụng học nghề.

7.7

子曰：自行束脩以上，吾未嘗無誨焉。

Tử viết: Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên.

Khổng tử nói: Tự mình dâng lên một bó nem, ta chưa từ chối dạy bao giờ.

7.8

子曰：不憤不啟，不悱不發。舉一隅不以三隅反，則不復也。

Tử viết: Bất phẫn bất khai, bất phi bất phát. Cử nhát ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã.

Khổng tử nói: Kẻ nào chưa uất ức vì chưa hiểu được thì ta không gọi mở cho. Kẻ nào không hậm hực vì chưa thể nói ra được thì ta chẳng hướng dẫn cho nói. Kẻ đã được ta chỉ cho một góc (vuông) mà chẳng biết tự xét ba góc kia thì ta chẳng dạy nó nữa.

7.9

子食於有喪者之側，未嘗飽也。

Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bão dã.

Khổng tử đến viếng nhà có tang, không bao giờ ăn no.

7.10.

子於是日哭，則不歌

Tử ư thị nhật khóc, tắc bất ca

Hôm nào Khổng tử đi viếng đám tang, suốt ngày hôm ấy không ca hát.

(Lời bàn: Khổng tử đi viếng tang rất thực lòng, chẳng chiêu lè qua loa)

7.11

子謂顏淵曰：“用之則行，舍之則藏，惟我與爾有是夫！”。子路曰：子行三軍，則誰與？。

子曰：“暴虎馮河，死而無悔者，吾不與也。必也臨事而懼。好謀而成者也”。

Tử vị Nhan Uyên viết: “Dụng chi tắc hành, xá chi tắc tàng, duy ngã dữ nhĩ hưu thị phu!”. Tử Lộ viết: “Tử hành tam quân, tắc thùy dự ?”

Tử viết: Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dữ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ. Hiếu mưu nhi thành giả dã.

Khổng tử nói với Nhan Uyên: Dùng ta thì ta giúp cho sự nghiệp, không dùng thì ta đi ở ẩn, chỉ có ta với người làm được thế thôi.

Tử Lộ hỏi: Nếu Thầy cầm quân đi đánh giặc, thầy chọn ai theo ?

Khổng tử đáp: Kẻ tay không mà bắt cọp, không thuyền mà lội qua sông, chết không tiếc thân, những kẻ ấy ta không cho theo với ta. Khi lâm sự át phải biết lo lắng thận trọng, suy tính mưu lược để thành công, những người đó ta mới cho theo.

(Lời bàn: Tử Lộ tự hào mình có dũng khí, át được thầy đánh giá cao. Nhưng Khổng tử chỉ đánh giá cao những người mưu trí, cẩn trọng)

7.12

子曰：富而可求也，雖執鞭之士，吾亦為之。如不可求，從吾所好。

Tử viết: Phú nhi khả cầu dã; tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi. Như bất khả cầu, tòng ngô sở hiếu.

Khổng tử nói: giàu sang mà có thể cầu được thì dù có phải làm kẻ đầu sai thấp kém ta cũng làm. Nếu không thể giàu được thì ta chỉ làm việc ta thích thôi.

7.13

子之所慎：齊，戰，疾。

Tử chi sở thận: Trai, chiến, tật.

Khổng tử có tính thận trọng (đối với 3 thứ): Trai giới, chiến tranh và bệnh tật.

(Chú thích: Trai giới là ăn chay và cúng lễ đúng qui cách)

7.14

子在齊聞韶，三月不知肉味，曰：不圖為樂之至於斯也。

Tử tại Tề văn Thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị, viết: Bát đồ vi nhạc chi chí ư tư dã.

Khổng tử ở nước Tề nghe được bản nhạc Thiều, ba tháng sau ăn thịt không thấy mùi vị gì cả, bèn nói: Không ngờ nhạc thiều (của vua Thuấn) điêu luyện đến thế.

(Chú thích: Bản nhạc tên “Thiều” sáng tác thời vua Thuần được dùng làm lễ trong cung đình, có dịp Khổng tử được nghe, mãi ba tháng sau còn dư âm... Ngày nay không còn lưu được bản nhạc này. Về sau Trung Quốc và Việt Nam gọi quốc ca là “quốc thiều”)

7.15

冉有曰:“夫子為衛君乎 ?”.子貢曰:

“諾, 吾將問之”。入, 曰:“伯夷、叔齊何人也 ?”。曰:“古之賢人也”。曰:“怨乎 ?”.

曰:“求仁而得仁, 又何怨”。出, 曰:“夫子不為也”。

Nhiễm Hữu viết: Phu tử vi Vệ quân hò ? Tử Cống viết: Nặc, ngô thương vấn chi. Nhập, viết: Bá Di, Thúc Tè hà nhân dã ? Việt: Cố chi hiền nhân dã. Việt: Oán hò ? . Việt: Cầu nhân nhi đắc nhân, hữu hà oán. Xuất, viết: Phu tử bất vi dã.

Nhiễm Hữu hỏi: Có phải thầy ta đi giúp vua nước Vệ không?

Tử Cống nói: Thê à, để ta đi hỏi thầy xem. Nói rồi đến gặp Khổng tử thưa: “Bá Di, Thúc Tè là con người như thế nào ?”. Khổng tử đáp: Họ là người hiền ngày xưa. Tử Cống hỏi tiếp: Họ có oán hận gì không ? Khổng tử nói: Theo đuôi điều nhân mà được điều nhân, còn gì phải oán hận.

Tử Cống quay về nói với Nhiễm Hữu: Thầy ta chẳng đi giúp nước Vệ đâu.

(Chú thích: Bá Di, Thúc Tè là con của vua Cô Trúc, tranh nhau nhường ngôi cho người họ khác, đến mức phải trốn đi để khỏi bị ép làm vua. Ở nước Vệ, sau khi Vệ Linh Công mất, cháu nội của vua là Khoái Hốt được cử làm vua, cha là Khoái Quý âm mưu tranh ngôi vua. Hai cha con giành ngôi vua là bất nhân. Cả hai thầy trò Khổng tử – Tử Lộ đều tránh nói thẳng cái bất nhân của vua nước Vệ mà diễn đạt quan điểm của mình thông qua tấm gương Bá Di, Thúc Tè.

Hai thầy trò quả là người thận trọng tinh tế trong ứng xử).

7.16

子曰: 飯疏食飲水,曲肱而枕之,樂亦在其中矣。不義而富且貴, 於我如浮雲。

Tử viết: Phạn sơ thực ảm thủy, khúc quăng nhi chảm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân.

Khổng tử nói: Ăn cơm gạo thô uống nước lã, ngủ kéo cánh tay mà gối, niềm vui ở trong đó rồi. Bất nghĩa mà giàu có phú quý, ta coi như đám mây trôi vây.

7.17

子曰: 加我數年, 五十以學易, 可以無大過矣。

Tử viết: Gia ngã sác niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ.

Khổng tử nói: Trời cho ta sống thêm ít năm nữa, nếu có 5 hoặc 10 năm nghiên cứu thông Kinh Dịch, có thể không mắc phải sai lầm lớn.

7.18

子所雅言, 《詩》、《書》、《執禮》, 皆雅言也。

Tử sở nhã ngôn, “Thi”, “Thư”, cháp Lễ, giao nhã ngôn dã.

Khổng tử thích lời nói nhã nhặn, Kinh Thi, Kinh Thư và cháp hành Lễ, đều là những lời thanh nhã cả.

7.19

葉公問子路於孔子,子路不對。子曰:

女奚不曰, 其為人也, 發憤忘食, 樂以忘憂, 不知老之將至雲爾。

Diệp Công vấn Tử Lộ ư Khổng tử, Tử Lộ bất đối. Tử viết: Nhữ hè bát viết, kỳ vi nhân dã, phát phẫn vong thực, lạc dĩ vong ưu, bất tri lão chi thương chí vân nhĩ.

Diệp Công hỏi Tử Lộ về Khổng tử, Tử Lộ không trả lời... Khổng tử (biết vậy) nói với Tử Lộ: Sao ngươi không nói thầy của ngươi theo đạo nhân, lo lắng quên ăn, vui quên cả sầu, chẳng hề biết tuổi già đã đến.

7.20

子曰: 我非生而知之者, 好古, 敏以求之者也。

Tử viết: Ngã phi sinh nhi tri chi giả, hiếu cỗ, mẫn dĩ cầu chi giả dã.

Khổng tử nói: Ta chẳng phải sinh ra đã biết tất cả, là do ưa thích đạo cổ xưa, cần mẫn tìm học hỏi mà nên.

7.21

子不語: 怪、力、亂、神。

Tử bất ngữ: quái, lực, loạn, thần.

Khổng tử không bàn tới chuyện: kì quái, bạo lực, phản loạn, quỷ thần.

(Lời bàn: Khổng tử là người thận trọng, cho rằng nếu bàn tán mãi 4 chuyện ấy sẽ bị ảnh hưởng.

Chỉ nên bàn những chuyện đáng bàn, có ích lợi theo hướng nhân nghĩa thôi)

7.22

子曰: 三人行, 必有我師焉。擇其善者而從之, 其不善者而改之。

Tử viết: Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

Khổng tử nói: Ba người cùng đi, tất có người là thầy ta. Ta chọn điều tốt để đi theo, còn điều không tốt thì tránh đi.

(Lời bàn: Ba người khó giống nhau, vậy ta có thể học người khác điều gì đó)

7.23

子曰: 天生德於予, 桓魋其如予何 ?

Tử viết: Thiên sinh đức ư dư, Hoàn Đồi kỳ như dư hà ?

Khổng tử nói: Trời phú cho ta đạo đức, Hoàn Đồi làm gì được ta ?

(Chú thích: Khổng tử đi dạy học về, làm lễ dưới một gốc cây cổ thụ, quan tư mã nước Tống là Hoàn Đồi sai chặt cây nhằm giết Khổng tử...)

7.24

子曰: 二三子以我為隱乎 ? 吾無隱乎爾。吾無行而不與二三子者, 是丘也。

Tử viết: Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hò ? Ngô vô ẩn hò nhĩ. Ngô vô hành nhi bất dự nhị tam tử giả, thi Khâu dã.

Khổng tử nói: Các người cứ nghĩ ta còn điều gì giấu diếm ư ? Ta chẳng giấu diếm điều gì. Ta chẳng có việc gì đã làm mà không cho các ngươi biết, như chính ta là Khâu vậy.

7.25

子以四教：文、行、忠、信。

Tử dĩ tứ giáo: Văn, hạnh, trung, tín

Không tử lấy 4 điều để dạy học trò là: Văn học, đức hạnh, trung thành và tín nghĩa.

7.26

子曰：聖人吾不得而見之矣！得見君子者，斯可矣

。子曰：善人吾不得而見之矣！得見有恆者，斯可矣。亡而為有，虛而為盈，約而為泰，難乎有恆矣。

Tử viết: Thánh nhân ngô bát đắc nhi kiến chi hĩ ! Đắc kiến quân tử giả, tư khả hĩ. Tử viết: Thiện nhân ngô bát đắc nhi kiến chi hĩ ! Đắc kiến hữu hằng giả, tư khả hĩ. Vong nhi vi hữu, hư nhi vi doanh, ước nhi vi thái, nan hò hữu hằng hĩ.

Không tử nói: Bậc thánh nhân thì ta chưa nhìn thấy ! Người quân tử thì ta gặp rồi. Không tử lại nói: Bậc thiện nhân ta cũng chưa nhìn thấy, mới được thấy bậc hằng giả (người giữ tấm lòng nhân son sắt, không thay đổi). Những kẻ không có mà giả như có, thiếu thốn mà giả bộ đầy đủ, nghèo hèn mà giả bộ giàu sang thì kẻ ấy cũng chẳng giữ được tấm lòng chung thủy.

7.27

子釣而不綱，弋不射宿。

Tử điều nhi bát cương, đặc bát xạ túc.

Không tử câu cá mà không bao giờ dùng lưới vét, săn thú không bắn con chim đã về tổ nghỉ (Lời bàn: Đức nhân của Khổng tử bao gồm cả loài vật. Ngài tránh đánh lưới vét cả những con cá nhỏ, tránh bắn chim trong tổ vì có thể nó đang ấp trứng)

7.28

子曰：蓋有不知而作之者，我無是也。多聞，擇其善者而從之，多見而識之，知之次也。

Tử viết: Cái hữu bát tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã. Đa văn, trách kỳ thiện giả bát nhi tòng chi, đa kiến nhi thức chi, trí chi thứ dã.

Không tử nói: Có loại người không biết gì nhưng tỏ ra cái gì cũng biết, ta không phải người như thế. Lắng nghe nhiều, chọn lấy điều hay mà làm, quan sát nhiều, ghi nhớ kỹ làm kiến thức của mình. Người như vậy có thể xem là bậc thượng trí rồi.

7.29

互鄉難與言，童子見，門人惑。子曰：“與其進也，不與其退也，唯何甚？人潔己以進，與其潔也，不保其往”。

Hỗ hương nan dũ ngôn, đồng tử kiến, môn nhân hoặc. Tử viết: Dự kỳ tiến dã, bát dự kỳ thoái dã, duy hà thậm ? Nhân khiết ký dĩ tiến. Dự kỳ khiết dã. Bất bảo kỳ vãng dã.

Người làng Hỗ khó trò chuyện, một đứa bé làng Hỗ gặp Khổng tử xin vào học, những học trò khác thấy nghi ngờ. Không tử nói: Ta ủng hộ sự tiến bộ, không thích cái suy thoái, sao lại đổi xử thậm tệ ? Họ chân thành đến với mình, ta tán thành sự trong sạch vô tư. Không nên nghĩ đến quá khứ của họ.

7.30

子曰：仁遠乎哉？我欲仁，斯仁至矣。

Tử viết: Nhân viễn hò tai ? Ngã dục nhân, tư nhân chí hĩ.

Không tử nói: Chẳng lẽ điều nhân xa xôi vậy ư ? Ta muốn đạt điều nhân thì điều nhân sẽ đến.

7.31

陳司敗問：“昭公知禮乎？”孔子曰：“知禮”

。孔子退，揖巫馬期而進之曰：“吾聞君子不黨，君子亦黨乎？君取於吳，

為同姓，謂之吳孟子。君而知禮，孰不知禮？”巫馬期以告。子曰：“丘也幸，

苟有過，人必知之。”

Trần tư bại vấn: Chiêu Công tri lễ hò ? Không tử viết: Tri lễ. Không tử thoái, áp Vu Mã Kỳ nhi tiến chi viết: Ngô văn quân tử bất đảng, quân tử diệc đảng hò ? Quân thủ ư Ngô, vi đồng tính, vị chi Ngô mạnh tử. Quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ ? Vu Mã Kỳ dĩ cáo. Tử viết: Khâu dã hạnh, cầu hữu quá, nhân tất tri chi.

Quan tư bại nước Trần hỏi: Vua Lỗ Chiêu Công có biết lễ không ?

Không tử trả lời: Biết lễ.

Sau khi Không tử ra ngoài, quan tư bại vái chào Vu Mã Kỳ rồi tiến đến nói: Ta nghe nói quân tử không thiên vị, sao người quân tử như Không tử lại thiên vị ? Vua (Lỗ) cưới con gái nước Ngô là người cùng họ, gọi bà ấy là Ngô mạnh tử (đồng thứ họ Ngô). Vua Lỗ mà biết lễ thì còn ai không biết lễ ?!

Sau Vu Mã Kỳ nói lại, Không tử nói: Ta thật may mắn, chỉ mắc chút sai lầm thì có người phát hiện chỉ ra cho.

(Lời bàn: Không tử không biết việc vua Lỗ (đồng hương) lấy người cùng họ, khi được người khác nói ra, ông lấy làm vui chứ không giận. Đó là bản lĩnh của người có đức nhân)

7.32

子與人歌而善，必使反之，而后和之。

Tử dũ nhân ca nhi thiện, tất sử phản chi, nhi hậu hòa chi.

Không tử ngồi hát cùng người khác mà thấy ai hát hay, ắt sẽ mời họ hát lại để mình được cùng hát theo.

7.33

子曰：文，莫吾猶人也。躬行君子，則吾未之有得。

Tử viết: Văn, mạc ngô do nhân dã. Cung hành quân tử, tắc ngô vị chi hữu đắc.

Không tử nói: Về tri thức văn hóa, ta cũng chỉ bằng người khác. Ta tự mình thực hành đạo nhân thì chưa thỏa mãn được bao nhiêu.

7.34

子曰：“若聖與仁，則吾豈敢？抑為之不厭，誨人不倦，則可謂雲爾已矣”

。公西華曰：“正唯弟子不能學也”。

Tử viết: Nhược thánh dũ nhân, tắc ngô khải cảm ? Úc vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện, tắc khả vị vân nhĩ dĩ hĩ. Công Tây Hoa viết: Chính duy đệ tử bất năng học dã.

Không tử nói: Nếu bảo là người nhân đức, ta đâu dám nhận ? Hành động theo thánh nhân thì ta chưa biết chán, dạy người chưa biết mệt mỏi, chỉ có thể nói vậy thôi. Công Tây Hoa nói: Những điều đó, học trò tự con không học nổi.

7.35

子疾病, 子路請禱。子曰:“有諸 ?”子路對曰:“有之。《誄》曰:‘禱爾於上下神祇’”

子曰:“丘之禱久矣”。

Tử tật bệnh, Tử Lộ thỉnh đảo. Tử viết: Hữu chư ? Tử Lộ đối viết: Hữu chi. “Lụy” viết: Đảo nhĩ ư thương thần kì.”. Tử viết: Khâu chi đảo cữu hĩ.

Không tử bị bệnh, Tử Lộ định làm lễ cầu cúng thần linh. Không tử nói: Có việc đó ư? Tử Lộ đáp: Có, sách Lụy viết: Cầu xin các vị thần ở trên.

Không tử nói: Ta đã cầu khấn từ lâu rồi.

(Lời bàn: Thói thường, con người khi cần thiết mới đi cầu xin thần linh. Không tử nói “cầu khấn từ lâu” nghĩa là ông đã thực hành điều nhân đức hợp với thần linh, át sẽ được phù trợ)

7.36

子曰: 奢則不孫, 儉則固。與其不孫也, 寧固。

Tử viết: Xa tắc bất tôn, kiệm tắc cố. Dữ kỳ bất tôn dã, ninh cố.

Không tử nói: Xa xỉ quá thì ngạo mạn thiếu khiêm tôn, tiết kiệm quá thì tốn mủn. Nếu không được rộng rãi thì thà tiết kiệm còn hơn.

7.37

子曰: 君子坦蕩蕩, 小人長戚戚。

Tử viết: Quân tử thản dãng dãng, tiếu nhân trường thích thích

Không tử nói: Quân tử luôn luôn thảng thắn ung dung vô tư, tiếu nhân lúc nào cũng u sầu lo lắng.

7.38

子溫而厲, 威而不猛, 恭而安。

Tử ôn nhu lệ, uy nhu bất mãnh, cung nhu an.

Không tử ôn hòa mà nghiêm túc, uy nghi nhưng không thô bạo, cung kính mà an nhàn.

Hết thiên 7

8. 泰伯 Thái Bá

第八篇 thiêng 8

21 bài

8.1

子曰: 泰伯, 其可謂至德也已矣。三以天下讓, 民無得而稱焉。

Tử viết: Thái Bá, kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ. Tam dĩ thiêng hạ nhượng, dân vô đắc nhi xưng yên.

Không tử nói: Thái Bá là con người có đức hết mực. Ba lần đem thiêng hạ nhường cho người khác, không để dân chúng biết mà ca ngợi.

(Chú thích: Thái Bá là con trưởng của vua chư hầu Cỗ Công Đán Phụ (tổ phụ nhà Chu), biết nhà vua muốn chọn Cơ Xương, con người em trai út là Quý Lịch của mình làm vua. Thái Bá biết ý nguyện của cha, bèn bàn với người em là Trọng Ung cùng trốn sang xứ Ngô Việt để cha dễ dàng thực hiện ý nguyện)

8.2

子曰：恭而無禮則勞，慎而無禮則葸，勇而無禮則亂，直而無禮則絞。君子篤於親，則民興於仁，故舊不遺，則民不偷。

Tử viết: Cung nhi vô lẽ tắc lao, thận nhi vô lẽ tắc ti, dũng nhi vô lẽ tắc loạn, trực nhi vô lẽ tắc giảo. Quân tử đốc ư thân, tắc dân hưng ư nhân, có cựu bất di, tắc dân bất thâu.

Không tử nói: Cung kính mà không biết lễ thì mệt nhọc, cẩn thận mà không biết lễ thì sợ hãi, dũng cảm mà thiếu lễ thì sinh loạn nghịch, ngay thẳng mà không biết lễ thì dễ nóng nảy. Quân tử ngồi cấp trên nếu biết đối đãi nồng hậu với người thân thích thì dân chúng hăng hái theo điều nhân, không lạnh nhạt với bạn cũ, quan chức cũ thì dân chúng không đối xử bạc bẽo với nhau.

8.3

曾子有疾，召門弟子曰：“啟/啟予足！啟予手！詩雲：‘戰戰兢兢，如臨深淵，如履薄冰。’而今而后，吾知免夫，小子！”

Tăng Tử hữu bệnh, triệu môn đệ tử viết: Khải dư túc ! Khải dư thủ ! Thi vân: “Chiến chiến cǎng cǎng cǎng, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng” nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phu, tiếu tử ! Tăng Tử ốm nặng, gọi học trò đến nói: Xem chân của ta, xem tay ta... Kinh Thi viết “Run rẩy nom nớp, như đi ven vực thẳm, như bước trên lớp băng mỏng nước sâu”, từ nay về sau, ta không còn lo lõ làm thương tổn thân thể vón của mẹ cha nữa, các trò ơi !

(Lời bàn: Câu thơ trong Kinh Thi nhắc con người thường xuyên cẩn thận giữ gìn thân thể ... Tăng tử sắp chết, nhận thấy thân thể mình nguyên vẹn thì yên tâm rằng chưa làm xúc phạm tổn thương thân thể, tức là đã giữ được chữ hiếu)

8.4

曾子有疾，孟敬子問之。曾子言曰：“鳥之將死，其鳴也哀；人之將死，其言也善。君子所貴乎道者三：動容貌，斯遠暴慢矣；正顏色，斯近信矣；出辭氣，斯遠鄙倍矣。籩豆之事，則有司存”。

Tăng Tử hữu tật, Mạnh Kính tử vẫn chi. Tăng Tử ngôn viết: Điều chi thương tử, kỳ minh dã ai ; Nhân chi thương tử, kỳ ngôn dã thiện. Quân tử sở quý hổ đạo giả tam: động dung mạo, tư viễn bạo mạn hĩ; Chính nhan sắc, tư cận tín hĩ; Xuất từ khí, tư viễn bỉ bội hĩ. Biên đậu chi sự, tắc hữu ti tồn. Tăng tử ốm nặng, Mạnh Kính tử đến thăm. Tăng tử nói: Con chim sắp chết tiếng kêu bi thương, con người sắp chết lời nói rất thực. Quân tử theo đạo cần chú ý ba điều: Cử chỉ nên khoan thai điềm đạm; át rời xa thô bạo ngạo mạn); Sắc mặt đoan trang nên được tín nhiệm, cất lời nói thì chú ý giọng điệu tránh thô bỉ sai sót. Còn việc cúng tế khác đã có quan chủ sự lo toan.

8.5

曾子曰：以能問於不能，以多問於寡，有若無，實若虛；犯而不校...昔者吾友嘗從事於斯矣。

Tăng Tử viết: Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư; Phạm nhì bất giáo.....Tích giả ngô hữu thường tòng sự ư tư hĩ.

Tăng tử nói: Người làm được lại dám đi hỏi người không biết, người biết nhiều lại đi hỏi kẻ biết ít. Có tài năng mà nhìn qua như không có, có học thức mà thể hiện như không. Bị xúc phạm mà không tranh cãi so đo. Ta từng có những người bạn cũ như thế.

8.6

曾子說: 可以託六尺之孤,可以寄百裡之命,臨大節而不可奪也。君子人與?君子人也。

Tăng tử thuyết: Khả dĩ thắc lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lý chi mệnh, lâm đại tiết nhi bất đoạt dã. Quân tử nhân du? Quân tử nhân dã.

Tăng Tử nói: Có thể gửi gắm vua còn nhỏ tuổi, có thể giao vận mệnh quốc gia, nguy hiểm thân mình không mất khí tiết. Người ấy có phải quân tử không? Đúng là người quân tử.

8.7

曾子曰:士不可以不弘毅,任重而道遠。仁以為己任,不亦重乎?死而后已,不亦遠乎?

Tăng Tử viết: Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhậm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỵ nhậm, bất diệc trọng hò? Tử nhi hậu dĩ, bất diệc viễn hò?

Tăng Tử nói: Kẻ sĩ không thể thiếu lý tưởng lớn lao và chí kiên cường bởi vì bởi vì họ phải gánh vác trách nhiệm lớn lao. Gánh điều nhân chẳng phải rất nặng ư? Đến chết mới được ngừng nghỉ, chẳng phải đường dài ư?

8.8

子曰: 興於詩, 立於禮, 成於樂。

Tử viết: Hung ư thi, lập ư lẽ, thành ư nhạc.

Không tử nói: Thơ có thể gây hứng thú làm điều tốt, lẽ giúp ta lập thân, âm nhạc giúp ta tu dưỡng, hoàn thành nhân cách.

8.9

子曰: 民可使由之, 不可使知之。

Tử viết: Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi.

Không tử nói: Có thể khiến cho dân chúng đi theo đường của ta, không thể để họ hiểu vì sao phải như vậy.

(Lời bàn: Câu nói trên có một cách hiểu khác, nếu đánh dấu phẩy khác đi thì câu nói sẽ là: “Dân khả sử, do chi; Bất khả sử, tri chi”: Nếu dân đồng ý làm theo thì để họ làm; Nếu dân chưa hiểu thì phải giải thích cho họ biết).

8.10

子曰: 好勇疾貧, 亂也。人而不仁, 疾之已甚, 亂也。

Tử viết: Hiếu dũng tật bần, loạn dã. Nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ tham, loạn dã.

Không tử nói: Kẻ dũng mà ghét sự nghèo hèn của mình thì dễ làm loạn. Kẻ bất nhân mà bị ghét bỏ quá mức cũng dễ làm loạn.

8.11

子曰: 如有周公之才之美, 使驕且吝, 其余不足觀也已。

Tử viết: Như hưu Chucông chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư bất túc quan dã dĩ

Không tử nói: Nếu có người tài năng và nghệ thuật giỏi như Chu công mà kiêu ngạo, keo kiệt thì những phẩm chất khác của người đó không cần quan sát nữa làm chi.

8.12

子曰：三年學，不至於谷，不易得也。

Tử viết: Tam niên học, bát chí ư lộc, bát dị đắc dã

Người đi học ba năm chẳng chú ý cầu bỗng lộc, ít thấy người được như vậy.

8.13

子曰：“篤信好學，守死善道。危邦不入，亂邦不居。天下有道則見，無道則隱。邦有道，貧且賤焉，恥也。邦無道，富且貴焉，恥也”。

Tử viết: Độc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo. Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc kiên, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bần thả tiện yên, sỉ dã; Bang vô đạo, phú thả quý yên, sỉ dã.

Không tử nói: Dốc lòng tin vào học đạo, quyết tử quên thân giữ đạo, không đến những nước nguy hiểm, không ở đất loạn lạc. Thiên hạ có đạo thì ra làm quan, vô đạo thì đi ở ẩn. Nước có đạo mà nghèo nàn thì đáng sỉ nhục. Nước nhà loạn lạc mà mình giàu có cũng đáng sỉ nhục.

8.14

子曰：不在其位，不謀其政。

Tử viết: Bất tại kỳ vị, bát muru kỳ chính.

Không tử nói: Không giữ chức vụ nào thì đừng bàn về việc ấy.

8.15

子曰：師摯之始《關雎》之亂，洋洋乎盈耳哉！

Tử viết: Sư Chí chi thi “Quan thư” chi loạn, dương dương hồ doanh nhĩ tai.

Không tử nói: Nhạc sư Chí mới phổ nhạc bài “Quan thư” mới nghe ồn ào, sau thấy dào dạt vui thích thuận tai lầm.

8.16

子曰：狂而不直，侗而不願，慄慄而不信，吾不知之矣。

Tử viết: Cuồng nhi bất trực, đồng nhi bất nguyện, không không nhi bất tín, ngô bất tri chi hĩ.

Không tử nói: Cuồng vọng mà thiếu ngay thẳng, kém hiểu biết mà không chân thành, bất tài mà không tín nghĩa. Ta không hiểu loại người này.

8.17

子曰：學如不及，猶恐失之。

Tử viết: Học như bất cập, do khùng thất chí.

Không tử nói: Học tập phải như đuổi không kịp, dù có đuổi kịp còn sợ mất mát điều đã học.

8.18

子曰：巍巍乎，舜禹之有天下也而不與焉！

Tử viết: Nguy nguy hồ, Thuần Vũ chi hữu thiên hạ dã nhi bất dự yên.

Không tử nói: Lồng lộng cao cả thay vua Thuần vua Vũ, có cả thiên hạ rồi mà không kiêu hahn tự mãn.

8.19

子曰:“大哉堯之為君也！巍巍乎唯天為大，唯堯則之。蕩蕩乎，民無能名焉。巍巍乎其有成功也，煥乎其有文章！”

Tử viết: Đại tai Nghiêú chi vi quân dã ! Nguy nguy hò duy thiên vi đại, duy Nghiêú tắc chi. Đang dâng hò, dân vô năng danh yên. Nguy nguy hò kỳ hữu thành công dã, hoán hò kỳ hữu văn chương. Không tử nói: Vĩ đại thay vua Nghiêú ! Cao quý thay, chỉ có trời là cao lớn nhất, và chỉ có vua Nghiêú theo kịp đạo trời. Mênh mông bát ngát dân chúng không ca ngợi xiết. Công lao vua Nghiêú thật vĩ đại, văn chương lễ nhạc ban ra tươi sáng khắp nơi.

8.20

舜有臣五人而天下治。武王曰：“予有十人”。孔子曰：“才難，不其然乎？唐虞之際，於斯為盛，有婦人焉九人而已。三分天下有其二，以服事殷。周之德，其可謂至德也已矣”。

Thuần hữu thàn ngũ nhân nhi thiên hạ trị. Vũ vương viết: Dư hữu thập nhân. Không tử viết: Tài nan, bất kỳ nhiên hò ? Đường Ngu chi tế, ư tư kỳ thịnh, hữu phụ nhân yên cữu nhân nhi dĩ. Tam phân thiên hạ hữu kỳ nhì, dĩ phục sự Ân. Chuchi đức, kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ.

Vua Thuần chỉ có năm hiền thần mà thiên hạ bèn vững. Vua Vũ Vương từng nói: Ta có mười người. Không tử nói: Có được nhân tài khó thay, chẳng phải vậy ư? Sau thời Đường Ngu có lúc Vũ vương đạt đến thịnh vượng, nhưng trong 10 người chỉ có 1 người là nữ, nên thực ra chỉ có 9 người mà thôi. Được hai phần ba thiên hạ, vua Vũ vẫn lấy thân phận chư hầu phục vụ nhà Ân. Đức của vua Chu Vũ Vương là cao quý nhất.

8.21

子曰：禹，吾無間然矣。菲飲食而致孝乎鬼神，惡衣服而致美乎黻冕；卑宮室而盡力乎溝洫。禹，吾無間然矣。

Tử viết: Vũ, ngô vô gian nhiên hĩ. Phỉ ẩm thực nhi trí hiếu hò quỷ thàn, ô y phục nhi trí mĩ hò phát miện; Ti cung thất nhi tận lực hò câu húc. Vũ, ngô vô gian nhiên hĩ.

Không tử nói: Vua Vũ, ta chẳng thấy có khuyết điểm nào đê nói nữa. Ăn uống đậm bạc mà tế lễ quỷ thần rất thịnh soạn, trang phục bình thường giản dị mà tế lễ thì mặc đẹp, mũ miện đầy đủ. Nói ở thì chật hẹp, dốc toàn lực ra xây dựng đê điều thủy lợi. Về vua Vũ, ta chẳng có gì đê nói.

Hết thiên 8

9. 子罕Tử hahn

第九篇 thiêng 9

31 bài

9•1

子罕言利與命與仁。

Tử hahn ngôn lợi dữ mệnh dữ nhân

Không tử ít bàn về lợi, mệnh trời và nhân tính.

(Lời bàn:

Chúng tôi đã tham khảo hai cách chú giải:

1. GS. Cao Xuân Huy giải thích: "Không tử ít khi bàn về lợi ích liên quan đến thiên mệnh và nhân" (GS Nguyễn Huệ Chi thuật lại qua một email khi tôi hỏi ý kiến thầy). Nghĩa là chỉ bàn về lợi nếu không liên quan đến mệnh và nhân.

2. Một số học giả Trung Quốc và Đài Loan cho rằng: Không tử ít khi bàn về lợi nhưng có bàn về mệnh trời và nhân tính (do phiên âm như sau: Tử hán ngôn lợi dự mệnh dự nhân) (Nguyễn Thanh Phong NCS ở Đài Loan cung cấp tư liệu).

Sau cùng chúng tôi chọn cách chú giải khác và tin tưởng là đúng hơn:

"Lợi": Không tử ít bàn về lợi, vì lợi mình mà hại người, hại đạo.

Quan điểm của cố nhân thường là: Trọng nghĩa khinh lợi, Trọng nghĩa khinh tài, Nghĩa trước, lợi sau. Quan điểm đó phù hợp với lời Khổng tử.

"Thiên mệnh" huyền bí, con người chưa thể thấu hiểu được, nói tùy tiện khiến người ta lo lắng. Do đó Không tử không muốn bàn về "Trời".

"Nhân" là khái niệm mở rộng, rất phức tạp, không thể đơn giản bàn lý thuyết, do vậy Không tử chỉ xem xét những trường hợp cụ thể của chữ Nhân.

Xin xem thiền 5.13 Công Dã Tràng (Tử Công nói: Văn chương của thầy, chúng ta đã được biết. Còn luận bàn của thầy về nhân tính và đạo trời thì chúng ta chưa biết).

9•2

達巷黨人曰：“大哉孔子！博學而無所成名”

。子聞之，謂門弟子曰：“吾何執？執御乎？執射乎？吾執御矣”。

Đạt Hạng đảng nhân viết: Đại tài Khổng tử ! Bác học nhi vô sở thành danh. Tử văn chi, vị môn đệ tử viết: Ngô hà chấp? Chấp ngự hò? Chấp xạ hò? Ngô chấp ngự hĩ.

Một người ở làng Đạt Hạng nói: "Không tử thật là vĩ đại ! Người học rộng nhưng rất tiếc chẳng có chức danh gì". Không tử nghe được, nói với học trò: "Ta làm cái gì ư? Ta đánh xe hay là bắn cung? Thôi, ta làm nghề đánh xe vậy."

(Lời bàn: Người dân ca ngợi Khổng tử vĩ đại nhưng họ tiếc rằng ngài chẳng có danh hiệu gì. Thực ra Khổng tử vĩ đại ở đức nhân. Đây là điều cốt lõi của con người và nền tảng văn minh của xã hội... Con người không nhất thiết phải có một cái danh gì cụ thể. Nếu nhất định phải có thì ngài nhân minh là nghề đánh xe. Tức là đánh xe dẫn đường cho con người vậy !)

9•3

子曰：“麻冕，禮也；今也純，儉，吾從眾。拜下，禮也；今拜乎上，泰也。雖違眾，吾從下”。

Tử viết: Ma miện, lễ dã; Kim dã đồn, kiệm, ngô tòng chúng. Bái hạ, lễ dã; kim bái hò thượng, thái dã. Tuy vi chúng, ngô tòng hạ.

Không tử nói: Đội mũ tang băng vải gai đen là theo lễ xưa, nay dùng vải tơ rẻ tiền hơn. Vậy ta làm theo mọi người. Còn trong việc bái yết vua, theo đúng lễ là vái từ bậc thềm dưới, đời nay người ta vái từ bậc thềm trên, như thế là kiêu mạn, ta khác với họ. ta vẫn vái ở bậc thềm dưới.

9•4

子絕四：毋意，毋必，毋固，毋我。

Tử tuyệt tú: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Không tử không bao giờ mắc bốn sai lầm này: chỉ dựa vào ý riêng, áp đặt phán đoán, cố chấp, tự cho mình là đúng.

9•5

子畏於匡, 曰:“文王既沒, 文不在茲乎? 天之將喪斯文也, 后死者不得與於斯文也.天之未喪斯文也, 匡人其如予何 ?”

Tử úy ư Khuông, viết: Văn Vương kí một, văn bát tại tư hò? Thiên chi thương tang tư văn dã, hậu tử giả bát đắc dũ ư tư văn dã; Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà ?

Khi qua đất Khuông bị vây khốn, Khổng tử nói: Vua Văn Vương đã mất đi, chẳng phải lỄ nhạc, văn hóa đều còn ở nơi ta cả ư? Nếu Trời muốn hủy diệt nền văn hóa này thì sao vua Văn Vương mất đi lại ủy thác cho ta nǎm lấy làm chi ? Còn nếu Trời không muốn mất nền văn hóa này thì người Khuông làm gì được ta !

9•6

太宰問於子貢曰:“夫子聖者與 ? 何其多能也 ?”. 子貢曰:“固天縱之將聖, 又多能也”

。子聞之, 曰:“太宰知我乎 ? 吾少也賤, 故多能鄙事。君子多乎哉 ? 不多也”。

Thái Tề vân ư Tử Cống viết: Phu tử thánh giả dụ ? Hà kỳ đa năng dã ? Tử Cống viết: Có thiên tung chi thương thánh, hữu đa năng dã”. Tử văn chi, viết: Thái Tề tri ngã hò ? Ngô thiêu dã tiễn, cỗ đa năng bỉ sự. Quân tử đa hò tai ? Bát đa dã.

Quan Thái tử hỏi Tử Cống: Khổng tử là bậc thánh phải không? Vì sao ngài nhiều tài nghệ như vậy?. Tử Cống nói: Đây do Trời để cho Khổng tử làm thánh nhân, có nhiều tài... Khổng tử biết việc này, nói: “Quan Thái tử làm sao hiểu được ta. Lúc nhỏ ta nghèo hèn, phải làm nhiều nghề nên biết nhiều việc nhỏ mọn. Người quân tử có cần biết nhiều vậy không ? Ta nghĩ không cần biết nhiều như vậy”

9•7

牢曰: 子雲, ‘吾不試, 故藝’ 。

Lao viết: Tử vân, ngô bát thí, cỗ nghệ”

Ông Lao nói: “Khổng tử từng nói ta không thành danh, nên biết một số công nghệ”.

(Lời bàn: Khổng tử ít được trọng dụng làm quan (chỉ có mấy năm làm quan nước Lỗ). Ông cho rằng làm quan thì bận rộn, đắc chí, không có chí tiến bộ nữa. Khi hết quan về làm dân thì chẳng biết làm gì... Còn những người không được làm quan thì ra sức tìm tòi, mưu cầu cuộc sống, rèn luyện trong gian khổ, tài năng được bộc lộ).

9•8

子曰: 吾有知乎哉 ? 無知也。有鄙夫問於我, 空空如也。我叩其兩端而竭焉。

Tử viết: Ngô hữu tri hò tai ? Vô tri dã. Hữu bỉ phu ván ư ngã, không không như dã. Ngã khẩu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên.

Khổng tử nói: Ta có nhiều hiểu biết ư ? Không, ta không hiểu biết nhiều đâu. Có một nông dân hỏi ta một việc, lúc đầu ta chưa hiểu gì cả. Sau, ta phải hỏi lại trước sau đầu đuôi, rồi ta giải thích tường tận cho họ.

9•9

子曰: 鳳鳥不至, 河不出圖, 吾已矣夫 !

Tử viết:: Phượng điêu bất chí, hà bất xuất đồ, ngô dī hī phù !

Không tử nói: Phượng hoàng không bay đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện đồ thư, đời ta thế là hết rồi !

(Chú thích: Theo truyền thuyết, thiên hạ thái bình thì chim phượng hoàng bay đến, thánh nhân xuất hiện thì trên sông Hoàng nổi tẩm đồ thư (truyền thuyết về Hà đồ / bức vẽ bát quái trên sông- nguồn gốc của Kinh Dịch). Không tử buồn bã vì thời Xuân thu loạn lạc, chư hầu phân tranh, mất hết đạo đức lẽ nghĩa, không ai theo lẽ nhà Chunūra)

9•10

子見齊衰者, 冕衣裳者與瞽者, 見之, 雖少, 必作過之, 必趨。

Tử kién tè thôi giả, miện y thường giả dū cō giả, kién chi, tuy thiêu, tắt tác; Quá chi, tắt xu.

Không tử gặp người mặc tang phục, một người đội mũ miện mặc lễ phục và người mù dù họ còn trẻ, ngài cũng nhất định đứng lại hoặc nếu qua rồi thì đi nhanh hơn.

(Lời bàn: Là người có đức nhân, Không tử thương cảm người có tang, người khuyết tật và tôn trọng người có chức tước)

9•11

顏淵喟然嘆曰: 仰之彌高, 鑽之彌堅, 瞻之在前,

忽焉在后。夫子循循然善誘人, 博我以文, 約我以禮, 欲罷不能。即竭吾才, 如有所立卓爾。雖欲從之, 未由也已”。

Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Nguõng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu. Phu tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân, bác ngã dī văn, ước ngã dī lễ, dục bāi bất nǎng. Túc kiệt ngô tài, như hưu sở lập trác nhī. Tuy dục tòng chi, mạt do dā dī

Nhan Uyên ngâm ngùi than rằng: Đạo của thầy càng ngược lên nhìn, càng thấy cao, càng nghiên cứu càng thấy sâu xa. Mới thấy phía trước, lại thấy phía sau. Thầy khéo léo dẫn giải cho ta hiểu. Thầy dùng đủ loại văn chương làm cho ta hiểu, lại dùng lễ tiết để đưa hành vi của ta vào khuôn phép, khiến ta muốn thôi cũng không được. Ta cố sức học mà vẫn thấy thầy đứng sừng sững trước mặt... Ta muốn theo đến cùng mà khó đạt yêu cầu của thầy ta.

9•12

子疾病, 子路使門人為臣。病間, 曰: “久矣哉, 由之行詐也。無臣而為有臣。吾誰欺? 欺天乎? 目予與其死於臣之手也, 無寧死於二三子之手乎? 目予縱不得大葬, 予死於道路乎?”

Tử tật bệnh, Tử Lộ sử môn nhân vi thần. Bệnh gián, viết: Cứu hī tai, di chi hành trá dā. Vô thần nhi vi hưu thần. Ngô thùy khi? Khi thiên hò? Thá dư dū kỳ tử ư thần chi thủ dā, vô ninh tử ư nhị tam tử chi thủ hò? Thá dư tung bát đắc đại táng, dư tử ư đạo lộ hò?

Không tử óm nặng, Tử Lộ bảo học trò của thầy đóng vai gia thần lo liệu hậu sự. Bệnh tình thuyên giảm, Không tử nói: Quá lám rồi, Trọng Do, thật quá bày vẽ. Không thực tế lại còn dối trá nữa. Ta làm gì có gia thần mà lại giả bộ thế. Ta lừa ai? lừa trời chăng? Giả sử ta chết trong tay gia thần, sao bằng chết trong tay học trò của ta! Dù không được tang lễ trọng thể, chả lẽ ta chết ở ngoài đường hay sao?

(Chú thích: Tử Lộ vì tôn kính thầy mà đạo diễn đám tang thầy theo kiểu quan chức, quý tộc. Không tử thì muốn hành xử theo đúng chính danh, nếu làm như trò là dối người lừa trời, chết mà còn mắc thêm tội)

9•13

子貢曰：有美玉於斯，韞匱而藏諸？求善賈而沽諸？.

子曰：沽之哉，沽之哉！我待賈者也。

Tử Công viết: Hữu mỹ ngọc ư tư, uân độc nhi tàng chư ? Cầu thiện giá nhi cô chư ?

Tử viết: Cô chi tai, cô chi tai ! Ngã đái giá giả dã.

Tử Công nói: Đây có viên ngọc đẹp, bây giờ cất vào trong tráp hay là đem tìm người biết giá trị của nó mà bán đi ?

Không tử đáp: Bán đi, bán đi...Ta đang đợi người biết giá của nó đây.

(Chú thích: Viên ngọc là ẩn dụ chỉ tài năng. Không tử nói mình chờ vua chúa mời đi làm quan)

9•14

子欲居九夷。或曰：“陋，如之何？”. 子曰：“君子居之，何陋之有？”

Tử dục cư Cửu Di. Hoặc viết: Lậu, như chi hè?. Tử viết: Quân tử cư chi, hè lậu chi hữu ?

Không tử muốn đến đất Cửu Di để ở. Có người nói “Đất ấy quá lạc hậu, làm sao ở được”. Không tử nói: Có người quân tử ở đó, làm sao còn lạc hậu nữa.

9•15

子曰：吾自衛反魯，然后樂正，雅頌各得其所。

Tử viết: Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính, nhã tụng các đắc kỳ sở.

Không tử nói: sau khi ta từ nước Vệ trở về Lỗ, chỉnh lý lại các bản nhạc, khiến cho Nhã và Tụng có vị trí thích đáng của nó (như lễ, nhạc thời nhà Chu).

9•16

子曰：出則事公卿，入則事父兄，喪事不敢不勉，不為酒困，何有於我哉。

Tử viết: Xuất tắc sự công khanh, nhập tắc sự phụ huynh, tang sự bất cảm bất miễn, bất vi tửu khốn, hè hữu ư ngã tai.

Không tử nói: Ở triều đình thì tôn kính công khanh. Ở nhà hiếu đế với cha mẹ, anh chị, gấp việc tang thì chu toàn lễ tiết, rượu chè không quá say sưa. Những việc đó ta đã làm được ít nào chăng ?

9•17

子在川上曰：逝者如斯夫，不舍晝夜。

Tử tại xuyên thượng viết: Thê giả như tư phù, bất xá trú dạ.

Không tử ngồi bờ sông nói: Kẻ ra đi mãi không trở lại, ngày đêm không ngừng trôi.

(Lời bàn: Nhìn nước sông (kẻ ra đi) nghĩ tới thời gian, trôi đi mãi không trở lại được, Không tử nhận ra qui luật khách quan, nghĩ về sự phán đoán không mệt mỏi của con người... Nhà triết học Hi Lạp cổ đại Heraclitus cũng viết: “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông”. Từ hai phương trời xa, hai tư tưởng lớn gặp nhau)

9•18

子曰：吾未見好德如好色者也。

Tử viết: Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã.

Không tử nói: Ta chưa thấy người nào thích đức nhân như thích sắc đẹp.

(Lời bàn: Ngài biết bản tính tự nhiên của con người là thích sắc đẹp, nhưng yêu cầu họ nên rèn luyện tu dưỡng chữ Nhân)

9•19

子曰：譬如為山，未成一篑，止，吾止也。譬如平地，雖覆一篑，進，吾往也。

Tử viết: Thí như vi sơn, vị thành nhất trách, chỉ, ngô chỉ dã; Thí như bình địa, tuy phúc nhất trách, tiến, ngô vãng dã.

Không tử nói: Cũng như đắp núi, nếu thêm một sọt nữa thì thành núi, nếu ta đột nhiên ngưng lại là do ta tự dừng lại. Lại ví như ta đắp hang hố thành đất bằng, chỉ đỗ thêm một sọt đất nữa thôi, ta cũng có gắng tiếp tục, đó là do ta muôn tiến đến thành công.

9•20

子曰：語之而不惰者，其回也與！

Tử viết: Ngữ chi nhi bất nọa giả, kỳ Hồi dã dư !

Không tử nói: Người nghe ta nói mà không uể oải, có lẽ chỉ có Nhan Hồi.

9•21

子謂顏淵曰：惜乎！吾見其進也，未見其止也。

Tử vị Nhan Uyên: Tích hồ ! Ngô kiến kỳ tiến dã, vị kiến kỳ chỉ dã.

Không tử nói về Nhan Uyên than rằng: Tiếc thay ! Ta chỉ thấy trò Hồi không ngừng tiến lên, chứ chưa bao giờ thấy trò ấy ngừng phán đầu.

9•22

子曰：苗而不秀者有矣夫，秀而不實者有矣夫！

Tử viết: Miêu nhi bất tú giả hữu hĩ phù; Tú nhi bất thực giả hữu hĩ phù !

Không tử nói: Lúa này mầm mà không ra đồng nở hoa, chuyện này đích xác là có đây ! Làm đồng nở hoa mà không kết hạt, chuyện này đích xác là có đây !

(Lời bàn: Không tử ví người quân tử cũng như cây lúa vậy, nghĩa là phải có ích)

9•23

子曰：后生可畏，焉知來者之不如今也？四十，五十而無聞焉，斯亦不足畏也已。

Tử viết: Hậu sinh khá úy, yên tri lai giả chi bất như kim dã ? Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tu diệc bất túc úy dã dĩ.

Không tử nói: Những người sinh sau rất đáng sợ, nhưng biết đâu tương lai của họ không bằng hiện nay ! Nếu họ đến bốn chục, năm chục tuổi mà chưa có tiếng tăm gì thì không phải sợ họ nữa.

9•24

子曰：法語之言，能無從乎？改之為貴。巽與之言，能無說乎？繹之為貴。說而不繹，從而不改，吾末如之何也已矣。

Tử viết: Pháp ngữ chi ngôn, nǎng vô tòng hò ? Cải chi vi quí. Tốn dũ chi ngôn, nǎng vô duyệt hò ? Dịch chi vi quí. Duyệt nhi bất dịch, tòng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dī hī.

Khổng tử nói: Lời nói đúng đắn có thể không nghe theo ư ? Làm theo lời ấy mà sửa chữa mới là quý. Lời nói từ tốn nhẹ nhàng nghe không vui sướng sao ? Vui thích chưa đủ, còn phải suy nghĩ nữa. Chỉ biết tiếp thu mà không sửa chữa, biết vui thích mà không suy nghĩ, ta chả biết loại người ấy thế nào nữa.

9•25

子曰：主忠信，母友不如己者，過則勿憚改。

Tử viết: Chủ trung tín, vô hữu bất như kỷ giả, quá tắc vật đạn cải.

Khổng tử nói: Cốt yêu là phải biết giữ trung và tín, không kết bạn với kẻ không giống mình, có lỗi thì biết sửa chữa.

9•26

子曰：三軍可奪帥也，匹夫不可奪志也。

Tử viết: Tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã.

Khổng tử nói: Trước ba quân, có thể cướp cờ, đoạt tướng nhưng không thể cướp đoạt ý chí của người dân bình thường.

(Lời bàn: Khổng tử muốn nhắm nhủ các chính khách, tướng lĩnh, nhà lãnh đạo phải nghĩ đến ý chí nhân dân, không thể áp đặt chính kiến cho họ)

9•27

子曰：“衣敝縕袍，與衣狐貉者立而不恥者，其由也與？‘不忮不求，何用不臧？’”。

子路終身誦之。子曰：“是道也，何足以臧？”

Tử viết: Ý tệ uân bào, dự ý hò hạc giả lập nhi bất sĩ giả, kỳ Do dã dư ? Bất kỳ bất cầu, hà dụng bất tang ? Tử Lộ chung thân tụng chi. Tử viết: Thị đạo dã, hà túc dī tang ?

Khổng tử nói: Mặc áo vải cũ rách dám đứng chung với người áo lông gấm mà không hổ thẹn, ta thấy chỉ có Tử Lộ thôi. Kinh Thi có câu: Không đồ ky, chẳng tham cầu, làm gì mà chẳng tốt đẹp”.

Tử Lộ nghe được, thích lăm cú đọc mãi hai câu này... Thấy vậy Khổng tử bảo: Chỉ có đọc thuộc như vậy, chưa đủ tốt đẹp được.

9•28

子曰：歲寒然后知鬆柏之后彫后也。

Tử viết: Tué hàn nhiên hậu tri tùng bá chi hậu điêu hậu dã.

Khổng tử nói: Mùa lạnh, mới biết cây tùng cây bách rụng lá sau cùng

(Chú thích: người quân tử được ví như cây tùng cây bách chịu đựng mọi thời tiết)

9•29

子曰：知者不惑，仁者不憂，勇者不懼。

Tử viết: Trí giả bất hoắc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cự

Khổng tử nói: Người có trí tuệ không nhầm lẫn, người đức nhân không bao giờ ưu lo, người dũng khí chẳng bao giờ sợ hãi.

9•30

子曰：可與共學，未可與適道。可與適道，未可與立。可與立，未可與權。

Tử viết: Khả dự cộng học, vị khả dự thích đạo; Khả dự thích đạo, vị khả dự lập; Khả dự lập, vị khả dự quyền.

Khổng tử nói: Cùng học với nhau chưa chắc cùng đắc đạo như nhau. Có thể cùng đạt như nhau nhưng chưa chắc kiên định đạo lý như nhau. Có thể cùng kiên định như nhau, chưa chắc hành xử phù hợp hoàn cảnh như nhau.

(Lời bàn: Có thể suy ra: có bằng cấp như nhau chưa chắc trình độ ngang nhau...Cùng chức vụ ngang nhau, chưa chắc làm tốt như nhau.)

9•31

“唐棣之華，

偏其反而。

豈不爾思，

室是遠而”。

子曰：“未之思也，夫何遠之有？”

Đường lệ chi hoa,
thiên kỳ phản nhi.

Khải bất nhĩ tư,
thát thị viễn nhi.

Tử viết: Vị chi tư dã, phù hà viễn chi hữu?

“Cây đường lệ nở hoa

Đung đưa nở rồi khép
Anh đâu quên nhớ em
Chỉ vì nhà xa quá !”

Đọc xong 4 câu thơ trên, Khổng tử bình luận: Vậy là chẳng “nhó” gì đâu. Nhớ thật thì có gì là xa xôi ?!

(Lời bàn; Khổng tử là một nhà phê bình văn học sắc sảo đến lạnh lùng...Những người làm thơ viết nhạc trẻ đã viết ra những thơ tình, nhạc tình sướt mướt, uốn éo giả tạo nghĩ gì khi đọc Khổng tử ?! Khổng tử còn mượn bài thơ nói về một chuyện khác: Yêu đạo lý là thật lòng nhưng người học kêu khó quá, kêu thiếu thời gian, nại ra mọi lý do lý tráu để trì hoãn việc học đạo...)

Hết thiên 9

1. 10. 言鄉黨Hương đảng

第十篇 thiêng 10

27 bài

10•1

孔子於鄉黨，恂恂如也，似不能言者。其在宗廟，朝廷，便便言，唯謹爾。

Không tử ư hương đảng, tuân tuân như dã, tự bất năng ngôn giả. Kỳ tại tông miếu, triều đình, tiệc tiệc ngôn, duy cẩn nhĩ.

Không tử ở quê nhà, đối với bậc trên, kính cẩn chật chạp, như không biết nói gì làm gì. Nhưng khi ở nơi tông miếu triều đình làm việc, Không tử làm việc chắc chắn, thận trọng.

10•2

朝,與下大夫言,侃侃如也。與上大夫言,訚訚如也。君在,踧踖如也,與與如也。

Triều, dũ hạ đại phu ngôn, khẩn khẩn như dã; Dữ thượng đại phu ngôn, ngân ngân như dã. Quân tại, địch địch như dã, dũ dũ như dã.

Ở triều đình, (Không tử) nói chuyện với quan đại phu dưới quyền thì thẳng thắn, với quan cấp trên thì giữ thái độ từ tốn. Khi vua đến thì ngài cung kính rụt rè như không yên tâm, không thể hiện cử chỉ gì thắt lẽ.

10•3

君召使揖,色勃如也,足蹠如也。揖所與立,左右手,衣前后,襜如也。趨進,翼如也。賓退,必復命曰:“賓不顧矣”。

Quân triều sứ thần, sắc bột như dã; Túc khước như dã. Áp sở dự lập, tả hữu thủ, y tiền hậu, xiêm như dã. Xu tiến, dực như dã. Tân thoái, tất phục mệnh viết: Tân bất cố hĩ.

Vua triệu đến tiếp khách, Không tử tiếp chỉ xong thái độ nghiêm trang. Trước mặt khách, Không tử cẩn thận chu đáo, chân bước nhanh hơn. Đứng chào khách, ngài chắp hai tay cúi đầu, bên trái rồi bên phải, trang phục ngay ngắn chỉnh tề phía trước và phía sau. Dẫn khách vào, đi nhanh lên trước đưa thẳng hai tay như cánh chim. Khách ra về, ngài quay lại vua thưa: Khách không còn ngoảnh mặt lại nữa.

10•4

入公門,鞠躬如也,如不容。立不中門,行不履闌。過位,色勃如也,足蹠如也,其言似不足者。

攝齊升堂,鞠躬如也,屏氣似不息者。出,降一等,逞顏色,怡怡如也。沒階,趨進,翼如也。復其位,踧踖如也。

Nhập cung môn, cúc cung như dã, như bất dung. Lập bất trung môn, hành bất lý vực. Quá vị, sắc bột như dã, túc khước như dã, kỳ ngôn tự bất túc giả. Nhiếp tư thăng đường, cúc cung như dã, bình khí tựa bất túc giả. Xuất, hàng nhất đảng, sinh nhan sắc, di di như dã. Một gai, xu tiến, dực như dã. Phục kỳ vị, địch địch như dã.

Khi vào cửa cung điện, Ngài kính cẩn khom lưng, như mình không có chỗ dung thân (cảm thấy mình không xứng đáng). Không đứng giữa cửa, không dẫm chân lên ngưỡng cửa; Khi đi ngang chỗ vua ngồi, sắc mặt hơi đổi, chân bước nhanh hơn, nói khe khẽ. Khi vén áo bước lên công đường, ngài cúi mình nín thở. Khi trở ra, xuống một bậc thềm thì sắc mặt ngài thư giãn vui vẻ, xuống tới bậc chót rảo bước, hai tay đưa như chim xòe cánh. Trở lại vị trí của mình thì ngài giữ vẻ cung kính.

10•5

執圭,鞠躬如也,如不勝。上如揖,下如授。勃如戰色,足蹠蹠,如有循。享禮,有容色。私覲,愉愉如也。

Chấp Khuê, cúc cung như dã, như bát thăng. Thượng như ấp, hạ như thụ. Bột như chién sắc, túc súc súc, như hưu tuân. Hướng lẽ, hưu dung sắc. Tư địch, du du như dã.

Mang ngọc Khuê (đi sứ, dâng lên vua chư hầu) hai tay dâng lên như bụng không nỗi, Khổng tử giơ ngọc lên (như chào) rồi hạ xuống ngực, báo hiệu sắp dâng lẽ, nét mặt kính sợ. Khi dâng lẽ vật, ngài tươi tắn trang trọng. Khi đưa lẽ của riêng mình thì ngài thoái mái vui tươi.

10•6

君子不以紺緞飾，紅紫不以為亵服。當暑，袗緞綵，必表而出之。緞衣，羔裘，素衣，麑裘，黃衣，狐裘。麑裘長，

短右袂。必有寢衣，長一身有半。狐貉之厚以居。去喪，無所不佩。非帷裳，

必殺之。羔裘玄冠不以吊。吉月，必服而朝。

Quân tử bát dĩ cám tru súc, hòng tử bát dĩ vi tiết phục. Dương thử, chẩn hi khích, tất biếu nhi xuất chi. Tri y, cao cùu; Tố y, nghê cùu; Hoàng y, hồ cùu, tiết tiết trường, đoán hưu mệ. Tất hưu tẩm y, trường nhất thân hưu bán. Hồ hạc chi hậu di cư. Khứ tang, vô sở bất bội. Phi duy thường, tất sát chi. Cao cùu huyền quan bát dĩ điếu. Cát nguyệt, tất phục nhi triều.

Quân tử không dùng màu xanh da trời và màu đỏ nâu để viền quần áo (màu xanh da trời là màu dùng khi cúng tế, màu đỏ nâu dùng khi có tang). Trời nóng, Khổng tử mặc áo đơn mỏng nhất định có lót bên trong. Mùa lạnh áo da cùu đen bên trong, áo dài đen ở ngoài; hoặc áo da hươu trắng bên trong thì áo dài trắng ở ngoài, nếu mặc áo da cáo màu vàng ở trong thì áo dài vàng ở ngoài. Áo thường ngày mặc ở nhà dài hơn lẽ phục một ít, ống tay phải ngắn hơn ống trái một ít cho dễ làm việc. Khi ngủ ngài mặc áo dài bằng nửa người. Áo da hạc da cáo mặc làm việc nhà có lông dày và ấm. Khi mãn tang thì ngài thường đeo ngọc. Nói chung áo mặc ở nhà thì giản dị hơn. Không mặc áo da cùu màu đen và mũ đen đi viếng tang. Ngày đầu tháng, Khổng tử mặc triều phục vào chầu vua.

10•7

齊，必有明衣，布。齊，必變食，居必遷坐。

Trai, tất hưu minh y, bô. Trai, tất biến thực, cư tất thiên tọa.

Vào kỳ tế lẽ, Khổng tử giữ mình sạch sẽ, mặc áo vải trắng. Trong kỳ tế lẽ, thay đổi thức ăn, dời phòng nghỉ (tạm không ở chung phòng với thê, thiếp)

10•8

食不厭精，膾不厭細。食餧而鶴，魚餕而肉敗，不食。色惡，不食。臭惡，不食。失飪，不食。

不時，不食，割不正

，不食。不得其醬，不食。肉雖多，不使勝食氣。唯酒無量，不及亂。沽酒市脯，不食。不撤蠶食，不多食。

Thực bát yếm tinh, khoái bát yếm té. Thực bát nhí é, ngư nỗi nhí nhục bại, bát thực. Sắc ó, bát thực. Xú ó, bát thực. Thát nhãm, bát thực. Bát thời, bát thực, cát bát chính, bát thực. Bát đắc kỳ tương, bát thực. Nhục tuy đa, bát sử thắng thực khí. Duy túu vô lượng, bát cập loạn. Cô túu thị bô, bát thực. Bát triệt khương thực, bát đa thực.

Về ăn uống Khổng tử không cần cao lương mỹ vị nhưng chọn thực phẩm vệ sinh và hợp đạo lý quân tử. Gạo giã trắng, thịt thái mỏng. Ngài không ăn tam loại sau đây: lương thực để lâu đổi màu,

thức ăn ôi thiu, rau quả héo úa, thịt cá sống đã ngả màu, thức ăn có mùi khó ngửi, nấu sống hay chín quá, thực phẩm trái mùa, thức ăn nêm nếm không đúng cách, miếng thịt thái không vuông vắn. Thức ăn nhiều ngài cũng không ăn quá no, rượu không giới hạn nhưng không quá say. Không mua rượu và thịt khô ngoài chợ. Mỗi bữa ăn đều có gừng, chỉ vừa đủ.

10•9

祭於公，不宿肉，祭肉不出三日。出三日，不食之矣。

Tế ư công, bát túc nhục, té nhục bát xuất tam nhật. Xuất tam nhật, bát thực chi hĩ.

Không tử dự lễ ở tông miếu, không để thịt qua đêm. Khi tế ở nhà, ngài không để thịt quá ba ngày.

Nếu quá ba ngày, ngài không ăn nữa.

10•10

食不語，寢不言。

Thực bát ngũ, tâm bát ngôn.

Khi ăn không trò chuyện, khi ngủ cũng không nói chuyện với ai.

10•11

雖疏食菜羹，瓜祭，必齊如也。

Tuy sơ thực thái canh, qua té, tất trai như dã.

Tuy ăn cơm rau cải bình thường, Không tử cũng cúng một ít dưa, thành tâm như cúng lễ.

10•12

席不正，不坐。

Tịch bát chính, bát tọa.

Chiếu trải không ngay ngắn, (ngài) không ngồi.

10•13

鄉人飲酒，杖者出，斯出矣。

Hương nhân ẩm túu, trưng già xuất, tư xuất hĩ.

Khi uống rượu với người làng, đợi các cụ cao tuổi rời khỏi mâm, Không tử mới rời sau.

10•14

鄉人儻，朝服而立於阼階。

Hương nhân na, triều phục nhi lập ư tộ giai.

Người làng làm lễ tống quỷ nghênh thần, Không tử mặc triều phục đứng bậc thềm phía đông.

(Chú thích: Không tử quen lệ cúng té ở triều đình, quan chức đứng phía đông. Về quê thầy vẫn coi trọng lễ như thế)

10•15

問人於他邦，再拜而送之。

Ván nhân ư tha bang, tái bái nhi tống chi.

Khi nhờ người thăm hỏi bạn hữu ở nước khác, Không tử vái người đưa tin hai cái để tiễn người ấy.

(Chú thích: Một vái cảm tạ và tống tiễn người đưa tin, một vái gửi người bạn hữu ở nước kia)

10•16

康子饋藥，拜而受之。曰：“丘未達，不敢嘗”。

Khang tử quĩ dược, bái nhi thụ chi. Viết: Khâu vị đạt, bát cảm thường .

Quí Khang tử biếu thuốc, Khổng tử bái tạ rồi mới nhận, rồi nói: Khâu này chưa rõ tính thuốc nên chưa dám nếm.

10•17

廄焚。子退朝，曰：“傷人乎？”。不問馬。

Cứu phàn. Tử thoái trào, viết: Thương nhân hò ? Bát vấn mã.

Chuồng ngựa cháy. Khổng tử rời khỏi triều đình, về đến nhà chỉ hỏi “Có ai bị thương không?”.

Không hỏi ngựa.

(Lời bàn: những người nuôi ngựa là nô lệ nhưng vẫn được Khổng tử coi trọng như người bình thường, người thân thích)

10•18

君賜食，必正席先嘗之。君賜腥，必熟而薦之。君賜生，必畜之。侍食於君，君祭，先飯。

Quân tú thực, tất chính tịch tiên thường chi. Quân tú tinh, tất thực nhi tiên chi. Quân tú sinh, tất súc chi. Thị thực ư quân, quân té, tiên phan.

Vua ban cho thức ăn chín, Khổng tử nhất định trải chiếu ngay ngắn rồi mới ngồi ăn. Vua ban thức ăn sống, Khổng tử nấu xong, cúng tổ tiên rồi mới ăn. Vua ban cho con vật còn sống, Khổng tử giữ lại nuôi. Khi ngồi hầu cơm vua, vua đang té lễ, Khổng tử ném trước.

(Lời bàn: Khổng tử ném trước như một vệ sĩ để kiểm tra an toàn thực phẩm).

10•19

疾，君視之，東首，加朝服，拖紳。

Tật, quân thị chi, đông thủ, gia triều phục, tha thân.

Khổng tử bệnh nằm ở nhà, vua đến thăm, Khổng tử chuyển đầu hướng phiá đông, đem triều phục đắp lên người, dây đeo ở trên cùng.

10•20

君命召，不俟駕行矣。

Quân mệnh triệu, bất sĩ giá hành hĩ.

Khi vua gọi, Khổng tử đi bộ tới ngay, không cần xe.

(Lời bàn: Theo nghi lễ, các quan được quyền đi xe ngựa theo cấp bậc, Khổng tử đi bộ để khỏi phải chờ xe lâu, tận tụy với nhiệm vụ)

10•21

入太廟，每事問。

Nhập thái miếu, mỗi sự vấn.

Khi vào lễ thái miếu, Khổng tử gấp điều gì cũng hỏi.

(Lời bàn: Thái miếu là miếu thờ tổ tiên của vua. Khổng tử hỏi lại nghi lễ cho chắc ăn, để tránh sai sót)

10•22

朋友死，無所歸，曰：“於我殯”。

Băng hữu tử, vô sở quy, viết: U' ngã thân.

Bạn hữu qua đời, không có thân thuộc, Khổng tử nói: Việc này do ta chịu trách nhiệm.

10•23

朋友之饋，雖車馬，非祭肉，不拜。

Băng hữu chi quí, tuy xa mă, phi tế nhục, bất bái.

Bạn hữu tặng quà, dù là vật quý như xe ngựa nhưng không phải vật cúng tế được thì khi nhận, Khổng tử không bái tạ.

10•24

寢不尸，居不容。

Tâm bất thi, cư bất dung.

Ngủ ở nhà Khổng tử không nằm duỗi thẳng như cái xác, ở nhà dung mạo bình thường, không quá nghiêm túc

10•25

見齊衰者，雖狎，必變。見冕者與瞽者，雖亵，必以貌。凶服者式之。式負版者。有盛饌，必變色而作。迅雷風烈必變。

Kiến té thôi giả, tuy hiệp, tất biến. Kiến miện giả dự cổ giả, tuy tiết, tất dĩ mạo. Hung phục giả thúc chi. Thức phụ bản giả. Hữu thịnh soạn, tất biến sắc nhi tác. Tân lôi phong liệt át biến.

Gặp người có tang tuy là quan hệ thân cận, Khổng tử vẫn thay đổi thái độ tỏ lòng thương xót. Nhìn thấy người mặc triều phục đội mũ miện hoặc người mù tuy là người quen, Khổng tử vẫn giữ thái độ lịch sự. Di xe trên đường, gặp người mặc tang phục, Khổng tử cúi người phía trước gật đầu như chia sẻ với họ, tay vịn thành xe. Gặp người cầm sổ sách nhà nước cũng cúi chào như vậy để tỏ lòng kính trọng. Khi làm khách, thấy chủ nhà dọn mâm thịnh soạn, Khổng tử cũng thay đổi thái độ, cảm ơn rồi mới cầm đũa. Thấy cơn sấm to gió lớn, Khổng tử cũng tỏ vẻ lo lắng thiên tai gây họa cho dân.

10•26

升車，必正立，執綏。車中，不內顧，不疾言，不親指。

Thăng xa, tất chính lập, chấp tuy, xa trung, bất nội cõ, bất tật ngôn, bất thân chi.

Lên xe, phải đứng thẳng, nắm sợi dây vịn rồi bước lên, vào trong xe. Lên xe rồi, không nhìn vào trong (tránh tò mò), không nói chuyện ngay, không giơ tay chỉ trỏ.

10•27

色斯舉矣，翔而后集。曰：“山梁雌雉，時哉時哉！”。子路共之，三嗅而作。

Sắc tư cử hĩ, tường nhi hậu tập. Viết: Sơn lương thư trĩ, thời tai thời tai !. Tử Lộ cộng chi, tam khűu nhi tác.

Con chim thấy người có khí sắc dữ tợn, nó cất cánh bay đi vòng lại, rồi mới đỗ xuống. Không tử nói: Con chim trĩ mái trên sườn núi kia nó biết thời cơ lầm thay ! Tử Lộ định vồ bắt, nó kêu ba tiếng mà bay đi.

(Lời bàn: Con chim trước khi đỗ xuống thì quan sát, thấy người lạ, nó lượn vòng một lát, thấy yên tâm mới hạ cánh. Không tử lấy việc đó khuyên bảo học trò đi tới đâu cũng phải quan sát sự an nguy rồi hãy ồ).

Hết thiên 10

1. 11. 先進Tiên tiến

第十一篇 thiên 11

25 bài

11•1

子曰: 先進於禮樂,野人也;后進於禮樂,君子也。如用之, 則吾從先進。

Tử viết: Tiên tiến ư lễ nhạc, dã nhân dã; hậu tiến ư lễ nhạc, quân tử dã. Như dụng chi, tắc ngô tòng tiên tiến.

Không tử nói: Đời trước dùng lễ nhạc coi trọng phối hợp nội dung và hình thức, về sau bị coi là quê mùa. Đời sau coi trọng hình thức hơn nội dung thì được xem là quân tử. Khi dùng lễ nhạc, ta vẫn theo đời trước.

Chú thích: “Lễ” là những qui định, trật tự thích hợp với mọi việc trong cuộc sống, “nhạc” là sự hòa hợp của mọi việc, biểu hiện ra bằng bản nhạc, lời ca, điệu múa. Lễ và nhạc là hạt nhân của văn hóa truyền thống Trung Hoa, gắn liền với lịch sử phát triển văn hóa dân tộc.

Thời thượng cổ, chưa có lễ nhạc nên loài người còn lẫn lộn với các loài vật khác.

Dần dần con người trải qua kinh nghiệm, đặt ra lễ và nhạc, đặc biệt đầu nhà Chu có những thành tựu đầu tiên (Nhà Chu bắt đầu từ thế kỷ 11 trước CN đến thế kỷ 3 tr.CN gồm 2 hai thời kỳ Tây Chu và Đông Chu, Đông Chu lại chia ra hai giai đoạn Xuân thu và Chiến quốc). Không tử sinh trưởng vào cuối giai đoạn Xuân thu (778 – 455 tr CN) nên ông gọi các bậc tiền bối thời Tây Chu và trước nữa là các vị vua Nghiêng, Thuấn, Vũ, Chu Công Đán (thời kỳ truyền thuyết) là cổ nhân, coi đó là mẫu mực của Lễ và Nhạc... Đến thời Không tử, lễ nhạc đã thay đổi nhiều, phong phú hơn với hình thức chải truốt văn vẻ nhưng lại mất đi tính chất phác, chân thực của cổ nhân [Nhà Tây Chu có một vị quan được phân công coi việc lễ-nhạc gọi là Nho quan (儒官) tương tự bộ trưởng

Bộ văn hóa ngày nay...Đời sau nhận thấy học thuyết Không tử rất coi trọng lễ nhạc (Nho) nên tạm gọi tên học thuyết của ngài là Nho học]. Không tử thất vọng vì thấy lễ nhạc cổ nhân bị thay đổi, ông cho rằng đó chính là nguyên nhân dẫn đến sự suy đồi, bại hoại của chính trị, xã hội, luân lý, đạo đức.

11•2

子曰:“從我於陳、蔡者，皆不及門也。德行：顏淵、閔子騫，冉伯牛，仲弓。言語：宰我，子貢

。政事：冉有，季路。文學：子游、子夏。

Tử viết: Tòng ngã ư Trần, Thái giả, gai bất cập môn dã. Đức hạnh: Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiêm, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Ngôn ngữ: Tề Ngã, Tử Công. Chính sự: Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Văn học: Tử Du, Tử Hạ.

Không tử nói: Những người cùng theo ta sang nước Trần, nước Thái nay không còn ở bên ta nữa. Về đức hạnh tốt có: Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiêm, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Khéo ăn nói giao tiếp có: Tề Ngã, Tử Công. Giới chính trị có: Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Tài văn học có: Tử Du, Tử Hạ.

(Lời bàn: Dạy học, Không tử biết rằng mỗi học trò có khả năng khác nhau dù cùng học một thầy, chung một bài giảng)

11•3

子曰：回也非助我者也，於吾言無所不說。

Tử viết: Hồi dã phi trợ ngã giả dã, ư ngô ngôn vô sở bất thuyết

Không tử nói: Nhan Hồi không phải người giúp ta mở mang kiến thức. Không lời nào ta nói mà trò ấy không thích.

(Lời bàn: Không tử nêu ra một tư tưởng độc đáo và hiện đại: Thầy và trò cùng mở mang nâng cao kiến thức cho nhau... gọi là giáo dục tương tác)

11•4

子曰：孝哉閔子騫！人不間於其父母昆弟之言。

Tử viết: Hiếu tai Mẫn Tử Khiêm ! Nhân bất gian ư kỳ phụ mẫu côn đệ chi ngôn.

Không tử nói: Mẫn Tử Khiêm thật là người hiếu thuận. Lời khen của người ngoài giống như lời khen của cha mẹ.

Chú thích: Mẫn Tử Khiêm, tên chữ là Mẫn Tồn, học trò Khổng Tử, mẹ mất sớm, người cha có vợ khác và sinh hạ được hai con. Người dì ghẻ đối với Mẫn vô cùng khắc nghiệt, nhưng anh vẫn một lòng hiếu thuận. Mùa Đông giá rét, hai con riêng của bà thì được mặc áo lót bông, riêng Mẫn Tử Khiêm thì mặc áo độn hoa lau ở bên trong. Tuy không đủ ấm, nhưng Mẫn chẳng bao giờ hờ môi kêu ca. Một hôm, cha Mẫn đi dạo chơi, anh theo đầy xe, vì quá rét, tay còng nên rời tay xe ra. Người cha thấy thế biết là người kế mẫu ác nghiệt để cho con ông chịu rét lạnh, liền định đuổi người đàn bà cay nghiệt kia đi. Mẫn khóc lóc và kêu van với cha, xin đừng đuổi kế mẫu đi. Mẫn nói kế mẫu còn ở thì chỉ mình anh chịu rét, nếu bà đi rồi, cả hai em chịu rét và khổ lây. Cha anh nghe theo, và người kế mẫu biết chuyện hiếu thảo của người con chồng, từ đó bà thay đổi tính nết trở nên một bậc hiền mẫu.

Nhị thập tứ hiếu 二十四孝 là một tác phẩm văn học thời Nguyên do Quách Cư Nghiệp (1277-1367) biên soạn, kể lại sự tích 24 tấm gương hiếu thảo nổi tiếng. Trong đó có ba tấm gương vốn là học trò của Khổng tử: Tăng tử (Mẹ cắn ngón tay, tim con đau xót). Mẫn Tử Khiêm (Mẫn Tồn) chịu rét giữ hiếu. Tử Lộ (Trọng Do): vác gạo đường xa nuôi cha mẹ.

11•5

南容三復白圭，孔子以其兄之子妻之。

Nam Dung tam phục Bạch Khuê, Không tử dĩ kỳ huynh chi tử thê chi.

Nam Dung ba lần đọc thông mấy câu thơ Bạch Khuê. Khổng tử đem con gái của anh trai mình gả cho Dung.

(Chú thích: Trong Kinh Thi có hình tượng “bạch khuê” là viên ngọc trăng. Câu thơ nói rằng vết nhơ trên viên ngọc trăng còn mài bỏ đi được, vết nhơ trong lời nói không thể xóa bỏ... Nam Dung thích câu này nên hay đọc. Khổng tử khen ngợi Dung có đức hạnh)

11•6

季康子問：“弟子孰為好學？孔子對曰：有顏回者好學，不幸短命死矣，今也則亡”。

Quý Khang tử vấn: Đệ tử thực chi vi hiếu học ? Khổng tử đối viết: Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất hạnh đoản mệnh tử hĩ, kim dã tặc vong.

Quý Khang tử hỏi: Trong số học trò của ngài, ai là người hiếu học nhất?

Khổng tử nói: Có Nhan Hồi ham học nhất, không may đoản mệnh, chết mất rồi. Bây giờ chẳng còn ai nữa.

11•7

顏淵死，顏路請子之車以為之櫬。子曰：“才不才，亦各言其子也。鯉也死，有棺而無櫬。吾不徒行以為之櫬。以吾從大夫之后，不可徒行也”。

Nhan Uyên tử, Nhan Lộ vị tử chi xa dĩ vi chi quách. Tử viết: Tài bất tài, diệc các ngôn kỳ tử dã. Lý dã tử, hữu quan nhi vô quách. Ngô bất đồ hành dĩ vi chi quách. Dĩ ngô tòng đai phu chi hậu, bất khả đồ hành dã.

Nhan Uyên chết, Nhan Lộ đề nghị với Khổng tử bán cái xe để mua cái quách (ngoài quan tài). Khổng tử nói: Dù có tài hay bất tài, đều là hàng con cháu chúng ta cả. Đến như Lý chết cũng chỉ có quan tài không có quách. Ta không thể bán xe để mua quách. Ta đã từng làm quan đại phu, không thể đi bộ được.

(Chú giải: Nhà Nhan Uyên quá nghèo không thể mua quách được. Nhan Lộ là cha Nhan Uyên xin thầy Khổng bán xe mua quách cho Uyên, Khổng tử không đồng ý, cho rằng làm việc tang cũng nên lượng sức mình, tránh tốn kém, ngay cả Lý là con trai Khổng tử chết cũng không có quách)

11•8

顏淵死，子曰：噫！天喪予！天喪予！

Nhan Uyên tử, Tử viết: Úc ! Thiên tang dư ! Thiên tang dư !

Nhan Uyên chết, Khổng tử kêu: Hỡi ôi, Trời hại ta, Trời hại ta rồi !

11•9

顏淵死，子哭之慟。從者曰：“子慟矣”。曰：“有慟乎？非夫人之為慟而誰為？”

Nhan Uyên tử, tử khấp chí đồng. Tòng giả viết: Tử đồng hò ? Phi phu nhân chí vi đồng nhi thùy vi ?

Nhan Uyên chết, Khổng tử khóc lóc thảm thiết. Người đi theo Khổng tử nói: Thầy quá buồn bã. Khổng tử đáp: Ta buồn lắm sao? Ta không buồn vì người này thì còn buồn vì ai nữa !

(Lời bàn: Khổng tử nghĩ rằng Nhan Uyên là người kế tục sự nghiệp truyền đạo Nhân của mình mà nay anh ta chết nên thầy thất vọng rất lớn)

11•10

顏淵死, 門人欲厚葬之, 子曰: “不可”。門人厚葬之。子曰:

“回也視予猶父也, 予不得視猶子也。非我也, 夫二三子也”。

Nhan Uyên tử, môn nhân dục hậu táng, Tử viết: Bất khả. Môn nhân hậu táng chi. Tử viết: Hồi dã thị dư do phụ dã, dư bất đắc thị do tử dã. Phi ngã dã, phu nhị tam tử dã.

Nhan Uyên chết, bạn học muốn chôn cất trọng thể, Khổng tử nói: “Không thể được”. Học trò vẫn hậu táng Nhan Uyên. Khổng tử nói: “Nhan Uyên coi ta như cha, còn ta không được đối xử với trò đó như con ta. Đây chẳng phải là cái sai của ta, mà do các trò đứng ra tổ chức”.

(Lời bàn: Khổng tử cho rằng Nhan Uyên là người cao thượng, cách sống giản dị nên cũng an táng giản dị mới phải, như Khổng tử đã an táng con trai mình. Theo Khổng tử, nên an táng người chết theo như phẩm hạnh và tập quán của người đó, như vậy mới là tôn trọng người đã khuất).

11•11

季路問事鬼神. 子曰: “未能事人, 焉能事鬼?”. 曰: “敢問死”。

曰: “未知生, 焉知死?”

Quý Lộ vấn sự quỷ thần. Tử viết: Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ? Viết: Cảm vấn tử. Viết: Vị tri sinh, yên tri tử?

Quý Lộ hỏi về quỷ thần. Khổng tử nói: Chưa biết việc người, làm sao biết được việc quỷ thần? Tử Lộ lại hỏi: Con xin hỏi về đạo lý của sự chết? Khổng tử nói: Chưa biết đạo lý sự sống, sao biết được đạo lý của sự chết.

(Lời bàn: Khổng tử có quan niệm rất thực tế, phải lo âu về cái cuộc sống trước mắt, khi nó chưa ổn định thì chưa bàn đến những việc trừu tượng xa xôi khác... Có quan điểm chê rằng Khổng tử quá thực dụng, nhưng ai là người không thực dụng với mức độ nào đó)

11•12

閔子侍側, 閔閔如也; 子路, 行行如也; 冉有, 子貢, 侃侃如也。子樂。“若由也, 不得其死然”。

Mẫn tử thị trắc, ngân ngân như dã; Tử Lộ, hành hành như dã; Nhiễm Hữu, Tử Cống, khản khản như dã. Tử lạc: Nhưọc Do dã, bất đắc kỳ tử nhiên”.

Mẫn Tử Khiên hầu bên cạnh (Khổng tử) thường giữ vẻ mặt từ tốn tươi vui; Tử Lộ thì kiên cường thẳng thắn; Nhiễm Hữu, Tử Cống đĩnh đạc, khoan thai. Thầy rất vui, nói: Như trò Do (Tử Lộ) chỉ e chết bất đắc kỳ tử.

(Chú thích: “bất đắc kỳ tử”: Chết không yên lành. Khổng tử thấy Tử Lộ quá căng thẳng, thiếu bình tĩnh nên ông dự đoán, về sau quả nhiên Tử Lộ chết bất đắc kỳ tử)

11•13

魯人為長府。閔子騫曰: “仍舊貫, 如之何? 何必改作?”子曰: 夫人不言, 言必有中。

Lỗ nhân vi Trường Phủ. Mẫn Tử Khiên viết: Nhưng cựu quán, như chi hà? Hà tất cải tác? Tử viết: Phu nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trung.

Người Lỗ muốn xây Trường Phủ. Mẫn Tử Khiên nói: “Dùng cái cũ có được không, cần gì xây mới?”. Khổng tử nghe được, nói: Người này không nói thì thôi, đã nói là rất đúng.

11•14

子曰: 由之瑟奚為於丘之門? ”門人不敬子路。子曰: 由也升堂矣, 未入於室也。

Tử viết: Do chi sáu hè vi ư Khâu chi môn? Môn nhân bát kính Tử Lộ. Tử viết: Do dã thăng đường hĩ, vị nhập ư thất dã.

Khổng tử nói: Sao Trọng Do gảy đàn sắt ở nhà thầy?

Các bạn học của Tử Lộ (Do) nghe vậy, không còn kính trọng Tử Lộ nữa. Khổng tử thấy vậy lại nói: “Học vấn của Do đã lên tới nhà (đường) rồi, chứ chưa vào tới phòng (thất) đấy thôi.

(Chú thích: Ngôi nhà người Trung Quốc xưa có ba cấp từ ngoài vào trong: Cửa (môn), nhà chính (đường) rồi mới đến phòng (thất). Tử Lộ gảy thứ đàn sắt 25 dây, âm thanh như đoàn giặc phương Bắc hành quân, nghe không hợp thái độ trung hoà của thầy nên thầy mới trách chưa đạt đến đạo học trung hòa. Lời nói của thầy với Tử Lộ nhằm nhắc khéo rằng kỹ thuật của Lộ mới chỉ đến mức gảy đàn ở nhà chính (đường), chưa uyên thâm đến mức gảy trong phòng (thất). Nhưng lời thầy giải thích với các học trò là để họ khỏi hiểu lầm Tử Lộ).

11•15

子貢問: “師與商也孰賢?”子曰: “師也過, 商也不及”。曰: “然則師愈與?”。子曰:

過猶不及。

Tử Công vấn: Sư dã Thương dã thực hiền? Viết: “Sư dã quá, Thương dã bất cập”. Viết: Nhiên tắc Sư dã dự? Tử viết: Quá do bất cập.

Tử Công hỏi: Sư và Thương ai hiền tài hơn?

Khổng tử nói: Trò Sư có chỗ hơi quá, còn trò Thương lại chưa đạt tới.

Tử Công lại hỏi: Vậy là Sư giỏi hơn phải không?

Khổng tử đáp: Quá đi và chưa đạt thì đều như nhau.

(Lời bàn: Đây là cách diễn đạt cụ thể đạo trung庸: vừa phải thì tốt hơn thái quá)

11•16

季氏富於周公, 而求也為之聚斂而附益之。子曰: “非吾徒也。小子鳴鼓而攻之可也”

Quý thị phú ư Chu Công, nhi cầu dã vi chi tụ liễm nhi phụ ích chi. Tử viết: Phi ngô đồ dã. Tiêu tử minh cỗ nhi công chi khả dã.

Họ Quý giàu hơn Chu công nhiều, vậy mà Nhiêm Cầu lại giúp đỡ họ Quý, làm cho họ Quý càng giàu hơn. Khổng tử nói: Nhiêm Cầu không còn là học trò ta nữa. Các con có thể công khai chỉ trích Nhiêm Cầu.

11•17

柴也愚, 參也魯, 師也辟, 由也嚙。

Sài dã ngu, Sâm dã lỗ, Sư dã tịch, Do dã ngan.

Trò Sài kém thông minh, trò Sâm chậm chạp, trò Sư cõi chấp, trò Do thô tục.

11•18

子曰: 回也其庶乎, 屢空。賜不受命, 而貨殖焉, 億則屢中。

Tử viết: Hồi dã kỳ thứ hồ, lũ không. Tú bất thụ mệnh, nhi hóa thực yên, úc tắc lũ trung.

Không tử nói: Nhan Hồi đạo học đã khá rồi, mà vẫn còn nghèo. Đoan Mộc Tú (tức Tử Công) không nghe thầy, bỏ đi buôn bán, tính toán hàng hóa, thường là tính đúng.

(Chú thích: Đoan Mộc Tú tức Tử Công)

11•19

子張問善人之道，子曰：不踐跡，亦不入於室。

Tử Trương vấn thiện nhân chi đạo, Tử viết: Bất tiễn tích, diệc bất nhập ư thất.

Tử Trương hỏi về đạo của người thiện, Không tử nói: Người thiện không theo dấu chân người khác mà đi, nhưng học vấn của họ chưa hoàn thiện.

(Chú thích: Người thiện vốn có phẩm chất cơ bản tốt nhưng chưa học được Đạo thì chưa hoàn thiện)

11•20

子曰：論篤是與，君子者乎？色庄者乎？

Tử viết: Luận đốc thị dụ, quân tử giả hồ? Sắc trang giả hồ?

Không tử nói: Người bàn bạc nhiều về đạo, có phải quân tử không? Hay chỉ là người có vẻ ngoài trang trọng?

11•21

子路問：“聞斯行諸？”子曰：“有父兄在，如之何其聞斯行之？”

冉有問：“聞斯行諸？”子曰：“聞斯行之”。公西華曰：“由也問聞斯行諸，子曰，

‘有父兄在’求也問聞斯行諸，子曰，‘聞斯行之’。赤也惑，敢問”

。子曰：“求也退，故進之；由也兼人，故退之”。

Tử Lộ vấn: Văn tư hành giả? Tử viết: Hữu phụ huynh tại, như chi hà kỳ văn tư hành chi?

Nhiễm Hữu vấn: Văn tư hành giả? Tử viết: Văn tư hành chi.

Công Tây Hoa viết: Do dã vấn văn tư hành giả, tử viết hữu phụ huynh tại; Câu dã vấn văn tư hành giả, Tử viết: Văn tư hành chi. Diệc dã hoặc, cảm vấn.

Tử viết: Câu dã thoái, cõi tiên chi; Do dã kiêm nhân, cõi thoái chi.

Tử Lộ hỏi: Nghe rồi thì nên thực hành ngay phải không?

Không tử nói: Có mặt cha người, làm sao nghe rồi thực hành ngay?

Nhiễm Hữu hỏi: Nghe rồi thì nên thực hành ngay phải không?

Không tử lại bảo: Nghe được thì thực hành ngay.

Công Tây Hoa lại nói: Sao hai câu hỏi giống nhau mà thầy trả lời mỗi người một khác vậy?

Không tử giải thích: Nhiễm Hữu làm việc gì cũng nhút nhát rụt rè nên ta cõi vũ nó. Còn Tử Lộ dũng khí hơn người, hăng hái dám làm nên ta kìm bót nó một chút.

11•22

子畏於匡，顏淵后。子曰：“吾以女為死矣”。曰：“子在，回何敢死？”

Tử úy ư Khuông, Nhan Uyên hậu. Tử viết: Ngô dī nhữ vi tử hī.

Viết: Tử tại, Hồi hà cảm tử ?!

Không tử một phen hoảng sợ ở đất Khuông, Nhan Uyên đi sau, bị lạc, cuối cùng mới gặp nhau.
Không tử nói: Ta tưởng người chết rồi. Nhan Uyên đáp: Thầy còn sống, làm sao con dám chết ?!
11•23

季子然問:“仲由,冉求可謂大臣與 ?”

子曰:“吾以子為異之間,曾由與求之間。所謂大臣者,以道事君,不可則止。今由與求也,可謂具臣矣”。曰:“然則從之者與 ?”子曰:“弑父與君,亦不從也”。

Quý Tử Nhiên vấn: Trọng Do, Nhiễm Cầu khả vị đại thần dự? Tử viết: Ngô dĩ tử vi di chi ván, tăng Do dự Cầu chi gian. Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chỉ. Kim Do dự Cầu dã, khả vị cụ thần hĩ. Viết: Nhiên tắc tòng chi giả dự ? Tử viết: Thí phụ dự quân, diệc bất tòng dã. Quý Tử Nhiên hỏi: Trọng Do và Nhiễm Cầu có thể gọi là đại thần không?

Không tử nói: Ta tưởng hỏi ai, hoá ra Do và Cầu. Được gọi là đại thần phải là người biết lấy đạo tiên vương để thờ vua, nếu không được vậy thì từ chức quan đi. Hiện nay Do và Cầu mới chỉ đủ đức hạnh làm quan (thường) thôi.

Quý Tử Nhiên lại hỏi: Thế bọn họ đều làm việc cho họ Quý chứ?

Không tử nói: Những việc như giết cha và vua thì chúng chẳng bao giờ thuận theo cả (họ Quý đã từng giết cha, giết vua)

11•24

子路使子羔為費宰。子曰:“賊夫人之子”。子路曰:“有民人焉,有社稷焉,何必讀書, 然後為學 ?”子曰:“是故惡夫佞者”。

Tử Lộ sứ Tử Cao vi Phí tể. Tử viết: Tắc phu nhân chi tử. Tử Lộ viết: Hữu thị nhân yên, hữu xã tắc yên, hà tất độc thư, nhiên hậu vi học ? Tử viết: Thị cố ô phu nịnh giả.

Tử Lộ cử Tử Cao đi làm huyện trưởng huyện Phí. Không tử nói: Thế là làm hại con người ta rồi. Tử Lộ cãi lại: làm quan thì cai trị dân, tế lễ thần xã tắc, không cần phải chọn kẻ có học, làm quan sau rồi học cũng được. Không tử nói: Cho nên ta ghét kẻ ba hoa khéo mồm mép.

11•25

子路、曾晳、冉有、公西華侍坐。子曰:“以吾一日長乎爾, 毋吾以也。居則曰:不吾知也 ! ’如或知爾, 則何以哉 ?”

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa thị tọa. Tử viết: Dĩ ngô nhất nhật trường hò nhĩ, vô ngô dĩ dã. Cư tắc viết: bất ngô tri dã ! Như hoặc tri nhĩ, tắc hà dĩ tai?

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa ngồi hầu chuyện Không tử. Không tử nói: Ta nhiều tuổi hơn các trò, nhưng đừng vì thế mà các người không dám phát biểu ý kiến. Lúc ngồi rồi các người thường nói không ai biết đến mình. Giả dụ có người muốn bổ nhiệm thì các người định làm gì ?

子路率爾

而對曰:“千乘之國, 攝乎大國之間, 加之以師旅, 因之以飢饉, 由也為之, 比及三年, 可使有勇, 且知方也”。夫子哂之。

Tử Lộ suất nhĩ nhi đối viết: Thiên thura chi quốc, nghiệp hò đại quốc chi gian, gia chi dĩ sự lữ, nhân chi dĩ cơ cận, do dã vi chi, bỉ cập tam niên, khả sử hữu dũng, thả tri phương dã. Phu tử sản chi. Tử Lộ vội nói: Nếu có một nước với nghìn binh xa, bị kẹp giữa các nước lớn, bên ngoài bị nước khác đe xâm phạm, trong nước thiên tai mất mùa, đói kém. Nếu con được quản lý nước đó, chỉ cần ba năm con làm cho dân dũng cảm vùng lên, lại hiểu biết đạo lý nữa.

“求，爾何如？”對曰：“方六七十，如五六十，求也為之，比及三年，可使足民。如其禮樂，以俟君子”。

“Cầu, nhĩ hà như ?” Đôi viết: Phương lục thất thập, như ngũ lục thập, Cầu dã vi chi, bỉ cập tam niên, khả sử túc dân như kỳ lễ nhạc, dĩ sỹ quân tử.

Khổng tử hỏi chí hướng của Nhiễm Cầu. Anh khiêm tốn thura: Nếu một quốc gia rộng cỡ sáu bảy chục dặm hoặc nhỏ hơn một ít, chừng năm sáu chục dặm để cho con quản lý thì trong ba năm con làm cho dân no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử.

“赤，爾何如？” .對曰：非曰能之，願學焉。宗廟之事，如會同，端章甫，願為小相焉。

“Xích, nhĩ hà như?” Đôi viết: Phi viết năng chi, nguyện học yên. Tông miếu chi sự, như hội đồng, đoàn chương phủ, nguyện vi tiểu tướng yên.

Khổng tử lại hỏi “Xích, người thì sao?”. Công Tây Hoa (tên Xich) thura: Con không dám nói có thể làm được, nhưng cũng sẽ học theo. Việc tế lễ ở tông miếu, việc hội các nước đồng minh con chỉ muôn măc lễ phục, giữ một chức quan nhỏ giúp vua tế lễ.

(Chú thích: Công Tây Hoa biết mình có khả năng ngoại giao nên chỉ nhận việc thích hợp, tức là phụ trách việc “lễ nhạc”)

“點，爾何如?”鼓瑟希，

鍾爾，舍瑟而作，對曰：“異乎三子者之撰”。子曰：“何傷乎？亦各言其志也”。曰：“莫春者，春服既成，冠者五六人，童子六七人，浴乎沂，風乎舞雩，詠而歸”。夫子喟然嘆曰：“吾與點也！” .

“Điếm, nhĩ hà như?”. Cỗ sắt hy, khanh nhĩ, xá sắt nhi tác, đôi viết: “Di hò tam tử giả chi soạn”. Tử viết: Hà thương hò? Diệc các ngôn kỳ chí dã”. Viết: Mạc xuân giả, xuân phục ký thành, quan giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hò Nghi, phong hò Vũ Vu, vịnh nhi quy”. Phu tử vị nhiên thán viết: Ngô dự Điếm dã!”.

Khổng tử lại hỏi về chí hướng của Tăng Tích (tên Điếm). Anh đang gảy đàn đến phần cuối, tiếng đàn hùng hồn, nghe hỏi vội buông đàn đứng dậy đáp: Con suy nghĩ khác ba người kia. Khổng tử nói: Có gì khó đâu, mỗi người tự nói chí của mình. Tăng Tích thura: Tháng ba cuối xuân mặc trang phục đẹp, rủ năm sáu bạn nhỏ đến sông Nghi tung tăng bơi lội tắm mát, lên đài cầu mưa Vũ Vu hóng gió nhảy múa, vừa đi vừa ngâm vịnh thơ từ mà trở về nhà... Khổng tử bùi ngùi than rằng: Ta đồng ý với Điếm vậy!

(Lời bàn: Quan điểm của Tăng Tích phù hợp Khổng tử lúc ấy nên ông tán thành).

三子者出，曾皙后。曾皙曰：“夫三子者之言何如？”

子曰：“亦各言其志也已矣”。曰：“夫子何哂由

也？”曰：“為國以禮。其言不讓，是故哂之”。唯求則非邦也與？”

“安見方六七十如五六十而非邦也者？” . “唯赤則非邦也與?” . 宗廟會同, 非諸侯而何 ? 赤也為之小, 勸能為之大 ? ”

Tam tử giả xuất, Tăng Tích hậu. Tăng Tích viết: Phu tam tử giả chi ngôn hà như? Tử viết: Diệc các ngôn kỳ chí dã dĩ hĩ. Viết: Phu tử hà sần do dã ? Viết: “Vĩ quốc dĩ lẽ. Kỳ ngôn bất nhượng, thị cố sần chi”. Duy Cầu tắc phi bang dã dự ? “An kiến phuơng lục thất thập như ngũ lục thập nhi phi bang dã giả ? ” Duy diệc tắc phi bang dã dự ? “Tông miêu hội đồng, phi chư hầu nhi hà? Diệc dã vi chi tiêu, thực năng vi chi đại?

Ba người đi ra ngoài, Tăng Tích ở lại sau hỏi Khổng tử: Lời nói của ba người áy như thế nào ? Khổng tử nói: Chẳng qua mỗi người nói chí hướng của họ thôi. Tăng Tích hỏi: vì sao thày lại cười Tử Lộ ? Khổng tử nói: Quản lý nhà nước cần đến lễ với khiêm nhường nhưng Tử Lộ nói năng chả có chút khiêm nhường nêna cười.

Tăng Tích lại hỏi: Những điều Nhiễm Cầu nói chẳng phải là việc quốc gia ư? Khổng tử nói: Sáu bảy chục dặm đất không phải là một quốc gia ư ?

Tăng Tích lại hỏi: Điều mà Công Tây Hoa nói đó không phải là việc quốc gia ư? Khổng tử đáp: Có tông miêu, có liên minh nước khác, chả phải việc quốc gia thì là gì ?

Hết thiên 11

1. 12. 颜淵 Nhan Uyên

第十二篇 thiên 12

24 bài

12•1

顏淵問仁。子曰:“克己復禮為仁。一日克己復禮,天下歸仁焉。為仁由己,而由人乎哉 ? ”

顏淵曰 : “請問其目”。子曰:“非禮勿視,非禮勿聽,非禮勿言,非禮勿動”。顏淵曰:“回雖不敏,請事斯語矣”。

Nhan Uyên vấn nhân. Tử viết: Khắc kỷ phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên. Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hò tai ? Nhan Uyên viết: Thỉnh vấn kỳ mục. Tử viết: Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. Nhan Uyên viết: Hồi tuy bất mẫn, thỉnh sự tư ngũ hĩ.

Nhan Uyên hỏi về đạo nhân. Khổng tử nói: Khắc phục ham muôn của mình theo lễ. Nếu một ngày làm được vậy, thiên hạ sẽ theo về đức nhân. Thực hiện đức nhân do mình thôi, lễ nào phải nhò người khác sao? Nhan Uyên nói: Xin thày cho biết tùng mục nhỏ để thực hiện đức nhân. Khổng tử nói: Việc trái lễ chớ xem, không hợp lễ chớ nghe, không hợp lễ chớ nói, không hợp lễ chớ làm. Nhan Uyên nói: Con không minh mẫn cũng xin làm đúng lời thày.

12•2

仲弓問仁。子曰:“出門如見大賓, 使民如承大祭;己所不欲, 勿施於人;在邦無怨, 在家無怨”。仲弓曰:“雍雖不敏, 請事斯語矣”。

Trọng Cung vấn nhân. Tử viết: “Xuất môn như kiến đại tân, sứ dân như thừa đại tế; Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân; Tại bang vô oán, tại gia vô oán”. Trọng Cung viết: Ung tuy bất mẫn, thỉnh sự tư ngữ hĩ.

Trọng Cung hỏi về chữ nhân, Khổng tử nói: Ra khỏi cửa, bước đi như sắp đón khách quý, sai khiến dân giống như đang làm tế lễ lớn. Việc mình không muốn, đừng làm cho người khác. Ở trong nước hay trong nhà đừng để cho ai oán giận mình. Trọng Cung nói: Con không minh mẫn cũng xin làm đúng lời thầy.

12•3

司馬牛問仁。子曰：“仁者，其言也讱”。曰：“其言也讱，斯謂之仁已乎？”子曰：“為之難，言之得無讱乎？”

Tư Mã Ngưu vấn nhân. Tử viết: Nhân giả, kỳ ngôn dã nhẫn. Viết: Kỳ ngôn dã nhẫn, tư vị chi nhân dã hò? Tử viết: Vi chi nan, ngôn chi đắc vô nhẫn hò?

Tư Mã Ngưu hỏi về đức nhân. Khổng tử nói: Người đức nhân không nói năng tùy tiện, phải nhẫn耐. Ngưu hỏi lại: Không nói tùy tiện và nhẫn耐 là người nhân ư? Khổng tử nói: Làm đã khó, nói chả lẽ có thể tùy tiện ư?

12•4

司馬牛問君子。子曰：“君子不憂不懼”。曰：“不憂不懼，斯謂之君子已乎？”

子曰：“內省不疚，夫何憂何懼？”

Tư Mã Ngưu vấn quân tử. Tử viết: Quân tử bất ưu bất cụ. Viết: Bất ưu bất cụ, tư vị chi quân tử dã hò? Tử viết: Nội tinh bất cùu, phu hà ưu hà cụ?

Tư Mã Ngưu hỏi về quân tử. Khổng tử nói: Quân tử không lo, không sợ.

Ngưu lại hỏi: Chẳng lo chẳng sợ mà đủ gọi là quân tử ư?

Khổng tử nói: Tự xét mình không có tội thì còn gì phải lo lắng sợ hãi?

12•5

司馬牛憂曰：“人皆有兄弟，我獨亡”。子夏曰：“商聞之矣：死生有命，富貴在天。君子敬而無失，與人恭而有禮，四海之內，皆兄弟也。君子何患乎無兄弟也？”

Tư Mã Ngưu ưu viết: Nhân giai hữu huynh đệ, ngã độc vong. Tử Hạ viết: Thương văn chi hĩ, tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên. Quân tử kính nhi vô thất, dự nhân cung nhi hữu lễ, tú hải chi nội, giai huynh đệ dã. Quân tử hà hoạn hò vô huynh đệ dã?

Tư Mã Ngưu buồn rầu nói: Mọi người đều có anh em, riêng tôi không có.

Tử Hạ nói: Ta từng nghe sống chết có số mệnh, phú quý do trời. Quân tử chỉ cần làm việc chu đáo, đối xử cung kính lễ độ với người thì bốn bề một nhà, là anh em cả. Quân tử lo gì không có anh em?

(Chú thích: Dân gian thường nói tóm tắt: “Tú hải giai huynh đệ”)

12•6

子張問明。子曰：“浸潤之譖，膚受之愬，不行焉，可謂明也已矣。浸潤之譖，膚受之愬，不行焉，可謂遠也已矣”。

Tư Trương vấn minh. Tử viết: Tảm nhuận chi trẫm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị minh dã dĩ hĩ. Tảm nhuận chi trẫm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị viễn dã dĩ hĩ.

Tử Trương hỏi về sự sáng suốt. Không tử nói: Lời nói xấu ngâm dàn, lời vu cáo đau nhức đến đều không làm ảnh hưởng đến mình, được như vậy gọi là sáng suốt. Lời nói xấu và lời vu cáo chẳng có tác dụng tới mình thì có thể nói là người nhìn xa trông rộng.

12•7

子貢問政。子曰:“足食,足兵,民信之矣”。子貢曰:“必不得已而去,於斯三者何先?”曰:“去兵”。子貢曰:“必不得已而去,於期二者何先?”曰:“去食。自古皆有死,民無信不立”。

Tử Cống vấn chính. Tử viết: “Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ. Tử Cống viết: Tất bát đắc dĩnhi khú, ư tư tam giả hà tiên? Viết: Khú binh. Tử Cống viết: Tất bát đắc dĩ nhi khú, ư tư nhị giả hà tiên? Viết: Khú thực. Tự cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập.

Tử Cống hỏi về chính trị quốc gia. Không tử nói: “Phải đủ lương thực, đủ binh lính, nhân dân tin phục”. Tử Cống hỏi: Nếu buộc phải bỏ một cái thì bỏ cái nào? Không tử đáp: Bỏ quân lính. Tử Cống lại hỏi: Nếu buộc phải bỏ một trong hai điều còn lại thì bỏ cái gì? Không tử nói: Bỏ lương thực. Xưa nay không ai tránh được cái chết. Nếu nhân dân không còn tin tưởng nữa thì nước không đứng vững.

12•8

棘子成曰:“君子質而已矣, 何以文為?”子貢曰:“惜乎夫子之說君子也! 驕不及舌。文猶質也, 質猶文也, 虎豹之鞶猶犬羊之鞶”。

Cúc Tử Thành viết: Quân tử chất nhi dĩ hĩ, hà dĩ văn vi? Tử Cống viết: Tích hồ phu tử chi thuyết quân tử dã! Tú bát cập thiêt. Văn do chất dã, chất do văn dã, hồ báo chi khuêch do khuyễn dương chi khuêch.

Cúc Tử Thành nói: Quân tử chỉ cần phẩm chất tốt là được, cần chi văn nữa.

Tử Cống nói: Tiếc thay ngài bàn về quân tử như vậy không đúng rồi. Bốn ngựa không đuổi kịp cái lưỡi. Văn cũng quan trọng như chất, chất quan trọng như văn. Da hổ, da báo lột đi thì làm sao phân biệt với da chó, da dê?

(Lời bàn: Chất và văn cũng như nội dung và hình thức. Văn là lễ tiết, nghi thức, là hình thức. Ăn mặc nói năng tuy chỉ là vẻ ngoài nhưng cũng thể hiện cái phẩm chất bên trong. Vậy ta không nên coi thường hình thức.)

12•9

哀公問於有若曰:“年飢, 用不足, 如之何?”

有若對曰:“盍徹乎?”曰:“二, 吾猶不足, 如之何其徹也?”對曰:“百姓足, 君孰與不足? 百姓不足, 君孰與足?”

Ai Công vấn ư Hữu Nhược viết: Niên cơ, dụng bất túc, như chi hà? Hữu Nhược đối viết: Hợp triệt hồ? Viết: Nhị, ngô do bất túc, như chi hà kỳ triệt dã? Đối viết: Bách tính túc, quân tử dự bất túc? Bách tính bất túc, quân thực dự túc?

Lỗ Ai Công hỏi Hữu Nhược: Năm mươi mùa, không đủ tiêu xài, làm thế nào? Hữu Nhược nói: Sao ta không đánh thuế triệt (thu một phần 10 hoa lợi) của dân? Lỗ Ai Công nói: Thu hai phần mười, ta chưa đủ dùng, làm sao áp dụng biện pháp gia tăng đây? Hữu Nhược thừa rằng: Nếu dân đủ ăn, sao vua lại không đủ. Nếu dân thiếu ăn thì làm sao mà vua đủ được?

12•10

子張問崇德辨惑。子曰:主忠信, 徒義, 崇德也。愛之欲其生, 惡之欲其死, 既欲其生, 又欲其死, 是惑也。‘誠不以富, 亦祇以異’。

Tử Trương vấn sùng đức biện hoặc. Tử viết: Chủ trung tín, tǐ nghĩa, sùng đắc dã. Ái chi dục kỳ sinh, ô chi dục kỳ tử, kỳ dục kỳ sinh, hựu dục kỳ tử, thị hoặc dã. Thành bất dĩ phú, diệc chi dĩ dị. Tử Trương hỏi về cách làm sao nâng cao đạo đức, nhìn ra được sự mê hoặc. Khổng tử nói: Lấy trung thực và tín nghĩa làm chính, ra sức làm việc nghĩa, đó là đề cao đạo đức. Yêu ai thì muốn họ sống, ghét ai thì muốn họ chết. Vừa mong người này sống, vừa muốn người kia chết – ấy là sự mê hoặc. Có câu ‘Thực chẳng vì giàu, chỉ vì lợ thô’.

(Chú thích: Theo Nho giáo, sống và chết là do mệnh trời. Không thể vì yêu ghét mà cầu được. Muốn cầu xin là người mê hoặc. “Thực chẳng vì giàu, chỉ vì lợ thô” là câu trong Kinh Thi. Ý nói: Giàu có mà vẫn thiếu phẩm chất tinh thần, ấy là chỉ có tài sản nhiều mà thôi).

12•11

齊景公問政於孔子。孔子對曰:“君君, 臣臣, 父父, 子子”

。公曰:“善哉! 信如君不君, 臣不臣, 父不父, 子不子, 雖有粟, 吾得而食諸?”

Tề Cảnh Công vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Công viết: Thiện tai! Tín như quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hưu túc, ngô đắc nhi thực chư?

Tề Cảnh Công hỏi Khổng tử về việc cai trị quốc gia. Khổng tử đáp: Làm vua ra vua, quan ra quan, cha ra cha, con ra con (làm đúng danh vị của mình). Vua nói: Hay quá! Nếu vua chẳng trọn đạo vua, tôi chẳng trọn đạo làm tôi, cha không trọn đạo làm cha, con chẳng trọn đạo con, tuy có lương thực đầy, ta có thể ăn được ư?

(Lời bàn: Câu nói trên của Khổng tử là cốt lõi của học thuyết chính danh. Mỗi người đều phải làm đúng với danh hiệu, có vậy thì yên nhà, yên nước, xã hội ổn định và phát triển)

12•12

子曰:“片言可以折獄者, 其由也與?” 子路無宿諾。

Tử viết: Phiến ngôn khả dĩ chiết ngục giả, kỳ Do dã dự? Tử Lộ vô túc nặc

Khổng tử nói: Dùng một câu nói giản dị mà phán đoán vụ án, có lẽ chỉ có Trọng Do! Tử Lộ đã hứa là nhất định đúng hạn.

(Chú thích: Tử Lộ túc Trọng Do có khả năng quyết đoán đúng sai, bản tính trung thực, vậy có thể xử án được)

12•13

子曰:“聽訟, 吾猶人也。必也使無訟乎!”

Tử viết: Thính tụng, ngô ưu nhân dã. Tất dã sử vô tụng hô!

Khổng tử nói: Xem xử án, ta lo buồn như mọi người. Ta chỉ muốn không bao giờ xảy ra kiện tụng. (Lời bàn: Khổng tử coi trọng giáo dục, giáo hóa, nhờ đó sẽ không còn xảy ra xung đột và kiện tụng)

12•14

子張問政。子曰:“居之無倦, 行之以忠”。

Tử Trương vấn chính. Tử viết: Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung.

Tử Trương hỏi về quản lý chính sự. Khổng tử nói: Giữ chức không được trẽ nǎi, làm việc phải giữ trung thực.

12•15

子曰:“博學於文, 約之以禮, 亦可以弗畔矣夫 !”

Tử viết: Bác học ư văn, yêu chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bạn hĩ phu !

Khổng tử nói: Người quân tử trước học sâu rộng về văn, sau học lễ ràng buộc mình, nhờ vậy khôi trái đạo.

12•16

子曰:“君子成人之美, 不成人之惡。小人反是”。

Tử viết: Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ô. Tiêu nhân phản thị.

Khổng tử nói: Quân tử giúp người làm điều tốt đẹp, không khiến người trở nên ác xáu. Kẻ tiêu nhân làm ngược lại.

12•17

季康子問政於孔子。孔子對曰:“政者正也。子帥以正, 孰敢不正 ?”

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Chính giả chính dã. Tử sư dĩ chính, thực cảm bất chính ?

Quý Khang tử hỏi Khổng tử về chính sự. Khổng tử nói: Chữ “chính” nghĩa là “chính trực”. Ngài gương mẫu giữ đạo chính thì ai dám bất chính?

(Lời bàn: lưu ý hai chữ chính. 政 việc chính trị, quan chức. 正 chính đáng, đúng đắn)

12•18

季康子患盜, 問於孔子。孔子對曰:“苟子之不欲, 雖賞之不竊”。

Quý Khang tử hoạn đạo, vấn ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Cầu tử chi bất dục, tuy thường chi bất thiết.

Quý Khang tử lo lắng nạn trộm cướp (rất nhiều ở nước Lỗ lúc ấy) bèn hỏi Khổng tử. Khổng tử nói: Nếu ngài không tham lam, dù có thường cho họ, họ cũng chẳng dám ăn trộm nữa.

12•19

季康子問政於孔子曰:“如殺無道, 以就有道, 何如 ?”孔子對曰:“子為政, 焉用殺 ? 子欲善而民善矣。君子之德風, 人小之德草, 草上之風, 必偃”。

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử viết: Như sát vô đạo, dĩ tựu hữu đạo, hà nhu?

Khổng tử đối viết: “Tử vi chính, yên dụng sát ? Tử dục thiện nhi dân thiện hĩ. Quân tử chi đức phong, nhân tiêu chi đức thảo, thảo thường chi phong, tất yễn.

Quý Khang tử hỏi Khổng tử về chính sự: Giết kẻ vô đạo, khiến dân biết mà theo đạo, được không ? Khổng tử đáp: Ngài cầm quyền quốc gia, cần gì phải giết người ? Ngài thực sự làm điều thiện thì dân sẽ làm điều thiện. Đức hạnh quân tử như gió, đức hạnh kẻ tiêu nhân như cỏ. Gió thổi trên cỏ thì cỏ nhất định rụp theo chiều gió.

12•20

子張問:“士何如斯可謂之達矣 ?”子曰:“何哉, 爾所謂達者 ?”子張對曰:“在邦必聞, 在家必聞”。子曰:“是聞也, 非達也。夫達也者, 質直

而好義，察言而觀色，慮以下人。在邦必達，在家必達。夫聞也者，色取仁而行違，居之不疑。在邦必聞，在家必聞”。

Tử Trương vấn: Sĩ hà như tư khả vị chi đạt hĩ? Tử viết: Hà tai, nhĩ sở vị đạt giả? Tử Trương đối viết: “Tại bang tất văn, tại gia tất văn”. Tử viết: Thị văn dã, phi đạt dã. Phu đạt dã giả, chất trực nhi hiểu nghĩa, sát ngôn nhi quan sắc, lự dĩ hạ nhân. Tại bang tất đạt, tại gia tất đạt. Phu văn dã giả, sắc thủ nhân nhi hành vi, cù chi bất nghi. Tại bang tất văn, tại gia tất văn.

Tử Trương hỏi: Kẻ sĩ như thế nào gọi là thành đạt? Không tử nói: “Theo ngươi nghĩ đạt là gì?”. Tử Trương thưa: Khi làm quan ở triều đình có danh tiếng, ở quê nhà cũng có danh tiếng. Không tử nói: Đó gọi là văn chứ không phải đạt. Đạt nghĩa là phải có phẩm chất chính trực, thích làm việc nghĩa, giỏi phân tích lời nói và giỏi quan sát mặt người khác, khiêm tốn nhường nhịn người khác. Người như vậy làm quan triều đình nhất định đạt, ở nhà cũng đạt.

12•21

樊遲從游於舞雩之下，曰：“敢問崇德、修慝、辨惑”。子曰：“善哉問！先事后得，非崇德與？攻其惡，無攻人之惡，非修慝與？一朝之忿，忘其身，以及其親，非惑與？”

Phàn Trì tòng du ư Vũ Vu chi hạ, viết: Cảm vấn sùng đức, tu thắc biện hoặc. Tử viết: Thiện tai vấn ! Tiên sự hậu đặc, phi sùng đức dự? Công kỳ ố, vô công nhân chi ố, phi tu thắc dự ? Nhất triều chi phẫn, vong kỳ thân, dĩ cập kỳ thân, phi cảm dự ?

Phàn Trì theo chân Không tử đi thăm đài Vũ Vu, hỏi: Dám hỏi thầy làm thế nào để tu dưỡng đạo đức, diệt ác trừ mê hoặc ? Không tử nói: Câu hỏi hay quá! Trước hãy làm việc thiện, chẳng phải là sùng đạo à? Phê phán cái xấu của mình, không chỉ trich cái sai của người khác, đó chẳng phải trừ bỏ lòng ác ư? Nhất thời nóng giận mà quên bản thân, lại làm liên lụy cả cha mẹ, đó không phải mê hoặc ư?

12•22

攀遲問仁。子曰：“愛人”

。問知。子曰：“知人”。樊遲未達。子曰：“舉直錯諸枉，能使枉者直”。樊遲退，見子夏曰：“鄉也吾見於夫子而問知，子曰‘舉直錯諸枉，能使枉者直’，何謂也？”

子夏曰：“富哉言乎！舜有天下，選於眾，舉皋陶，不仁者遠矣。湯有天下，選於眾，舉伊尹，不仁者遠矣”。

Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: Ái nhân. Vấn tri. Tử viết: Tri nhân. Phàn Trì vị đạt. Tử viết: Cử trực thô chư uồng. Năng sử uồng giả trực. Phàn Trì thoái, kiến Tử Hạ viết: Hương dã ngô liền ư phu tử nhi vấn trí, Tử viết: Cử trực thô chư uồng. Năng sử uồng giả trực, hà vị dã?. Tử Hạ viết: Phú tai ngôn hồ! Thuần hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Cao Đào, bất nhân giả viễn hĩ. Thang hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Y Doãn, bất nhân giả viễn hĩ.

Phàn Trì hỏi về chữ nhân. Không tử nói: “Yêu người”. Hỏi về sự hiểu biết, Không tử nói: “Biết người”. Phàn Trì không hiểu được. Không tử nói tiếp: “Cử người ngay thẳng ở trên kẻ ác thì có thể biến kẻ ác thành ngay thẳng”. Phàn Trì ra về, gặp Tử Hạ, nói: “Vừa rồi tôi gặp thầy hỏi về đức trí, thầy bảo ‘đem người ngay thẳng ở trên kẻ ác thì có thể biến kẻ ác thành ngay thẳng’. Như vậy là thế nào? Tử Hạ nói: Câu nói này rất phong phú ! Vua Thuần xưa được thiên hạ, chọn nhân tài

trong quần chúng là ông Cao Đào, kẻ bất nhân dần dần không còn nữa. Vua Thang được thiên hạ cũng chọn nhân tài trong dân chúng cát nhắc được ông Y Doãn. Dần dần kẻ bất nhân cũng không còn.

12•23

子貢問友。子曰：“忠告而善道之，不可則止，毋自辱也”。

Tử Công vấn hữu. Tử viết: Trung cáo nhi thiện đạo chi, bất khả tắc chi, vô tự nhục dã.

Tử Công hỏi về quan hệ bằng hữu. Không tử nói: Đem lòng trung thành mà khuyên bạn làm điều tốt, không được thì thôi, đừng tự chuốc lấy nhục nhã.

12•24

曾子曰：“君子以文會友，以友輔仁”。

Tăng Tử viết: Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân.

Tăng Tử nói: Quân tử dùng văn chương để tập hợp bạn bè, dùng bạn mà bồi dưỡng nhân đức.

Hết thiên 12

1. 13. 子路Tử Lộ

第十三篇 thiên 13

30 bài

13•1

子路問政。子曰：“先之勞之”。請益。曰：“無倦”。

Tử Lộ vấn chính. Tử viết: Tiên chi lao chi. Thinh ích. Viết: Vô quyên.

Tử Lộ hỏi về quản lý chính sự. Không tử nói: Phải chịu vất vả cùng dân khổ nhọc.

Tử Lộ xin giảng thêm. Không tử nói: Không biết mệt mỏi.

13•2

仲弓為季氏宰，問政。子曰：“先有司，赦小過，舉賢才”。曰：“焉知賢才而舉之？”

曰：“舉爾所知。爾所不知，人其舍諸？”

Trọng Cung vi Quý thị tể, vấn chính. Tử viết: Tiên hữu ti, xá tiêu quá, cử hiền tài. Viết: Yên tri hiền tài nhi cử chi?. Viết: Cử nhĩ sở tri. Nhĩ sở bất tri, nhân kỳ xá giả ?

Trọng Cung làm tổng quản cho họ Quý, hỏi về chính sự. Không tử nói: Trước hãy giao việc và kiểm soát người dưới quyền, bỏ qua lỗi nhỏ, chọn cử hiền tài. Cung nói: Làm sao biết hiền tài để cử ra? Không tử nói: Cử người mà mình biết, còn người mà mình không biết, người ta có bỏ họ đâu.

13•3

子路曰：“衛君待子為政，子將奚先？”子曰：“必也正名乎！”子路曰：“有是哉，子之迂也！奚其正？”

子曰：“野哉，由也！君子於其所不知，蓋闕如也。名不正則言不順，言不順則事不成，事不成

則禮樂不興，禮樂不興則刑罰不中，刑罰不中，則民無所措手足。故君子名之必可言也，言之必可行也。君子於其言，無所苟而已矣”

Tử Lộ viết: Vệ quân dãi tử vi chính, tử thương hè tiên ? Tử viết: Tất dã chính danh hò! Tử Lộ viết: Hữu thị tai, tử chi vu dã ! Hè kỳ chính ? Tử viết: Dã tai, Do dã ! Quân tử ư kỳ sở bất tri, thiện khuyết như dã. Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trung, hình phạt bất trung tắc dân vô sở thủ túc. Cố quân tử danh chi tất khả ngôn dã, ngôn chi tất khả hành dã. Quân tử ư kỳ ngôn, vô sở cầu nhi dĩ hĩ.

Tử Lộ nói: Nếu vua nước Vệ mời thầy đi làm quan, thầy làm gì trước tiên?

Khổng tử nói: Tất phải chính danh dã.

Tử Lộ nói: Phải vậy ư ? Thầy nói viễn vông quá, sao phải chính danh ?

Khổng tử nói: Trò Do sao nói năng thô thiển thế? Quân tử gặp việc mình chưa rõ thì không nên nói tùy tiện... Danh không hợp thì lời nói sẽ không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Việc không thành thì lễ nhạc mất trật tự. Lễ nhạc mất trật tự thì hình phạt không đúng đắn, hình phạt không đúng thì dân không biết làm thế nào cho đúng. Vậy người quân tử khi có danh phù hợp với thực thì có thể nói ra được, nói được thì thực hành thông suốt. Quân tử không bao giờ sờ suất với lời nói của mình.

(Chú thích: Bài này thể hiện rõ Thuyết chính danh của Khổng tử)

13•4

樊遲請學稼。子曰：“吾不如老農”。請學為圃。曰：“吾不如老圃”。樊遲出。子曰：

“小人哉，樊須也！上好禮，則民莫敢不敬；上好義，則民莫敢不服；上好信，則民莫敢不用情。夫如是，則四方之民襁負其子而至矣，焉用稼？”

Phàn Trì thỉnh học giá. Tử viết: “Ngô bất nhu lão nông”. Thỉnh học chi phó. Viết: “Ngô bất nhu lão phó”. Phàn Trì xuất. Tử viết: “Tiểu nhân tai, Phàn tu dã! Thượng hiếu lễ, tắc dân mạc cảm bất kính, thượng hiếu nghĩa tắc dân mạc cảm bất phục; Thượng hiếu tín, tắc dân mạc cảm bất dụng tình. Phu như thị, tắc tú phương chi dân cưỡng phụ kỳ tử nhi chí hĩ, yên dụng giá ?”.

Phàn Trì xin học làm ruộng. Khổng tử nói: Ta đâu phải lão nông. Phàn lại xin học làm vườn.

Khổng tử đáp: Ta đâu biết làm vườn. Phàn Trì ra ngoài. Khổng tử nói: Phàn Trì đúng là kẻ tiểu nhân. Người trên trọng lễ thì dân đâu dám coi thường. Người trên trọng nghĩa thì dân ai dám không phục tùng. Người trên coi trọng tín thì dân nào dám giả dối. Làm được như vậy thì dân chúng bốn phương công con tới theo mình hết. Cần gì phải học trồng trọt.

13•5

子曰：“誦詩三百，授之以政，不達使於四方，不能專對。雖多，亦奚以為？”

Tử viết: Thông thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt; Sử ư tú phương, bất năng chuyên đối. Tuy đa, diệc hè dĩ vi?

Khổng tử nói: Học thông ba trăm bài Kinh Thi, khi được giao chính sự thì làm không nổi, đi sứ nước ngoài không ứng đối được. Học nhiều thế có ích gì ?

(Chú thích: Khổng tử chê cái anh thuộc lòng mà không hiểu nghĩa lý)

13•6

子曰：“其身正，不令而行；其身不正，雖令不從”。

Tử viết: Kỳ thân chính, bất mệnh nhi hành; Kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng.
Không tử nói: Bản thân chính đáng, dù không ra lệnh người dưới vẫn chấp hành.;
Bè trên thiếu ngay thẳng, tuy ra mệnh lệnh người dưới cũng chẳng thi hành.

13•7

子曰：“魯衛之政，兄弟也”。

Tử viết: Lỗ Vệ chi chính, huynh đệ dã.

Không tử nói: Chính sự nước Lỗ và nước Vệ giống như hai anh em vậy.

13•8

子謂衛公子荊：“善居室。始有，曰：‘苟合矣’。少有，曰：‘苟完矣’。富有，曰：‘苟美矣’”

◦

Tử vị Vệ công tử Kinh: Thiện cư thất. Thủ hữu, viết: Cầu hợp hĩ. Thiếu hữu, viết: Cầu hoàn hĩ. Phú hữu, viết: Cầu mỹ hĩ.

Không tử nói về công tử Kinh nước Vệ: “Thật khéo cư xử việc nhà. Vừa mới có của ông ấy đã bảo ‘Thế là đủ rồi’. Vừa có thêm một ít, ông ấy lại bảo: ‘Vậy là đầy đủ rồi’. Về sau giàu có hơn, ông ấy bảo: ‘Thế là hoàn mỹ rồi’.

(Lời bàn: Công tử Kinh là người giản dị, có thể nào cũng hài lòng, không ham muộn, dễ thỏa mãn)

13•9

子適衛，冉有仆。子曰：“庶矣哉！”冉有曰：“既庶矣，又何加焉？”

曰：“富之”曰：“既富矣，又何加焉？”曰：“教之”。

Tử đích Vệ, Nhiễm Hữu bộc. Tử viết: Thủ hĩ tai! Nhiễm Hữu viết: Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên ? Viết : Phú chi. Viết : Kí phú hĩ, hựu hà gia yên ? Viết: Giáo chi.

Không tử đến nước Vệ có Nhiễm Hữu theo hầu. Không tử nói: Dân chúng đông quá!. Nhiễm Hữu hỏi: Dân đã đông thì làm thế nào? Không tử đáp: Phải làm cho họ giàu lên. Nhiễm Hữu lại hỏi: Dân giàu rồi thì làm gì nữa? Không tử nói: Phải giáo hóa họ.

13•10

子曰：“苟有用我者，期月而已可也，三年有成”。

Tử viết: Cầu hữu dụng ngã giả, tư nguyệt nhi dĩ khả dã, tam niên hữu thành.

Không tử nói: Nếu có ai bỗng dưng ta làm quản lý một nước, một năm sau đã khá rồi, ba năm nhất định thành công lớn.

13•11

子曰：“善人為邦百年，亦可以勝殘去殺矣。誠哉是言也！”

Tử viết: Thiện nhân vi bang bách niên, diệc khả dĩ thắng tàn khứ sát hĩ. Thành tai thị ngôn dã !
Không tử nói: Người xưa bảo nếu bậc thiện nhân nối nhau trị nước thì sau một trăm năm có thể cảm hóa kẻ tàn bạo thành lương thiện, không cần hình phạt chém giết nữa. Lời này thật hay.

13•12

子曰：“如有王者，必世而后仁”。

Tử viết: Như hữu vương giả, tất thế nhi hậu nhân.

Không tử nói: Nếu bậc thánh nhân cai trị, cũng phải chờ sau mới thực hiện được nhân chính (cai trị bằng lòng nhân)

(Lời bàn: Cai trị bằng đức nhân là một quá trình lâu dài, kiên trì, không thể thấy ngay kết quả, phải mất nhiều thế hệ mới thực hiện rộng rãi toàn xã hội.)

13•13

子曰：“苟正其身矣，於從政乎何有？不能正其身，如正人何？”

Tử viết: Cầu chính kỳ thân hĩ, ư tòng chính hồ hà hữu? Bất nǎng chính kỳ thân, như chính nhân hà?

Không tử nói: Nếu sửa mình ngay thẳng thì lãnh đạo chẳng thành công ư? Không thể tự mình ngay thẳng thì làm sao cho người khác ngay thẳng được?

13•14

冉子退朝。子曰：“何晏也？”對曰：“有政”。

子曰：“其事也？如有政，雖不吾以，吾其與聞之”。

Nhiễm tử thoái trào. Tử viết: Hà yến dã? Đôi viết “Hữu chính”. Tử viết: Kỳ sự dã ? Như hữu chính, tuy bất bất ngô dĩ , ngô kỳ dự văn chi.

Nhiễm Hữu từ nhà họ Quý về. Không tử nói: Sao về muộn thế? Nhiễm đáp: Có việc chính sự.

Không tử nói: Đó chỉ là việc nhà họ Quý thôi. Nếu là chính sự, ta bây giờ tuy thôi làm quan vẫn biết được.

(Chú thích: Nhiễm Hữu làm tổng quản cho nhà họ Quý quan đại phu nước Lỗ. Họ Quý lộng quyền thường mang việc nước về nhà bàn bạc. Nếu là việc nước thì Không tử phải được tham dự... Lời nói của Không tử chỉ nhầm răn dạy Nhiễm Hữu về cách làm việc quan đúng đắn vậy).

13•15

定公問：“一言而可以興邦，有諸？”

孔子對曰：“言不可以若是其幾也。

人之言曰：“為君難，為臣不易”。如知為君之難也，不幾乎一言而興邦乎？”

曰：“一言而喪邦，有諸？”

孔子對曰：“言不可以若是其幾也”。

人之言曰：“予無樂乎為君，唯其言而莫予違也”。

如其善而莫之違也，不亦善乎？如不善而莫之違也，不幾乎一言而喪邦乎？”

Định công vấn: Nhất ngôn nhi dĩ hưng bang, hữu giả?

Không tử đổi viết: Ngôn bất khả dĩ nhược thị kỳ kỷ dã. Nhân chi ngôn viết: ‘Vi quân nan, vi thần bất dịch’. Như tri vi quân chi nan dã, bất kỷ hồ ngôn nhi hưng bang hồ”.

Viết: Nhất ngôn nhi tang bang, hữu giả?

Không tử đối viết: Ngôn bất khả dĩ nhược thị kỳ kỷ dã. Nhân chi ngôn viết: Dư vô lạc hò vi quân, duy kỳ ngôn nhi mạc dư vi dã. Như kỳ thiện nhi mạc chi vi dã, bất diệc thiện hò? Như bất thiện nhi mạc chi vi dã, bất kỳ hò nhất ngôn nhi tang bang hò?

Vua Định Công hỏi: Một lời nói có thể làm đất nước phát triển phải không?

Không tử đáp: Lời nói khó có thể đạt nhanh như vậy. Người ta từng nói ‘Làm vua khó, làm bè tôi cũng chẳng dễ’. Nếu biết làm vua khó thì đây là lời nói chẳng phải có thể làm cho nước hưng thịnh được sao?

Định Công hỏi tiếp: Một lời nói có thể làm cho đất nước tan hoang, phải không?

Không tử đáp: Một lời nói chưa thể tác hại nhanh như vậy được. Như có người từng nói ‘Ta làm vua chưa thấy sung sướng gì, chỉ sướng khi nào ta nói ra mà không có ai dám trái lời’. Nếu vua nói phải thì chẳng ai cãi, như thế thì tốt quá. Nếu vua nói sai mà chẳng ai phản đối, đó chẳng phải một lời nói có thể làm tan nát đất nước sao?

13•16

葉公問政。子曰：“近者悅，遠者來”。

Diệp Công vấn chính. Tử viết: Cận giả duyệt, viễn giả lai.

Diệp Công hỏi về chính sự. Không tử đáp: Người ở gần vui vẻ, người ở xa kéo tới.

13•17

子夏為莒父宰，問政。子曰：無欲速，無見小利。欲速則不達，見小利則大事不成。

Tử Hạ vi Cử Phụ tể, vấn chính. Tử viết: Vô dục tốc, vô kiến tiểu lợi. Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiểu lợi tắc đại sự bất thành.

Tử Hạ làm huyện trưởng huyện Cử Phụ, hỏi về chính sự. Không tử nói: Chớ vội vàng, đừng tham lợi nhỏ. Muốn nhanh thì không đến đích, tham lợi nhỏ thì bỏ mất việc lớn.

13•18

葉公語孔子曰：“吾黨有直躬者，其父攘羊，而子証之”

。孔子曰：“吾黨之直者異於是：父為子隱，子為父隱，直在其中矣”。

Diệp Công ngữ Không tử viết: Ngô đảng hữu trực cung giả, kỳ phụ nhương dương, nhi tử chứng chi. Không tử viết: Ngô đảng chi trực giả di ư thị: Phụ vi tử ẩn, bất vi phụ ẩn, trực tại kỳ trung hĩ. Diệp Công nói với Không tử: Nơi con làm việc có một người rất ngay thẳng. Cha ăn trộm dê, con ra làm chứng. Không tử nói: Người ngay thẳng ở nơi ta khác với chỗ người. Cha che giấu cho con, con che giấu cho cha. Sự ngay thẳng cũng ở trong đó.

(Lời bàn: Theo Không tử, cha và con che giấu lỗi cho nhau là lẽ thường tình vì có tình phụ tử, nên không thể nói là không ngay thẳng. Vậy, lý và tình có khi không nhất trí với nhau mà là quan hệ tư pháp còn chưa đựng mâu thuẫn. Về lý, con làm chứng cha phạm tội là theo lý ngay thẳng, không sai. Nhưng về tình, cha che giấu tội con cũng thường xảy ra. Quan điểm Không tử là phải đem lý và tình thông nhất được với nhau mới phù hợp thực tế thời bấy giờ).

13•19

樊遲問仁。子曰：“居處恭，執事敬，與人忠。雖之夷狄，不可棄也”。

Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: Cư xứ cung, chấp sự kính, dự nhân trung. Tuy chi di địch, bất khả khi dã.

Phàn Trì hỏi về đức nhân. Không tử nói: Cư xử cung kính, làm việc thì nghiêm túc cẩn thận, giúp việc người thì tận lực. Dù đi tới xứ mạo rợ cũng không thể vứt bỏ đức tính này.

13•20

子貢問曰:“何如斯可謂之士矣?”

子曰:“行已有恥, 使於四方, 不辱君命, 可謂士矣”。

曰:“敢問其次”。

曰:“宗族稱孝焉, 鄉黨稱弟焉”。

曰:“敢問其次”。

曰:“言必信, 行必果, 硏硏然小人哉! 抑亦可以為次矣”。

曰:“今令之從政者何如?”

子曰:“噫! 斗筲之人, 何足算也?”

Tử Công vẫn viết: Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ?

Tử viết: Hành dĩ hữu sĩ, sử ư tú phương, bát hổ quân mệnh, khả vị sĩ hĩ.

Viết: Cảm vân kỳ thứ.

Viết: Tông tộc xứng hiếu yên, hương đảng xứng đệ yên.

Viết: Cảm vân kỳ thứ.

Viết: Ngôn tất tín, hành tất quả, khanh khanh nhiên tiêu nhân tai! Úc diệc khả dĩ vi thứ hĩ. Viết: Kim lệnh chi tòng chính giả hà như?

Tử viết: Ái! đâu sao chi nhân, hà túc toán dã?

Tử Công hỏi: Người thế nào đáng được gọi là kẻ sĩ?

Không tử nói: Làm trái phải biết xấu hổ. Đi sứ nước ngoài không làm mất thể diện vua mình, như thế có thể gọi là kẻ sĩ.

Tử Công hỏi: Xin hỏi kém kẻ sĩ một bậc gọi là người gì?

Không tử nói: Đó là người mà họ hàng bảo là kẻ có hiếu, làng xóm cho là biết đạo anh em.

Tử Công lại hỏi: Kém một bậc nữa thì gọi là gì ạ?

Không tử: Đó là người có lời nói tin cậy, hành động quả quyết, cũng là những kẻ nhỏ nhen, kiến thức hẹp hòi. Tuy vậy cũng gọi họ là kẻ sĩ kém hai bậc.

Tử Công hỏi tiếp: Những người đang làm quan nước Lỗ là loại người nào?

Không tử đáp: Ai chà! Những kẻ bụng dạ hẹp hòi, có gì đáng nói!

13•21

子曰:“不得中行而與之,必也狂狷乎! 狂者進取, 猷者有所不為也”

Tử viết: Bát đắc trung hành nhi dự chi, tất dã cuồng quyến hò! Cuồng giả tiên thủ, quyến giả hữu sở bất vi dã.

Không tử nói: Chẳng gặp được người đạt được tính trung dung để truyền đạo, đành phải tìm đến hạng cuồng giả, quyến giả. Cuồng giả có chí tiên thủ mãnh liệt, quyến giả biết giữ lòng ngay thẳng không làm chuyện bất nghĩa.

(Lời bàn: “Cuồng giả” có chí lớn, tính cách mạnh mẽ thái quá, “quyển giả” thì lại rụt rè, biết giữ bốn phận không làm điều bất nghĩa. Cả hai loại người này đều chưa đạt trung dung (vừa phải). Không tử nói vậy để khuyên khích cả hai đều tiến về phía đạo lý trung dung thì tốt hơn)

13•22

子曰:“南人有言曰:‘人而無恆,不可以作巫醫’。善夫!”。

不恆 其德,或承之羞”。子曰 :不佔而已矣”。

Tử viết: Namnhân hữu ngôn viết ‘ Nhân nhi vô hăng, bất khả dĩ tác vu y’. Thiện phu !”

‘Bất hăng kỳ đức, hoặc thừa chi tu’. Tử viết: Bất chiêm nhi dĩ hĩ.

Không tử nói: Người phương nam có câu ‘Người không có hăng tâm thì không thể làm thầy cúng hay thầy thuốc được’. Câu này rất hay! Kinh Dịch lại có câu ‘Người không có đức hạnh bền vững thì thế nào cũng có lúc chuốc lấy sự hổ thẹn’. Không tử nói tiếp: Người như thế thì làm thầy bói cũng chả được.

(Chú thích: Hăng tâm là bền lòng, bền chí, kiên định đạo lý, dù thế nào cũng không thay đổi)

13•23

子曰 :“君子和而不同, 小人同而不和”。

Tử viết: Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa.

Không tử nói: Quân tử hòa hợp nhưng không nhất thiết giống nhau, tiểu nhân a dua mà không hòa hợp.

(Lời bàn: Hòa hợp và a dua (阿諛) bè ngoài có vẻ giống nhau. Hòa hợp là thống nhất về tinh thần đạo lý, a dua là mù quáng làm giống người khác để vụ lợi).

13•24

子貢問曰 :“鄉人皆好之 , 何如?”

子曰 :“未可也”。 “鄉人皆惡之 , 何如 ?”

子曰 :“未可也。不如鄉人之善者好之 , 其不善者惡之”。

Tử Công vấn viết: Hương nhân gai hiếu chi, hè như?

Tử viết: Vị khả dã. Lại hỏi: Hương nhân gai ô chi, hè như?

Tử viết: Vị khả dã. Bất như hương nhân chi thiện giả hiếu chi, kỳ bất thiện giả ô chi.

Tử Công hỏi: Người được cả làng đều khen thì thế nào?

Không tử nói: Chưa hẳn là người tốt. Tử Công lại hỏi: Người mà cả làng đều ghét thì sao ?

Không tử đáp: Chưa hẳn là kẻ xấu. Người thiện trong làng đều khen, kẻ ác đều ghét, áy mới là người tốt.

(Lời bàn: Người được cả làng (gồm cả tốt, xấu) khen – áy là người “ba phải”. Người bị cả làng ghét, có thể người áy ngay thẳng, không chịu a dua)

13•25

子曰:“君子易事而難說也。說之不以道 , 不說也;及其使人也,器之。小人難事而易說也。說之雖不以道,說也;及其使人也,求備焉”

Tử viết: Quân tử dịch sự nhi nan thuyết dã. Thuyết chi bất dĩ đạo, bất thuyết dã; Cập kỳ sử nhân dã, khí chi. Tiêu nhân nan sự nhi thuyết dã. Thuyết chi tuy bất dĩ đạo, thuyết dã; Cập kỳ sử nhân dã, cầu bị yên.

Không tử nói: Làm việc với người quân tử thì dễ, nhưng được lòng quân tử thì khó. Nếu lấy lòng quân tử bằng cách không chính đáng thì quân tử không thích; Người quân tử sử dụng người thì dựa theo tài năng, đạo đức mà giao việc. Làm việc với kẻ tiêu nhân thì rất khó. Lấy lòng họ bằng cách không chính đáng thì rất dễ. Kẻ tiêu nhân sai khiến người khác lại đòi người ta phải hoàn hảo.

13•26

子曰：“君子泰而不驕，小人驕而不泰”。

Tử viết: Quân tử thái nhi bất kiêu, tiêu nhân kiêu nhi bất thái.

Không tử nói: người quân tử rộng rãi mà không kiêu, tiêu nhân kiêu mà không rộng rãi.

13•27

子曰：“剛、毅、木、訥近仁”。

Tử viết: Cương, nghị, mộc, nột cận nhân.

Không tử nói: Người có tính cương trực, chí quyết đoán, lòng mộc mạc, nói cẩn thận là gần với đạo nhân.

13•28

子路問曰：“何如斯可謂之士矣？”

子曰：“切切偲偲，怡怡如也，可謂士矣。朋友切切偲偲，兄弟怡怡”

Tử Lộ vấn viết: Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ ?

Tử viết: Thiết thiết ti ti, di di như dã, khả vi sĩ hĩ. Bằng hữu thiết thiết ti ti, huynh đệ di di.

Tử Lộ hỏi : Như thế nào được gọi là kẻ sĩ ? Không tử nói: Thân mật khuyên bảo, nhẹ nhàng vui vẻ có thể là kẻ sĩ. Bạn hữu thân thiết, anh em vui vẻ.

13•29

子曰：“善人教民七年，亦可以即戎矣”。

Tử viết: Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ tức nhung hĩ.

Không tử nói: Người thiện năm quyền giáo hóa dân bảy năm có thể bảo họ ra trận được.

13•30

子曰：“以不教民戰，是謂棄之”。

Tử viết: Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khi chi.

Không tử nói: Dùng dân chưa huấn luyện đi đánh trận, là vứt bỏ họ.

Hết thiên 13

1. 14. 憲問Hiến vấn

第十四篇 thiên 14

44 bài

14•1

憲問恥。子曰：“邦有道，谷；邦無道，谷，恥也”。 “克，伐，怨，欲不行焉，可以為仁矣？”。

子曰：“可以為難矣，仁則吾不知也”。

Hiến vấn sĩ. Tử viết: Bang hữu đạo, lộc; Bang vô đạo, lộc, sĩ dã. “Khắc, phật, oán, dục bất hành yên, khả dĩ vi nhân hĩ?”. Tử viết: Khả dĩ vi nan hĩ, nhân tắc ngô bất tri dã.

Nguyên Hiến hỏi về chữ sĩ (hỗn thiện). Không tử nói: Nước có đạo thì làm quan hưởng lộc; Nước vô đạo cũng làm quan hưởng lộc- ấy là sự hỗn thiện.

Lại hỏi: “Nếu không hiếu thắng, phô trương, oán hận, tham lam thì có thể xem là người nhân không?”. Không tử nói: Có thể coi là người làm được việc khó. Ta chưa biết người ấy có thể là người nhân không.

14•2

子曰：士而懷居，不足以為士矣。

Tử viết: Sĩ nhi hoài cư, bất túc dĩ diệc sĩ hĩ.

Không tử: Kẻ chỉ biết tìm cách được an nhàn thì không thể gọi là kẻ sĩ.

14•3

子曰：邦有道，危言危行；邦無道，危行言孫。

Tử viết: Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hành; Bang vô đạo, nguy hành ngôn tôn.

Không tử nói: Nước có đạo thì lời nói ngay thẳng (dám nói lời nguy hiểm), việc làm táo bạo mà đúng đắn. Nước vô đạo thì lời nói phải nhún nhường e dè, nhưng việc làm vẫn phải giữ đúng đắn.

(Lời bàn: Nước có đạo tức là do những người anh minh sáng suốt nắm giữ, họ nghe hiểu được những lời nói thẳng (nguy), việc làm táo bạo (nguy)... Nước vô đạo do những kẻ độc tài tàn ác cai trị, họ rất ghét những lời nói ngay thẳng trái ý họ, những việc làm không có lợi cho họ)

14•4

子曰：有德者必有言，有言者不必有德。仁者必有勇，勇者不必有仁。

Tử viết: Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức. Nhân giả tất hữu dũng, dũng giả bất tất hữu nhân.

Không tử nói: Người đạo đức thì lời nói có đạo lý; Còn người nói đạo lý chưa chắc đã có đạo đức. Người có nhân rất dũng cảm, nhưng người dũng cảm chưa chắc có nhân.

14•5

南宮適問於孔子曰：“羿善射，奡蕩舟，俱不得其死然。禹稷躬稼而有天下”。夫子不答。南宮適出。子曰：“君子哉若人！尚德哉若人！”

Nam Cung Đích vấn ư Không tử viết: Nghệ thiện xạ, Ngạo đặng chu, câu bất đắc kỳ tử nhiên Vũ Tắc cung giá nhi hữu thiên hạ. Phu tử bất đáp. Nam Cung Đích xuất. Tử cung viết: Quân tử tai giả nhân! Thường đức tai giả nhân!

Nam Cung Quát hỏi Không tử: Nghệ bắn giỏi, Ngạo đánh trận thủy chiến thành thạo thế mà cuối cùng phải chết bất đắc kỳ tử. Ông Vũ ông Tắc chỉ cần cù làm ruộng mà được cả thiên hạ (?) Không

tử không đáp. Nam Cung Quát ra ngoài. Khổng tử nói: “Quát thật là người quân tử ! Thật là người ham chuộng đạo đức! ”.

(Lời bàn: Nam Cung Quát tức Nam Dung con người hoàn hảo đã được Khổng tử gả cháu gái cho. Nam Dung hỏi về Nghê, Ngao là quyền thần đời trước cậy tài súc, không được hưởng phúc, Vũ, Tắc có đức nên thành đạt. Câu hỏi của Dung rất khó, lúc đó Khổng tử chưa hiểu được nên ngài khen Dung)

14•6

子曰：“君子而不仁者有矣夫，未有小人而仁者也”。

Tử viết: Quân tử nhi bất nhân giả hữu hĩ phu, vị hữu tiếu nhân nhi nhân giả dã.

Khổng tử nói: Người quân tử có khi lỡ làm việc bất nhân, nhưng kẻ tiếu nhân chẳng bao giờ làm được việc nhân.

(Lời bàn: Khi người tử té mắc sai lầm cũng cần châm chước bởi hoàn cảnh nào đó mà người ấy lỡ làm sai...)

14•7

子曰：“愛之，能勿勞乎？忠焉，能勿誨乎？”

Tử viết: Ái chi, năng vật lao hò? Trung yên, năng vật hối hò?

Khổng tử nói: Yêu con mà không cho con làm việc nặng nhọc ư?

Trung với vua mà không khuyên can vua làm cho đúng ư ?

14•8

子曰：“為命，裨諴草創之，世叔討論之，行人子羽修飾之，東裡子產潤色之”。

Tử viết: Vi mệnh, Tỳ Thầm thảo sáng chi, Thέ Thúc thảo luận chi, hành nhân Tử Vũ tu súc chi, đồng lý Tử Sản nhuận sắc chi.

Khổng tử nói: Theo mệnh vua, Tỳ Thầm viết văn bản, đến Thέ Thúc thảo luận, qua Tử Vũ tu sửa, đến phần Tử Sản trau chuốt lần cuối.

(Chú thích: Nước Trịnh có tập quán coi trọng việc làm ra văn bản. Có bốn viên quan phụ trách viết văn bản ngoại giao. Kể chuyện này, Khổng tử nhắc nhớ học trò sau này làm quan khi viết văn bản phải cẩn thận vì tầm quan trọng của văn bản với quốc gia).

14•9

或問子產。子曰：“惠人也”，問子西。曰：“彼哉！彼哉！”。問管仲。

曰：“人也。奪伯氏駢邑三百，飯疏食，沒齒無怨言”。

Hoặc vấn Tử Sản. Tử viết: Huệ nhân dã. Văn Tử Tây. Viết: Bỉ tai ! Bỉ tai!

Vấn Quản Trọng. Viết: Nhân dã. Đoạt Bá Thị Biền áp tam bách, phan sơ thực, một xỉ vô oán ngôn. Có người hỏi Khổng tử về Tử Sản. Khổng tử nói: Người ấy rất khoan dung và yêu dân. Lại hỏi về Tử Tây, Khổng tử nói: “Người ấy... người ấy...”.

Lại hỏi về Quản Trọng, Khổng tử nói: Người này ư, vua Tề lấy áp Biền ba trăm nhà của Bá Thị thường công cho Quản Trọng khiến Bá Thị nghèo khổ suốt đời mà không hề oán hận.

(Chú thích: Tử Tây là tể tướng nước Sở chẳng có công tích gì, khi Khổng tử đến nước Sở thì Tử Tây đem lòng đố kỵ vì sợ vua Sở tin nhiệm Khổng tử hơn. Nay nhắc đến hắn, Khổng tử không nỡ đả kích mà rất bao dung độ lượng. Quản Trọng là quan tài giỏi, có công lao lớn của nước Tề. Bá Thị bị vua lấy bót đát cấp cho Quản Trọng mà Bá Thị tâm phục Quản Trọng nên không chút oán giận)

14•10

子曰：“貧而無怨難，富而無驕易”。

Tử viết: Bần nhi vô oán nan, phú nhi vô kiêu địch.

Khổng tử nói: Nghèo mà không oán hận thì rất khó, giàu mà không kiêu rất dễ làm.

14•11

子曰：“孟公綽為趙魏老則優，不可以為滕薛大夫”。

Tử viết: Mạnh Công Xước vi Triệu, Ngụy lão tắc ưu, bất khả dĩ vi Đằng, Tiết đại phu.

Khổng tử nói: Mạnh Công Xước làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy thì còn dư tài năng, nếu làm đại thần nước Đằng, nước Tiết thì chưa đủ năng lực.

14•12

子路問成人。子曰：“若臧武仲之知，公綽之不欲，冉庄子之勇，冉求之藝，文之以禮樂，亦可以為成人矣”

曰：“今之成人者何必然？見利思義，見危授命，久要不忘平生之言，亦可以為成人矣”。

Tử Lộ vấn thành nhân. Tử viết: Như Tàng Vũ Trọng chi tri, công xước chi bất dục, biện trang tử chi dũng, Nhiễm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ nhạc, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ. Viết: Kim chi thành nhân giả hà tất nhiên? Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cữu yếu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ.

Tử Lộ hỏi về một người thành đạt. Khổng tử nói: Có trí tuệ như Tàng Vũ Trọng, liêm khiết như Mạnh Công Xước, dũng cảm như Biện Trang Tử, tài nghệ như Nhiễm Cầu, lại nắm được lễ nhạc nữa thì xem như những người toàn tài.

Rồi Khổng tử nói thêm: Bây giờ người thành nhân có cần như thế nữa không? Chỉ cần thấy lợi thì trước hết nghĩ đến nghĩa, gấp việc nguy nan thì sẵn sàng đối phó, lời hứa dù lâu cũng không quên, được như vậy thì xem như thành nhân rồi.

14•13

子問公叔文子於公明賈曰：“信乎，夫子不言，不笑，不取乎？”

公明賈對曰：“以告者過也。夫子時然后言，人不厭其言；樂然后笑，人不厭其笑；義然后取，人不厭其取”子曰：“其然？豈其然乎？”

Tử vấn Công Thúc Văn Tử ư Công Minh Giả viết: Tín hò, phu tử bất ngôn, bất tiêu, bất thủ hò? Công minh thúc đối viết: “Dĩ cáo giả quá dã. Phu tử thời nhiên hậu ngôn, nhân bất yém kỳ ngôn; nhạc nhiên hậu tiêu, nhân bất yém kỳ tiêu; Nghĩa nhiên hậu thủ, nhân bất yém kỳ thủ”. Tử viết: Kỳ nhiên? Khải kỳ nhiên hò?

Không tử hỏi Công Minh Giả về Công Thúc Văn Tử: “Ta nghe nói Công Thúc Văn Tử không nói, không cười, không nhận cái gì của ai, điều đó đúng không? Công Minh Giả đáp: “Là người ta nói quá đấy. Văn Tử chỉ nói lúc đáng nói, nên người ta nghe không chán; Khi vui mới cười nên người ta thấy cười mà không chê; Của hợp nghĩa mới nhận nên người ta thấy nhận là thích hợp, không khinh bỉ”.

Không tử nói: Thật vậy ư? Chẳng lẽ thật vậy ư?

14•14

子曰：“臧武仲以防求為后於魯，雖曰不要君，吾不信也”。

Tử viết: Tang Vũ Trọng dĩ Phòng cầu vi hậu ư Lỗ, tuy viết bát yêu cư, ngô bát tín dã.

Không tử nói: Tang Vũ Trọng lấy đất áp Phòng để ép vua Lỗ cho con ông ta làm chủ áp áy. Tuy có người nói ông ta không ép vua nhưng riêng ta không tin.

14•15

子曰：“晉文公謫而不正，齊桓公正而不謫”。

Tử viết: Tấn Văn Công quyết nhi bất chính, Tề Hoàn Công chính nhi bất quyết.

Không tử nói: Tấn Văn Công xảo trá mà bất chính, Tề Hoàn Công chính trực mà không xảo trá.

14•16

子路曰：“桓公殺公子糾，召忽死之，管仲不死”。曰：“未仁乎？”子曰：“桓公九合諸侯，不以兵車，管仲之力也。如其仁，如其仁”。

Tử Lộ viết: Hoàn Công sát công tử Củ, Triệu Hốt tử chi, Quản Trọng bát tử. Viết: Vị nhân hò? Tử viết: Hoàn Công cửu hợp chư hầu, bất dĩ binh xa, Quản Trọng chi lực dã. Như kỳ nhân, như kỳ nhân.

Tử Lộ nói: Tề Hoàn Công giết em là công tử Củ, Triệu Hốt vì thế mà tự sát, còn Quản Trọng không tự sát. Như thế Quản Trọng không được coi là người có nhân chẳng? Không tử nói: Vua Tề Hoàn Công nhiều lần triệu tập họp chư hầu mà không dùng binh lực. Đó là nhờ công sức của Quản Trọng, như thế còn ai nhân bằng?

(Chú thích: Khi Tề Hoàn công và em trai là công tử Củ tranh giành ngôi vua thì Quản Trọng và Triệu Hốt theo giúp công tử Củ. Nghe tin Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Triệu Hốt liền tự sát, còn Quản Trọng thì không. Quản Trọng còn theo đuổi lý tưởng lớn lao hơn một ngôi vua- đó là liên minh chư hầu tránh dùng vũ lực gây chiến tranh, đó là người theo đuổi đạo nhân, Vì thế Không tử đánh giá cao công trạng của Quản Trọng. Còn Triệu Hốt chỉ được tiếng khen là người trung thành với chủ.

Quản Trọng để lại một tấm gương sáng rực trong lịch sử Trung Quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa và đạo đức).

14•17

子貢曰：“管仲非仁者與？桓公殺公子糾，不能死，又相之。”子曰：“管仲相桓公，霸諸侯，一匡天下，民到於今受其賜。微管仲，吾其被發左衽矣。豈若匹夫匹婦之為諒也，自經於溝瀆而莫之知也”。

Tử Công viết: Quản Trọng phi nhân giả dụ? Quản Công sát công tử Củ, bất nǎng tử, hựu tương chi. Tử viết: Quản Trọng tương Quản Công, bá chư hầu, nhất khuông thiên hạ, dân đáo ư kim thụ kỳ tú. Vì Quản Trọng, ngô kỳ bị phát tả nhãm hĩ. Khải nhược thất phu phụ chí vi luộng dã, tự kinh ức câu độc nhi mạc chí tri dã.

Tử Công nói: Quản Trọng không phải là người có nhân chǎng? Vua Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng đã không tự sát lại còn làm tể tướng cho Tề Hoàn Công.

Không tử nói: Quản Trọng làm tể tướng cho Tề Hoàn Công, giúp ông ta làm bá chủ chư hầu, khiến cho thiên hạ thái bình, đời nay dân chúng vẫn còn chịu ơn. Nếu không có Quản Trọng, sợ rằng hôm nay chúng ta còn đầu bù tóc rối, áo quần rách rưới, lang thang đó đây. Quản Trọng đâu phải như người thường vì việc nhỏ mà tự sát ở khe núi để chǎng ai biết đến.

14•18

公叔文子之臣大夫僎與文子同升諸公。子聞之，曰：“可以為文矣”。

Công Thúc Văn Tử chi thần đại phu soạn dự văn tử đồng thăng giả công. Tử văn chi, viết: Khả dĩ vi văn hĩ.

Gia thần của Công Thúc Văn Tử là đại phu Soạn nhờ Công tiến cử mà được thăng chức đại thần.

Không tử nghe tin, nói: Công Thúc Văn Tử đáng được đặt tên thụy là “văn”.

(Chú thích: “văn” là có kiến thức)

14•19

子言衛靈公之無道也，康子曰：“夫如是，奚而不喪？”孔子曰：“仲叔圉治賓客，祝鮀治宗廟，王孫賈治軍旅，夫如是，奚其喪？”

Tử ngôn Vệ Linh Công chi vô đạo dã, Khang tử viết: Phu như thị, hè nhi bất tang. Không tử viết: Trọng Thúc Ngữ trì tân khách, Chúc Đà thi tông miếu, Vương Tôn Giả thi quân lữ, phu như thị, hè kỳ tang ?

Không tử chê vua Vệ Linh Công là kẻ vô đạo. Quý Khang tử hỏi: Dù cho Vệ Linh Công như vậy, sao nước Vệ không diệt vong? Không tử đáp: Bởi vì nước Vệ có Trọng Thúc Ngữ giỏi việc ngoại giao, tiếp đãi tân khách, Chúc Đà quản lý tốt việc tế lễ tông miếu, Vương Tôn Giả giỏi cầm quân. Biết dùng người như vậy thì làm sao mất nước được?

(Chú thích: Vua nước Vệ vô đạo nhưng còn biết dùng nhân tài, do vậy còn giữ được đất nước. Nếu vua Vệ có đạo thì đất nước còn phát triển tốt đẹp hơn).

14•20

子曰：“其言之不怍，則為之也難”。

Tử viết: Kì ngôn chi bất tặc, tắc vi chi dã nan.

Không tử nói: Kẻ nói khoác mà không biết tủi thẹn, át là khó làm đúng lời đã nói.

14•21

陳成子弑簡公。孔子沐浴而朝，告於哀公曰：“陳恆弑其君，請討之”公曰：“告夫三子”。

孔子曰：“以吾從大夫之后，不敢不告也。君曰‘告夫三子’者”。之三子告，

不可。孔子曰：“以吾從大夫之后，不敢不告也”。

Trần Thành Tử thí Giản Công. Khổng tử mộc dục nhi triêu, cáo ư Ai Công viết: Trần Hằng thí kỵ quân, thỉnh thảo chi. Công viết: Cáo phu tam tử. Khổng tử viết: Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã. Quân viết ‘cáo phu tam tử’ giả. Chi tam tử cáo, bất khả. Khổng tử viết: Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã.

Trần Thành Tử giết vua Tề Giản Công. Khổng tử tắm gội sạch sẽ, vào triều thưa với vua Lỗ Ai Công: “Trần Hằng đã giết vua của hắn, xin bệ hạ cho cử binh đi phạt tội hắn”. Vua Lỗ nói: Việc này báo cho ba đại phu biết đã. Khổng tử lui ra nói: “Ta tuy thôi làm quan nhưng còn đứng sau hàng đại phu, cho nên biết việc này mà không thể không đi báo vua, thế mà vua lại bảo cứ đi hỏi ba đại phu kia”.

Khổng tử đến báo cho ba đại phu kia, nhưng chẳng ai ưng thuận.

Khổng tử nói: Ta đứng sau hàng đại phu, cho nên biết việc này thì không thể không đi báo (Chú thích: Theo phép thời Xuân thu, kẻ giết vua là vô đạo, trái lẽ trời, phải bị trừng phạt. Trách nhiệm Khổng tử đã từng làm quan đại phu nên phải tâu lên nhà vua. Ba quan đại phu nước Lỗ cũng là loại quyền thần lấn át vua nên việc làm của Khổng tử tuy không đạt yêu cầu những cũng có ý răn đe ba vị đại phu ấy).

14•22

子路問事君。子曰：“勿欺也，而犯之”。

Tử Lộ vấn sự quân. Tử viết: Vật khi dã, nhi phạm chí

Tử Lộ hỏi về đạo thờ vua, Khổng tử nói: Không được lừa dối vua, dám can ngăn dù xúc phạm vua.

14•23

子曰：“君子上達，小人下達”。

Tử viết: Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt.

Khổng tử nói: Quân tử càng hướng về đạo cao, tiểu nhân càng sa xuống thấp hèn.

14•24

子曰：“古之學者為己，今之學者為人”。

Tử viết: Cố chi học giả vi kỷ, kim chi học giả vi nhân.

Khổng tử nói: Người xưa học cho mình, người đời nay học cho người khác.

(Lời bàn: Người xưa đi học là tu thân rồi ra giúp nước để thực hành tri thức. Nay thiên hạ đi học để lấy bằng cấp cho người ta biết mình, học vì danh lợi)

14•25

蘧伯玉使人於孔子，孔子與之坐而問焉。曰：“夫子何為？”對曰：“夫子欲寡其過而未能也”。使者出，子曰：“使乎！使乎！”

Cù Bá Ngọc sứ nhân ư Khổng tử, Khổng tử dự chi tọa nhi vấn yên. Viết: Phu tử hà vi? Đối viết: Phú tử dục quả kỵ quá nhi vị năng dã. Sứ giả xuất, Tử viết: Sứ hò! Sứ hò!

Cù Bá Ngọc sai người tới thăm Khổng tử, Khổng tử mời khách ngồi rồi hỏi thăm: Phu tử Cù nay làm gì? Sứ giả đáp: Ông chủ con muốn giảm lỗi làm mà chưa làm được.

Sau khi sứ giả từ biệt ra về, Khổng tử khen: Thật là một sứ giả giỏi, sứ giả giỏi!

(Lời bàn: Sứ giả ngoại giao thật khôn ngoan đúng mực, không phô trương công tích của chủ mà nói chủ đang lo sửa lỗi)

14•26

子曰：“不在其位，不謀其政”。曾子曰：“君子思不出其位”。

Tử viết: Bất tại kỳ vị, bát mưu kỳ chính. Tăng Tử viết: Quân tử tư bất xuất kỳ vị.

Không tử nói: Không giữ chức vụ gì thì đừng lo nghĩ về chức vị ấy.

(Lời bàn: Không tử cho rằng ai nêu lo phật này. Việc người khác mình không hiểu được nội tình nêu nhận xét có thể sai lạc; lại làm cho tình hình rối loạn hơn).

14•27

子曰：“君子恥其言而過其行”。

Tử viết: Quân tử si kỳ ngôn nhi quá kỳ hành.

Không tử nói: Quân tử phải biết hổ thẹn vì lời nói quá so với việc làm.

14•28

子曰：“君子道者三,我無能焉：仁者不憂,知者不惑,勇者不懼”。子貢曰：“夫子自道也”。

Tử viết: Quân tử đạo giả tam, ngã vô năng yên: nhân giả bất ưu, tri giả bất hoắc, dũng giả bất cù.

Tử Công viết: Phu tử tự đạo dã.

Không tử nói: Đạo quân tử có ba điều mà ta chẳng làm được một. Người nhân không lo buồn, kẻ trí không nghi hoắc, người dũng không sợ hãi”. Tử Công thưa: Thầy nói khiêm tốn quá đây.

14•29

子貢方人。子曰：“賜也賢乎哉？夫我則不暇”。

Tử Công phuơng nhân. Tử viết: Tú dã hiền hò tai ? Phu ngã tặc bất hạ.

Tử Công hay so sánh người hơn kẻ kém. Không tử nói: Người giỏi vậy ư ? Ta thì không nhàn rỗi nói chuyện đó.

(Lời bàn: Tử Công có óc phân tích, so sánh lại thăng thắn, nhưng gây cho người khác mất lòng. Không tử khuyên anh ta chẳng nên thế)

14•30

子曰：“不患人之不己知，患其不能也”。

Tử viết: Bất hoạn nhân chi bất kỵ tri, hoạn kỵ bất năng dã.

Không tử nói: Chẳng lo người ta không biết đến mình, chỉ lo mình không có khả năng đức độ để người ta biết đến.

14•31

子曰：“不逆詐，不億不信，抑亦先覺者，是賢乎！”

Tử viết: Bất nghịch tác, bất úc bất tín, úc diệc tiên giác giả, thị hiền hò !

Không tử nói: Không cần đoán trước sự lừa dối, sự bất tín của người khác, nhưng nếu có thì biết ngay. Như vậy coi là người hiền rồi.

14•32

微生歎謂孔子曰：丘，何為是棲棲者與？無乃為佞乎？孔子曰：非敢為佞也，疾固也。

Vi Sinh Mẫu vị Không tử viết: Khâu, hà vi thị tê tê giả dụ ? Vô nãi vi nịnh hò? Không tử viết : Phi cảm vi nịnh dã, tật cố dã.

Vi Sinh Mẫu nói với Khổng tử: Ông Khâu, sao cứ phải miệt mài dạy dỗ người đời như thế ? Phải chăng ông khoe tài ăn nói, đặng lấy lòng người ư? Khổng tử đáp: Tôi không dám khoe tài, chỉ vì ghét những kẻ cố chấp không chịu hiểu đạo lý.

14•33

子曰：“驥不稱其力，稱其德也”。

Tử viết : Ký bất xứng kỳ lực, xứng kỳ đức dã.

Khổng tử nói: Không nên khen sức mạnh ngựa thiên lý, mà khen cái đức tính của nó.

(Chú thích: Đức tính của ngựa đáng khen là dễ sai khiến, trung thành, có tình. Người xưa từng nói “khuyên mã chi tình” (tình chó, ngựa). Ý Khổng tử so sánh với con người: nên trọng người trung thành có tình hơn kẻ tài giỏi mà vô đức)

14•34

或曰：“以德報怨,何如 ?”子曰：“何以報德 ? 以直報怨, 以德報德”。

Hoặc viết ‘Dĩ đức báo oán, hà như?’ .Tử viết: Hà dĩ báo đức ? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức.

Có người hỏi: Lấy đức báo oán thù, vậy được không? Khổng tử đáp: “Thế lấy gì báo ân đức ? Hãy lấy ngay thẳng báo oán, dùng ân đức để báo đáp ân đức”

14•35

子曰：“莫我知也夫!” 子貢曰：“何為其莫知子也?”

子曰：“不怨天,不尤人。下學而上達, 知我者其天乎!”

Tử viết : Mạc ngã tri dã phu ! Tử Công viết: Hà vi kỳ mạc tri tử dã? Tử viết: Bất oán thiên, bất vưu nhân. Hạ học nhi thượng đạt, tri ngã giả kỳ thiên hò !

Khổng tử nói: Chẳng có ai hiểu ta cả! Tử Công hỏi: Sao không có ai hiểu thầy? Khổng tử nói: Ta không oán trời, không trách người, ta học việc con người từ nơi thấp cạn mà hiểu được việc trời cao siêu. Hiểu ta may ra chỉ có trời.

14•36

公伯寮憇子路於季孫。子服景伯以告，曰：“夫子固有惑志於公伯寮，吾力猶能肆諸市朝”

。子曰：“道之將行也與,命也。道之將廢也與,命也。公伯寮其如命何 !”

Công Bá Liêu tố Tử Lộ ư Quý Tôn. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo, viết: “Phu tử cố hữu hoặc chí ư Công Bá Liêu, ngô lực do năng tú chư thị triêu”. Tử viết: “Đạo chi thương hành dã dự, mệnh dã; Đạo chi thương phế dã dự, mệnh dã. Công Bá Liêu kỳ như mệnh hà !”.

Công Bá Liêu nói xấu Tử Lộ ở nhà Quý Tôn. Tử Phục Cảnh Bá nghe được, nói: Quý Tôn đã bị Công Bá Liêu mê hoặc rồi. Con có thể làm cho Quý Tôn giết Công Bá Liêu đem bêu xác ngoài chợ để thị uy. Khổng tử nói: Đạo của ta có thực hiện được hay không là do mệnh trời. Công Bá Liêu làm sao bằng mệnh trời được.

(Chú thích: Công Bá Liêu là kẻ xấu, muôn phá hoại sự nghiệp của thầy trò Khổng tử nên thường nói xấu với nhà Quý Tôn đại thần nước Lỗ. Tử Phục Cảnh Bá là một học trò của Khổng tử muôn giết Công Bá Liêu nhưng Khổng tử không đồng ý, ngài tin ở mệnh trời)

14•37

子曰：“賢者辟世，其次辟地，其次辟色，其次辟言”。子曰：“作者七人矣”。

Tử viết : Hiền giả tịch thé, kỳ thứ tịch địa, kỳ thứ tịch sắc, kỳ thứ tịch ngôn. Tử viết: Tác giả thát nhân hĩ.

Không tử nói: Hiền giả tránh đời vô đạo đi ở ẩn, một số tránh nước loạn mà chạy qua nước khác, một số tránh mặt vua trờ mặt, không biết lễ, một số khác tránh kẻ tiểu nhân hay gièm pha. Lại nói thêm: Những người ấy đã có đến bảy người rồi.

(Chú thích: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên là bảy người hiền đi ở ẩn)

14•38

子路宿於石門。晨門曰：“奚自？”。子路曰：“自孔氏”。曰：“是知其不可而為之者與？”

Tử Lộ túc ư Thạch Môn. Thần môn viết: “Hè tự?”. Tử Lộ viết: Tự Không thị. Viết: Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dự ?

Tử Lộ nghỉ đêm ở Thạch Môn. Người giữ cửa thành hỏi: Thầy ở đâu đến? Tử Lộ trả lời: Từ chỗ thầy Không tử đến. Người giữ thành hỏi: Có phải (Không tử) là người biết chủ trương của mình không thực hiện nổi mà cứ cố làm không ?

14•39

子擊磬於衛，有荷蕡而過孔氏之門者，曰：“有心哉，擊磬乎！”。

既而曰：“鄙哉！硁硁乎！莫己知也，斯己而已矣。深則厲，淺則揭”子曰：“果哉！末之難矣”。

Tử kích khánh ư Vệ, hữu hà khoái nhi quá Không thị chi môn giả, viết: Hữu tâm tai, Kích khánh hò ! Kí nhi viết: Bỉ tai ! Khanh khanh hò ! Mạc kỷ tri dã, tư kỷ nhi dĩ hĩ. Thâm tắc lệ, thiển tắc yết. Tử viết: Quả tai! Mạt chi nan hĩ.

Không tử ở nước Vệ đang gõ khánh, có người bán sọt đựng cỏ đi ngang, nói “Nghe tiếng khánh, biết người gõ khánh là kẻ có tâm”. Lát sau lại nói: “Tiếng khánh rất khiêm tốn Không có ai biết mình thì chỉ giữ mình thôi. Nước sâu để nguyên quần áo lội qua, nước cạn thì xắn quần lên đi”. Không tử nói: “Quả quyết tự tin chua kìa! Vậy trên đời chẳng còn có gì khó ư?!”

(Lời bàn: Người bàn sọt muốn khuyên Không tử chẳng nên cố chấp. Không thể cứu được đại sự thì mặc nó trôi qua, còn Không tử thì luôn luôn bền chí lo đến sự an nguy của thời cuộc mà tim cách phỏ biến đạo lý thánh hiền. “Nước sâu để nguyên áo quần lội qua”: câu này đa nghĩa, tạm hiểu: lỡ có chết đuối thì còn nguyên trang phục, mất thân mà giữ được danh dự- chữ lẽ).

14•40

子張曰：“書雲：‘高宗諒陰，三年不言。’何謂也？”子曰：“何必高宗？古之人皆然。君薨，百官總已以聽於冢宰三年”

Tử Trương viết: Thư vân: Cao tông Lương Âm, tam niên bất ngôn. Hà vị dã? Tử viết: Hà tất Cao tông? Cỗ chi nhân gai nhiên. Quân hoảng, bách quan tổng kỷ dĩ thính ư trung tể tam niên.

Tử Trương nói: Kinh Thư viết ‘Vua Cao Tông nhà Lương Âm ba năm không nói chuyện chính sự’ là ý gì? Không tử nói: Đâu phải chỉ có vua Cao Tông ? mà người xưa đều vậy. Vua mất, trăm quan đều lo chức vụ mình, nghe theo lệnh quan tể tướng và vua kế vị để thụ tang ba năm.

(Chú thích: Vua Cao tông đẻ tang, ba năm không bàn việc chính sự)

14•41

子曰：“上好禮，則民易使也”。

Tử viết : Thượng hiếu lễ, tắc dân dị sử dã.

Không tử nói: Người trên coi trọng lễ thì dễ sai bảo dân chúng.

14•42

子路問君子。子曰：“修己以敬”。

曰：“如斯而已乎？”曰：“修己以安人”。曰：“如斯而已乎？”曰：“修己以安百姓。修己以安百姓，堯舜其猶病諸？”

Tử Lộ vấn quân tử. Tử viết: Tu kỵ dĩ kính. Viết: Như tư nhi dĩ hò?. Viết: Tu kỵ dĩ an nhân. Viết: Như tư nhi dĩ hò ? Viết: Tu kỵ dĩ an bách tính. Tu kỵ dĩ an bách tính, Nghiêu Thuân kỳ do bệnh chư?

Tử Lộ hỏi về người quân tử. Không tử nói: Tu dưỡng minh kính cẩn.

Tử Lộ hỏi: Như thế là đủ ư? Không tử nói: Tu dưỡng minh để làm yên người khác.

Lại hỏi: Như thế là đủ ư? Không tử đáp: Tu dưỡng bản thân để làm yên trăm họ. Việc này khó đến nỗi vua Nghiêu, vua Thuân còn khó làm được.

14•43

原壤夷俟。子曰：“幼而不孫弟，長而無述焉，老而不死，是為賊”以杖叩其脰。

Nguyên Nhuõng di sĩ. Tử viết: Áu nhi bất tôn đệ, trưởng nhi vô thuật yên, lão nhi bất tử, thị vi tặc. Dĩ trượng khâu kỳ hinh.

Nguyên Nhuõng ngồi xõm đợi. Không tử nói: Lúc nhỏ người không biết tôn trọng anh em và người lớn, khi lớn không làm được việc đáng khen, về già mà chưa chịu chết, ấy là làm hại luân thường, phong tục. Nói xong Không tử lấy gậy gõ vào ống chân Nguyên.

(Chú thích: Nguyên Nhuõng người quen cũ của Không tử thuộc dòng đạo khác, không biết đạo cùn xứ của thầy)

14•44

闕黨童子將命。或問之曰：“益者與？”

子曰：“吾其居於位也，見其與先生並行也。非求益者也，欲速成者也”。

Khuyết Đảng đồng tử thương mệnh. Hoặc vấn chi viết: Ích giả hĩ? Tử viết: Ngô kỵ cư ư vị dã, kiến kỳ dự tiên sinh bính hành dã. Phi cầu ích giả dã, dục tốc thành giả dã.

Một đứa bé ở làng Khuyết Đảng được lệnh Không tử truyền lời đến các vị khách. Có người hỏi Không tử: “Nó học đã tiến bộ ư?”. Không tử nói: Ta nhìn thấy nó ngồi chổ người lớn, lại đi ngang hàng với người lớn. Nó không phải người cầu tiến mà là người vội vàng muôn thành người lớn.

(Chú thích: Không tử thấy đứa bé muôn chóng làm người lớn, đáng lẽ nó chỉ đi theo hầu. Nên ngài sai bảo nó đi theo phục vụ để nhắc nhở nó biết phép tắc thứ bậc (lẽ))

Hết thiên 14

1. 15. 衛靈公Vệ Linh công

第十五篇 thiên 15.

42 bài

15•1

衛靈公問陳於孔子。孔子對曰：“俎豆之事，則嘗聞之矣；軍旅之事，未之學也”。明日遂行。

Vệ Linh Công vấn trận ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Trò đâu chi sự, tắc thường văn chi hĩ; Quân lữ chi sự, vị chi học dã. Minh nhật toại hành.

Vệ Linh Công hỏi Khổng tử về nước trận mạc. Khổng tử trả lời: Tôi thường nghe về văn (lẽ nghĩa), chưa học về chiến trận. Ngày hôm sau Khổng tử dời nước Vệ.

(Chú thích: Vệ Linh Công là vua vô đạo, hỏi dò Khổng tử để gây việc binh đao. Khổng tử từ chối khéo và bỏ đi)

15•2

在陳絕糧，從者病，莫能興。子路慍見曰：“君子亦有窮乎？”子曰：“君子固窮，小人窮斯濫矣”。

Tại Trần tuyệt lương, tòng giả bệnh, mạc năng hưng. Tử Lộ uấn kiến viết: Quân tử diệc hữu cùng hổ ? Tử viết : Quân tử cố cùng tiều nhân cùng tư lạm hĩ.

Khi ở nước Trần bị tuyệt lương thực, học trò đi theo mắc bệnh, đi không nổi. Tử Lộ buồn rầu gấp Khổng tử nói: “Quân tử cũng có lúc khốn cùng phải không?”. Khổng tử nói: Quân tử gấp cùng khốn thì cố chịu đựng, kẻ tiều nhân thì lạm dụng, làm liều.

15•3

子曰：“賜也！女以予為多學而識之者與？”對曰：“然，非與？”曰：“非也。予一以貫之”。

Tử viết: Tú dã ! Nhữ dĩ dư vi đa học nhi chí giả dã? Đối viết: Nhiên, phi dã? Viết: Phi dã. Dư nhất dĩ quán chi.

Khổng tử nói: Trò Tú, ngươi tưởng ta có nhiều học thức ư? Tử Cống thưa: Vâng ạ, chẳng lẽ không phải vậy sao ? Khổng tử đáp: Không phải, ta chỉ biết dùng một đạo lý cơ bản mà thông suốt mọi vấn đề.

(Lời bàn; Khổng tử cho rằng chỉ cần học những điều cơ bản mà tự nhìn thấy nhiều kiến thức khác, không cần đọc nhiều nhớ nhiều. Kiến thức cơ bản ấy chính là đạo nhân)

15•4

子曰：“由！知德者鮮矣”。

Tử viết: Do! Tri đức giả tiễn hĩ.

Khổng tử nói: Trò Do ơi, người hiểu biết về chữ đức bấy giờ hiếm quá.

15•5

子曰：“無為而治者，其舜也與？夫何為哉？恭己正南面而已矣”。

Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dự ? Phu hè vi tai ? Cung kỹ chính Nam diện nhi dĩ hĩ.

Khổng tử nói: Không cần làm gì mà trị yên được thiên hạ, chỉ có vua Thuấn phải không ? Vua Thuấn có làm gì đâu? Người chỉ giữ trang nghiêm đoan chính, ngồi ngoảnh mặt về phương Nam.

(Chú thích: Học thuyết ‘Vô vi nhi trị’. Người lãnh đạo tài cao đức trọng đủ cảm hoá mọi người, phát huy năng lực người cấp dưới mà làm việc)

15•6

子張問行。子曰:“言忠信, 行篤敬, 雖蠻貊之邦, 行矣。言不忠信, 行不篤敬, 雖州裡, 行乎哉? 立則見其參於前也, 在輿則見其倚於衡也, 夫然后行”。子張書諸紳。

Tử Trương vấn hành. Tử viết “Ngôn trung tín, hành đốc kính, tuy Man Mạch chi bang, hành hĩ. Ngôn bất trung tín, hành bất đốc kính, tuy châu lý, hành hò tai? Lập tắc kién kỳ tham ư tiền dã, tại dư tắc kién kỳ ỷ ư hành dã, phu nhiên hậu hành”. Tử Trương thư chư thân.

Tử Trương hỏi về việc đi lại. Không tử nói: Lời nói phải trung tín, làm việc cẩn trọng thì dù đi tới nước thiều số Man Mạch vẫn thông suốt. Lời nói thiều trung tín, làm việc cẩn thận dù ở ngay quê hương mình cũng vấp váp. Khi đứng, như thấy chữ “trung tín, cẩn trọng” đang ở trước mặt. Khi ngồi xe, như thấy chữ “trung tín, cẩn trọng” khắc trên thành xe. Như vậy thì thực hành thông suốt. Tử Trương chép lời dặn ấy vào dải áo thắt ngang lưng

15•7

子曰:“直哉史魚! 邦有道,

如矢; 邦無道, 如矢。君子哉蘧伯玉! 邦有道, 則仕; 邦無道, 則可卷而懷之”。

Tử viết: Trực tai Sứ Ngu! Bang hữu đạo, như thi; bang vô đạo, như thi. Quân tử tai Cù Bá Ngọc! Bang hữu đạo, tắc sĩ; Bang vô đạo tắc khả quyển như hoài chí.

Không tử nói: Ngay thẳng như Sứ Ngu! Nước có đạo, ông ngay thẳng như cái tên; Khi nước vô đạo, ông vẫn ngay thẳng như cái tên. Quân tử như Cù Bá Ngọc, nước có đạo thì ra làm quan, khi nước vô đạo biết lui về ẩn.

15•8

子曰: 可與言而不與之言, 失人; 不可與言而與言, 失言。知者不失人, 亦不失言。

Tử viết: Khả dữ ngôn nhi bất dự chi ngôn, thát nhân; Bất khả dự ngôn nhi dự ngôn. Trí giả bất thát nhân, diệc bất thát ngôn.

Không tử nói: Người có thể cùng nói chuyện mà không nói, thế là mất người. Người không thể bàn chuyện cùng mà lại nói, thế là uổng lời. Người trí thức không bỏ mất người và không uổng lời.

15•9

子曰: 士仁人, 無求生以害仁, 有殺身以成仁。

Tử viết: Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.

Không tử nói: Chí sĩ là người nhân đức, không bao giờ cầu sống để hại người khác, có khi còn dám hy sinh thân mình để thi hành đạo nhân.

15•10

子貢問為仁。子曰:工欲善其事, 必先利其器。居是邦也, 事其大夫之賢者, 友其士之仁者

◦

Tử Cống vấn vi nhân. Tử viết: Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí. Cư thị bang dã, sự kỳ đại phu chi hiền giả, hữu kỳ sĩ chi nhân giả.

Tử Cống hỏi về đạo nhân: Không tử nói: Người thợ muốn làm ra sản phẩm tốt thì tất phải có dụng cụ tốt trước đã. Trong nước phải tôn người hiền tài trong số đại phu làm thầy, kết giao bạn bè với người nhân đức trong số kẻ sĩ.

15•11

顏淵問為邦。子曰:行夏之時, 乘殷之輶, 服周之冕, 樂則韶舞。放鄭聲, 遠佞人。鄭聲淫, 佞人殆”。

Nhan Uyên vẫn vi bang. Tử viết: Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tắc Thiều Vũ. Phóng Trịnh thanh, viễn vọng nhân. Trịnh thanh đậm, vọng nhân đai.

Nhan Uyên hỏi về việc trị nước. Không tử nói: Dùng lịch pháp nhà Hạ, đi xe nhà Ân, đội mũ nhà Chu, dùng nhạc thiều nhà Vũ. Bỏ nhạc nhà Trịnh vì âm thanh đậm dật, bậy bạ làm hỏng người, rất nguy hiểm.

15•12

子曰:“人無遠慮, 必有近憂”。

Tử viết: Nhân vô viễn lụ, tất hữu cận ưu.

Không tử nói: Người không lo nghĩ xa thì ắt có nỗi buồn gần.

(Lời bàn: Người cần nhìn xa trông rộng, nếu chỉ biết lợi ích trước mắt không suy tính dài hơi thì hoạn nạn đến nhanh. Mọi việc nên có phòng bị trước (từ sớm) thì sẽ đối phó được việc bất ngờ)

15•13

子曰:“已矣乎! 吾未見好德如好色者也”。

Tử viết: Dĩ hĩ hò! Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã.

Không tử nói: Thôi hết rồi! Ta chưa nhìn thấy ai ham đức như ham sắc vậy.

15•14

子曰:“臧文仲其竊位者與! 知柳下惠之賢而不與立也”。

Tử viết: Tang Văn Trọng kỳ thiết vị giả dự! Tri Liễu Hạ Huệ chi hiền nhi bất dự lập dã.

Không tử nói: Tang Văn Trọng hình như là kẻ ăn cắp chức vụ? Người ấy biết rất rõ Liễu Hạ Huệ thật sự là hiền tài mà không cử Liễu ra làm quan.

(Lời bàn: Liễu Hạ Huệ là hiền tài, Tang Văn Trọng ngồi ghế quan cao, biết rõ Liễu xứng đáng mà không đè bẹt là do bụng hẹp hòi. Đó là tội che giấu hiền tài, kẻ như ăn cắp vậy.)

15•15

子曰:“躬自厚而薄責於人, 則遠怨矣”。

Tử viết: Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân, tắc viễn oán hĩ.

Không tử nói: Nên tự trách mình nhiều, trách người ít hơn, được vậy thì ít đem lại oán hận.

15•16

子曰:“不曰‘如之何, 如之何’者, 吾未如之何也已矣”.

Tử viết: Bất viết như chi hà, như chi hà giả, ngô mặt như chi hà dã dĩ hĩ.

Không tử nói: Một người không biết bàn về sự việc như thế nào, nên làm ra sao ư?

Ta chẳng biết dạy bảo kẻ ấy thế nào nữa.

(Lời bàn: Không tử thất vọng với người chỉ biết kêu ca khi gặp khó chứ không biết bàn tính, suy nghĩ ra sao)

15•17

子曰：“群居終日，言不及義，好行小慧，難矣哉！”

Tử viết: Quân cư chung nhât, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan dĩ tai!

Không tử nói: Ngồi trò chuyện cả đám suốt ngày mà không bàn chuyện đạo nghĩa, chỉ nói chuyện khôn vặt. Kẻ ấy thực khó thành đạo.

15•18

子曰：“君子義以為質，禮以行之，孫以出之，信以成之。君子哉！”

Tử viết: Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tôn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi. Quân tử tai!

Không tử nói: Quân tử lấy nghĩa lý làm gốc, lấy lễ để thực hành, lấy tôn kính biểu hiện ra, dùng đức tín để làm việc. Đó là người quân tử.

15•19

子曰：君子病無能焉，不病人之不己知也。

Tử viết: Quân tử tật vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỉ tri dã.

Không tử nói: Quân tử chỉ sợ mình mắc lỗi, không sợ người ta không biết mình.

15•20

子曰：君子疾沒世而名不稱焉。

Tử viết: Quân tử tật một thế nhì danh bất xứng yên.

Không tử nói: Quân tử sẽ mang hận suốt đời nếu không xứng đáng với danh phận.

15•21

子曰：君子求諸己，小人求諸人。

Tử viết: Quân tử cầu giả kỉ, tiểu nhân cầu giả nhân.

Không tử nói: Quân tử mọi thứ đều dựa vào mình, tiểu nhân đều dựa tất cả vào người khác.

15•22

子曰：君子矜而不爭，群而不黨。

Tử viết: Quân tử cẩn nhì bất tranh, quần nhì bất đảng.

Không tử nói: Quân tử trang nghiêm mà không tranh giành, hoà hợp với người nhưng không kết bè phái.

15•23

子曰：君子不以言舉人，不以人廢言。

Tử viết: Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phế ngôn.

Không tử nói: Quân tử không vì lời nói mà cất nhắc người, cũng không vì người mà bỏ lời nói.

(Lời bàn: Không nên chỉ vì lời nói hay mà tin tưởng, cất nhắc. Một kẻ ta không ưa nhưng có lời hay thì cũng cần lưu ý suy nghĩ chứ không nên bỏ qua. Tóm lại, nhìn người phải suy xét cả lời nói và việc làm).

15•24

子貢問曰：一言而可以終身行之者乎？子曰：恕乎！己所不欲，勿施於人。

Tử Cống vấn viết: Hữu nhất ngôn dĩ chung thân hành chi giả hồ ? Tử viết: Kỳ thứ hồ!
Ký sở bất dục, vật thi ư nhân.

Tử Cống hỏi: Có câu nói nào mà dùng được suốt đời không ?

Khổng tử nói: Đó là chữ “thứ”. Việc gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác.

15•25

子曰:吾之於人也, 誰毀誰譽 ? 如有所譽者, 其有所試矣。斯民也, 三代之所以直道而行也

◦

Tử viết: Ngô chi ư nhân dã, thùy hủy thùy dự ? Như hữu sở dự giả, kỳ hữu sở thí hĩ. Tư dân dã, tam đại chi sở dĩ trực đạo nhi hành dã.

Khổng tử nói: Ta sống với người, có chê ai khen ai quá lố đâu? Nếu khen ai ta phải xem xét thực tế để biết rõ người ấy. Phê phán người đời nay, ta dựa theo đạo đức ngay thẳng ba đời Hạ, Thương, Chu.

(Chú thích: Khổng tử nhắc việc khen, chê người khác cần thận trọng, có căn cứ. Nếu không thì lại xa rời đạo lý. Khổng tử coi việc khen chê thời Hạ, Thương, Chu là mẫu mực)

15•26

子曰 : 吾猶及史之闕文也, 有馬者借人乘之, 今亡矣夫。

Tử viết: Ngô do cập sử chi khuyết văn dã, hữu mã giả tá nhân thừa chi, kim vong hĩ phu.

Khổng tử nói: Ta thấy quan chép sử bỏ trống những điều nghi vấn, lại biết có người chủ ngựa dám cho người khác mượn ngựa. Nay giờ không còn loại người ấy nữa.

(Lời bàn: Cuối thời Xuân thu Khổng tử chứng kiến xã hội suy vi trước mắt nên rất lo lắng u sầu... Quan chép sử cần thận chỉ viết điều chắc chắn, người cho bạn mượn ngựa- là hai việc bình thường ngày xưa mà ngày nay hiếm hoi tới mức không thấy nữa).

15•27

子曰 : 巧言亂德。小不忍則亂大謀。

Tử viết: Xảo ngôn loạn đức. Tiêu bất nhẫn tắc loạn đại mưu.

Khổng tử nói: Lời xảo trá có thể làm bại hoại đạo đức. Không nhẫn nại việc nhỏ thì có thể làm hỏng việc lớn.

15•28

子曰 : 眇惡之, 必察焉; 眇好之, 必察焉。

Tử viết: Chúng ô chi, tất sát yên; Chúng hiếu chi, tất sát yên.

Khổng tử nói: Người bị mọi người ghét, ta phải xem có đúng không. Người được mọi người ưa thích, ta cũng phải xem có thực không.

15•29

子曰 : 人能弘道, 非道弘人。

Tử viết: Nhân nǎng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân.

Không tử nói: Người phải làm cho đạo được mở rộng, chứ không dùng đạo để phô trương cho mình.

15•30

子曰：過而不改，是謂過矣。

Tử viết: Quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ.

Không tử nói: Có sai lầm mà không sửa, đấy mới thật là sai lầm.

15•31

子曰：吾嘗終日不食，終夜不寢，以思，無益，不如學也。

Tử viết: Ngô thường chung nhặt bất thực, chung dạ bất tâm, dĩ tư, vô ích, bất như học dã.

Không tử nói: Ta từng suốt ngày không ăn cơm, thức trắng cả đêm để suy tư. Nhưng vô ích, không bằng đi học.

15•32

子曰：君子謀道不謀食。耕也，餕在其中矣；學也，祿在其中矣。君子憂道不憂貧

Tử viết: Quân tử mưu đạo bất mưu thực. Canh dã, nỗi tại kỳ trung hĩ; Học dã, lộc tại kỳ trung hĩ. Quân tử ưu đạo bất ưu bần.

Không tử nói: Quân tử chăm lo cầu đạo chứ không cầu ăn. Người cày ruộng khi gặt mìt mùa khó tránh khỏi đói kém. Người chăm học có thể làm quan. Quân tử chỉ lo đạo chứ không lo về nghèo.

15•33

子曰：知及之，仁不能守之，雖得之，必失之；知及之，仁能守之，不庄以泣之，則民不敬。知及之，仁能守之，庄以泣之，動之不以禮，未善也。

Tử viết: Tri cập chi, nhân bất năng thủ chi; Tuy đắc chi, tất thất chi; Tri cập chi, nhân năng thủ chi, bất trang dĩ lì chi, tắc dân bất kính. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ lì chi, động chi bất dĩ lễ, vị thiện dã.

Không tử nói: Người có đủ trí tuệ nhưng không biết giữ đức nhân thì có nhiều kiến thức rồi cũng bỏ mất. Người có đủ trí tuệ lại biết giữ đức nhân nhưng nếu thiếu thái độ nghiêm túc khi đến với dân thì dân cũng không kính trọng. Người có đủ trí tuệ, biết giữ đức nhân lại đến với dân nghiêm túc cẩn thận nhưng không biết dùng lễ tiết kết hợp để cỗ vũ dân làm việc thiện thì cũng không hoàn toàn tốt đẹp.

(Lời bàn: Không tử nêu ra 04 phẩm chất, tăng dần để đảm bảo thành công)

15•34

子曰：君子不可小知而可大受也，小人不可大受而可小知也。

Tử viết: Quân tử bất khả tiểu tri nhi khả đại thụ dã, tiểu nhân bất khả đại thụ nhi khả tiểu tri dã.

Không tử nói: Quân tử có thể không biết việc nhỏ nhặt, nhưng có thể đảm đương việc lớn. Kẻ tiểu nhân không làm được việc lớn nhưng có thể biết việc nhỏ nhặt.

15•35

子曰：民之於仁也，甚於水火。水火，吾見蹈而死者矣，未見蹈仁而死者也。

Tử viết: Dân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hỏa. Thủy hỏa, ngô kiến đạo nhi tử giả hĩ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.

Không tử nói: Nhân dân cần đức nhân hơn cần lửa và nước. Ta từng thấy người dãm vào lửa và nước mà chết, chưa thấy ai dãm vào đức nhân mà chết bao giờ.

(Lời bàn: Nước và lửa rất cần cho đời sống con người. Không tử bảo rằng đức nhân còn cần thiết hơn, thiếu nó cũng co thể nguy hại hơn cả nước, lửa. Làm việc nhân đức thì chẳng bao giờ lo sợ cả.)

15•36

子曰:當仁, 不讓於師。

Tử viết: Đương nhân, bất nhượng ư sư.

Không tử nói: Người thăng thắn thì không nhường nhịn cả thầy dạy mình.

15•37

子曰 :君子貞而不諒.

Tử viết: Quân tử trinh nhi bất lượng.

Không tử nói: Quân tử giữ vững khí tiết nhưng biết bao dung người khác (kém hơn mình).

15•38

子曰 :事君, 敬其事而后其食。

Tử viết: Sự quân, kính kỳ sự nhi hậu kỳ thực.

Không tử nói: Thờ vua phải tận tâm, sau mới nghĩ đến bỗng lộc.

15•39

子曰 :有教無類。

Tử viết: Hữu giáo vô loại.

Không tử nói: Dạy người, ta không phân biệt thứ hạng, giàu nghèo, thiện, ác, dở hay.

15•40

子曰 :道不同, 不相為謀。

Tử viết: Đạo bất đồng, bất tương vi mưu.

Không tử nói: Người không cùng theo một đạo lý thì không thể ngồi bàn việc cùng được.

15•41

子曰 :辭達而已矣。

Tử viết: Từ đạt nhi dĩ hĩ.

Không tử nói: Lời văn đủ diễn tả ý tú là được rồi.

15•42

師冕見,及階,子曰:“階也”及席, 子曰:“席也”。皆坐,子告之曰:

某在斯, 某在斯”。師冕出,子張問曰:“與師言之道與?” 子曰 :“然, 固相師之道也”。

Sư Miện kién, cập gai, Tử viết: Gai dã cập tịch, tử viết: Tịch dã. Gai tọa, Tử cáo chi viết “Mỗ tại tư, mỗ tại tư”. Sư Miện xuất, Tự Trương vẫn viết: Dự sú ngôn chi đạo dự ? Tử viết: Nhiên, có tương sú chi đạo dã.

Sư Miện (quan nhạc bị mù) đi tới bậc thềm, Khổng tử nói: ‘Đây là bậc thềm’, rồi nói: ‘Tới chỗ chiếu ngồi’. Khi mọi người an tọa, Khổng tử giới thiệu từng người ‘Người này là... Người này là...’. Khi Sư Miện về rồi, Tự Trương hỏi Khổng tử: Đó là đạo nói chuyện với quan nhạc sư phải không? Khổng tử đáp: Phải rồi, đạo giúp đỡ quan nhạc sư mù lòa.

(Lời bàn: Mọi người phải tôn trọng và giúp đỡ người mù lòa, huống chi Sư Miện mù lòa lại là người có tài năng, giữ nhạc lễ. Đó là đạo lý xưa nay, chẳng những với người mù lòa mà cả những người bị khiếm khuyết, người già neo đơn, trẻ mồ côi, nam góa vợ, nữ góa chồng...cũng cần được giúp đỡ).

Hết thiên 15

1. 16. 季氏 Quí thị

第十六篇 thiên 16.

14 bài

16. 1

季氏將伐顓臾。冉有,季路見於孔子曰:“季氏將有事於顓臾”.

孔子曰：“求！無乃爾是過與？夫顓臾,昔者先王以為東蒙主,且在城邦之中矣,是社稷之臣也。何以伐為？”.

冉有曰：“夫子欲之,吾二臣者皆不欲也.”.

孔子曰：“求！周任有言曰：‘陳力就列,不能者止’，危而不持,顛而不扶,則將焉用彼相矣？且爾言過矣,虎兕出於柙,龜玉毀於櫝中,是誰之過與？”.

冉有曰：“今夫顓臾,固而近於費。今不取,后世必為子孫憂.”.

孔子曰：“求！君子疾夫舍曰欲之而必為之辭。丘也聞有國有家者,不患寡而患不均,不患貧而患不安。蓋均無貧,和無寡,安無

傾。夫如是,故遠人不服,則修文德以來之。既來之,則安之。今由與求也,相夫子,遠人不服而不能來也,邦分崩離析而不能守也,而謀動干戈於邦內。吾恐季孫之憂,不在顓臾,而在蕭牆之內也”。

Quí thị thương phạt Chuyên Du. Nhiễm Hữu, Quí Lộ kién ư Khổng tử viết: “Quí thị thương hữu sự ư Chuyên Du”.

Khổng tử viết: “Cầu (tức Nhiễm Hữu), vô nãi nhĩ thị quá dư ? Phu Chuyên Du, tích tích tiên vương dĩ vi Đông Mông chủ, thả tại thành bang chi trung hĩ, thị xã tác chi thần dã. Hà dĩ phạt vi ?

Nhiễm Hữu (Câu) viết: Phu tử dục chi, ngô nhi thần giả giai bất dục dã.

Không tử viết: Câu, Chu Nhiệm hữu ngôn viết: “Trần lực tựu liệt, bất năng giả chí, nguy nhi bất trì, diên nhi bất phù, tắc thương yên dụng bỉ tướng hĩ ? Thả nhĩ ngôn quá hĩ, hổ hủy xuất ư hiệp, khưu ngọc hủy ư độc trung, thị thùy chi quá dự ?”.

Nhiễm Hữu viết: Kim phu Chuyên Du, cố nhi cận ư Phí. Kim bất thủ, hậu thế tất vi tử tôn ưu.

Không tử viết: Câu, quân tử tật phu xá viết dục chi nhi tất vi chi từ. Khâu dã văn hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi hoạn bất an. Cái quân vô bần, hòa vô quả, an vô khuynh. Phu như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi. Ký lai chi, tắc an chi. Kim Do dự Câu dã, tướng phu tử, viễn nhân bất phục nhi bất năng lại dã, bang phân băng li tích nhi bất năng thủ dã, nhi mưu động can qua ư bang nội. Ngô khùng quí tôn chi ưu, bất tại Chuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã.

Họ Quý chuẩn bị chinh phạt nước Chuyên Du. Nhiễm Hữu, Quý Lộ đến gặp Không tử, nói: “Họ Quý sắp gây sự với nước Chuyên Du”. Không tử nói: Nhiễm Câu, đây không phải sai lầm của người ư? Đối với nước Chuyên Du, thiên tử đã giao cho họ chủ trì lễ tế ở núi Đông Mông, thuộc lãnh thổ nước Lỗ, vì sao lại đánh nước Chuyên Du?”.

Nhiễm Hữu nói: Đây là do họ Quý muốn chinh phạt, hai chúng con là cấp dưới đều không muốn vậy.

Không tử nói: Nhiễm Hữu, quan chép sử Chu Nhiệm từng nói: “có thể tận lực làm bè tôi thì giữ chức vụ, nếu không tận lực được thì nên thôi chức”. Nếu người chủ gấp nguy hiểm mà không giúp, thấy chủ sắp ngã mà không đỡ, quan chức như các người có tác dụng gì? Vả lại các người nói sai quá rồi, giữ chuồng mà để con hổ, con trâu xổng chuồng, kẻ giữ tráp mà để ngọc quí mai rùa bị hú hỏng trong tráp là lỗi tại ai ?”.

Nhiễm Hữu nói: Tường thành của nước Chuyên Du kiên cố lắm, hơn nữa lại ở gần áp Phí, bây giờ không chiếm lấy, sẽ để mối lo cho con cháu về sau.

Không tử nói: Nhiễm Hữu, người quân tử ghét nhất là không dám trực tiếp nói ra tham muối của mình mà lại tìm cớ khác. Ta từng nghe nói, vua chư hầu có nước, quan đại phu có nhà chẳng buồn vì dân ít, mà buồn vì của cải phân phối không đều, không sợ nghèo mà sợ không yên ổn. Của cải chia công bằng thì dân không nghèo nữa. Dân yên ổn thì không cảm thấy người ít, nước yên sẽ không còn ngả nghiêng nữa. Nếu biết người nơi xa (láng giềng) không qui phục thì phải biết sửa văn đức của mình làm cho họ phục mà đến. Họ đến rồi thì nghĩ cách cho họ được yên... Hiện nay trò Do và trò Hữu phụ tá họ Quý, biết người ở xa không qui phục mà chẳng biết cách làm họ đến, nước nhà phân rẽ mà không biết cách bảo toàn, lại còn muốn binh đao... Ta sợ nỗi lo của họ Quý không phải ở nước Chuyên Du, mà ở trong nội bộ vậy.

16. 2

孔子曰:“天下有道, 則禮樂征伐自天子出;天下無道, 則禮樂征伐自諸侯出。自諸侯出, 蓋十世希不失矣;自大夫出, 五世希不失矣;陪臣執國命, 三世希不失矣。天下有道, 則政不在大夫。天下有道, 則庶人不議”

Không tử viết: Thiên hạ hữu đạo, tắc lễ nhạc chinh phạt tự thiên tử xuất; Thiên hạ vô đạo, tắc lễ nhạc chinh phạt tự chư hầu xuất. Tự chư hầu xuất, cái thập thế hy bất thát hĩ; Tự đại phu xuất, ngũ thế hy bất thát hĩ; Bồi thần chấp quốc mệnh, tam thế hy bất thát hĩ. Thiên hạ hữu đạo, tắc chính bất tại đại phu. Thiên hạ hữu đạo, tắc thứ nhân bất nghị.

Không tử nói: Thiên hạ có đạo thì lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt đều ở trong tay thiên tử. Thiên hạ vô đạo thì lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt ở trong tay vua chư hầu. Quyết định của vua chư hầu làm ra quá lầm tồn tại được 10 đời thì mất nước. Quyết định của đại phu làm ra chỉ truyền đi nhiều lầm được 5 đời thì mất nước. Quyết định do gia thần làm ra được truyền không quá 3 đời thì mất nước.

Thiên hạ có đạo thì người dân bình thường chẳng có điều gì phải bàn luận.

16. 3

孔子曰: 祿之去公室五世矣, 政逮於大夫四世矣, 故夫三桓之子孫微矣

Không tử viết: Lộc chi khứ công thất ngũ thế hĩ, chính đãi ư đại phu tú thế hĩ, có phu tam hoàn chi tử tôn vi hĩ.

Không tử nói: Lộc không còn ở triều đình (Lỗ quốc) 5 đời rồi, chính quyền trong tay đại phu đã 4 đời. Vậy con cháu ba nhà đại phu (họ Quý, Mạnh, Thúc) hiện nay đang lúc suy sụp rồi.

16.4

孔子曰: 益者三友, 損者三友. 友直, 友諒, 友多聞, 益矣。友便辟, 友善柔, 友便佞, 損矣

Không tử viết: Ích giả tam hữu, tồn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hĩ. Hữu tiệm tịch, hữu thiện nhu, hữu tiệm vọng, tồn hĩ.

Bạn có ích gồm ba loại: bạn ngay thẳng, bạn thành thực, bạn có kiến thức sâu rộng.

Bạn có hại cũng ba loại: Bạn giả bộ uy nghi, bạn khéo chiều chuộng, bạn ưa siêm nịnh.

16.5

孔子曰: “益者三樂, 損者三樂。樂節禮樂, 樂道人之善, 樂多賢友, 益矣。

樂驕樂, 樂佚游, 樂晏樂, 損矣”

Không tử viết: Ích giả tam lạc, tồn giả tam lạc. Lạc tiết lễ nhạc, lạc đạo nhân chi hĩ. Lạc đa hiền hữu, ích hĩ. Lạc kiêu nhạc, lạc dật du, lạc yến lạc, tồn hĩ.

Điều thích thú có ích gồm ba loại: Thích nghi thức lễ phép, thích nói điều hay của kẻ khác, thích có nhiều bạn hiền.

Sự thích thú có hại cũng gồm 3 thứ: Thích nhạc ủi mị, ru ngủ, nhô nhăng. Thích chơi bùa bái phóng túng Thích yến tiệc say xưa quá độ.

16.6

孔子曰:侍於君子有三愆: 言未及之而言謂之躁, 言及之而不言謂之隱, 未見顏色而言謂之瞽。

Không tử viết: Hầu ư quân tử hữu tam khiên: ngôn vị cập chi nhi ngôn vị chi táo, ngôn cập chi nhi bất ngôn vị chi ẩn, vị kiến nhan sắc nhi ngôn vị chi cỗ.

Khổng tử nói “Ngồi hầu chuyện người quân tử có thể mắc 3 sai lầm này. Chưa đến lúc nói đã tranh nói, gọi là hấp tấp. Đến lúc nói lại không chịu nói là người giấu diếm. Không nhìn sắc mặt của người quân tử mà cứ thao thao bất tuyệt là kẻ mù quáng”.

16.7

孔子曰:

君子有三戒：少之時，血氣未定，戒之在色；及其壯也，血氣方剛，戒之在斗；及其老也，血氣既衰，戒之在得

Khổng tử viết: Quân tử hữu tam giới: thiếu chi thì, huyết khí vị túc, giới chi tại sắc; cập kì tráng dã, huyết khí phuơng cương, giới chi tại đầu; cập kì lão dã, huyết khí kí suy, giới chi tại đắc.

Khổng tử nói: Quân tử có ba việc phòng ngừa. 1. Lúc nhỏ tuổi huyết khí chưa ổn định phải tránh ham nũ sắc. 2. Khi đã trưởng thành huyết khí đã thịnh vượng phải phòng ngừa tính ham tranh đấu 3. Khi già huyết khí suy nhược, cần tránh tính tự đắc ham được hơn người khác

16.8

孔子曰:

君子有三畏：畏天命，畏大人，畏聖人之言。小人不知天命而不畏也，狎大人，侮聖人之言

Khổng tử viết: Quân tử hữu tam úy. Úy thiên mệnh. Úy đại nhân. Úy thánh nhân chi ngôn. Tiêu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn.

Khổng tử nói:

Quân tử có ba điều sợ. Sợ mệnh trời. Sợ bậc đại nhân. Sợ lời nói của thánh nhân.

Tiểu nhân không biết thiên mệnh nên không sợ, coi nhòn đại nhân, khinh lời thánh nhân.

16.9

孔子曰：生而知之者，上也；學而知之者，次也；困而學之，又其次也；困而不學，民斯為下矣。

Khổng tử viết: Sinh nhi tri chi giả, thượng dã. Học nhi tri chi giả, thứ dã. Khốn nhi học chi, hụu kì thứ dã. Dân tư vi hạ hĩ.

Khổng tử nói: (Có ba loại người). Sinh ra đã biết đạo lí là người bậc trên cùng. Học rồi mới biết đạo lí là bậc thứ nhì. Gặp khó khăn mới chịu đi học là bậc thấp hơn, người kém nhất.

16.10

孔子曰：君子有九思：視思明，聽思聰，色思溫，貌思恭，言思忠，事思敬，疑思問，忿思難，見得思義

Khổng tử viết: Quân tử hữu cửu tư: Thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phẫn tư nan, kiến đắc tư nghĩa.

Khổng tử nói: Quân tử có 9 điều lo nghĩ

1. Khi nhìn, phải xem cho kĩ.
2. Khi nghe, phải biết chắc đã nghe thông tỏ.

3. Khi chưa rõ việc gì, cần tìm người hỏi.
4. Sắc mặt khi đối đãi giao tiếp có ôn hòa không.
5. Thái độ giao tiếp với người đã cung kính chưa.
6. Nói chuyện với người có trung thực không.
7. Làm việc với người đã nghiêm túc chưa.
8. Khi giận dữ phải nghĩ đến hậu họa, khó khăn về sau.
9. Khi thấy mối lợi, nghĩ xem có phạm vào điều bất nghĩa không

16.11

子曰：見善如不及，見不善如探湯。吾見其人矣，吾聞其語矣。隱居以求其志，行義以達其道。吾聞其語矣，未見其人也。

Tử viết: Kiến thiện như bắt cập, kiến bất thiện như thám thang. Ngô kiến kỳ nhân hĩ. ngô văn kỳ ngữ hĩ. Ân cư dĩ cầu kỳ chí, hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo. Ngô văn kỳ ngữ hĩ, vị kiến kỳ nhân dã. Không tử: Nhìn thấy người thiện như theo chặng kip, thấy kẻ bất thiện thì như rò tay phải nước sôi. Ta đã nhìn thấy người như vậy, nghe người xưa nói như thế. Đi ở ẩn để giữ trọn cái chí của mình, làm việc nghĩa để đạt được cái đạo của mình. Ta đã nghe người xưa nói vậy nhưng chưa thấy người nào như vậy.

16.12

齊景公有馬千駟，死之日，民無德而稱焉。伯夷叔齊餓死於首陽之下，民到於今稱之。其斯之謂與？

Tề Cảnh công hữu mã thiên tú, tử chi nhật, dân vô đức nhi xứng yên. Bá Di, Thúc Tề ngã tử ư Thủ Dương chi hạ, dân đáo ư kim xứng chí. Kỳ tu chi vị dụ ?

Vua Tề Cảnh công có nghìn cỗ xe bốn ngựa. Ngày vua chết, dân chúng chặng thấy ngoài có đức hạnh gì để ca tụng. Bá Di, Thúc Tề chịu chết đói dưới chân núi Thủ Dương để lại đạo đức ngày nay dân chúng vẫn ca tụng. Những người ấy chặng phải như vậy sao ?

16.13

陳亢問於伯魚曰：“子亦有異聞乎？”

對曰：“未也。嘗獨立，鯉趨而過庭。曰：‘學詩乎？’對曰：‘未也’。‘不學詩，無以言。’鯉退而學詩。他日又獨立，鯉趨而過庭。曰：‘學禮乎？’對曰：‘未也’。‘不學禮，無以立。’

鯉退而學禮。聞斯二者”。陳亢退而喜曰：“問一得三。聞詩，聞禮，又聞君子之遠其子也”。

Trần Cao vấn ư Bá Ngư viết: “Tử diệc hữu dì văn hò? Đối viết: Vị dã. Thường độc lập, lý xu nhi quá định. Viết: “Học thi hò?” . Đối viết: Vị dã. Bất học thi, vô dĩ ngôn. Lý thoái nhi học thi. Tha viết hựu độc lập, lý xu nhi quá định. Viết: “Học lễ hò?” . Đối viết: “Vị dã. Bất học lễ, vô dĩ lập. Lý thoái nhi học lễ. Văn tư nhị giả. Trần Cao thoái nhi hỉ viết: “Ván nhất đắc tam. Văn thi, văn lễ, hựu văn quân tử chi viễn kỳ tử dã”.

Trần Cao hỏi Bá Ngư (con Không tử): Nghe thầy dạy có điều gì lạ không ? Bá Ngư trả lời: Chưa thấy. Một hôm cha tôi đứng một mình, tôi nhẹ nhàng đi qua sân. Cha tôi hỏi: Đã học Kinh Thi chưa ? Tôi đáp: con chưa học. Cha nói: Không học Kinh Thi biết gì mà nói chuyện. Sau tôi lui về

học Kinh Thi. Lại hôm khác, cha tôi cũng đứng một mình tôi lê phép đi qua, cha tôi lại hỏi “đã học kinh Lễ chưa ?”. Tôi thưa rằng chưa học. Cha tôi bảo: Không học kinh Lễ thì không có cách gì lập thân. Sau đó tôi học kinh Lễ... Đó, tôi chỉ nghe thấy hai việc này.

Trần Cao trả về vui mừng nói: Mình hỏi một việc mà biết được ba việc, đó là phải học Kinh Thi, kinh Lễ, lại biết rằng bậc quân tử đối với con cái cũng không thân cận hơn hay dạy dỗ đặc biệt hơn.

16.14

邦君之妻,君稱之曰夫人,夫人自稱曰小童;邦人稱之曰君夫人,稱諸異邦曰寡小君;
異邦人稱之亦曰君夫人。

Bang quân chi thê, quân xưng chi viết phu nhân, phu nhân tự xưng viết tiểu đồng; Bang nhân xưng chi viết quân phu nhân, xưng chư dì bang viết quả tiểu quân; dì bang nhân xưng chi diệc viết quân phu nhân.

Vợ vua chư hầu gọi là “phu nhân”, phu nhân tự xưng mình là “tiểu đồng”. Người dân gọi các bà là “quân phu nhân”. Vua xưng với vua nước bạn là “quả tiểu quân”, người nước khác vẫn gọi vợ vua là “quân phu nhân”.

(Chú thích: Phu còn có nghĩa phù (giúp đỡ), vợ là người giúp đỡ chồng (phu nhân).

Quả: ít đức, lời khiêm tốn, như xưng “quả nhân”, gọi phụ nữ góa chồng là “quả phụ” với ý nghĩa ấy. Không tử coi trọng thuyết chính danh nên nhắc nhở học trò xưng hô chuẩn mực).

Hết thiên 16

1. 17. 陽貨 Dương Hóa

第十七篇 thiên 17

25 bài

17.1

陽貨欲見孔子,孔子不見,歸孔子豚。孔子時其亡也,而往拜之,遇諸途。謂孔子曰:“來! 予與爾言”。曰:“懷其寶而迷其邦,可謂仁乎?”。

曰:“不可”。“好從事而亟失時,可謂知乎?”。曰:“不可,日月逝矣,歲不我與”。孔子曰:“諾,吾將仕矣。”

Dương Hóa dục kiến Khổng tử, Khổng tử bất kiến, qui Khổng tử đồn. Khổng tử thời kỳ vong dã, nhi vãng bái chi, ngộ chư đồ. Vị Khổng tử viết: “Lai ! Dư dự nhĩ ngôn”. Viết: Hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bái, khả vị nhân hò? Viết: Bất khả. Hảo tòng sự nhi cúc thất thì, khả vị tri hò? Viết: Bất khả. Nhật nguyệt thệ hĩ, tué bất ngã dự. Khổng tử viết: Nặc ngô thương sĩ hĩ.

Dương Hóa muốn gặp Khổng tử nhưng ông tránh mặt. Dương Hóa để lại một con lợn luộc làm quà biếu. Khổng tử nhân dịp Dương Hóa đi vắng, đến nhà bái tạ. Không ngờ hai người gặp nhau giữa đường. Dương Hóa nói, lại đây ta có chuyện muốn nói với ông. Dương Hóa hỏi: “Có đạo đức nhưng mặc cho quốc gia mê muội, có thể gọi là người có nhân được không?”. Khổng tử đáp:

Không thể. Dương Hóa lại hỏi: Thích làm quan nhưng lại luôn bỏ lỡ thời cơ, có thể gọi là người trí được không? Không tử đáp: Không thể.. Dương Hóa lại nói: Ngày tháng trôi qua không bao giờ trở lại, tuổi chẳng đợi chờ ta. Không tử nói: Được, ta ra làm quan vậy.

(Chú thích: Dương Hóa là gia thần của họ Quý giữ chức đại phu, muốn đưa Không tử ra làm quan. Không tử không muốn giúp Dương Hóa làm loạn trong tình thế nước Lỗ đang suy vi vô đạo...) 17.2

子曰：性相近也，習相遠也。

Tử viết: Tính tương cận dã, tập tương viễn dã.

Không tử nói: Khi mới sinh ra, tính nét người ta gần giống nhau, về sau tập quán khác nhau nên tính tình sẽ khác xa nhau.

(Chú thích: Vấn đề bản tính con người có nhiều quan điểm khác nhau: Lão tử cho rằng bản tính người có thiện có ác, cùng tồn tại tương tác lẫn nhau. Tuân tử cho rằng bản chất con người là ác, phải có sự giáo dục thì mới cải được cái ác thành thiện. Hàn Phi tử cực đoan nhất, cho là bản tính con người là rất ác, chỉ có hình phạt mới ngăn ngừa được phần nào... Không tử cho rằng bản tính con người vốn không khác nhau mấy, chỉ vì tập phải những thói quen khác nhau (hoàn cảnh khác nhau) và được giáo dục khác nhau nên khác xa nhau. Sách Tam tự kinh do Vương Ứng Lân (1223-1296) thời nhà Tống biên soạn có câu “Nhân chi sơ/ tính bản thiện/ Tính tương cận ; tập tương viễn” đã đi theo quan điểm Không tử)

17•3

子曰：唯上知與下愚不移。

Tử viết: Duy thượng trí dã hạ ngu bất di.

Không tử nói: Chỉ có bậc thượng trí (trí tuệ cao nhất) và bậc hạ ngu (ngu hết cỡ) là không thể thay đổi được.

(Lời bàn: vậy là hầu hết mọi người đều có thể thay đổi, bởi có mấy ai thuộc hai bậc nói trên !. Không tử thật lạc quan, có niềm tin vào sự tiến bộ của con người).

17.4

子之武城，聞弦歌之聲。夫子莞爾而笑，曰：“割雞焉用牛刀？”。

子游對曰：“昔者偃也聞諸夫子曰：‘君子學道則愛人，小人學道則易使也’”。

子曰：“二三子！偃之言是也。前言戲之耳”。

Tử chi Vũ Thành, văn huyền ca chi thanh. Phu tử hoàn nhĩ nhi tiếu, viết: “Cát kê yên dụng ngưu dao ?”. Tử Du đối viết: Tích giả yến dã văn chư phu tử viết: “Quân tử học đạo tắc ái nhân, tiếu nhân học đạo tắc dịch sử dã”. Tử viết: Nghị tam tử !Yển chi ngôn thị dã. Tiều ngôn hí chi nhĩ. Không tử đến áp Vũ Thành, nghe tiếng đàn hát. Không tử mỉm cười nói: Giết gà sao phải dùng dao mổ trâu? Tử Du thưa rằng: “Trước con nghe thầy giảng rằng quân tử học đạo sẽ yêu người, tiếu nhân học đạo dễ sai khiến”. Không tử liền nói: Này các ngươi, trò Yển (Tử Lộ) nói phải đây. Ta chỉ nói đùa đó thôi.

(Lời bàn: Tử Lộ cai trị ở áp Vũ Thành, cho dân học nhạc túc là học đạo. Ý Không tử nói dân đen cần chi dùng nhạc lễ để giáo hóa)

17•5

公山弗擾以費畔，召子欲往。子路不悅，曰：“末之也已，何必公山氏之也”。

子曰：“夫召我者，而豈徒哉？如有用我者，吾其為東周乎？”

Công Sơn Phát Nhiễu dĩ Phí bạn, triệu, tử dục vãng. Tử Lộ bất duyệt, viết: Mạt chi dã dĩ, hà tất Công Sơn thị chi chi dã”. Tử viết: Phu triệu ngã giả, nhi khải đồ tai ? Như hưu dụng ngã giả, ngô kỳ vi Đông Chu hò ?

Công Sơn Phát Nhiễu giữ đất Phí gây chính biến, mời Khổng tử đến giúp. Khổng tử muốn đi. Tử Lộ không vui nói “Không có chỗ đi thì thôi, sao phải đến chỗ Công Sơn Phát Nhiễu ?”. Khổng tử trả lời: “Người gọi ta đâu phải để ta ngồi không. Nếu dùng ta thì ta sẽ làm cho đạo nhà Chu ở phương Đông phục hưng được”.

(Chú thích: Công Sơn Phát Nhiễu định nổi loạn ở đất Phí, lúc đầu Khổng tử sốt sắng định đi để thuyết phục họ theo lễ nhà Chu... Sau xét kỹ thấy Công Sơn nhiều lỗi làm khó cải hóa nên không đi nữa... Khổng tử cũng biết nghe lời can ngăn của học trò vậy)

17.6

子張問仁於孔子。孔子曰：“能行五者於天下為仁矣”。請問之。曰：“恭，寬，信，敏，惠。恭則不侮，寬則得眾，信則人任焉，敏則有功，惠則足以使人”。

Tử Trương vấn nhân ư Khổng tử. Khổng tử viết: Năng hành ngũ giả ư thiên hạ vi nhân hĩ. Vị vấn chi. Viết: “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tặc bất vũ, khoan tặc đắc chúng, tín tặc nhân nhậm yên, mẫn tặc hữu công, huệ tặc túc dĩ sử nhân”.

Tử Trương hỏi về đạo nhân. Khổng tử nói: Làm được 5 điều mới gọi là người nhân.

Tử Trương xin giải thích. Khổng tử nói: Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung kính thì không bị khinh nhòn, khoan dung thì được lòng người, tín thực thì được tin cậy, mẫn cán thì có công, ban ân huệ thì dễ sử dụng người.

17•7

佛肸召，子欲往。子路曰：昔者由也聞諸夫子曰：‘親於其身為不善者，君子不入也。’佛肸以中牟畔，子之往也，如之何？”。子曰：“然，有是言

也。不曰堅乎，磨而不磷，不曰白乎，涅而不縕。吾豈匏瓜也哉？焉能系而不食？”

Phật Hật triệu, Tử dục vãng. Tử Lộ viết: Tích giả do dã văn chư phu tử viết: “Thân ư kỳ thân vi bất thiện giả, quân tử bất nhập dã. Phật Hật dĩ Trung Mâu bạn, Tử chi vãng dã, như chi hà ?”. Tử viết: “Nhiên, hữu thị ngôn dã. Bất viết kiên hò, ma nhi bất lân; Bất viết bạch hò, niết nhi bất truy. Ngô khải bào qua dã tai ? yên năng hệ nhi bất thực ?

Phật Hật mời thầy, Khổng tử muốn đi. Tử Lộ nói: Ngày trước con nghe thầy giảng người quân tử không đến chỗ kẻ tự làm điều xấu. Nay Phật Hật làm loạn chiếm cứ Trung Mâu, thầy lại muốn đi, sao như vậy? Khổng tử nói: “Đúng ta đã nói vậy. Nhưng một vật cứng không thể mài mòn được, một vật trắng không thể nhuộm đen được. Lẽ nào ta chỉ như cái quả bầu khô treo lên, mà không để người ta ăn được sao ?

(Lời bàn: Khổng tử nghĩ là có thể cải hóa Phật Hật nên muốn đi giúp... Nhưng sau biết rằng Phật Hật không thể thay đổi nên lại không đi)

17• 8

子曰：“由也，女聞六言六蔽矣乎？”。

對曰：“未也”。“居，吾語女。好仁不好學，其蔽也愚；好知不好學，

其蔽也蕩；好信不好學，其蔽也賊；好直不好學，其蔽也絞；好勇不好學，其蔽也亂；好剛不好學，其蔽也狂”。

Tử viết: Do dã, nhữ văn lục ngôn lục tết hõi hò? Đổi viết: Vị dã. “Cư, ngô ngữ nhữ. Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tết dã ngu; Hiếu tri bất hiếu học, kỳ tết dã dãng; Hiếu tín bất hiếu học, kỳ tết dã tặc; Hiếu trực bất hiếu học, kỳ tết dã giáo; Hiếu dũng bất hiếu học. Kỳ tết dã loạn; Hiếu cương bất hiếu học, kỳ tết dã cuồng.

Không tử nói: Nay trò Do, ngươi đã được nghe về 6 đức tốt bị che lấp chưa? Tử Lộ đáp: Dạ chưa. Không tử bảo: Ngồi xuống, ta nói cho nghe. Ham đức nhân mà không học, gặp cái xấu che lấp là ngu muội. Thích trí tuệ mà không học, gặp cái xấu là phóng đãng. Trọng chữ tín mà không học, gặp tệ xấu là tổn hại. Ưa tính ngay thẳng mà không học, gặp cái xấu che khuất là nóng nảy. Ham đức dũng mà không học hỏi, gặp thói xấu là phản loạn. Tính cương quyết mà thiếu học hỏi, gặp cái xấu là thành cuồng bạo.

17•9

子曰：“小子何莫學夫詩。詩，可以興，可以觀，可以群，可以怨。邇之事父，遠之事君；多識於鳥獸草木之名”。

Tử viết: Tiêu tử hà mạc học phu thi. Thi, khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân; Đa chí ư điêu thú thảo mộc chi danh.

Không tử nói: Sao các trò không học Kinh Thi? Học Thi có thể hưng khởi tâm trí (trí tưởng tượng), có khả năng quan sát, hòa hợp quần tụ với người khác, hiểu đúng về oán hận. Gần thì biết đạo thờ cha mẹ, xa hơn thì biết thờ vua; Lại còn biết tên nhiều loài chim thú cỏ cây nữa.

(Chú thích: gọi tắt quan điểm về thơ của Không tử là “Hưng, quan, quần, oán”)

17•10

子謂伯魚曰：“女為《周南》，《召南》矣乎？人而不為《周南》，《召南》，其猶正牆面而立也與？”

Tử vị Bá Ngư viết: Nhữ vi “Chu Nam”, “Triệu Nam” hõi hò? Nhân nhi bất vi “Chu Nam” “Triệu Nam” kỳ do chính tường diện nhi; lập dã dự?

Không tử nói với con là Bá Ngư: Con đã học hai bài Chu Nam và Triệu Nam chưa? Người nào không đọc hai bài ấy thì như đứng úp mặt vào vách tường vậy.

(Chú thích: Đó là hai nhóm bài ca dao trong Kinh Thi, sưu tầm ở đất Chu Nam và Triệu Nam, nói về đạo lý tu thân và tề gia)

17•11

子曰：“禮雲禮雲，玉帛雲乎哉？樂雲樂雲，鐘鼓雲乎哉？”

Tử viết: Lễ vân lễ vân, ngọc bạch vân hò tai? Nhạc vân nhạc vân, chung cỗ vân hò tai?

Không tử nói: Lễ có nghĩa phong phú (vân vân), phải chăng chỉ là tơ lụa ngọc quý ! Nhạc cần sự hòa hợp chứ phải đâu chỉ là chuông với trống !

(Lời bàn: Nói đến lễ, hãy chú ý tinh thần, không nêu trọng vật chất. Nhạc không chỉ là nhạc cụ mà là sự hài hòa)

17•12

子曰：色厲而內荏，譬諸小人，其猶穿窬之盜也與？

Tử viết: Sắc lèc nhí nhố, thí chư tiếu nhán, kỳ do xuyên du chi đạo dã du ?

Không tử nói: Kẻ bè ngoài uy nghi mà bên trong yếu ớt thì cũng như tiếu nhán thô, cũng như kẻ đào tường khoét vách ăn trộm vậy.

17•13

子曰：“鄉願”，德之賊也。

Tử viết: “Hương nguyện”, đúc chi tặc dã.

Không tử nói: Loại người giả bộ thật thà chất phác, kì thực là kẻ hại đạo.

17•14

子曰：道聽而涂說，德之棄也。

Tử viết: Đạo thính nhí đồ thuyết, đúc chi khí dã.

Không tử nói: Cái lối nghe chuyện ngoài đường rồi nói chuyện giữa đường, ấy là bỏ mất cái đức vậy.

(Lời bàn: Không tử nhắc nhở không nên tin những lời xuyên tạc, vu vơ. Nghe rồi chớ bàn cãi, người ta nghe thấy lại còn chê cười cho)

17•15

子曰：“鄙夫可與事君也與哉？其未得之也，患得之。既得之，患失之。苟患失之，無所不至矣”。

Tử viết: Bỉ phu khả dự sự quân dã dự tai? Kỳ vị đắc chi dã, hoạn đắc chi. Ký đắc chi, hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ.

Không tử nói: Kẻ thô bỉ lại có thể cùng ta thờ vua được ư? Khi chưa có địa vị thì cố chạy chọt, khi được rồi thì chỉ sợ mất chức vị. Lo sợ mất chức nên chẳng có việc gì xấu mà kẻ ấy không dám làm.

17•16

子曰：“古者民有三疾，今也或是之亡也。古之狂也肆，今之狂也蕩；古之矜也廉，今之矜也忿戾；古之愚也直，今之愚也詐而已矣”。

Tử viết: Cố giả dân hữu tam tật, kim dã hoặc thị chi vong dã. Cố chi cuồng dã tú, kim chi cuồng dã dăng; Cố chi cảng dã liêm, kim chi cảng dã phẫn lệ; Cố chi ngu dã trực, kim chi ngu dã tác nhi dĩ hĩ.

Không tử nói: Người xưa có ba tật xấu, có lẽ đời nay không còn nữa...

Kẻ cuồng vọng xưa còn ở mức thấp, nay thì cuồng vọng vô hạn độ.

Kẻ kiêu căng xưa còn liêm chính, nay thì còn vô lễ liều lĩnh.

Người ngu dốt xưa còn có ngay thẳng, ngu thời nay đến mức biết gian trá lừa đảo nữa.

17•17

子曰：惡紫之奪朱也，惡鄭聲之亂雅樂也，惡利口之覆邦家者。

Tử viết: Ô tử chi ký chu dã, ô Trịnh thanh chi loạn Nhã dã, ô lợi khẩu chi phúc bang gia giả. Không tử nói: Ta ghét sắc tía cướp mất sắc đỏ, nhạc nước Trịnh lấn át nhạc Nhã, ghét kẻ bẩm mép làm bại hoại nước nhà.

(Chú thích: Sắc đỏ là chính thống, sắc tía/ tím là pha tạp, bất chính... Âm nhạc nước Trịnh hồi Xuân thu là thứ nhạc hạ lưu, dâm loạn... Theo ý Không tử, nghe ca khúc của một nước có thể thấy được xã hội ấy tốt hay xấu).

17•18

子曰：“予欲無言”。子貢曰：“子如不言，則小子何述焉？”。子曰：“天何言哉？四時行焉，百物生焉，天何言哉？”

Tử viết: Dư dục vô ngôn. Tử Công viết: Tử như bất ngôn, tắc tiếu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai? Tử thì hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai?

Không tử nói: “Ta chẳng muốn nói gì nữa”.

Tử Công thưa: “Thày không nói nữa thì chúng con biết đi truyền bá gì nữa”.

Không tử bảo: “Trời có nói gì đâu ! Bốn mùa vẫn vận hành trôi chảy, muôn vật sinh trưởng, trời có nói gì đâu !”.

(Lời bàn: Không tử muốn nói rằng cứ chịu khó quan sát thế giới mà hiểu được qui luật, mặt khác nhìn vào những tấm gương sống mà noi theo)

17•19

孺悲欲見孔子，孔子辭以疾。將命者出戶，取瑟而歌，使之聞之。

Nhũ Bi dục kiến Không tử, Không tử từ dĩ tật. Thương mệnh giả xuất hộ, thủ săt nhi ca, sử chi văn chi.

Nhũ Bi muốn gặp Không tử, thày cáo bệnh không tiếp. Khi người truyền lệnh bước ra khỏi phòng, Không tử liền gảy đàn sắt, có ý cho Nhũ Bi nghe thay.

(Chú thích: Nhũ Bi trước là học trò thày Không, sau có lẽ trở thành kẻ xáu nên thày không muốn tiếp. Nhưng thày có ý cho y biết thày không bệnh, mà dạy y một bài học không lời, rằng thày chê trách Nhũ Bi và không muốn dạy nữa).

17•20

宰我問：“三年之喪，期已久矣。君子三年不為禮，禮必壞；

三年不為樂，樂必崩。舊谷既沒，新谷既升，饋燧改火，期可已矣”。子曰：“食夫稻，衣夫錦，於女安乎？”。曰：“安”。

“女安則為之。夫君子之居喪，食旨不甘，聞樂不樂，居處不安，故不為也。今女安，則為之！”。宰我出，子曰：“予之不仁也！子生三年，

然后免夫父母之懷，夫三年之喪，天下之通喪也。予也有三年之愛夫其父母乎？”

Tề Ngã vấn: “Tam niên chi tang, kỳ dĩ cữu hĩ. Quân tử tam niên bất vi lễ, lễ tất phôi; Tam niên bất vi nhạc, nhạc tất băng. Cựu cốc ký một, tân cốc ký thăng, toàn toại cải hỏa, kỳ khả dĩ hĩ”.

Tử viết: Thực phu đạo, y phu cảm, ư nhữ an hò? Tề Ngã viết “An”.

Tử viết: Nhữ an tặc vi chi. Phu quân tử chi cù tang, thực chí bất cam, văn nhạc bất lạc, cù xứ bất an, có bất vi dã. Kim nhữ an, tặc vi chi”.

Tề Ngã xuất, Tử viết: “Dữ chi bất nhân dã ! Tử sinh tam niên, nhiên hậu miễn ư phụ mẫu chi hoài, phu tam niên chi tang, thiên hạ chi thông tang dã. Dữ dã hữu tam niên chi ái ư kỳ phụ mẫu hò ?

Tề Ngã hỏi: Đế tang ba năm, nhu thế quá lâu ! Ba năm quân tử không ôn tập việc lễ, lễ sẽ phôi pha. Ba năm không luyện nhạc, nhạc quên hết. Lúa cũ ăn hết, lúa mới đã chín (một năm) những thứ cây đẻ đánh lửa cũng dùng hết rồi.

Không tử hỏi: Ăn gạo thơm, mặc áo gấm (trong lúc đẻ tang) người có an tâm không ? Tề Ngã đáp: An tâm.

Không tử bảo: Người an tâm thì cứ làm vậy đi. Quân tử đẻ tang ăn không biết ngon, nghe nhạc mà không vui, ở đâu cũng thấy bất an, lí do đẻ tang (ba năm) là vậy. Nay người thấy an tâm thì cứ làm đi.

Tề Ngã về rồi, Không tử nói: Ta cho rằng Tề Ngã là kẻ bất nhân. Anh ta sinh ra ba năm mới có thể rời khỏi cánh tay ấm bồng của cha mẹ, thiên hạ đều đẻ tang ba năm. Chẳng lẽ Tề Ngã không được cha mẹ ấm bồng ba năm sao ?

17•21

子曰：飽食終日，無所用心，難矣哉！不有博奕者乎？為之，猶賢乎已。

Tử viết: Bão thực chung nhật, vô sở dụng tâm, nan hĩ tai ! Bất hữu bác dịch giả hò ? Vì chi, do hiền hò dĩ.

Không tử nói: Người nào suốt ngày chỉ biết ăn no ở không, chẳng bận tâm việc gì, thật khó làm nên. Sao chẳng biết chơi cờ bạc ? Thà làm việc ấy còn hơn ngồi không.

(Lời bàn: Có lẽ Không tử không nên xúi người đánh bạc, chỉ nên chơi cờ giải trí thôi. Hay là thời cổ đại, đánh bạc chưa tai hại như bây giờ ?)

17•22

子路曰：“君子尚勇乎？”.子曰：“君子義以為上。君子有勇而無義為亂，小人有勇而無義為盜。

”

Tử Lộ viết: Quân tử thượng dũng hò? Tử viết: Quân tử nghĩa vi thượng. Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn, tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo.

Tử Lộ nói: Quân tử có chuộng “dũng” không?

Không tử đáp: Quân tử xem nghĩa là trên hết. Quân tử có dũng mà bất nghĩa thì làm loạn, tiểu nhân có dũng mà bất nghĩa thì làm trộm cướp.

17•23

子貢曰：“君子亦有惡乎？”.子曰：“有惡。惡稱人之惡者，惡居下流而訕上者，

惡勇而無禮者，惡果敢而窒者”。曰：“賜也亦有惡乎？”.“惡徼以為知者，惡不孫以為勇者，惡訐以為直者”。

Tử Cống viết: Quân tử diệc hữu ô hò ? Tử viết: Hữu ô. Ô xứng nhân chi ô giả, ô cù hạ lưu nhi san thượng giả, ô dũng nhi vô lẽ giả, ô quả cảm nhi trát giả. Viết: Tú dã diệc hữu ô hò ? Ô kiêu dĩ vi tri giả, ô bất tôn dĩ vi dũng giả, ô kiết dĩ vi trực giả.

Tử Công hỏi: Người quân tử có ghét ai không? Không tử nói: Có ghét. Ghét kẻ đi nói xấu người khác, ghét cấp dưới gièm pha cấp trên, ghét người dũng mà không giữ lẽ, ghét người quả quyết mà không thông hiểu lý lẽ. Người nói xem có ghét ai không?

Tử Công đáp: Con ghét kẻ hay rình mò người khác mà tự nhận người trí, ghét kẻ thiếu khiêm tốn mà nhận mình là dũng, ghét người bới móc chuyện riêng tư người khác mà tự nhận mình ngay thẳng.

(Lời bàn: Tử Công ghét ba loại người nhưng e rằng bậc quân tử không được ghét người nên mới hỏi thầy).

17•24

子曰: 唯女子與小人為難養也, 近之則不孫, 遠之則怨。

Tử viết: Duy nữ tử dũ tiêu nhân vi nan dưỡng dã, cận chi tắc bất tôn, viễn chi tắc oán.

Không tử nói: Chỉ có phụ nữ và tiêu nhân là khó dạy nhất, gần gũi thì họ thiếu tôn kính, cách xa thì họ oán giận.

(Lời bàn: Quan điểm này thực khó được phụ nữ chấp nhận. Chả trách người ta bảo cụ Không phong kiến coi rẻ phụ nữ. Nhưng đó chỉ là trải nghiệm riêng của Không tử)

17•25

子曰: 年四十而見惡焉, 其終也已。

Tử viết: Niên tứ thập nhi kiến ô yên, kỳ chung dã dĩ.

Không tử nói: Kẻ bốn chục tuổi còn làm điều ác thì không thể tốt được nữa.

Hết thiên 17

1. 18. 微子 Vi Tử

第十八篇 thiên 18

11 bài

18.1

微子去之, 箕子為之奴, 比干諫而死。孔子曰:“殷有三仁焉”。

Vi Tử khứ chi, Cơ Tử vi chi nô, Tỷ Can gián nhi tử. Không tử viết: Ân hữu tam nhân yên
Vi Tử từ quan ra đi, Cơ Tử bị giáng làm nô bộc, Tỷ Can vì can ngăn vua mà bị xử tội chết. Không tử nói: Nhà Ân chỉ có ba người áy là người nhân.

(Chú thích: Cuối triều Ân, vua Trụ tàn bạo ăn chơi trác táng lại tàn hại các trung thần như Vi Tử, Tỷ Can, Cơ Tử...)

18.2

柳下惠為士師, 三黜。人曰:“子未可以去乎?”曰:“直道而事人, 焉往而不三黜? 枉道而事人, 何必去父母之邦?”

Liễu Hựu vi sĩ sư, tam truất. Nhân viết: Tử vị khả dĩ khứ hò? Viết: Trực đạo nhi sự nhân, yên vãng nhi bất tam truất? Uống đạo nhi sự nhân, hà tất khứ phụ mẫu chi bang.

Liễu H  Hu  làm quan, ch c s i s , ba l n bị gi ng ch c. C  người n i: Sao  ng ch a b o  i ? Li u H  Hu  đ p: T i đ m đ o ch n tr c  i phục v u ng u i th   i đ u m  ch ng b i c ch ch c ba l n nh  tr c đ y? L m v y l  u ng ph i đ o phục v u ng u i, l i c n xa r i đ t n u c cha m t i  ang  i.

(Ch  th ch: Li u H  Hu  quan n u c L o thời Xuân thu, b i v a b c d i nh ng v n k n tr i l m vi c v i  ng t n r ng m nh phục v u nh n d n ch u kh ng phục v u nh a v a...)

18.3

齊景公待孔子曰:“若季氏,則吾不能以季,孟之間待之”。

曰:“吾老矣,不能用也” 孔子行。

T  C nh C ng d i Kh ng t u vi t: Nh t Qu y thi, t c ng  b t n ng; D i Qu y, M nh chi gian d i chi. Vi t: Ng  l o h i, b t n ng d ng d a. Kh ng t u h nh

Vua T  C nh C ng ti p d i Kh ng t u, n i: D i nh u (vua L o) d i họ Qu y (d ai phu), ta kh ng l m đ t; Ch  d i nh u họ Qu y ti p họ M nh (quan s i) th  ta l m đ t. L i n i ti p: Ta gi a r i, kh ng th  d ng  ng đ t n u a. Ng  v y, Kh ng t u li n d i kh i n u c T .

18.4

齊人歸女樂, 季桓子受之, 三日不朝。孔子行。

T  nh n qui n u l c, Qu y Ho n t u th  chi, tam nh t b t tri u. Kh ng t u h nh.

N u c T  đ a t ng m y n u l m v i, Qu y Ho n t u nh n qu , tri u d nh ba ng y li n kh ng h p. Kh ng t u li n d i b o n u c L o.

(Ch  th ch: Qu y Ho n t u l a quan d ai phu n u c L o, quy n l c ch  d u i v a, c  th i l ng quy n)

18.5

楚狂接輿歌而過孔子曰:“鳳兮鳳兮 ! 何德之衰 ? 往者不可諫,來者猶可追。已而已而 ! 今之從政者殆而 !”。孔子下,欲與之言,趨而辟之,不得與之言。

S  cu ng Ti p D u ca nhi qu  Kh ng t u vi t: Phượng h  Phượng h  ! H  đ c chi su y ? V ng gi a b t kh  gi n, lai gi  do kh  truy. D i nhi d i nhi ! Kim chi t ng ch n gi a d i nhi!”. Kh ng t u h , d c d y chi ng n. Xu nhi t ch chi, b t d c d y chi ng n.

Cu ng s i n u c S  Ti p D u đ i qua xe Kh ng t u, h t r ng: “Phượng ho ng  i, phượng ho ng  i ! V i sao đ c nh n su y d n th  ? Vi c d a qua kh ng th  ng n c n, vi c s p t i c n k p. Th i d i, th i d i ! L m quan ng y n y l m d o”.

Kh ng t u xu ng xe, đ nh n i th  anh k a b o  i, khi n ng i kh ng th  ti p ch uyen.

(Ch  th ch: Theo t n ng u ng x a, khi th y phượng ho ng hay k y l n xu t hi n l a b o đ iem l nh cho đ t n u c... Ti p D u c  y nh n b o Kh ng t u kh ng n n l m ch n tr i n u a)

18.6

長沮桀溺耦而耕。孔子過之,使子路問津焉。

長沮曰：“夫執輿者為誰?”。子路曰：“為孔丘”。曰：“是魯孔丘與 ?”.

曰：“是也”。曰：“是知津矣。”。問於桀溺。桀溺曰：“子為誰？”。

曰：“為仲由”。曰：“是孔丘之徒與？”。對曰：“然”。曰：“滔滔者天下皆是也,而誰以易之？且而與其從辟人之士也,豈若從辟世之士哉？”耰而不輟。子路行以告。夫子憮然曰：“鳥獸不可與同群,吾非斯人之徒與而誰與？天下有道,丘不與易也”。

Tràng Thư, Kiệt Nịch ngẫu nhi canh. Khổng tử quá chí, sứ Tử Lộ vấn tân yên.

Tràng Thư viết: Phu cháp dư giả vi thùy ? Tử Lộ viết: Vi Khổng Khâu.

Viết: Thị Lỗ Khổng Khâu dữ ? Viết: Thị dã ?

Viết: Thị tri tân hĩ. Vấn ư Kiệt Nịch. Kiệt Nịch viết: Tử vi thùy ?

Viết: Vi Trọng Do. Viết: Thị Khổng Khâu chí đồ dữ ?

Đối viết: Nhiên. Viết: Thao thao giả thiên hạ giai thị dã, nhi thùy dĩ dịch chí ? Thả nhi dự kỵ tòng tịch nhân chí sĩ dã, khải nhược tòng tịch thế chí sĩ tai ? Ưu nhi bất chuyết. Tử Lộ hành dĩ cáo. Phu tử vũ nhiên viết: Mã thú bất khả dự đồng quân. Ngô phi tư nhân chí đồ dữ nhi thùy dự. Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dự dịch dã.

Tràng Thư và Kiệt Nịch đang làm ruộng cùng nhau, Khổng tử đi qua đó, bảo Tử Lộ tới hỏi thăm đường đến bến đò. Tràng Thư hỏi Tử Lộ: “Người cầm cương ngựa kia là ai?”. Tử Lộ đáp: “Là thầy Khổng Khâu”. Tràng Thư hỏi lại: Có phải Khổng Khâu nước Lỗ không ? Tử Lộ nói phải.

Tràng Thư hỏi tiếp: Thế thì Khổng Khâu đã biết bến đò rồi... Tử Lộ hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi: Người là ai ? Tử Lộ trả lời: Tôi là Trọng Do. Kiệt Nịch hỏi lại: Có phải là học trò của Khổng Khâu nước Lỗ không ? Trả lời : Phải. Kiệt Nịch nói: Thiên hạ loạn lạc như nước chảy cuộn cuộn rồi, Khổng Tử sẽ cùng ai thay đổi được đây? Người đi theo kẻ sĩ chỉ lo tránh kẻ vô đạo, không thể bằng chúng ta là kẻ sĩ tránh đời? Nói rồi Kiệt Nịch vẫn tiếp tục làm ruộng. Tử Lộ đành phải quay về xe thưa lại với Khổng tử.

Khổng tử nghe rồi ngâm ngùi thở dài nói: Loài chim và loài thú không thể cùng họp bầy. Nếu không sống chung với người đời thì ta biết sống với ai ? Nếu thiên hạ có đạo, Khổng Khâu này không cần phải thay đổi nữa.

(Chú thích: Tràng Thư và Kiệt Nịch là bậc hiền sĩ bỏ đi ẩn nấp. Khổng tử không đồng ý với họ, nói mình là con người thì phải giúp người cùng loài).

18.7

子路從而后，遇丈人，以杖荷蓀。子路問曰：“子見夫子乎？”。丈人曰：“四體不勤，五谷不分，孰為夫子？”。植其杖而芸。子路拱而立。止子路宿，

殺雞為黍而食之。見其二子焉。明日，子路行以告。子曰：“隱者也”

。使子路反見之。至，則行矣。子路曰：“不仕無義。長幼之節，不可廢也。君臣之義，如之何其廢之？欲潔其身，而亂大倫。君子之仕也，行其義也。道之不行，已知之矣。”

Tử Lộ tòng nhi hậu, ngộ truong nhân, dĩ truong hà điệu. Tử Lộ vấn viết: Tử kiến phu tử hò ? Truong nhân viết: Tú thể bất cần, ngũ cốc bất phân, thực vi phu tử? Thực kỵ truong nhi vân. Tử Lộ

củng nhi lập. Chỉ Tử Lộ túc, sát kê vi thử nhi thực chi. Kiến kỳ nhị tử yên. Minh nhật, Tử Lộ hành dĩ cáo. Tử viết: “Ấn giả dã”. Sứ Tử Lộ phản kiến chi. Chí, tắc hành hĩ. Tử Lộ viết: Bất sĩ vô nghĩa. Trưởng áu chi tiết, bất khả phé dã; Quân thần chi nghĩa, như chi hà kỳ phé chi? Dục khiết kỳ thân, nhi loạn đại luân. Quân tử chi sĩ dã; Hành kỳ nghĩa dã. Đạo chi bát hành, dĩ tri chi hĩ.

Tử Lộ đi theo thầy, lạc lại sau, gặp một lão trượng cầm cây gậy quay cái cuốc. Tử Lộ hỏi: Cụ có thấy thầy tôi không? Lão trượng đáp: Tay chân chả siêng nǎng, không phân biệt được năm giống lương thực, biết ai là phu tử thầy ngươi?! Nói xong cầm cây gậy xuống đất, bắt đầu làm cỏ. Tử Lộ cung kính đứng chờ bên cạnh. Sau đó lão trượng mòi Tử Lộ nghỉ lại đêm ấy, mổ gà làm cơm đai khách, lại cho hai con ra chào Tử Lộ. Ngày hôm sau, đuổi kịp Khổng tử, Tử Lộ thuật lại chuyện. Khổng tử nghe xong bảo: Đây là một ẩn sĩ, rồi bảo Tử Lộ quay lại thăm một lần nữa.

Đến nơi thì cụ già đi vắng rồi. Tử Lộ nói nhǎn (với người nhà): “Không làm quan là không hợp đạo nghĩa. Lẽ tiết của người lớn với trẻ nhỏ đã không thể vứt bỏ thì đạo nghĩa vua tôi sao lại có thể bỏ đi? Chỉ muốn giữ thân mình trong sạch, như vậy là làm loạn đại luân. Quân tử làm quan để thực hiện nghĩa vua tôi. Còn việc hành Đạo không thể thực hiện thì đã biết trước rồi”.

(Lời bàn: Cụ già có ý trách thầy trò Khổng tử đã không thực hành đạo được thì sao chẳng ở nhà làm ruộng. Tử Lộ nêu ra cái chí quân tử, coi nghĩa vua tôi là đại luân (luân lý lớn nhất) làm trọng, cũng như trong gia đình, nghĩa cha con không thể bỏ, phải ra cống hiến cho đất nước).

18.8

逸民：伯夷,叔齊,虞仲,夷逸,朱張,柳下惠,少連。子曰：“不降其志,不辱其身,伯夷、叔齊與？

”. 謂柳下惠,少連,“降志辱身矣,言中倫,

行中慮,其斯而已矣”,謂虞仲,夷逸, “隱居放言,身中清,廢中權”。

“我則異於是，無可無不可”。

Dật dân: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên. Tử viết: Bất hàng kỳ chí, bất nhục kỳ thân, Bá Di, Thúc Tề dự? Vị Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên hàng chí nhục thân hĩ, ngôn trung luân, hành trung lự, kỳ tư nhi dĩ hĩ. Vị Ngu Trọng, Di Dật, hàng cù phóng ngôn, thân trung thanh, phé trung quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả.

Những người đi ở ẩn có: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên.

Khổng tử nói: “Không chịu hàng phục, không chịu thân nhục có Bá Di, Thuc Tề. Nói về Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên: dù phải chịu hàng, chịu nhục thân nhưng lời nói của hai vị hợp luân lý, hành động có cân nhắc, hai ông chỉ có thể mà thôi. Nói về Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cù tránh đời nói nǎng phóng túng, giữ được danh trong sạch, hợp lẽ quyền biến. Ta khác mấy người này, không cái gì có thể, chẳng cái gì mà không thể”.

18.9

大師摯適齊，亞飯干適楚，三飯繚適蔡，四飯缺適秦，鼓方叔入於河，播鼗武入於漢，少師陽，擊磬襄入於海。

Đại sư Chí đích Tề, á phạn Can đích Sở, tam phạn Liễu đích Thái, tứ phạn Khuyết đích Tần, cỗ Phương Thúc nhập ư Hà, bá đào Vũ nhập ư Hán, thiếu sư Dương, kích khánh Tương nhập ư hải. Quan thái sư tên Chí chạy sang nước Tề, quan á phạn tên Can chạy sang nước Sở, quan tam phạn tên Liễu bỏ sang nước Thái,. Quan tứ phạn tên Khuyết chạy qua nước Tần. Người đánh trống tên

Phương Thúc chạy về vùng sông Hoàng Hà, người đánh trống con tên Vũ lánh đến vùng sông Hán. Thiếu sư tên Dương, người gõ khánh tên Tương chạy về miền biển.
(Chú thích: Thời kỳ này nước Lỗ suy bại, nhân tài bỏ nước ra đi)

18.10

周公謂魯公曰：君子不施其親，不使大臣怨乎不以。故舊無大故，則不棄也。無求備於一人。

Chu Công vị Lỗ Công viết: Quân tử bất thí kỳ thân, bất sử đại thần oán hờ bất dĩ. Có cựu vô đại cõ, tắc bất khí dã. Vô cầu bị ư nhất nhân.

Chu Công nói với Lỗ Công: Quân tử không nên bỏ quên người thân, không nên làm đại thần oán hận vì không được trọng dụng. Lão thần nếu không có lỗi lớn thì không nên ruồng bỏ họ. Không nên yêu cầu mỗi con người phải hoàn hảo.

18.11

周有八士：伯達、伯適、仲突、仲忽、叔夜、叔夏、季隨、季娃。

Chu hữu bát sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa. Nhà Chu có tám hiền sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa.

(Chú thích: Đây là 4 cặp sinh đôi do bốn bà mẹ hạ sinh, trở thành tám tài trụ cột của nhà Chu).

Hết thiên 18

19. 子張 Tử Trương

第十九篇 thiên 19

25 bài

19•1

子張曰：士見危致命，見得思義，祭思敬，喪思哀，其可已矣。

Tử Trương viết: Sĩ kién nguy trí mệnh, kién đắc tư nghĩa, té tư kính, tang tư ai, kỳ khả dĩ hĩ.

Tử Trương nói: Kẻ sĩ khi gặp việc nguy dám hi sinh tính mệnh, thấy mối lợi thì nghĩ đén nghĩa, cùng té với lòng thành kính, để tang thì đau thương, làm được vậy mới là kẻ sĩ.

19•2

子張曰：執德不弘，信道不篤，焉能為有？焉能為亡？

Tử Trương viết: Chấp đức bất hoằng, tín đạo bất đúc, yên năng vi hữu ? Yên năng vi vong ?

Tử Trương nói: Giữ được đức mà không biết phát huy, tin phục đạo lý mà không kiên định làm theo. Có người áy thì ích lợi gì ? Không có người áy thì hại gì ?

19•3

子夏之門人問交於子張。子張曰：“子夏雲何？”對曰：“子夏曰：‘可者與之，其不可者拒之’。”子張曰：“異乎吾所聞：君子尊賢而容眾，嘉善而矜不能。我之大賢與，於人何所不容？我之不賢與，人將拒我，如之何其拒人也？”

Tử Hạ chi môn nhân vẫn giao ư Tử Trương. Tử Trương viết: Tử Hạ vẫn hà? Đối viết: “Tử Hạ viết: Khả giả dự chi, kỳ bất khả giả cự chi”. Tử Trương viết: “Dị hồ ngô sở văn. Quân tử tôn hiền nho dung chúng, gia thiện nho cǎng bất nǎng. Ngã chi đại hiền dự, ư nhân hà sở bất dung ? Ngã chi bất hiền dự, nhân thương cự ngã, như chi hà kỳ cự nhân dã ?

Học trò của Tử Hạ hỏi Tử Trương về việc giao tiếp bạn bè.

Tử Trương hỏi lại: Thầy Tử Hạ đã nói thế nào ?

Học trò Tử Hạ đáp: Có thể kết giao thì kết giao, không thể thì cự tuyệt.

Tử Trương nói: Điều ta từng nghe thì lại khác. Quân tử tôn trọng người hiền và dung nạp người bình thường, khen người hoàn thiện nhưng cũng thương cho người yếu kém. Nếu ta là bậc đại hiền thì sao ta không thể dung nạp họ ? Nếu ta không phải bậc hiền tài, người khác có thể cự tuyệt ta, làm sao ta có thể cự tuyệt họ ?

19•4

子夏曰: 雖小道, 必有可觀者焉, 致遠恐泥, 是以君子不為也。

Tử Hạ viết: Tuy tiểu đạo, tất hữu khả quan giá yên, trí viễn khùng nệ, thị dĩ quân tử bất vi dã.

Tử Hạ nói: Dù là việc nhỏ cũng có nghĩa lý cần xem xét, Nhưng nếu cố tìm ý nghĩa cao xa của việc nhỏ thì cũng trở ngại, khó lòng. Người quân tử chẳng làm như vậy.

19•5

子夏曰: 曰知其所亡, 月無忘其所能, 可謂好學也已矣。

Tử Hạ viết: Nhật tri kỳ sở vong, nguyệt vô vong kỳ sở nǎng, khá vị hiếu học dã dĩ hĩ.

Tử Hạ nói: Mỗi ngày biết thêm điều chưa biết. Sau một tháng không quên những điều đã biết. Như vậy gọi là người ham học.

19•6

子夏曰: 博學而篤志, 切問而近思, 仁在其中矣。

Tử Hạ viết: Bác học nho đốc chí, thiết vấn nho cận tư, nhân tại kỳ trung hĩ.

Tử Hạ nói: Học rộng mà chuyên tâm điều nghiên cứu, hỏi điều thiết thực, nghĩ tới việc gần, đức nhân ở trong ấy vậy.

19•7

子夏曰: 百工居肆以成其事, 君子學以致其道。

Tử Hạ viết: Bách công cư tú dĩ thành kỳ sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo.

Tử Hạ nói: Thợ ngành nghề phải ở lại nơi làm việc mới hoàn thành tốt công việc. Quân tử phải chuyên tâm nghiên cứu mới nắm chắc đạo lý.

19•8

子夏說: 小人之過也必文。

Tử Hạ thuyết: Tiêu nhân chi quá dã tất văn.:

Tử Hạ nói: Kẻ tiểu nhân thấy mình làm sai thì tìm cách che đậy.

19•9

子夏曰: 君子有三變: 望之儼然, 即之也溫, 聽其言也厲。

Tử Hạ viết: Quân tử hữu tam biến: Vọng chi nghiêm nhiên, tức chi dã ôn, thính kỳ ngôn dã lê.

Tử Hạ nói: Quân tử có ba điều biến đổi: trông xa thấy trang nghiêm, đến gần thấy ôn hòa, nghe lời nói thấy nghiêm khắc, chính xác.

19•10

子夏曰: 君子信而后勞其民; 未信, 則以為厲己也. 信而后諫; 未信, 則以為謗己也.

Tử Hạ viết: Quân tử tín nhi hậu lao kỵ dân; Vị tín, tắc dĩ vi lệ kỵ dã. Tín nhi hậu gián; Vị tín, tắc dĩ vi báng kỵ dã..

Tử Hạ nói: Quân tử làm quan sao cho dân tin cậy, sau đó mới khiến cho họ làm việc khó nhọc. Nếu dân chưa tin đã vội sai khiến họ làm, họ sẽ cho là mình làm hại họ. Với người bậc trên, phải đạt được lòng tin trước, sau mới can gián, nếu không người trên cho rằng mình chê trách họ.

19•11

子夏曰: 大德不逾閑, 小德出入可也。

Tử Hạ viết: Đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã.

Tử Hạ nói: Việc lớn thì không được vượt qua giới hạn, việc nhỏ thì có thể thêm bớt một ít.
(Lời bàn: Việc lớn cần phải làm chính xác, không được tùy tiện thêm bớt)

19•12

子游曰: “子夏之門人小子, 當酒掃, 應對, 進退則可矣, 抑末也。本之則無, 如之何?”

子夏聞之, 曰: “噫, 言游過矣! 君子之道, 孰先傳焉? 孰后倦焉? 譬諸草木, 區以別矣。君子之道, 焉可誣也? 有始有卒者, 其惟聖人乎?”

Tử Du viết: Tử Hạ chi môn nhân tiểu tử, đương sai tảo, ứng đối, tiền thoái tắc khả hĩ, ức mạt dã. Bản chi tắc vô, như chi hè? Tử Hạ văn chi, viết: Ôi, ngôn Du quá hĩ! Quân tử chi đạo, thực hậu quyển yên, thực tiên truyền yên? Thí chư thảo mộc, khu dĩ biệt hĩ. Quân tử chi đạo, yên khả vu dã? Hữu thi hữu tốt giả, kỳ duy thánh nhân hò?

Tử Du nói: Học trò của thầy Tử Hạ vẩy nước quét dọn giới, đối đáp nhanh, đi lại đúng phép, chỉ có cái ngọn vây thôi. Còn cái gốc chưa học được. Học như thế sẽ ra sao?

Tử Hạ nghe vậy, nói: “Ôi, thầy Tử Du sai rồi! Đạo quân tử phải đem cái ngọn dạy trước, việc gốc truyền sau. Học trò như cỏ cây có phân biệt lớn nhỏ, đạo dạy học của người quân tử sao có thể tùy tiện. Dạy điều mờ đầu mà biết được két cục, chẳng phải chỉ có thánh nhân mới được vậy ư?

19•13

子夏曰: 仕而優則學, 學而優則仕。

Tử Hạ viết: Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ.

Tử Hạ nói: Làm quan dư thì giờ thì nên học thêm. Người có học thì đi làm quan.

(Lời bàn: Khi làm quan giỏi vẫn không ngừng học hỏi, học giỏi rồi thì đi làm quan giúp đời)

19•14

子游曰: 哀致乎喪而止。

Tử Du viết: Tang trí hò ai nhi chi.

Tử Du nói: Việc tang lễ thể hiện lòng thương xót là được rồi.

19•15

子游曰: 吾友張也為難能也, 然而未仁。

Tử Du viết: Ngô hữu Trương dã vi nan nǎng dã, nhiên nhi vị nhân.

Tử Du nói: Bạn ta là Tử Trương làm được những việc mà người khác khó làm được, nhưng vẫn chưa phải là người nhân.

(Lời bàn: Người nhân còn phải khiến cho người khác cũng làm được như mình)

19•16

曾子曰：“堂堂乎張也，難與並為仁矣”。

Tăng tử viết: Đuòng đuòng hò trương dã, nan dự bính vi nhân hĩ.

Tăng tử nói: Đúng rồi, Tử Trương là con người dung mạo đuòng hoàng uy nghi nhưng khó cùng người khác làm việc nhân.

(Lời bình: Tử Trương tài giỏi nhưng khá kiêu ngạo, tự mãn)

19•17

曾子曰：吾聞諸夫子，人未有自致者也，必也親喪乎。

Tăng tử viết: Ngô văn chư phu tử, nhân vị hữu tự trí giả dã, tất dã thân tang hò ?

Tăng tử nói: Ta nghe thầy Khổng dạy rằng người chưa đem hết tình cảm ra làm việc khác nhưng trong việc tang cha mẹ lại không thể đem hết tình ra hay sao ?

19•18

曾子曰:吾聞諸夫子,孟庄子之孝也,其他可能也;其不改父之臣與父之政,是難能也。

Tăng tử viết: Ngô văn chư phu tử, Mạnh Trang tử chi hiếu dã, kỳ tha khả năng dã; Kỳ bất cải phụ chi thân dư phụ chi chính, thị nan năng dã.

Tăng tử nói: Ta nghe thầy Khổng khen đức hiếu của Mạnh Trang tử, rằng những điều khác người ta có thể làm theo được, còn cái việc Mạnh không thay đổi bè tôi và phép cai trị của cha thì thiên hạ khó làm theo.

(Chú thích: Mạnh Trang tử là con Mạnh Hiếu tử, một trong ba dòng họ quan đại thần nước Lỗ thời ấy (họ Mạnh, họ Quý, họ Thúc). Khi được kế nhiệm địa vị của cha, Mạnh Trang tử có hiếu nên không thay đổi những việc cha từng làm, mà kế thừa điều hay của cha).

19•19

孟氏使陽膚為士師,問誣曾子。曾子曰:“上失其道,民散久矣。如得其情,則哀矜而勿喜”。

Mạnh thị sử Dương Phu vi sĩ sư, vẫn ư Tăng tử. Tăng tử viết: Thượng thất kỳ đạo, dân tán cửu hĩ. Như đắc kỳ tình, tắc ai cảng nhi vật hỉ.

Họ Mạnh bỏ nhiệm Dương Phu làm quan sĩ sư coi việc hình pháp. Dương Phu đến hỏi ý kiến thầy mình là Tăng tử. Thầy Tăng nói: Người cắp trên lối đạo, nhân tâm li tán lâu rồi. Khi xét xử hiếu được tình thật của phạm nhân thì nên thương họ, đừng lấy làm vui mừng.

19•20

子貢曰：紂之不善,不如是之甚也。是以君子惡居下流, 天下之惡皆歸焉。

Tử Cống viết: Trụ chi bất thiện, bất như thị chi thậm dã. Thị dĩ quân tử ó cư hạ lưu, thiên hạ chi ác giai quy yên

Tử Cống nói: Những điều bất thiện của vua Trụ không đến nỗi như thiên hạ nói. Người quân tử rất ghét ở chung với đám hạ lưu, vì mọi điều xấu trong xã hội đều đổ dồn về chỗ họ.

(Lời bàn: “Hạ lưu” là đám người dồn cặn nhu rác rưởi cuối dòng nước chảy. Đám này thường nói xấu tất cả những gì họ muốn. Vua Trụ có xấu xa nhưng kẻ hạ lưu thường dậm đỗ bìm leo nói thêm vào. Tử Cống đòi hỏi sự công bằng ngay cả đối với kẻ xấu)

19•21

子貢曰：君子之過也，如日月之食焉。過也，人皆見之；更也，人皆仰之。

Tử Cống viết: Quân tử chi quá dã, như nhật nguyệt chi thực yên. Quá dã, nhân giai kiến chi; Canh dã, nhân giai ngưỡng chi.

Tử Cống nói: Sai lầm của người quân tử như nhật thực và nguyệt thực, ai cũng nhìn thấy. Quân tử sửa chữa lỗi được rồi thì ai cũng vẫn ngưỡng mộ.

19•22

衛公孫朝問於子貢曰:仲尼焉學?

子貢曰:文武之道,未墜於地,在人。賢者識其大者,不賢者識其小者,莫不有文武之道焉。夫子焉不學?而亦何常師之有?"

Vệ Công Tôn Triệu vẫn ư Tử Cống viết: Trọng Ni yên học ? Tử Cống viết: Văn vū chi đạo, vị truy ư địa, tại nhân. Hiền giả chí kỳ đại giả, bất hiền giả chí kỳ tiểu giả, mạc bất hữu văn vū chi đạo yên. Phu tử yên bất học? Nhi diệc hà thường sư chi hữu?

Đại phu nước Vệ là Công Tôn Triệu hỏi Tử Cống: "Không tử học với ai vậy?". Tử Cống nói: Đạo của vua Văn Vương, vua Vũ Vương bị chôn vùi dưới đất vẫn còn lưu lại trong dân gian. Người hiền tài học thì biết việc rộng lớn, người thường học được việc nhỏ. Đạo của hai vua chỗ nào cũng có. Thầy tôi không chỗ nào không học, cần gì phải có một thầy nào !

19•23

叔孫武叔語大夫於朝曰:“子貢賢於仲尼”。子服景伯以告子貢。子貢曰:“譬之宮牆, 賜之牆也及肩, 窺見室家之好。夫子之牆數仞, 不得其門而入, 不見宗廟之類, 百官之富。得其門者或寡矣。夫子之雲, 不亦宜乎 !”

Thúc Tôn Vũ Thúc ngữ đại phu ư triều viết: Tử Cống hiền ư Trọng Ni. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo Tử Cống. Tử Cống viết: Thí chi cung tường, tú chi tường dã cập kiêm, khuy kiến thất gia chi hảo. Phu tử chi tường số nhận, bất đặc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miêu chi loại, bách quan chi phú. Đặc kỳ môn giả hoặc quả hĩ. Phu tử chi vân, bất diệc nghi hò !

Thúc Tôn Vũ Thúc nói với các vị đại phu trong triều nước Lỗ rằng: "Tử Cống có đạo đức tài năng hơn hẳn Khổng tử". Tử Phục Cảnh Bá nói lại với Tử Cống.

Tử Cống nói: "Lấy bức tường làm thí dụ vậy. Tường nhà tôi chỉ cao bằng vai, ai nhìn vào có thể thấy hết những cái tốt đẹp trong nhà. Còn bức tường của thầy tôi cao đến mấy thước, nếu không tìm được cửa vào thì không thể thấy được kiến trúc tráng lệ đa dạng bên trong. Chỉ có ít người tìm được cửa vào. Thúc Tôn Vũ Thúc nói như thế thật chẳng thích hợp.

19•24

叔孫武叔毀仲尼。子貢曰:“無以為也! 仲尼不可毀也。他人之賢者,丘陵也,猶可逾也;仲尼,日月也,無得而逾焉。人雖欲自絕,其何傷於日月乎? 多見其不知量也”。

Thúc Tôn Vũ Thúc hủy Trọng Ni. Tử Cống viết: Vô dĩ vi dã ! Trọng Ni bất khả hủy dã. Tha nhân chi hiền giả, khâu lăng dã, do khả du dã; Trọng Ni. Nhật nguyệt dã, vô đặc nhi du yên. Nhân tuy dục tự tuyệt, kỳ hà thương ư nhật nguyệt hò ? Đa kiến kỳ bất tri lượng dã.

Thúc Tôn Vũ Thúc chê Khổng tử. Tử Cống nói: Làm thế chả có ích gì. Không thể làm mất uy tín của thầy tôi được! Tài đức của người khác ví như cái núi nhỏ, có thể vượt qua được. Còn tài đức của Khổng tử cao xa như mặt trăng mặt trời, chẳng có ai qua được. Ai đó muốn đoạn tuyệt với đạo

của thầy tôi thì cũng chẳng hại gì được mặt trăng mặt trời. Chê trách như thế chỉ chứng tỏ ông ta không biết lượng sức mình mà thôi.

19•25

陳子禽謂子貢曰：“子為恭也，仲尼豈賢於子乎？”。子貢曰：“君子一言以為知，一言以為不知，言不可不慎也。夫子之不可及也，猶天之不可階而升也。夫子之得邦家者，所謂立之斯立，道之斯行，餽之斯來，動之斯和。其生也榮，其死也哀，如之何其可及也？”

Trần Tử Cầm vị Tử Cống viết: Từ vi cung dã, Trọng Ni khai hiền ư tử hò? Tử Cống viết: Quân tử nhất ngôn dĩ vi tri, nhất ngôn dĩ vi bất tri, ngôn bất khả thận dã. Phu tử chi bất khả cập dã, do thiên chi bất khả giao nhi thăng dã. Phu tử chi đắc bang gia giả. Sở vị lập chi tư lập, đạo chi tư hành, nỗi chi tư lai, đồng chi tư hòa. Kỳ sinh dã vinh, kỳ tử dã ai, như chi hè kỳ khả cập dã?

Trần Tử Cầm nói với Tử Cống: Anh quá khiêm tốn và cung kính với thầy Khổng tử đó thôi. Khổng tử chắc gì đã hơn anh?

Tử Cống nói: Người quân tử nói ra một câu khiến người ta có thể hiểu rõ anh ta thông minh hay ngu dốt, vì vậy phải thận trọng khi nói. Chúng ta không thể đuổi kịp thầy như là không thể bắc thang trèo lên trời vậy. Thầy chúng ta nếu được nắm giữ một nước thì sẽ như lời cổ nhân: “Gây sinh kế cho dân thì dân tự hiểu lễ mà làm, hướng dẫn dân thì dân tự đi theo, săn sóc an ủi dân thì dân sẽ qui thuận, cổ vũ dân thì dân nhất định đồng tâm hiệp lực”. Khi sống, thầy chúng ta được mọi người tôn vinh, chết được nhân dân thương xót. Như thế còn ai theo kịp được thầy chúng ta? Hết thiên 19

20. 禹曰 Nghiêu viết

第二十篇 thiên 20

05 bài

20.1

堯曰：“咨！爾舜！天之歷數在爾躬，允執其中。四海困窮，天祿永終”。

舜亦以命禹。

Nghiêu viết: Tư, nhĩ Thuấn ! Thiên chi lịch sác tại nhĩ cung, doãn chấp kỳ trung. Tú hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung. Thuấn diệc dĩ mệnh Vũ.

Vua Nghiêu nói: Hỡi ngươi Thuấn, mệnh trời đã định đến lúc ngươi nối ngôi của ta, hãy thành thực chấp hành đạo trung chính. Dân bốn biển (mà) khốn cùng thì lộc trời ban cho ngươi cũng hết. Vua Thuấn (sau này khi nhường ngôi cho vua Vũ) cũng truyền lại mệnh ấy.

20.2

曰：“予小子履，敢用玄牡，敢昭告於皇

皇后帝：有罪不敢赦。帝臣不蔽，簡在帝心。朕躬有罪，無以萬方；萬方有罪，罪在朕躬”。

Viết: “Dư tiếu tử Lý, cảm dụng huyền mẫu, cảm chiêu cáo ư hoàng hoàng hậu đế: Hữu tội bất cảm xá. Đế thần bất tế, giản tại đế tâm”.

Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạn phương; Vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung.

Khán rằng: “Kẻ tiếu tử này (1) tên Lý, dám dùng bò đực đen đẻ lễ, khẩn cầu Trời vô cùng tôn kính rằng: Kẻ có tội (2), con không dám tha. Con không che giấu người hiền đức làm thần tử của

Trời, chỉ vì con làm theo lòng Trời. Nếu trẫm có tội, xin đừng để lụy đến dân chúng bốn phương, nếu dân bốn phương có tội thì đó là tội của trẫm”.

[Chú thích:

(1) Vua Thành Thang nguyên tên là Lý.

(2) Vua Kiệt nhà Hạ tội nặng, bị vua Thành Thang trừng phạt.

Trong đoạn văn trên, vua Thành Thang thay đổi xưng hô, từ “tiểu tử” (con) sang “trẫm” nhưng đổi tượng nghe vẫn là Trời (Đế) đồng thời hướng về cử tọa gồm: quan chức dân chúng tham dự tế lễ cùng nghe.

20.3

周有大賛,善人是富。“雖有周親,不如仁人。百姓有過,在予一人”.

謹權量,審法度,修廢官,四方之政行焉。興滅國,繼絕世,舉逸民,天下之民歸心焉。所重:民,食,喪,祭。寬則得眾,信則民任焉。敏則有功,公則說。

Chu hữu đại lại, thiện nhân thị phú. “Tuy hữu Chu thân, bất như nhân nhân. Bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân”... Cản quyền lượng, thảm pháp độ, tu phê quan, tú phương chi chính hành yên. Hung diệt quốc, kế tuyệt thế, cử dật dân, thiên hạ chi dân qui tâm yên.

Sở trọng dân: thực, tang, tế. Khoan tặc đắc chúng, tín tặc dân nhiệm yên. Mẫn tặc hữu công, công tặc duyệt.

Nhà Chu (sau khi diệt được vua Trụ) xuất của cải chia cho dân, người hiền trở nên giàu có.(Khi đem quân đánh vua Trụ, vua Chu Vũ vương thề rằng): “Tuy (vua Trụ) có nhiều người thân họ Chu, chẳng bằng (ta có) nhiều người nhân đức. Nếu trẫm họ mắc tội, lỗi chỉ tại một người (là ta) thôi”... (Vua Vũ vương) định lại cân, dụng cụ đo lường và phép tắc luật lệ, dùng lại những quan chức bị (nhà Trụ) bãi bỏ, cai quản bốn phương thông suốt. Khôi phục lại những nước chư hầu đã bị diệt, cho người nối tiếp những dòng họ bị đứt quãng. Mời kẻ hiền sĩ ẩn dật ra làm việc, người trong thiên hạ hết lòng qui phục.

(Vua Vũ vương) coi trọng ba việc của dân là: lương thực, tang lễ và tế tự. Khoan dung át được dân ủng hộ, trung tín thành thực được dân dựa vào mình. Cần mẫn làm việc thu được công lao, công bằng sẽ làm vui lòng người.

20.4

子張問孔子曰:“何如斯可以從政矣 ?”.

子曰:“尊五美,屏四惡, 斯可以從政矣”.

子張曰:“何謂五美 ?”.

子曰: 君子惠而不費,勞而不怨,欲而不貪,泰而不驕,威而不猛”.

子張曰:“何謂惠而不費 ?”.

子曰:“因民之所利而利之,斯不亦惠而不費乎 ?擇可勞而勞之,又誰怨 ?欲仁而得仁, 又焉貪 ?君子無眾寡, 無大小, 無敢慢,

斯不亦泰而不驕乎 ?君子正其衣冠, 尊其瞻視, 儼然人望而畏之, 斯不亦威而不猛乎 ?”.

子張曰:“何謂四惡 ?”.

子曰：“不教而殺謂之虐；不戒視成謂之暴；慢令致期謂之賊；猶之與人也，出納之吝謂之有司。”

Tử Trương vấn Khổng tử viết: Hà như tư khả dĩ tòng chính hĩ ?

Tử viết: Tôn ngũ mĩ, bính tú ó, kỳ khả dĩ tòng chính hĩ.

Tử Trương viết: Hà vị ngũ mĩ ?

Tử viết: Quân tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh.

Tử Trương viết: Khả vị huệ nhi bất phí ?

Tử viết: Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi, tư bất diệc huệ nhi bất phí hò ? Trạch khả lao nhi lao chi, hựu thùy oán ? Dục nhân nhi đắc nhân, hựu yên tham ? Quân tử vô chung quả, vô đại tiểu, vô cảm mạn, tư bất diệc thái nhi bất kiêu hò ? Quân tử chính kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiêm nhiên nhân vong nhi úy chi, tư bất diệc uy nhi bất mãnh hò ?

Tử Trương viết: Hà vị tú ó ?

Tử viết: Bất giáo nhi sát vị chi ngược, bất giới thị thành vị chi bạo; mạn lệnh trí kỳ vị chi tặc; do chi dự nhân dã, xuất nạp chi lận vị chi hữu tu.

Tử Trương hỏi Khổng tử: Như thế nào mới làm được quan chính trực ?

Khổng tử nói: Biết tôn trọng 5 việc tốt, loại trừ 4 việc xấu, có thể làm quan chính trực.

Tử Trương hỏi tiếp: Thế nào là 5 việc tốt ?

Khổng tử đáp: Quân tử làm ân huệ cho dân mà không hao tổn tiền bạc, bảo dân làm việc khó nhọc mà dân chẳng oán ghét, ham muốn mà không tham lam, trang trọng mà không kiêu ngạo, uy nghiêm mà không hung bạo.

Tử Trương lại hỏi: Thế nào là làm ân huệ mà không hao tiền bạc?

Khổng tử nói: Thuận theo lợi của dân mà hướng dẫn họ làm lợi, như thế là ân huệ cho dân mà không tổn tiền. Chọn việc đáng làm vào lúc thích hợp, đúng mùa vụ, thời tiết, đôn đốc dân làm việc khó nhọc, như thế thì có ai lại oán ghét mình ? Ham muốn làm việc nhân đức mà được điều nhân sao gọi là tham lam ?! Quân tử làm việc không kể việc lớn nhỏ đều không dám coi thường, vậy là trang trọng mà không ngạo mạn. Quân tử áo mũ chỉnh tề, ánh mắt nghiêm túc khiến người khác nhìn thấy nể sợ, đó là uy nghiêm mà không hung bạo.

20.5

孔子曰：不知命，無以為君子也；不知禮，無以立也；不知信，無以知人也。

Khổng tử viết: Bất tri mệnh, vô dĩ vi quân tử dã ; Bất tri lễ, vô dĩ lập dã; Bất tri tín, vô dĩ tri nhân dã.

Khổng tử nói: Không biết mệnh trời thì không thể làm người quân tử. Không biết lễ thì không thể tự lập thân. Không biết chữ tín thì không hiểu được người.

[Lời bàn: Khó nhất là làm sao biết được mệnh trời ! Mệnh trời là thời cơ chăng ? Liệu có nhà tiên tri nào báo trước ? Tuy nhiên, người quân tử hãy tự mình làm hai điều sau (tín, lễ) coi như hai điều kiện tiên quyết / điều kiện cần.

Chữ Lễ là cội nguồn cảm hứng nghiên cứu, du thuyết và dạy học của Khổng tử, kết thúc Luận ngữ cũng là chữ Lễ, thêm Tín và Mệnh].

Hết

BÀI TẬP NGHIÊN CỨU LUẬN NGỮ

Tóm tắt nội dung của các bài theo từng chủ đề sau:

1. Viết học
2. Về chữ Hiếu
3. Về chữ Lễ
4. Về chữ Nhân
5. Về đạo Quân tử
6. Về 2 chữ Trung, Thú
7. Về đạo Trung dung
8. Về thuyết Chính danh
9. Về làm vua
10. Về làm quan
11. Về tình bằng hữu
12. Về việc tang
13. Về âm nhạc
14. Về thơ
15. Về hội họa
16. Về giải trí
17. Về nỗi niềm thất vọng của Khổng tử
18. Bạn thử chỉ ra những điểm bất cập thời đại của Khổng tử thể hiện trong Luận ngữ.

PHN

PHỤ LỤC

SƠ LƯỢC LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

I. Từ thượng cổ đến nhà Tần (thời cổ đại)

1. Thời thượng cổ, còn gọi là Tam hoang, Ngũ đế (thần thoại)
 2. Thời tiền sử: ba vua Nghiêng, Thuấn, Vũ (theo truyền thuyết)
 3. Vua Vũ lập ra quốc gia đầu tiên: nhà Hạ / Hoa Hạ (tk 21- 17 tr.CN), chế độ nô lệ, bỏ bầu cử, bắt đầu cha truyền con nối...
- Nhà Ân là giai đoạn cuối cùng của nhà Hạ. Đời cuối là vua Kiệt mê nàng Muội Hỉ, tàn ác, bị lật đổ, nhà Thương (Thang) nổi lên thay thế.
4. Nhà Thương: Vua Thành Thang đổi mới mạnh mẽ. Đời cuối là vua Trụ mê nàng Đắc Kỉ, tàn bạo hủ bại. Nô lệ theo thủ lĩnh họ Chu nổi dậy khởi nghĩa, lật đổ nhà Thương, lập ra nhà Chu, lập ngôi hoàng đế, cai quản chư hầu.
 5. Nhà Chu từ thế kỷ 11 tr CN đến thế kỷ 3 tr CN, gồm 2 giai đoạn:

5.1. Tây Chu: Thế kỷ 11 đến năm 778 tr.CN, có hơn 1000 nước chư hầu. Vua Chu Bình Vương mê nàng Bao Tự, chư hầu bất phục... nhà Chu suy giảm quyền lực

5.2. Đông Chu: 770 đến 256 tr.CN, thủ đô dời từ Tây sang phía Đông. gồm hai giai đoạn:

Xuân Thu: 770 – 455 tr CN, bước vào chế độ sơ kỳ phong kiến. Hình thành 100 chư hầu, 14 nước lớn, rồi đến 5 nước xưng bá vương (ngũ bá: Trịnh, Tần, Tần, Tề, Triệu) ngày càng lộng quyền lấn át hoàng đế nhà Chu.

Chiến Quốc: 455-221 tr.CN, bảy nước bá vương (thất bá tranh hùng) gồm Tề, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Tần, Yên.

Cuối cùng, nhà Tần đánh bại 6 nước bá vương, lên ngôi hoàng đế thay nhà Chu, thống nhất đất nước năm 221 tr.CN.

II. Từ nhà Hán đến Mân Thanh (thời trung đại)

Nhà Hán (Tây Hán 206 tr. CN đến năm 24, còn gọi Tiền Hán, thời Đông Hán (năm 25 đến 220) còn gọi Hậu Hán và Tam quốc (220-280).

Ngụy Tấn (265-420)

Bắc triều: Ngụy Tấn (420-581)

Nam triều: lục quốc Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Ngô.

Tùy (581-617)

Đường (618-907)

Ngũ đại thập quốc (907-960)

Tống (Bắc Tống, Nam Tống 960-1279)

Nguyên (1271-1368)

Minh (1368-1644)

Thanh (1644-1911) Thuận Trị, Khang Hi, Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh, Hàm Phong, Đồng Trị, Từ Hi, Quang Tự, Phổ Nghi.

III. Từ Cách mạng Tân Hợi đến nay (thời hiện đại)

Trung Hoa dân quốc, từ 1911 đến năm 1949 chuyển ra đảo Đài Loan .

Trung Hoa nhân dân cộng hòa quốc, từ ngày 1.10.1949.

Biên giả

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 論語: Luận ngữ nguyên văn Hán ngữ

漢文詞典: Hán văn từ điển

http://www.fjdh.com/Article/HTML/Article_20051026083127.html

<http://hanyu.iciba.com/a/20090610/17.shtml> 3.4.2010

<http://xz.zzedu.net.cn/CMS/Article/300/20070108134700/index.htm> ngày 7.8.2010

<http://www.ccnt.com.cn/wisdom/rujia/lunyu/lunyu3.htm> 5.9.2010

2. 四書 Tú thư, Dương Hồng, Nhiệm Đại Viện, Lưu Phong, Vương Thành Trung chú giải 2002, An Huy nhân dân xuất bản xã, Trung Quốc.

3. Tú thư, Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận, 2003, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội.

TRI ÂN

Trân trọng cảm ơn quý đồng nghiệp đã giúp tổ chức và hoàn thành bản thảo

Tổ chức nghiệm thu

Trần Thể (Chủ nhiệm khoa Sư phạm)

Trần Tùng Chinh (Ths. Trưởng BM Ngữ văn)

Sửa chữa bản thảo

Ngô Thị Minh Hiếu (Ths Ngữ văn Hán Nôm)

Nguyễn Thanh Phong (Nghiên cứu sinh thạc sĩ Ngữ văn Trung Quốc tại Đài Loan)

10. 5.2011

Biên giả

ngoc1951@gmail.com

MẠNH TỬ (sách của Mạnh Tử)

Mạnh Tử (chữ Hán: 孟子; phiên âm: Mèng Zǐ ; 372–289 trước Quốc”

href="http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu% E1% BB% 91c">Trung Quốc và là người tiếp nối Khổng Tử.

Tư tưởng của Mạnh Tử phát triển thêm tư tưởng của Khổng Tử nhưng ông không tuyệt đối hóa vai trò của vua chúa như Khổng Tử. Ông chủ trương *dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*.. Ông cũng là người đưa ra thuyết tính thiện của con người, rằng con người sinh ra đã là thiện rồi (*nhân chi sơ bản tính thiện*), tư tưởng này đối lập với thuyết tính ác của Tuân Tử rằng *nhân chi sơ bản tính ác*.

Học thuyết của ông gói gọn trong các chữ “Nghĩa”, “Trí”, “Lễ”, “Tín”. Ông đem học thuyết của mình đi truyền bá đến vua chúa các nước chư hầu như Tề Tuyên Vương (nước Tề), Đằng Văn Công (nước Đằng), Lương Huệ Vương (nước Ngụy)...nhưng không được áp dụng. Về cuối đời ông dạy học và viết sách, sách Mạnh Tử của ông là một trong những cuốn sách quan trọng của Nho giáo. Ông được xem là ông tổ thứ hai của nho giáo và được hậu thế tôn làm “Á thánh Mạnh Tử” (chỉ đúng sau Khổng Tử).

Sách do Mạnh Tử và các môn đệ của ông như: Nhạc Chính Khắc, Công Tôn Sứu, Vạn Chương v.v. ghi chép lại những điều đối đáp của Mạnh Tử với các vua chư hầu, giữa Mạnh Tử và các học trò cùng với những lời phê bình của Mạnh Tử về các học thuyết khác như: học thuyết của Mặc Tử, Dương Chu.

Sách Mạnh Tử gồm 14 thiên, gồm 2 chủ đề Tâm học và Chính trị học.

hoặc chia ra 3 chủ đề chính: Tính thiện /Vương đạo nhân chính / Nhân nghĩa

1. Tâm học

Mạnh Tử cho rằng mỗi người đều có tính **thiện** do Trời phú cho. Sự giáo dục phải lấy tính thiện đó làm cơ bản, giữ cho nó không mờ tối, trau dồi nó để phát triển thành người lương thiện. Tâm là cái thần minh của Trời ban cho người. Như vậy, tâm của ta với tâm của Trời đều cùng một thể. Học là để giữ cái Tâm, nuôi cái Tính, biết rõ lẽ Trời mà theo chính mệnh.

Nhân và nghĩa vốn có sẵn trong lương tâm của người. Chỉ vì ta đắm đuối vào vòng vật dục nên lương tâm bị mờ tối, thành ra bỏ mất nhân nghĩa. Mạnh Tử đề cập đến khí Hạo nhiên, cho rằng nó là cái tinh thần của người đã hợp nhất với Trời.

Phần **Tâm học** của Mạnh Tử rất sâu xa, khiết học giả dù ở địa vị hay cảnh ngộ nào cũng giữ được phẩm giá tôn quý.

2. Chính trị học

Mạnh Tử chủ trương: *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*. Đây là một tư tưởng rất mới và rất táo bạo trong thời quân chủ chuyên chế đang thịnh hành.

Mạnh Tử công nhận chế độ quân chủ, nhưng vua không có quyền lấy dân làm của riêng cho mình. Phải duy dân và vì dân. Muốn vậy, phải có luật pháp công bằng, dẫu vua quan cũng không được vượt ra ngoài pháp luật đó. Người trị dân, trị nước phải chăm lo việc dân việc nước, làm cho đời sống của dân được sung túc, phải lo giáo dục dân để hiểu rõ luật pháp mà tuân theo, lấy nhân nghĩa làm cơ bản để thi hành.

Chủ trương về chính trị của Mạnh Tử vô cùng mới mẻ và táo bạo, rất hợp lý, làm cho những người chủ trương quân chủ thời đó không thể nào bắt bẻ được. Có thể đây là lý thuyết khởi đầu để hình thành chế độ quân chủ lập hiến sau này.

Tóm lại, bộ sách Mạnh Tử rất có giá trị với Nho giáo. Phần **Tâm học** trong sách là một đỉnh cao trong học thuyết Nho giáo.

Mạnh tử thư 14 thiêng:

Thiên 1. Lương Huệ vương chương cú thượng

Thiên 2. Lương Huệ vương chương cú hạ

Thiên 3. Công Tôn Sửu thượng

Thiên 4. Công Tôn Sửu hạ

Thiên 5. Đặng Văn Công thượng

Thiên 6. Đặng Văn Công hạ

Thiên 7. Ly Lâu thượng

Thiên 8. Ly Lâu hạ

Thiên 9. Vạn Chương thượng

Thiên 10. Vạn Lâu hạ

Thiên 11. Cáo Tử thượng

Thiên 12. Cáo Tử hạ

Thiên 13. Tận tâm thượng

Thiên 14. Tận tâm hạ

Khái niệm chủ yếu

1. “Nhân tâm nhật tân” (Lòng người, ngày một mới)

Nguyên văn Mạnh Tử viết: *Nhân, nhân tâm dã; nghĩa, nhân lộ dã* (仁人心也、義人路也), nghĩa là ‘Nhân’ (yêu người) áy là lòng của người; ‘nghĩa’ (lẽ phải chăng) áy là đường đi để làm người.

2. “Vương đạo lạc thổ” (Đường vua, đất vui)

Nguyên Mạnh Tử viết: *Dưỡng sinh táng tử vô hám, vương đạo chi thủy dã* nghĩa là “Nuôi sự sống, mất sự chết, dừng tiếc, áy là bắt đầu của Vương đạo”.

3. “Quân tử tam lạc” (Quân tử, ba niềm vui)

Nguyên Mạnh Tử viết trong sách “Tận Tâm – thượng (盡心上)”: *Phụ mẫu câu tồn, huynh đệ vô có, nhất lạc dã. Nguưỡng bát quý ư thiên, phủ bát tạc ư nhân, nhị lạc dã. Đắc thiên hạ anh tài nhi giáo dục chi, tam lạc dã* (父母俱存、兄弟無故、一樂也。

仰不愧於天、俯不怍於人、二樂也。得天下英才而教育之、三樂也), nghĩa là “Cha mẹ đều còn, anh em không bị gì, áy là vui thứ nhất. Ngửa mặt lên trời mà không hổ thẹn, cúi đầu đối với người mà không thẹn, áy là vui thứ nhì. Có được anh tài và dạy họ trong thiên hạ, áy là vui thứ ba”.

4. “Nhất thiên vạn thặng” (Một trời, muôn xe)

Nguyên Thầy Mạnh khuyên: *Thị thích vạn thặng chi quân, nhược thích hạt phu* (視刺萬乘之君、若刺褐夫) nghĩa là “Giết một ông vua có vạn cỗ xe thì cũng không khác việc giết một kẻ thường dân (làm nhục mình)”.

Đại học An Giang 07.2010

Phùng Hoài Ngọc biên tập

<http://giangnamlangtu.wordpress.com>

• [Entries \(RSS\)](#)

• [Bình luận \(RSS\)](#)

(Lời bàn: Bài học đầu tiên, Khổng tử nói về niềm vui “học và hành”, niềm vui đón “bạn phương xa” và...nhắc đừng buồn khi có người hiểu lầm ta)

1.2

有子曰:“其为人也孝悌,而好犯上者,鲜矣;

不好犯上,而好作乱者,未之有也。君子务本,本立而道生。孝悌也者,其为仁之本与?”

Hữu tử viết: Kỳ vi nhân dã hiếu đẽ, nhi hiếu phạm thượng giả, tiễn hĩ; bất hiếu phạm thượng, nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã. Quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu đẽ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dữ !

Hữu tử nói: Người biết hiếu thuận với cha mẹ, kính trọng người lớn tuổi hơn mà lại thích cãi cọ xung đột mạo phạm cấp trên là hiếm có; Người không thích mạo phạm cấp trên mà lại thích làm loạn là không có. Quân tử chuyên tâm lo cái gốc tu thân thì đạo lập thân tự nhiên phát sinh. Hiếu và đẽ là cái gốc của đạo Nhân.

(Chú thích: Hữu tử tức Hữu Nhược, tự Tử Hữu người nước Lỗ, là học trò Khổng tử. *Hiếu*: hiếu thảo với cha mẹ, *đẽ* : tôn trọng anh, chị, các bè trên)

1.3

子曰: 巧言,令色, 鲜矣仁。

Tử viết: Xảo ngôn, lệnh sắc, tiễn hĩ nhân.

Khổng tử nói: Người ưa dùng lời nói khéo hay, làm vẻ mặt hiền lành, như vậy chưa hẳn là người có lòng nhân.

(Chú thích: Chữ “lệnh sắc” nghĩa là “làm ra vẻ mặt theo ý muốn”, “giả bộ”, thay vì vẻ mặt thể hiện tự nhiên tâm trạng bên trong. Theo mạch câu văn, tạm dịch là “làm vẻ mặt hiền lành”).

1.4

曾子曰: 吾日三省吾身。为人谋而不忠乎? 与朋友交而不信乎? 传,不习乎?

Tăng tử viết: Ngô nhật tam tinh ngô thân. Vị nhân mưu nhi bất trung hò? Dữ bàng hữu giao nhi bất tín hò? Truyền, bất tập hò?

Tăng tử nói: Tôi mỗi ngày xét mình ba điều. Mưu việc cho người khác thành tâm chưa? Kết giao bạn bè đã giữ chữ tín chưa? Kiến thức thầy truyền dạy, đã luyện tập chưa?

(Chú thích: Tăng tử tức Tăng Sâm, học trò giogi của Khổng tử, sau này viết ra sách “Đại học”. Phần cuối có người dịch là: Kiến thức ta sắp đi truyền dạy, đã luyện tập chưa?)

1.5

子曰:道千乘之国,敬事而信,节用而爱人,使民以时

Tử viết: Đạo thiền thừa chi quốc, kính sự nhi tín, tiết dụng nhi, ái nhân, sử dân dĩ thời.

Khổng tử nói: Lãnh đạo quốc gia có nghìn cỗ xe, phải giữ điều tín mọi việc, tiết kiệm chi tiêu, yêu mến dân, sử dụng sức dân theo thời gian thích hợp

(Chú thích: Vua quan sử dụng sức dân cần phải nghĩ tới mùa vụ, tránh sai khiêng tùy tiện khiêng nông dân lỡ thời vụ).

1.6

子曰: 弟子,入则孝,出则悌, 谨而信, 汎爱众而亲仁, 行有餘力,则以学文

Tử viết: Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc đế, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dũng, tắc dĩ học văn.

Không tử nói: Này trò, ở nhà phải hiếu thuận với cha mẹ, ra ngoài tôn kính người hơn tuổi, cẩn thận giữ điều tín, gần gũi thân cận với người nhân đức, được như vậy mà còn dư sức thì học tập tri thức nữa.

1.7

子夏曰: 贤贤易色 ; 事父母能竭其力 ; 事君,能致其身 ; 与朋友交,言而有信。虽曰未学,吾必謂之学矣。

Tử Hạt viết: Hiền hiền dịch sắc; sự phụ mẫu nồng kiết kỳ lực; sự quân, nồng trí kỳ thân; dũ bằng hữu giao ngôn nhi hữu tín. Tuy viết vị học, ngô tất vị chi học hĩ.

Tử Hạt nói: Tôn trọng hiền tài hơn nữ sắc; đối đãi với cha mẹ tận lực; thờ vua liều chết quên thân, giao lưu bạn hữu nói lời tin cậy. Người như vậy tuy không đi học, ta coi là người có học.

(Chú thích: Tử Hạt là học trò của Không tử. Người có học (trí thức), là người có bốn phẩm chất trên, không cần bằng cấp học vị)

1.8

子曰: 君子, 不重则不威 ; 学则不固。主忠信。无友不如己者 ; 过则勿惮改

Tử viết: Quân tử, bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố. Chủ trung tín. Vô hữu bất như kỷ giả; Quá tắc vật đạn cài.

Không tử nói: Quân tử thiếu thái độ trang trọng thì không uy nghiêm; học cũng không cung có được kết quả. Quân tử lấy chữ tín và trung làm chủ. Không kết bạn với người không giống mình. Có sai làm không ngại sửa chữa.

(Lời bàn: Bạn đọc thử nghĩ xem có nên “kết bạn với người không giống mình”?)

1.9

曾子曰 : 慎终追远 , 民德归厚矣。

Tăng tử viết: Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ.

Tăng tử nói: Cẩn thận lo tang lễ cha mẹ, thường tưởng nhớ tổ tiên xưa, dân chúng cảm đức mà theo về.

(Lời bàn: “truy viễn” (nhớ người xưa) rất đa nghĩa. Tưởng nhớ ông bà tổ tiên, nhớ họ hàng nơi xa, nhớ lời dạy của bậc thánh nhân thời trước... Đây là lời khuyên dành cho vua chúa, quan chức)

1.10

子禽问於子贡曰 : 夫子至於是邦也,必闻其政 , 求之与 , 抑与之与 ? ”

子贡曰:“夫子温,良, 恭, 儉, 让以得之。夫子之求之也,其诸异乎人之求之与 ?”

Tử Cầm vấn ư Tử Cống viết: Phu tử chí ư thị bang dã; tất văn kỳ chính, cầu chi dự, úc dũ chi dự ?

Tử Công viết: Phu tử ôn, lương, cung, kiệm, nhượng dĩ đặc chi. Phu tử chi cầu chi dã, kỳ chư dị hồ nhân chi cầu chi dự ?

Tử Cầm hỏi Tử Công rằng: Thầy Khổng đi qua các nước đều được tham dự chính sự ở các nước ấy. Là do thầy cầu xin hay do người ta yêu cầu ?

Tử Công đáp: Thầy Khổng có đức tính ôn, lương, cung, kiệm, nhường nhịn nên được như vậy. Cách cầu việc của thầy khác với lối xin việc của người khác.

(Chú thích: ôn: ôn hòa, lương: hiền dịu, cung: cung kính, kiệm: tiết kiệm, nhượng: nhường nhịn. Tử Cầm và Tử Công có tên là Đoan Mộc Tú đều là học trò Khổng tử).

1.11

子曰:“父在,观其志 ; 父没,观其行 ; 三年无改於父之道,可谓孝矣”

Tử viết: Phụ tại, quan kỳ chí; phụ một, quan kỳ hành; Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ.

Khổng tử nói “Khi cha còn tại thế, chú ý quan sát chí hướng của cha, khi cha mất đi thì suy ngẫm về cách hành sự của cha. Nếu ba năm sau khi cha mất, người con không thay đổi lời dạy của cha thì gọi là có hiếu”.

1.12

有子曰:“礼之用,和为贵。先王之道,斯为美。小大由之,有所不行。知和而和,不以礼节之,亦不可行也”.

Hữu tử viết: Lễ chi dụng, hòa vi quý. Tiên vương chi đạo, tư vi mĩ, tiêu đại do chi, hữu sở bất hành. Tri hòa nhì hòa, bất dĩ lễ tiết chí, diệc bất khả hành dã.

Hữu tử nói: Giữ lễ mà đạt được sự hài hòa là quý. Đạo trị nước của vua chúa thời trước, việc lớn nhỏ đều tuân theo sự hài hòa. Nhưng nếu chỉ biết hài hòa, không lấy chữ “lễ” để ràng buộc thì việc nào cũng không xong.

1.13

有子曰:“信近於义,言可复也 ; 恭近於礼,远耻辱也 ; 人不失其亲,亦可宗也”

Hữu tử viết: Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã; cung cận ư lễ, viễn sỉ nhục dã; Nhân bất thất kỳ thân, diệc khả tông dã.

Hữu tử nói: Giữ được chữ tín là gần với nghĩa, lời hứa có thể thực hiện được. Cung kính là gần với chữ Lễ, vậy tránh xa được điều sỉ nhục; Vì không mất đi sự thân cận lễ nghĩa đó nên giữ được tông pháp.

1.14

子曰:“君子食无求饱,居无求安,敏於事而慎於言,就有道而正焉,可谓好学也已”

Quân tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học dã dĩ.

Quân tử ăn không cầu no, chỗ ở không cầu an toàn quá mức, làm việc minh mẫn mà lời nói thận trọng, là kẻ có đạo chính đáng, có thể gọi là người hiếu học.

(Lời bàn: “an cư” nghĩa rất rộng: nơi ở an toàn, nghiêm mật lại thoải mái rộng rãi, cầu kỳ, ở được lâu, ít thay đổi chỗ... Quan điểm “cư vô cầu an” của quân tử trái với phương châm thông thường “an cư lạc nghiệp”)

1.15

子贡曰: “贫而无谄,富而无骄, 何如 ?”

子曰: “可也。未若贫而乐,富而好礼者也”.

子贡曰: “诗”云, ‘如切如磋 ! 如琢如磨’, 其斯之谓与 ?”

子曰: “赐也 ! 始可与言“诗”已矣, 告诸往而知来者。”

Tử Cống viết “Bàn nhi vô siêm, phú nhi vô kiêu, hà như ? ”.

Tử viết “Khả dã. Vị nhược bàn nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã”.

Tử Cống viết “Thi vân, như thiết như tha ! Như trác như ma, kỳ tư chi vị dư ? ”.

Tử viết “Tú dã ! Thi khả dã ngôn “Thi” dã hĩ, cáo chư vãng nhi tri lai giả”.

Tử Cống hỏi “Nghèo khổ mà không nịnh bợ, giàu có mà không kiêu ngạo, như vậy được chưa ?”. Không trả đáp “Như vậy là được, nhưng không bằng nghèo mà lạc quan, giàu mà chuộng học lễ nghĩa”.

Tử Cống hỏi “Kinh Thi viết: như cắt như gọt (xương, sừng), như mài như giũa (đá ngọc) để tạo ra vật quý, là nói điều này phải chăng ?”.

Không nói “Tú này, có thể bắt đầu bàn luận Kinh Thi được rồi, bởi vì nói cho người việc quá khứ, người đã hiểu việc tương lai”.

(Lời bàn: “Nghèo lạc quan” nghĩa là vẫn ước mơ, phần đầu làm giàu chứ không phải lạc quan chịu nghèo. “Như cắt như gọt, như mài như giũa” ý nói việc học hành rèn luyện phải kiên trì và khéo léo).

1.16

子曰: “不患人之不已知, 患不知人也”.

Tử viết: Bất hoạn nhân chi bất kỉ tri, hoạn bất tri nhân dã.

Không nói: Không sợ người không hiểu ta, chỉ sợ (ta) không hiểu người.

Hết thiên 1

1. 2. 为政 Vi chính

第二篇 thiêng 2

24 bài

2.1

子曰: 为政以德, 譬如北辰, 居其所而众星共之

Tử viết: Vi chính dĩ đức, thí như Bắc thàn, cư kỵ sở nhi chúng tinh cung chi

Không nói: Cầm quyền phải có đức, giống như sao Bắc đẩu ở nơi cố định cho các ngôi sao vây quanh.

2.2

子曰：诗三百，一言以蔽之，曰：“思无邪”

Tử viết: Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tết chi, viết: “Tư vô tà”.

Không tử nói: Kinh Thi có 300 bài, một câu tóm tắt là: không có suy nghĩ tà xấu ở trong.

2.3

子曰：道之以政，齐之以刑，民免而无耻，道之以德，齐之以礼，有耻且格。

Tử viết: Đạo chi dĩ chính, tết chi dĩ hình, dân miễn nhi vô si, đạo chi dĩ đức, tết chi dĩ lễ, hữu si thả cách.

Không tử nói: Lãnh đạo dân bằng pháp luật đều dùng hình phạt, dân có thể tránh được sai phạm nhưng mất lòng tự trọng. Lãnh đạo dân bằng đức độ và lễ khiến người ta biết xấu hổ mà tự cảm hóa.

2.4

子曰：吾十五而志於学，三十而立，四十而不惑，五十而知天命，六十而耳顺，七十而从心所欲不逾矩。

Tử viết:

Ngô thập ngũ nhi chí ư học,
tam thập nhi lập,
tứ thập nhi bất hoặc,
ngũ thập nhi tri thiên mệnh,
lục thập nhi nhĩ thuận,
thát thập nhi tòng tâm sở dục bất du cù..

Không tử nói:

Lúc mười lăm tuổi ta đã lo nỗ lực học tập.

Ba mươi tuổi đã xác định được chí hướng.

Bốn mươi tuổi đã hiểu được lý sự, không còn bị lầm lẫn.

Năm mươi tuổi đã hiểu được mệnh trời.

Sáu mươi tuổi nghe người khác nói đều thuận tai cá.

Bảy mươi tuổi có thể theo lòng mong muốn mà không vượt ra ngoài giới hạn.

(Lời bàn

15 tuổi mà chưa có chí học hành thì nên chọn con đường lao động chân tay thích hợp.

Chưa tới 30 tuổi mà chưa ổn định nghề nghiệp thì vẫn chưa đáng lo, đừng sốt ruột...

40 tuổi: hiểu rõ mọi sự, không nhầm lẫn nữa.

50 tuổi: nhìn rõ quãng đời còn lại, ung dung đi tới tương lai (tri thiên mệnh)

60 tuổi: hiểu và đồng tình với lời nói đúng, biết lời nói sai mà không bức bối.

70 tuổi: nhu cầu cá nhân được thực hiện, tự hài lòng mà không quá trớn, vẫn phù hợp khách quan.

Không tử phân chia cuộc đời của một người bình thường thành 6 giai đoạn, có tính chất tương đối... Nếu người có năng lực (lại gặp hoàn cảnh thuận lợi) thì 6 cột mốc sẽ đến sớm hơn. Trái lại, người yếu kém hoặc ít may mắn thì mỗi cột mốc đến muộn hơn.

2.5

孟懿子问孝，子曰：“无违”，樊迟御，子告之曰：“孟孙问孝於我，我对曰无违”

樊迟曰：“何谓也”。子曰：“生，事之以礼；死，葬之以礼，祭之以礼”

Mạnh Ý từ vân hiểu, Tử viết “Vô vi”,

Phàn Trì ngữ, Tử cáo chi viết: “Mạnh Tôn vân hiếu ư ngã, ngã đối viết vô vi. Phàn Trì viết: “Hà vị dã ?”. Tử viết “Sinh, sự chi dĩ lẽ; tử, táng chi dĩ lẽ, té chi dĩ lẽ.”

Mạnh Ý tử hỏi về đạo Hiếu. Khổng tử nói “Không được làm trái (lẽ)”.

Phàn Trì đánh xe cho Khổng tử, Khổng tử kể lại rằng Mạnh Ý tử có hỏi ta về đạo hiếu, ta trả lời là không được vi phạm lẽ. Phàn Trì hỏi lại “Như thế là ý gì ?”.

Khổng tử nói “Cha mẹ lúc còn sống, ta phải theo lẽ mà phụng sự. Cha mẹ chết, phải theo lẽ mà an táng, theo lẽ mà cúng tế”.

2.6

孟武伯问孝,子曰：父母唯其疾之忧.

Mạnh Vũ Bá vấn hiếu, Tử viết: “Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu”

Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo Hiếu.

Khổng tử đáp: Cha mẹ chỉ lo sợ con mắc bệnh tật mà thôi.

(Lời bàn: Con phải giữ gìn thân thể (do cha mẹ sinh ra) khỏe mạnh mới là có Hiếu. Trái lại, không biết giữ sức khỏe thân thể cũng là bất Hiếu).

2.7

子游问孝,子曰: 今之孝者,是谓能养。至於犬马,皆能有养,不敬,何以别乎 ?

Tử Du vấn hiếu, Tử viết: “Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng. Chí ư khuyên mã, giai năng hưu dưỡng, bất kính, hà dĩ biệt hò ?”.

Tử Du hỏi về đạo Hiếu.

Khổng tử đáp: Thông thường, những người có thể nuôi dưỡng được cha mẹ thì được gọi là có hiếu. Đến cả giống chó ngựa thì người ta vẫn nuôi được, nếu không kính trọng cha mẹ trong khi nuôi dưỡng, thì có khác chi nuôi chó ngựa ?!

2.8

子夏问孝,子曰：色难。有事,弟子服其劳；有酒食,先生馔 ,曾是以为孝乎 ?

Tử Hạ vấn hiếu, Tử viết: Sắc nan. Hữu sự, đệ tử phục kỳ lao; hữu tửu thực, tiên sinh soạn, tàng thị dĩ vi hiếu hò ?

Tử Hạ hỏi về đạo Hiếu. Khổng tử nói: Khó nhất là con cái có giữ được vẻ hòa vui thường xuyên lúc phụng dưỡng cha mẹ hay không. Khi có việc cực nhọc, con cái chủ động làm thay, có gì ngon mang cho cha mẹ ăn...Như thế chắc gì đã là có hiếu?

2.9

子曰: 吾与回言,终日不违,如愚。退而省其私,亦足以发,回也不愚

Tử viết: Ngô dĩ Hồi ngôn, chung nhât bất vi, như ngu. Thoái nhi tinh kỳ tư, diệc túc dĩ phát, Hồi dã bất ngu.

Khổng tử nói: Ta tham dự việc học của Nhan Hồi, suốt ngày nó không làm trái, như kẻ ngu đần. Nhưng khi ngẫm kỹ thấy Hồi phát huy thực hành đầy đủ, như thế Hồi không phải kẻ ngu.

(Chú thích: Nhan Hồi là học trò quý nhất của đức Khổng)

2.10

子曰:视其所以 , 观其所由 , 察其所安, 人焉瘦哉 ? 人焉瘦哉 ?

Tử viết: Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân yên sưu tai ? Nhân yên sưu tai ?

Khổng tử nói: Nhìn kỹ cách người làm, xét xem người làm vì cái gì, xem kỹ người làm có vui vẻ không, như thế người ta có gì mà giấu được ? Có gì mà giấu được ?

2.11

子曰 : 温故而知新,可以为师矣

Tử viết: “Ôn cõi nhi tri tân, khả dĩ vi sư hĩ ”

Khổng tử nói: Ôn tập cái cũ để hiểu cái mới, có thể làm thầy được rồi.

2.12

子曰 : 君子不器

Tử viết: Quân tử bất khí.

Khổng tử nói: Quân tử chẳng phải như công cụ

(Lời bàn: “công cụ” chỉ làm một việc. Khổng tử đòi hỏi quân tử phải làm được việc khác khi cần thiết)

2.13

子贡问君子。子曰 : 先行其言而后从之

Tử Công vẫn quân tử. Tử viết: Tiên hành kì ngôn nhi hậu tòng chi.

Tử Công hỏi về quân tử. Khổng tử đáp: Trước hết, thực hành lời mình nói, sau mới nói ra.

(Chú thích: Tử Công là học trò giỏi của Khổng tử).

2.14

子曰 : 君子周而不比, 小人比而不周

Tử viết: “Quân tử chu nhi bất tỉ, tiếu nhân tỉ nhi bất chu”.

Khổng tử nói: Quân tử đoàn kết rộng rãi mọi người chứ không kéo bè cánh. Tiếu nhân kéo bè kết cánh mà không đoàn kết.

2.15

子曰 : 学而不思则罔 , 思而不学则殆

Tử viết: Học nhi bất tư tắc vông, tư nhi bất học tắc đãi.

Khổng tử nói: Học mà không suy nghĩ sẽ trở nên rối rắm, chỉ suy nghĩ mà không học sẽ rất mệt.

2.16

子曰 : 攻乎异端, 斯害也已

Tử viết: Công hò dị đoan, tư hại dã dĩ.

Khổng tử nói: Phá bỏ mê tín dị đoan, cái hại sẽ tiêu tan.

2.17

子曰: 由,诲女,知之乎 ? 知之为知之,不知为不知,是知也

Tử viết: Do, hối nhữ, tri chi hò ? Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.

Khổng tử nói: Này trò Do, ta dạy ngươi, có hiểu bài không ? Biết thì nói là biết, không biết thì nói không biết. Đó là biết vậy.

2.18

子张学干禄,

子曰：多闻阙疑,慎言其余,则寡尤；多见阙殆,慎行其余,则寡悔。言寡尤,行寡悔,禄在其中矣

Tử Trương học can lộc, Tử viết: “Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư, tắc quả vưu; Đa kiến khuyết đãi, thận hành kỳ dư, tắc quả hối. Ngôn quả vưu, hành quả hối, lộc tại kỳ trung hĩ”.

Tử Trương hỏi cách học cầu bổng lộc, Khổng tử nói: Cần nghe nhiều, điều nghi ngờ giữ lại, điều gì hiểu rõ thì nói ra, như thế ít sai lầm. Phải quan sát nhiều, giữ lại điều nghi ngờ đừng làm, chỉ làm cái điều chắc chắn, như vậy ít hối hận. Nói năng ít sai, làm ít hối hận thì bổng lộc nằm trong áy rồi.

2.19

哀公问曰:“何为则民服?”. 孔子对曰:举直错诸枉,则 民服;举枉错诸直,则民不服。

Lỗ Ai Công ván viết: “Hà vi tắc dân phục?”. Khổng tử đối viết: “Cử trực thô chư uông, tắc dân phục; Cử uông thô chư trực, tắc dân bất phục.”.

Lỗ Ai Công (vua nước Lỗ, quê Khổng tử) hỏi: Làm sao cho dân phục ?

Khổng tử đáp: Bổ nhiệm người ngay thẳng trên kẻ ác, át dân phục. Xếp kẻ ác trên người ngay thẳng thì dân không phục.

2.20

季康子问：使民敬、忠以劝，如之何？.

子曰：临之以庄,则敬；孝慈,则忠；举善而教不能,则劝

Quí Khang tử vấn: “Sử dân kính, trung dĩ khuyến, như chi hà ?”.

Khổng tử viết: “Lâm chi dĩ trang, tắc kính; Hiếu từ, tắc trung; Cử thiện nhi giáo bất năng, tắc khuyến”.

Quí Khang tử hỏi: Làm thế nào cho dân kính trọng, trung thành với ta và tự khuyên bảo nhau ? Khổng tử đáp: Đối xử mọi việc trang trọng, dân sẽ kính trọng; Hiếu thảo với cha mẹ, hiền từ với mọi người thì dân sẽ trung thành. Sử dụng người tốt và giáo dục người kém, dân chúng sẽ tự khuyên bảo nhau.

(Chú thích: Quí Khang tử là đại thần nước Lỗ)

2.21

或谓孔子曰:“子奚不为政 ?”, 子曰:“书”云:‘孝乎惟 孝,

友於兄弟’施於有政, 是亦为政 , 奚其为为政 ?”

Hoặc vi Khổng tử viết: Tử hè bất vi chính ?

Tử viết: Thư vân “Hiếu hò duy hiếu, hữu ư huynh đệ. Thi ư hữu chính, thị diệc vi chính, hè kỳ vi vi chính ?”

Có người hỏi Khổng tử: Sao Thầy không ra làm chính trị ?

Khổng tử đáp: Kinh Thượng Thư viết rằng “Ta chỉ thực hiện đạo hiếu, sống với anh em. Phổ biến đạo ra khắp chính trường, cũng là làm chính trị rồi, cứ gì phải ra làm chính trị ?”.

(Lời bàn: Không tử tin rằng mình khuyên dạy các nhà chính trị, như vậy cũng là làm chính trị)

2.22

子曰: 人而无信,不知其可也。大车无輗,小车无軺,其何以行之哉 ?

Tử viết: “Nhân nhi vô tín, bát tri kỳ hà dã. Đại xa vô nghê, tiểu xa vô nghê, kỳ hà dĩ hành chi tai”.

Không tử nói: Người không có chữ tín, chẳng biết sẽ làm được việc gì. Cỗ xe lớn không có chốt (hãm), cỗ xe nhỏ cũng không có chốt thì làm sao chạy được ?!

2.23

子张问:“十世可知也 ?”子曰 : 殷因於夏礼,所损益可知也 ; 周因於殷礼,所损益可知也。其或继周者,虽百世,可知也”.

Tử Trương vấn: “Thập thế khả tri dã ?”.

Tử viết: “Ân nhân ư Hạ lễ, sở tồn ích khả tri dã; Chunhân ư Ân lễ, sở tồn ích khả tri dã. Kỳ hoặc kế Chugiả, tuy bách thế, khả tri dã”.

Tử Trương hỏi: Có thể biết được (về lễ) 10 đời sau không ?

Không tử đáp: Nhà Ân dựa theo lễ nhà Hạ, bớt hay thêm có thể hiểu được. Nhà Chu theo lễ nhà Ân, thêm bớt có thể hiểu được. Tương lai nhà Chu hoặc trăm đời sau cũng có thể đoán được.

2.24

子曰 : 非其鬼而祭之 ; 谄也。见义不为,无勇也.

Tử viết: “Phi kỳ quý nhi té chi, siém dã. Kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã”.

Không tử nói:

Không phải tổ tiên của mình mà lại cúng tế, đó là siém nịnh.

Thấy việc chính nghĩa mà không làm, chẳng phải kẻ dũng.

Lời bàn:

Câu “Không phải tổ tiên...” e khó tính quá, thầy Không có chấp chăng?

Người dịch từng nghe một câu ca trên sân khấu cải lương như sau:

Kiến ngai bất vi vô dũng dã

Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng

(thấy người mạc nguy hiểm không cứu thì chẳng phải anh hùng)

Hết thiêng 2

1. 八佾 Bát dật

第三篇 thiêng 3

26 bài

3.1

孔子谓季氏: 八佾舞於庭,是可忍也,孰不可忍也 !

Không tử vị Quí Thị: Bát Dật vũ ư đình, thị khả nhẫn, thực bất khả nhẫn dã!

Không tử nói về Quý Thị: Múa điệu Bát Dật ở sân đình, sự ấy chấp nhận được thì việc gì chẳng dám làm !

(Chú thích: Theo qui định lễ nhạc nhà Chu, hoàng đế được dùng 8 đội bát dật, mỗi đội 8 người (8 x 8 = 64 vũ công), vua chư hầu được dùng 6 đội, quan đại phu dùng 4 đội, quan sĩ dùng 2 đội. Họ Quý là đại phu mà dám dùng 8 đội, vậy là khi quân phạm thượng.

Không tử sống vào thời Xuân thu, thời này có hai bậc vua. Thiên tử (hoàng đế nhà Chu) là vua lớn nhất bao trùm Trung Hoa, mỗi nước chư hầu có một vua (**hầu**), dưới vua chư hầu là quan đại phu, dưới quan đại phu là quan sĩ, dưới nữa là gia thần. Kinh Lễ của nhà Chu qui định mọi thứ quyên lợi, nghi thức kể cả trang phục, lối giải trí văn nghệ... gắn liền với cấp bậc. Không tử cho rằng nếu vi phạm một lễ, dù nhỏ (như nhảy múa) thì sau có thể vi phạm lớn hơn, thậm chí làm phản. Ngài phê phán Quý Thị lúc này mới giữ chức đại phu nước Lỗ mà dám cho nhảy múa theo nghi thức thiên tử nhà Chu !... Thực tế giai đoạn này (Đông Chu từ 778 đến 256 trCN) đã nảy sinh một bậc vua thứ 2 chen vào giữa **đế** và **hầu**, gọi là **vương** (hoặc **bá**). **Bá vương** chỉ muốn chinh phục các chư **hầu** mà ngoi lên ngôi **đế**... Do **vương** chưa được danh chính ngôn thuận nên chưa có lễ qui định. Không tử chỉ thừa nhận có hai bậc là **đế** và **hầu**. Nhiều thời phong kiến về sau, các vua chúa chính thức đặt ra tước **vương** để làm yên lòng công thần và hoàng tộc nhưng không phong đát.)

3.2

三家者以《雍》彻。子曰:‘相维辟公,天子穆穆’,奚取於三家之堂 ?

Tam gia giả dĩ “Ung” triệt. Tứu viết: “Tướng duy tịch công, thiên tử mục mục, hè thủ ư tam gia chi đườòng ?”

Ba đại gia tấu bài nhạc “Ung” nghe sau khi cúng lễ. Không tử nói: “Trợ té là vua chư hầu hoặc thiên tử chủ tế uy nghiêm sâu xa, bây giờ ba nhà làm thế là có ý gì ?”

(Chú thích: Ba vị đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn lén dùng lễ chế thiên tử, té tự xong còn ca tụng nhạc “Ung”. Không tử cảnh báo ba người ấy dám chơi bản nhạc “Ung” tức là phạm thượng, có mầm mống phản nghịch)

3.3

子曰：人而不仁，如礼何？人而不仁，如乐何？

Tứu viết: “Nhân nhi bất nhân, như lễ hè ? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hè ?”

Không tử nói: Một người bất nhân, coi chừ lễ có ra gì ? Một người không có lòng nhân sao có thể tấu nhạc ?

(Lời bàn: **nhân** là cốt lõi chi phối tất cả, **lễ** và **nhạc** là hình thức bên ngoài, thiếu “nhân” thì “lễ và nhạc” chỉ là phô trương giả dối, sẽ không có tác dụng gì tốt. Như vậy **lễ-nhạc-nhân** là một thể hữu cơ thống nhất.

Quan điểm mỹ học của Không tử bền vững muôn đời và rất hiện đại. Ngày nay chúng ta nghĩ đến phần lớn âm nhạc trẻ dẽ dại đầu thế kỷ 21, game onlines. v.v...thật nhố nhăng, chỉ là giải trí giết thời gian. Lại nghĩ đến mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, nếu hình thức nhố nhăng (nhạc, game) có thể gây tác động xấu, dần dần tác hại vào bản chất của “nhân”)

3.4

林放问礼之本。子曰：大哉问！礼，与其奢也，宁俭；丧，与其易也，宁戚

Lâm Phóng vấn lễ chi bản. Tứu viết: “Đại tai vấn ! Lễ, dự kỳ xa, ninh kiệm; Tang, dự kỳ dị dã, ninh thích.”

Lâm Phóng (người nước Lỗ) hỏi về bản chất của lễ. **Khổng tử nói:** **Vấn đề này rất quan trọng !** Lễ nói chung mà đi kèm với xa hoa, không bằng tiết kiệm. Đám tang mà cầu kỳ phô trương, chẳng bằng đau buồn trong lòng.

3.5

子曰：夷狄之有君，不如诸夏之亡也

Tử viết: *Di* *Địch* chi *hữu* *quân*, *bất* *núi* *chư* *Hạ* *chi* *vong* *dã*.

Khổng tử nói: **“Các dân tộc mọi rợ còn có vua, chẳng như các dân tộc Hoa Hạ cứ như thế không có vua vậy”.**

(Chú thích: thời Chu loạn lạc, vua chư hầu lán át quyền thiên tử, đại phu lấn lướt vua chư hầu, chẳng có kỷ cương nữa... Khổng tử buồn bã mà than thở. Khổng tử sao nỡ gọi tất cả các dân tộc láng giềng là “mọi rợ”. Thôi, chúng ta hãy tha thứ cho ông (chữ **thú** của Khổng tử) bị hạn chế bởi thời đại. Hồi ấy ông chưa từng biết nước Văn Lang của vua Hùng đâu nhỉ).

3.6

季氏旅於泰山,子謂冉有曰:“女弗能救与 ?”对曰:“不能”.子曰:“呜呼 ! 曾谓泰山不如林放乎 ?”

Quí Thị lữ ư Thái Sơn, Tử vi Nghiêm Hữu viết: “Nhữ phất nǎng cíu dự? Đói viết “Bất nǎng”. Tử viết: “Ô hô ! Tằng vị Thái Sơn bất như Lâm Phóng hò ?”.

Quí Thị đi lễ núi Thái Sơn, Khổng tử nói với Nghiêm Hữu rằng: **“Ngươi không can thiệp việc đó ư?”**. **Nghiêm Hữu đáp:** **“Không thể được!”**. **Khổng tử nói:** **“Than ôi, đã như thần núi Thái Sơn lại không bằng Lâm Phóng ư?”**.

(Chú thích: Núi Thái Sơn ở nước Lỗ (tỉnh Sơn Đông ngày nay) rất linh thiêng, thiên tử ủy nhiệm vua Lỗ đi cúng tế, vậy mà Quí Thị đại phu nước Lỗ dám vượt lễ đi cúng. Khổng tử trách thần núi Thái Sơn vẫn nhận lễ của Quí Thị tức là không bằng Lâm Phóng một người dân Lỗ hiểu biết lễ (xem lại câu 3.4 ở trên).

3.7

子曰：君子无所争，必也射乎！揖让而升，下而饮，其争也君子。

Tử viết: “Quân tử vô sở tranh, tất dã xạ hò ! Áp nhượng nhi thăng, hạ nhi ảm, kỳ tranh dã quân tử”. **Khổng tử nói:** **“Quân tử không cần tranh đua, có thể tranh đua khi bắn cung thôi. Vái chào khi bước lên bắn, xong ngồi uống rượu nâng chén mừng nhau – đó mới chính là lối tranh đua của quân tử”.**

(Lời bàn: Tranh đua cũng như thi bắn cung, cần trổ tài hết sức, nhưng vẫn phải giữ lễ với nhau. Bắn cung là môn thi không đối kháng, còn dễ thực hiện. Như môn thi đối kháng thì quả là khó giữ chữ Lễ, vậy cần phải có luật chơi và trọng tài rắn)

3.8

子夏问曰:‘巧笑倩兮,美目盼兮,素以为绚兮’。何谓也 ?

子曰:“绘事后素”

子夏曰:“礼后乎 ?”.

子曰:“起予者商也，始可与言诗已矣”

Tử Hạ vấn viết: “Xảo tiêu thiên hè, mỹ mục phán hè. Tố dĩ vi huyền hè. Hà vi dã ?”.

Tử viết: “Hội sự hậu tố”.

Tử Hẹ viết: “Lễ hậu hò?”.

Tử viết “Khởi dư giả thương dã, thi khả dữ ngôn thi dĩ hĩ”.

Tử Hẹ hỏi: “Cười khéo đẹp làm sao, đôi mắt thật có duyên. Nền tráng vẽ bức tranh rực rỡ”.

Kinh Thi nói thế nghĩa là gì ?

Không tử đáp: Phải có nền tráng đẹp trước, sau mới vẽ tranh.

Tử Hẹ tiếp: Vậy lễ nhạc cũng đến sau “nhân”ư ?

Không tử nói: Như thế là trò hiểu biết đây, người có thể cùng ta thảo luận Kinh Thi được rồi.

(Lời bàn: Nhân đức và lễ là nền tảng của nghệ thuật, kẻ bất nhân không thể làm nghệ sĩ tử tế được)

3.9

子曰：夏礼吾能言之,杞不足徵也；殷礼吾能言之,宋不足徵也。文献不足故也。足,则吾能徵之矣。

Tử viết: Hẹ lễ ngô năng ngôn chi, Ký bất túc trung dã; Ân lễ ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trung dã, Văn hiến bất túc có dã. Túc, tắc ngô năng trung chi hĩ.

Không tử nói: Lễ nghĩa đòi Hẹ ta có thể nói ra được, nhưng nước Kỉ (cũng dòng dõi nhà Hẹ) do thiếu sách vở nên ta không khảo chứng thực tình được. Lễ triều Ân ta cũng có thể nói ra được, nhưng nước Tống do thiếu tài liệu nên ta không khảo chứng tỏ tường được. Tất cả đều do thư tịch sách vở không đủ. Nếu có đủ, át ta đã có thể khảo cứu tường tận hết rồi.

(Lời bàn: Lễ nghĩa cũng cần ghi thành văn bản qui định. “Nói có sách, mách có chứng”)

3.10

子曰：禘自既灌而往者,吾不欲观之矣。

Tử viết: Đế tự ký quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hĩ.

Không tử nói: Lễ tế đế ư, ta xem xong đợt chúc rượu thứ nhất thì đã không muốn xem rồi.

(Chú thích: Không tử xem lễ tế Đế của vua chư hầu nước Lỗ, thấy họ lạm quyền thiêng tử nên phê phán)

3.11

或问禘之说,子曰：不知也。知其说者之於天下也,其如示诸斯乎! 指其掌。

Hoặc vấn Đế chi thuyết, Tử viết: Bất tri dã. Tri kỷ thuyết giả chi ư thiêng hạ dã, kỷ như kì chư tư hò ! Chỉ kỷ chưởng.

Có người hỏi về chuyện tế Đế (hoàng đế cúng tế tổ tiên và trời), Không tử đáp: “Ta không biết. Người biết việc ấy thì cai trị thiêng hạ cũng dễ như đưa vật vào chỗ này”, Không tử chỉ vào bàn tay.

3.12

祭如在, 祭神如神在。子曰：吾不与祭, 如不祭。

Tế như tại, tế thần như thần tại. Tử viết: Ngô bất dự tế, như bất tế.

Tế lễ cha mẹ phải coi như người đó ở trước mặt mình, tế lễ chư thần cũng coi như thần linh ở trước mặt mình. Không tử nói: Nếu ta không tham dự lễ tế (có người thay mặt ta tế lễ đi nữa) thì cũng như không tế lễ mà thôi.

3.13

王孙贾问曰:“与其媚於奥,宁媚於灶”,何谓也 ?.

子曰：“不然。获罪於天，无所祷也”.

Vương Tôn Giả ván viết: “Dự kỳ mị ư Áo, ninh mị ư Táo, hà vị dã?”.

Tử viết: “Bất nhiên. Hoạch tội ư thiêng, vô sở đảo dã.”

Vương Tôn Giả hỏi: “Nịnh thần Áo, chẳng bằng nịnh thần Táo” nghĩa là sao ?

Không tử đáp: Không đúng. Định tội do Trời, còn nơi nào để cầu xin!

(Chú thích: Thần Áo thờ ở nhà trên, thần Táo thờ ở dưới bếp. Thần Táo lo việc ăn no mặc ấm nên người dân nghèo coi trọng hơn thần Áo... Không tử bảo không nên phân biệt đối xử các thần, Trời cao sẽ phán xét tất cả).

3.14

子曰：周监於二代，郁郁乎文哉，吾从周.

Tử viết: Chu giám ư nhị đại, úc úc hồ văn tai, ngô tòng Chu.

Không tử nói: Lê nhà Chu theo hai triều đại (Hà, Ân), phong phú rực rỡ thay, ta theo nhà Chu.

3.15

子入太庙,每事问。或曰:“孰谓鄹人之子知礼乎？入太庙,每事问”. 子闻之,曰:“是礼也”.

Tử nhập thái miếu, mỗi sự ván. Hoặc viết: “Thục vị Trâu nhân chi Tử tri lễ hồ? Nhập thái miếu, mỗi sự ván”. Tử văn chi, viết: “Thị lễ dã”.

Không tử đi vào thái miếu (nước Lỗ), gặp mỗi việc đều hỏi kỹ. Có người nói: “Ai bảo con trai

áp Trâu (chỉ Không tử) biết lễ ? Anh ta đến thái miếu mà cái gì cũng không biết, phải hỏi”.

Không tử nói: “Thế là biết lễ vậy”.

3.16

子曰：射不主皮，为力不同科，古之道也 .

Tử viết: “Xạ bất chủ bì, vị lực bất đồng khoa. Cỗ chi đạo dã”.

Không tử nói: Thi bắn cung không nhất thiết phải xuyên qua tấm da (làm bia), vì sức lực không giống nhau. Đó là qui tắc bắn cung thời cổ.

(Lời bàn: Bắn cung miễn là toàn tâm toàn ý bắn vào đích, xuyên qua hay không là tùy theo sức người).

3.17

子贡欲去告朔之饩羊。子曰：赐也！尔爱其羊，我爱其礼.

Tử Cống dục khứ cáo sóc chi hí dương. Tử viết: “Tú dã ! Nhĩ ái kỳ dương, ngã ái kỳ lễ”.

Tử Cống làm lễ sóc muốn bỏ tục lệ cúng dê. Không tử nói “anh Tú này ! Người yêu dê của người, ta tiếc lễ của ta”.

(Chú thích: Lễ Sóc là ngày mồng một đầu tháng, theo Lỗ lễ qui định cúng một con dê. Vua Lỗ bỏ không cúng dê nhưng vẫn bắt dân nộp dê. Tử Cống bèn đòi bỏ luôn tục cúng dê. Không tử bất đồng, kiên trì giữ lễ, nên nói rằng cúng con dê là nhắc ta giữ lễ).

3.18

子曰：事君尽礼,人以为谄也.

Tử viết: Sự quân tận lễ, nhân dĩ vi siêm dã.

Không tử nói: Phụng sự vua cho đúng lẽ, vậy mà có người bảo ta siêm nịnh.

3.19

定公问:“君使臣,臣事君, 如之何 ?”孔子对曰 : 君使臣以礼 , 臣事君以忠.

Đinh Công vấn: “Quân sự thần, thần sự quân, như chi hè? Khổng tử đối viết: Quân sự thần dĩ lẽ, thần sự quân dĩ trung.

Vua Lỗ Đinh Công hỏi: Vua sai khiến bè tôi, bè tôi phụng sự vua, phải như thế nào là tốt ?
Không tử thura: Vua sử dụng bè tôi theo lẽ, bè tôi thờ vua phải trung thành.

3.20

子曰 : 《关雎》, 乐而不淫 , 哀而不伤 .

Tử viết: “Quan thư”, lạc nhi bất dâm, ai nhi bất thương.

Không tử nói: Bài “Quan thư” vui mà không quá đà, buồn mà không bi thương.

(Chú thích: Bài Quan thư mở đầu tập Kinh Thi, có chương “Yêu điệu thực nữ. Quân tử hảo cầu. Cầu chi bất đắc, Triển chuyến phản tắc”: dịch nghĩa “Cô gái xinh tuổi kia, Có chàng tài giỏi muốn gặp cô, không gặp được, năm canh trán trọc trỏ mình”. Bài thơ vui vẻ mức độ vừa phải. Quân tử mong nhớ buồn bâng khuâng, chưa đến nỗi sầu muộn quá mức. Khổng tử khen là vui và buồn hài hòa, không quá độ).

3.21

哀公问社於宰我,宰我对曰:“夏后氏以松,

殷人以柏,周人以栗,曰 : 使民战栗”. 子闻之 , 曰:“成事不说 , 遂事不谏,既往不咎”

Ai Công vấn xă ư Tề Ngă, Tề Ngă đối viết: Hạ hậu thị dĩ tùng, Ân nhân dĩ bách, Chunhân dĩ lật, viết: Sử dân chiến lật”. Tử văn chi, viết: “Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cữu”.

Lỗ Ai Công hỏi Tề Ngă về việc lập đàn xă, Tề Ngă trả lời: Đời Hạ dùng cây tùng, đời Ân dùng cây bách, đời Chu dùng cây lật là có ý khiến cho dân nhìn thấy cây lật mà sợ hãi”.

Không tử nghe biết, trách Tề Ngă rằng “Việc đã thành, không nên nói lại. Việc nhất định xảy ra, không nên can ngăn. Việc đã qua, không nên trách”.

(Chú thích: Xă là nơi thờ thần đất, triều đại nào thích cây gì trồng cây đó hoặc tùy theo chất đất. Cái tên cây không có ý nghĩa gì. Tề Ngă thuyết minh về 3 loại cây là có ý xui vua dựng đàn xă sao cho dân sợ. Không tử không hài lòng, có ý trách Tề Ngă.

Xă (社) là thần Đát và tăc (稷) là thần Lúa. Nhà vua mỗi năm có nhiệm vụ thay mặt dân chúng tế lễ ở bàn thờ xă tăc. Nếu là một “giang sơn” thì át phải có “xă tăc” vậy).

3.22

子曰:“管仲之器小哉 ! ”. 或曰:“管仲俭乎 ? ”, 曰:“管氏有三归 , 官事不摄,焉得俭 ? ”.

“然则管仲知礼乎 ? ”, 曰:“邦君树塞门 , 管氏亦树塞门 ; 邦君为两君之好有反坫 , 管氏亦有反坫。管氏而知礼,孰不知礼 ? ”

Tử viết: Quản Trọng chi khí tiêu tai ! Hoặc viết: Quản Trọng kiêm hồ ?
Viết: Quản thị hữu tam quy, quan sự bất nghiệp, yên đắc kiêm ?

Nhiên tắc Quản Trọng tri lễ hò ?

Viết: Bang quân thụ tắc môn, Quản thị diệc thụ tắc môn; Bang quân vi lưỡng quân chi hảo hữu phản điểm, Quản thị diệc hữu phản điểm. Quản thị nhi tri lễ, thực bất tri lễ ?

Khổng tử nói: Quản Trọng bụng dạ hẹp hòi.

Có người hỏi: Hay là Quản Trọng tiết kiệm ?

Khổng tử nói: Quản Trọng qui ra ba lối, thu nhiều thuế má của dân thị thành, trong nhà nuôi nhiều đầy tớ, mỗi người chỉ làm một việc không kiêm nhiệm, thế sao gọi là tiết kiệm ?
Người kia hỏi tiếp: Quản Trọng có biết lễ không ? Khổng tử đáp: **Vua chư hầu dựng bình phong trước nhà, Quản Trọng cũng dựng bình phong trước nhà. Vua chư hầu mở tiệc tiếp vua khác được dùng giá úp chén, Quản Trọng đai khách cũng dùng giá úp chén. Ôi Quản Trọng mà biết lễ, thì còn ai không biết lễ !**

3.23

子语鲁大师乐,曰: 乐其可知也 : 始作,翕如也 ; 从之,纯如也 , 瞰如也,绎如也,以成

Tử ngữ Lỗ đại sư nhạc, viết: Nhạc kỳ khái tri dã: thi tác, hợp như dã; Tòng chi, đòn như dã, kiều như dã, dĩ thành”.

Khổng tử nói với quan nhạc nước Lỗ: Ta cũng có biết về nhạc: khởi đầu phải tương hợp, (nhạc khớp lời ca), tiếp tục khai triển quán quát hài hòa, rõ ràng trong sáng, liên tục, như thế là thành công.

3.24

仪封人请见,曰:“君子之至於斯也，吾未尝不得见也”.

从者见之。出曰：“二三子何患於丧乎？天下之无道也久矣，天将以夫子为木铎”.

Nghi phong nhân thỉnh kiến, viết: “Quân tử chí ư tư dã, ngô vị thường bất đắc kiến dã”. Tòng giả kiến chi. Xuất viết: “Nhi tam tử hà hoạn ư tang hồ ? Thiên hạ chi vô đạo dã cừu hĩ, thiên tượng dĩ phu tử vi mộc đặc”.

Quan trấn thủ ấp Nghi xin gặp (Khổng tử), nói: “Quân tử các nơi đến đây, chưa có ai tôi chưa được tiếp kiến”. Học trò dẫn vào gặp Khổng tử. Khi trở ra, vị quan đó nói với học trò của thầy Khổng: “Các vị đừng lo buồn việc Khổng tử mất chức. Thiên hạ vô đạo đã lâu, trời sai Khổng tử làm cái mõ cây (gõ mõ cảnh báo người đời).

(Chú thích: Khổng tử từ bỏ chức tướng quốc nước Lỗ, đi chu du sang nước Vệ, ở đây gặp quan ấp tên Nghi. Ông Nghi sùng bái, đánh giá cao vai trò thầy Khổng còn hơn mọi chức quan)

3.25

子谓韶:“尽美矣,又尽善也”； 谓武:“尽美矣,未尽善也”

Tử vị Thiều: “Tận mỹ hĩ, hựu tận thiện dã;” vị Vũ: “Tận mỹ hĩ, vị tận thiện dã”.

Khổng tử nói về bản nhạc Thiều: “Đẹp tuyệt vời, nội dung lại hay, tốt”, và nhận xét về bản nhạc Vũ: “Rất hay, nhưng nội dung kém hơn một chút”.

(Chú thích: Thiều là khúc nhạc thời vua Thuấn, Vũ là khúc nhạc thời Chu Vũ Vương)

3.26

子曰：居上不宽，为礼不敬，临丧不哀，吾何以观之哉？

Tử viết: Cư thượng bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ai, ngô hà dĩ quan chi tai?”.

Không tử nói: Cấp trên thiêu khoan dung kẻ dưới, hành lễ thiêu kính cẩn, gặp việc tang không đau buồn, làm sao ta có thể chịu họ được ?

Hết thiên 3

1. 4. 里仁 Lý nhân

第四篇 thiên 4

26 bài

4.1

子曰：里仁为美，择不处仁，焉得知？

Tử viết: “Lý nhân vi mĩ, trạch bất xứ nhân, yên đắc tri ?”

Không tử viết: Ở nơi có nhân đức là tốt đẹp, sống nơi thiêu nhân đức sao gọi là hiểu biết ?

4.2

子曰：不仁者不可以久处约，不可以长处乐。仁者安仁，知者利仁

Tử viết: Bất nhân giả bất khả dĩ cữu xứ chung, bất khả dĩ trường xứ lạc. Nhân giả an nhân, tri giả lợi nhân.

Không tử nói: Kẻ bất nhân không ở lâu cảnh cùng khôn được, cũng không thể ở lâu nơi sung sướng được. Người có nhân yên tâm sống làm điều nhân, người hiểu biết làm lợi cho đức nhân.

4.3

子曰：唯仁者能好人，能恶人

Tử viết: Duy nhân giả năng hiểu nhân, năng ô nhân.

Không tử nói: Chỉ có người nhân đức mới biết yêu và ghét rõ ràng.

4.4

子曰：苟志於仁矣，无恶也

Tử viết: Cầu chí ư nhân hĩ, vô ô dã.

Không tử viết: Nếu quyết chí thực hành đức nhân thì không làm điều ác.

4.5

子曰：

富与贵,是人之所欲也.不以其道得之,不处也；贫与贱,是人之所恶也,不以其道得之,不去也。

君子去仁,恶乎成名？君子无终食之间违仁,造次必於是,颠沛必於是.

Tử viết: Phú dĩ quý, thị nhân chi sở dục dã. Bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xú dã; Bần dĩ tiện, thị nhân chi sở ô dã; bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ dã. Quân tử khứ nhân, ô hò thành danh ? Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân, tạo thứ tất ư thị, điên phái tất ư thị.

Không tử viết: Giàu và sang thì ai cũng thích. Không dùng đạo nhân mà đạt được thì không nên chọn làm. Nghèo và thấp hèn, chẳng ai thích. Không dùng đạo nhân để thoát nghèo hèn

thì không làm. Người quân tử mà bỏ mất điều nhân, sao có thể gọi là quân tử ? Quân tử không làm trái điều nhân dù chỉ trong khoảng cách một bữa ăn (*), dù vội vã cấp thiết cũng không như vậy, dù phải khốn cùng phiêu dạt cũng không xa rời đạo nhân.

(Lời bàn: * “Trong khoảng cách một bữa ăn”: tức là trong nửa ngày quân tử cũng không quên làm điều nhân đức).

4.6

子曰:

我未见好仁者, 恶不仁者。好仁者, 无以尚之 ; 恶不仁者, 其为仁矣, 不使不仁者加乎其身。有能一日用其力於仁矣乎 ? 我未见力不足者。盖有之矣, 我未之见也

Tử viết: Ngã vị kiến hảo nhân giả, ó bất nhân giả. Hiếu nhân giả vô dĩ thượng chi; Ô bất nhân giả, kỳ vi nhân hĩ, bất sử bất nhân giả gia hồ kỳ thân. Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hĩ hồ ? Ngã vị kiến lực bất túc giả. Cái hữu chi hĩ, ngã vị chi kiến dã.

Không tử nói: Ta chưa thấy người nào thích điều nhân và ghét kẻ bất nhân. Người có nhân không đặt cái gì trên chữ nhân. Người ghét điều ác, thực tế biết làm điều nhân, không chịu thân thích với kẻ bất nhân. Có ai dốc sức làm điều nhân suốt ngày chưa ? Ta chưa thấy người đạt điều nhân mà không phải dốc sức rèn luyện. Có người không cần dốc sức cũng làm được điều nhân, nhưng ta chưa thấy bao giờ.

4.7

子曰 : 人之过也, 各於其党。观过 , 斯知仁矣

Tử viết: Nhân chi quá dã, các ư kỳ đảng. Quan quá, tư tri nhân hĩ.

Không tử nói: Người mắc sai lầm, còn tùy theo loại người nào. Nhìn sai lầm của họ, ta biết có phải người đức nhân không.

(Lời bàn: Có nhiều kiểu sai lầm, quân tử cũng có thể mắc sai lầm nhưng vẫn khác với sai lầm của kẻ tiêu nhân).

4.8

子曰 : 朝闻道 , 夕死可矣

Tử viết: Triệu văn đạo, tịch tử khả hĩ.

Không tử nói: Buổi sáng nghe được đạo, chiều tối chết cũng cam lòng.

4.9

子曰 : 士志於道, 而耻恶衣恶食者, 未足与议也。

Tử viết: Sĩ chí ư đạo nhỉ si ó y ó thực giả, vị túc dũ nghị dã.

Không tử nói: Kẻ sĩ lập chí vì đạo nhân mà cảm thấy xấu hổ vì ăn đói mặc rách, chưa thể cùng bàn luận (về đạo nhân) được.

4.10

子曰 : 君子之於天下也, 无适也, 无莫也, 义之与比

Tử viết: Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô đích dã, vô mạc dã, nghĩa chi dự bi.

Không tử nói: Quân tử sống trong thiên hạ, không kẽ to nhỏ, sang hèn, đều phải ngâm xem có hợp đạo nghĩa không.

4.11

子曰：君子怀德，小人怀土；君子怀刑，小人怀惠

Tử viết: quân tử hoài đức, tiều nhân hoài thổ; Quân tử hoài hình, tiều nhân hoài huệ

**Không tử nói: Quân tử nghĩ đến đạo đức, tiều nhân nghĩ đến đất đai.
Quân tử coi trọng hình thức phép tắc, tiều nhân chỉ mong ân huệ.**

4.12

子曰：放於利而行，多怨

Tử viết: Phóng ư lợi nhi hành, đa oán

Không tử viết:

Kẻ chỉ biết tính đến lợi ích của mình, sẽ chuốc lấy nhiều oán hận.

4.13

子曰：能以礼让为国乎，何有？不能以礼让为国，如礼何？

Tử viết: Năng dĩ lễ nhượng vi quốc hồ, hà hưu ?

Bất năng dĩ lễ nhượng vi quốc, như lễ hà ?

Không tử nói: Dùng lễ nhượng để trị quốc, được không ?

Nếu không dùng lễ nhượng để trị quốc được thì lễ còn có tác dụng gì nữa.

(Chú thích: “lễ nhượng trị quốc” là lanh đạo mềm dẻo, nhường nhịn lẫn nhau. Chắc hẳn điều này lạc hậu so với thời đại “pháp quyền”. Hình như chế độ “pháp quyền xã hội chủ nghĩa” ưa dùng “lễ nhượng” kiểu Không tử)

4.14

子曰：不患无位，患所以立；不患莫已知，求为可知也。

Tử viết: Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập; Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã.

Không tử nói: Chẳng lo buồn vì không có địa vị, chỉ lo không có đức tài xứng với địa vị ấy.

Không cần lo người khác không hiểu mình, nên lo làm sao có năng lực khiến cho người khác biết mình.

4.15

子曰：参乎，吾道一以贯之。

曾子曰：“唯”。

子出，门人问曰：“何谓也？”。

曾子曰：夫子之道，忠恕而已矣

Tử viết: Sâm hồ, ngô đạo nhát dĩ quán chi.”.

Tăng tử viết: “Duy”.

Tử xuất, môn nhân vấn viết: “Hà vị dã ?”.

Tăng tử viết: “Phu tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ”.

Không tử nói: Trò Sâm à, đạo của ta nhát quán một điểm thôi.

Tăng tử: Đúng ạ.

Không tử đi ra, một người khác hỏi: “Thầy nói như vậy có ý gì?”.

Tăng tử nói: Đạo của thầy chỉ có một chữ “trung thứ” thôi.

[Chú thích: Tăng tử là Tăng Sâm.

Trung nghĩa là trung thành, tận tâm theo đạo nhân. Mình làm được rồi thì muôn người khác cũng làm được (*kỷ dục đạt nhi đạt nhân*).

Thứ là: Cái gì mình không muôn thì cũng đừng làm cho người khác (*kỷ sở bất dục, vật thi u nhân*)
]

4.16

子曰：君子喻於义,小人喻於利

Tử viết: Quân tử dụ ư nghĩa, tiểu nhân dụ ư lợi.

Không tử nói: Người quân tử chỉ biết điều nghĩa, kẻ tiểu nhân chỉ biết điều lợi.

4.17

子曰：见贤思齐焉，见不贤而内自省也

Tử viết: Kiến hiền tư tế yên, kiến bất hiền nhi nội tự tinh dã.

Không tử nói: Nhìn thấy người hiền thì noi theo, thấy kẻ không hiền thì xem xét lại mình.

4.18

子曰：事父母几谏,见志不从,又敬不违,劳而不怨

Tử viết: Sự phụ mẫu kỵ gián, kiến chí bất tòng, hựu kính bất vi, lao nhi bất oán.

Không tử nói: Phụng dưỡng cha mẹ phải can ngăn khuyên giải, nếu can không được, vẫn phải tôn kính không làm trái, đừng để cha mẹ mệt vì oán giận.

4.19

子曰：父母在，不远游，游必有方。

Tử viết: Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương

Không tử: Cha mẹ còn sống, không được đi xa, nếu đi phải nói rõ nơi cụ thể.

(Lời bàn: Thời đại ngày nay thực khó làm theo lời Không tử, chỉ cần nhớ phần chót câu nói)

4.20

子曰：三年无改於父之道，可谓孝矣

Tử viết: Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vi hiếu hĩ.

Không tử: Ba năm không thay đổi cách đối xử với cha mẹ, có thể gọi là con hiếu.

4.21

子曰：父母之年，不可不知也。一则以喜，一则以惧

Tử viết: Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã. Nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cù.

Không tử nói: Tuổi tác của cha mẹ, con không thể không biết. Biết là để vui mừng hoặc là lo sợ.

(Lời bàn: Vui mừng cha mẹ thương thọ, lo sợ cha mẹ già yếu bệnh tật và cần lo hậu sự)

4.22

子曰：古者言之不出，耻躬之不逮也

Tử viết: Cố giả ngôn chi bất xuất, sỉ cung chi bất đai dã.

Không tử: Người xưa thận trọng lời nói ra, bởi sợ xấu hổ không thực hiện được lời nói.

4.23

子曰：以约失之者鲜矣

Tử viết: Dĩ ước thất chi giả tiền hĩ.

Không tử: Người biết tự kiềm chế mình mà phạm sai lầm là rất ít.

4.24

子曰：君子欲讷於言而敏於行.

Tử viết: Quân tử dục nột ư ngôn nhi mẫn ư hành.

Không tử: Quân tử nói nồng chậm rãi, thực hành thì nhanh nhẹn.

4.25

子曰：德不孤，必有邻

Tử viết: Đức bất cô, tất hữu lân.

Không tử: Người đạo đức không bao giờ bị cô lập, át có bạn hữu gần gũi.

4.26

子游曰：事君数，斯辱矣；朋友数，斯疏矣

Tử Du viết: Sự quân sác, tư nhục hĩ; Bằng hữu sác, tư sơ hĩ.

Tử Du nói: Thờ vua mà luôn kể sai lầm của vua, dễ chuốc lấy phiền toái lăng nhục; kết giao bạn bè mà luôn góp ý sai lầm của bạn, dễ bị mọi người xa lánh.

Hết thiêng 4

1. 5. 公冶长Công Dã Tràng

第五篇 thiêng 5

28 bài

5.1

子谓公冶长：“可妻也。虽在缧绁之中，非其罪也”。以其子妻之

Tử vị Công Dã Tràng, “Khả thê dã, tuy tại luy tiết chi trung, phi kì tội dã”. Dĩ kỵ tử thê chi.

Không tử nói về Công Dã Tràng:”Có thể gả con cho Tràng, tuy nó bị ngòi tù nhưng tội này không do nó gây ra”. Sau đó Không tử gả con gái cho Tràng.

5.2

子谓南容,‘邦有道, 不废 ; 邦无道 , 免於刑戮”. 以其兄之子妻之。

Tử vị Nam Dung, bang hữu đạo, bất phế; Bang vô đạo, miễn ư hình lục. Dĩ kỳ huynh chi tử thê chi.

Khổng tử nói về Nam Dung:”Nước có đạo, không bị phế truất; Nước vô đạo, không bị hình phạt”. Sau đó Khổng tử đem gả cháu gái cho Dung.

(Chú thích:Nam Dung thờ vua theo đạo Trung dung, khi nước nhà thịnh vượng được khen ngợi, khi nước nhà suy đốn cũng không bị chê trách, trừu phạt)

5.3

子谓子贱 , 君子哉若人 , 鲁无君子者 , 斯焉取斯”

Tử vị Tử Tiện, quân tử tai nhược nhân, Lỗ vô quân tử giả, tư yên thủ tư

Khổng tử nói về Tử Tiện: Người này quả đúng là quân tử. Nếu nói nước Lỗ không có người quân tử, thì Tử Tiện học từ đâu được những phẩm chất như vậy chứ.

5.4

子贡问曰:“赐也何如?”. 子曰:“女, 器也”. 曰:“何器也 ?”. 曰:“瑚琏也”

Tử Cống vấn viết: Tú dã hà nhu ?

Tử viết: Nhữ, khí dã.

Viết: Hà khí dã ?

Viết: Hò liền dã.

Tử Cống hỏi: Tú là người thế nào ạ?

Khổng tử đáp: Người giống như một công cụ.

Tử Cống hỏi : Như công cụ nào ?

Khổng tử: Như cái hò liền

(Chú thích: Hò liền là cái bình đựng thức ăn cúng trong tông miếu

Ý nói Tử Cống (tên là Tú) là người tài nhưng chỉ giỏi một loại công việc).

5.5

或曰:“雍也仁而不佞”. 子曰: 焉用佞 ? 御人以口给, 屢憎於人, 不知其仁。 焉用佞 ?

Hoặc viết: Ung dã nhân nhi bất nịnh.

Tử viết: Yên dụng nịnh ? Ngự nhân dĩ khâu cấp, lǔ tăng ư nhân, bất tri kỳ nhân. Yên dụng nịnh?

Có người nói: Ung là người có đức nhân, không biết nịnh (kém tài ăn nói).**Khổng tử nói:** Tại sao phải có tài nói khéo? Nhanh mồm miệng để cãi thay cho người ta, thường bị người ta ghét, ta chẳng biết anh ta có nhân không. Sao cần phải nịnh ?

5.6

子使漆雕开仕。 对曰:“吾斯之未能信”. 子说。

Tử sử Tất Đieu Khai sĩ, đổi viết: Ngô tư chi vị năng tín. Tử duyệt.

Khổng tử bảo Tất Đieu Khai ra làm quan, anh ta trả lời: Con nghĩ con chưa tự tin ra làm quan. **Khổng tử nghe rất vui lòng.**

(Lời bàn: Thầy mừng vì học trò khiêm tốn, thận trọng, chẳng hăng máu vô vập ra làm quan như nhiều trò khác. Lại không coi nhẹ việc quan)

5.7

子曰：“道不行，乘桴浮於海，从我者，其由与！”，子路闻之喜。子曰：“由也好勇过我，无所取材”。

Tử viết: Đạo bát hành, thừa phù phù ư hải, tòng ngã giả, kỳ Do dư !.

Tử Lộ văn chi hỉ. Tử viết: Do dã hảo dũng quá ngã, vô sở thủ tài.

Không tử viết: Nếu Đạo của ta không được thực hiện, ta sẽ ngồi bè gỗ trôi ra biển, theo ta đi có lẽ chỉ có Trọng Do... Tử Lộ nghe thấy rất vui.

Không tử nói tiếp: Do này, chí dũng cảm của người cao hơn ta, tìm đâu ra người như thế.

(Chú thích: Không tử biểu lộ ý chí quyết tâm truyền bá đạo **nhân** tới cùng. Ông khen học trò Trọng Do tức Tử Lộ có được đức “dũng” để làm việc nghĩa)

5.8

孟武伯问子路仁乎？子曰：“不知也”。

又问。子曰：“由也，千乘之国，可使治其赋也，不知其仁也”。“求也何如？”。子曰：“求也，千室之邑，百乘之家，可使为之宰也，不知其仁也”，“赤也何如？”

.子曰：“赤也，束带立於朝，可使与宾客言也，不知其仁也。”

Mạnh Vũ Bá vấn Tử Lộ nhân hồ ? Tử viết: Bất tri dã. Hựu vấn.

Tử viết: “Do dã, thiên thừa chi quốc, khả sử trị kỳ phú dã, bất tri kỳ nhân dã.

“Cầu dã hà nhu ?”.

Tử viết: “Cầu dã, thiên thất chi áp, bách thừa chi gia, khả sử vi chi tể dã, bất tri kỳ nhân dã.

“Xích dã hà nhu ?”.

Tử viết: Xích dã, thúc đói lập ư triều, khả sử dữ tân khách ngôn dã, bất tri kỳ nhân dã.

Mạnh Vũ Bá hỏi rằng Tử Lộ có đức nhân không. Không tử nói: Không biết. Bá lại hỏi. Không tử nói: Trọng Do có thể giao quản lý nước nghìn cỗ xe, nhưng ta không biết hắn là người có nhân hay không.

Lại hỏi tiếp: “Cầu là người thế nào?”.

Không tử nói: Nhiễm Cầu có thể giao làm quan tể một áp có nghìn hộ, chỉ huy lính trăm binh xa, còn nó có nhân hay không, ta không biết.

“Còn Công Tây Xích thế nào ?”.

Không tử đáp: Xích à, mặc lẽ phục đúng trong triều đình, phụ trách tiếp đai khách nước ngoài. Nhưng ta cũng không biết anh ta là người có đức nhân không.

(Lời bàn: Con người có năng lực làm việc thì được tín nhiệm. Nhưng phải qua thực tế mới đánh giá được đức nhân của họ).

5.9

子谓子贡曰：“女与回也孰愈？”对曰：“赐也何敢望回？回也闻一以知十，赐也闻一以知二。”

子曰：“弗如也。吾与女弗如也”.

Tử vị Tử Cống viết: “Nhữ dữ Hồi dã thực dũ ?

Đối viết: “Tú dã hà cảm vọng Hồi ? Hồi dã văn nhất dĩ tri thập, tú dã văn nhất dĩ tri nhị.

Tử viết: “Phát như dã. Ngô dữ nhữ phát như dã.”.

Không tử nói với Tử Cống: Người với Nhan Hồi ai giỏi hơn ?

Tử Công đáp: Con làm sao dám sánh với Nhan Hồi. Hồi nghe một việc thì suy ra được mười việc, con nghe một việc chỉ suy ra được 2 việc thôi.

Khổng tử nói: Chẳng bằng. Ta và ngươi chẳng bằng Hồi.

(Lời bàn: Thế giới bao la phong phú nhưng việc này có liên quan với việc kia. Học cần biết suy luận từ việc này đến việc khác theo các qui luật biện chứng... Tử Công tự biết mình không bằng Nhan Hồi, đó là Công hiểu biết. Ngay cả Khổng tử cũng nói mình chẳng bằng trò Hồi).

5.10

宰予昼寝, 子曰: “朽木不可雕也, 粪土之墙不可杗也, 於予与何诛 ! ”.

子曰: “始吾於人也, 听其言而信其行 ; 今吾於人也, 听其言而观其行。於予与改是”

Tể Dữ trú tâm, Tử viết: Hủ mộc bất khả điêu dã, phân thổ chi tường bất khả ô dã, ư Dữ dũ hà tru ! . Tử viết: Thủ ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hành; Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hành. Ư Dữ dũ cải thi.

Tể Dữ ngũ ban ngày, Khổng tử nói: Gỗ mục thì không thể đẽo thành công cụ, bức tường bằng đất xấu không thể quét vôi mới được. Còn gì để trách cứ anh ấy nữa. Khổng tử nói thêm: trước đây ta chỉ nghe người khác nói tin (anh ta), bây giờ ta nghe rồi còn phải quan sát (anh ta) nữa. Tể Dữ ngũ ngày khiến ta thay đổi suy nghĩ (về anh ta).

(Chú thích: Khổng tử khuyên trò học tập tích cực... Tể Dữ nói thì hay nhưng không chăm chỉ. Nay thầy Khổng chính mắt nhìn thấy mới đánh giá đúng về anh ta).

5.11

子曰: “吾未见刚者”. 或对曰: “申枨”子曰: “枨也欲, 焉得刚 ? ”

Tử viết: Ngô vị kiến cương giả. Hoặc đổi viết: Thân Trành.

Tử viết Trành dã dục, yên đắc cương ?

Khổng tử nói: Ta chưa thấy người nào kiên cường. Có người đáp “Thân Trành là người như vậy”.

Khổng tử nói: Thân Trành nhiều dục vọng, sao gọi là kiên cường ?

(Chú thích: Thân Trành là người kiêu hanh, vị kỷ, người ta tưởng nhầm là kiên cường)

5.12

子贡曰: 我不欲人之加诸我也, 吾亦欲无加诸人。子曰: 赐也, 非尔所及也。

Tử Công viết: Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân.

Tử viết: Tú dã, phi nhĩ sở cập dã

Tử Công nói: Con không chịu để người đỡ cái xấu cho con, cũng không muốn đem việc không tốt đỡ cho người khác.

Khổng tử nói: Trò Tú, ngươi chưa phải là người làm được việc đó.

(Chú thích: Khổng tử cho rằng “Không muốn người khác đỡ tội cho mình”- đó là thiên tính của con người, điều này dễ hiểu. Không đỡ việc xấu cho người khác thì chỉ người có đức nhân mới làm được. Đạo Nhân là vấn đề rộng lớn, phúc tạp ông chưa đề cập, trò Tú chưa thể theo kịp).

5.13

子贡曰: 夫子之文章可得而闻也 ; 夫子之言性与天道, 不可得而闻也

Tử Công viết: Phu tử chi văn chương khả đắc nhi văn dã; phu tử chi ngôn tính dũ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn dã.

Tử Cống nói: Văn chương của thầy, chúng ta đã được biết. Còn luận bàn của thầy về nhân tính và đạo trời thì chúng ta chưa biết.

(Chú thích: Nhân tính và đạo trời là hai vấn đề triết lý cao xa, Khổng tử ít bàn tới bởi khả năng nhận thức của học trò chưa tới...)

5.14

子路有闻，未之能行，唯恐有闻。

Tử Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khùng hữu văn.

Tử Lộ mỗi khi nghe được một việc, nếu thấy vẫn chưa làm được, thì rất sợ nghe thêm những việc khác.

5.15

子贡问曰:孔文子何以谓之“文”也？子曰:敏而好学,不耻下问,是以谓之“文”也。

Tử Cống vấn viết: Không Văn từ hà dĩ vị chi “văn” dã ?

Tử viết: Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn, thị dĩ vị chi “văn” dã.

Tử Cống hỏi: Không Văn từ vì sao đặt tên thụy là “văn” ?

Không tử nói: Ông ta thông minh lại ham học, không cho là nhục khi cần hỏi người dưới mình, nên đặt tên thụy là “văn”.

5.16

子谓子产有君子之道四焉:“其行己也恭,其事上也敬,其养民也惠,其使民也义”

Tử vị Tử Sản hữu quân tử chi đạo tú yên: Kỳ hành kỷ dã cung, kỳ sự thượng dã kính, kỳ dưỡng dân dã huệ, kỳ sử dân dã nghĩa.

Không tử nói về Tử Sản có bốn phẩm chất của người quân tử: Làm người xử sự rất khiêm cung. Phụng thờ vua cung kính, có trách nhiệm, nuôi dưỡng dân cho nhiều ân huệ, điều khiển dân hợp lý.

(Chú thích: Công Tôn Tử Sản là cháu của Trịnh Mục công, cầm quyền nước Trịnh hơn 20 năm, nhà cải cách nổi tiếng. Bài này nói về 4 phẩm chất của người quản lý quốc gia)

5.17

子曰：晏平仲善与人交，久而敬之。

Tử viết: Án Bình Trọng thiện dữ nhân giao, cữu nhi kính chi.

Không tử nói: Án Bình Trọng giỏi về kết giao bằng hữu, cả khi quan hệ với bạn lâu ngày vẫn tôn trọng bạn.

5.18

子曰：臧文仲居蔡，山节藻棁，何如其知也！

Tử viết: Tang Văn Trọng cư thái, sơn tiết tảo chuyết, hà như kỳ tri dã !

Không tử nói: Tang Văn Trọng nuôi một con rùa lớn, quanh cột nhà chạm khắc núi non và hình rong biển, người như vậy sao gọi là người có trí !

(Chú thích: Tang Văn Trọng sưu tầm rùa lớn, quanh cột nhà chạm khắc núi non, trên kèo chạm trổ hoa văn đẹp đẽ, bị Không tử chê trách. Người xưa thường tìm bắt rùa lấy mai để bói toán cát hung,

nhà vua thường dùng rùa to, quan đại phu chỉ được dùng rùa nhỏ. Tang Văn Trọng dùng rùa to là không đúng phép tắc. Việc chạm khắc núi non và hoa văn đẹp đẽ thường chỉ có trong cung điện hay tông miêu nhà vua, người dân thường không được tùy tiện làm như vậy).

5.19

子张问曰:“令尹子文三仕为令尹,无喜色 ;三已之,无愠色。旧令尹之政, 必以告新令尹。何如 ?”.

子曰：“忠矣”.

曰：“仁矣乎 ?”.

曰：“未知。焉得仁 ?”,

曰“崔子弑齐君,陈子文有马十乘,弃而违之,至於他邦,

则曰:‘犹吾大夫崔子也’ . 违之。之一邦 , 则又曰 : ‘犹吾大

夫崔子也’ . 违之,何如 ? 子曰:“清矣” . 曰：“仁矣乎 ?” 曰：“未知, 焉得仁 ?”

Tử Trương vấn viết: Lệnh doãn tử Văn tam sỹ vi lệnh doãn, vô hỉ sắc; tam dĩ chi, vô uẩn sắc. Cựu mệnh quân chi chính, tất dĩ cáo tân lệnh doãn. Hà như ?

Tử viết: Trung hĩ. Viết: Nhân hĩ hò ? Viết: Vị tri. Yên đắc nhân ?

Viết: Thôi tử thí Tề quân, Trần tử văn hữu mã thập thừa, khí nhi vi chi, chí ư tha bang, tắc viết: Do ngô đại phu Thôi tử dã. Vi chi. Chi nhất bang, tắc hựu viết: Do ngô đại phu Thôi tử dã, vi chi, hà như ? Tử viết: Thanh hĩ. Viết: Nhân hĩ hò ? Viết : Vị tri, yên đắc nhân ?

Tử Trương hỏi: Tử Văn ba lần làm quan lệnh doãn nước Sở, không tỏ vẻ vui mừng; Ba lần bị bãi quan mà không oán hận. Mỗi lần thay đổi chức vụ, đều đem chính sự bàn giao đầy đủ cho quan mới. Nên đánh giá ông ta thế nào ?

Không tử nói: Là người trung thành. **Tử Trương hỏi thêm:** Tử Văn là người có nhân, được không ? **Không tử đáp:** Ta không biết, làm sao đánh giá có nhân được.

Tử Trương lại hỏi: Khi Thôi tử (Thôi Trữ) giết vua Tề Trang công, Trần Văn tử có 10 cỗ xe ngựa dám vứt bỏ mà rời nước Tề sang nước khác, lại nhận xét: “Người chấp chính ở đây cũng giống như Thôi tử nước tôi”. Nói rồi lại bỏ đi nước khác, được một thời gian lại chê “Cũng giống như Thôi tử nước chúng tôi”... Rồi lại bỏ đi qua nước khác, vậy đánh giá ông ta thế nào ? **Không tử đáp:** Người ấy rất trong sạch.

Tử Trương nói: có phải là người nhân không ?

Không tử nói: Không biết, sao vội đánh giá được!

5.20

季文子三思而后行。子闻之 , 曰：“再, 斯可矣”

Quí Văn tử tam tư nhi hậu hành. Tử văn chi, viết: Tái, tư khả hĩ.

Quí Văn tử ba lần nghĩ rồi mới làm. Không tử nghe biết, nói: Nghĩ thêm lần nữa là được rồi.

5.21

子曰：甯武子，邦有道则知，邦无道则愚，其知可及也，其愚不可及也

Tử viết: Ninh Vũ tử, bang hữu đạo tắc tri, bang vô đạo tắc ngu, kỳ tri hà cập dã, kỳ ngu bất khả cập dã.

Khổng tử nói: Ninh Vũ tử, khi nước nhà có đạo, thái bình thì được tiếng là có đức trí, khi nước nhà loạn lạc thì mang tiếng ngu đần. Có trí như Ninh thì thiên hạ theo kịp, giả ngu như Ninh thì thiên hạ không ai đuổi kịp.

5.22

子在陈曰: 归与 ! 归与 ! 吾党之小子狂简, 斐然成章, 不知所以裁之

Tử tại Trần viết: Qui du ! Qui du ! Ngô đảng chi tiểu tử cuồng giản, phi nhiên thành chương, bất tri sở dĩ tài chi.

Khổng tử (lúc còn ở nước Trần) **nói:** Vè đi, vè đi. Học trò quê hương ta kinh nghiệm còn ít ỏi, văn chương học vấn tuy có chỗ khả quan nhưng chưa biết đào sâu sự lí, mở mang đạo đức và hiểu biết bản thân.

5.23

子曰 : 伯夷叔齐不念旧恶 , 怨是用希

Tử viết: Bá Di, Thúc Tề bất niệm cựu ố, oán thị dụng hy.

Khổng tử nói: Bá Di, Thúc Tề không nhớ oán giận cũ, nên hiếm người giận họ.

5.24

子曰 : 孰谓微生高直 ? 或乞醯焉 , 乞诸其邻而与之

Tử viết: Thục vị Vi Sinh Cao trực ? Hoặc khát ê yên, khát chư kỳ lân nhi dự chi.

Khổng tử nói: Ai bảo Vi Sinh Cao là người thẳng thắn ? Có người đến xin giám, nhà không có không dám nói thực, rồi sang nhà hàng xóm xin cho người ta (kể như của nhà mình).

5.25

子曰: 巧言令色足恭,左丘明耻之,丘亦耻之。匿怨而友其人,左丘明耻之,丘亦耻之

Tử viết: Xảo ngôn lệnh sắc túc cung, Tả Khâu Minh sỉ chi, Khâu diệc sỉ chi. Nặc oán nhi hữu kỳ nhân, Tả Khâu Minh sỉ chi, Khâu diệc sỉ chi.

Khổng tử nói: Những người nói khéo, ngọt ngào, giả bộ hiền lành, cung kính quá độ, Tả Khâu Minh cho như thế là đáng sỉ nhục, Khâu ta cũng cho là sỉ nhục. Giàu kín oán hận trong lòng mà giả bộ hữu hảo, Tả Khâu Minh cho đó là sỉ nhục, Khâu ta cũng cho là đáng nhục.

(Chú thích: Tả Khâu Minh là tác giả bộ *Chiến quốc sách*)

5.26

颜渊,季路侍。子曰：“盍各言尔志”。子路曰：“愿车马，衣轻裘，与朋友共，敝之而无憾”。

颜渊曰：“愿无伐善,无施劳”。子路曰：“愿闻子之志”。

子曰：“老者安之，朋友信之，少者怀之”。

Nhan Uyên, Tử Lộ thị. Tử viết: Hợp các ngôn nhĩ chí ? Tử Lộ viết: Nguyên xa mǎ, y khinh cùu, dǔ bằng hữu cộng, tệ chi nhi vô hám. Nhan Uyên viết: Nguyên vô phạt thiện, vô thi lao.

Tử Lộ viết: Nguyên văn tử chi chí. Tử viết: Lão giả an chi, bằng hữu tín chi, thiếu giả hoài chi.

Nhan Uyên, Tử Lộ theo hầu. Khổng tử nói: Sao các anh chẳng nói ý chí của mình (cho ta nghe) ?

Tử Lộ thưa: Con nguyện mang xe ngựa, áo da cừu của con cho bạn hữu dùng, dù đến hỏng cũng không oán giận.

Nhan Uyên nói: Con nguyện không phô trương ưu điểm của con, không tỏ rõ công lao của mình.

Tử Lộ thưa: chúng con muôn nghe thầy nói nguyện vọng của thầy.

Khổng tử đáp: Người già được nuôi dưỡng đầy đủ, bạn bè tin cậy lẫn nhau, trẻ em được quan tâm chăm sóc.

5.27

子曰:“已矣乎 ! 吾未见能见其过而内自讼者也” .

Tử viết: Dĩ hĩ hò ! Ngô vị kiến năng kiến kỳ quá nhi nội tự tụng giả dã.

Khổng tử nói: Thôi hết rồi ! Ta chưa từng thấy người nào có thể tự phát hiện sai lầm và tự phê phán bản thân.

5.28

子曰 : 十室之邑, 必有忠信如丘者焉, 不如丘之好学也

Tử viết: Thập thất chi áp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã.

Khổng tử: Một thôn có chục nhà thì nhất định có một người trung tín như ta, nhưng không hiếu học như ta.

(Khổng tử tin tưởng rằng nơi nào cũng có người nhân đức, nhưng chưa hẳn đã hiếu học)
Hết thiên 5

1. 6. 雍也Ung dã

第六篇 thiêng 6

30 bài

6.1

子曰: 雍也可使南面。

Tử viết: Ung dã khả sử nam diện

Khổng tử nói: Nhiễm Ung có thể ngồi quay mặt hướng nam.

(Chú giải: Phương Nam ánh nắng nhiều nhất, có ý nói ghế ngồi quan chức. Quan chức ngồi ghế tựa lưng phương Bắc, mặt ngoảnh hướng Nam. Nhiễm Ung học trò Khổng tử học giỏi ung dung, khoan thư có đức quân tử nên Khổng tử tin rằng anh này sẽ làm quan)

6.2

仲弓问子桑伯子。子曰:“可也, 简”.

仲弓曰:“居敬而行简,以临其民,不亦可乎 ? 居简而行简,无乃大简乎 ?”.

子曰:“雍之言然” .

Trọng Cung vân tử Tang Bá Tử. Tử viết: Khả dã, giản.

Trọng Cung vấn: Cư kính nhi hành giản, dĩ lâm kỳ dân, bất diệc khả hò ? Cư giản nhi hành giản, vô nái đại giản hò ?

Tử viết: Ung chi ngôn nhiên.

Trọng Cung (túc Nhiễm Ung) hỏi Khổng tử về Tang Bá Tử.

Khổng tử nói: Được đáy, con người này giản dị chất phác.

Trọng Cung lại hỏi: Sống kính nhường, làm việc giản dị, gần gũi dân chúng, như vậy chăng tốt sao? Còn nếu chỉ có kính nhường, làm việc giản dị mộc mạc thì e rằng thái quá chăng?

Khổng tử đáp: Người nói rất đúng.

6.3

哀公问:“弟子孰为好学?”.

孔子对曰:“有颜回者好学,不迁怒,不贰过,不幸短命死矣。今也则亡,未闻好学者也”。

Ai Công vấn: Đệ tử thục vi hiếu học ? Khổng tử đáp viết: Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất thiên nộ, bất nhị quá, bất hạnh đoán mệnh tử hĩ. Kim dã tắc vong, vị văn hiếu học giả dã.

Vua Lỗ Ai Công hỏi: Đệ tử của ngài có ai ham học nhất ?

Khổng tử đáp: Có Nhan Hồi là học trò ham học, khi giận không lệch lạc giận qua người khác, không bao giờ phạm lỗi lầm cũ nhưng bất hạnh đoán mệnh. Nay đã chết rồi, chẳng nghe thấy ai hiếu học như thế nữa.

6.4

子华使於齐,冉子为其母请粟。子曰:“与之釜”。请益。曰:“与之庾”

。冉子与之粟五秉。子曰:“赤之适齐也,乘肥马,衣轻裘。吾闻之也 : 君子周急不济富”。

Tử Hoa sứ ư Tề, Nhiễm tử vi kỳ mẫu thỉnh túc. Tử viết: Dữ chi phủ. Thỉnh ích. Viết: Dữ chi dữu. Nhiễm tử dữ chi túc ngũ bính. Tử viết: Xích chi thích Tề dã, thừa phì mã, y khinh cùu.. Ngô văn chi dã: quân tử chu cấp bất té phú.

Tử Hoa đi sứ sang nước Tề, Nhiễm Hữu thưa với Khổng tử: tiện xe đi nước Tề gửi cho mẹ Tử Hoa một ít lương thực. Khổng tử bảo cho một vò gạo. Nhiễm nài thêm ít nữa. Khổng tử bảo cho thêm một hũ nữa. Nhiễm Hữu mang cho năm bính (80 đấu). Thấy thế, Khổng tử nói: Tử Hoa (túc Công Tây Xích) đi sứ nước Tề ngồi xe có ngựa kéo, mặc áo da vừa nhẹ vừa ấm. Ta nghe nói người quân tử chỉ cứu tế cho người nghèo, không cứu tế người giàu.

6.5

原思为之宰,与之粟九百,辞。子曰 : 母,以与尔邻里乡党乎 !

Nguyên Tư vi chi tể, dữ chi túc cửu bách, từ. Tử viết: Vô. Dĩ dũ nhĩ lân lý hương đảng hò!

Nguyên Tư làm chức quản gia, Khổng tử cấp tiền lương chín trăm đấu. Nguyên Tư từ chối.

Khổng tử nói: Đừng từ chối, cứ mang về cho người nghèo trong xóm.

6.6

子谓仲弓,曰 : 犁牛为之骍且角。虽欲勿用,山川棒舍诸 ?

Tử vi Trọng Cung, viết: Lê ngưu vi chi tuynh thả giác. Tuy dục vật dụng, sơn xuyên bồng xá chư ? Khổng tử nói về Trọng Cung: Con bê là con của bò lang lông đỏ hai sừng cân đối. Người ta cho là mẹ nó lang nên không dùng nó làm vật tế. Thần núi thần sông có nỡ bỏ rơi nó đâu?

(Chú thích: Người xưa cúng tế bằng con bò màu lông đỏ vì rất quý màu đỏ. Trọng Cung có người cha độc ác hèn hạ, nên nhà cầm quyền không muốn dùng Cung làm quan. Không tử nói vậy để an ủi Cung và phản đối quan niệm coi trọng lý lịch, dòng dõi)

6.7

子曰：回也其心三月不违仁，其余则日月至焉而已矣。

Tử viết: Hồi dã kỳ tâm tam nguyệt bất vi nhân, kỳ dư tắc nhật nguyệt chí yên nhi dĩ hĩ
Không tử nói: Nhan Hồi, tâm lòng trồ áy ba tháng không trái đạo nhân, trồ khác không được vậy, có chăng chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

6.8

季康子问：仲由可使从政也与？

子曰：“由也果，於从政乎何有”。

曰：“赐也可使从政也与？”。

曰：“赐也达，於从政乎何有”。

曰：“求也可使从政也与？”。

曰：“求也艺，於从政乎何有？”

Quí Khang tử vấn: Trọng Do khả sử tòng chính dã dư ?.

Tử viết: Do dã quả, ư tòng chính hò hà hữu

Viết: Tú dã khả sử tòng chính dã dư ?

Viết: Tài dã đạt, ư tòng chính hò hà hữu

Viết: Cầu dã khả sử tòng chính dã dư ?

Viết: Cầu dã nghệ, ư tòng chính hò hà hữu

Quí Khang tử hỏi: Trọng Do có thể giao làm lãnh đạo được không ?

Không tử nói: Do là người quyết đoán, làm lãnh đạo còn có gì khó khăn.

Quí Khang tử hỏi: Đoan Mộc Tú giao làm quan chức được không ?

Không tử: Tú có tài năng, làm quan chắc sẽ thuận lợi thôi.

Quí hỏi tiếp: Nhiệm Cầu làm quan được không?

Không tử đáp: Cầu đa tài đa nghệ, làm quan có gì khó khăn đâu.

6.9

季氏使闵子骞为费宰,闵子骞曰:“善为我辞焉！如有复我者,则吾必在汶上矣”。

Quí thị sứ Mẫn Tử Khiên vi Phí tể, Mẫn Tử Khiên viết: Thiện vi ngã từ yên ! Như hữu phục ngã giả, tắc ngô tất tại Vấn thượng hĩ.

Quí thị cho mời Mẫn Tử Khiên làm quan tể áp Phí. Mẫn nói (với người báo tin): Xin vui lòng từ chối giúp tôi. Nếu có người lại đến mời, tôi đành phải trốn lên ở thượng nguồn sông Vấn thôi.

(Chú thích: quan tể là quan đứng đầu. Mẫn Tử Khiên oán trách họ Quí tiếm quyền nên không chịu ra hợp tác)

6.10

伯牛有疾,子问之,自牖执其手,曰:亡之,命矣夫,斯人也而有斯疾也!斯人也而有斯疾也!

Bá Ngưu hữu tật, Tử vấn chi, tự dū chấp kỳ thủ, viết: Vong chi, mệnh hĩ phu, tư nhân dã nhi hữu tư tật dã! Tư nhân dã nhi hữu tư tật dã!

Bá Ngưu nằm bệnh, Không tử đến thăm, cầm tay nói: Thôi rồi, đây là mệnh rồi. Người tốt thế này mà mắc bệnh này. Người tốt thế này mà mắc bệnh này!

(Chú thích: Người tốt mà mắc bệnh này, chẳng phải do mình gây ra, là mệnh trời không tránh khỏi)

6.11

子曰: 贤哉回也, 一箪食, 一瓢饮, 在陋巷, 人不堪其忧, 回也不改其乐。 贤哉回也

Tử viết: Hiền tai Hồi dã, nhất đan thực, nhất biều ẩm, tại lậu hạng, nhân bất kham kỳ ưu, Hồi dã bất cải kỳ lạc. Hiền tai Hồi dã

Không tử nói: Nhan Hồi rất hiền, một giỏ cơm, một bát nước, ở tại ngõ nhỏ, người khác không chịu nổi, còn Hồi vẫn không thay đổi niềm vui, Hồi thật là hiền đức.

6.12

冉求曰:“非不说子之道 , 力不足也”.

子曰:“力不足者,中道而废。今女画”。

Nhiễm Câu viết: Phi bất duyệt tử chi đạo, lực bất túc dã.

Tử viết: Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế, kim nhũ hoạch.

Nhiễm Câu nói: Không phải con không thích đạo của mình, do con không đủ sức mà thôi.

Không tử nói: Nếu không đủ sức, nửa đường sẽ bỏ dở. Con đã tự vạch giới hạn cho mình rồi, không muốn tiến nữa.

(Ý Không tử: vẫn đề không phải do thiếu lực mà là thích hay không thích đạo nhân mà thôi)

6.13

子谓子夏曰 : 女为君子儒 , 无为小人儒。

Tử vị Tử Hạ viết: Nhĩ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho.

Không tử nói với Tử Hạ: Người nên trở thành học trò quân tử, không nên trở thành học trò tiểu nhân.

6.14

子游为武城宰。子曰:“女得人焉尔乎 ?”曰:“有澹台灭明者,行不由径,非公事, 未尝至於偃之室也”。

Tử Du vi Vũ Thành tể. Tử viết: Nhữ đặc nhân yên nhĩ lạc hò ? Viết: Hữu Đạm Đài Diệt Minh giả, hành bất do kinh, phi công sự vị thường chí ư yển chi thất dã.

Tử Du làm quan tể ấp Vũ Thành. Không tử nói: Ở đây người có thích ai không? Trả lời: có người tên Đạm Đài Diệt Minh, đi không qua lối tắt, không có việc công thì không đến công sở.

6.15

子曰 : 孟之反不伐, 奔而殿, 将入门, 策其马, 曰 : 非敢后也, 马不进也。

Tử viết: Mạnh Chi Phản bất phạt, bôn nhi điền, thương nhập môn, sách kỳ mã, viết: phi cảm hậu dã, mã bất tiến dã.

Không tử nói: Mạnh Chi Phản không thích khoe công lao, chạy dǎng sau (khi quân rút lui), khi về đến cửa thành, cầm roi quất ngựa mǎng: “chẳng phải ta dám chạy sau, do người không chịu tiến lên trước”.

(Lời bàn: Mạnh là người khiêm tốn, khi thua trận, sau khi dũng cảm chạy sau về, cũng không nhận mình như vậy).

6.16

子曰:不有祝鵠之佞, 而有宋朝之美, 难乎免於今之世矣。

Tử viết: Bất hữu Chúc Đà chi nịnh, nhi hữu Tống Triều chi mỹ, nan hò miễn ư kim chi thé hĩ.

Không tử nói: Nếu không nói khéo như Chúc Đà mà có sắc đẹp như công tử Triều nước Tống, đời nay khó mà tránh bị người ta ghét bỏ.

6.17

子曰: 谁能出不由户, 何莫由斯道也?

Tử viết: Thùy năng xuất bất do hộ, hà mạc do tư đạo dã?

Không tử nói: Có ai ra khỏi nhà mà không qua cửa? Làm người có sao không theo đạo lý chung đó mà làm?

6.18

子曰: 质胜文则野, 文胜质则史。文质彬彬, 然后君子。

Tử viết: Chất thǎng văn tǎc dã, văn thǎng chất tǎc sử. Văn chất bân bân, nhiên hậu quân tử.

Không tử nói: Chất phác mà thiếu văn vẻ thì hoang dã, văn vẻ mà bỏ qua chất phác thì phù phiếm (mang tính sách vở/ lý thuyết suông). Văn vẻ và chất phác hoàn hảo, ấy là người quân tử.

6.19

子曰: 人之生也直, 囧之生也幸而免。

Tử viết: Nhân chi sinh dã trực, vōng chi sinh dã hạnh nhi miễn

Không tử nói: Người sống được nhờ thẳng ngay. Không ngay thẳng cũng sống được, ấy là nhờ may mắn tránh khỏi tai họa mà thôi.

6.20

子曰: 知之者不如好之者, 好之者不如乐之者。

Tử viết: Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như lạc chi giả.

Không tử nói: Người hiểu biết (đạo lý) không bằng kẻ thích đạo lý, thích đạo lý không bằng thi hành đạo lý làm vui.

6.21

子曰: 中人以上, 可以语上也; 中人以下, 不可以语上也。

Tử viết: Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng dã; Trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng dã.

Không tử nói: Người bậc trung trở lên có thể dạy cao sâu; Bậc trung trở xuống thì không thể dạy cao sâu được.

6.22

樊迟问知,子曰:“务民之义,敬鬼神而远之,可谓知矣”。问仁,曰:“仁者先难而后获 , 可谓仁矣”

Phàn Trì vấn trí, Tử viết: Vụ dân chi nghĩa, kính quý thần nhi viễn chi, khả vị tri hĩ.

Vấn nhân, viết: Nhân giả tiên nan nhi hậu hoạch, khả vị nhân hĩ.

Phàn Trì hỏi về trí, Khổng tử đáp: Phục vụ dân vì nghĩa. Tôn kính quý thần mà đứng xa, thế là hiểu chữ trí.

Lại hỏi về đức nhân. Khổng tử đáp: Người nhân chịu gian khó trước, thu hoạch sau, đó là người nhân.

(Phàn Trì là người đánh xe, học vấn thấp, Khổng tử giải thích chữ trí, chúnhân rất đơn giản dễ hiểu)

6.23

子曰 : 知者乐水,仁者乐山 ; 知者动,仁者静 ; 知者乐 , 仁者寿

Tử viết: Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn; trí giả động, nhân giả tĩnh; trí giả lạc, nhân giả thọ.

Khổng tử nói: Người trí ưa nước, người nhân thích núi; Người trí hoạt động, người nhân yên tĩnh; Người trí sống vui, người nhân sống thọ.

6.24

子曰 : 齐一变 , 至於魯 ; 魯一变 , 至於道

Tử viết: Tề nhất biến, chí ư Lỗ; Lỗ nhất biến, chí ư đạo.

Khổng tử nói: Nước Tề thay đổi, tiến đến nước Lỗ; nước Lỗ thay đổi tiến đến Đạo.

(Chú thích: Khổng tử so sánh sự tiến bộ của hai nước...)

6.25

子曰 : 觚不觚, 觚哉 ! 觚哉 !

Tử viết: Cô bất cô, cô tai ! Cô tai !

Khổng tử nói: Cái bình rượu không ra bình rượu. Bình rượu đây ư! sao có thể gọi là bình rượu ?

Chú thích: thời xưa bình rượu lỗ có 6 góc cạnh là đúng mẫu mực, nếu thay bằng cái bình khác chúng tỏ chữ lỗ bị coi thường, nên Khổng tử lo lắng.

Lời bàn: Người bình thường, thực dụng sẽ chê trách Khổng tử là “quá máy móc, công thức, cứng nhắc”. Cốt yếu là có rượu cúng, cần gì cái bình đựng phải đúng mẫu mực (!). Đây là câu chuyện tiêu biểu cho tính lỗ giáo nghiêm túc mà Khổng tử, đạo Nho yêu cầu.

6.26

宰我问曰:“仁者虽告之曰井有仁焉,

其从之也 ?”子曰:“何为其然也 ? 君子可逝也 , 不可陷也 ; 可欺也 , 不可罔也”。

Tề Ngã vấn viết: Nhân giả tuy cáo chi viết tinh hữu nhân yên, kỳ tòng chi dã ? Khổng tử viết: Hà vi kỳ nhiên dã ? Quân tử khả thê dã, bất khả hăm; Khả khi dã, bất khả vồng dã.

Tề Ngã hỏi: Người nhân đức được báo có người rơi xuống giếng, anh ta có nhảy xuống cứu không?

Khổng tử đáp: Sao phải làm vậy ? Quân tử tìm cách cứu người, không thể tự hảm hại thân mình; Quân tử có thể bị lừa bởi những điều có lý, nhưng không thể bị hại vì lời xằng bậy.

6.27

子曰：君子博学於文，约之以礼，亦可以弗畔矣夫

Tử viết: Quân tử báu học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bạn hĩ phu.

Khổng tử nói: người quân tử trước học văn, sau học lễ, nhờ vậy khỏi trái đạo.

6.28

子见南子, 子路不说。夫子矢之曰:“予所否者, 天厌之 ! 天厌之 !”

Tử kiến Nam tử, Tử Lộ bất duyệt. Phu tử thi chi viết: “Dư sở phủ giả. Thiên yém chi! Thiên yém chi !

Khổng tử gặp nàng Nam tử, Tử Lộ không vui. Khổng tử thề rằng: Như ta mà làm gì trái lễ thì trời phạt ta”.

(Chú thích: nàng Nam tử là vợ vua Vệ Linh công nước Vệ, nàng rất đẹp nhưng nhiều tai tiếng. Ai muốn làm quan đều ra mắt Nam tử trước... Tử Lộ nghĩ rằng thầy Khổng cũng làm như người thường... Nhưng Khổng tử vì việc công mà đến chứ không nhờ cậy, ngài phải thề với học trò)

6.29

子曰：中庸之为德也，其至矣乎！民鲜久矣

Tử viết: Trung dung chi vi đức dã, kỳ chí hĩ hò! Dân tiễn cừu hĩ.

Trung dung là đạo đức tốt đẹp cao nhất ! Dân chúng từ lâu thiêu hản đạo đức này.

6.30

子贡曰:“如有博施於民而能济众,何如 ? 可谓仁乎 ? ”.

子曰：何事於仁 ? 必也圣乎 ! 尧舜其犹病诸.夫仁者, 己欲立而立人, 己欲达而达人.

能近取譬, 可谓仁之方也已.

Tử Công viết: Như hữu báu thi ư dân nhi năng tế chúng, hà như ? Khả vị nhân hò? Tử viết: Hà sự ư nhân ? Tất dã thánh hò ! Nghiêu Thuấn kỳ do bệnh chư. *Phu nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân.* Năng cận thủ thí khả vị nhân chi, phương dã dĩ.

Tử Công nói: Nếu có một người đưa nhiều điều tốt đến cho dân, giúp dân sống tốt, có phải là người nhân không ?

Khổng tử đáp: Không chỉ là người nhân mà là bậc thánh nhân. Vua Nghiêu vua Thuấn cũng khó làm được như vậy. Người có nhân muốn thành người nhân đức thì cũng muốn người khác như mình, người có nhân đã làm được việc gì cũng muốn người khác đạt như thế. Lấy bản thân mình làm thí dụ để hiểu người khác, đức nhân là vậy.

Hết thiên 6

1. 述而 Thuật nhi

第七篇 thiên 7

38 bài

7.1

子曰：述而不作，信而好古，窃比於我老彭。

Tử viết: Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ, thiết ti ư ngã lão Bành

Không tử nói: Ta chỉ thuật lại chứ không sáng tác, ta yêu và tin văn hóa cổ, trộm ví mình như lão Bành.

(Lời bàn: Không tử khiêm tốn nói mình chỉ thuật lại lời dạy cổ nhân chứ không sáng tạo, cốt sao cho mọi người do tin tưởng cổ nhân mà tiếp thu đạo thánh hiền là được, thầy chả cần “bản quyền tác giả”. Lão Bành tổ truyền thuyết là người sống lâu. Không tử khiêm tốn nói ta biết nhiều chỉ vì ta sống lâu thôi).

7.2

子曰：默而识之，学而不厌，诲人不倦，何有於我哉？

Tử viết: Mặc nhi thức chi, học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai ?

Không tử: Lặng yên nhớ điều đã học, kiên trì học tập không biết chán, dạy bảo người khác không biết mệt mỏi, ta đã làm được việc nào trong ba việc ấy ?

7.3

子曰：德之不修，学之不讲，闻义不能徙，不善不能改，是吾忧也。

Tử viết: Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng tǐ, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã.

Không tử nói: Đức hạnh mà không tu dưỡng, học không giảng giải, thấy việc nghĩa không làm, mắc điều sai không chịu sửa chữa, đó là những nỗi lo của ta.

7.4

子之燕居，申申如也；夭夭如也。

Tử chi yến cư, thân thân như dã, yêu yêu như dã.

Không tử khi ở nhà an nhàn, chân tay thoái mái buông lỏng, sắc mặt vui vẻ

7.5

子曰：甚矣吾衰也！久矣吾不复梦见周公。

Tử viết: Thập hĩ ngô suy dã ! Cửu hĩ ngô bất phục mộng kiến Chucông.

Không tử: Ta già yếu lắm rồi, từ lâu ta không nằm mộng thấy Chu công.

(Chú thích: Chu công tức Chu Công Đán, phò giúp anh là Chu Vũ Vương diệt trừ vua Trụ, lập ra nhà Chu. Khi anh chết, lại phò cháu ruột lên ngôi là Chu Thành Vương, đóng vai trò cố vấn tối cao xây dựng nhà Chu cai trị ngàn nước chư hầu. Chu công tiếp tục công việc của cha là Chu Văn Vương chú giải bộ sách Kinh Dịch- bộ sách triết học cổ điên nhất xứ Trung Hoa. Không tử rất sùng bái Chu công, kiến trúc sư nhà Chu, thường gọi là thánh nhân. Lời nói của Không tử có hai ý: lo buồn vì sức khỏe đã suy yếu mà lẽ ché nhà Chuchura được phục hồi)

7.6

子曰：志於道，據於德，依於仁，游於艺。

Tử viết: Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ.

Không tử nói: Có chí học hành theo đạo, dựa vào đức, ung dung học nghề.

7.7

子曰：自行束脩以上，吾未尝无诲焉。

Tử viết: Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên.

Không tử nói: Tự mình dâng lên một bó nem, ta chưa từ chối dạy bao giờ.

7.8

子曰:不愤不启,不悱不发。举一隅不以三隅反,则不复也。

Tử viết: Bất phẫn bất khải, bất phi bất phát. Cử nhát ngung bất dĩ tam ngung phản, tắc bất phục dã.

Không tử nói: Kẻ nào chưa uất ức vì chưa hiểu được thì ta không gợi mở cho. Kẻ nào không hậm hực vì chưa thể nói ra được thì ta chẳng hướng dẫn cho nói. Kẻ đã được ta chỉ cho một góc (vuông) mà chẳng biết tự xét ba góc kia thì ta chẳng dạy nó nữa.

7.9

子食於有丧者之侧，未尝饱也。

Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bão dã.

Không tử đến viếng nhà có tang, không bao giờ ăn no.

7.10.

子於是日哭，则不歌

Tử ư thị nhật khóc, tắc bất ca

Hôm nào Không tử đi viếng đám tang, suốt ngày hôm ấy không ca hát.

(Lời bàn: Không tử đi viếng tang rất thực lòng, chẳng chiêu lè qua loa)

7.11

子谓颜渊曰：“用之则行，舍之则藏，惟我与尔有是夫！”。子路曰：子行三军，则谁与？。

子曰：“暴虎冯河，死而无悔者，吾不与也。必也临事而惧。好谋而成者也”。

Tử vị Nhan Uyên viết: “Dụng chi tắc hành, xá chi tắc tàng, duy ngã dũ nhĩ hữu thị phu!”. Tử Lộ viết: “Tử hành tam quân, tắc thùy dự ?”

Tử viết: Bạo hổ bằng hà, tử nhi vô hối giả, ngô bất dũ dã. Tất dã lâm sự nhi cụ. Hiếu mưu nhi thành giả dã.

Không tử nói với Nhan Uyên: Dùng ta thì ta giúp cho sự nghiệp, không dùng thì ta đi ở ẩn, chỉ có ta với ngươi làm được thế thôi.

Tử Lộ hỏi: Nếu Thầy cầm quân đi đánh giặc, thầy chọn ai theo ?

Không tử đáp: Kẻ tay không mà bắt cọp, không thuyền mà lội qua sông, chết không tiếc thân, những kẻ ấy ta không cho theo với ta. Khi lâm sự át phải biết lo lắng thận trọng, suy tính mưu lược để thành công, những người đó ta mới cho theo.

(Lời bàn: Tử Lộ tự hào mình có dũng khí, át được thầy đánh giá cao. Nhưng Không tử chỉ đánh giá cao những người mưu trí, cẩn trọng)

7.12

子曰：富而可求也；虽执鞭之士，吾亦为之。如不可求，从吾所好。

Tử viết: Phú nhi khả cầu dã; tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi. Như bất khả cầu, tòng ngô sở hiếu.

Khổng tử nói: giàu sang mà có thể cầu được thì dù có phải làm kẻ đầu sai thấp kém ta cũng làm. Nếu không thể giàu được thì ta chỉ làm việc ta thích thôi.

7.13

子之所慎：齐，战，疾。

Tử chi sở thận: Trai, chiến, tật.

Khổng tử có tính thận trọng (đối với 3 thứ): Trai giỏi, chiến tranh và bệnh tật.

(Chú thích: Trai giỏi là ăn chay và cúng lễ đúng qui cách)

7.14

子在齐闻韶，三月不知肉味，曰：不图为乐之至於斯也。

Tử tại Tề văn Thiều, tam nguyệt bất tri nhục vị, viết: Bất đồ vi nhạc chi chí ư tư dã.

Khổng tử ở nước Tề nghe được bản nhạc Thiều, ba tháng sau ăn thịt không thấy mùi vị gì cả, bèn nói: Không nghe nhạc thiều (của vua Thuần) điêu luyện đến thế.

(Chú thích: Bản nhạc tên “Thiều” sáng tác thời vua Thuần được dùng làm lễ trong cung đình, có dịp Khổng tử được nghe, mãi ba tháng sau còn dư âm... Ngày nay không còn lưu được bản nhạc này. Về sau Trung Quốc và Việt Nam gọi quốc ca là “quốc thiều”)

7.15

冉有曰：“夫子为卫君乎？”。子贡曰：

“诺，吾将问之”。入，曰：“伯夷、叔齐何人也？”。曰：“古之贤人也”。曰：“怨乎？”。

曰：“求仁而得仁，又何怨”。出，曰：“夫子不为也”。

Nhiễm Hữu viết: Phu tử vi Vệ quân hò ? Tử Cống viết: Nặc, ngô thương vấn chi. Nhập, viết: Bá Di, Thúc Tề hà nhân dã ? Việt: Cỗ chi hiền nhân dã. Việt: Oán hò ? . Việt: Cầu nhân nhi đắc nhân, hữu hà oán. Xuất, viết: Phu tử bất vi dã.

Nhiễm Hữu hỏi: Có phải thầy ta đi giúp vua nước Vệ không?

Tử Cống nói: Thế à, để ta đi hỏi thầy xem. Nói rồi đến gặp Khổng tử thưa: “Bá Di, Thúc Tề là con người như thế nào ?”. Khổng tử đáp: Họ là người hiền ngày xưa. Tử Cống hỏi tiếp: Họ có oán hận gì không ? Khổng tử nói: Theo đuổi điều nhân mà được điều nhân, còn gì phải oán hận.

Tử Cống quay về nói với Nhiễm Hữu: Thầy ta chẳng đi giúp nước Vệ đâu.

(Chú thích: Bá Di, Thúc Tề là con của vua Cô Trúc, tranh nhau nhường ngôi cho người họ khác, đến mức phải trốn đi để khỏi bị ép làm vua. Ở nước Vệ, sau khi Vệ Linh Công mất, cháu nội của vua là Khoái Hốt được cử làm vua, cha là Khoái Quý âm mưu tranh ngôi vua. Hai cha con giành ngôi vua là bất nhân. Cả hai thầy trò Khổng tử – Tử Lộ đều tránh nói thẳng cái bất nhân của vua nước Vệ mà diễn đạt quan điểm của mình thông qua tấm gương Bá Di, Thúc Tề.

Hai thầy trò quả là người thận trọng tinh tế trong ứng xử).

7.16

子曰: 饭疏食饮水,曲肱而枕之,乐亦在其中矣。不义而富且贵 , 於我如浮云。

Tử viết: Phạn sơ thực ảm thủy, khúc quăng nhi chảm chi, lạc diệc tại kỳ trung hĩ. Bất nghĩa nhi phú thả quí, ư ngã như phù vân.

Khổng tử nói: Ăn cơm gạo thô uống nước lã, ngủ kéo cánh tay mà gói, niềm vui ở trong đó rồi. Bất nghĩa mà giàu có phú quý, ta coi như đám mây trôi vây.

7.17

子曰 : 加我数年, 五十以学易, 可以无大过矣。

Tử viết: Gia ngã sác niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ.

Khổng tử nói: Trời cho ta sống thêm ít năm nữa, nếu có 5 hoặc 10 năm nghiên cứu thông Kinh Dịch, có thể không mắc phải sai lầm lớn.

7.18

子所雅言, 《诗》、《书》、执礼 , 皆雅言也。

Tử sở nhã ngôn, “Thi”, “Thư”, chấp Lễ, giai nhã ngôn dã.

Khổng tử thích lời nói nhã nhặn, Kinh Thi, Kinh Thư và chấp hành Lễ, đều là những lời thanh nhã cả.

7.19

叶公问子路於孔子,子路不对。子曰:

女奚不曰, 其为人也,发愤忘食,乐以忘忧 , 不知老之将至云尔。

Diệp Công vấn Tứ Lộ ư Khổng tử, Tứ Lộ bát đối. Tử viết: Nhữ hè bát viết, kỳ vi nhân dã, phát phản vong thực, lạc dĩ vong ưu, bát tri lão chi thương chí vân nhĩ.

Diệp Công hỏi Tứ Lộ về Khổng tử, Tứ Lộ không trả lời... Khổng tử (biết vậy) nói với Tứ Lộ: Sao ngươi không nói thầy của ngươi theo đạo nhân, lo lắng quên ăn, vui quên cả sầu, chẳng hè biết tuổi già đã đến.

7.20

子曰 : 我非生而知之者, 好古, 敏以求之者也。

Tử viết: Ngã phi sinh nhi tri chi giả, hiếu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã.

Khổng tử nói: Ta chẳng phải sinh ra đã biết tất cả, là do ưa thích đạo cổ xưa, cần mẫn tìm học hỏi mà nên.

7.21

子不语: 怪、力、乱、神。

Tử bất ngữ: quái, lực, loạn, thần.

Khổng tử không bàn tới chuyện: kì quái, bạo lực, phản loạn, quý thần.

(Lời bàn: Khổng tử là người thận trọng, cho rằng nếu bàn tán mãi 4 chuyện ấy sẽ bị ảnh hưởng. Chỉ nên bàn những chuyện đáng bàn, có ích lợi theo hướng nhân nghĩa thôi)

7.22

子曰 : 三人行, 必有我师焉。择其善者而从之 , 其不善者而改之。

Tử viết: Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.

Khổng tử nói: Ba người cùng đi, tất có người là thầy ta. Ta chọn điều tốt để đi theo, còn điều không tốt thì tránh đi.

(Lời bàn: Ba người khó giống nhau, vậy ta có thể học người khác điều gì đó)

7.23

子曰：天生德於予，桓魋其如予何？

Tử viết: Thiên sinh đức ư dư, Hoàn Đài kỳ như dư hà ?

Khổng tử nói: Trời phú cho ta đạo đức, Hoàn Đài làm gì được ta ?

(Chú thích: Khổng tử đi dạy học về, làm lễ dưới một gốc cây cổ thụ, quan tư mã nước Tống là Hoàn Đài sai chặt cây nhằm giết Khổng tử...)

7.24

子曰：二三子以我为隱乎？吾无隱乎尔。吾无行而不与二三子者，是丘也。

Tử viết: Nhị tam tử dĩ ngã vi ẩn hò ? Ngô vô ẩn hò nhĩ. Ngô vô hành nhi bát dự nhị tam tử giả, thi Khâu dã.

Khổng tử nói: Các người cứ nghĩ ta còn điều gì giấu diếm ư ? Ta chẳng giấu diếm điều gì. Ta chẳng có việc gì đã làm mà không cho các người biết, như chính ta là Khâu vậy.

7.25

子以四教：文、行、忠、信。

Tử dĩ tứ giáo: Văn, hạnh, trung, tín

Khổng tử lấy 4 điều để dạy học trò là: Văn học, đức hạnh, trung thành và tín nghĩa.

7.26

子曰：圣人吾不得而见之矣！得见君子者，斯可矣

。子曰：善人吾不得而见之矣！得见有恒者，斯可矣。亡而为有，虚而为盈，约而为泰，难乎有恒矣。

Tử viết: Thánh nhân ngô bát đắc nhi kiến chi hĩ ! Đắc kiến quân tử giả, tư khả hĩ. Tử viết: Thiên nhân ngô bát đắc nhi kiến chi hĩ ! Đắc kiến hữu hàng giả, tư khả hĩ. Vong nhi vi hữu, hư nhi vi doanh, ước nhi vi thái, nan hò hữu hàng hĩ.

Khổng tử nói: Bậc thánh nhân thì ta chưa nhìn thấy ! Người quân tử thì ta gặp rồi. Khổng tử lại nói: Bậc thiện nhân ta cũng chưa nhìn thấy, mới được thấy bậc hàng giả (người giữ tâm lòng nhân son sắt, không thay đổi). Những kẻ không có mà giả như có, thiếu thốn mà giả bộ đầy đủ, nghèo hèn mà giả bộ giàu sang thì kẻ ấy cũng chẳng giữ được tấm lòng chung thủy.

7.27

子钓而不纲，弋不射宿。

Tử điều nhi bất cương, dặc bất xạ túc.

Khổng tử câu cá mà không bao giờ dùng lưới vét, săn thú không bắn con chim đã về tổ nghỉ

(Lời bàn: Đức nhân của Khổng tử bao gồm cả loài vật. Ngài tránh đánh lưới vét cả những con cá nhỏ, tránh bắn chim trong tổ vì có thể nó đang ấp trứng)

7.28

子曰: 盖有不知而作之者,我无是也。多闻,择其善者而从之,多见而识之,知之次也。

Tử viết: Cái hữu bất tri nhi tác chi giả, ngã vô thị dã. Đa văn, trách kỳ thiện giả bất nhi tòng chi, đa kiến nhi thức chi, trí chi thứ dã.

Không tử nói: Có loại người không biết gì nhưng tỏ ra cái gì cũng biết, ta không phải người như thế. Lắng nghe nhiều, chọn lấy điều hay mà làm, quan sát nhiều, ghi nhớ kỹ làm kiến thức của mình. Người như vậy có thể xem là bậc thượng trí rồi.

7.29

互乡难与言,童子见,门人惑。子曰:“与其进也,不与其退也,唯何甚?人洁己以进,与其洁也,不保其往也”。

Hỗ hương nan dũ ngôn, đồng tử kiến, môn nhân hoặc. Tử viết: Dự kỳ tiến dã, bất dự kỳ thoái dã, duy hà thậm? Nhân khiết kỹ dĩ tiến. Dự kỳ khiết dã. Bất bảo kỳ vãng dã.

Người làng Hỗ khó trò chuyện, một đứa bé làng Hỗ gặp **Không tử** xin vào học, những học trò khác thấy nghi ngờ. Không tử nói: Ta ưng hộ sự tiến bộ, không thích cái suy thoái, sao lại đối xử thậm tệ? Họ chân thành đến với mình, ta tán thành sự trong sạch vô tư. Không nên nghĩ đến quá khứ của họ.

7.30

子曰: 仁远乎哉? 我欲仁, 斯仁至矣。

Tử viết: Nhân viễn hò tai? Ngã dục nhân, tư nhân chí hĩ.

Không tử nói: Chẳng lẽ điều nhân xa xôi vậy ư? Ta muốn đạt điều nhân thì điều nhân sẽ đến.

7.31

陈司败问:“昭公知礼乎?”孔子曰:“知礼”

。孔子退,揖巫马期而进之曰:“吾闻君子不党,君子亦党乎? 君取於吴,

为同姓,谓之吴孟子。君而知礼,孰不知礼?”巫马期以告。子曰:“丘也幸,

苟有过,人必知之。”

Trần tư bại vấn: Chiêu Công tri lễ hò? Không tử viết: Tri lễ. Không tử thoái, áp Vu Mã Kỳ nhi tiến chi viết: Ngô văn quân tử bất đảng, quân tử diệc đảng hò? Quân thủ ư Ngô, vi đồng tính, vị chi Ngô mạnh tử. Quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ? Vu Mã Kỳ dĩ cáo. Tử viết: Khâu dã hạnh, cầu hữu quá, nhân tất tri chi.

Quan tư bại nước Trần hỏi: Vua Lỗ Chiêu Công có biết lễ không?

Không tử trả lời: Biết lễ.

Sau khi Không tử ra ngoài, quan tư bại vái chào Vu Mã Kỳ rồi tiến đến nói: Ta nghe nói quân tử không thiên vị, sao người quân tử như Không tử lại thiên vị? Vua (Lỗ) cưới con gái nước Ngô là người cùng họ, gọi bà ấy là Ngô mạnh tử (đồng thứ họ Ngô). Vua Lỗ mà biết lễ thì còn ai không biết lễ?!

Sau Vu Mă Kỷ nói lại, Khổng tử nói: Ta thật may mắn, chỉ mắc chút sai lầm thì có người phát hiện chỉ ra cho.

(Lời bàn: Khổng tử không biết việc vua Lỗ (đồng hương) lấy người cùng họ, khi được người khác nói ra, ông lấy làm vui chứ không giận. Đó là bản lĩnh của người có đức nhân)

7.32

子与人歌而善，必使反之，而后和之。

Tử dũ nhân ca nhi thiện, tất sử phản chi, nhi hậu hòa chi.

Khổng tử ngòi hát cùng người khác mà thấy ai hát hay, át sẽ mời họ hát lại để mình được cùng hát theo.

7.33

子曰：文，莫吾犹人也。躬行君子，则吾未之有得。

Tử viết: Văn, mạc ngô do nhân dã. Cung hành quân tử, tắc ngô vị chi hưu đắc.

Khổng tử nói: Về tri thức văn hóa, ta cũng chỉ bằng người khác. Ta tự mình thực hành đạo nhân thì chưa thỏa mãn được bao nhiêu.

7.34

子曰：“若圣与仁，则吾岂敢？抑为之不厌，诲人不倦，则可谓云尔已矣”

。公西华曰：“正唯弟子不能学也”。

Tử viết: Nhược thánh dũ nhân, tắc ngô khai cảm ? Úc vi chi bất yếm, hối nhân bất quyết, tắc khả vị vân nhĩ dī hī. Công Tây Hoa viết: Chính duy đệ tử bất năng học dã.

Khổng tử nói: Nếu bảo là người nhân đức, ta đâu dám nhận ? Hành động theo thánh nhân thì ta chưa biết chán, dạy người chưa biết mệt mỏi, chỉ có thể nói vậy thôi. Công Tây Hoa nói: Những điều đó, học trò tụi con không học nổi.

7.35

子疾病，子路请祷。子曰：“有诸？”子路对曰：“有之。《诔》曰：‘祷尔於上下神祇’”

子曰：“丘之祷久矣”。

Tử tật bệnh, Tử Lộ thỉnh đảo. Tử viết: Hữu chư ? Tử Lộ đối viết: Hữu chi. “Lụy” viết: Đảo nhĩ ư thượng thần kì.”. Tử viết: Khâu chi đảo cữu hī.

Khổng tử bị bệnh, Tử Lộ định làm lễ cầu cúng thần linh. Khổng tử nói: Có việc đó ư? Tử Lộ đáp: Có, sách Lụy viết: Cầu xin các vị thần ở trên.

Khổng tử nói: Ta đã cầu khấn từ lâu rồi.

(Lời bàn: Thói thường, con người khi cần thiết mới đi cầu xin thần linh. Khổng tử nói “cầu khấn từ lâu” nghĩa là ông đã thực hành điều nhân đức hợp với thần linh, át sẽ được phù trợ)

7.36

子曰：奢则不孙，俭则固。与其不孙也，宁固。

Tử viết: Xa tắc bất tôn, kiệm tắc cố. Dữ kỳ bất tôn dã, ninh cố.

Khổng tử nói: Xa xỉ quá thì ngạo mạn thiếu khiêm tốn, tiết kiệm quá thì tằn mẩn. Nếu không được rộng rãi thì thà tiết kiệm còn hơn.

7.37

子曰：君子坦荡荡，小人长戚戚。

Tử viết: Quân tử thản đặng đặng, tiểu nhân trường thích thích

Không tử nói: Quân tử luôn luôn thăng thắn ung dung vô tư, tiểu nhân lúc nào cũng u sầu lo lắng.

7.38

子溫而厲，威而不猛，恭而安。

Tử ôn nhi lè, uy nhi bất mãnh, cung nhi an.

Không tử ôn hòa mà nghiêm túc, uy nghi nhưng không thô bạo, cung kính mà an nhàn.

Hết thiên 7

8. 泰伯 Thái Bá

第八篇thiên 8

21 bài

8.1

子曰: 泰伯，其可谓至德也已矣。三以天下让，民无得而称焉。

Tử viết: Thái Bá, kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ. Tam dĩ thiên hạ nhượng, dân vô đắc nhi xưng yên.

Không tử nói: Thái Bá là con người có đức hết mực. Ba lần đem thiên hạ nhường cho người khác, không để dân chúng biết mà ca ngợi.

(Chú thích: Thái Bá là con trưởng của vua chư hầu Cỗ Công Đán Phụ (tổ phụ nhà Chu), biết nhà vua muốn chọn Cơ Xương, con người em trai út là Quý Lịch của mình làm vua. Thái Bá biết ý nguyện vua cha, bèn bàn với người em là Trọng Ung cùng trốn sang xứ Ngô Việt để cha dễ dàng thực hiện ý nguyện)

8.2

子曰：恭而无礼则劳,慎而无礼则葸，勇而无礼则乱,直而无礼则绞。君子笃於亲，则民兴於仁，故旧不遗，则民不偷。

Tử viết: Cung nhi vô lẽ tắc lao, thận nhi vô lẽ tắc tỉ, dũng nhi vô lẽ tắc loạn, trực nhi vô lẽ tắc giảo. Quân tử đốc ư thân, tắc dân hưng ư nhân, cố cựu bất di, tắc dân bất thâu.

Không tử nói: Cung kính mà không biết lễ thì mệt nhọc, cẩn thận mà không biết lễ thì sợ hãi, dũng cảm mà thiếu lễ thì sinh loạn nghịch, ngay thăng mà không biết lễ thì dễ nóng nảy.

Quân tử ngòi cấp trên nếu biết đối đãi nồng hậu với người thân thích thì dân chúng hăng hái theo điều nhân, không lạnh nhạt với bạn cũ, quan chức cũ thì dân chúng không đối xử bạc bẽo với nhau.

8.3

曾子有疾，召门弟子曰：“启/啟予足！启予手！诗云：‘战战兢兢，如临深渊，如履薄冰。’

而今而后，吾知免夫，小子！”

Tăng Tử hữu bệnh, triệu môn đệ tử viết: Khải dư túc ! Khải dư thủ ! Thi vân: “Chiến chiến cảng cảng cảng, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng” nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phu, tiểu tử !

Tăng Tử ôm nặng, gọi học trò đến nói: Xem chân của ta, xem tay ta... Kinh Thi viết “Run rẩy nơm nớp, như đi ven vực thẳm, như bước trên lớp băng mỏng nước sâu”, từ nay về sau, ta không còn lo lő làm thương tổn thân thể vốn của mẹ cha nữa, các trò ơi !

(Lời bàn: Câu thơ trong Kinh Thi nhắc con người thường xuyên cẩn thận giữ gìn thân thể ... Tăng tử sắp chết, nhận thấy thân thể mình nguyên vẹn thì yên tâm rằng chưa làm xúc phạm tốn thương thân thể, tức là đã giữ được chữ **hiếu**)

8.4

曾子有疾, 孟敬子问之。曾子言曰 : “鸟之将死, 其鸣也哀; 人之将死, 其言也善。君子所贵乎道者三: 动容貌, 斯远暴慢矣; 正颜色, 斯近信矣; 出辞气, 斯远鄙倍矣。笾豆之事, 则有司存”。

Tăng Tử hữu tật, Mạnh Kính tử vấn chi. Tăng Tử ngôn viết: Điều chi thương tử, kỳ minh dã ai; Nhân chi thương tử, kỳ ngôn dã thiện. Quân tử sở quý hò đạo giả tam: động dung mạo, tư viễn bạo mạn hĩ; Chính nhan sắc, tư cận tín hĩ; Xuất từ khí, tư viễn bỉ bội hĩ. Biên đậu chi sự, tắc hữu ti tồn. **Tăng tử ôm nặng, Mạnh Kính tử đến thăm.** Tăng tử nói: Con chim sắp chết tiếng kêu bi thương, con người sắp chết lời nói rất thực. Quân tử theo đạo cần chú ý ba điều: Cử chỉ nên khoan thai điềm đạm; ắt rời xa thô bạo ngạo mạn); Sắc mặt đoan trang nên được tín nhiệm, cất lời nói thì chú ý giọng điệu tránh thô bỉ sai sót. Còn việc cúng tế khác đã có quan chủ sự lo toan.

8.5

曾子曰: 以能问於不能, 以多问於寡, 有若无, 实若虚; 犯而不校...昔者吾友尝从事於斯矣。

Tăng Tử viết: Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư; Phạm nhi bất giáo.....Tích giả ngô hữu thường tòng sự ư tư hĩ.

Tăng tử nói: Người làm được lại dám đi hỏi người không biết, người biết nhiều lại đi hỏi kẻ biết ít. Có tài năng mà nhìn qua như không có, có học thức mà thể hiện như không. Bị xúc phạm mà không tranh cãi so đo. Ta từng có những người bạn cũ như thế.

8.6

曾子说: 可以託六尺之孤, 可以寄百里之命, 临大节而不可夺也。君子人与? 君子人也。

Tăng tử thuyết: Khả dĩ thắc lục xích chi cô, khả dĩ ký bách lý chi mệnh, lâm đại tiết nhi bất đoạt dã. Quân tử nhân du? Quân tử nhân dã.

Tăng Tử nói: Có thể gửi gắm vua còn nhỏ tuổi, có thể giao vận mệnh quốc gia, nguy hiểm thân mình không mất khát tiết. Người ấy có phải quân tử không? Đúng là người quân tử.

8.7

曾子曰: 士不可以不弘毅, 任重而道远。仁以为己任, 不亦重乎? 死而后已, 不亦远乎?

Tăng Tử viết: Sĩ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhậm trọng nhi đạo viễn. Nhân dĩ vi kỵ nhậm, bất diệc trọng hò? Tử nhi hâu dĩ, bất diệc viễn hò?

Tăng Tử nói: Kẻ sĩ không thể thiếu lý tưởng lớn lao và ý chí kiên cường bởi vì bởi vì họ phải gánh vác trách nhiệm lớn lao. Gánh điều nhân chẳng phải rất nặng ư? Đến chết mới được ngừng nghỉ, chẳng phải đường dài ư?

8.8

子曰: 兴於诗, 立於礼, 成於乐。

Tử viết: Hung ư thi, lập ư lễ, thành ư nhạc.

Không tử nói: Thơ có thể gây hứng thú làm điều tốt, lễ giúp ta lập thân, âm nhạc giúp ta tu dưỡng, hoàn thành nhân cách.

8.9

子曰：民可使由之，不可使知之。

Tử viết: Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi.

Không tử nói: Có thể khiến cho dân chúng đi theo đường của ta, không thể để họ hiểu vì sao phải như vậy.

(Lời bàn: Câu nói trên có một cách hiểu khác, nếu đánh dấu phẩy khác đi thì câu nói sẽ là: “Dân khả sử, do chi; Bất khả sử, tri chi”: Nếu dân đồng ý làm theo thì để họ làm; Nếu dân chưa hiểu thì phải giải thích cho họ biết).

8.10

子曰：好勇疾贫，乱也。人而不仁，疾之已甚，乱也。

Tử viết: Hiếu dũng tật bần, loạn dã. Nhân nhi bất nhân, tật chi dĩ tham, loạn dã.

Không tử nói: Kẻ dũng mà ghét sự nghèo hèn của mình thì dễ làm loạn. Kẻ bất nhân mà bị ghét bỏ quá mức cũng dễ làm loạn.

8.11

子曰：如有周公之才之美，使骄且吝，其余不足观也已。

Tử viết:: Như hữu Chu công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư bất túc quan dã dĩ

Không tử nói: Nếu có người tài năng và nghệ thuật giỏi như Chu công mà kiêu ngạo, keo kiệt thì những phẩm chất khác của người đó không cần quan sát nữa làm chi.

8.12

子曰：三年学，不至於谷，不易得也。

Tử viết: Tam niên học, bất chí ư lộc, bất dị đắc dã

Người đi học ba năm chẳng chú ý cầu bỗng lộc, ít thấy người được như vậy.

8.13

子曰：“笃信好学，守死善道。危邦不入，乱邦不居。天下有道则见，无道则隐。邦有道，贫且贱焉，耻也；邦无道，富且贵焉，耻也”。

Tử viết: Đốc tín hiếu học, thủ tử thiện đạo. Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư. Thiên hạ hữu đạo tắc kiến, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bần thả thiện yên, sỉ dã; Bang vô đạo, phú thả quý yên, sỉ dã.

Không tử nói: Đốc lòng tin vào học đạo, quyết tử quên thân giữ đạo, không đến những nước nguy hiểm, không ở đất loạn lạc. Thiên hạ có đạo thì ra làm quan, vô đạo thì đi ẩn. Nước có đạo mà nghèo nàn thì đáng sỉ nhục. Nước nhà loạn lạc mà mình giàu có cũng đáng sỉ nhục.

8.14

子曰：不在其位，不谋其政。

Tử viết: Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chính.

Không tử nói: Không giữ chức vụ nào thì đừng bàn về việc ấy.

8.15

子曰：师摯之始《关雎》之乱，洋洋乎盈耳哉！

Tử viết: Sư Chí chi thi “Quan thư” chi loạn, dương dương hò doanh nhĩ tai.

Không tử nói: Nhạc sư Chí mới phổ nhạc bài “Quan thư” mới nghe ồn ào, sau thấy dào dạt vui thích thuận tai lǎm.

8.16

子曰：狂而不直，侗而不愿，忒忒而不信，吾不知之矣。

Tử viết: Cuồng nhi bất trực, đồng nhi bất nguyện, không không nhi bất tín, ngô bất tri chi hĩ.

Không tử nói: Cuồng vọng mà thiếu ngay thẳng, kém hiểu biết mà không chân thành, bất tài mà không tín nghĩa. Ta không hiểu loại người này.

8.17

子曰：学如不及，犹恐失之。

Tử viết: Học như bất cập, do khùng thất chí.

Không tử nói: Học tập phải như đuổi không kịp, dù có đuổi kịp còn sợ mất mát điều đã học.

8.18

子曰：巍巍乎，舜禹之有天下也而不与焉！

Tử viết: Nguy nguy hò, Thuấn Vũ chi hữu thiên hạ dã nhi bất dự yên.

Không tử nói: Lòng lộng cao cả thay vua Thuấn vua Vũ, có cả thiên hạ rồi mà không kiêu hanh tự mãn.

8.19

子曰：“大哉尧之为君也！巍巍乎唯天为大，唯尧则之。荡荡乎，民无能名焉。巍巍乎其有成功也，焕乎其有文章！”

Tử viết: Đại tai Nghiêu chi vi quân dã ! Nguy nguy hò duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi. Đang đăng hò, dân vô năng danh yên. Nguy nguy hò kỳ hữu thành công dã, hoán hò kỳ hữu văn chương.

Không tử nói: Vĩ đại thay vua Nghiêu ! Cao quý thay, chỉ có trời là cao lớn nhất, và chỉ có vua Nghiêu theo kịp đạo trời. Mệnh mông bát ngát dân chúng không ca ngợi xiết. Công lao vua Nghiêu thật vĩ đại, văn chương lênh nhàng ban ra tươi sáng khắp nơi.

8.20

舜有臣五人而天下治。武王曰：“予有十人”。孔子曰：“才难，不其然乎？唐虞之际，於斯为盛，有妇人焉九人而已。三分天下有其二，以服事殷。周之德，其可谓至德也已矣”。

Thuấn hữu thần ngũ nhân nhi thiên hạ trị. Vũ vương viết: Dư hữu thập nhân. Không tử viết: Tài nan, bất kỳ nhiên hò ? Đường Ngu chi tế, ư tư kỳ thịnh, hữu phụ nhân yên cữu nhân nhi dĩ. Tam phân thiên hạ hữu kỳ nhị, dĩ phục sự Ân. Chuchi đức, kỳ khả vị chí đức dã dĩ hĩ.

Vua Thuấn chỉ có năm hiền thần mà thiên hạ bền vững. Vua Vũ Vương từng nói: Ta có mười người. Không tử nói: Có được nhân tài khó thay, chẳng phải vậy ư? Sau thời Đường Ngu có lúc Vũ vương đạt đến thịnh vượng, nhưng trong 10 người chỉ có 1 người là nữ, nên thực

ra chỉ có 9 người mà thôi. Được hai phần ba thiên hạ, vua Vũ vẫn lấy thân phận chư hầu phục vụ nhà Ân. Đức của vua Chu Vũ Vương là cao quý nhất.

8.21

子曰：禹，吾无间然矣。菲饮食而致孝乎鬼神，恶衣服而致美乎黻冕；卑宫室而尽力乎沟洫。禹，吾无间然矣。

Tử viết: Vũ, ngô vô gian nhiên hĩ. Phỉ ẩm thực nhi trí hiếu hò quỷ thần, ô y phục nhi trí mĩ hò phát miện; Tì cung thất nhi tận lực hò câu hức. Vũ, ngô vô gian nhiên hĩ.

Không tử nói: Vua Vũ, ta chẳng thấy có khuyết điểm nào để nói nữa. Ăn uống đậm bạc mà tế lễ quỷ thần rất thịnh soạn, trang phục bình thường giản dị mà tế lễ thì mặc đẹp, mĩ miện đầy đủ. Nơi ở thì chật hẹp, dốc toàn lực ra xây dựng đê điều thủy lợi. Về vua Vũ, ta chẳng có gì để nói.

Hết thiên 8

9. 子罕 Tứ hän

第九篇 thiêng 9

31 bài

9.1

子罕言利与命与仁。

Tứ hän ngôn lợi dũ mệnh dũ nhân

Không tử ít bàn về lợi, mệnh trời và nhân tính.

(Lời bàn:

Chúng tôi đã tham khảo hai cách chú giải:

1. GS. Cao Xuân Huy giải thích: "Không tử ít khi bàn về lợi ích liên quan đến thiên mệnh và nhân" (GS Nguyễn Huệ Chi thuật lại qua một email khi tôi hỏi ý kiến thầy). Nghĩa là chỉ bàn về **lợi** nếu không liên quan đến **mệnh và nhân**.

2. Một số học giả Trung Quốc và Đài Loan cho rằng: Không tử ít khi bàn về lợi nhưng có bàn về mệnh trời và nhân tính (do phiên âm như sau: Tứ hän ngôn lợi **dụ** mệnh **dụ** nhân)

(*Nguyễn Thanh Phong NCS ở Đài Loan cung cấp tư liệu*).

Sau cùng chúng tôi chọn cách chú giải khác và tin tưởng là đúng hơn:

"**Lợi**": Không tử ít bàn về lợi, vì lợi mình mà hại người, hại đạo.

Quan điểm của cổ nhân thường là: *Trọng nghĩa khinh lợi, Trọng nghĩa khinh tài, Nghĩa trước, lợi sau*. Quan điểm đó phù hợp với lời Không tử.

"Thiên mệnh" huyền bí, con người chưa thấu hiểu được, nói tùy tiện khiến người ta lo lắng. Do đó Không tử không muốn bàn về "Trời".

"Nhân" là khái niệm mở rộng, rất phức tạp, không thể đơn giản bàn lý thuyết, do vậy Không tử chỉ xem xét những trường hợp cụ thể của chữ Nhân.

Xin xem thiêng 5.13 Công Dã Tràng (Tứ Cống nói: *Văn chương của thầy, chúng ta đã được biết. Còn luận bàn của thầy về nhân tính và đạo trời thì chúng ta chưa biết*).

9.2

达巷党人曰：“大哉孔子！博学而无所成名”

。子闻之，谓门弟子曰：“吾何执？执御乎？执射乎？吾执御矣”。

Đạt Hạng đáng nhân viết: Đại tai Khổng tử ! Bác học nhi vô sở thành danh. Tử văn chi, vị môn đệ tử viết: Ngô hà chấp? Chấp ngự hồ ? Chấp xạ hồ ? Ngô chấp ngự hĩ.

Một người ở làng Đạt Hạng nói: “Khổng tử thật là vĩ đại ! Người học rộng nhưng rất tiếc chẳng có chức danh gì”. Khổng tử nghe được, nói với học trò: “Ta làm cái gì ư? Ta đánh xe hay là bắn cung? Thôi, ta làm nghề đánh xe vậy.”

(Lời bàn: Người dân ca ngợi Khổng tử vĩ đại nhưng họ tiếc rằng ngài chẳng có danh hiệu gì. Thực ra Khổng tử vĩ đại ở đức nhân. Đây là điều cốt lõi của con người và nền tảng văn minh của xã hội... Con người không nhất thiết phải có một cái danh gì cụ thể. Nếu nhất định phải có thì ngài nhận mình là nghề đánh xe. Tức là đánh xe dẫn đường cho con người vậy !)

9.3

子曰:“麻冕, 礼也 ; 今也纯 , 俭, 吾从众。拜下,

礼也 ; 今拜乎上, 泰也。虽违众 , 吾从下”。

Tử viết: Ma miện, lẽ dã; Kim dã đòn, kiệm, ngô tòng chúng. Bái hạ, lẽ dã; kim bái hồ thượng, thái dã. Tuy vi chúng, ngô tòng hạ.

Khổng tử nói: **Đội mũ tang bằng vải gai đen là theo lễ xưa, nay dùng vải tơ rẽ tiền hơn. Vậy ta làm theo mọi người. Còn trong việc bái yết vua, theo đúng lễ là vái từ bậc thềm dưới, đời nay người ta vái từ bậc thềm trên, như thế là kiêu mạn, ta khác với họ. ta vẫn vái ở bậc thềm dưới.**

9.4

子绝四: 毋意, 毋必, 毋固, 毋我。

Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã.

Khổng tử không bao giờ mắc bốn sai lầm này: chỉ dựa vào ý riêng, áp đặt phán đoán, cố chấp, tự cho mình là đúng.

9.5

子畏於匡, 曰 :“文王既没, 文不在兹乎 ? 天之将丧斯文也 , 后死者不得与於斯文也 ; 天之未丧斯文也 , 匡人其如予何 ?”

Tử úy ư Khuông, viết: Văn Vương kí một, văn bát tại tư hồ? Thiên chi thương tang tư văn dã, hậu tử giả bát đắc dũ ư tư văn dã; Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà ?

Khi qua đất Khuông bị vây khốn, Khổng tử nói: Vua Văn Vương đã mất đi, chẳng phải lẽ nhạc, văn hóa đều còn ở nơi ta cả ư? Nếu Trời muốn hủy diệt nền văn hóa này thì sao vua Văn Vương mất đi lại ủy thác cho ta nấm lấy làm chi ? Còn nếu Trời không muốn mất nền văn hóa này thì người Khuông làm gì được ta !

9.6

太宰问於子贡曰:“夫子圣者与 ? 何其多能也 ?”. 子贡曰:“固天纵之将圣,又多能也”

。子闻之,曰:“太宰知我乎 ? 吾少也贱,故多能鄙事。君子多乎哉 ? 不多也”。

Thái Tề ván ư Tử Cống viết: Phu tử thánh giả dụ ? Hà kỳ đa năng dã ? Tử Cống viết: Cố thiên tung chi thương thánh, hữu đa năng dã”. Tử văn chi, viết: Thái Tề tri ngã hồ ? Ngô thiều dã tiễn, cố đa năng bỉ sự. Quân tử đa hồ tai ? Bất đa dã.

Quan Thái tể hỏi Tử Cống: Khổng tử là bậc thánh phải không? Vì sao ngài nhiều tài nghệ như vậy?. Tử Cống nói: Đây do Trời để cho Khổng tử làm thánh nhân, có nhiều tài...

Không tử biết việc này, nói: “Quan Thái tử làm sao hiểu được ta. Lúc nhỏ ta nghèo hèn, phải làm nhiều nghề nên biết nhiều việc nhỏ mọn. Người quân tử có cần biết nhiều vậy không ? Ta nghĩ không cần biết nhiều như vậy”

9.7

牢曰：子云，‘吾不试，故艺’。

Lao viết: Tử vân, ngô bất thí, có nghệ”

Ông Lao nói: “Không tử từng nói ta không thành danh, nên biết một số công nghệ”.

(Lời bàn: Không tử ít được trọng dụng làm quan (chỉ có mấy năm làm quan nước Lỗ). Ông cho rằng làm quan thì bận rộn, đặc chí, không có chí tiến bộ nữa. Khi hết quan về làm dân thì chẳng biết làm gì... Còn những người không được làm quan thì ra sức tìm tòi, mưu cầu cuộc sống, rèn luyện trong gian khổ, tài năng được bộc lộ).

9.8

子曰: 吾有知乎哉 ? 无知也。有鄙夫问於我,空空如也。我叩其两端而竭焉。

Tử viết: Ngô hữu tri hò tai ? Vô tri dã. Hữu bỉ phu ván ư ngã, không không như dã. Ngã khẩu kỵ lưỡng doan nhi kiệt yên.

Không tử nói: Ta có nhiều hiểu biết ư ? Không, ta không hiểu biết nhiều đâu. Có một nông dân hỏi ta một việc, lúc đầu ta chưa hiểu gì cả. Sau, ta phải hỏi lại trước sau đầu đuôi, rồi ta giải thích tường tận cho họ.

9.9

子曰：凤鸟不至，河不出图，吾已矣夫！

Tử viết:: Phượng điêu bất chí, hà bất xuất đồ, ngô dĩ hĩ phù !

Không tử nói: Phượng hoàng không bay đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện đồ thư, đời ta thế là hết rồi !

(Chú thích: Theo truyền thuyết, thiên hạ thái bình thì chim phượng hoàng bay đến, thánh nhân xuất hiện thì trên sông Hoàng Nối tẩm đồ thư (truyền thuyết về Hà đồ / bức vẽ bát quái trên sông- nguồn gốc của Kinh Dịch). Không tử buồn bã vì thời Xuân thu loạn lạc, chư hầu phân tranh, mất hết đạo đức lẽ nghĩa, không ai theo lễ nhâChunūra)

9.10

子见齊衰者，冕衣裳者与瞽者，见之，虽少，必作；过之，必趋。

Tử kiến tè thôi giả, miện y thường giả dũ cổ giả, kiến chi, tuy thiểu, tắt tác; Quá chi, tắt xu.

Không tử gặp người mặc tang phục, một người đội mũ miện mặc lễ phục và người mù dù họ còn trẻ, ngài cũng nhất định đứng lại hoặc nếu qua rồi thì đi nhanh hơn.

(Lời bàn: Là người có đức nhân, Không tử thương cảm người có tang, người khuyết tật và tôn trọng người có chức tước)

9.11

颜渊喟然叹曰: 仰之弥高, 钻之弥坚, 瞻之在前,

忽焉在后。夫子循循然善诱人, 博我以文, 约我以礼, 欲罢不能。即竭吾才, 如有所立卓尔。虽欲从之, 未由也已”。

Nhan Uyên vị nhiên thán viết: Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu. Phu tử tuần tuần nhiên thiện dụ nhân, bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ, dục bái bất năng. Túc kiệt ngô tài, như hữu sở lập trác nhĩ. Tuy dục tòng chi, mạt do dã dĩ

Nhan Uyên ngậm ngùi than rằng: **Đạo của thầy càng ngược lên nhìn, càng thấy cao, càng nghiên cứu càng thấy sâu xa. Mới thấy phía trước, lại thấy phía sau. Thầy khéo léo dẫn giải cho ta hiểu. Thầy dùng đủ loại văn chương làm cho ta hiểu, lại dùng lẽ tiết để đưa hành vi của ta vào khuôn phép, khiến ta muôn thôi cũng không được. Ta cố sức học mà vẫn thấy thầy đứng sừng sững trước mặt... Ta muôn theo đến cùng mà khó đạt yêu cầu của thầy ta.**

9.12

子疾病, 子路使门人为臣。病间, 曰: “久矣哉, 由之行诈也。无臣而为有臣。吾谁欺? 欺天乎? 且予与其死於臣之手也, 无宁死於二三子之手乎? 且予纵不得大葬, 予死於道路乎?”

Tử tật bệnh, Tử Lộ sử môn nhân vi thần. Bệnh gián, viết: Cửu hĩ tai, di chi hành trá dã. Vô thần nhi vi hữu thần. Ngô thùy khi? Khi thiên hò? Thả dư dũ kỳ tử ư thần chi thủ dã, vô ninh tử ư nhị tam tử chi thủ hò? Thả dư tung bát đắc đại táng, dư tử ư đạo lộ hò?

Không tử ốm nặng, Tử Lộ bảo học trò của thầy đóng vai già thần lo liệu hậu sự. Bệnh tình thuyên giảm, Không tử nói: Quá lầm rồi, Trọng Do, thật quá bày vẽ. Không thực tế lại còn dối trá nữa. Ta làm gì có già thần mà lại giả bộ thế. Ta lừa ai? lừa trời chăng? Giả sử ta chết trong tay già thần, sao bằng chết trong tay học trò của ta! Dù không được tang lễ trọng thể, chả lẽ ta chết ở ngoài đường hay sao?

(Chú thích: Tử Lộ vì tôn kính thầy mà đạo diễn đám tang thầy theo kiểu quan chức, quý tộc. Không tử thì muốn hành xử theo đúng chính danh, nếu làm như trò là dối người lừa trời, chết mà còn mắc thêm tội)

9.13

子贡曰: 有美玉於斯, 韫匱而藏诸? 求善贾而沽诸?.

子曰: 沽之哉, 沽之哉! 我待贾者也。

Tử Công viết: Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư? Cầu thiện giá nhi cô chư?

Tử viết: Cô chi tai, cô chi tai! Ngã dãi giá giả dã.

Tử Công nói: Đây có viên ngọc đẹp, bây giờ cất vào tráp hay là đem tìm người biết giá trị của nó mà bán đi?

Không tử đáp: Bán đi, bán đi... Ta đang đợi người biết giá của nó đây.

(Chú thích: Viên ngọc là ẩn dụ chỉ tài năng. Không tử nói mình chờ vua chúa mòi đi làm quan)

9.14

子欲居九夷。或曰: “陋, 如之何?”子曰: “君子居之, 何陋之有?”

Tử dục cư Cửu Di. Hoặc viết: Lậu, như chi hè? Tử viết: Quân tử cư chi, hè lậu chi hữu?

Không tử muôn đến đất Cửu Di để ở. Có người nói “Đất ấy quá lạc hậu, làm sao ở được”. Không tử nói: Có người quân tử ở đó, làm sao còn lạc hậu nữa.

9-15

子曰：吾自卫反鲁，然后乐正，雅颂各得其所。

Tử viết: Ngô tự Vệ phản Lỗ, nhiên hậu nhạc chính, nhã tụng các đặc kỳ sở.

Không tử nói: sau khi ta từ nước Vệ trở về Lỗ, chỉnh lý lại các bản nhạc, khiến cho Nhã và Tụng có vị trí thích đáng của nó (như lễ, nhạc thời nhà Chu).

9-16

子曰：出则事公卿，入则事父兄，丧事不敢不勉，不为酒困，何有於我哉。

Tử viết: Xuất tắc sự công khanh, nhập tắc sự phụ huynh, tang sự bất cảm bất miễn, bất vi tửu khốn, hè hữu ư ngã tai.

Không tử nói: Ở triều đình thì tôn kính công khanh. Ở nhà hiếu đế với cha mẹ, anh chị, gấp việc tang thì chu toàn lễ tiết, rượu chè không quá say sura. Những việc đó ta đã làm được ít nào chăng ?

9-17

子在川上曰：逝者如斯夫，不舍昼夜。

Tử tại xuyên thượng viết: Thê giả như tư phù, bất xá trú dạ.

Không tử ngoài bờ sông nói: Kẻ ra đi mãi không trở lại, ngày đêm không ngừng trôi.

(Lời bàn: Nhìn nước sông (kẻ ra đi) nghĩ tới thời gian, trôi đi mãi không trở lại được, Không tử nhận ra qui luật khách quan, nghĩ về sự phán đấu không mệt mỏi của con người... Nhà triết học Hi Lạp cổ đại Heraclet cũng viết: “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông”. Từ hai phương trời xa, hai tư tưởng lớn gặp nhau)

9-18

子曰：吾未见好德如好色者也。

Tử viết: Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã.

Không tử nói: Ta chưa thấy người nào thích đức nhân như thích sắc đẹp.

(Lời bàn: Ngài biết bản tính tự nhiên của con người là thích sắc đẹp, nhưng yêu cầu họ nên rèn luyện tu dưỡng chữ Nhân)

9-19

子曰：譬如为山，未成一篑，止，吾止也；譬如平地，虽覆一篑，进，吾往也。

Tử viết: Thí như vi sơn, vị thành nhất trách, chỉ, ngô chỉ dã; Thí như bình địa, tuy phúc nhất trách, tiến, ngô vãng dã.

Không tử nói: Cũng như đắp núi, nếu thêm một sọt nữa thì thành núi, nếu ta đột nhiên ngưng lại là do ta tự dừng lại. Lại ví như ta đắp hang hố thành đất bằng, chỉ đỗ thêm một sọt đất nữa thôi, ta cũng cố gắng tiếp tục, đó là do ta muốn tiến đến thành công.

9-20

子曰：语之而不惰者，其回也与！

Tử viết: Ngữ chi nhi bất nọa giả, kỳ Hồi dã dư !

Không tử nói: Người nghe ta nói mà không uể oải, có lẽ chỉ có Nhan Hồi.

9.21

子谓颜渊曰：惜乎！吾见其进也，未见其止也。

Tử vị Nhan Uyên: Tích hò ! Ngô kiến kỳ tiến dã, vị kiến kỳ chỉ dã.

Không tử nói về Nhan Uyên than rằng: Tiếc thay ! Ta chỉ thấy trò Hồi không ngừng tiến lên, chứ chưa bao giờ thấy trò ấy ngừng phán đâu.

9.22

子曰：苗而不秀者有矣夫；秀而不实者有矣夫！

Tử viết: Miêu nhi bất tú giả hữu hĩ phù; Tú nhi bất thực giả hữu hĩ phù !

Không tử nói: Lúa này mầm mà không ra dòng nở hoa, chuyện này đích xác là có đây ! Làm dòng nở hoa mà không kết hạt, chuyện này đích xác là có đây!

(Lời bàn: Không tử ví người quân tử cũng như cây lúa vậy, nghĩa là phải có ích)

9.23

子曰：后生可畏，焉知来者之不如今也？四十，五十而无闻焉，斯亦不足畏也已。

Tử viết: Hậu sinh khả úy, yên tri lai giả chi bất như kim dã ? Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy dã dĩ.

Không tử nói: Những người sinh sau rất đáng sợ, nhưng biết đâu tương lai của họ không bằng hiện nay ! Nếu họ đến bốn chục, năm chục tuổi mà chưa có tiếng tăm gì thì không phải sợ họ nữa.

9.24

子曰：法语之言，能无从乎？改之为贵。巽与之言，能无说乎？绎之为贵。说而不绎，从而不改，吾末如之何也已矣。

Tử viết: Pháp ngữ chi ngôn, năng vô tòng hò ? Cải chi vi quý. Tốn dã chi ngôn, năng vô duyệt hò ? Dịch chi vi quý. Duyệt nhi bất dịch, tòng nhi bất cải, ngô mạt như chi hà dã dĩ hĩ.

Không tử nói: Lời nói đúng đắn có thể không nghe theo ư ? Làm theo lời ấy mà sửa chữa mới là quý. Lời nói từ tốn nhẹ nhàng nghe không vui sướng sao ? Vui thích chưa đủ, còn phải suy nghĩ nữa. Chỉ biết tiếp thu mà không sửa chữa, biết vui thích mà không suy nghĩ, ta chẳng biết loại người ấy thế nào nữa.

9.25

子曰：主忠信，毋友不如己者，过则勿惮改。

Tử viết: Chủ trung tín, vô hữu bất như kỷ giả, quá tắc vật đạn cải.

Không tử nói: Cốt yếu là phải biết giữ trung và tín, không kết bạn với kẻ không giống mình, có lỗi thì biết sửa chữa.

9.26

子曰：三军可夺帅也，匹夫不可夺志也。

Tử viết: Tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã.

Không tử nói: Trước ba quân, có thể cướp cờ, đoạt tướng nhưng không thể cướp đoạt ý chí của người dân bình thường.

(Lời bàn: Không tử muốn nhẫn nhů các chính khách, tướng lĩnh, nhà lãnh đạo phải nghĩ đến ý chí nhân dân, không thể áp đặt chính kiến cho họ)

9.27

子曰：“衣敝縑袍，与衣狐貉者立而不耻者，其由也与？‘不忮不求，何用不臧？’”。

子路终身诵之。子曰：“是道也，何足以臧？”

Tử viết: Ý tệ uân bào, dự ý hò hạc giả lập nhi bất sỉ giả, kỳ Do dã dư ? Bất kỳ bất cầu, hà dụng bát tang ? Tử Lộ chung thân tụng chi. Tử viết: Thị đạo dã, hà túc dĩ tang ?

Không tử nói: Mặc áo vải cũ rách dám đứng chung với người áo lông gấm mà không hổ thẹn, ta thấy chỉ có Tử Lộ thôi. Kinh Thi có câu: Không đồ kỵ, chẳng tham cầu, làm gì mà chẳng tốt đẹp”. Tử Lộ nghe được, thích lắm cứ đọc mãi hai câu này... Thấy vậy Không tử bảo: Chỉ có đọc thuộc như vậy, chưa đủ tốt đẹp được.

9.28

子曰：岁寒然后知松柏之后彫后也。

Tử viết: Tuế hàn nhiên hậu tri tùng bá chi hậu điêu hậu dã.

Không tử nói: Mùa lạnh, mới biết cây tùng cây bách rụng lá sau cùng

(Chú thích: người quân tử được ví như cây tùng cây bách chịu đựng mọi thời tiết)

9.29

子曰：知者不惑，仁者不忧，勇者不惧。

Tử viết: Trí giả bất hoắc, nhân giả bất ưu, dũng giả bất cự

Không tử nói: Người có trí tuệ không nhầm lẫn, người đức nhân không bao giờ ưu lo, người dũng khí chẳng bao giờ sợ hãi.

9.30

子曰：可与共学，未可与适道；可与适道，未可与立；可与立，未可与权。

Tử viết: Khả dự cộng học, vị khả dự thích đạo; Khả dự thích đạo, vị khả dự lập; Khả dự lập, vị khả dự quyển.

Không tử nói: Cùng học với nhau chưa chắc cùng đắc đạo như nhau. Có thể cùng đạt như nhau nhưng chưa chắc kiên định đạo lý như nhau. Có thể cùng kiên định như nhau, chưa chắc hành xử phù hợp hoàn cảnh như nhau.

(Lời bàn: Có thể suy ra: có bằng cấp như nhau chưa chắc trình độ ngang nhau...Cùng chúc vụ ngang nhau, chưa chắc làm tốt như nhau.)

9.31

“唐棣之华，

偏其反而。

岂不尔思，

室是远而”。

子曰：“未之思也，夫何远之有？”

Đường lệ chi hoa,
thiên kỳ phản nhi.

Khải bất nhĩ tư,
thất thị viễn nhi.

Tử viết: Vị chi tư dã, phù hà viễn chi hưu?

“Cây đường lệ nở hoa

Đung đưa nở rồi khép

Anh đâu quên nhớ em

Chỉ vì nhà xa quá !”

Đọc xong 4 câu thơ trên, Khổng tử bình luận: Vậy là chẳng “nhó” gì đâu. Nhớ thật thì có gì là xa xôi ??

(Lời bàn; Khổng tử là một nhà phê bình văn học sắc sảo đến lạnh lùng...Những người làm thơ viết nhạc trẻ đã viết ra những thơ tình, nhạc tình suốt mướt, uốn éo giả tạo nghĩ gì khi đọc Khổng tử?! Khổng tử còn mượn bài thơ nói về một chuyện khác: Yêu đạo lý là thật lòng nhưng người học kêu khó quá, kêu thiếu thời gian, nại ra mọi lý do lý tráu để trì hoãn việc học đạo...)

Hết thiên 9

1. 10. 言乡党Hương đảng

第十篇 thiêng 10

27 bài

10·1

孔子於乡党，恂恂如也，似不能言者。其在宗庙，朝廷，便便言，唯谨尔。

Khổng tử ư hương đảng, tuân tuân như dã, tự bất nǎng ngôn giả. Kỳ tại tông miếu, triều đình, tiệc tiệc ngôn, duy cẩn nhĩ.

Khổng tử ở quê nhà, đối với bậc trên, kính cẩn chậm chạp, như không biết nói gì làm gì. Nhưng khi ở nơi tông miếu triều đình làm việc, Khổng tử làm việc chắc chắn, thận trọng.

10·2

朝，与下大夫言，侃侃如也；与上大夫言，訚訚如也。君在，踧踖如也，与与如也。

Triều, dũ hạ đại phu ngôn, khản khản như dã; Dữ thượng đại phu ngôn, ngân ngân như dã. Quân tại, địch địch như dã, dũ dũ như dã.

Ở triều đình, (Khổng tử) nói chuyện với quan đại phu dưới quyền thì thăng thắn, với quan cấp trên thì giữ thái độ từ tốn. Khi vua đến thì ngài cung kính rụt rè như không yên tâm, không thể hiện cử chỉ gì thất lễ.

10·3

君召使摈，色勃如也；足躡如也。揖所与立，左手衣前后，襜如也。趋进，翼如也。宾退，必复命曰：“宾不顾矣”。

Quân triều sứ thần, sắc bột như dã; Túc khước như dã. Áp sở dự lập, tả hữu thủ, y tiền hậu, xiêm như dã. Xu tiến, dực như dã. Tân thoái, tất phục mệnh viết: Tân bất cõi hĩ.

Vua triều đến tiếp khách, Khổng tử tiếp chỉ xong thái độ nghiêm trang. Trước mặt khách, Khổng tử cẩn thận chu đáo, chân bước nhanh hơn. Đứng chào khách, ngài chấp hai tay cúi đầu, bên trái rồi bên phải, trang phục ngay ngắn chỉnh tề phía trước và phía sau. Dẫn khách vào, đi nhanh lên trước đưa thẳng hai tay như cánh chim. Khách ra về, ngài quay lại vua thưa: Khách không còn ngoảnh mặt lại nữa.

10·4

入公門,鞠躬如也,如不容。立不中門,行不履阈。過位,色勃如也,足蹠如也,其言似不足者。攝齊升堂,鞠躬如也,屏氣似不息者。出,降一等,逞顏色,怡怡如也。沒階,趨進,翼如也。復其位,踧踖如也。

Nhập cung môn, cúc cung như dã, như bất dung. Lập bất trung môn, hành bất lý vực. Quá vị, sắc bột như dã, túc khước như dã, kỳ ngôn tự bất túc giả. Nhiếp tư thăng đường, cúc cung như dã, bình khí tựa bất túc giả. Xuất, hàng nhất đẳng, sinh nhan sắc, di di như dã. Một gai, xu tiến, dực như dã. Phục kỳ vị, địch địch như dã.

Khi vào cửa cung điện, Ngài kính cẩn khom lưng, như mình không có chỗ dung thân (cảm thấy mình không xứng đáng). Không đứng giữa cửa, không dẫm chân lên ngưỡng cửa; Khi đi ngang chỗ vua ngồi, sắc mặt hơi đổi, chân bước nhanh hơn, nói khe khẽ. Khi vén áo bước lên công đường, ngài cúi mình nín thở. Khi trở ra, xuống một bậc thềm thì sắc mặt ngài thư giãn vui vẻ, xuống tới bậc chót ráo bước, hai tay đưa như chim xòe cánh. Trở lại vị trí của mình thì ngài giữ vẻ cung kính.

10·5

执圭,鞠躬如也,如不胜。上如揖,下如授。勃如战色,足蹜蹜,如有循。享礼,有容色。私觌,愉愉如也。

Chấp Khuê, cúc cung như dã, như bất thăng. Thượng như áp, hạ như thụ. Bột như chiên sắc, túc súc súc, như hữu tuân. Hưởng lễ, hữu dung sắc. Tư địch, du du như dã.

Mang ngọc Khuê (đi sứ, dâng lên vua chư hầu) hai tay dâng lên như bung không nỗi, Khổng tử giơ ngọc lên (như chào) rồi hạ xuống ngực, báo hiệu sắp dâng lễ, nét mặt kính sợ. Khi dâng lễ vật, ngài tươi tắn trang trọng. Khi đưa lễ của riêng mình thì ngài thoái mái vui tươi.

10·6

君子不以绀緞饰, 红紫不以为亵服。当暑, 衫緞绤, 必表而出之。缁衣, 羔裘; 素衣, 鬻裘; 黄衣, 狐裘。亵裘长,

短右袂。必有寝衣, 长一身有半。狐貉之厚以居。去丧, 无所不佩。非帷裳, 必杀之。羔裘玄冠不以吊。吉月, 必服而朝。

Quân tử bất dĩ cám tru súc, hồng tử bất dĩ vi tiết phục. Dương thử, chẩn hi khích, tất biếu nhi xuất chi. Tri y, cao cùu; Tố y, nghê cùu; Hoàng y, hò cùu, tiết tiết trường, đoán hữu mệ. Tất hữu tâm y, trường nhất thân hữu bán. Hò hạc chi hậu di cư. Khứ tang, vô sở bất bội. Phi duy thường, tất sát chi. Cao cùu huyền quan bất dĩ điêu. Cát nguyệt, tất phục nhi triều.

Quân tử không dùng màu xanh da trời và màu đỏ nâu để viền quần áo (màu xanh da trời là màu dùng khi cúng tế, màu đỏ nâu dùng khi có tang). Trời nóng, Khổng tử mặc áo đơn mỏng nhất định có lót bên trong. Mùa lạnh áo da cừu đen bên trong, áo dài đen ở ngoài; hoặc áo da hươu trắng bên trong thì áo dài trắng ở ngoài, nếu mặc áo da cáo màu vàng ở trong thì áo dài vàng ở ngoài. Áo thường ngày mặc ở nhà dài hơn lễ phục một ít, ống tay phải ngắn hơn ống trái một ít cho dễ làm việc. Khi ngủ ngài mặc áo dài bằng nửa người. Áo da hạc da cáo mặc làm việc nhà có lông dày và ấm. Khi mãn tang thì ngài thường đeo ngọc. Nói chung áo mặc ở nhà thì giản dị hơn. Không mặc áo da cừu màu đen và mũ đen đi viếng tang. Ngày đầu tháng, Khổng tử mặc triều phục vào chầu vua.

10-7

齐，必有明衣，布。齐，必变食，居必迁坐。

Trai, tất hữu minh y, bô. Trai, tất biến thực, cư tất thiên tọa.

Vào kỳ tế lễ, Khổng tử giữ mình sạch sẽ, mặc áo vải trắng. Trong kỳ tế lễ, thay đổi thức ăn, đổi phòng nghỉ (tạm không ở chung phòng với thê, thiếp)

10-8

食不厌精，脍不厌细。食饐而餗，鱼馁而肉败，不食。色恶，不食。臭恶，不食。失饪，不食。

不时，不食，割不正

，不食。不得其酱，不食。肉虽多，不使胜食气。唯酒无量，不及乱。沽酒市脯，不食。不撤薑

食，不多食。

Thực bát yếm tinh, khoái bát yếm tế. Thực bát nhí é, ngư nỗi nhí nhục bại, bát thực. Sắc ó, bát thực. Xú ó, bát thực. Thát nhãm, bát thực. Bát thời, bát thực, cát bát chính, bát thực. Bát đắc kỳ tương, bát thực. Nhục tuy đa, bát sứ thắng thực khí. Duy túr vô lượng, bát cập loạn. Cô túr thị bô, bát thực. Bát triệt khương thực, bát đa thực.

Về ăn uống Khổng tử không cần cao lương mỹ vị nhưng chọn thực phẩm vệ sinh và hợp đạo lí quân tử. Gạo giã trắng, thịt thái mỏng. Ngài không ăn tám loại sau đây: lương thực để lâu đổi màu, thức ăn ôi thiu, rau quả héo úa, thịt cá sống đã ngả màu, thức ăn có mùi khó ngửi, nấu sống hay chín quá, thực phẩm trái mùa, thức ăn nêm nếm không đúng cách, miếng thịt thái không vuông vắn. Thức ăn nhiều ngài cũng không ăn quá no, rượu không giới hạn nhưng không quá say. Không mua rượu và thịt khô ngoài chợ. Mỗi bữa ăn đều có gừng, chỉ vừa đủ.

10-9

祭於公，不宿肉，祭肉不出三日。出三日，不食之矣。

Té ư công, bát túc nhục, té nhục bát xuất tam nhật. Xuất tam nhật, bát thực chi hī.

Khổng tử dự lễ ở tông miếu, không để thịt qua đêm. Khi tế ở nhà, ngài không để thịt quá ba ngày. Nếu quá ba ngày, ngài không ăn nữa.

10-10

食不语，寝不言。

Thực bát ngũ, tẩm bát ngôn.

Khi ăn không trò chuyện, khi ngủ cũng không nói chuyện với ai.

10-11

虽疏食菜羹，瓜祭，必齐如也。

Tuy sơ thực thái canh, qua té, tất trai như dã.

Tuy ăn cơm rau cải bình thường, Khổng tử cũng cúng một ít dưa, thành tâm như cúng lễ.

10·12

席不正，不坐。

Tịch bất chính, bất tọa.

Chiếu trải không ngay ngắn, (ngài) không ngồi.

10·13

乡人饮酒，杖者出，斯出矣。

Hương nhân âm túu, truong gia xuất, tư xuất hĩ.

Khi uống rượu với người làng, đợi các cụ cao tuổi rời khỏi mâm, Khổng tử mới rời sau.

10·14

乡人傩，朝服而立於阼阶。

Hương nhân na, triều phục nhi lập ư tộ gai.

Người làng làm lễ tống quỷ nghênh thần, Khổng tử mặc triều phục đứng bậc thềm phía đông.

(Chú thích: Khổng tử quen lệ cúng té ở triều đình, quan chức đứng phía đông. Về quê thầy vẫn coi trọng lễ như thế)

10·15

问人於他邦，再拜而送之。

Vân nhân ư tha bang, tái bái nhi tống chi.

Khi nhờ người thăm hỏi bạn hữu ở nước khác, Khổng tử vái người đưa tin hai cái để tiễn người ấy.

(Chú thích: Một vái cảm tạ và tống tiễn người đưa tin, một vái gửi người bạn hữu ở nước kia)

10·16

康子馈药，拜而受之。曰：“丘未达，不敢尝”。

Khang tử quĩ dược, bái nhi thụ chi. Viết: Khâu vị đạt, bất cảm thường.

Quí Khang tử biếu thuốc, Khổng tử bái tạ rồi mới nhận, rồi nói: Khâu này chưa rõ tính thuốc nên chưa dám nếm.

10·17

厩焚。子退朝，曰：“伤人乎？”。不问马。

Cứu phàn. Tử thoái trào, viết: Thương nhân hò ? Bất vấn mã.

Chuồng ngựa cháy. Khổng tử rời khỏi triều đình, về đến nhà chỉ hỏi “Có ai bị thương không?”. Không hỏi ngựa.

(Lời bàn: những người nuôi ngựa là nô lệ nhưng vẫn được Khổng tử coi trọng như người bình thường, người thân thích)

10·18

君賜食,必正席先嘗之.君賜腥,必熟而荐之。君賜生,必畜之.侍食於君,君祭,先饭。

Quân tú thực, tất chính tịch tiên thường chi. Quân tú tinh, tất thực nhi tiên chi. Quân tú sinh, tất súc chi. Thị thực ư quân, quân tế, tiên phen.

Vua ban cho thức ăn chín, Khổng tử nhất định trải chiếu ngay ngắn rồi mới ngồi ăn. Vua ban thức ăn sống, Khổng tử nấu xong, cúng tổ tiên rồi mới ăn. Vua ban cho con vật còn sống, Khổng tử giữ lại nuôi. Khi ngồi hầu cơm vua, vua đang tế lễ, Khổng tử ném trước.

(Lời bàn: Khổng tử ném trước như một vệ sĩ để kiểm tra an toàn thực phẩm).

10·19

疾, 君视之, 东首, 加朝服, 拖绅。

Tật, quân thị chi, đông thủ, gia triều phục, tha thân.

Khổng tử bệnh nằm ở nhà, vua đến thăm, Khổng tử chuyển đầu hướng phiá đông, đem triều phục đắp lên người, dây đeo ở trên cùng.

10·20

君命召, 不俟驾行矣。

Quân mệnh triều, bất sĩ giá hành hĩ.

Khi vua gọi, Khổng tử đi bộ tới ngay, không cần xe.

(Lời bàn: Theo nghi lễ, các quan được quyền đi xe ngựa theo cấp bậc, Khổng tử đi bộ để khỏi phải chờ xe lâu, tận tụy với nhiệm vụ)

10·21

入太庙, 每事问。

Nhập thái miếu, mỗi sự vấn.

Khi vào lễ thái miếu, Khổng tử gấp điều gì cũng hỏi.

(Lời bàn: Thái miếu là miếu thờ tổ tiên của vua. Khổng tử hỏi lại nghi lễ cho chắc ăn, để tránh sai sót)

10·22

朋友死, 无所归, 曰:“於我殡”。

Bằng hữu tử, vô sở quy, viết: U' ngã thán.

Bạn hữu qua đời, không có thân thuộc, Khổng tử nói: Việc này do ta chịu trách nhiệm.

10·23

朋友之馈, 虽车马, 非祭肉, 不拜。

Bằng hữu chi quĩ, tuy xa mǎ, phi tế nhục, bất bái.

Bạn hữu tặng quà, dù là vật quý như xe ngựa nhưng không phải vật cúng tế được thì khi nhận, Khổng tử không bái tạ.

10·24

寢不尸，居不容。

Tâm bất thi, cư bất dung.

Ngủ ở nhà Không tử không nằm duỗi thẳng như cái xác, ở nhà dung mạo bình thường, không quá nghiêm túc

10·25

见齐衰者，虽狎，必变。见冕者与瞽者，虽亵，必以貌。凶服者式之。式负版者。有盛馔，必变色而作。迅雷风烈必变。

Kiến té thôi giả, tuy hiệp, tất biến. Kiến miện giả dự cổ giả, tuy tiết, tất dī mạo. Hung phục giả thức chi. Thức phụ bản giả. Hữu thịnh soạn, tất biến sắc nhi tác. Tấn lôi phong liệt át biến.

Gặp người có tang tuy là quan hệ thân cận, Không tử vẫn thay đổi thái độ tỏ lòng thương xót. Nhìn thấy người mặc triều phục đội mũ miện hoặc người mù tuy là người quen, Không tử vẫn giữ thái độ lịch sự. Đi xe trên đường, gặp người mặc tang phục, Không tử cúi người phía trước gật đầu như chia sẻ với họ, tay vịn thành xe. Gặp người cầm sổ sách nhà nước cũng cúi chào như vậy để tỏ lòng kính trọng. Khi làm khách, thấy chủ nhà dọn mâm thịnh soạn, Không tử cũng thay đổi thái độ, cầm ơn rồi mới cầm đũa. Thấy cơn sấm to gió lớn, Không tử cũng tỏ vẻ lo lắng thiên tai gây họa cho dân.

10·26

升车，必正立，执绥。车中，不内顾，不疾言，不亲指。

Thăng xa, tất chính lập, chấp tuy, xa trung, bát nội cổ, bát tật ngôn, bát thân chỉ.

Lên xe, phải đứng thẳng, nắm sợi dây vịn rồi bước lên, vào trong xe. Trên xe rồi, không nhìn vào trong (tránh tò mò), không nói chuyện ngay, không giơ tay chỉ trỏ.

10·27

色斯举矣，翔而后集。曰：“山梁雌雉，时哉时哉！”。子路共之，三嗅而作。

Sắc tư cử hĩ, tường nhi hậu tập. Viết: Sơn lương thư trĩ, thời tai thời tai!. Tử Lộ cộng chi, tam khữu nhi tác.

Con chim thấy người có khí sắc dữ tợn, nó cất cánh bay đi vòng lại, rồi mới đỗ xuống. Không tử nói: Con chim trĩ mái trên sườn núi kia nó biết thời cơ lầm thay ! Tử Lộ định vồ bắt, nó kêu ba tiếng mà bay đi.

(Lời bàn: Con chim trước khi đỗ xuống thì quan sát, thấy người lạ, nó lượn vòng một lát, thấy yên tâm mới hạ cánh. Không tử lấy việc đó khuyên bảo học trò đi tới đâu cũng phải quan sát sự an nguy rồi hãy ở).

Hết thiên 10

1. 11. 先进 Tiêu tiên

第十一篇 thiêu 11

25 bài

11·1

子曰：先进於礼乐，野人也；后进於礼乐，君子也。如用之，则吾从先进。

Tử viết: Tiên tiến ư lễ nhạc, dã nhân dã; hậu tiến ư lễ nhạc, quân tử dã. Như dụng chi, tắc ngô tòng tiên tiến.

Không tử nói: Đời trước dùng lễ nhạc coi trọng phôi hợp nội dung và hình thức, về sau bị coi là quê mùa. Đời sau coi trọng hình thức hơn nội dung thì được xem là quân tử. Khi dùng lễ nhạc, ta vẫn theo đời trước.

Chú thích: “Lễ” là những qui định, trật tự thích hợp với mọi việc trong cuộc sống, “nhạc” là sự hòa hợp của mọi việc, biểu hiện ra bằng bản nhạc, lời ca, điệu múa. **Lễ và Nhạc** là hạt nhân của văn hóa truyền thống Trung Hoa, gắn liền với lịch sử phát triển văn hóa dân tộc.

Thời thượng cổ, chưa có lễ nhạc nên loài người còn lẫn lộn với các loài vật khác.

Dần dần con người trải qua kinh nghiệm, đặt ra lễ và nhạc, đặc biệt đầu nhà Chu có những thành tựu đầu tiên (Nhà Chu bắt đầu từ thế kỷ 11 trước CN đến thế kỷ 3 tr.CN gồm 2 hai thời kỳ Tây Chu và Đông Chu, Đông Chu lại chia ra hai giai đoạn Xuân thu và Chiến quốc). Không tử sinh trưởng vào cuối giai đoạn Xuân thu (778 – 455 tr CN) nên ông gọi các bậc tiền bối thời Tây Chu và trước nữa là các vị vua Nghiêng, Thuần, Vũ, Chu Công Đán (thời kỳ truyền thuyết) là cổ nhân, coi đó là mẫu mực của Lễ và Nhạc... Đến thời Không tử, lễ nhạc đã thay đổi nhiều, phong phú hơn với hình thức chải truốt văn vẻ nhưng lại mất đi tính chất phác, chân thực của cổ nhân [Nhà Tây

Chu có một vị quan được phân công coi việc lễ-nhạc gọi là **Nho quan** (儒官) tương tự bộ trưởng

Bộ văn hóa ngày nay...Đời sau nhận thấy học thuyết Không tử rất coi trọng lễ nhạc (Nho) nên tạm gọi tên học thuyết của ngài là **Nho học**. Không tử thất vọng vì thấy lễ nhạc cổ nhân bị thay đổi, ông cho rằng đó chính là nguyên nhân dẫn đến sự suy đồi, bại hoại của chính trị, xã hội, luân lý, đạo đức.

11.2

子曰：“从我於陈、蔡者，皆不及门也。德行：颜渊、闵子骞、冉伯牛、仲弓。言语：宰我、子贡。政事：冉有、季路。文学：子游、子夏。

Tử viết: Tòng ngã ư Trần, Thái giả, giai bất cập môn dã. Đức hạnh: Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiêm, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Ngôn ngữ: Tề Ngã, Tử Cống. Chính sự: Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Văn học: Tử Du, Tử Hạ.

Không tử nói: Những người cùng theo ta sang nước Trần, nước Thái nay không còn ở bên ta nữa. Về đức hạnh tốt có: Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiêm, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Khéo ăn nói giao tiếp có: Tề Ngã, Tử Cống. Giới chính trị có: Nhiễm Hữu, Quý Lộ. Tài văn học có: Tử Du, Tử Hạ.

(Lời bàn: Dạy học, Không tử biết rằng mỗi học trò có khả năng khác nhau dù cùng học một thầy, chung một bài giảng)

11.3

子曰：“回也非助我者也，於吾言无所不说。

Tử viết: Hồi dã phi trợ ngã giả dã, ư ngô ngôn vô sở bất thuyết

Không tử nói: Nhan Hồi không phải người giúp ta mở mang kiến thức. Không lời nào ta nói mà trò ấy không thích.

(Lời bàn: Không tử nêu ra một tư tưởng độc đáo và hiện đại: Thầy và trò cùng mở mang nâng cao kiến thức cho nhau... gọi là giáo dục tương tác)

11.4

子曰：孝哉闵子骞！人不间於其父母昆弟之言。

Tử viết: Hiếu tai Mẫn Tử Khiêm ! Nhân bất gian ư kỳ phụ mẫu côn đệ chi ngôn.

Khổng tử nói: Mẫn Tử Khiêm thật là người hiếu thuận. Lời khen của người ngoài giống như lời khen của cha mẹ.

Chú thích: Mẫn Tử Khiêm, tên chữ là Mẫn Tồn, học trò Khổng Tử, mẹ mất sớm, người cha có vợ khác và sinh hạ được hai con. Người dì ghẻ đối với Mẫn vô cùng khắc nghiệt, nhưng anh vẫn một lòng hiếu thuận. Mùa Đông giá rét, hai con riêng của bà thì được mặc áo lót bông, riêng Mẫn Tử Khiêm thì mặc áo độn hoa lau ở bên trong. Tuy không đủ ấm, nhưng Mẫn chẳng bao giờ hờ môi kêu ca. Một hôm, cha Mẫn đi dạo chơi, anh theo đẩy xe, vì quá rét, tay cong nên rời tay xe ra. Người cha thấy thế biết là người kế mẫu ác nghiệt để cho con ông chịu rét lạnh, liền định đuổi người đàn bà cay nghiệt kia đi. Mẫn khóc lóc và kêu van với cha, xin đừng đuổi kẻ mẫu đi. Mẫn nói kẻ mẫu còn ở thì chỉ mình anh chịu rét, nếu bà đi rồi, cả hai em chịu rét và khổ lây. Cha anh nghe theo, và người kế mẫu biết chuyện hiếu thảo của người con chồng, từ đó bà thay đổi tính nết trở nên một bậc hiền mẫu.

Nhi thập tứ hiếu 二十四孝 là một tác phẩm văn học thời Nguyên do Quách Cư Nghiệp (1277-1367) biên soạn, kể lại sự tích 24 tấm gương hiếu thảo nổi tiếng. Trong đó có ba tấm gương vốn là học trò của Khổng tử: Tăng tử (Mẹ cắn ngón tay, tim con đau xót). Mẫn Tử Khiêm (Mẫn Tồn) chịu rét giữ hiếu. Tử Lộ (Trọng Do): vác gạo đường xa nuôi cha mẹ.

11·5

南容三复白圭，孔子以其兄之子妻之。

Nam Dung tam phục Bạch Khuê, Khổng tử dĩ kỳ huynh chi tử thê chi.

Nam Dung ba lần đọc thông mấy câu thơ Bạch Khuê. Khổng tử đem con gái của anh trai mình gả cho Dung.

(Chú thích: Trong Kinh Thi có hình tượng “bạch khuê” là viên ngọc trăng. Câu thơ nói rằng vết nhơ trên viên ngọc trăng còn mài bỏ đi được, vết nhơ trong lời nói không thể xóa bỏ... Nam Dung thích câu này nên hay đọc. Khổng tử khen ngợi Dung có đức hạnh)

11·6

季康子问：“弟子孰为好学？孔子对曰：有颜回者好学，不幸短命死矣，今也则亡”。

Quý Khang tử vấn: Đệ tử thực chi vi hiếu học ? Khổng tử đối viết: Hữu Nhan Hồi giả hiếu học, bất hạnh đoán mệnh tử hũ, kim dã tặc vong.

Quý Khang tử hỏi: Trong số học trò của ngài, ai là người hiếu học nhất?

Khổng tử nói: Có Nhan Hồi ham học nhất, không may đoán mệnh, chết mất rồi. Nay giờ chẳng còn ai nữa.

11·7

颜渊死，颜路请子之车以为之椁。子曰：“才不才，亦各言其子也。鲤也死，有棺而无椁。吾不徒行以为之椁。以吾从大夫之后，不可徒行也”。

Nhan Uyên tử, Nhan Lộ vị tử chi xa dĩ vi chi quách. Tử viết: Tài bất tài, diệc các ngôn kỳ tử dã. Lý dã tử, hữu quan nhi vô quách. Ngô bất đồ hành dĩ vi chi quách. Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất khả đồ hành dã.

Nhan Uyên chết, Nhan Lộ đè nghị với Khổng tử bán cái xe để mua cái quách (ngoài quan tài). Khổng tử nói: Dù có tài hay bất tài, đều là hàng con cháu chúng ta cả. Đến như Lý chết cũng chỉ có quan tài không có quách. Ta không thể bán xe để mua quách. Ta đã từng làm quan đại phu, không thể đi bộ được.

(Chú giải: Nhà Nhan Uyên quá nghèo không thể mua quách được. Nhan Lộ là cha Nhan Uyên xin thầy Khổng bán xe mua quách cho Uyên, Khổng tử không đồng ý, cho rằng làm việc tang cũng nên lượng sức mình, tránh tốn kém, ngay cả Lý là con trai Khổng tử chết cũng không có quách)

11·8

顏淵死，子曰：噫！天喪予！天喪予！

Nhan Uyên tử, Tử viết: Úc ! Thiên tang dư ! Thiên tang dư !

Nhan Uyên chết, Khổng tử kêu: Hồi ôi, Trời hại ta, Trời hại ta rồi !

11·9

顏淵死，子哭之恸。从者曰：“子恸矣”。曰：“有恸乎？非夫人之为恸而谁为？”

Nhan Uyên tử, tử khấp chí đồng. Tòng giả viết: Tử đồng hô ? Phi phu nhân chí vi đồng nhi thùy vi ?

Nhan Uyên chết, Khổng tử khóc lóc thảm thiết. Người đi theo Khổng tử nói: Thầy quá buồn bã. Khổng tử đáp: Ta buồn lắm sao? Ta không buồn vì người này thì còn buồn vì ai nữa !

(Lời bàn: Khổng tử nghĩ rằng Nhan Uyên là người kế tục sự nghiệp truyền đạo Nhân của mình mà nay anh ta chết nên thầy thất vọng rất lớn)

11·10

顏淵死，門人欲厚葬之，子曰：“不可”。門人厚葬之。子曰：

“回也視予猶父也，予不得視猶子也。非我也，夫二三子也”。

Nhan Uyên tử, môn nhân dục hậu táng, Tử viết: Bất khả. Môn nhân hậu táng chí. Tử viết: Hồi dã thị dư do phụ dã, dư bất đắc thị do tử dã. Phi ngã dã, phu nhị tam tử dã.

Nhan Uyên chết, bạn học muốn chôn cất trọng thể, Khổng tử nói: “Không thể được”. Học trò vẫn hậu táng Nhan Uyên. Khổng tử nói: “Nhan Uyên coi ta như cha, còn ta không được đối xử với trò đó như con ta. Đây chẳng phải là cái sai của ta, mà do các trò đứng ra tổ chức”.

(Lời bàn: Khổng tử cho rằng Nhan Uyên là người cao thượng, cách sống giản dị nên cũng an táng giản dị mới phải, như Khổng tử đã an táng con trai mình. Theo Khổng tử, nên an táng người chết theo như phẩm hạnh và tập quán của người đó, như vậy mới là tôn trọng người đã khuất).

11·11

季路問事鬼神。子曰：“未能事人，焉能事鬼？”。曰：“敢問死”。

曰：“未知生，焉知死？”

Quý Lộ vân sự quỉ thần. Tử viết: Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ ? Viết: Cảm vân tử. Viết: Vị tri sinh, yên tri tử?

Quý Lộ hỏi về quỷ thần. Khổng tử nói: Chưa biết việc người, làm sao biết được việc quỷ thần? Tử Lộ lại hỏi: Con xin hỏi về đạo lý của sự chết? Khổng tử nói: Chưa biết đạo lý sự sống, sao biết được đạo lý của sự chết.

(Lời bàn: Khổng tử có quan niệm rất thực tế, phải lo âu về cái cuộc sống trước mắt, khi nó chưa ổn định thì chưa bàn đến những việc trùu tượng xa xôi khác... Có quan điểm chê rằng Khổng tử quá thực dụng, nhưng ai là người không thực dụng với mức độ nào đó)

11·12

闵子侍侧, 閔閔如也 ; 子路, 行行如也 ; 冉有, 子贡, 侃侃如也。子乐。“若由也, 不得其死然”。

Mẫn tử thị trắc, ngân ngân như dã; Tử Lộ, hành hành như dã; Nhiễm Hữu, Tử Cống, khăn khăn như dã. Tử lạc: Nhược Do dã, bất đắc kỳ tử nhiên”.

Mẫn Tử Khiên hầu bên cạnh (Khổng tử) thường giữ vẻ mặt từ tốn tươi vui; Tử Lộ thì kiên cường thẳng thắn; Nhiễm Hữu, Tử Cống đĩnh đặc, khoan thai. Thầy rất vui, nói: Như trò Do (Tử Lộ) chỉ e chết bất đắc kỳ tử.

(Chú thích: “bất đắc kỳ tử”: Chết không yên lành. Khổng tử thấy Tử Lộ quá cẳng thẳng, thiếu bình tĩnh nên ông dự đoán, về sau quả nhiên Tử Lộ chết bất đắc kỳ tử)

11·13

鲁人为长府。闵子骞曰:“仍旧贯,如之何 ? 何必改作?”子曰: 夫人不言.言必有中。

Lỗ nhân vi Trường Phủ. Mẫn Tử Khiên viết: Nhưng cựu quán, như chi hè ? Hà tất cải tác? Tử viết: Phu nhân bất ngôn, ngôn tất hữu trung.

Người Lỗ muốn xây Trường Phủ. Mẫn Tử Khiên nói: “Dùng cái cũ có được không, cần gì xây mới ?”. Khổng tử nghe được, nói: Người này không nói thì thôi, đã nói là rất đúng.

11·14

子曰: 由之瑟奚为於丘之门 ? ”门人不敬子路。子曰: 由也升堂矣, 未入於室也。

Tử viết: Do chi sắt hè vi ư Khâu chi môn? Môn nhân bất kính Tử Lộ. Tử viết: Do dã thăng đường hĩ, vị nhập ư thất dã.

Khổng tử nói: Sao Trọng Do gảy đàn sắt ở nhà thầy?

Các bạn học của Tử Lộ (Do) nghe vậy, không còn kính trọng Tử Lộ nữa. Khổng tử thấy vậy lại nói: “Học vấn của Do đã lên tới nhà (đường) rồi, chứ chưa vào tới phòng (thất) đấy thôi. (Chú thích: Ngôi nhà người Trung Quốc xưa có ba cấp từ ngoài vào trong: Cửa (môn), nhà chính (đường) rồi mới đến phòng (thất). Tử Lộ gảy thứ đàn sắt 25 dây, âm thanh như đoàn giặc phuơng Bắc hành quân, nghe không hợp thái độ trung hoà của thầy nên thầy mới trách chưa đạt đến đạo học trung hòa. Lời nói của thầy với Tử Lộ nhằm nhắc khéo rằng kỹ thuật của Lộ mới chỉ đến mức gảy đàn ở nhà chính (đường), chưa uyên thâm đến mức gảy trong phòng (thất). Nhưng lời thầy giải thích với các học trò là để họ khỏi hiểu lầm Tử Lộ).

11·15

子贡问:“师与商也孰贤 ? ”子曰：“师也过, 商也不及”。曰:“然则师愈与 ? ”。子曰:

过犹不及。

Tử Công vấn: Sư dã Thương dã thực hiền ? Viết: “Sư dã quá, Thương dã bất cập”. Viết: Nhiên tắc Sư dã dự ? Tử viết: Quá do bất cập.

Tử Công hỏi: Sư và Thương ai hiền tài hơn ?

Không tử nói: Trò Sư có chỗ hơi quá, còn trò Thương lại chưa đạt tới.

Tử Công lại hỏi: Vậy là Sư giỏi hơn phải không ?

Không tử đáp: Quá đi và chưa đạt thì đều như nhau.

(Lời bàn: Đây là cách diễn đạt cụ thể đạo trungdung: vừa phải thì tốt hơn thái quá)

11·16

季氏富於周公,而求也为之聚敛而附益之。子曰:“非吾徒也。小子鸣鼓而攻之可也”

Quý thị phú ư Chu Công, nhi cầu dã vi chi tụ liêm nhi phụ ích chi. Tử viết: Phi ngô đồ dã. Tiêu tử minh cổ nhi công chi khả dã.

Họ Quý giàu hơn Chu công nhiều, vậy mà Nhiêm Cầu lại giúp đỡ họ Quý, làm cho họ Quý càng giàu hơn. Không tử nói: Nhiêm Cầu không còn là học trò ta nữa. Các con có thể công khai chỉ trích Nhiêm Cầu.

11·17

柴也愚, 参也鲁, 师也辟, 由也嘒。

Sài dã ngu, Sâm dã lỗ, Sư dã tịch, Do dã ngạn.

Trò Sài kém thông minh, trò Sâm chậm chạp, trò Sư cố chấp, trò Do thô tục.

11·18

子曰: 回也其庶乎,屡空。赐不受命,而货殖焉,亿则屡中。

Tử viết: Hồi dã kỳ thứ hò, lũ không. Tú bất thụ mệnh, nhi hóa thực yên, úc tắc lũ trung.

Không tử nói: Nhan Hồi đạo học đã khá rồi, mà vẫn còn nghèo. Đoan Mộc Tú (túc Tử Công) không nghe thầy, bỏ đi buôn bán, tính toán hàng hóa, thường là tính đúng.

(Chú thích: Đoan Mộc Tú túc Tử Công)

11·19

子张问善人之道, 子曰: 不踐迹, 亦不入於室。

Tử Trương vấn thiện nhân chi đạo, Tử viết: Bất tiễn tích, diệc bất nhập ư thất.

Tử Trương hỏi về đạo của người thiện, Không tử nói: Người thiện không theo dấu chân người khác mà đi, nhưng học vấn của họ chưa hoàn thiện.

(Chú thích: Người thiện vốn có phẩm chất cơ bản tốt nhưng chưa học được Đạo thì chưa hoàn thiện)

11·20

子曰: 论笃是与, 君子者乎? 色庄者乎?

Tử viết: Luận đốc thị dự, quân tử giả hò? Sắc trang giả hò?

Không tử nói: Người bàn bạc nhiều về đạo, có phải quân tử không ? Hay chỉ là người có vẻ ngoài trang trọng?

11·21

子路问:“闻斯行诸 ?” 子曰:“有父兄在, 如之何其闻斯行之 ?”.

冉有问 : “闻斯行诸 ?” 子曰:“闻斯行之”。 公西华曰:“由也问闻斯行诸 , 子曰,

‘有父兄在’ ; 求也问闻斯行诸 , 子曰,‘闻斯行之’。 赤也惑, 敢问”

。 子曰:“求也退, 故进之 ; 由也兼人 , 故退之”。

Tử Lộ vấn: Văn tư hành giả? Tú viết: Hữu phụ huynh tại, như chi hà kỳ văn tư hành chi ?
Nhiễm Hữu vấn: Văn tư hành giả? Tú viết: Văn tư hành chi.

Công Tây Hoa viết: Do dã vấn văn tư hành giả, tú viết hưu phụ huynh tại; Cầu dã vấn văn tư hành giả, Tú viết: Văn tư hành chi. Diệc dã hoặc, cảm vấn.

Tú viết: Cầu dã thoái, có tiên chi; Do dã kiêm nhân, có thoái chi.

Tử Lộ hỏi: Nghe rồi thì nên thực hành ngay phải không ?

Không tử nói: Có mặt cha người, làm sao nghe rồi thực hành ngay ?

Nhiễm Hữu hỏi: Nghe rồi thì nên thực hành ngay phải không ?

Không tử lại bảo: Nghe được thì thực hành ngay.

Công Tây Hoa lại nói: Sao hai câu hỏi giống nhau mà thầy trả lời mỗi người một khác vậy?

Không tử giải thích: Nhiễm Hữu làm việc gì cũng nhút nhát rụt rè nên ta cỗ vũ nó. Còn Tử Lộ dũng khí hơn người, hăng hái dám làm nên ta kìm bớt nó một chút.

11·22

子畏於匡, 颜渊后。 子曰 : “吾以女为死矣”。 曰 : “子在, 回何敢死 ?”

Tú úy ư Khuông, Nhan Uyên hậu. Tú viết: Ngô dĩ nhữ vi tử hĩ.

Viết: Tử tại, Hồi hà cảm tử ?!

Không tử một phen hoảng sợ ở đất Khuông, Nhan Uyên đi sau, bị lạc, cuối cùng mới gặp nhau. Không tử nói: Ta tưởng người chết rồi. Nhan Uyên đáp: Thầy còn sống, làm sao con dám chết ?!

11·23

季子然问:“仲由,冉求可谓大臣与 ?”

子曰:“吾以子为异之问,曾由与求之间。 所谓大臣者,以道事君,不可则止。 今由与求也,可谓具臣矣”。 曰:“然则从之者与 ?” 子曰:“弑父与君, 亦不从也”。

Quý Tử Nhiên vấn: Trọng Do, Nhiễm Cầu khả vị đại thần dự? Tú viết: Ngô dĩ tử vi di chi vấn, tàng Do dự Cầu chi gian. Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chi. Kim Do dự Cầu dã, khả vị cụ thần hĩ. Viết: Nhiên tắc tòng chi giả dự ? Tú viết: Thí phụ dự quân, diệc bất tòng dã.

Quý Tử Nhiên hỏi: Trọng Do và Nhiễm Cầu có thể gọi là đại thần không?

Không tử nói: Ta tưởng hỏi ai, hoá ra Do và Cầu. Được gọi là đại thần phải là người biết lấy đạo tiên vương để thờ vua, nếu không được vậy thì từ chức quan đi. Hiện nay Do và Cầu mới chỉ đủ đức hạnh làm quan (thường) thôi.

Quý Tử Nhiên lại hỏi: Thέ bọn họ đều làm việc cho họ Quý chứ?

Không tử nói: Những việc như giết cha và vua thì chúng chẳng bao giờ thuận theo cả (họ Quý đã từng giết cha, giết vua)

11·24

子路使子羔为费宰。子曰:“贼夫人之子”。子路曰:“有民人焉,有社稷焉,何必读书,然后为学?”子曰:“是故恶夫佞者”。

Tử Lộ sử Tử Cao vi Phí tể. Tử viết: Tắc phu nhân chi tử. Tử Lộ viết: Hữu thị nhân yên, hữu xã tắc yên, hà tất độc thư, nhiên hậu vi học? Tử viết: Thị cố ố phu nịnh giả.

Tử Lộ cử Tử Cao đi làm huyện trưởng huyện Phí. Khổng tử nói: Thế là làm hại con người ta rồi. Tử Lộ cai lại: làm quan thì cai trị dân, tế lễ thần xã tắc, không cần phải chọn kẻ có học, làm quan sau rồi học cũng được. Khổng tử nói: Cho nên ta ghét kẻ ba hoa khéo mồm mép.

11·25

子路、曾皙、冉有、公西华侍坐。子曰:“以吾一日长乎尔,毋吾以也。居则曰:不吾知也!如或知尔,则何以哉?”

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa thị tọa. Tử viết: Dĩ ngô nhát nhật trường hồ nhĩ, vô ngô dĩ dã. Cư tắc viết: bất ngô tri dã! Như hoặc tri nhĩ, tắc hà dĩ tai?

Tử Lộ, Tăng Tích, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa ngồi hầu chuyện Khổng tử. Khổng tử nói: Ta nhiều tuổi hơn các trò, nhưng đừng vì thế mà các người không dám phát biểu ý kiến. Lúc ngồi rồi các người thường nói không ai biết đến mình. Giả dụ có người muốn bổ nhiệm thì các người định làm gì?

子路率尔

而对曰:“千乘之国, 摄乎大国之间, 加之以师旅, 因之以饥馑, 由也为之, 比及三年, 可使有勇, 且知方也”。夫子哂之。

Tử Lộ suất nhĩ nhi đối viết: Thiên thừa chi quốc, nghiệp hồ đại quốc chi gian, gia chi dĩ sur lữ, nhân chi dĩ cơ cận, do dã vi chi, bỉ cập tam niên, khả sử hữu dũng, thả tri phương dã. Phu tử sản chi.

Tử Lộ vội nói: Nếu có một nước với nghìn binh xa, bị kẹp giữa các nước lớn, bên ngoài bị nước khác đến xâm phạm, trong nước thiên tai mất mùa, đói kém. Nếu con được quản lý nước đó, chỉ cần ba năm con làm cho dân dũng cảm vùng lên, lại hiểu biết đạo lý nữa.

“求, 尔何如?”对曰:“方六七十, 如五六十, 求也为之, 比及三年, 可使足民。如其礼乐, 以俟君子”。

“Cầu, nhĩ hà nhu?” Đối viết: Phương lục thất thập, như ngũ lục thập, Cầu dã vi chi, bỉ cập tam niên, khả sử túc dân như kỳ lễ nhạc, dĩ sĩ quân tử.

Khổng tử hỏi chí hướng của Nhiễm Cầu. Anh khiêm tốn thưa: Nếu một quốc gia rộng cỡ sáu bảy chục dặm hoặc nhỏ hơn một ít, chừng năm sáu chục dặm để cho con quản lý thì trong ba năm con làm cho dân no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử.

“赤,尔何如?” .对曰: 非曰能之, 愿学焉。宗庙之事, 如会同, 端章甫, 愿为小相焉。

“Xích, nhĩ hà nhu?” Đối viết: Phi viết năng chi, nguyện học yên. Tông miếu chi sự, như hội đồng, đoan chương phủ, nguyện vi tiểu tướng yên.

Không tử lại hỏi “Xích, ngươi thì sao?”. Công Tây Hoa (tên Xich) thưa: Con không dám nói có thể làm được, nhưng cũng sẽ học theo. Việc tế lễ ở tông miếu, việc hội các nước đồng minh con chỉ muốn mặc lễ phục, giữ một chức quan nhỏ giúp vua tế lễ.
(Chú thích: Công Tây Hoa biết mình có khả năng ngoại giao nên chỉ nhận việc thích hợp, tức là phụ trách việc “lễ nhạc”)

“点,尔何如?”鼓瑟希,

铿尔,舍瑟而作,对曰:“异乎三子者之撰”。子曰:“何伤乎?亦各言其志也”。曰:“莫春者,春服既成,冠者五六人,童子六七人,浴乎沂,风乎舞雩,咏而归”。夫子喟然叹曰:“吾与点也!”。

“Điểm, nhĩ hà như?”. Cỗ sáu hy, khanh nhĩ, xá sáu nhi tác, đối viết: “Di hò tam tử giả chí soạn”. Tử viết: Hà thương hò? Diệc các ngôn kỳ chí dã”. Viết: Mạc xuân giả, xuân phục ký thành, quan giả ngũ lục nhân, đồng tử lục thất nhân, dục hò Nghi, phong hò Vũ Vu, vịnh nhi quy”. Phu tử vị nhiên thán viết: Ngô dự Điểm dã!”.

Không tử lại hỏi về chí hướng của Tăng Tích (tên Điểm). Anh đang gảy đàn đến phần cuối, tiếng đàn hùng hồn, nghe hỏi vội buông đàn đứng dậy đáp: Con suy nghĩ khác ba người kia. Không tử nói: Có gì khó đâu, mỗi người tự nói chí của mình. Tăng Tích thưa: Tháng ba cuối xuân mặc trang phục đẹp, rủ năm sáu bạn nhỏ đến sông Nghi tung tăng bơi lội tắm mát, lên đài cầu mưa Vũ Vu hóng gió nhảy múa, vừa đi vừa ngâm vịnh thơ từ mà trở về nhà...Không tử bùi ngùi than rằng: Ta đồng ý với Điểm vậy!

(Lời bàn: Quan điểm của Tăng Tích phù hợp Không tử lúc ấy nên ông tán thành).

三子者出,曾皙后。曾皙曰:“夫三子者之言何如?”

子曰:“亦各言其志也已矣”。曰:“夫子何哂由

也?”曰:“为国以礼。其言不让,是故哂之”。唯求则非邦也与? ”.

“安见方六七十如五六十而非邦也者? ”. “唯赤则非邦也与? ”. 宗庙会同,非诸侯

而何? 赤也为之小,孰能为之大? ”

Tam tử giả xuất, Tăng Tích hậu. Tăng Tích viết: Phu tam tử giả chí ngôn hà như? Tử viết: Diệc các ngôn kỳ chí dã dĩ hĩ. Viết: Phu tử hà sản do dã? Viết: “Vì quốc dĩ lễ. Kỳ ngôn bất nhượng, thị có sản chi”. Duy Cầu tắc phi bang dã dự? “An kiến phuong lục thất thập như ngũ lục thập nhi phi bang dã giả? ” Duy diệc tắc phi bang dã dự? “Tông miếu hội đồng, phi chư hầu nhi hà? Diệc dã vi chí tiêu, thực năng vi chí đại?

Ba người đi ra ngoài, Tăng Tích ở lại sau hỏi Không tử: Lời nói của ba người ấy như thế nào? Không tử nói: Chẳng qua mỗi người nói chí hướng của họ thôi. Tăng Tích hỏi: vì sao thày lại cười Tử Lộ? Không tử nói: Quản lý nhà nước cần đến lễ với khiêm nhường nhưng Tử Lộ nói năng chả có chút khiêm nhường nêna cười.

Tăng Tích lại hỏi: Những điều Nhiêm Cầu nói chẳng phải là việc quốc gia ư? Không tử nói: Sáu bảy chục dặm đất không phải là một quốc gia ư?

Tăng Tích lại hỏi: Điều mà Công Tây Hoa nói đó không phải là việc quốc gia ư? Không tử đáp: Có tông miếu, có liên minh nước khác, chả phải việc quốc gia thì là gì?

Hết thiên 11

1. 12. 颜渊 Nhan Uyên

第十二篇 thiên 12

24 bài

12·1

颜渊问仁。子曰：“克己复礼为仁。一日克己复礼,天下归仁焉。为仁由己,而由人乎哉？”

颜渊曰：“请问其目”。子曰：“非礼勿视,非礼勿听,非礼勿言,非礼勿动”。颜渊曰：“回虽不敏,请事斯语矣”。

Nhan Uyên vấn nhân. Tử viết: Khắc kỷ phục lễ vi nhân. Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiêng hạ qui nhân yên. Vi nhân do kỷ, nhi do nhân hò tai ? Nhan Uyên viết: Thỉnh vấn kỵ mục. Tử viết: Phi lễ vật thi, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động. Nhan Uyên viết: Hồi tuy bất mãn, thỉnh sự tư ngữ hĩ.

Nhan Uyên hỏi về đạo nhân. Không tử nói: Khắc phục ham muốn của mình theo lễ. Nếu một ngày làm được vậy, thiêng hạ sẽ theo về đức nhân. Thực hiện đức nhân do mình thôi, lễ nào phải nhờ người khác sao? Nhan Uyên nói: Xin thầy cho biết từng mục nhỏ để thực hiện đức nhân. Không tử nói: Việc trái lễ chớ xem, không hợp lễ chớ nghe, không hợp lễ chớ nói, không hợp lễ chớ làm. Nhan Uyên nói: Con không minh mãn cũng xin làm đúng lời thầy.

12·2

仲弓问仁。子曰：“出门如见大宾，使民如承大祭；己所不欲，勿施於人；在邦无怨，在家无怨”。仲弓曰：“雍虽不敏，请事斯语矣”。

Trọng Cung vấn nhân. Tử viết: “Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế; Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân; Tại bang vô oán, tại gia vô oán”. Trọng Cung viết: Ung tuy bất mãn, thỉnh sự tư ngữ hĩ.

Trọng Cung hỏi về chữ nhân, Không tử nói: Ra khỏi cửa, bước đi như sắp đón khách quý, sai khiến dân giống như đang làm tế lễ lớn. Việc mình không muốn, đừng làm cho người khác. Ở trong nước hay trong nhà đừng để cho ai oán giận mình. Trọng Cung nói: Con không minh mãn cũng xin làm đúng lời thầy.

12·3

司马牛问仁。子曰：“仁者，其言也讱”。曰：“其言也讱，斯谓之仁已乎？”子曰：“为之难，言之得无讱乎？”

Tư Mã Ngưu vấn nhân. Tử viết: Nhân giả, kỵ ngôn dã nhẫn. Viết: Kỵ ngôn dã nhẫn, tư vị chi nhân dã hò ? Tử viết: Vi chi nan, ngôn chi đặc vô nhẫn hò ?

Tư Mã Ngưu hỏi về đức nhân. Không tử nói: Người đức nhân không nói nǎng tùy tiện, phải nhẫn nại. Ngưu hỏi lại: Không nói tùy tiện và nhẫn nại là người nhân ư? Không tử nói: Làm dã khó, nói chả lẽ có thể tùy tiện ư?

12·4

司马牛问君子。子曰：“君子不忧不惧”。曰：“不忧不惧,斯谓之君子已乎？”

子曰：“内省不疚，夫何忧何惧？”

Tư Mã Ngưu vấn quân tử. Tử viết: Quân tử bất ưu bất cụ. Viết: Bất ưu bất cụ, tư vị chi quân tử dĩ hồ ? Tử viết: Nội tĩnh bất cùu, phu hà ưu hà cụ?

Tư Mã Ngưu hỏi về quân tử. Khổng tử nói: Quân tử không lo, không sợ.

Ngưu lại hỏi: Chẳng lo chẳng sợ mà đủ gọi là quân tử ư?

Khổng tử nói: Tự xét mình không có tội thì còn gì phải lo lắng sợ hãi ?

12·5

司马牛忧曰:“人皆有兄弟，我独亡”。子夏曰:“商闻之矣:死生有命，富贵在天。君子敬而无失，与人恭而有礼，四海之内，皆兄弟也。君子何患乎无兄弟也？”

Tư Mã Ngưu ưu viết: Nhân giai hữu huynh đệ, ngã độc vong. Tử Hạ viết: Thương văn chi hĩ, tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên. Quân tử kính nhi vô thất, dự nhân cung nhi hữu lễ, tú hải chi nội, giai huynh đệ dã. Quân tử hà hoạn hèn vô huynh đệ dã ?

Tư Mã Ngưu buồn rầu nói: Mọi người đều có anh em, riêng tôi không có.

Tử Hạ nói: Ta từng nghe sống chết có số mệnh, phú quý do trời. Quân tử chỉ cần làm việc chu đáo, đối xử cung kính lễ độ với người thì bốn bề một nhà, là anh em cả. Quân tử lo gì không có anh em ?

(Chú thích: Dân gian thường nói tóm tắt: “Tú hải giai huynh đệ”)

12·6

子张问明.子曰:“浸润之谮,肤受之愬,不行焉,可谓明也已矣。浸润之谮,肤受之愬,不行焉,可謂远也已矣”。

Tư Trương vấn minh. Tử viết: Tâm nhuận chi trẫm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị minh dã dĩ hĩ. Tâm nhuận chi trẫm, phu thụ chi tố, bất hành yên, khả vị viễn dã dĩ hĩ.

Tư Trương hỏi về sự sáng suốt. Khổng tử nói: Lời nói xấu ngầm dàn, lời vu cáo đau nhức đến da đều không làm ảnh hưởng đến mình, được như vậy gọi là sáng suốt. Lời nói xấu và lời vu cáo chẳng có tác dụng tới mình thì có thể nói là người nhìn xa trông rộng.

12·7

子贡问政。子曰:“足食,足兵,民信之矣”。子贡曰:“必不得已而去,於斯三者何先 ?”曰:

“去兵”。子贡曰:“必不得已而去,於期二者何先?”曰:“去食。自古皆有死,民无信不立”。

Tư Cống vấn chính. Tử viết: “Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ. Tử Cống viết: Tát bất đắc dĩ nhi khú, ư tư tam giả hà tiên? Viết: Khú binh. Tử Cống viết: Tát bất đắc dĩ nhi khú, ư tư nhị giả hà tiên? Viết: Khú thực. Tự cổ giai hữu tử, dân vô tín bất lập.

Tư Cống hỏi về chính trị quốc gia. Khổng tử nói: “Phải đủ lương thực, đủ binh lính, nhân dân tin phục”. Tử Cống hỏi: Nếu buộc phải bỏ một cái thì bỏ cái nào? Khổng tử đáp: Bỏ quân lính. Tử Cống lại hỏi: Nếu buộc phải bỏ một trong hai điều còn lại thì bỏ cái gì? Khổng tử nói: Bỏ lương thực. Xưa nay không ai tránh được cái chết. Nếu nhân dân không còn tin tưởng nữa thì nước không đứng vững.

12·8

棘子成曰:“君子质而已矣，何以文为？”子贡曰:“惜乎夫子之说君子也！驷不及舌。文犹质也，质犹文也，虎豹之尊犹犬羊之尊”。

Cúc Tử Thành viết: Quân tử chất nhì dĩ hĩ, hà dĩ văn vi ? Tử Công viết: Tích hồ phu tử chi thuyết quân tử dã ! Tử bất cập thiêt. Văn do chất dã, chất do văn dã, hồ báo chi khuếch do khuyến dương chi khuếch.

Cúc Tử Thành nói: Quân tử chỉ cần phẩm chất tốt là được, cần chi văn nůa.

Tử Công nói: Tiếc thay ngài bàn về quân tử như vậy không đúng rồi. Bốn ngựa không đuổi kịp cái lưỡi. Văn cũng quan trọng như chất, chất quan trọng như văn. Da hồ, da báo lột đi thì làm sao phân biệt với da chó, da dê?

(Lời bàn: Chất và văn cũng như nội dung và hình thức. Văn là lẽ tiết, nghi thức, là hình thức. Ăn mặc nói năng tuy chỉ là vẻ ngoài nhưng cũng thể hiện cái phẩm chất bên trong. Vậy ta không nên coi thường hình thức.)

12.9

哀公问於有若曰:“年饥，用不足，如之何？”

有若对曰:“盍彻乎？”曰:“二，吾犹不足，如之何其彻也？”对曰:“百姓足，君孰与不足？百姓不足，君孰与足？”

Ai Công vấn ư Hữu Nhược viết: Niên cơ, dụng bất túc, như chi hà? Hữu Nhược đối viết: Hap triệt hồ ? Viết: Nhị, ngô do bất túc, như chi hà kỳ triệt dã ? Đối viết: Bách tính túc, quân tử dự bất túc ? Bách tính bất túc, quân thực dự túc ?

Lỗ Ai Công hỏi Hữu Nhược: Năm mêt mùa, không đủ tiêu xài, làm thế nào? Hữu Nhược nói: Sao ta không đánh thuế triệt (thu một phần 10 hoa lợi) của dân? Lỗ Ai Công nói: Thu hai phần mười, ta chưa đủ dùng, làm sao áp dụng biện pháp gia tăng đây? Hữu Nhược thưa rằng: Nếu dân đủ ăn, sao vua lại không đủ. Nếu dân thiếu ăn thì làm sao mà vua đủ được ?

12.10

子张问崇德辨惑。子曰:主忠信，徙义，崇德也。爱之欲其生，恶之欲其死，既欲其生，又欲其死，是惑也。‘诚不以富，亦祇以异’。

Tử Trương vấn sùng đức biện hoặc. Tử viết: Chủ trung tín, tỉ nghĩa, sùng đắc dã. Ái chi dục kỳ sinh, ô chi dục kỳ tử, kỳ dục kỳ sinh, hựu dục kỳ tử, thị hoặc dã. Thành bất dĩ phú, diệc chi dĩ dị.

Tử Trương hỏi về cách làm sao nâng cao đạo đức, nhìn ra được sự mê hoặc. Khổng tử nói: Lấy trung thực và tín nghĩa làm chính, ra sức làm việc nghĩa, đó là đề cao đạo đức. Yêu ai thì muốn họ sống, ghét ai thì muốn họ chết. Vừa mong người này sống, vừa muốn người kia chết – ấy là sự mê hoặc. Có câu ‘Thực chẳng vì giàu, chỉ vì lợ thôi’.

(Chú thích: Theo Nho giáo, sống và chết là do mệnh trời. Không thể vì yêu ghét mà cầu được. Muốn cầu xin là người mê hoặc. “Thực chẳng vì giàu, chỉ vì lợ thôi” là câu trong Kinh Thi. Ý nói: Giàu có mà vẫn thiếu phẩm chất tinh thần, ấy là chỉ có tài sản nhiều mà thôi).

12.11

齐景公问政於孔子。孔子对曰:“君君,臣臣,父父,子子”

。公曰：“善哉！信如君不君,臣不臣,父不父,子不子, 虽有粟,吾得而食诸？”

Tề Cảnh Công vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Quân quân, thàn thàn, phụ phụ, tử tử. Công viết: Thiện tai ! Tín như quân bất quân, thàn bất thàn, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hưu túc, ngô đắc nhì thực chư ?

Tề Cảnh Công hỏi Khổng tử về việc cai trị quốc gia. Khổng tử đáp: Làm vua ra vua, quan ra quan, cha ra cha, con ra con (làm đúng danh vị của mình). **Vua nói: Hay quá ! Nếu vua chẳng trọng đạo vua, tôi chẳng trọng đạo làm tôi, cha không trọng đạo làm cha, con chẳng trọng đạo con, tuy có lương thực đầy, ta có thể ăn được ư?**

(Lời bàn: Câu nói trên của Khổng tử là cốt lõi của học thuyết chính danh. Mỗi người đều phải làm đúng với danh hiệu, có vậy thì yên nhà, yên nước, xã hội ổn định và phát triển)

12·12

子曰：“片言可以折狱者，其由也与？”子路无宿诺。

Tử viết: Phiên ngôn khả dĩ chiết ngục giả, kỳ Do dã dự? Tử Lộ vô túc nặc

Khổng tử nói: Dùng một câu nói giản dị mà phán đoán vụ án, có lẽ chỉ có Trọng Do ! Tử Lộ đã hứa là nhất định đúng hạn.

(Chú thích: Tử Lộ túc Trọng Do có khả năng quyết đoán đúng sai, bản tính trung thực, vậy có thể xử án được)

12·13

子曰：“听讼，吾犹人也。必也使无讼乎！”

Tử viết: Thính tụng, ngô ưu nhân dã. Tất dã sủ vô tụng hò !

Khổng tử nói: Xem xử án, ta lo buồn như mọi người. Ta chỉ muốn không bao giờ xảy ra kiện tụng.

(Lời bàn: Khổng tử coi trong giáo dục, giáo hóa, nhờ đó sẽ không còn xảy ra xung đột và kiện tụng)

12·14

子张问政。子曰：“居之无倦，行之以忠”。

Tử Trương vấn chính. Tử viết: Cư chi vô quyền, hành chi dĩ trung.

Tử Trương hỏi về quản lý chính sự. Khổng tử nói: Giữ chức không được trễ nải, làm việc phải giữ trung thực.

12·15

子曰：“博学於文，约之以礼，亦可以弗畔矣夫！”

Tử viết: Bác học ư văn, yêu chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phất bạn hĩ phu !

Khổng tử nói: Người quân tử trước học sâu rộng về văn, sau học lễ ràng buộc mình, nhờ vậy khỏi trái đạo.

12·16

子曰：“君子成人之美，不成人之恶。小人反是”。

Tử viết: Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ố. Tiêu nhân phản thị.

Khổng tử nói: Quân tử giúp người làm điều tốt đẹp, không khiến người trở nên ác xấu. Kẻ tiêu nhân làm ngược lại.

12·17

季康子问政於孔子。孔子对曰：“政者正也。子帅以正，孰敢不正？”

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Chính giả chính dã. Tử sư dĩ chính, thực cảm bất chính ?

Quý Khang tử hỏi Khổng tử về chính sự. Khổng tử nói: Chữ “chính” nghĩa là “chính trực”. Ngài gương mẫu giữ đạo chính thì ai dám bất chính?

(Lời bàn: lưu ý hai chữ chính. 政 việc chính trị, quan chức. 正 chính đáng, đúng đắn)

12.18

季康子患盜，问於孔子。孔子对曰：“苟子之不欲，虽赏之不窃”。

Quý Khang tử hoạn đạo, vấn ư Khổng tử. Khổng tử đối viết: Câu tử chi bất dục, tuy thưởng chi bất thiết.

Quý Khang tử lo lắng nạn trộm cướp (rất nhiều ở nước Lỗ lúc ấy) bèn hỏi Khổng tử. Khổng tử nói: Nếu ngài không tham lam, dù có thưởng cho họ, họ cũng chẳng dám ăn trộm nữa.

12.19

季康子问政於孔子曰：“如杀无道，以就有道，何如？”孔子对曰：“子为政，焉用杀？子欲善而民善矣。君子之德风，人小之德草，草上之风，必偃”。

Quý Khang tử vấn chính ư Khổng tử viết: Như sát vô đạo, dĩ tựu hữu đạo, hà như?

Khổng tử đối viết: “Tử vi chính, yên dụng sát ? Tử dục thiện nhi dân thiện hĩ. Quân tử chi đức phong, nhân tiểu chi đức thảo, thảo thượng chi phong, tất yển.

Quý Khang tử hỏi Khổng tử về chính sự: Giết kẻ vô đạo, khiến dân biết mà theo đạo, được không ? Khổng tử đáp: Ngài cầm quyền quốc gia, cần gì phải giết người ? Ngài thực sự làm điều thiện thì dân sẽ làm điều thiện. Đức hạnh quân tử như gió, đức hạnh kẻ tiểu nhân như cỏ. Gió thổi trên cỏ thì cỏ nhất định rập theo chiều gió.

12.20

子张问：“士何如斯可谓之达矣？”子曰：“何哉，尔所谓达者？”子张对曰：“在邦必闻，在家必闻”。子曰：“是闻也，非达也。夫达也者，质直

而好义，察言而观色，虑以下人。在邦必达，在家必达。夫闻也者，色取仁而行违，居之不疑。在邦必闻，在家必闻”。

Tử Trương vấn: Sĩ hà như tư khả vị chi đạt hĩ? Tử viết: Hà tai, nhĩ sở vị đạt giả? Tử Trương đối viết: “Tại bang tất văn, tại gia tất văn”. Tử viết: Thị văn dã, phi đạt dã. Phu đạt dã giả, chất trực nhi hiếu nghĩa, sát ngôn nhi quan sắc, lự dĩ hạ nhân. Tại bang tất đạt, tại gia tất đạt. Phu văn dã giả, sắc thủ nhân nhi hành vi, cư chi bất nghi. Tại bang tất văn, tại gia tất văn.

Tử Trương hỏi: Ké sỹ như thế nào gọi là thành đạt ? Khổng tử nói: “Theo ngươi nghĩ đạt là gì?”. Tử Trương thưa: Khi làm quan ở triều đình có danh tiếng, ở quê nhà cũng có danh tiếng. Khổng tử nói: Đó gọi là văn chử không phải đạt. Đạt nghĩa là phải có phẩm chất chính trực, thích làm việc nghĩa, giỏi phân tích lời nói và giỏi quan sát sắc mặt người khác, khiêm tốn nhường nhịn người khác. Người như vậy làm quan triều đình nhất định đạt, ở nhà cũng đạt.

12.21

樊迟从游於舞雩之下，曰：“敢问崇德、修慝、辨惑”。子曰：“善哉问！先事后得，非崇德与？攻其恶，无攻人之恶，非修慝与？一朝之忿，忘其身，以及其亲，非惑与？”

Phàn Trì tòng du ư Vũ Vu chi hạ, viết: Cảm vân sùng đức, tu thắc biện hoặc. Tử viết: Thiện tai vân ! Tiên sự hậu đắc, phi sùng đức dự? Công kỵ ó, vô công nhân chi ó, phi tu thắc dự ? Nhất triều chi phẫn, vong kỵ thân, dĩ cập kỵ thân, phi cảm dự ?

Phàn Trì theo chân Khổng tử đi thăm đài Vũ Vu, hỏi: Dám hỏi thầy làm thế nào để tu dưỡng đạo đức, diệt ác trừ mê hoặc ? Khổng tử nói: Câu hỏi hay quá! Trước hãy làm việc thiện, chẳng phải là sùng đạo à? Phê phán cái xấu của mình, không chỉ trich cái sai của người khác, đó chẳng phải trừ bỏ lòng ác u? Nhất thời nóng giận mà quên bản thân, lại làm liên lụy cả cha mẹ, đó không phải mê hoặc u?

12.22

攀迟问仁。子曰:“爱人”

。问知。子曰：“知人”。樊迟未达。子曰：“举直错诸枉，能使枉者直”。樊迟退，见子夏曰：“乡也吾见於夫子而问知，子曰‘举直错诸枉，能使枉者直’，何谓也？”

子夏曰：“富哉言乎！舜有天下，选於众，举皋陶，不仁者远矣。汤有天下，选於众，举伊尹，不仁者远矣”。

Phàn Trì vấn nhân. Tử viết: Ái nhân. Vấn tri. Tử viết: Tri nhân. Phàn Trì vị đạt. Tử viết: Cử trực thố chư uồng. Năng sử uồng giả trực. Phàn Trì thoái, kiến Tử Hạ viết: Hương dã ngô liền ư phu tử nhi vấn trí, Tử viết: Cử trực thố chư uồng. Năng sử uồng giả trực, hà vị dã?. Tử Hạ viết: Phú tai ngôn hồ! Thuần hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Cao Đào, bất nhân giả viễn hĩ. Thang hữu thiên hạ, tuyển ư chúng, cử Y Doãn, bất nhân giả viễn hĩ.

Phàn Trì hỏi về chữ nhân. Khổng tử nói: “Yêu người”. Hỏi về sự hiểu biết, Khổng tử nói: “Biết người”. Phàn Trì không hiểu được. Khổng tử nói tiếp: “Cử người ngay thẳng ở trên kẻ ác thì có thể biến kẻ ác thành ngay thẳng”. Phàn Trì ra về, gặp Tử Hạ, nói: “Vừa rồi tôi gặp thầy hỏi về đức trí, thầy bảo ‘đem người ngay thẳng ở trên kẻ ác thì có thể biến kẻ ác thành ngay thẳng’. Như vậy là thế nào? Tử Hạ nói: Câu nói này rất phong phú ! Vua Thuần xưa được thiên hạ, chọn nhân tài trong quần chúng là ông Cao Đào, kẻ bất nhân dần dần không còn nữa. Vua Thang được thiên hạ cũng chọn nhân tài trong dân chúng cát nhắc được ông Y Doãn. Dần dần kẻ bất nhân cũng không còn.

12.23

子贡问友。子曰：“忠告而善道之，不可则止，毋自辱也”。

Tử Công vấn hữu. Tử viết: Trung cáo nhi thiện đạo chi, bất khả tắc chỉ, vô tự nhục dã.

Tử Công hỏi về quan hệ bằng hữu. Khổng tử nói: Đem lòng trung thành mà khuyên bạn làm điều tốt, không được thì thôi, đừng tự chuốc lấy nhục nhã.

12.24

曾子曰：“君子以文会友，以友辅仁”。

Tăng Tử viết: Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân.

Tăng Tử nói: Quân tử dùng văn chương để tập hợp bạn bè, dùng bạn mà bồi dưỡng nhân đức.

Hết thiên 12

1. 13. 子路Tử Lộ

第十三篇 thiêng 13

30 bài

13·1

子路问政。子曰：“先之劳之”。请益。曰：“无倦”。

Tử Lộ vấn chính. Tử viết: Tiên chi lao chi. Thỉnh ích. Viết: Vô quyên.

Tử Lộ hỏi về quản lý chính sự. Không tử nói: Phải chịu vất vả cùng dân khó nhọc.

Tử Lộ xin giảng thêm. Không tử nói: Không biết mệt mỏi.

13·2

仲弓为季氏宰,问政。子曰：“先有司,赦小过,举贤才”。曰：“焉知贤才而举之？”

曰：“举尔所知。尔所不知，人其舍诸？”

Trọng Cung vi Quý thị tể, vấn chính. Tử viết: Tiên hữu ti, xá tiêu quá, cử hiền tài. Viết: Yên tri hiền tài nhi cử chi?. Viết: Cử nhĩ sở tri. Nhĩ sở bất tri, nhân kỳ xá giả ?

Trọng Cung làm tổng quản cho họ Quý, hỏi về chính sự. Không tử nói: Trước hãy giao việc và kiểm soát người dưới quyền, bỏ qua lỗi nhỏ, chọn cử hiền tài. Cung nói: Làm sao biết hiền tài để cử ra? Không tử nói: Cử người mà mình biết, còn người mà mình không biết, người ta có bỏ họ đâu.

13·3

子路曰：“卫君待子为政,子将奚先?”子曰：“必也正名乎!”子路曰：“有是哉,子之迂也!奚其正?”

子曰：“野哉,由也!君子於其所不知,盖阙如也。名不正则言不顺,言不顺则事不成,事不成则礼乐不兴,礼乐不兴则刑罚不中,刑罚不中,则民无所措手足。故君子名之必可言也,言之必可行也。君子於其言,无所苟而已矣”

Tử Lộ viết: Vệ quân dãi tử vi chính, tử thương hè tiên ? Tử viết: Tất dã chính danh hồ! Tử Lộ viết: Hữu thị tai, tử chi vu dã ! Hè kỳ chính ? Tử viết: Dã tai, Do dã ! Quân tử ư kỳ sở bất tri, thiện khuyết như dã. **Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành**, sự bất thành tắc lẽ nhạc bất hưng, lẽ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trung, hình phạt bất trung tắc dân vô sở thố thủ túc. Cố quân tử danh chi tất khả ngôn dã, ngôn chi tất khả hành dã. Quân tử ư kỳ ngôn, vô sở cầu nhi dĩ hĩ.

Tử Lộ nói: Nếu vua nước Vệ mời thầy đi làm quan, thầy làm gì trước tiên?

Không tử nói: Tất phải chính danh dã.

Tử Lộ nói: Phải vậy ư ? Thầy nói viễn vông quá, sao phải chính danh ?

Không tử nói: Trò Do sao nói năng thô thiến thế? Quân tử gặp việc mình chưa rõ thì không nên nói tùy tiện...Danh không hợp thì lời nói sẽ không thuận, nói không thuận thì việc không thành. Việc không thành thì lẽ nhạc mất trật tự. Lẽ nhạc mất trật tự thì hình phạt không đúng đắn, hình phạt không đúng thì dân không biết làm thế nào cho đúng. Vậy người quân tử khi có danh phù hợp với thực thì có thể nói ra được, nói được thì thực hành thông suốt. Quân tử không bao giờ sờ suất với lời nói của mình.

(Chú thích: Bài này thể hiện rõ *Thuyết chính danh* của Khổng tử)

13·4

樊迟请学稼。子曰：“吾不如老农”。请学为圃。曰：“吾不如老圃”。樊迟出。子曰：“小人哉，樊须也！上好礼，则民莫敢不敬；上好义，则民莫敢不服；上好信，则民莫敢不用情。夫如是，则四方之民襁负其子而至矣，焉用稼？”

Phàn Trì thỉnh học giá. Tử viết: “Ngô bát nhu lão nông”. Thỉnh học chi phó. Viết: “Ngô bát nhu lão phó”. Phàn Trì xuất. Tử viết: “Tiểu nhân tai, Phàn tu dã! Thượng hiếu lễ, tắc dân mạc cảm bát kính, thượng hiếu nghĩa tắc dân mạc cảm bát phục; Thượng hiếu tín, tắc dân mạc cảm bát dụng tình. Phu như thị, tắc tú phương chi dân cõng phụ kỳ tử nhi chí hĩ, yên dụng giá ?”.

Phàn Trì xin học làm ruộng. Khổng tử nói: Ta đâu phải lão nông. Phàn lại xin học làm vườn. Khổng tử đáp: Ta đâu biết làm vườn. Phàn Trì ra ngoài. Khổng tử nói: Phàn Trì đúng là kẻ tiểu nhân. Người trên trọng lễ thì dân đâu dám coi thường. Người trên trọng nghĩa thì dân ai dám không phục tùng. Người trên coi trọng tín thì dân nào dám giả dối. Làm được như vậy thì dân chúng bốn phương công con tới theo mình hết. Cần gì phải học trồng trọt.

13·5

子曰：“诵诗三百，授之以政，不达；使於四方，不能专对。虽多，亦奚以为？”

Tử viết: Thông thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt; Sử ư tú phương, bất năng chuyên đổi. Tuy đa, diệc hè dĩ vi?

Khổng tử nói: Học thông ba trăm bài Kinh Thi, khi được giao chính sự thì làm không nổi, đi sứ nước ngoài không ứng đối được. Học nhiều thế có ích gì ?

(Chú thích: Khổng tử chê cái anh thuộc lòng mà không hiểu nghĩa lý)

13·6

子曰：“其身正，不令而行；其身不正，虽令不从”。

Tử viết: Kỳ thân chính, bất mệnh nhi hành; Kỳ thân bất chính, tuy lệnh bất tòng.

Khổng tử nói: Bản thân chính đáng, dù không ra lệnh người dưới vẫn chấp hành.; Bè trên thiếu ngay thẳng, tuy ra mệnh lệnh người dưới cũng chẳng thi hành.

13·7

子曰：“魯衛之政，兄弟也”。

Tử viết: Lỗ Vệ chi chính, huynh đệ dã.

Khổng tử nói: Chính sự nước Lỗ và nước Vệ giống như hai anh em vậy.

13·8

子謂卫公子荆：“善居室。始有，曰：‘苟合矣’。少有，曰：‘苟完矣’。富有，曰：‘苟美矣’”

◦

Tử vi Vệ công tử Kinh: Thiện cư thắt. Thủ hữu, viết: Cầu hợp hĩ. Thiếu hữu, viết: Cầu hoàn hĩ. Phú hữu, viết: Cầu mỹ hĩ.

Khổng tử nói về công tử Kinh nước Vệ: “Thật khéo cư xử việc nhà. Vừa mới có của ông ấy đã bảo ‘Thế là đủ rồi’. Vừa có thêm một ít, ông ấy lại bảo: ‘Vậy là đầy đủ rồi’. Về sau giàu có hơn, ông ấy bảo: ‘Thế là hoàn mỹ rồi’.

(Lời bàn: Công tử Kinh là người giản dị, có thể nào cũng hài lòng, không ham muốn, dễ thỏa mãn)

13-9

子适卫，冉有仆。子曰：“庶矣哉！”冉有曰：“既庶矣，又何加焉？”

曰：“富之”曰：“既富矣，又何加焉？”曰：“教之”。

Tử đích Vệ, Nhiễm Hữu bộc. Tử viết: Thú hĩ tai! Nhiễm Hữu viết: Kí thứ hĩ, hựu hà gia yên ? Viết : Phú chi. Viết : Kí phú hĩ, hựu hà gia yên ? Viết: Giáo chi.

Khổng tử đến nước Vệ có Nhiễm Hữu theo hầu. Khổng tử nói: Dân chúng đông quá!. Nhiễm Hữu hỏi: Dân đã đông thì làm thế nào? Khổng tử đáp: Phải làm cho họ giàu lên. Nhiễm Hữu lại hỏi: Dân giàu rồi thì làm gì nữa? Khổng tử nói: Phải giáo hóa họ.

13-10

子曰：“苟有用我者，期月而已可也，三年有成”。

Tử viết: Câu hưu dụng ngã giả, tư nguyệt nhi dĩ khả dã, tam niên hưu thành.

Khổng tử nói: Nếu có ai bổ dụng ta làm quản lý một nước, một năm sau đã khá rồi, ba năm nhất định thành công lớn.

13-11

子曰：“善人为邦百年，亦可以胜残去杀矣。诚哉是言也！”

Tử viết: Thiện nhân vi bang bách niên, diệc khả dĩ thắng tàn khứ sát hĩ. Thành tai thị ngôn dã !

Khổng tử nói: Người xưa bảo nếu bậc thiện nhân nối nhau trị nước thì sau một trăm năm có thể cảm hóa kẻ tàn bạo thành lương thiện, không cần hình phạt chém giết nữa. Lời này thật hay.

13-12

子曰：“如有王者，必世而后仁”。

Tử viết: Như hưu vương giả, tất thế nhi hậu nhân.

Khổng tử nói: Nếu bậc thánh nhân cai trị, cũng phải đợi sau mới thực hiện được nhân chính (cai trị bằng lòng nhân)

(Lời bàn: Cai trị bằng đức nhân là một quá trình lâu dài, kiên trì, không thể thấy ngay kết quả, phải mất nhiều thế hệ mới thực hiện rộng rãi toàn xã hội.)

13-13

子曰：“苟正其身矣，於从政乎何有？不能正其身，如正人何？”

Tử viết: Câu chính kỳ thân hĩ, ư tòng chính hò hà hưu? Bất năng chính kỳ thân, như chính nhân hà?

Khổng tử nói: Nếu sửa mình ngay thẳng thì lãnh đạo chẳng thành công ư? Không thể tự mình ngay thẳng thì làm sao cho người khác ngay thẳng được?

13-14

冉子退朝。子曰：“何晏也？”对曰：“有政”。

子曰：“其事也？如有政，虽不吾以，吾其与闻之”。

Nhiễm tử thoái trào. Tứ viết: Hà yến dã? Đôi viết “Hữu chính”. Tứ viết: Kỳ sự dã ? Như hữu chính, tuy bất bát ngô dĩ , ngô kỳ dự văn chi.

Nhiễm Hữu từ nhà họ Quý về. Không tử nói: Sao về muộn thế? Nhiễm đáp: Có việc chính sự. Không tử nói: Đó chỉ là việc nhà họ Quý thôi. Nếu là chính sự, ta bây giờ tuy thôi làm quan vẫn biết được.

(Chú thích: Nhiễm Hữu làm tổng quản cho nhà họ Quý quan đại phu nước Lỗ. Họ Quý lộng quyền thường mang việc nước về nhà bàn bạc. Nếu là việc nước thì Không tử phải được tham dự... Lời nói của Không tử chỉ nhầm răn dạy Nhiễm Hữu về cách làm việc quan đúng đắn vậy).

13·15

定公问：“一言而可以兴邦，有诸？”

孔子对曰：“言不可以若是其几也。”

人之言曰：“为君难，为臣不易”。如知为君之难也，不几乎一言而兴邦乎？”

曰：“一言而丧邦，有诸？”

孔子对曰：“言不可以若是其几也。”

人之言曰：“予无乐乎为君，唯其言而莫予违也”。

如其善而莫之违也，不亦善乎？如不善而莫之违也，不几乎一言而丧邦乎？”

Định công vấn: Nhất ngôn nhi dĩ hưng bang, hữu giả?

Không tử đối viết: Ngôn bất khả dĩ nhược thị kỳ kỷ dã. Nhân chi ngôn viết: ‘Vi quân nan, vi thần bất dịch’. Như tri vi quân chi nan dã, bất kỷ hò ngôn nhi hưng bang hò”.

Viết: Nhất ngôn nhi tang bang, hữu giả?

Không tử đối viết: Ngôn bất khả dĩ nhược thị kỳ kỷ dã. Nhân chi ngôn viết: Dư vô lạc hò vi quân, duy kỳ ngôn nhi mạc dư vi dã. Như kỳ thiện nhi mạc chi vi dã, bất diệc thiện hò ? Như bất thiện nhi mạc chi vi dã, bất kỷ hò nhất ngôn nhi tang bang hò?

Vua Định Công hỏi: Một lời nói có thể làm đất nước phát triển phải không?

Không tử đáp: Lời nói khó có thể đạt nhanh như vậy. Người ta từng nói ‘Làm vua khó, làm bè tôi cũng chẳng dễ’. Nếu biết làm vua khó thì đây là lời nói chẳng phải có thể làm cho nước hưng thịnh được sao?

Định Công hỏi tiếp: Một lời nói có thể làm cho đất nước tan hoang, phải không?

Không tử đáp: Một lời nói chưa thể tác hại nhanh như vậy được. Như có người từng nói ‘Ta làm vua chưa thấy sung sướng gì, chỉ sướng khi nào ta nói ra mà không có ai dám trái lời’.

Nếu vua nói phải thì chẳng ai cãi, như thế thì tốt quá. Nếu vua nói sai mà chẳng ai phản đối, đó chẳng phải một lời nói có thể làm tan nát đất nước sao?

13·16

叶公问政。子曰：“近者悦，远者来”。

Diệp Công vấn chính. Tứ viết: Cận giả duyệt, viễn giả lai.

Diệp Công hỏi về chính sự. Không tử đáp: Người ở gần vui vẻ, người ở xa kéo tới.

13·17

子夏为莒父宰,问政。子曰:无欲速,无见小利。欲速则不达,见小利则大事不成。

Tử Hạt viết: Vô dục tốc, vô kiến tiễu lợi. Dục tốc tắc bất đạt, kiến tiễu lợi tắc đại sự bất thành.

Tử Hạt làm huyện trưởng huyện Cử Phu, hỏi về chính sự. Khổng tử nói: Chớ vội vàng, đừng tham lợi nhỏ. Muốn nhanh thì không đến đích, tham lợi nhỏ thì bỏ mất việc lớn.

13·18

叶公语孔子曰:“吾党有直躬者, 其父攘羊, 而子证之”

。孔子曰:“吾党之直者异於是: 父为子隐, 子为父隐, 直在其中矣”。

Diệp Công ngũ Khổng tử viết: Ngô đảng hữu trực cung giả, kỳ phụ nhương dương, nhi tử chứng chi. Khổng tử viết: Ngô đảng chi trực giả di ư thị: Phụ vi tử ẩn, bất vi phụ ẩn, trực tại kỳ trung hĩ.

Diệp Công nói với Khổng tử: Nơi con làm việc có một người rất ngay thẳng. Cha ăn trộm dê, con ra làm chứng. Khổng tử nói: Người ngay thẳng ở nơi ta khác với chỗ người. Cha che giấu cho con, con che giấu cho cha. Sự ngay thẳng cũng ở trong đó.

(Lời bàn: Theo Khổng tử, cha và con che giấu lỗi cho nhau là lẽ thường tình vì có tình phụ tử, nên không thể nói là không ngay thẳng. Vậy, lý và tình có khi không nhất trí với nhau mà là quan hệ tư pháp còn chưa đựng mâu thuẫn. Về lý, con làm chứng cha phạm tội là theo lý ngay thẳng, không sai. Nhưng về tình, cha che giấu tội con cũng thường xảy ra. Quan điểm Khổng tử là phải đem lý và tình thống nhất được với nhau mới phù hợp thực tế thời bấy giờ).

13·19

樊迟问仁。子曰:“居处恭, 执事敬, 与人忠。虽之夷狄, 不可弃也”。

Phàn Trì vân nhân. Tử viết: Cư xứ cung, chấp sự kính, dự nhân trung. Tuy chi di địch, bất khả khi dã.

Phàn Trì hỏi về đức nhân. Khổng tử nói: Cư xứ cung kính, làm việc thì nghiêm túc cẩn thận, giúp việc người thì tận lực. Dù đi tới xứ mọi rợ cũng không thể vứt bỏ đức tính này.

13·20

子贡问曰:“何如斯可谓之士矣?”

子曰:“行已有耻, 使於四方, 不辱君命, 可谓士矣”。

曰:“敢问其次”。

曰:“宗族称孝焉, 乡党称弟焉”。

曰:“敢问其次”。

曰:“言必信, 行必果, 硏硏然小人哉! 抑亦可以为次矣”。

曰:“今令之从政者何如?”

子曰:“噫! 斗筲之人, 何足算也?”

Tử Công vân viết: Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ?

Tử viết: Hành dĩ hữu sĩ, sử ư tú phuơng, bất hổ quân mệnh, khả vị sĩ hĩ.

Viết: Cảm ván kỳ thứ.

Viết: Tông tộc xứng hiếu yên, hương đảng xứng đệ yên.

Viết: Cảm ván kỳ thứ.

Viết: Ngôn tất tín, hành tất quả, khanh khanh nhiên tiểu nhân tai ! Úc diệc khả dĩ vi thứ hĩ. Viết:

Kim lệnh chi tòng chính giả hà như?

Tử viết: Ái ! đâu sao chi nhân, hà túc toán dã ?

Tử Công hỏi: Người thế nào đáng được gọi là kẻ sĩ?

Không tử nói: Làm trái phải biết xấu hổ. Đi sứ nước ngoài không làm mất thể diện vua mìn, như thế có thể gọi là kẻ sĩ.

Tử Công hỏi; Xin hỏi kém kẻ sĩ một bậc gọi là người gì?

Không tử nói: Đó là người mà họ hàng bảo là kẻ có hiếu, làng xóm cho là biết đạo anh em.

Tử Công lại hỏi: Kém một bậc nữa thì gọi là gì ạ?

Không tử: Đó là người có lời nói tin cậy, hành động quả quyết, cũng là những kẻ nhỏ nhen, kiến thức hẹp hòi. Tuy vậy cũng gọi họ là kẻ sĩ kém hai bậc.

Tử Công hỏi tiếp: Những người đang làm quan nước Lỗ là loại người nào?

Không tử đáp: Ai chà! Những kẻ bụng dạ hẹp hòi, có gì đáng nói!

13-21

子曰：“不得中行而与之，必也狂狷乎！狂者进取，狷者有所不为也”

Tử viết: Bất đắc trung hành nhi dự chi, tất dã cuồng quyến hò! Cuồng giả tiến thủ, quyến giả hữu sở bất vi dã.

Không tử nói: Chẳng gặp được người đạt được tính trung dung để truyền đạo, đành phải tìm đến hạng cuồng giả, quyến giả. Cuồng giả có chí tiến thủ mãnh liệt, quyến giả biết giữ lòng ngay thẳng không làm chuyện bất nghĩa.

(Lời bàn: “Cuồng giả” có chí lớn, tính cách mạnh mẽ thái quá, “quyến giả” thì lại rụt rè, biết giữ bốn phận không làm điều bất nghĩa. Cả hai loại người này đều chưa đạt trung dung (vừa phải). Không tử nói vậy để khuyến khích cả hai đều tiến về phía đạo lý trung dung thì tốt hơn)

13-22

子曰：“南人有言曰：‘人而无恒，不可以作巫医’。善夫！”。

不恒其德，或承之羞”。子曰：不占而已矣”。

Tử viết: Namnhân hữu ngôn viết ‘ Nhân nhi vô hằng, bất khả dĩ tác vu y’. Thiện phu !”

‘Bất hằng kỳ đức, hoặc thừa chi tu’. Tử viết: Bất chiêm nhi dĩ hĩ.

Không tử nói: Người phương nam có câu ‘Người không có hằng tâm thì không thể làm thầy cúng hay thầy thuốc được’. Câu này rất hay! Kinh Dịch lại có câu ‘Người không có đức hạnh bền vững thì thế nào cũng có lúc chuốc lấy sự hổ thẹn’. Không tử nói tiếp: **Người như thế thì làm thầy bói cũng chả được.**

(Chú thích: Hằng tâm là bền lòng, bền chí, kiên định đạo lý, dù thế nào cũng không thay đổi)

13-23

子曰：“君子和而不同，小人同而不和”。

Tử viết: Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa.

Không tử nói: Quân tử hòa hợp nhưng không nhất thiết giống nhau, tiểu nhân a dua mà không hòa hợp.

(Lời bàn: Hòa hợp và a dua (阿諛) bì ngoài có vẻ giống nhau. Hòa hợp là thống nhất về tinh thần đạo lý, a dua là mù quáng làm giống người khác để vụ lợi).

13·24

子贡问曰：“乡人皆好之，何如？”

子曰：“未可也。”“乡人皆恶之，何如？”

子曰：“未可也。不如乡人之善者好之，其不善者恶之。”

Tử Cống vấn viết: Hương nhân gai hiếu chi, hà nhu?

Tử viết: Vị khả dã. Lại hỏi: Hương nhân gai ô chi, hà nhu?

Tử viết: Vị khả dã. Bất như hương nhân chi thiện giả hiếu chi, kỳ bất thiện giả ô chi.

Tử Cống hỏi: Người được cả làng đều khen thì thế nào?

Không tử nói: Chưa hẳn là người tốt. Tử Cống lại hỏi: Người mà cả làng đều ghét thì sao ?

Không tử đáp: Chưa hẳn là kẻ xấu. Người thiện trong làng đều khen, kẻ ác đều ghét, ấy mới là người tốt.

(Lời bàn: Người được cả làng (gồm cả tốt, xấu) khen – ấy là người “ba phải”. Người bị cả làng ghét, có thể người ấy ngay thẳng, không chịu a dua)

13·25

子曰：“君子易事而难说也。说之不以道，不说也；及其使人也，器之。小人难事而易说也。

说之虽不以道，说也；及其使人也，求备焉”

Tử viết: Quân tử dịch sự nhi nan thuyết dã. Thuyết chi bất dĩ đạo, bất thuyết dã; Cập kỳ sử nhân dã, khí chi. Tiêu nhân nan sự nhi thuyết dã. Thuyết chi tuy bất dĩ đạo, thuyết dã; Cập kỳ sử nhân dã, cầu bị yên.

Không tử nói: Làm việc với người quân tử thì dễ, nhưng được lòng quân tử thì khó. Nếu lấy lòng quân tử bằng cách không chính đáng thì quân tử không thích; Người quân tử sử dụng người thì dựa theo tài năng, đạo đức mà giao việc. Làm việc với kẻ tiêu nhân thì rất khó. Lấy lòng họ bằng cách không chính đáng thì rất dễ. Kẻ tiêu nhân sai khiến người khác lại đòi người ta phải hoàn hảo.

13·26

子曰：“君子泰而不骄，小人骄而不泰”。

Tử viết: Quân tử thái nhi bất kiêu, tiêu nhân kiêu nhi bất thái.

Không tử nói: người quân tử rộng rãi mà không kiêu, tiêu nhân kiêu mà không rộng rãi.

13·27

子曰：“刚、毅、木、讷近仁”。

Tử viết: Cương, nghị, mộc, nột cận nhân.

Không tử nói: Người có tính cương trực, chí quyết đoán, lòng mộc mạc, nói cẩn thận là gần với đạo nhân.

13·28

子路问曰:“何如斯可谓之士矣 ?”

子曰:“切切偲偲，怡怡如也，可谓士矣。朋友切切偲偲，兄弟怡怡”

Tử Lộ vấn viết: Hà như tư khả vị chi sĩ hĩ ?

Tử viết: Thiết thiết ti ti, di di như dã, khả vi sĩ hĩ. Bằng hữu thiết thiết ti ti, huynh đệ di di.

Tử Lộ hỏi : Nhu thế nào được gọi là kỉ sĩ ? Không tử nói: Thân mật khuyên bảo, nhẹ nhàng vui vẻ có thể là kỉ sĩ. Bạn hữu thân thiết, anh em vui vẻ.

13·29

子曰:“善人教民七年，亦可以即戎矣”。

Tử viết: Thiện nhân giáo dân thất niên, diệc khả dĩ tức nhung hĩ.

Không tử nói: Người thiện năm quyền giáo hóa dân bảy năm có thể bảo họ ra trận được.

13·30

子曰：“以不教民战，是谓弃之”。

Tử viết: Dĩ bất giáo dân chiến, thị vị khi chi.

Không tử nói: Dùng dân chưa huấn luyện đi đánh trận, là vứt bỏ họ.

Hết thiên 13

1. 14. 宪问Hiến vấn

第十四篇 thiên 14

44 bài

14·1

宪问耻。子曰：“邦有道，谷；邦无道，谷，耻也”。“克，伐，怨，欲不行焉，可以为仁矣？”。

子曰：“可以为难矣，仁则吾不知也”。

Hiến vấn sĩ. Tử viết: Bang hữu đạo, lộc; Bang vô đạo, lộc, sĩ dã. “ Khắc, phạt, oán, dục bất hành yên, khả dĩ vi nhân hĩ ?”. Tử viết: Khả dĩ vi nan hĩ, nhân tắc ngô bất tri dã.

Nguyên Hiến hỏi về chữ sĩ (hỗn thiện). Không tử nói: Nước có đạo thì làm quan hưởng lộc; Nước vô đạo cũng làm quan hưởng lộc- ấy là sự hỗn thiện.

Lại hỏi: “Nếu không hiếu thắng, phô trương, oán hận, tham lam thì có thể xem là người nhân không?”. Không tử nói: Có thể coi là người làm được việc khó. Ta chưa biết người ấy có thể là người nhân không.

14·2

子曰：士而怀居，不足以 为士矣。

Tử viết: Sĩ nhi hoài cư, bất túc dĩ diệc sĩ hĩ.

Không tử : Kẻ chỉ biết tìm cách được an nhàn thì không thể gọi là kỉ sĩ.

14·3

子曰：邦有道，危言危行；邦无道，危行言孙。

Tử viết: Bang hữu đạo, nguy ngôn nguy hành; Bang vô đạo, nguy hành ngôn tôn.

Khổng tử nói : Nước có đạo thì lời nói ngay thẳng (dám nói lời nguy hiểm), việc làm táo bạo mà đúng đắn. Nước vô đạo thì lời nói phải nhún nhường e dè, nhưng việc làm vẫn phải giữ đúng đắn.

(Lời bàn: Nước có đạo tức là do những người anh minh sáng suốt nắm giữ, họ nghe hiểu được những lời nói thẳng (nguy), việc làm táo bạo (nguy)... Nước vô đạo do những kẻ độc tài tàn ác cai trị, họ rất ghét những lời nói ngay thẳng trái ý họ, những việc làm không có lợi cho họ)

14·4

子曰：有德者必有言，有言者不必有德。仁者必有勇，勇者不必有仁。

Tử viết: Hữu đức giả tất hữu ngôn, hữu ngôn giả bất tất hữu đức. Nhân giả tất hữu dũng, dũng giả bất tất hữu nhân.

Khổng tử nói: Người đạo đức thì lời nói có đạo lý; Còn người nói đạo lý chưa chắc đã có đạo đức. Người có nhân rất dũng cảm, nhưng người dũng cảm chưa chắc có nhân.

14·5

南宮适问於孔子曰：“羿善射，奡荡舟，俱不得其死然。禹稷躬稼而有天下”。夫子不答。南宮适出。子曰：“君子哉若人！尚德哉若人！”

Nam Cung Đích vấn ư Khổng tử viết: Nghệ thiện xạ, Ngạo dâng chu, câu bất đắc kỳ tử nhiên Vũ Tắc cung giá nhi hữu thiên hạ. Phu tử bất đáp. Nam Cung Đích xuất. Tử cung viết: Quân tử tai giả nhân ! Thường đức tai giả nhân!

Nam Cung Quát hỏi Khổng tử: Nghệ bắn giỏi, Ngạo đánh trận thủy chiến thành thạo thế mà cuối cùng phải chết bất đắc kỳ tử. Ông Vũ ông Tắc chỉ cần cù làm ruộng mà được cả thiên hạ (?) Khổng tử không đáp. Nam Cung Quát ra ngoài. Khổng tử nói: “Quát thật là người quân tử ! Thật là người ham chuộng đạo đức!”.

(Lời bàn: Nam Cung Quát tức Nam Dung con người hoàn hảo đã được Khổng tử gả cháu gái cho. Nam Dung hỏi về Nghệ, Ngạo là quyền thần đời trước cậy tài súc, không được hưởng phúc, Vũ, Tắc có đức nên thành đạt. Câu hỏi của Dung rất khó, lúc đó Khổng tử chưa hiểu được nêu ngài khen Dung)

14·6

子曰：“君子而不仁者有矣夫，未有小人而仁者也”。

Tử viết: Quân tử nhi bất nhân giả hữu hĩ phu, vị hữu tiễn nhân nhi nhân giả dã.

Khổng tử nói: Người quân tử có khi lỡ làm việc bất nhân, nhưng kẻ tiễn nhân chẳng bao giờ làm được việc nhân.

(Lời bàn: Khi người tử té mắc sai làm cũng cần châm chước bởi hoàn cảnh nào đó mà người ấy lỡ làm sai...)

14·7

子曰：“爱之，能勿劳乎？忠焉，能勿诲乎？”

Tử viết: Ái chi, nǎng vật lao hò? Trung yên, nǎng vật hối hò?
Khổng tử nói: Yêu con mà không cho con làm việc nǎng nhọc ư?
Trung với vua mà không khuyên can vua làm cho đúng ư ?

14·8

子曰:“为命,裨谌草创之,世叔讨论之,行人子羽修饰之,东里子产润色之”。

Tử viết: Vì mệnh, Tỳ Thầm thảo sáng chi, Thê Thúc thảo luận chi, hành nhân Tử Vũ tu sức chi, đồng lý Tử Sản nhuận sắc chi.

Khổng tử nói: Theo mệnh vua, Tỳ Thầm viết văn bản, đến Thê Thúc thảo luận, qua Tử Vũ tu sửa, đến phần Tử Sản trau chuốt lần cuối.

(Chú thích: Nước Trịnh có tập quán coi trọng việc làm ra văn bản. Có bốn viên quan phụ trách viết văn bản ngoại giao. Kể chuyện này, Khổng tử nhắc nhớ học trò sau này làm quan khi viết văn bản phải cẩn thận vì tầm quan trọng của văn bản với quốc gia).

14·9

或问子产。子曰:“惠人也”,问子西。曰:“彼哉 ! 彼哉 !”. 问管仲。

曰:“人也。夺伯氏骈邑三百 , 饭疏食 , 没齿无怨言”。

Hoặc vấn Tử Sản. Tử viết: Huệ nhân dã. Vấn Tử Tây. Viết: Bỉ tai ! Bỉ tai!

Vấn Quản Trọng. Viết: Nhân dã. Đoạt Bá Thị Biền áp tam bách, phạt sơ thực, một xỉ vô oán ngôn. **Có người hỏi Khổng tử về Tử Sản. Khổng tử nói: Người ấy rất khoan dung và yêu dân. Lại hỏi về Tử Tây, Khổng tử nói: “Người ấy... người ấy...”.**

Lại hỏi về Quản Trọng, Khổng tử nói: Người này ư, vua Tề lấy áp Biền ba trăm nhà của Bá Thị thường công cho Quản Trọng khiêm Bá Thị nghèo khổ suốt đời mà không hề oán hận.

(Chú thích: Tử Tây là tể tướng nước Sở chẳng có công tích gì, khi Khổng tử đến nước Sở thì Tử Tây đem lòng đố kỵ vì sợ vua Sở tin nhiệm Khổng tử hơn. Nay nhắc đến hắn, Khổng tử không nỡ đả kích mà rất bao dung độ lượng. Quản Trọng là quan tài giỏi, có công lao lớn của nước Tề. Bá Thị bị vua lấy bớt đất cấp cho Quản Trọng mà Bá Thị tâm phục Quản Trọng nên không chút oán giận)

14·10

子曰 :“贫而无怨难 , 富而无骄易”。

Tử viết: Bần nhi vô oán nan, phú nhi vô kiêu địch.

Khổng tử nói: Nghèo mà không oán hận thì rất khó, giàu mà không kiêu rất dễ làm.

14·11

子曰 :“孟公绰为赵魏老则优 , 不可以为滕薛大夫”。

Tử viết: Mạnh Công Xước vi Triệu, Ngụy lão tắc ưu, bất khả dĩ vi Đằng, Tiết đại phu.

Khổng tử nói: Mạnh Công Xước làm già thằn cho họ Triệu, họ Ngụy thì còn dư tài nǎng, nếu làm đại thằn nước Đằng, nước Tiết thì chưa đủ nǎng lực.

14·12

子路问成人。子曰：“若臧武仲之知，公绰之不欲，卞庄子之勇，冉求之艺，文之以礼乐，亦可以为成人矣”

曰：“今之成人者何必然？见利思义，见危授命，久要不忘平生之言，亦可以为成人矣”。

Tử Lộ vấn thành nhân. Tử viết: Nhược Tang Vũ Trọng chi tri, công xước chi bất dục, biện trang tử chi dũng, Nhiễm Cầu chi nghệ, văn chi dĩ lễ nhạc, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ. Viết: Kim chi thành nhân giả hà tất nhiên? Kiến lợi tu nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cữu yểu bát vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ.

Tử Lộ hỏi về một người thành đạt. Khổng tử nói: Có trí tuệ như Tang Vũ Trọng, liêm khiết như Mạnh Công Xước, dũng cảm như Biện Trang Tử, tài nghệ như Nhiễm Cầu, lại nắm được lễ nhạc nữa thì xem như những người toàn tài.

Rồi Khổng tử nói thêm: Bây giờ người thành nhân có cần như thế nữa không ? Chỉ cần thấy lợi thì trước hết nghĩ đến nghĩa, gặp việc nguy nan thì sẵn sàng đối phó, lời hứa dù lâu cũng không quên, được như vậy thì xem như thành nhân rồi.

14·13

子问公叔文子於公明贾曰：“信乎，夫子不言，不笑，不取乎？”

公明贾对曰：“以告者过也。夫子时然后言，人不厌其言；乐然后笑，人不厌其笑；义然后取，人不厌其取” 子曰：“其然？岂其然乎？”

Tử vấn Công Thúc Văn Tử ư Công Minh Giả viết: Tín hồ, phu tử bất ngôn, bất tiếu, bất thủ hồ? Công minh thúc đổi viết: “Dĩ cáo giả quá dã. Phu tử thời nhiên hậu ngôn, nhân bất yếm kỳ ngôn; nhạc nhiên hậu tiếu, nhân bất yếm kỳ tiếu; Nghĩa nhiên hậu thủ, nhân bất yếm kỳ thủ”. Tử viết: Kỳ nhiên ? Khải kỳ nhiên hồ?

Khổng tử hỏi Công Minh Giả về Công Thúc Văn Tử: “Ta nghe nói Công Thúc Văn Tử không nói, không cười, không nhận cái gì của ai, điều đó đúng không? Công Minh Giả đáp: “Là người ta nói quá đấy. Văn Tử chỉ nói lúc đáng nói, nên người ta nghe không chán; Khi vui mới cười nên người ta thấy cười mà không chê; Của hợp nghĩa mới nhận nên người ta thấy nhận là thích hợp, không khinh bỉ”.

Khổng tử nói: Thật vậy ư? Chẳng lẽ thật vậy ư?

14·14

子曰：“臧武仲以防求为后於鲁，虽曰不要君，吾不信也”。

Tử viết: Tang Vũ Trọng dĩ Phòng cầu vi hậu ư Lỗ, tuy viết bất yêu cù, ngô bất tín dã.

Khổng tử nói: Tang Vũ Trọng lấy đất áp Phòng để ép vua Lỗ cho con ông ta làm chủ áp ấy. Tuy có người nói ông ta không ép vua nhưng riêng ta không tin.

14·15

子曰：“晋文公谲而不正，齐桓公正而不谲”。

Tử viết: Tân Văn Công quyết nhi bất chính, Tề Hoàn Công chính nhi bất quyết.

Khổng tử nói: Tân Văn Công xảo trá mà bất chính, Tề Hoàn Công chính trực mà không xảo trá.

14·16

子路曰：“桓公杀公子纠，召忽死之，管仲不死”。曰：“未仁乎？”子曰：“桓公九合诸侯，不以兵车，管仲之力也。如其仁，如其仁”。

Tử Lộ viết: Hoàn Công sát công tử Củ, Triệu Hốt tử chi, Quản Trọng bất tử. Viết: Vị nhân hò? Tử viết: Hoàn Công cùu hợp chư hầu, bất dĩ binh xa, Quản Trọng chi lực dã. Như kỳ nhân, như kỳ nhân.

Tử Lộ nói: Tề Hoàn Công giết em là công tử Củ, Triệu Hốt vì thế mà tự sát, còn Quản Trọng không tự sát. Như thế Quản Trọng không được coi là người có nhân chǎng? Khổng tử nói: Vua Tề Hoàn Công nhiều lần triệu tập họp chư hầu mà không dùng binh lực. Đó là nhờ công sức của Quản Trọng, như thế còn ai nhân bằng?

(Chú thích: Khi Tề Hoàn công và em trai là công tử Củ tranh giành ngôi vua thì Quản Trọng và Triệu Hốt theo giúp công tử Củ. Nghe tin Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Triệu Hốt liền tự sát, còn Quản Trọng thì không. Quản Trọng còn theo đuổi lý tưởng lớn lao hơn một ngôi vua- đó là liên minh chư hầu tránh dùng vũ lực gây chiến tranh, đó là người theo đuổi đạo nhân, Vì thế Khổng tử đánh giá cao công trạng của Quản Trọng. Còn Triệu Hốt chỉ được tiếng khen là người trung thành với chủ.

Quản Trọng để lại một tấm gương sáng rực trong lịch sử Trung Quốc về chính trị, kinh tế, văn hóa và đạo đức).

14·17

子贡曰：“管仲非仁者与？桓公杀公子纠，不能死，又相之。”子曰：“管仲相桓公，霸诸侯，一匡天下，民到於今受其赐。微管仲，吾其被发左衽矣。岂若匹夫匹妇之为谅也，自经於沟渎而莫之知也”。

Tử Cống viết: Quản Trọng phi nhân giả dụ? Quản Công sát công tử Củ, bất năng tử, hựu tương chi. Tử viết: Quản Trọng tương Quản Công, bá chư hầu, nhất khuông thiên hạ, dân đáo ư kim thụ kỳ tú. Vì Quản Trọng, ngô kỳ bị phát tả nhãm hĩ. Khải nhược thất phu phụ chi vi luộng dã, tự kinh urcâu độc nhi mạc chi tri dã.

Tử Cống nói: Quản Trọng không phải là người có nhân chǎng? Vua Tề Hoàn Công giết công tử Củ, Quản Trọng đã không tự sát lại còn làm tể tướng cho Tề Hoàn Công.

Khổng tử nói: Quản Trọng làm tể tướng cho Tề Hoàn Công, giúp ông ta làm bá chủ chư hầu, khiến cho thiên hạ thái bình, đời nay dân chúng vẫn còn chịu ơn. Nếu không có Quản Trọng, sợ rằng hôm nay chúng ta còn đầu bù tóc rối, áo quần rách rưới, lang thang đó đây. Quản Trọng đâu phải như người thường vì việc nhỏ mà tự sát ở khe núi để chǎng ai biết đến.

14·18

公叔文子之臣大夫僎与文子同升诸公。子闻之，曰：“可以为文矣”。

Công Thúc Văn Tử chi thần đại phu soạn dự văn tử đồng thăng giả công. Tử văn chi, viết: Khả dĩ vi văn hĩ.

Gia thần của Công Thúc Văn Tử là đại phu Soạn nhờ Công tiến cử mà được thăng chức đại thần. Khổng tử nghe tin, nói: Công Thúc Văn Tử đáng được đặt tên thụy là “văn”.

(Chú thích: “văn” là có kiến thức)

14·19

子言卫灵公之无道也，康子曰：“夫如是，奚而不丧？”孔子曰：“仲叔圉治宾客，祝鮀治宗庙，王孙贾治军旅，夫如是，奚其丧？”

Tử ngôn Vệ Linh Công chi vô đạo dã, Khang tử viết: Phu nhu thi, hè nhi bất tang. Khổng tử viết: Trọng Thúc Ngữ trì tân khách, Chúc Đà thi tông miếu, Vương Tôn Giả thi quân lữ, phu nhu thi, hè kỳ tang ?

Khổng tử chê vua Vệ Linh Công là kẻ vô đạo. Quý Khang tử hỏi: Dù cho Vệ Linh Công như vậy, sao nước Vệ không diệt vong? Khổng tử đáp: Bởi vì nước Vệ có Trọng Thúc Ngữ giỏi việc ngoại giao, tiếp đãi tân khách, Chúc Đà quản lý tốt việc tế lễ tông miếu, Vương Tôn Giả giỏi cầm quân. Biết dùng người như vậy thì làm sao mất nước được?

(Chú thích: Vua nước Vệ vô đạo nhưng còn biết dùng nhân tài, do vậy còn giữ được đất nước. Nếu vua Vệ có đạo thì đất nước còn phát triển tốt đẹp hơn).

14·20

子曰：“其言之不怍， 则为之也难”。

Tử viết: Kỳ ngôn chi bất tặc, tắc vi chi dã nan.

Khổng tử nói: Kẻ nói khoác mà không biết tui thiện, ắt là khó làm đúng lời đã nói.

14·21

陈成子弑简公。孔子沐浴而朝，告於哀公曰：“陈恒弑其君，请讨之”公曰：“告夫三子”。

孔子曰：“以吾从大夫之后，不敢不告也。君曰‘告夫三子’者”。之三子告，

不可。孔子曰：“以吾从大夫之后，不敢不告也”。

Trần Thành Tử thí Giản Công. Khổng tử mộc dục nhi triêu, cáo ư Ai Công viết: Trần Hằng thí kỳ quân, thỉnh thảo chi. Công viết: Cáo phu tam tử. Khổng tử viết: Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã. Quân viết ‘cáo phu tam tử’ giả. Chi tam tử cáo, bất khả. Khổng tử viết: Dĩ ngô tòng đại phu chi hậu, bất cảm bất cáo dã.

Trần Thành Tử giết vua Tề Giản Công. Khổng tử tăm gội sạch sẽ, vào triều thưa với vua Lỗ Ai Công: “Trần Hằng đã giết vua của hắn, xin bệ hạ cho cử binh đi phạt tội hắn”. Vua Lỗ nói: Việc này báo cho ba đại phu biết đã. Khổng tử lui ra nói: “Ta tuy thôi làm quan nhưng còn đứng sau hàng đại phu, cho nên biết việc này mà không thể không đi báo vua, thế mà vua lại bảo cứ đi hỏi ba đại phu kia”.

Khổng tử đến báo cho ba đại phu kia, nhưng chẳng ai ưng thuận.

Khổng tử nói: Ta đứng sau hàng đại phu, cho nên biết việc này thì không thể không đi báo
(Chú thích: Theo phép thời Xuân thu, kẻ giết vua là vô đạo, trái lẽ trời, phải bị trừng phạt. Trách nhiệm Khổng tử đã từng làm quan đại phu nên phải tâu lên nhà vua. Ba quan đại phu nước Lỗ cũng là loại quyền thần lán át vua nên việc làm của Khổng tử tuy không đạt yêu cầu nhưng cũng có ý răn đe ba vị đại phu ấy).

14·22

子路问事君。子曰：“勿欺也， 而犯之”。

Tử Lộ vấn sự quân. Tử viết: Vật khi dã, nhi phạm chi

Tử Lộ hỏi về đạo thờ vua, Khổng tử nói: Không được lừa dối vua, dám can ngăn dù xúc phạm vua.

14·23

子曰：“君子上达，小人下达”。

Tử viết: Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt.

Khổng tử nói: Quân tử càng hướng về đạo cao, tiểu nhân càng sa xuống thấp hèn.

14·24

子曰：“古之学者为己，今之学者为人”。

Tử viết: Cổ chí học giả vi kỷ, kim chí học giả vi nhân.

Khổng tử nói: Người xưa học cho mình, người đời nay học cho người khác.

(Lời bàn: Người xưa đi học là tu thân rồi ra giúp nước để thực hành tri thức. Nay thiên hạ đi học để lấy bằng cấp cho người ta biết mình, học vì danh lợi)

14·25

蘧伯玉使人於孔子，孔子与之坐而问焉。曰：“夫子何为？”对曰：“夫子欲寡其过而未能也”。使者出，子曰：“使乎！使乎！”

Cù Bá Ngọc sứ nhân ư Khổng tử, Khổng tử dự chi tọa nhi vân yên. Viết: Phu tử hà vi? Đối viết: Phú tử dục quả kỳ quá nhi vị năng dã. Sứ giả xuất, Tử viết: Sứ hò! Sứ hò !

Cù Bá Ngọc sai người tới thăm Khổng tử, Khổng tử mời khách ngồi rồi hỏi thăm: Phu tử Cù nay làm gì? Sứ giả đáp: Ông chủ con muốn giảm lỗi làm mà chưa làm được.

Sau khi sứ giả từ biệt ra về, Khổng tử khen: Thật là một sứ giả giỏi, sứ giả giỏi !

(Lời bàn: Sứ giả ngoại giao thật khôn ngoan đúng mực, không phô trương công tích của chủ mà nói chủ đang lo sửa lỗi)

14·26

子曰：“不在其位，不谋其政”。曾子曰：“君子思不出其位”。

Tử viết: Bất tại kỳ vị, bất muru kỳ chính. Tằng Tử viết: Quân tử tư bất xuất kỳ vị.

Khổng tử nói: Không giữ chức vụ gì thì đừng lo nghĩ về chức vị ấy.

(Lời bàn: Khổng tử cho rằng ai nêu lo phận này. Việc người khác mình không hiểu được nội tình nêu nhận xét có thể sai lạc; lại làm cho tình hình rối loạn hơn).

14·27

子曰：“君子耻其言而过其行”。

Tử viết: Quân tử si kỳ ngôn nhi quá kỳ hành.

Khổng tử nói: Quân tử phải biết hổ thẹn vì lời nói quá so với việc làm.

14·28

子曰：“君子道者三,我无能焉：仁者不忧,知者不惑,勇者不惧”。子贡曰：“夫子自道也”。

Tử viết: Quân tử đạo giả tam, ngã vô năng yên: nhân giả bất ưu, tri giả bất惑, dũng giả bất cự. Tử Công viết: Phu tử tự đạo dã.

Không tử nói: Đạo quân tử có ba điều mà ta chẳng làm được một. Người nhân không lo buồn, kẻ trí không nghi hoặc, người dũng không sợ hãi". Tử Cống thưa: Thầy nói khiêm tốn quá đây.

14·29

子贡方人。子曰：“赐也贤乎哉？夫我则不暇”。

Tử Cống phuơng nhân. Tử viết: Tú dã hiền hò tai ? Phu ngã tặc bất hạ.

Tử Cống hay so sánh người hơn kẻ kém. Không tử nói: Người giỏi vậy ư ? Ta thì không nhàn rỗi nói chuyện đó.

(Lời bàn: Tử Cống có óc phân tích, so sánh lại thăng thắn, nhưng gây cho người khác mất lòng. Không tử khuyên anh ta chẳng nên thê)

14·30

子曰：“不患人之不己知，患其不能也”。

Tử viết: Bất hoạn nhân chi bất kỉ tri, hoạn kỉ bất nǎng dã.

Không tử nói: Chẳng lo người ta không biết đến mình, chỉ lo mình không có khả năng đúc độ để người ta biết đến.

14·31

子曰：“不逆詐，不亿不信，抑亦先觉者，是贤乎！”

Tử viết: Bất nghịch tác, bất úc bất tín, úc diệc tiên giác giả, thị hiền hò !

Không tử nói: Không cần đoán trước sự lừa dối, sự bất tín của người khác, nhưng nếu có thì biết ngay. Như vậy coi là người hiền rồi.

14·32

微生亩谓孔子曰:丘,何为是栖栖者与?无乃为佞乎?孔子曰:非敢为佞也,疾固也。

Vi Sinh Mẫu vị Không tử viết: Khâu, hà vi thị tê tê giả dụ ? Vô nãi vi nịnh hò? Không tử viết : Phi cảm vi nịnh dã, tật cố dã.

Vi Sinh Mẫu nói với Không tử: Ông Khâu, sao cứ phải miệt mài dạy dỗ người đời như thế ? Phải chẳng ông khoe tài ăn nói, đặng lấy lòng người ư? Không tử đáp: Tôi không dám khoe tài, chỉ vì ghét nhũng kẻ cố chấp không chịu hiểu đạo lý.

14·33

子曰：“骥不称其力，称其德也”。

Tử viết : Ký bất xứng kỉ lực, xứng kỉ đức dã.

Không tử nói: Không nên khen sức mạnh ngựa thiêng lý, mà khen cái đức tính của nó.

(Chú thích: Đức tính của ngựa đáng khen là dễ sai khiên, trung thành, có tình. Người xưa từng nói “khuyên mã chi tình” (tình chó, ngựa). Ý Không tử so sánh với con người: nêu trọng người trung thành có tình hơn kẻ tài giỏi mà vô đức)

14·34

或曰：“以德报怨,何如 ?”子曰：“何以报德 ? 以直报怨，以德报德”。

Hoặc viết ‘Dĩ đức báo oán, hà như?’ .Tử viết: Hà dĩ báo đức ? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức.

Có người hỏi: Lấy đức báo oán thù, vậy được không? Khổng tử đáp: “Thế lấy gì báo ân đức? Hãy lấy ngay thẳng báo oán, dùng ân đức để báo đáp ân đức”

14·35

子曰:“莫我知也夫!” 子贡曰:“何为其莫知子也?”

子曰:“不怨天,不尤人。下学而上达, 知我者其天乎!”

Tử viết: Mạc ngã tri dã phu! Tử Công viết: Hà vi kỳ mạc tri tử dã? Tử viết: Bất oán thiêng, bất vưu nhân. Hạ học nhi thượng đạt, tri ngã giả kỳ thiêng hò!

Khổng tử nói: Chẳng có ai hiểu ta cả! Tử Công hỏi: Sao không có ai hiểu thầy? Khổng tử nói: Ta không oán trời, không trách người, ta học việc con người từ nơi thấp cạn mà hiểu được việc trời cao siêu. Hiểu ta may ra chỉ có trời.

14·36

公伯寮憇子路於季孫。子服景伯以告，曰：“夫子固有惑志於公伯寮，吾力犹能肆諸市朝”

。子曰：“道之将行也与,命也；道之将废也与,命也。公伯寮其如命何！”

Công Bá Liêu tố Tử Lộ ư Quý Tôn. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo, viết: “Phu tử có hữu hoặc chí ư Công Bá Liêu, ngô lực do năng tú chư thị triêu”. Tử viết: “Đạo chi thương hành dã dự, mệnh dã; Đạo chi thương phế dã dự, mệnh dã. Công Bá Liêu kỳ như mệnh hà !”.

Công Bá Liêu nói xâu Tử Lộ ở nhà Quý Tôn. Tử Phục Cảnh Bá nghe được, nói: Quý Tôn đã bị Công Bá Liêu mê hoặc rồi. Con có thể làm cho Quý Tôn giết Công Bá Liêu đem bêu xác ngoài chợ để thị uy. Khổng tử nói: Đạo của ta có thực hiện được hay không là do mệnh trời. Công Bá Liêu làm sao bằng mệnh trời được.

(Chú thích: Công Bá Liêu là kẻ xâu, muốn phá hoại sự nghiệp của thầy trò Khổng tử nên thường nói xâu với nhà Quý Tôn đại thần nước Lỗ. Tử Phục Cảnh Bá là một học trò của Khổng tử muốn giết Công Bá Liêu nhưng Khổng tử không đồng ý, ngài tin ở mệnh trời)

14·37

子曰:“贤者辟世,其次辟地, 其次辟色,其次辟言”。子曰:“作者七人矣”。

Tử viết: Hiền giả tịch thế, kỳ thứ tịch địa, kỳ thứ tịch sắc, kỳ thứ tịch ngôn. Tử viết: Tác giả thất nhân hĩ.

Khổng tử nói: Hiền giả tránh đời vô đạo đi ở ẩn, một số tránh nước loạn mà chạy qua nước khác, một số tránh mặt vua trở mặt, không biết lẽ, một số khác tránh kẻ tiểu nhân hay gièm pha. Lại nói thêm: Những người ấy đã có đến bảy người rồi.

(Chú thích: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên là bảy người hiền đi ở ẩn)

14·38

子路宿於石門。晨門曰: “奚自?”.子路曰:“自孔氏”.曰:“是知其不可而为之者与?”

Tử Lộ túc ư Thạch Môn. Thần môn viết: “Hè tự?”. Tử Lộ viết: Tự Khổng thị. Viết: Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dự?

Tử Lộ nghỉ đêm ở Thạch Môn. Người giữ cửa thành hỏi: Thầy ở đâu đến? Tử Lộ trả lời: Từ chỗ thầy Khổng tử đến. Người giữ thành hỏi: Có phải (Khổng tử) là người biết chủ trương của mình không thực hiện nổi mà cứ cố làm không ?

14·39

子击磬於卫，有荷蒉而过孔氏之门者，曰：“有心哉，击磬乎！”。

既而曰：“鄙哉！硁硁乎！莫己知也，斯己而已矣。深则厉，浅则揭”子曰：“果哉！末之难矣”。

Tử kích khánh ư Vệ, hữu hè khoái nhi quá Khổng thị chi môn giả, viết: Hữu tâm tai, Kích khánh hò ! Kí nhi viết: Bỉ tai ! Khanh khanh hò ! Mạc kỷ tri dã, tư kỷ nhi dĩ hĩ. Thâm tắc lệ, thiển tắc yết. Tử viết: Quả tai! Mạt chi nan hĩ.

Khổng tử ở nước Vệ đang gõ khánh, có người bán sọt đựng cỏ đi ngang, nói “Nghe tiếng khánh, biết người gõ khánh là kẻ có tâm”. Lát sau lại nói: “Tiếng khánh rất khiêm tốn. Không có ai biết mình thì chỉ giữ mình thôi. Nước sâu để nguyên quần áo lội qua, nước cạn thì xắn quần lèn đi”.

Khổng tử nói: “Quả quyết tự tin chưa kìa! Vậy trên đời chẳng còn có gì khó ư?!”

(Lời bàn: Người bàn sọt muốn khuyên Khổng tử chẳng nên cố chấp. Không thể cứu được đại sự thì mặc nó trôi qua, còn Khổng tử thì luôn luôn chí lo đến sự an nguy của thời cuộc mà tim cách phô biến đạo lý thánh hiền. “Nước sâu để nguyên áo quần lội qua”: câu này đa nghĩa, tạm hiểu: lỡ có chét đuối thì còn nguyên trang phục, mất thân mà giữ được danh dự- chữ lẽ).

14·40

子张曰：“书云：‘高宗谅阴，三年不言。’何谓也？”子曰：“何必高宗？古之人皆然。君薨，百官总己以听於冢宰三年”

Tử Trương viết: Thư vân: Cao tông Lương Âm, tam niên bất ngôn. Hà vị dã? Tử viết: Hà tất Cao tông? Cỗ chi nhân gai nhiên. Quân hoảng, bách quan tổng kỷ dĩ thính ư trung tể tam niên.

Tử Trương nói: Kinh Thư viết ‘Vua Cao Tông nhà Lương Âm ba năm không nói chuyện chính sự’ là ý gì? Khổng tử nói: Đâu phải chỉ có vua Cao Tông ? mà người xưa đều vậy. Vua mất, trăm quan đều lo chức vụ mình, nghe theo lệnh quan tể tướng và vua kế vị để thụ tang ba năm.

(Chú thích: Vua Cao tông để tang, ba năm không bàn việc chính sự)

14·41

子曰：“上好礼，则民易使也”。

Tử viết : Thượng hiếu lễ, tắc dân dị sử dã.

Khổng tử nói: Người trên coi trọng lễ thì dễ sai bảo dân chúng.

14·42

子路问君子。子曰：“修己以敬”。

曰：“如斯而已乎？”曰：“修己以安人”。曰：“如斯而已乎？”曰：“修己以安百姓。修己以安百姓，尧舜其犹病诸？”

Tử Lộ vẫn quân tử. Tử viết: Tu kỷ dĩ kính. Việt: Như tư nhi dĩ hò?. Việt: Tu kỷ dĩ an nhân. Việt: Như tư nhi dĩ hò? Việt: Tu kỷ dĩ an bách tính. Tu kỷ dĩ an bách tính, Nghiêu Thuấn kỵ do bệnh chư?

Tử Lộ hỏi về người quân tử. Khổng tử nói: Tu dưỡng minh kính cẩn.

Tử Lộ hỏi: Như thế là đủ ư? Khổng tử nói: Tu dưỡng minh để làm yên người khác.

Lại hỏi: Như thế là đủ ư? Khổng tử đáp: Tu dưỡng bần thân để làm yên trăm họ. Việc này khó đến nỗi vua Nghiêu, vua Thuấn còn khó làm được.

14·43

原壤夷俟。子曰:“幼而不孙弟，长而无述焉，老而不死，是为贼”以杖叩其胫。

Nguyên Nhuưỡng di sĩ. Tử viết: Âu nhi bất tôn đệ, trưởng nhi vô thuật yên, lão nhi bất tử, thị vi tặc. Dĩ trượng khâu kỳ hĩnh.

Nguyên Nhuưỡng ngồi xóm đợi. Khổng tử nói: Lúc nhỏ người không biết tôn trọng anh em và người lớn, khi lớn không làm được việc đáng khen, về già mà chưa chịu chết, ấy là làm hại luân thường, phong tục. Nói xong Khổng tử lấy gậy gõ vào ống chân Nguyên.

(Chú thích: Nguyên Nhuưỡng người quen cũ của Khổng tử thuộc dòng đạo khác, không biết đạo cư xử của thầy)

14·44

阙党童子将命。或问之曰:“益者与?”

子曰：“吾其居於位也，见其与先生并行也。非求益者也，欲速成者也”。

Khuyết Đảng đồng tử thương mệnh. Hoặc vẫn chi viết: Ích giả hĩ? Tử viết: Ngô kỵ cư ư vị dã, kiến kỳ dự tiên sinh bính hành dã. Phi cầu ích giả dã, dục tốc thành giả dã.

Một đứa bé ở làng Khuyết Đảng được lệnh Khổng tử truyền lời đến các vị khách. Có người hỏi Khổng tử: “Nó học đã tiến bộ ư?”. Khổng tử nói: Ta nhìn thấy nó ngồi chỗ người lớn, lại đi ngang hàng với người lớn. Nó không phải người cầu tiến mà là người vội vàng muốn thành người lớn.

(Chú thích: Khổng tử thấy đứa bé muôn chóng làm người lớn, đáng lẽ nó chỉ đi theo hầu. Nên ngài sai bảo nó đi theo phục vụ để nhắc nhở nó biết phép tắc thứ bậc (lẽ)

Hết thiên 14

1. 15. 卫灵公Vệ Linh công

第十五篇 thiêng 15.

42 bài

15·1

卫灵公问陈於孔子。孔子对曰：“俎豆之事，则尝闻之矣；军旅之事，未之学也”。明日遂行

。

Vệ Linh Công vẫn trân ư Khổng tử. Khổng tử đôi viết: Trở đậu chi sự, tắc thường văn chi hĩ; Quân lữ chi sự, vị chi học dã. Minh nhật toại hành.

Vệ Linh Công hỏi Khổng tử về nước trận mạc. Khổng tử trả lời: Tôi thường nghe về văn (lẽ nghĩa), chưa học về chiến trận. Ngày hôm sau Khổng tử dời nước Vệ.

(Chú thích: Vệ Linh Công là vua vô đạo, hỏi dò Khổng tử để gây việc binh đao. Khổng tử từ chối khéo và bỏ đi)

15·2

在陈绝粮，从者病，莫能兴。子路愠见曰：“君子亦有穷乎？”子曰：“君子固穷，小人穷斯滥矣”。

Tại Trần tuyệt lương, tòng giả bệnh, mạc năng hưng. Tử Lộ uấn kiến viết: Quân tử diệc hữu cùng hò ? Tử viết : Quân tử cố cùng tiểu nhân cùng tư lạm hĩ.

Khi ở nước Trần bị tuyệt lương thực, học trò đi theo mắc bệnh, đi không nổi. Tử Lộ buồn rầu gặp Khổng tử nói: “Quân tử cũng có lúc khốn cùng phải không?”. Khổng tử nói: Quân tử gặp cùng khốn thì cố chịu đựng, kẻ tiểu nhân thì lạm dụng, làm liều.

15·3

子曰：“赐也！女以予为多学而识之者与？”对曰：“然，非与？”曰：“非也。予一以贯之”。

Tử viết: Tú dã ! Nhữ dĩ dư vi đa học nhi chí giả dã? Đối viết: Nhiên, phi dự ? Viết: Phi dã. Dư nhất dĩ quán chi.

Khổng tử nói: Trò Tú, ngươi tưởng ta có nhiều học thức ư? Tử Cống thura: Vâng ạ, chẳng lẽ không phải vậy sao ? Khổng tử đáp: Không phải, ta chỉ biết dùng một đạo lý cơ bản mà thông suốt mọi vấn đề.

(Lời bàn; Khổng tử cho rằng chỉ cần học những điều cơ bản mà tự nhìn thấy nhiều kiến thức khác, không cần đọc nhiều nhớ nhiều. Kiến thức cơ bản ấy chính là đạo nhân)

15·4

子曰：“由！知德者鲜矣”。

Tử viết: Do! Tri đức giả tiên hĩ.

Khổng tử nói: Trò Do ơi, người hiểu biết về chữ đức bây giờ hiếm quá.

15·5

子曰：“无为而治者，其舜也与？夫何为哉？恭己正南面而已矣”。

Tử viết: Vô vi nhi trị giả, kỳ Thuấn dã dự ? Phu hè vi tai ? Cung kỷ chính Nam diện nhi dĩ hĩ.

Khổng tử nói: Không cần làm gì mà trị yên được thiên hạ, chỉ có vua Thuấn phải không ? Vua Thuấn có làm gì đâu? Người chỉ giữ trang nghiêm đoan chính, ngồi ngoảnh mặt về phương Nam.

(Chú thích: Học thuyết ‘Vô vi nhi trị’. Người lãnh đạo tài cao đức trọng đủ cảm hoá mọi người, phát huy năng lực người cấp dưới mà làm việc)

15·6

子张问行。子曰：“言忠信，行笃敬，虽蛮貊之邦，行矣。言不忠信，行不笃敬，虽州里，行乎哉？立则见其参於前也，在舆则见其倚於衡也，夫然后行”。子张书诸绅。

Tử Trương vấn hành. Tử viết “Ngôn trung tín, hành đốc kính, tuy Man Mạch chi bang, hành hĩ. Ngôn bất trung tín, hành bất đốc kính, tuy châu lý, hành hò tai ? Lập tắc kiến kỳ tham ư tiền dã, tại dư tắc kiến kỳ ỷ ư hành dã, phu nhiên hậu hành”. Tử Trương thư chư thân.

Tử Trương hỏi về việc đi lại. Không tử nói: Lời nói phải trung tín, làm việc cẩn trọng thì dù đi tới nước thiểu số Man Mạch vẫn thông suốt. Lời nói thiểu trung tín, làm việc cẩu thả thì dù ở ngay quê hương mình cũng vấp váp. Khi đứng, như thấy chữ “trung tín, cẩn trọng” đang ở trước mặt. Khi ngồi xe, như thấy chữ “trung tín, cẩn trọng” khắc trên thành xe. Như vậy thì thực hành thông suốt.

Tử Trương chép lời dặn ấy vào dải áo thắt ngang lưng

15.7

子曰:“直哉史鱼 ! 邦有道,

如矢 ; 邦无道,如矢。君子哉蘧伯玉 ! 邦有道,则仕 ; 邦无道 , 则可卷而怀之”。

Tử viết: Trực tai Sứ Ngư ! Bang hữu đạo, như thi; bang vô đạo, như thi. Quân tử tai Cù Bá Ngọc ! Bang hữu đạo, tắc sĩ; Bang vô đạo tắc khả quyền như hoài chi.

Không tử nói: Ngay thẳng như Sứ Ngư ! Nước có đạo, ông ngay thẳng như cái tên; Khi nước vô đạo, ông vẫn ngay thẳng như cái tên. Quân tử như Cù Bá Ngọc, nước có đạo thì ra làm quan, khi nước vô đạo biết lui về ở ẩn.

15.8

子曰: 可与言而不与之言,失人 ; 不可与言而与言,失言。知者不失人,亦不失言.

Tử viết: Khả dữ ngôn nhi bất dự chi ngôn, thát nhân; Bất khả dự ngôn nhi dự ngôn. Trí giả bất thát nhân, diệc bất thát ngôn.

Không tử nói: Người có thể cùng nói chuyện mà không nói, thế là mất người. Người không thể bàn chuyện cùng mà lại nói, thế là uống lời. Người trí thức không bỏ mất người và không uống lời.

15.9

子曰: 士仁人, 无求生以害仁, 有杀身以成仁。

Tử viết: Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.

Không tử nói: Chí sĩ là người nhân đức, không bao giờ cầu sống để hại người khác, có khi còn dám hy sinh thân mình để thi hành đạo nhân.

15.10

子贡问为仁。子曰:工欲善其事, 必先利其器。居是邦也, 事其大夫之贤者 , 友其士之仁者

◦

Tử Cống vấn vi nhân. Tử viết: Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí. Cư thị bang dã, sự kỳ đại phu chi hiền giả, hữu kỳ sĩ chi nhân giả.

Tử Cống hỏi về đạo nhân: Không tử nói: Người thợ muốn làm ra sản phẩm tốt thì tất phải có dụng cụ tốt trước đã. Trong nước phải tôn người hiền tài trong số đại phu làm thầy, kết giao bạn bè với người nhân đức trong số kẻ sĩ.

15.11

颜渊问为邦。子曰:行夏之时 , 乘殷之辂 , 服周之冕,乐则韶舞。放郑声 , 远佞人。郑声淫 , 佞人殆”。

Nhan Uyên vẫn vi bang. Tử viết: Hành Hạ chi thời, thừa Ân chi lộ, phục Chu chi miện, nhạc tặc Thiều Vũ. Phóng Trịnh thanh, viễn vọng nhân. Trịnh thanh dâm, vọng nhân đai.

Nhan Uyên hỏi về việc trị nước. Không tử nói: Dùng lịch pháp nhà Hạ, đi xe nhà Ân, đội mũ nhà Chu, dùng nhạc thiều nhà Vũ. Bỏ nhạc nhà Trịnh vì âm thanh dâm dật, bậy bạ làm hỏng người, rất nguy hiểm.

15·12

子曰：“人无远慮，必有近忧”。

Tử viết: Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.

Không tử nói: Người không lo nghĩ xa thì át có nỗi buồn gần.

(Lời bàn: Người cần nhìn xa trông rộng, nếu chỉ biết lợi ích trước mắt không suy tính dài hơi thì hoạn nạn đến nhanh. Mọi việc nên có phòng bị trước (từ sớm) thì sẽ đối phó được việc bất ngờ)

15·13

子曰：“已矣乎！吾未见好德如好色者也”。

Tử viết: Dĩ hĩ hò ! Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã.

Không tử nói: Thôi hết rồi ! Ta chưa nhìn thấy ai ham đức như ham sắc vậy.

15·14

子曰：“臧文仲其窃位者与！知柳下惠之贤而不与立也”。

Tử viết: Tang Văn Trọng kỳ thiết vị giả dự ! Tri Liễu Hạ Huệ chi hiền nhi bất dự lập dã.

Không tử nói: Tang Văn Trọng hình như là kẻ ăn cắp chức vụ ? Người ấy biết rất rõ Liễu Hạ Huệ thật sự là hiền tài mà không cử Liễu ra làm quan.

(Lời bàn: Liễu Hạ Huệ là hiền tài, Tang Văn Trọng ngồi ghê quan cao, biết rõ Liễu xứng đáng mà không đe dọa là do bụng hẹp hòi. Đó là tội che giấu hiền tài, kẻ như ăn cắp vậy.)

15·15

子曰：“躬自厚而薄责於人，则远怨矣”。

Tử viết: Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân, tắc viễn oán hĩ.

Không tử nói: Nên tự trách mình nhiều, trách người ít hơn, được vậy thì ít đem lại oán hận.

15·16

子曰：“不曰‘如之何，如之何’者，吾末如之何也已矣”。

Tử viết: Bất viết như chi hà, như chi hà giả, ngô mặt như chi hà dã dĩ hĩ.

Không tử nói: Một người không biết bàn về sự việc như thế nào, nên làm ra sao ư?

Ta chẳng biết dạy bảo kẻ ấy thế nào nữa.

(Lời bàn: Không tử thất vọng với người chỉ biết kêu ca khi gặp khó chứ không biết bàn tính, suy nghĩ ra sao)

15·17

子曰：“群居终日，言不及义，好行小慧，难矣哉！”

Tử viết: Quần cư chung nhặt, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu tuệ, nan dĩ tai!

Không tử nói: Ngồi trò chuyện cả đám suốt ngày mà không bàn chuyện đạo nghĩa, chỉ nói chuyện khôn vặt. Kẻ áy thực khó thành đạo.

15·18

子曰:“君子义以为质,礼以行之,孙以出之,信以成之。君子哉 !”

Tử viết: Quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tôn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi. Quân tử tai!

Không tử nói: Quân tử lấy nghĩa lý làm gốc, lấy lễ để thực hành, lấy tôn kính biểu hiện ra, dùng đức tín để làm việc. Đó là người quân tử.

15·19

子曰:君子病无能焉,不病人之不己知也。

Tử viết: Quân tử tật vô năng yên, bất bệnh nhân chi bất kỉ tri dã.

Không tử nói: Quân tử chỉ sợ mình mắc lỗi, không sợ người ta không biết mình.

15·20

子曰:君子疾没世而名不称焉。

Tử viết: Quân tử tật một thê nhi danh bất xứng yên.

Không tử nói: Quân tử sẽ mang hận suốt đời nếu không xứng đáng với danh phận.

15·21

子曰:君子求诸己,小人求诸人。

Tử viết: Quân tử cầu giả kỷ, tiểu nhân cầu giả nhân.

Không tử nói: Quân tử mọi thứ đều dựa vào mình, tiểu nhân đều dựa tất cả vào người khác.

15·22

子曰:君子矜而不争,群而不党。

Tử viết: Quân tử cảng nhi bất tranh, quần nhi bất đảng.

Không tử nói: Quân tử trang nghiêm mà không tranh giành, hòa hợp với người nhưng không kết bè phái.

15·23

子曰:君子不以言举人,不以人废言。

Tử viết: Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phê ngôn.

Không tử nói: Quân tử không vì lời nói mà cất nhắc người, cũng không vì người mà bỏ lời nói.

(Lời bàn: Không nên chỉ vì lời nói hay mà tin tưởng, cất nhắc. Một kẻ ta không ưa nhưng có lời hay thì cũng cần lưu ý suy nghĩ chứ không nên bỏ qua. Tóm lại, nhìn người phải suy xét cả lời nói và việc làm).

15·24

子贡问曰:一言而可以终身行之者乎? 子曰:恕乎! 己所不欲,勿施於人。

Tử Công văn viết: Hữu nhất ngôn dĩ chung thân hành chi giả hò? Tử viết: Kỳ thứ hò! Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân.

Tử Công hỏi: Có câu nói nào mà dùng được suốt đời không?

Không tử nói: Đó là chữ “thứ”. Việc gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác.

15·25

子曰:吾之於人也, 谁毀谁譽? 如有所譽者, 其有所試矣。斯民也, 三代之所以直道而行也。

Tử viết: Ngô chi ư nhân dã, thùy hủy thùy dự? Như hữu sở dự giả, kỳ hữu sở thí hĩ. Tư dân dã, tam đại chi sở dĩ trực đạo nhi hành dã.

Không tử nói: Ta sống với người, có chê ai khen ai quá lố đâu? Nếu khen ai ta phải xem xét thực tế để biết rõ người ấy. Phê phán người đời nay, ta dựa theo đạo đức ngay thẳng ba đời Hẹ, Thương, Chu.

(Chú thích: Không tử nhắc việc khen, chê người khác cần thận trọng, có căn cứ. Nếu không thì lại xa rời đạo lý. Không tử coi việc khen chê thời Hẹ, Thương, Chu là mẫu mực)

15·26

子曰: 吾犹及史之阙文也, 有马者借人乘之, 今亡矣夫。

Tử viết: Ngô do cập sử chi khuyết văn dã, hữu mã giả tá nhân thừa chi, kim vong hĩ phu.

Không tử nói: Ta thấy quan chép sử bỏ trống những điều nghi vấn, lại biết có người chủ ngựa dám cho người khác mượn ngựa. Bây giờ không còn loại người ấy nữa.

(Lời bàn: Cuối thời Xuân thu Không tử chứng kiến xã hội suy vi trước mắt nên rất lo lắng u sầu... Quan chép sử cần thận chỉ viết điều chắc chắn, người cho bạn mượn ngựa- là hai việc bình thường ngày xưa mà ngày nay hiếm hoi tới mức không thấy nữa).

15·27

子曰: 巧言乱德。小不忍则乱大谋。

Tử viết: Xảo ngôn loạn đức. Tiêu bát nhẫn tắc loạn đại mưu.

Không tử nói: Lời xảo trá có thể làm bại hoại đạo đức. Không nhẫn nại việc nhỏ thì có thể làm hỏng việc lớn.

15·28

子曰: 众恶之, 必察焉; 众好之, 必察焉。

Tử viết: Chúng ô chi, tất sát yên; Chúng hiếu chi, tất sát yên.

Không tử nói: Người bị mọi người ghét, ta phải xem xét có đúng không. Người được mọi người ưa thích, ta cũng phải xem có thực không.

15·29

子曰: 人能弘道, 非道弘人。

Tử viết: Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân.

Không tử nói: Người phải làm cho đạo được mở rộng, chứ không dùng đạo để phô trương cho mình.

15·30

子曰: 过而不改, 是谓过矣。

Tử viết: Quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ.

Không tử nói: Có sai làm mà không sửa, đây mới thật là sai làm.

15.31

子曰：吾尝终日不食，终夜不寝，以思，无益，不如学也。

Tử viết: Ngô thường chung nhặt bát thực, chung dạ bát tâm, dĩ tư, vô ích, bát như học dã.

Không tử nói: Ta từng suốt ngày không ăn cơm, thức trắng cả đêm để suy tư. Nhưng vô ích, không bằng đi học.

15.32

子曰：君子谋道不谋食。耕也，馁在其中矣；学也，禄在其中矣。君子忧道不忧贫

Tử viết: Quân tử mưu đạo bát mưu thực. Canh dã, nỗi tại kỳ trung hĩ; Học dã, lộc tại kỳ trung hĩ. Quân tử ưu đạo bát ưu bần.

Không tử nói: Quân tử chăm lo cầu đạo chứ không cầu ăn. Người cày ruộng khi gặp mất mùa khó tránh khỏi đói kém. Người chăm học có thể làm quan. Quân tử chỉ lo đạo chứ không lo về nghèo.

15.33

子曰：知及之，仁不能守之；虽得之，必失之；知及之，仁能守之，不庄以泣之，则民不敬。

知及之，仁能守之，庄以泣之，动之不以礼，未善也。

Tử viết: Tri cập chi, nhân bát năng thủ chi; Tuy đắc chi, tất thất chi; Tri cập chi, nhân năng thủ chi, bát trang dĩ lì chi, tắc dân bất kính. Tri cập chi, nhân năng thủ chi, trang dĩ lì chi, động chi bất dĩ lễ, vị thiện dã.

Không tử nói: Người có đủ trí tuệ nhưng không biết giữ đức nhân thì có nhiều kiến thức rồi cũng bỏ mất. Người có đủ trí tuệ lại biết giữ đức nhân nhưng nếu thiếu thái độ nghiêm túc khi đến với dân thì dân cũng không kính trọng. Người có đủ trí tuệ, biết giữ đức nhân lại đến với dân nghiêm túc cẩn thận nhưng không biết dùng lễ tiết kết hợp để cỗ vũ dân làm việc thiện thì cũng không hoàn toàn tốt đẹp.

(Lời bàn: Không tử nêu ra 04 phẩm chất, tăng dần để đảm bảo thành công)

15.34

子曰：君子不可小知而可大受也，小人不可大受而可小知也。

Tử viết: Quân tử bát khả tiểu tri nhi khả đại thụ dã, tiểu nhân bát khả đại thụ nhi khả tiểu tri dã.

Không tử nói: Quân tử có thể không biết việc nhỏ nhặt, nhưng có thể đảm đương việc lớn.

Kẻ tiểu nhân không làm được việc lớn nhưng có thể biết việc nhỏ nhặt.

15.35

子曰：民之於仁也，甚於水火。水火，吾见蹈而死者矣，未见蹈仁而死者也。

Tử viết: Dân chi ư nhân dã, thậm ư thủy hỏa. Thủy hỏa, ngô kiến đạo nhi tử giả hĩ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả dã.

Không tử nói: Nhân dân cần đức nhân hơn cần lửa và nước. Ta từng thấy người dãm vào lửa và nước mà chết, chưa thấy ai dãm vào đức nhân mà chết bao giờ.

(Lời bàn: Nước và lửa rất cần cho đời sống con người. Không tử bảo rằng đức nhân còn cần thiết hơn, thiếu nó cũng co thể nguy hại hơn cả nước, lửa. Làm việc nhân đức thì chẳng bao giờ lo sợ

cả.)

15.36

子曰: 当仁, 不让於师。

Tử viết: Đương nhân, bất nhượng ư sư.

Không tử nói: Người thắng thắn thì không nhường nhịn cả thầy dạy mình.

15.37

子曰: 君子贞而不谅。

Tử viết: Quân tử trinh nhi bất lượng.

Không tử nói: Quân tử giữ vững khí tiết nhưng biết bao dung người khác (kém hơn mình).

15.38

子曰: 事君, 敬其事而后其食。

Tử viết: Sự quân, kính kỳ sự nhi hậu kỳ thực.

Không tử nói: Thủ vua phải tận tâm, sau mới nghĩ đến bỗng lộc.

15.39

子曰: 有教无类。

Tử viết: Hữu giáo vô loại.

Không tử nói: Dạy người, ta không phân biệt thứ hạng, giàu nghèo, thiện, ác, dở hay.

15.40

子曰: 道不同, 不相为谋。

Tử viết: Đạo bất đồng, bất tương vi mưu.

Không tử nói: Người không cùng theo một đạo lý thì không thể ngồi bàn việc cùng được.

15.41

子曰: 辞达而已矣。

Tử viết: Từ đạt nhi dĩ hĩ.

Không tử nói: Lời văn đủ diễn tả ý tú là được rồi.

15.42

师冕见, 及阶, 子曰: “阶也”及席, 子曰: “席也”。皆坐, 子告之曰:

某在斯, 某在斯”。师冕出, 子张问曰: “与师言之道与?” 子曰: “然, 固相师之道也”。

Sư Miện kiến, cập giao, Tử viết: Giai dã cập tịch, tử viết: Tịch dã. Giai tọa, Tử cáo chi viết “Mỗ tại tư, mỗ tại tư”. Sư Miện xuất, Tự Trương vẫn viết: Dự sư ngôn chi đạo dự? Tử viết: Nhiên, có tương sư chi đạo dã.

Sư Miện (quan nhạc bị mù) đi tới bậc thềm, Không tử nói: ‘Đây là bậc thềm’, rồi nói: ‘Tôi chỉ chiêu người’. Khi mọi người an tọa, Không tử giới thiệu từng người ‘Người này là... Người này là...’. Khi Sư Miện về rồi, Tự Trương hỏi Không tử: Đó là đạo nói chuyện với quan nhạc sư phải không? Không tử đáp: Phải rồi, đạo giúp đỡ quan nhạc sư mù lòa.

(Lời bàn: Mọi người phải tôn trọng và giúp đỡ người mù lòa, huống chi Sư Miện mù lòa lại là người có tài năng, giữ nhạc lễ. Đó là đạo lý xưa nay, chẳng những với người mù lòa mà cả những người bị khiếm khuyết, người già neo đơn, trẻ mồ côi, nam góá vợ, nữ góá chồng... cũng cần được giúp đỡ).

Hết thiên 15

1. 16. 季氏 Quí thị

第十六篇 thiên 16.

14 bài

16. 1

季氏将伐颛臾。冉有,季路见於孔子曰:“季氏将有事於颛臾”。

孔子曰:“求!无乃尔是过与?夫颛臾,昔者先王以为东蒙主,且在城邦之中矣,是社稷之臣也。何以伐为?”。

冉有曰:“夫子欲之,吾二臣者皆不欲也”。

孔子曰:“求!周任有言曰:‘陈力就列,不能者止’,危而不持,颠而不扶,则将焉用彼相矣?且尔言过矣,虎兕出於柙,龟玉毁於椟中,是谁之过与?”。

冉有曰:“今夫颛臾,固而近於费。今不取,后世必为子孙忧”。

孔子曰:“求!君子疾夫舍曰欲之而必为之辞。丘也闻有国有家者,不患寡而患不均,不患贫而患不安。盖均无贫,和无寡,安无倾。夫如是,故远人不服,则修文德以来之。既来之,则安之。今由与求也,相夫子,远人不服而不能来也,邦分崩离析而不能守也;而谋动干戈於邦内。吾恐季孙之忧,不在颛臾,而在萧墙之内也”。

Quí thị thương phạt Chuyên Du. Nhiễm Hữu, Quí Lộ kién ư Không tử viết: “Quí thị thương hữu sự ư Chuyên Du”.

Không tử viết: “Cầu (tức Nhiễm Hữu), vô nãi nhĩ thị quá dư? Phu Chuyên Du, tích tích tiên vương dĩ vi Đông Mông chủ, thả tại thành bang chi trung hĩ, thị xã tác chi thần dã. Hà dĩ phạt vi?

Nhiễm Hữu (Cầu) viết: Phu tử dục chi, ngô nhi thần giả giai bất dục dã.

Không tử viết: Cầu, Chu Nhiễm hữu ngôn viết: “Trần lực tựu liệt, bất năng giả chí, nguy nhi bất trì, đên nhi bất phù, tắc thương yên dụng bỉ tướng hĩ? Thả nhĩ ngôn quá hĩ, hổ hủy xuất ư hiệp, khưu ngọc hủy ư độc trung, thị thùy chi quá dư?”.

Nhiễm Hữu viết: Kim phu Chuyên Du, cố nhi cận ư Phí. Kim bất thủ, hậu thế tất vi tử tôn ưu.

Không tử viết: Cầu, quân tử tật phu xá viết dục chi nhi tất vi chi từ. Khâu dã văn hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi hoạn bất an. Cái quân vô bần, hòa vô quả, an vô khuynh. Phu như thị, cố viễn nhân bất phục, tắc tu văn đức dĩ lai chi. Ký lai chi, tắc an chi.

Kim Do dự Cầu dã, tướng phu tử, viễn nhân bất phục nhi bất năng lại dã, bang phân băng li

tích nhi bất năng thủ dã, nhi mưu động can qua ư bang nội. Ngô khủng quí tôn chi ưu, bất tại Chuyên Du, nhi tại tiêu tường chi nội dã.

Họ Quý chuẩn bị chinh phạt nước Chuyên Du. Nhiễm Hưu, Quý Lộ đến gặp Khổng tử, nói: “**Họ Quý sắp gây sự với nước Chuyên Du**”. Khổng tử nói: **Nhiễm Cầu, đây không phải sai lầm của ngươi ư? Đối với nước Chuyên Du, thiên tử đã giao cho họ chủ trì lễ tế ở núi Đông Mông, thuộc lãnh thổ nước Lỗ, vì sao lại đánh nước Chuyên Du?”.**

Nhiễm Hưu nói: **Đây là do họ Quý muốn chinh phạt, hai chúng con là cấp dưới đều không muốn vậy.**

Khổng tử nói: **Nhiễm Hưu, quan chép sử Chu Nhiệm** từng nói: “**có thể tận lực làm bẽ tôi thì giữ chức vụ, nếu không tận lực được thì nên thôi chức**”. Nếu người chủ gặp nguy hiểm mà không giúp, thấy chủ sắp ngã mà không đỡ, quan chức như các ngươi có tác dụng gì? **Và lại các ngươi nói sai quá rồi, giữ chuồng mà để con hổ, con trâu xổng chuồng, kẻ giữ tráp mà để ngọc quí mai rùa bị hổ hỏng trong tráp là lỗi tại ai ?**”.

Nhiễm Hưu nói: **Tường thành của nước Chuyên Du kiên cố lắm, hơn nữa lại ở gần ấp Phí, bây giờ không chiếm lấy, sẽ để mối lo cho con cháu về sau.**

Khổng tử nói: **Nhiễm Hưu, người quân tử ghét nhất là không dám trực tiếp nói ra tham muồn của mình mà lại tìm cớ khác.** Ta từng nghe nói, vua chư hầu có nước, quan đại phu có nhà chẳng buồn vì dân ít, mà buồn vì của cải phân phôi không đều, không sợ nghèo mà sợ không yên ổn. Của cải chia công bằng thì dân không nghèo nữa. Dân yên ổn thì không cảm thấy người ít, nước yên sẽ không còn ngả nghiêng nữa. Nếu biết người nơi xa (láng giềng) không qui phục thì phải biết sửa vắn đức của mình làm cho họ phục mà đến. Họ đến rồi thì nghĩ cách cho họ được yên... Hiện nay trò Do và trò Hưu phụ tá họ Quý, biết người ở xa không qui phục mà chẳng biết cách làm họ đến, nước nhà phân rẽ mà không biết cách bảo toàn, lại còn muồn binh đao... Ta sợ nỗi lo của họ Quý không phải ở nước Chuyên Du, mà ở trong nội bộ vậy.

16. 2

孔子曰:“**天下有道, 则礼乐征伐自天子出；天下无道, 则礼乐征伐自诸侯出。自诸侯出, 盖十世希不失矣；自大夫出, 五世希不失矣；陪臣执国命, 三世希不失矣。天下有道, 则政不在大夫。天下有道, 则庶人不议”**

Khổng tử viết: **Thiên hạ hữu đạo, tắc lễ nhạc chinh phạt tự thiên tử xuất; Thiên hạ vô đạo, tắc lễ nhạc chinh phạt tự chư hầu xuất.** Tự chư hầu xuất, cái thập thế hy bất thất hĩ; Tự đại phu xuất, ngũ thế hy bất thất hĩ; Bồi thần chấp quốc mệnh, tam thế hy bất thất hĩ. **Thiên hạ hữu đạo, tắc chính bất tại đại phu. Thiên hạ hữu đạo, tắc thứ nhân bất nghị.**

Khổng tử nói: **Thiên hạ có đạo thì lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt đều ở trong tay thiên tử. Thiên hạ vô đạo thì lễ nhạc và hiệu lệnh chinh phạt ở trong tay vua chư hầu. Quyết định của vua chư hầu làm ra quá lầm tồn tại được 10 đời thì mất nước. Quyết định của đại phu làm ra**

chỉ truyền đi nhiều lầm được 5 đời thì mất nước. Quyết định do gia thần làm ra được truyền không quá 3 đời thì mất nước.

Thiên hạ có đạo thì người dân bình thường chẳng có điều gì phải bàn luận.

16. 3

孔子曰: 禄之去公室五世矣, 政逮於大夫四世矣, 故夫三桓之子孙微矣

Không tử viết: Lộc chi khứ công thất ngũ thế hĩ, chính đai ư đại phu tứ thế hĩ, có phu tam hoàn chi tử tôn vi hĩ.

Không tử nói: Lộc không còn ở triều đình (Lỗ quốc) 5 đời rồi, chính quyền trong tay đại phu đã 4 đời. Vậy con cháu ba nhà đại phu (họ Quí, Mạnh, Thúc) hiện nay đang lúc suy sụp rồi.

16.4

孔子曰: 益者三友, 损者三友. 友直, 友谅, 友多闻, 益矣。友便辟, 友善柔, 友便佞, 损矣

Không tử viết: Ích giả tam hữu, tôn giả tam hữu. Hữu trực, hữu lượng, hữu đa văn, ích hĩ. Hữu tiệm tịch, hữu thiện nhu, hữu tiệm vọng, tôn hĩ.

Bạn có ích gồm ba loại: bạn ngay thẳng, bạn thành thực, bạn có kiến thức sâu rộng.

Bạn có hại cũng ba loại: Bạn giả bộ uy nghi, bạn khéo chiều chuộng, bạn ưa siêm nịnh.

16.5

孔子曰: “益者三乐, 损者三乐。乐节礼乐, 乐道人之善, 乐多贤友, 益矣。

乐骄乐, 乐佚游, 乐晏乐, 损矣”

Không tử viết: Ích giả tam lạc, tôn giả tam lạc. Lạc tiết lễ nhạc, lạc đạo nhân chi hỉ. Lạc đa hiền hữu, ích hĩ. Lạc kiêu nhạc, lạc dật du, lạc yến lạc, tôn hĩ.

Điều thích thú có ích gồm ba loại: Thích nghi thức lễ phép, thích nói điều hay của kẻ khác, thích có nhiều bạn hiền.

Sự thích thú có hại cũng gồm 3 thứ: Thích nhạc ỷ mi, ru ngủ, nhô nhăng. Thích chơi bừa bãi phóng túng Thích yến tiệc say sưa quá độ.

16.6

孔子曰: 侍於君子有三愆: 言未及之而言谓之躁, 言及之而不言谓之隐, 未见颜色而言谓之瞽.

Không tử viết: Hầu ư quân tử hữu tam khiên: ngôn vị cập chi nhi ngôn vị chi táo, ngôn cập chi nhi bất ngôn vị chi ẩn, vị kiến nhan sắc nhi ngôn vị chi cổ.

Không tử nói “Ngồi hầu chuyện người quân tử có thể mắc 3 sai lầm này. Chưa đến lúc nói đã tranh nói, gọi là hấp tấp. Đến lúc nói lại không chịu nói là người giấu diếm. Không nhìn sắc mặt của người quân tử mà cứ thao thao bất tuyệt là kẻ mù quáng”.

16.7

孔子曰:

君子有三戒: 少之时, 血气未定, 戒之在色; 及其壮也, 血气方刚, 戒之在斗; 及其老也, 血气既衰, 戒之在得

Khổng tử viết: Quân tử hữu tam giới: thiếu chi thì, huyết khí vị túc, giới chi tại sắc; cập kì tráng dã, huyết khí phuơng cương, giới chi tại đấu; cập kì lão dã, huyết khí kí suy, giới chi tại đắc.

Khổng tử nói: Quân tử có ba việc phòng ngừa. 1. Lúc nhỏ tuổi huyết khí chưa ổn định phải tránh ham nũ sắc. 2. Khi đã trưởng thành huyết khí đã thịnh vượng phải phòng ngừa tính ham tranh đấu 3. Khi về già huyết khí suy nhược, cần tránh tính tự đắc ham được hơn người khác

16.8

孔子曰:

君子有三畏：畏天命,畏大人,畏圣人之言。小人不知天命而不畏也,狎大人,侮圣人之言

Khổng tử viết: Quân tử hữu tam úy. Úy thiên mệnh. Úy đại nhân. Úy thánh nhân chi ngôn. Tiếu nhân bất tri thiên mệnh nhi bất úy dã, hiệp đại nhân, vũ thánh nhân chi ngôn.

Khổng tử nói:

Quân tử có ba điều sợ. Sợ mệnh trời. Sợ bậc đại nhân. Sợ lời nói của thánh nhân.

Tiểu nhân không biết thiên mệnh nên không sợ, coi nhau đại nhân, khinh lời thánh nhân.

16.9

孔子曰：生而知之者,上也；学而知之者,次也；困而学之,又其次也；困而不学, 民斯为下矣

Khổng tử viết: Sinh nhi tri chi giả, thượng dã. Học nhi tri chi giả, thứ dã. Khốn nhi học chi, hụu kì thứ dã. Dân tư vi hạ hĩ.

Khổng tử nói: (Có ba loại người). Sinh ra đã biết đạo lí là người bậc trên cùng. Học rồi mới biết đạo lí là bậc thứ nhì. Gặp khó khăn mới chịu đi học là bậc thấp hơn, người kém nhất.

16.10

孔子曰：君子有九思：视思明,听思聪，色思温,貌思恭,言思忠,事思敬,疑思问,忿思难,见得思义

Khổng tử viết: Quân tử hữu cửu tư: Thị tư minh, thính tư thông, sắc tư ôn, mạo tư cung, ngôn tư trung, sự tư kính, nghi tư vấn, phẫn tư nan, kiến đắc tư nghĩa.

Khổng tử nói: Quân tử có 9 điều lo nghĩ

1. Khi nhìn, phải xem cho kĩ.
2. Khi nghe, phải biết chắc đã nghe thông tỏ.
3. Khi chưa rõ việc gì, cần tìm người hỏi.
4. Sắc mặt khi đối đãi giao tiếp có ôn hòa không.
5. Thái độ giao tiếp với người đã cung kính chưa
6. Nói chuyện với người có trung thực không.
7. Làm việc với người đã nghiêm túc chưa.
8. Khi giận dữ phải nghĩ đến hậu họa, khó khăn về sau.
9. Khi thấy mồi lợi, nghĩ xem có phạm vào điều bất nghĩa không

16.11

子曰：见善如不及,见不善如探汤。吾见其人矣,吾闻其语矣。隐居以求其志,行义以达其道。吾闻其语矣,未见其人也。

Tử viết: Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang. Ngô kiến kỳ nhân hĩ. ngô văn kỳ ngữ hĩ. Ân cự dĩ cầu kỳ chí, hành nghĩa dĩ đạt kỳ đạo. Ngô văn kỳ ngữ hĩ, vị kiến kỳ nhân dã. **Khổng tử: Nhìn thấy người thiện như theo chặng kịp, thấy kẻ bất thiện thì như rờ tay phải nước sôi. Ta đã nhìn thấy người như vậy, nghe người xưa nói như thế. Di ở ẩn để giữ trọn cái chí của mình, làm việc nghĩa để đạt được cái đạo của mình. Ta đã nghe người xưa nói vậy nhưng chưa thấy người nào như vậy.**

16.12

齐景公有马千驷，死之日，民无德而称焉。伯夷叔齐饿死於首阳之下，民到於今称之。其斯之谓与？

Tề Cảnh công hữu mã thiên tú, tử chi nhật, dân vô đức nhi xứng yên. Bá Di, Thúc Tề ngã tử ư Thủ Dương chi hạ, dân đáo ư kim xứng chí. Kỳ tư chi vị dụ ?

Vua Tề Cảnh công có nghìn cỗ xe bốn ngựa. Ngày vua chết, dân chúng chẳng thấy ngài có đức hạnh gì để ca tụng. Bá Di, Thúc Tề chịu chết đói dưới chân núi Thủ Dương để lại đạo đức ngày nay dân chúng vẫn ca tụng. Những người ấy chẳng phải như vậy sao ?

16.13

陈亢问於伯鱼曰:“子亦有异闻乎?”

对曰:“未也。尝独立,鲤趋而过庭。曰:‘学诗乎?’对曰:‘未也’。‘不学诗,无以言。’鲤退而学诗。他日又独立,鲤趋而过庭。曰:‘学礼乎?’对曰:‘未也’。‘不学礼,无以立。’

鲤退而学礼。闻斯二者”。陈亢退而喜曰：“问一得三。闻诗,闻礼,又闻君子之远其子也”。

Trần Cao vấn ư Bá Ngư viết: “Tử diệc hữu dị văn hò? Đối viết: Vị dã. Thường độc lập, lý xu nhi quá đình. Viết: “Học thi hò?”. Đối viết: Vị dã. Bất học thi, vô dĩ ngôn. Lý thoái nhi học thi. Tha viết hựu độc lập, lý xu nhi quá đình. Viết: “Học lễ hò?”. Đối viết: “Vị dã. Bất học lễ, vô dĩ lập. Lý thoái nhi học lễ. Văn tư nhị giả. Trần Cao thoái nhi hỉ viết: “Vân nhất đắc tam. Văn thi, văn lễ, hựu văn quân tử chi viễn kỳ tử dã”.

Trần Cao hỏi Bá Ngư (con Khổng tử): Nghe thầy dạy có điều gì lạ không ? Bá Ngư trả lời: Chưa thấy. Một hôm cha tôi đứng một mình, tôi nhẹ nhàng đi qua sân. Cha tôi hỏi: Đã học Kinh Thi chưa ? Tôi đáp: con chưa học. Cha nói: Không học Kinh Thi biết gì mà nói chuyện. Sau tôi lui về học Kinh Thi. Lại hôm khác, cha tôi cũng đứng một mình tôi lễ phép đi qua, cha tôi lại hỏi “đã học kinh Lễ chưa ?”. Tôi thưa rằng chưa học. Cha tôi bảo: Không học kinh Lễ thì không có cách gì lập thân. Sau đó tôi học kinh Lễ... Đó, tôi chỉ nghe thấy hai việc này.

Trần Cao trả về vui mừng nói: Mình hỏi một việc mà biết được ba việc, đó là phải học Kinh Thi, kinh Lễ, lại biết rằng bậc quân tử đối với con cái cũng không thân cận hơn hay dạy dỗ đặc biệt hơn.

16.14

邦君之妻,君称之曰夫人,夫人自称曰小童;邦人称之曰君夫人,称诸异邦曰寡小君;异邦人称之亦曰君夫人。

Bang quân chi thê, quân xưng chi viết phu nhân, phu nhân tự xưng viết tiểu đồng; Bang nhân xưng chi viết quân phu nhân, xưng chư dì bang viết quả tiểu quân; dì bang nhân xưng chi diệc viết quân phu nhân.

Vợ vua chư hầu gọi là “phu nhân”, phu nhân tự xưng mình là “tiểu đồng”. Người dân gọi các bà là “quân phu nhân”. Vua xưng với vua nước bạn là “quả tiểu quân”, người nước khác vẫn gọi vợ vua là “quân phu nhân”.

(Chú thích: Phu còn có nghĩa phù (giúp đỡ), vợ là người giúp đỡ chồng (phu nhân).

Quả: ít đức, lời khiêm tôn, như xưng “quả nhân”, gọi phụ nữ góa chồng là “quả phụ” với ý nghĩa ấy. Không tử coi trọng thuyết chính danh nên nhắc nhở học trò xưng hô chuẩn mực).

Hết thiên 16

1. 17. 阳货 Dương Hóa

第十七篇 thiêng 17

25 bài

17.1

阳货欲见孔子,孔子不见,归孔子豚。孔子时其亡也,而往拜之,遇诸涂。谓孔子曰:“来!予与尔言”。曰:“怀其宝而迷其邦,可谓仁乎?”。

曰:“不可”。“好从事而亟失时,可谓知乎?”。曰:“不可,日月逝矣,岁不我与”。孔子曰:“诺,吾将仕矣。”

Dương Hóa dục kiến Khổng tử, Khổng tử bát kiến, qui Khổng tử đòn. Khổng tử thời kỳ vong dã, nhì vãng bái chi, ngộ chư đồ. Vị Khổng tử viết: “Lai! Dư dự nhĩ ngôn”. Viết: Hoài kỳ bảo nhi mê kỳ bái, khả vị nhân hò? Viết: Bất khả. Hảo tòng sự nhi cúc thất thì, khả vị tri hò? Viết: Bất khả. Nhật nguyệt thê hĩ, tué bát ngã dự. Khổng tử viết: Nặc ngô thương sĩ hĩ.

Dương Hóa muôn gặp Khổng tử nhưng ông tránh mặt. Dương Hóa đê lại một con lợn luộc làm quà biếu. Khổng tử nhân dịp Dương Hóa đi vắng, đến nhà bái tạ. Không ngờ hai người gặp nhau giữa đường. Dương Hóa nói, lại đây ta có chuyện muôn nói với ông. Dương Hóa hỏi: “Có đạo đức nhưng mặc cho quốc gia mê muội, có thể gọi là người có nhân được không?”. Khổng tử đáp: Không thể. Dương Hóa lại hỏi: Thích làm quan nhưng lại luôn bỏ lỡ thời cơ, có thể gọi là người trí được không? Khổng tử đáp: Không thể.. Dương Hóa lại nói: Ngày tháng trôi qua không bao giờ trở lại, tuổi chẳng đợi chờ ta. Khổng tử nói: Được, ta ra làm quan vậy.

(Chú thích: Dương Hóa là gia thần của họ Quý giữ chức đại phu, muôn đưa Khổng tử ra làm quan. Khổng tử không muôn giúp Dương Hóa làm loạn trong tình thế nước Lỗ đang suy vi vô đạo...)

17.2

子曰：性相近也，习相远也。

Tử viết: Tính tương cận dã, tập tương viễn dã.

Khổng tử nói: Khi mới sinh ra, tính nét người ta gần giống nhau, về sau tập quán khác nhau nên tính tình sẽ khác xa nhau.

(Chú thích: Vấn đề bản tính con người có nhiều quan điểm khác nhau: Lão tử cho rằng bản tính người có thiện có ác, cùng tồn tại tương tác lẫn nhau. Tuân tử cho rằng bản chất con người là ác, phải có sự giáo dục thì mới cải được cái ác thành thiện. Hàn Phi tử cực đoan nhất, cho là bản tính con người là rất ác, chỉ có hình phạt mới ngăn ngừa được phần nào... Khổng tử cho rằng bản tính con người vốn không khác nhau mấy, chỉ vì tập phải những thói quen khác nhau (hoàn cảnh khác nhau) và được giáo dục khác nhau nên khác xa nhau. Sách *Tam tự kinh* do Vương Ứng Lân (1223-1296) thời nhà Tống biên soạn có câu “Nhân chi so/ tính bản thiện/ Tính tương cận ; tập tương viễn” đã đi theo quan điểm Khổng tử)

17.3

子曰：唯上知与下愚不移。

Tử viết: Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di.

Khổng tử nói: Chỉ có bậc thượng trí (trí tuệ cao nhất) và bậc hạ ngu (ngu hết cỡ) là không thể thay đổi được.

(Lời bàn: vậy là hầu hết mọi người đều có thể thay đổi, bởi có mấy ai thuộc hai bậc nói trên !. Khổng tử thật lạc quan, có niềm tin vào sự tiến bộ của con người).

17.4

子之武城，闻弦歌之声。夫子莞尔而笑，曰：“割鸡焉用牛刀？”。

子游对曰：“昔者偃也闻诸夫子曰：‘君子学道则爱人，小人学道则易使也’”。

子曰：“二三子！偃之言是也。前言戏之耳”。

Tử chi Vũ Thành, văn huyền ca chi thanh. Phu tử hoàn nhĩ nhi tiêu, viết: “Cát kê yên dụng ngưu đao ?”. Tử Du đối viết: Tích giả yến dã văn chư phu tử viết: “Quân tử học đạo tắc ái nhân, tiêu nhân học đạo tắc dịch sử dã”. Tử viết: Nhị tam tử !Yển chi ngôn thị dã. Tiền ngôn hí chi nhĩ.

Khổng tử đến áp Vũ Thành, nghe tiếng đàn tiếng hát. Khổng tử mỉm cười nói: Giết gà sao phải dùng dao mổ trâu? Tử Du thưa rằng: “Trước con nghe thầy giảng rằng quân tử học đạo sẽ yêu người, tiểu nhân học đạo dễ sai khiến”. Khổng tử liền nói: Này các ngươi, trò Yển (Tử Lộ) nói phải đấy. Ta chỉ nói điều đó thôi.

(Lời bàn: Tử Lộ cai trị ở áp Vũ Thành, cho dân học nhạc túc là học đạo. Ý Khổng tử nói dân đen cần chỉ dùng nhạc lễ để giáo hóa)

17.5

公山弗扰以费畔，召，子欲往。子路不悦，曰：“末之也已，何必公山氏之也”。

子曰：“夫召我者，而岂徒哉？如有用我者，吾其为东周乎？”

Công Sơn Phát Nhiễu dĩ Phí bạn, triệu, tử dục vãng. Tử Lộ bất duyệt, viết: Mạt chi dã dĩ, hà tất Công Sơn thị chi chi dã”. Tử viết: Phu triệu ngã giả, nhi khai đồ tai ? Như hữu dụng ngã giả, ngô kỳ vi Đông Chu hò ?

Công Sơn Phất Nhiễu giữ đất Phí gây chính biến, mời Khổng tử đến giúp. Khổng tử muốn đi. Tử Lộ không vui nói “Không có chỗ đi thì thôi, sao phải đến chỗ Công Sơn Phất Nhiễu ?”. Khổng tử trả lời: “Người gọi ta đâu phải để ta ngồi không. Nếu dùng ta thì ta sẽ làm cho đạo nhà Chu ở phương Đông phục hưng được”.

(Chú thích: Công Sơn Phất Nhiễu định nổi loạn ở đất Phí, lúc đầu Khổng tử sốt sắng định đi để thuyết phục họ theo lễ nhà Chu... Sau xét kỹ thấy Công Sơn nhiều lỗi lầm khó cải hoá nên không đi nữa... Khổng tử cũng biết nghe lời can ngăn của học trò vậy)

17.6

子张问仁於孔子。孔子曰:“能行五者於天下为仁矣”。请问之。曰:“恭,宽,信,敏,惠。恭则不侮,宽则得众,信则人任焉,敏则有功,惠则足以使人”。

Tử Trương vấn nhân ư Khổng tử. Khổng tử viết: Năng hành ngũ giả ư thiêng hạ vi nhân hĩ. Vị vấn chi. Viết: “Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung tắc bất vũ, khoan tắc đắc chúng, tín tắc nhân nhậm yên, mẫn tắc hữu công, huệ tắc túc dĩ sử nhân.

Tử Trương hỏi về đạo nhân. Khổng tử nói: Làm được 5 điều mới gọi là người nhân.

Tử Trương xin giải thích. Khổng tử nói: Cung, khoan, tín, mẫn, huệ. Cung kính thì không bị khinh nhòn, khoan dung thì được lòng người, tín thực thì được tin cậy, mẫn cán thì có công, ban ân huệ thì dễ sử dụng người.

17.7

佛肸召,子欲往。子路曰:昔者由也闻诸夫子曰:‘亲於其身为不善者,君子不入也。’佛肸以中牟畔,子之往也,如之何?”。子曰:“然,有是言也。不曰坚乎,磨而不磷;不曰白乎,涅而不缁。吾岂匏瓜也哉?焉能系而不食?”

Phật Hật triệu, Tử dục vãng. Tử Lộ viết: Tích giả do dã văn chư phu tử viết: “Thân ư kỳ thân vi bất thiện giả, quân tử bất nhập dã. Phật Hật dĩ Trung Mâu bạn, Tử chi vãng dã, như chi hả? . Tử viết: “Nhiên, hữu thị ngôn dã. Bát viết kiên hồ, ma nhi bất lân; Bát viết bạch hồ, niết nhi bất truy. Ngô khai bào qua dã tai? yên năng hệ nhi bất thực?

Phật Hật mời thầy, Khổng tử muốn đi. Tử Lộ nói: Ngày trước con nghe thầy giảng người quân tử không đến chỗ kẻ tự làm điều xấu. Nay Phật Hật làm loạn chiếm cứ Trung Mâu, thầy lại muốn đi, sao như vậy? Khổng tử nói: “Đúng ta đã nói vậy. Nhưng một vật cứng không thể mài mòn được, một vật trắng không thể nhuộm đen được. Lê nào ta chỉ như cái quả bầu khô treo lên, mà không để người ta ăn được sao?

(Lời bàn: Khổng tử nghĩ là có thể cải hóa Phật Hật nên muốn đi giúp... Nhưng sau biết rằng Phật Hật không thể thay đổi nên lại không đi)

17.8

子曰:“由也,女闻六言六蔽矣乎?”。

对曰:“未也”。“居,吾语女。好仁不好学,其蔽也愚;好知不好学,其蔽也荡;好信不好学,其蔽也贼;好直不好学,其蔽也绞;好勇不好学,其蔽也乱;好刚不好学,其蔽也狂”。

Tử viết: Do dã, nhữ văn lục ngôn lục tê hĩ hồ ? Đổi viết: Vị dã. “Cư, ngô ngữ nhữ. Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tê dã ngu; Hiếu tri bất hiếu học, kỳ tê dã đãng; Hiếu tín bất hiếu học, kỳ tê dã tặc; Hiếu trực bất hiếu học, kỳ tê dã giáo; Hiếu dũng bất hiếu học. Kỳ tê dã loạn; Hiếu cương bất hiếu học, kỳ tê dã cuồng.

Không tử nói: *Này trò Do, ngươi đã được nghe về 6 đức tốt bị che lấp chưa?* **Tử Lộ đáp:** *Đã chưa.* **Không tử bảo:** *Ngồi xuống, ta nói cho nghe. Ham đức nhân mà không học, gắp cái xấu che lấp là ngu muội. Thích trí tuệ mà không học, gắp cái xấu là phóng đãng. Trọng chữ tín mà không học, gắp tệ xấu là tổn hại. Ưa tính ngay thẳng mà không học, gắp cái xấu che khuất là nóng nảy. Ham đức dũng mà không học hỏi, gắp thói xấu là phản loạn. Tính cương quyết mà thiếu học hỏi, gắp cái xấu là thành cuồng bạo.*

17.9

子曰:“小子何莫学夫诗。诗,可以兴,可以观,可以群,可以怨。迩之事父,远之事君;多识於鸟兽草木之名”。

Tử viết: Tiêu tử hà mạc học phu thi. Thi, khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quản, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân; Đa chí ư điểu thú thảo mộc chi danh.

Không tử nói: *Sao các trò không học Kinh Thi? Học Thi có thể hung khởi tâm trí (trí tưởng tượng), có khả năng quan sát, hòa hợp quản tụ với người khác, hiểu đúng về oán hận. Gần thì biết đạo thờ cha mẹ, xa hơn thì biết thờ vua; Lại còn biết tên nhiều loài chim thú cỏ cây nữa.*

(Chú thích: gọi tắt quan điểm về thơ của Không tử là “Hung, quan, quản, oán”)

17.10

子谓伯鱼曰:“女为《周南》,《召南》矣乎?人而不为《周南》,《召南》,其犹正墙面而立也与?”

Tử vị Bá Ngư viết: Nhữ vi “Chu Nam”, “Triệu Nam” hĩ hồ? Nhân nhi bất vi “Chu Nam” “Triệu Nam” kỳ do chính tường diện nhi ; lập dã dự ?

Không tử nói với con là Bá Ngư: *Con đã học hai bài Chu Nam và Triệu Nam chưa? Người nào không đọc hai bài ấy thì như đứng úp mặt vào vách tường vậy.*

(Chú thích: Đó là hai nhóm bài ca dao trong Kinh Thi, sưu tầm ở đất Chu Nam và Triệu Nam, nói về đạo lý tu thân và tề gia)

17.11

子曰:礼云礼云,玉帛云乎哉?乐云乐云,钟鼓云乎哉?

Tử viết: Lễ vân lễ vân, ngọc bạch vân hò tai? Nhạc vân nhạc vân, chung cỗ vân hò tai?

Không tử nói: *Lễ có nghĩa phong phú (vân vân), phải chăng chỉ là tơ lụa ngọc quý! Nhạc cần sự hòa hợp chứ phải đâu chỉ là chuông với trống!*

(Lời bàn: Nói đến lễ, hãy chú ý tinh thần, không nên trọng vật chất. Nhạc không chỉ là nhạc cụ mà là sự hài hòa)

17.12

子曰:色厉而内荏,譬诸小人,其犹穿窬之盗也与?

Tử viết: Sắc lèc nhì nội nhãm, thí chư tiểu nhân, kỳ do xuyên du chi đạo dã du?

Khổng tử nói: Kẻ bè ngoài uy nghi mà bên trong yếu ót thì cũng như tiêu nhân thôii, cũng như kẻ đào tường khoét vách ăn trộm vậy.

17·13

子曰：“乡愿”，德之贼也。

Tử viết: “Hương nguyện”, đúc chi tặc dã.

Khổng tử nói: Loại người giả bộ thật thà chất phác, kì thực là kẻ hại đạo.

17·14

子曰：道听而涂说，德之弃也。

Tử viết: Đạo thính nhi đồ thuyết, đúc chi khí dã.

Khổng tử nói: Cái lối nghe chuyện ngoài đường rồi nói chuyện giữa đường, ấy là bỏ mất cái đức vậy.

(Lời bàn: Khổng tử nhắc nhở không nên tin những lời xuyên tạc, vu vơ. Nghe rồi chớ bàn cãi, người ta nghe thấy lại còn chê cười cho)

17·15

子曰：“鄙夫可与事君也与哉？其未得之也，患得之。既得之，患失之。苟患失之，无所不至矣”。

Tử viết: Bỉ phu khả dự sự quân dã dự tai? Kỳ vị đắc chi dã, hoạn đắc chi. Ký đắc chi, hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ.

Khổng tử nói: Kẻ thô bỉ lại có thể cùng ta thờ vua được ư? Khi chưa có địa vị thì có chạy chọt, khi được rồi thì chỉ sợ mất chức vị. Lo sợ mất chức nên chẳng có việc gì xấu mà kẻ ấy không dám làm.

17·16

子曰：“古者民有三疾，今也或是之亡也。古之狂也肆，今之狂也荡；古之矜也廉，今之矜也忿戾；古之愚也直，今之愚也诈而已矣”。

Tử viết: Cỗ giả dân hữu tam tật, kim dã hoặc thị chi vong dã. Cỗ chi cuồng dã tú, kim chi cuồng dã đăng; Cỗ chi căng dã liêm, kim chi căng dã phẫn lệ; Cỗ chi ngu dã trực, kim chi ngu dã tác nhi dĩ hĩ.

Khổng tử nói: Người xưa có ba tật xấu, có lẽ đời nay không còn nữa...

Kẻ cuồng vọng xưa còn ở mức thấp, nay thì cuồng vọng vô hạn độ.

Kẻ kiêu căng xưa còn liêm chính, nay thì còn vô lễ liều lĩnh.

Người ngu dốt xưa còn có ngay thẳng, ngu thời nay đến mức biết gian trá lừa đảo nữa.

17·17

子曰：“恶紫之夺朱也，恶郑声之乱雅乐也，恶利口之覆邦家者。

Tử viết: Ô tử chi ký chu dã, ô Trịnh thanh chi loạn Nhã dã, ô lợi khẩu chi phúc bang già giả.

Khổng tử nói: Ta ghét sắc tía cướp mất sắc đỏ, nhạc nước Trịnh lấn át nhạc Nhã, ghét kẻ bẩm mép làm bại hoại nước nhà.

(Chú thích: Sắc đồ là chính thống, sắc tía/ tím là pha tạp, bất chính... Âm nhạc nước Trịnh hồi Xuân thu là thứ nhạc hạ lưu, dâm loạn... Theo ý Khổng tử, nghe ca khúc của một nước có thể thấy được xã hội ấy tốt hay xấu).

17·18

子曰：“予欲无言”。子贡曰：“子如不言，则小子何述焉？”。子曰：“天何言哉？四时行焉，百物生焉，天何言哉？”

Tử viết: Dư dục vô ngôn. Tử Cống viết: Tử như bất ngôn, tắc tiêu tử hà thuật yên? Tử viết: Thiên hà ngôn tai? Tử thì hành yên, bách vật sinh yên, thiên hà ngôn tai?

Khổng tử nói: “Ta chẳng muốn nói gì nữa”.

Tử Cống thura: “Thầy không nói nữa thì chúng con biết đi truyền bá gì nữa”.

Khổng tử bảo: “Trời có nói gì đâu ! Bốn mùa vẫn vận hành trôi chảy, muôn vật sinh trưởng, trời có nói gì đâu !”.

(Lời bàn: Khổng tử muốn nói rằng cứ chịu khó quan sát thế giới mà hiểu được qui luật, mặt khác nhìn vào những tấm gương sống mà noi theo)

17·19

孺悲欲见孔子，孔子辞以疾。将命者出户，取瑟而歌，使之闻之。

Nhữ Bi dục kiến Khổng tử, Khổng tử từ dĩ tật. Thương mệnh giả xuất hộ, thủ săt nhi ca, sử chi văn chi.

Nhữ Bi muốn gặp Khổng tử, thầy cáo bệnh không tiếp. Khi người truyền lệnh bước ra khỏi phòng, Khổng tử liền gảy đàn sắt, có ý cho Nhữ Bi nghe thầy.

(Chú thích: Nhữ Bi trước là học trò thầy Khổng, sau có lẽ trở thành kẻ xấu nên thầy không muốn tiếp. Nhưng thầy có ý cho y biết thầy không bệnh, mà dạy y một bài học không lời, rằng thầy chê trách Nhữ Bi và không muốn dạy nữa).

17·20

宰我问：“三年之丧，期已久矣。君子三年不为礼，礼必坏；

三年不为乐，乐必崩。旧谷既没，新谷既升，钻燧改火，期可已矣”。子曰：“食夫稻，

衣夫锦，於女安乎？”。曰：“安”。

“女安则为之。夫君子之居丧，食旨不甘，闻乐不乐，居处不安，故不为也。今女安，则为之！”。宰我出，子曰：“予之不仁也！子生三年，

然后免夫父母之怀，夫三年之丧，天下之通丧也。予也有三年之爱夫其父母乎？”

Tề Ngã vấn: “Tam niên chi tang, kỳ dĩ cữu hĩ. Quân tử tam niên bất vi lẽ, lẽ tất phôi; Tam niên bất vi nhạc, nhạc tất băng. Cựu cốc ký một, tân cốc ký thăng, toàn toại cải hỏa, kỳ khả dĩ hĩ”.

Tử viết: Thực phu đạo, y phu cảm, ư nhữ an hò? Tề Ngã viết “An”.

Tử viết: Nhữ an tắc vi chi. Phu quân tử chi cư tang, thực chi bất cam, văn nhạc bất lạc, cư xú bất an, cố bất vi dã. Kim nhữ an, tắc vi chi”.

Tề Ngã xuất, Tử viết: “Dữ chi bất nhân dã ! Tử sinh tam niên, nhiên hậu miễn ư phụ mẫu chi hoài, phu tam niên chi tang, thiên hạ chi thông tang dã. Dữ dã hữu tam niên chi ái ư kỳ phụ mẫu hò ?

Tể Ngã hỏi: Để tang ba năm, như thế quá lâu ! Ba năm quân tử không ôn tập việc lễ, lễ sẽ phôi pha. Ba năm không luyện nhạc, nhạc quên hết. Lúa cũ ăn hết, lúa mới đã chín (một năm) những thứ cây để đánh lửa cũng dùng hết rồi.

Không tử hỏi: Ăn gạo thơm, mặc áo gấm (trong lúc để tang) người có an tâm không ? Tể Ngã đáp: An tâm.

Không tử bảo: Người an tâm thì cứ làm vậy đi. Quân tử để tang ăn không biết ngon, nghe nhạc mà không vui, ở đâu cũng thấy bất an, lí do để tang (ba năm) là vậy. Nay người thấy an tâm thì cứ làm đi.

Tể Ngã về rồi, Không tử nói: Ta cho rằng Tể Ngã là kẻ bất nhân. Anh ta sinh ra ba năm mới có thể rời khỏi cánh tay ấm bồng của cha mẹ, thiên hạ đều để tang ba năm. Chẳng lẽ Tể Ngã không được cha mẹ ấm bồng ba năm sao ?

17·21

子曰：饱食终日，无所用心，难矣哉！不有博奕者乎？为之，犹贤乎已。

Tử viết: Bão thực chung nhặt, vô sở dụng tâm, nan hĩ tai ! Bất hữu bác dịch giả hồ ? Vì chi, do hiền hồ dĩ.

Không tử nói: Người nào suốt ngày chỉ biết ăn no ở không, chẳng bận tâm việc gì, thật khó làm nên. Sao chẳng biết chơi cờ bạc ? Thà làm việc ấy còn hơn ngồi không.

(Lời bàn: Có lẽ Không tử không nên xúi người đánh bạc, chỉ nên chơi cờ giải trí thôi. Hay là thời cổ đại, đánh bạc chưa tai hại như bây giờ ?)

17·22

子路曰：“君子尚勇乎？”.子曰：“君子义以为上。君子有勇而无义为乱,小人有勇而无义为盗。”

Tử Lộ viết: Quân tử thượng dũng hồ? Tử viết: Quân tử nghĩa vi thượng. Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn, tiêu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo.

Tử Lộ nói: Quân tử có chuộng “dũng” không?

Không tử đáp: Quân tử xem nghĩa là trên hết. Quân tử có dũng mà bất nghĩa thì làm loạn, tiêu nhân có dũng mà bất nghĩa thì làm trộm cướp.

17·23

子贡曰：“君子亦有恶乎？”.子曰：“有恶。恶称人之恶者，恶居下流而讪上者，恶勇而无礼者，恶果敢而窒者”。曰：“赐也亦有恶乎？”.“恶徼以为知者，恶不孙以为勇者，恶讦以为直者”。

Tử Công viết: Quân tử diệc hữu ô hồ ? Tử viết: Hữu ô. Ô xứng nhân chi ô giả, ô cư hạ lưu nhi san thượng giả, ô dũng nhi vô lễ giả, ô quả cảm nhi trát giả. Viết: Từ dã diệc hữu ô hồ ? Ô kiêu dĩ vi tri giả, ô bất tôn dĩ vi dũng giả, ô kiết dĩ vi trực giả.

Tử Công hỏi: Người quân tử có ghét ai không? Không tử nói: Có ghét. Ghét kẻ đi nói xấu người khác, ghét cấp dưới gièm pha cấp trên, ghét người dũng mà không giữ lễ, ghét người quả quyết mà không thông hiểu lý lẽ. Người nói xem có ghét ai không?

Tử Công đáp: Con ghét kẻ hay rình mò người khác mà tự nhận người trí, ghét kẻ thiếu khiêm tốn mà nhận mình là dũng, ghét người bới móc chuyện riêng tư người khác mà tự nhận mình ngay thẳng.

(Lời bàn: Tử Công ghét ba loại người nhưng e rằng bậc quân tử không được ghét người nên mới hỏi thày).

17·24

子曰: 唯女子与小人为难养也, 近之则不孙, 远之则怨。

Tử viết: Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan dưỡng dã, cận chi tắc bất tôn, viễn chi tắc oán.

Khổng tử nói: Chỉ có phụ nữ và tiểu nhân là khó dạy nhất, gần gũi thì họ thiếu tôn kính, cách xa thì họ oán giận.

(Lời bàn: Quan điểm này thực khó được phụ nữ chấp nhận. Chả trách người ta bảo cụ Khổng phong kiến coi rẻ phụ nữ. Nhưng đó chỉ là trải nghiệm riêng của Khổng tử)

17·25

子曰: 年四十而见恶焉, 其终也已。

Tử viết: Niên tứ thập nhi kiến ô yên, kỳ chung dã dĩ.

Khổng tử nói: Kẻ bốn chục tuổi còn làm điều ác thì không thể tốt được nữa.

Hết thiên 17

1. 18. 微子 Vi Tử

第十八篇 thiên 18

11 bài

18.1

微子去之, 箕子为之奴, 比干谏而死。孔子曰:“殷有三仁焉”。

Vi Tử khứ chi, Cơ Tử vi chi nô, Tỷ Can gián nhi tử. Khổng tử viết: Ân hữu tam nhân yên

Vi Tử từ quan ra đi, Cơ Tử bị giáng làm nô bộc, Tỷ Can vì can ngăn vua mà bị xử tội chết.

Khổng tử nói: Nhà Ân chỉ có ba người ấy là người nhân.

(Chú thích: Cuối triều Ân, vua Trụ tàn bạo ăn chơi trác táng lại tàn hại các trung thần như Vi Tử, Tỷ Can, Cơ Tử...)

18.2

柳下惠为士师, 三黜。人曰:“子未可以去乎?”.曰:“直道而事人, 焉往而不三黜? 枉道而事人, 何必去父母之邦?”

Liễu Hạnh vi sĩ sư, tam truất. Nhân viết: Tử vị khả dĩ khứ hò? Viết: Trực đạo nhi sự nhân, yên vãng nhi bất tam truất? Uống đạo nhi sự nhân, hà tất khứ phụ mẫu chi bang.

Liễu Hạnh làm quan, chúc sĩ sư, ba lần bị giáng chức. Có người nói: Sao ông chưa bỏ đi?

Liễu Hạnh đáp: Tôi đem đạo chính trực đi phục vụ người thì ở đâu mà chẳng bị cách chức ba lần như trước đây? Làm vậy là uống phí đạo phục vụ người, lại còn xa rời đất nước cha mẹ tôi đang ở.

(Chú thích: Liễu Hạ Huệ quan nước Lỗ thời Xuân thu, bị vua bạc đãi nhưng vẫn kiên trì làm việc vì ông tin rằng mình phục vụ nhân dân chứ không phục vụ nhà vua...)

18.3

齐景公待孔子曰:“若季氏,则吾不能 ; 以季,孟之间待之”。

曰:“吾老矣,不能用也” 孔子行。

Tề Cảnh Công đãi Khổng tử viết: Nhược Quý thi, tắc ngô bất năng; Dĩ Quý, Mạnh chi gian đãi chi. Viết: Ngô lão hĩ, bất năng dung dã. Khổng tử hành

Vua Tề Cảnh Công tiếp đãi Khổng tử, nói: **Đãi như (vua Lỗ) đãi họ Quý (đại phu), ta không làm được; Chỉ đãi như họ Quý tiếp họ Mạnh (quan sỹ) thì ta làm được. Lại nói tiếp: Ta già rồi, không thể dùng ông được nữa. Nghe vậy, Khổng tử liền dời khỏi nước Tề.**

18.4

齐人归女乐 , 季桓子受之 , 三日不朝。孔子行。

Tề nhân qui nữ lạc, Quý Hoàn tử thụ chi, tam nhật bất triều. Khổng tử hành.

Nước Tề dưa tặng mỹ nữ làm vui, Quý Hoàn tử nhận quà, triều đình ba ngày liền không họp. Khổng tử liền dời bỏ nước Lỗ.

(Chú thích: Quý Hoàn tử là quan đại phu nước Lỗ, quyền lực chỉ dưới vua, có thói lộng quyền)

18.5

楚狂接舆歌而过孔子曰:“凤兮凤兮 ! 何德之衰 ? 往者不可谏,来者犹可追。已而已而 ! 今之从政者殆而 !”。孔子下,欲与之言,趋而辟之,不得与之言。

Sở cuồng Tiếp Dư ca nhi quá Khổng tử viết: Phượng hè Phượng hè ! Hà đức chi suy ? Vãng giả bất khả gián, lai giả do khả truy. Dĩ nhi dĩ nhi ! Kim chi tòng chính giả đãi nhi!”. Khổng tử hạ, dục dự chi ngôn. Xu nhi tịch chi, bất đắc dự chi ngôn.

Cuồng sỹ nước Sở tên Tiếp Dư đi qua xe Khổng tử, hát rằng: “Phượng hoàng ơi, phượng hoàng ơi ! Vì sao đức nhân suy đến thế ? Việc đã qua không thể ngăn cản, việc sắp tới có thể còn kịp. Thôi đi, thôi đi ! Làm quan ngày nay nguy lắm đó”.

Khổng tử xuống xe, định nói thì anh kia bỏ đi, khiến ngài không thể tiếp chuyện.

(Chú thích: Theo tín ngưỡng xưa, khi thấy phượng hoàng hay kỳ lân xuất hiện là báo điềm lành cho đất nước... Tiếp Dư có ý nhắn bảo Khổng tử không nên làm chính trị nữa)

18.6

长沮,桀溺耦而耕。孔子过之,使子路问津焉。

长沮曰：“夫执舆者为谁？”。子路曰：“为孔丘”。曰：“是鲁孔丘与？”。

曰：“是也”。曰：“是知津矣。”。问於桀溺。桀溺曰：“子为谁？”。

曰：“为仲由”。曰：“是孔丘之徒与？”. 对曰：“然”。曰：“滔滔者天下皆是也,而谁以易之？且而与其从辟人之士也,岂若从辟世之士哉？”耰而不辍。子路行以告。夫子怃然曰：“鸟兽不可与同群，吾非斯人之徒与而谁与？天下有道，丘不与易也”。

Tràng Thư, Kiệt Nịch ngẫu nhi canh. Không từ quá chi, từ Tử Lộ vẫn tân yên.

Tràng Thư viết: Phu chắp du giả vi thùy ?Tử Lộ viết: Vi Không Khâu.

Viết: Thị Lỗ Không Khâu dã ? Viết: Thị dã ?

Viết: Thị tri tân hĩ. Vẫn ư Kiệt Nịch. Kiệt Nịch viết: Tử vi thùy ?

Viết: Vi Trọng Do. Viết: Thị Không Khâu chi đồ dã ?

Đối viết: Nhiên. Viết: Thao thao giả thiên hạ giai thị dã, nhi thùy dĩ dịch chi ? Thả nhi dự kỵ tòng tịch nhân chi sĩ dã, khải nhược tòng tịch thế chi sĩ tai ? Ưu nhi bất chuyết. Tử Lộ hành dĩ cáo. Phu tử vũ nhiên viết: Mã thú bất khả dự đồng quần. Ngô phi tư nhân chi đồ dã nhi thùy dự. Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dự dịch dã.

Tràng Thư và Kiệt Nịch đang làm ruộng cùng nhau, Không từ đi qua đó, bảo Tử Lộ tới hỏi thăm đường đến bến đò. Tràng Thư hỏi Tử Lộ: “Người cầm cương ngựa kia là ai?”. Tử Lộ đáp: “Là thầy Không Khâu”. Tràng Thư hỏi lại: Có phải Không Khâu nước Lỗ không ? Tử Lộ nói phải. Tràng Thư hỏi tiếp: Thế thì Không Khâu đã biết bến đò rồi... Tử Lộ hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi: Người là ai ? Tử Lộ trả lời: Tôi là Trọng Do. Kiệt Nịch hỏi lại: Có phải là học trò của Không Khâu nước Lỗ không ? Trả lời : Phải. Kiệt Nịch nói: Thiên hạ loạn lạc như nước chảy cuồn cuộn rồi, Không Tử sẽ cùng ai thay đổi được đây? Người đi theo kẻ sĩ chỉ lo tránh kẻ vô đạo, không thể bằng chúng ta là kẻ sĩ tránh đời? Nói rồi Kiệt Nịch vẫn tiếp tục làm ruộng. Tử Lộ đành phải quay về xe thưa lại với Không tử.

Không từ nghe rồi ngậm ngùi thở dài nói: Loài chim và loài thú không thể cùng họp bầy.

Nếu không sống chung với người đời thì ta biệt sống với ai ? Nếu thiên hạ có đạo, Không Khâu này không cần phải thay đổi nữa.

(Chú thích: Tràng Thư và Kiệt Nịch là bậc hiền sĩ bỏ đi ở ẩn. Không từ không đồng ý với họ, nói mình là con người thì phải giúp người cùng loài).

18.7

子路从而后，遇丈人，以杖荷蓀。子路问曰：“子见夫子乎？”.丈人曰：“四体不勤，五谷不分，孰为夫子？”.植其杖而芸。子路拱而立。止子路宿，

杀鸡为黍而食之。见其二子焉。明日，子路行以告。子曰：“隐者也”

。使子路反见之。至，则行矣。子路曰：“不仕无义。长幼之节，不可废也；君臣之义，如之何其废之？欲洁其身，而乱大伦。君子之仕也，行其义也。道之不行，已知之矣。”

Tử Lộ tòng nhi hậu, ngộ trượng nhân, dĩ trượng hà điệu. Tử Lộ vẫn viết: Tử kiến phu tử hò ? Trượng nhân viết: Tú thể bất cân, ngũ cốc bất phân, thực vi phu tử? Thực kỵ trượng nhi vân. Tử Lộ củng nhi lập. Chỉ Tử Lộ túc, sát kê vi thử nhi thực chi. Kiến kỵ nhị tử yên. Minh nhật, Tử Lộ hành dĩ cáo. Tử viết: “An giả dã”. Sứ Tử Lộ phản kiến chi. Chỉ, tắc hành hĩ. Tử Lộ viết: Bất sĩ vô nghĩa.

Trưởng áu chi tiết, bất khả phê dã; Quân thần chi nghĩa, như chi hà kỳ phê chi ? Dục khiết kỳ thân, nhi loạn đại luân. Quân tử chi sĩ dã; Hành kỳ nghĩa dã. Đạo chi bất hành, dĩ tri chi hĩ. **Tử Lộ đi theo thầy, lạc lại sau, gặp một lão truợng cầm cây gậy quẩy cái cuốc.** Tử Lộ hỏi: **Cụ có thấy thầy tôi không?** Lão truợng đáp: Tay chân chả siêng năng, không phân biệt được năm giống lương thực, biết ai là phu tử thầy ngươi?! Nói xong cầm cây gậy xuồng đất, bắt đầu làm cỏ. Tử Lộ cung kính đứng chờ bên cạnh. Sau đó lão truợng mòi Tử Lộ nghỉ lại đêm ấy, mổ gà làm cơm đãi khách, lại cho hai con ra chào Tử Lộ. Ngày hôm sau, đuổi kịp Khổng tử, Tử Lộ thuật lại chuyện. Khổng tử nghe xong bảo: Đây là một ẩn sĩ, rồi bảo Tử Lộ quay lại thăm một lần nữa.

Đến nơi thì cụ già đi vắng rồi. Tử Lộ nói nhẫn (với người nhà): “Không làm quan là không hợp đạo nghĩa. Lẽ tiết của người lớn với trẻ nhỏ đã không thể vứt bỏ thì đạo nghĩa vua tôi sao lại có thể bỏ đi ? Chỉ muốn giữ thân mình trong sạch, như vậy là làm loạn đại luân. Quân tử làm quan để thực hiện nghĩa vua tôi. Còn việc hành Đạo không thể thực hiện thì đã biết trước rồi”.

(Lời bàn: Cụ già có ý trách thầy trò Khổng tử đã không thực hành đạo được thì sao chẳng ở nhà làm ruộng. Tử Lộ nêu ra cái chí quân tử, coi nghĩa vua tôi là đại luân (luân lý lớn nhất) làm trọng, cũng như trong gia đình, nghĩa cha con không thể bỏ, phải ra cống hiến cho đất nước).

18.8

逸民：伯夷,叔齐,虞仲,夷逸,朱张,柳下惠,少连。子曰：“不降其志,不辱其身,伯夷、叔齐与？

”. 谓柳下惠,少连,“降志辱身矣,言中伦,

行中虑,其斯而已矣”,谓虞仲,夷逸, “隐居放言,身中清,废中权”。

“我则异於是，无可无不可”。

Dật dân: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên. Tử viết: Bất hàng kỳ chí, bất nhục kỳ thân, Bá Di, Thúc Tề dự ? Vị Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên hàng chí nhục thân hĩ, ngôn trung luân, hành trung lự, kỳ tư nhi dĩ hĩ. Vị Ngu Trọng, Di Dật, hàng cự phóng ngôn, thân trung thanh, phé trung quyền. Ngã tắc dị ư thị, vô khả vô bất khả.

Những người đi ở ẩn có: Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật, Chu Trương, Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên.

Khổng tử nói: “Không chịu hàng phục, không chịu thân nhục có Bá Di, Thuc Tề. Nói về Liễu Hạ Huệ, Thiếu Liên: dù phải chịu hàng, chịu nhục thân nhưng lời nói của hai vị hợp luân lý, hành động có cân nhắc, hai ông chỉ có thể mà thôi. Nói về Ngu Trọng, Di Dật, ẩn cư tránh đời nói năng phóng túng, giữ được danh trong sạch, hợp lẽ quyền biến. Ta khác mấy người này, không cái gì có thể, chẳng cái gì mà không thể”.

18.9

大师挚适齐，亚饭干适楚，三饭缭适蔡，四饭缺适秦，鼓方叔入於河，播鼗武入於汉，少师阳，击磬襄入於海。

Đại sư Chí đích Tề, á phan Can đích Sở, tam phan Liễu đích Thái, tứ phan Khuyết đích Tân, cỗ Phương Thúc nhập ư Hà, bá đào Vũ nhập ư Hán, thiếu sư Dương, kích khánh Tương nhập ư hải.

Quan thái sư tên Chí chạy sang nước Tề, quan á phan tên Can chạy sang nước Sở, quan tam phạm tên Liễu bỏ sang nước Thái. Quan tú phan tên Khuyết chạy qua nước Tần. Người đánh trống tên Phương Thúc chạy về vùng sông Hoàng Hà, người đánh trống con tên Vũ lánh đến vùng sông Hán. Thiếu sư tên Dương, người gõ khánh tên Tương chạy về miền biển.

(Chú thích: Thời kỳ này nước Lỗ suy bại, nhân tài bỏ nước ra đi)

18.10

周公谓鲁公曰：君子不施其亲，不使大臣怨乎不以。故旧无大故，则不弃也。无求备於一人。

Chu Công vị Lỗ Công viết: Quân tử bất thí kỳ thân, bất sử đại thần oán hờ bất dĩ. Có cựu vô đại cố, tắc bất khí dã. Vô cầu bị ư nhất nhân.

Chu Công nói với Lỗ Công: Quân tử không nên bỏ quên người thân, không nên làm đại thần oán hận vì không được trọng dụng. Lão thần nếu không có lỗi lớn thì không nên ruồng bỏ họ. Không nên yêu cầu mỗi con người phải hoàn hảo.

18.11

周有八士：伯达、伯适、仲突、仲忽、叔夜、叔夏、季随、季娃。

Chu hữu bát sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa. **Nhà Chu có tám hiền sĩ: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đột, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quý Tùy, Quý Oa.**

(Chú thích: Đây là 4 cặp sinh đôi do bốn bà mẹ hạ sinh, trở thành tám tài trụ cột của nhà Chu). Hết thiên 18

1. 19. 子張 Tử Trương

第十九篇 thiêng 19

25 bài

19.1

子張曰：士見危致命，見得思義，祭思敬，喪思哀，其可已矣。

Tử Trương viết: Sĩ kiến nguy trí mệnh, kiến đắc tư nghĩa, tế tư kính, tang tư ai, kỳ khả dĩ hĩ.

Tử Trương nói: Kẻ sĩ khi gặp việc nguy hiểm hi sinh tính mệnh, thấy mối lợi thì nghĩ đến nghĩa, cúng tế với lòng thành kính, để tang thì đau thương, làm được vậy mới là kẻ sĩ.

19.2

子張曰：執德不弘，信道不笃，焉能為有？焉能為亡？

Tử Trương viết: Chấp đức bất hoằng, tín đạo bất đúc, yên năng vi hữu ? Yên năng vi vong ?

Tử Trương nói: Giữ được đức mà không biết phát huy, tin phục đạo lý mà không kiên định làm theo. Có người áy ích lợi gì ? Không có người áy thì hại gì ?

19.3

子夏之门人问交於子张。子张曰：“子夏云何？”对曰：“子夏曰：‘可者与之，其不可者拒之。’”子张曰：“异乎吾所闻：君子尊贤而容众，嘉善而矜不能。我之大贤与，於人何所不容？我之不贤与，人将拒我，如之何其拒人也？”

Tử Hạ chi môn nhân vấn giao ư Tử Trương. Tử Trương viết: Tử Hạ vân hà? Đối viết: “Tử Hạ viết: Khả giả dự chi, kỳ bất khả giả cự chi”. Tử Trương viết: “Dị hò ngô sở văn. Quân tử tôn hiền nhi dung chúng, gia thiện nhi cảng bất năng. Ngã chi đại hiền dự, ư nhân hà sở bất dung? Ngã chi bất hiền dự, nhân thương cự ngã, như chi hà kỳ cự nhân dã ?

Học trò của Tử Hạ hỏi Tử Trương về việc giao tiếp bạn bè.

Tử Trương hỏi lại: Thầy Tử Hạ đã nói thế nào ?

Học trò Tử Hạ đáp: Có thể kết giao thì kết giao, không thể thì cự tuyệt.

Tử Trương nói: Điều ta từng nghe thì lại khác. Quân tử tôn trọng người hiền và dung nạp người bình thường, khen người hoàn thiện nhưng cũng thương cho người yếu kém. Nếu ta là bậc đại hiền thì sao ta không thể dung nạp họ ? Nếu ta không phải bậc hiền tài, người khác có thể cự tuyệt ta, làm sao ta có thể cự tuyệt họ ?

19·4

子夏曰：虽小道，必有可观者焉，致远恐泥，是以君子不为也。

Tử Hạ viết: Tuy tiểu đạo, tất hữu khả quan giả yên, trí viễn khủng nệ, thị dĩ quân tử bất vi dã.

Tử Hạ nói: Dù là việc nhỏ cũng có nghĩa lý cần xem xét, Nhưng nếu cố tìm ý nghĩa cao xa của việc nhỏ thì cũng trở ngại, khó lòng. Người quân tử chẳng làm như vậy.

19·5

子夏曰：曰知其所亡，月无忘其所能，可谓好学也已矣。

Tử Hạ viết: Nhật tri kỳ sở vong, nguyệt vong kỳ sở năng, khả vị hiểu học dã dĩ hĩ.

Tử Hạ nói: Mỗi ngày biết thêm điều chưa biết. Mỗi tháng không quên những điều đã biết. Như vậy gọi là người ham học.

19·6

子夏曰：博学而笃志，切问而近思，仁在其中矣。

Tử Hạ viết: Bác học nhi đốc chí, thiết vấn nhi cận tư, nhân tại kỳ trung hĩ.

Tử Hạ nói: Học rộng mà chuyên tâm điều nghiên cứu, hỏi điều thiết thực, nghĩ tới việc gần, đức nhân ở trong ấy vậy.

19·7

子夏曰：百工居肆以成其事，君子学以致其道。

Tử Hạ viết: Bách công cư tú dĩ thành kỳ sự, quân tử học dĩ trí kỳ đạo.

Tử Hạ nói: Thợ ngành nghề phải ở lại nơi làm việc mới hoàn thành tốt công việc. Quân tử phải chuyên tâm nghiên cứu mới nắm chắc đạo lý.

19·8

子夏说：小人之过也必文。

Tử Hạ thuyết: Tiêu nhân chi quá dã tất văn.:

Tử Hạ nói: Kẻ tiểu nhân thấy mình làm sai thì tìm cách che đậy.

19·9

子夏曰：君子有三变：望之俨然，即之也温，听其言也厉。

Tử Hạt viết: Quân tử hữu tam biến: Vọng chi nghiêm nhiên, tức chi dã ôn, thính kỳ ngôn dã lệ.

Tử Hạt nói: Quân tử có ba điều biến đổi: trông xa thấy trang nghiêm, đến gần thấy ôn hòa, nghe lời nói thấy nghiêm khắc, chính xác.

19·10

子夏曰：君子信而后劳其民；未信，则以为厉己也。信而后谏；未信，则以为谤己也。

Tử Hạt viết: Quân tử tín nhi hậu lao kỵ dân; Vị tín, tắc dĩ vi lệ kỵ dã. Tín nhi hậu gián; Vị tín, tắc dĩ vi báng kỵ dã..

Tử Hạt nói: Quân tử làm quan sao cho dân tin cậy, sau đó mới khiếun cho họ làm việc khó nhọc. Nếu dân chưa tin đã vội sai khiếun họ làm, họ sẽ cho là mình làm hại họ. Với người bậc trên, phải đạt được lòng tin trước, sau mới can gián, nếu không người trên cho rằng mình chê trách họ.

19·11

子夏曰：大德不逾闲，小德出入可也。

Tử Hạt viết: Đại đức bất du nhàn, tiểu đức xuất nhập khả dã.

Tử Hạt nói: Việc lớn thì không được vượt qua giới hạn, việc nhỏ thì có thể thêm bớt một ít.

(Lời bàn: Việc lớn cần phải làm chính xác, không được tùy tiện thêm bớt)

19·12

子游曰：“子夏之门人小子，当酒扫，应对，进退则可矣，抑未也。本之则无，如之何？”

子夏闻之，曰：“噫，言游过矣！君子之道，孰先传焉？孰后倦焉？譬诸草木，区以别矣。君子之道，焉可诬也？有始有卒者，其惟圣人乎？”

Tử Du viết: Tử Hạt chi môn nhân tiểu tử, đươngさい tảo, ứng đối, tiến thoái tắc khả hĩ, úc mạt dã. Bản chi tắc vô, như chi hà? Tử Hạt văn chi, viết: Ôi, ngôn Du quá hĩ ! Quân tử chi đạo, thực hậu quyển yên, thực tiên truyền yên? Thí chư thảo mộc, khu dĩ biệt hĩ. Quân tử chi đạo, yên khả vu dã ? Hữu thi hữu tốt giả, kỵ duy thánh nhân hò ?

Tử Du nói: Học trò của thầy Tử Hạt vẩy nước quét dọn giỏi, đối đáp nhanh, đi lại đúng phép, chỉ có cái ngọn vây thôi. Còn cái gốc chưa học được. Học như thế sẽ ra sao?

Tử Hạt nghe vậy, nói: “Ôi, thầy Tử Du sai rồi! Đạo quân tử phải đem cái ngọn dạy trước, việc gốc truyền sau. Học trò như cỏ cây có phân biệt lớn nhỏ, đạo dạy học của người quân tử sao có thể tùy tiện. Dạy điều mở đầu mà biết được kết cục, chẳng phải chỉ có thánh nhân mới được vậy ư?

19·13

子夏曰：仕而优则学，学而优则仕。

Tử Hạt viết: Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ.

Tử Hạt nói: Làm quan dư thì giờ thì nên học thêm. Người có học thì đi làm quan.

(Lời bàn: Khi làm quan giỏi vẫn không ngừng học hỏi, học giỏi rồi thì đi làm quan giúp đời)

19·14

子游曰：喪致乎哀而止。

Tử Du viết: Tang trí hò ai nhi chí.

Tử Du nói: Việc tang lễ thể hiện lòng thương xót là được rồi.

19-15

子游曰：吾友张也为难能也，然而未仁。

Tử Du viết: Ngô hữu Trương dã vi nan năng dã, nhiên nhi vị nhân.

Tử Du nói: Bạn ta là Tử Trương làm được những việc mà người khác khó làm được, nhưng vẫn chưa phải là người nhân.

(Lời bàn: Người nhân còn phải khiêm cho người khác cũng làm được như mình)

19-16

曾子曰：“堂堂乎张也，难与并为仁矣”。

Tăng tử viết: Đường đường hò trương dã, nan dự bính vi nhân hĩ.

Tăng tử nói: Đúng rồi, Tử Trương là con người dung mạo đường hoàng uy nghi nhưng khó cùng người khác làm việc nhân.

(Lời bình: Tử Trương tài giỏi nhưng khá kiêu ngạo, tự mãn)

19-17

曾子曰：吾闻诸夫子，人未有自致者也，必也亲丧乎。

Tăng tử viết: Ngô văn chư phu tử, nhân vị hữu tự trí giả dã, tất dã thân tang hò ?

Tăng tử nói: Ta nghe thầy Khổng dạy rằng người chưa đem hết tình cảm ra làm việc khác nhưng trong việc tang cha mẹ lại không thể đem hết tình ra hay sao ?

19-18

曾子曰:吾闻诸夫子,孟庄子之孝也,其他可能也;其不改父之臣与父之政,是难能也。

Tăng tử viết: Ngô văn chư phu tử, Mạnh Trang tử chi hiếu dã, kỳ tha khả năng dã; Kỳ bất cải phụ chi thần dư phụ chi chính, thị nan năng dã.

Tăng tử nói: Ta nghe thầy Khổng khen đức hiếu của Mạnh Trang tử, rằng những điều khác người ta có thể làm theo được, còn cái việc Mạnh không thay đổi bề tôi và phép cai trị của cha thì thiên hạ khó làm theo.

(Chú thích: Mạnh Trang tử là con Mạnh Hiếu tử, một trong ba dòng họ quan đại thần nước Lỗ thời ấy (họ Mạnh, họ Quý, họ Thúc). Khi được kế nhiệm địa vị của cha, Mạnh Trang tử có hiếu nên không thay đổi những việc cha từng làm, mà kế thừa điều hay của cha).

19-19

孟氏使阳肤为士师,问诬曾子。曾子曰:“上失其道,民散久矣。如得其情,则哀矜而勿喜”。

Mạnh thị sử Dương Phu vi sĩ sư, vẫn ư Tăng tử. Tăng tử viết: Thượng thất kỳ đạo, dân tán cửu hĩ. Như đắc kỳ tình, tắc ai cảng nhi vật hỉ.

Họ Mạnh bổ nhiệm Dương Phu làm quan sĩ sư coi việc hình pháp. Dương Phu đến hỏi ý kiến thầy mình là Tăng tử. Thầy Tăng nói: Người cắp trên lối đạo, nhân tâm li tán lâu rồi. Khi xét xử hiếu được tình thật của phạm nhân thì nên thương họ, đừng lấy làm vui mừng.

19-20

子贡曰：紂之不善，不如是之甚也。是以君子恶居下流，天下之恶皆归焉。

Tử Cống viết: Trụ chi bát thiện, bát như thị chi thậm dã. Thị dĩ quân tử ó cư hạ lưu, thiên hạ chi ác giai quy yên

Tử Cống nói: Những điều bát thiện của vua Trụ không đến nỗi như thiên hạ nói. Người quân tử rất ghét ở chung với đám hạ lưu, vì mọi điều xấu trong xã hội đều đổ dồn về chỗ họ.

(Lời bàn: “Hạ lưu” là đám người dồn cặn nhu rác rưởi cuối dòng nước chảy. Đám này thường nói xấu tất cả những gì họ muốn. Vua Trụ có xấu xa nhưng kẻ hạ lưu thường dậm đỗ bìm leo nói thêm vào. Tử Cống đòi hỏi sự công bằng ngay cả đối với kẻ xấu)

19.21

子贡曰：君子之过也，如日月之食焉。过也，人皆见之；更也，人皆仰之。

Tử Cống viết: Quân tử chi quá dã, như nhật nguyệt chi thực yên. Quá dã, nhân giai kiến chi; Canh dã, nhân giai ngưỡng chi.

Tử Cống nói: Sai lầm của người quân tử như nhật thực và nguyệt thực, ai cũng nhìn thấy.

Quân tử sửa chữa lỗi được rồi thì ai cũng vẫn ngưỡng mộ.

19.22

卫公孙朝问於子贡曰：仲尼焉学？

子贡曰：文武之道，未坠於地，在人。贤者识其大者，不贤者识其小者，莫不有文武之道焉。夫子焉不学？而亦何常师之有？”

Vệ Công Tôn Triệu vấn ư Tử Cống viết: Trọng Ni yên học ? Tử Cống viết: Văn vū chi đạo, vị trụ ư địa, tại nhân. Hiền giả chí kỳ đại giả, bất hiền giả chí kỳ tiểu giả, mạc bất hữu văn vū chi đạo yên. Phu tử yên bất học? Nhi diệc hà thường sư chi hữu?

Đại phu nước Vệ là Công Tôn Triệu hỏi Tử Cống: “Không tử học với ai vậy?”. Tử Cống nói: **Đạo của vua Văn Vương, vua Vũ Vương bị chôn vùi dưới đất vẫn còn lưu lại trong dân gian.** Người hiền tài học thì biết việc rộng lớn, người thường học được việc nhỏ. **Đạo của hai vua chỗ nào cũng có.** Thầy tôi không chỗ nào không học, cần gì phải có một thầy nào !

19.23

叔孙武叔语大夫於朝曰：“子贡贤於仲尼”。子服景伯以告子贡。子贡曰：“譬之宫墙，赐之墙也及肩，窥见室家之好。夫子之墙数仞，不得其门而入，不见宗庙之类，百官之富。得其门者或寡矣。夫子之云，不亦宜乎！”

Thúc Tôn Vũ Thúc ngữ đại phu ư triều viết: Tử Cống hiền ư Trọng Ni. Tử Phục Cảnh Bá dĩ cáo Tử Cống. Tử Cống viết: Thị chi cung tường, tử chi tùng dã cập kiên, khuy kiên thát gia chi hảo. Phu tử chi tường số nhện, bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miêu chi loại, bách quan chi phú. Đắc kỳ môn giả hoặc quả hĩ. Phu tử chi vân, bất diệc nghi hò !

Thúc Tôn Vũ Thúc nói với các vị đại phu trong triều nước Lỗ rằng: “Tử Cống có đạo đức tài năng hơn hẳn Khổng tử”. Tử Phục Cảnh Bá nói lại với Tử Cống.

Tử Cống nói: “Lấy bức tường làm thí dụ vậy. Tường nhà tôi chỉ cao bằng vai, ai nhìn vào có thể thấy hết những cái tốt đẹp trong nhà. Còn bức tường của thầy tôi cao đến mấy thước, nếu

không tìm được cửa vào thì không thể thấy được kiến trúc tráng lệ đa dạng bên trong. Chỉ có ít người tìm được cửa vào. Thúc Tôn Vũ Thúc nói như thế thật chẳng thích hợp.

19.24

叔孙武叔毁仲尼。子贡曰：“无以为也！仲尼不可毁也。他人之贤者，丘陵也，犹可逾也；仲尼，日月也，无得而逾焉。人虽欲自绝，其何伤於日月乎？多见其不知量也”。

Thúc Tôn Vũ Thúc hủy Trọng Ni. Tử Cống viết: Vô dĩ vi dã ! Trọng Ni bất khả hủy dã. Tha nhân chi hiền giả, khâu lăng dã, do khả du dã; Trọng Ni. Nhật nguyệt dã, vô đắc nhi du yên. Nhân tuy dục tự tuyệt, kỳ hà thương ư nhật nguyệt hò ? Đa kiến kỳ bất tri lượng dã.

Thúc Tôn Vũ Thúc chê Khổng tử. Tử Cống nói: **Làm thế chả có ích gì. Không thể làm mất uy tín của thầy tôi được!** Tài đức của người khác ví như cái núi nhỏ, có thể vượt qua được. Còn tài đức của Khổng tử cao xa như mặt trăng mặt trời, chẳng có ai qua được. Ai đó muốn đoạn tuyệt với đạo của thầy tôi thì cũng chẳng hại gì được mặt trăng mặt trời. Chê trách như thế chỉ chứng tỏ ông ta không biết lượng sức mình mà thôi.

19.25

陈子禽谓子贡曰：“子为恭也，仲尼岂贤於子乎？”子贡曰：“君子一言以为知，一言以为不知，言不可不慎也。夫子之不可及也，犹天之不可阶而升也。夫子之得邦家者，所谓立之斯立，道之斯行，绥之斯来，动之斯和。其生也荣，其死也哀，如之何其可及也？”

Trần Tử Cầm vị Tử Cống viết: Tử vi cung dã, Trọng Ni khải hiền ư tử hò? Tử Cống viết: Quân tử nhất ngôn dĩ vi tri, nhất ngôn dĩ vi bất tri, ngôn bất khả thận dã. Phu tử chi bất khả cập dã, do thiên chi bất khả giai nhi thăng dã. Phu tử chi đắc bang gia giả. Sở vị lập chi tư lập, đạo chi tư hành, nỗi chi tư lai, đồng chi tư hòa. Kỳ sinh dã vinh, kỳ tử dã ai, như chi hà kỳ khả cập dã ?

Trần Tử Cầm nói với Tử Cống: Anh quá khiêm tốn và cung kính với thầy Khổng tử đó thôi. Khổng tử chắc gì dã hơn anh ?

Tử Cống nói: Người quân tử nói ra một câu khiến người ta có thể hiểu rõ anh ta thông minh hay ngu dốt, vì vậy phải thận trọng khi nói. Chúng ta không thể đuổi kịp thầy như là không thể bắc thang trèo lên trời vậy. Thầy chúng ta nếu được nắm giữ một nước thì sẽ như lời cổ nhân: “Gây sinh kế cho dân thì dân tự hiểu lễ mà làm, hướng dẫn dân thì dân tự đi theo, săn sóc an ủi dân thì dân sẽ qui thuận, cổ vũ dân thì dân nhất định đồng tâm hiệp lực”. Khi sống, thầy chúng ta được mọi người tôn vinh, chết được nhân dân thương xót. Như thế còn ai theo kịp được thầy chúng ta?

Hết thiên 19

20. 尧曰 Nghiêu viết

第二十篇 thiên 20

05 bài

20.1

尧曰：“咨！尔舜！天之历数在尔躬，允执其中。四海困穷，天禄永终”。

舜亦以命禹。

Nghiêu viết: Tư, nhĩ Thuần ! Thiên chi lich sác tại nhĩ cung, doãn chấp kỳ trung. Tứ hải khốn cùng, thiên lộc vĩnh chung. Thuần diệc dĩ mệnh Vũ.

Vua Nghiêu nói: Hỡi ngươi Thuần, mệnh trời đã định đến lúc ngươi nối ngôi của ta, hãy thành thực chấp hành đạo trung chính. Dân bốn biển(mà) khốn cùng thì lộc trời ban cho ngươi cũng hết. Vua Thuần (sau này khi nhường ngôi cho vua Vũ) **cũng truyền lại mệnh ấy.**

20.2

曰:“予小子履,敢用玄牡,敢昭告於皇

皇后帝:有罪不敢赦.帝臣不蔽,简在帝心。朕躬有罪,无以万方 ; 万方有罪,罪在朕躬”.

Viết: “Dư tiếu tử Lý, cảm dụng huyền mẫu, cảm chiêu cáo ư hoàng hoàng hậu đế: Hữu tội bất cảm xá. Đế thần bất tế, giản tại đế tâm”.

Trẫm cung hữu tội, vô dĩ vạn phương; Vạn phương hữu tội, tội tại trẫm cung.

Khán rằng:“Kẻ tiếu tử này (1) tên Lý, dám dùng bò đực đen để tế lễ, khẩn cầu Trời vô cùng tôn kính rằng: Kẻ có tội (2), con không dám tha. Con không che giấu người hiền đức làm thần tử của Trời, chỉ vì con làm theo lòng Trời. Nếu trẫm có tội, xin đừng để lụy đến dân chúng bốn phương, nếu dân bốn phương có tội thì đó là tội của trẫm”.

[Chú thích:

(1) Vua Thành Thang nguyên tên là Lý.

(2) Vua Kiệt nhà Hạ tội nặng, bị vua Thành Thang trừng phạt.

Trong đoạn văn trên, vua Thành Thang thay đổi xưng hô, từ “tiếu tử” (con) sang “trẫm” nhưng đổi tượng nghe vẫn là Trời (Đế) đồng thời hướng về cử tọa gồm: quan chức dân chúng tham dự tế lễ cùng nghe.

20.3

周有大赉,善人是富。“虽有周亲,不如仁人。百姓有过 , 在予一人”.

谨权量 , 审法度 , 修废官,四方之政行焉。兴灭国,继绝世,举逸民,天下之民归心焉。所重 :

民,食,喪,祭。宽 则得众,信则民任焉。敏则有功,公则说。

Chu hữu đại lại, thiện nhân thị phú. “Tuy hữu Chu thân, bất nhu nhân nhân. Bách tính hữu quá, tại dư nhất nhân”... Cản quyền lượng, thẩm pháp độ, tu phê quan, tú phương chi chính hành yên. Hung diệt quốc, kế tuyệt thế, cù dật dân, thiên hạ chi dân qui tâm yên.

Sở trọng dân: thực, tang, tế. Khoan tặc đắc chúng, tín tặc dân nhiệm yên. Mẫn tặc hữu công, công tặc duyệt.

Nhà Chu (sau khi diệt được vua Trụ) **xuất của cải chia cho dân, người hiền trở nên giàu có.** (Khi đem quân đánh vua Trụ, vua Chu Vũ vương thề rằng):“Tuy (vua Trụ) có nhiều người thân họ Chu, chẳng bằng (ta có) nhiều người nhân đức. Nếu trẫm họ mắc tội, lỗi chỉ tại một người (là ta) thôi”... (Vua Vũ vương) định lại cân, dụng cụ đo lường và phép tắc luật lệ, dùng lại những quan chức bị (nhà Trụ) bãi bỏ, cai quản bốn phương thông suốt. Khôi phục lại những nước chư hầu đã bị diệt, cho người nối tiếp những dòng họ bị đứt quãng. Mời kẻ hiền sĩ ẩn dật ra làm việc, người trong thiên hạ hết lòng qui phục.

(Vua Vũ vương) coi trọng ba việc của dân là: lương thực, tang lễ và tế tự. Khoan dung át được dân ủng hộ, trung tín thành thực được dân dựa vào mình. Càn mẫn làm việc thu được công lao, công bằng sẽ làm vui lòng người.

20.4

子张问孔子曰:“何如斯可以从政矣 ? ”.

子曰:“尊五美,屏四恶 , 斯可以从政矣”.

子张曰:“何谓五美 ? ”.

子曰: 君子惠而不费,劳而不怨,欲而不贪,泰而不骄,威而不猛”.

子张曰:“何谓惠而不费 ? ”.

子曰:“因民之所利而利之,斯不亦惠而不费乎 ? 择可劳而劳之,又谁怨 ? 欲仁而得仁 , 又焉贪 ? 君子无众寡 , 无 大小, 无敢慢,

斯不亦泰而不骄乎 ? 君子正其衣冠 , 尊其瞻视 , 俨然人望而畏之, 斯不亦威而不猛乎 ? ”.

子张曰:“何谓四恶 ? ”.

子曰:“不教而杀谓之虐 ; 不戒视成谓之暴 ; 慢令致期谓之贼 ; 犹之与人也 , 出纳之吝谓之有司。 ”

Tử Trương vẫn Khổng tử viết: Hà như tư khả dĩ tòng chính hĩ ?.

Tử viết: Tôn ngũ mĩ, bính tú ó, kỳ khả dĩ tòng chính hĩ.

Tử Trương viết: Hà vị ngũ mĩ ?.

Tử viết: Quân tử huệ nhi bất phí, lao nhi bất oán, dục nhi bất tham, thái nhi bất kiêu, uy nhi bất mãnh.

Tử Trương viết: Khả vị huệ nhi bất phí ?

Tử viết: Nhân dân chi sở lợi nhi lợi chi, tư bất diệc huệ nhi bất phí hò ? Trạch khả lao nhi lao chi, hựu thùy oán ? Dục nhân nhi đắc nhân, hựu yên tham ? Quân tử vô chúng quả, vô đại tiểu, vô cảm mạn, tư bất diệc thái nhi bất kiêu hò ? Quân tử chính kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiêm nhiên nhân vọng nhi úy chi, tư bất diệc uy nhi bất mãnh hò ?

Tử Trương viết: Hà vị tú ó ?

Tử viết: Bất giáo nhi sát vị chi ngược, bất giới thị thành vị chi bạo; mạn lệnh trí kỳ vị chi tặc; do chi dự nhân dã, xuất nạp chi lận vị chi hữu tư.

Tử Trương hỏi Khổng tử: Như thế nào mới làm được quan chính trực ?

Khổng tử nói: Biết tôn trọng 5 việc tốt, loại trừ 4 việc xấu, có thể làm quan chính trực.

Tử Trương hỏi tiếp: Thế nào là 5 việc tốt ?

Khổng tử đáp: Quân tử làm ân huệ cho dân mà không hao tổn tiền bạc, bảo dân làm việc khó nhọc mà dân chẳng oán ghét, ham muốn mà không tham lam, trang trọng mà không kiêu ngạo, uy nghiêm mà không hung bạo.

Tử Trương lại hỏi: Thế nào là làm ân huệ mà không hao tiền bạc?

Khổng tử nói: Thuận theo lợi của dân mà hướng dẫn họ làm lợi, như thế là ân huệ cho dân mà không tổn tiền. Chọn việc đáng làm vào lúc thích hợp, đúng mùa vụ, thời tiết, dôn đốc dân làm việc khó nhọc, như thế thì có ai lại oán ghét mình ? Ham muốn làm việc nhân đức mà được điều nhân sao gọi là tham lam ?! Quân tử làm việc không kể việc lớn nhỏ đều không dám coi thường, vậy là trang trọng mà không ngạo mạn. Quân tử áo mũ chỉnh tề, ánh mắt nghiêm túc khiến người khác nhìn thấy nể sợ, đó là uy nghiêm mà không hung bạo.

Bội Phong (19 thiên):

1. Bách chu: Tình cảnh người vợ cả bị bỏ rơi.
2. Lục y: Tình cảnh vợ chính bị lạnh lùng, còn hầu thiếp được thân mến.
3. Yến yến: Vợ chính thương nhớ đưa tiễn nàng hầu thiếp về quê.
4. Nhật nguyệt: Lời than thở của người vợ bị phụ bạc.
5. Chung phong: Cảnh người vợ sống với người chồng cuồng si ngu dại.
6. Kích cỗ: Nỗi lòng người lính chiến phải xa cách vợ nhà.
7. Khai phong: Lời con tự trách không khéo thò mẹ để mẹ đi tái giá.
8. Hùng trĩ: Vợ nhớ tưởng chồng đang đi làm ở xa.
9. Bào hưu khổ diệp: Lời than của người bị gò bó tình yêu.
10. Cốc phong: Nỗi lòng người vợ bị chồng đuổi đi.
11. Thức vi: Lời của bè tôi trách vua chịu hèn hạ nương tựa nước ngoài.
12. Mao khâu: Kẻ lưu vong trách nước ngoài không chịu tiếp cứu.
13. Giản hè: Lời người hiền bất đắt chí chịu làm chức phận khiêm nhường.
14. Tuyền thủy: Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở nước xa, nhớ nhà muốn trở về.
15. Bắc môn: Cảnh nghèo khó của quan lại thời loạn.
16. Bắc phong: Nước sắp loạn, rủ nhau đi tỵ nạn.
17. Tĩnh nữ: Lời ước hẹn tình yêu.
18. Tân đài: Nỗi lòng người con gái gấp ông chồng hèn hạ loạn luân.
19. Nhị tử thừa chu: Lời thương xót hai anh em giành nhau cái chết.

Dung phong (10 thiên)

1. Bách chu: Lời người góa phụ thủ tiết.
2. Tường hưu tử: Chê dâm ô trong bọn vua chúa.
3. Quân tử giai lão: Tả dung sắc người đẹp mà kém đức hạnh.
4. Tang trung: Lời ước hẹn tình yêu.
5. Thuần chi bôn bôn: Lời trách kẻ loạn luân dâm ô.
6. Đính chi phương tring: Khen vua chăm lo xây dựng quốc gia.
7. Đế đồng: Lời gái đi tìm người yêu.
8. Tướng thử: Lời châm biếm kẻ vô lễ thiếu uy nghi.
9. Can mao: Việc quan chức biết thăm viếng người hiền.
10. Tái trì: Lời người con gái nóng lòng về thăm nước đã mất.

Vệ phong (10 thiên):

1. Kỳ úc: Lời khen tặng vua tu thân.
2. Khảo bàn: Tình cảnh người hiền ở ẩn.
3. Thạc nhân: Tả người đẹp và quyền quý được rước dâu.
4. Manh: Lời người con gái trách người yêu phụ bạc.
5. Trúc can: Nỗi lòng người con gái lấy chồng ở xa nhớ nhà.
6. Hoàn lan: Lời châm biếm vua còn nhỏ mà tự kiêu.
7. Hà quảng: Nhớ quê chồng.
8. Bá hè: Nỗi lòng nhớ chồng.
9. Hữu hồ: Nỗi lòng người quá phụ muôn tái giá.

10. Mộc qua: Lời tặng đáp để kết giao với nhau.

Vương phong (10 thiên):

1. Thủ ly: Nỗi cảm xúc thời xưa đã điêu tàn.
2. Quân tử vu dịch: Nỗi nhớ chồng đi sai dịch nơi xa.
3. Quân tử dương dương: Cảnh thanh nhã khi chồng về xum họp.
4. Dương chi thủy: Nỗi lòng người lính đóng đồn ở xa nhớ vợ.
5. Trung cốc hữu thôi: Lời than thở của người vợ bị đuổi bỏ.
6. Thố viên: Nỗi lòng của người quân tử gặp thời loạn không vui sống.
7. Cát lũy: Lời than thở của người dân trôi nổi trong thời loạn lạc.
8. Thái cát: Tưởng nhớ tha thiết tình nhân.
9. Đại xa: Đắm đuối yêu nhau nhưng còn sợ pháp luật không dám bày tỏ.
10. Khâu trung hữu ma: Lời giấu yêu của cô gái khi tình nhân không đến.

Trịnh phong (20 thiên):

1. Tri y: tình của nhân dân mến đãi quan hiền tài.
2. Thương Trọng tử: bị gò bó, cô gái dặn người yêu không nên đến nhà tìm.
3. Thúc vu điền: lời khen tặng Cung Thúc Đoạn.
4. Thanh nhân: tình cảnh quân đội rã rời nhụt chí chiến đấu.
5. Cao cầu: lời khen tặng quan chức không đổi thay tiết tháo.
6. Tuân đại lộ: người con gái trách chồng ruồng bỏ.
7. Nữ viết kê mình: Vợ thương chồng, lo phụng sự chồng chu đáo.
8. Hữu nữ đồng xa: tả người con gái đẹp đi chung xe.
9. Sơn hữu phù tô: lời con gái đang yêu trêu ghẹo tình nhân.
10. Thác hè: người con gái nhiệt tình tỏ ý mời trai cùng ca hát nhảy múa.
11. Giảo đồng: lời đùa giỡn giữa cô gái với người yêu.
12. Khiên thường: lời cô gái vui đùa với người yêu.
13. Phong: cô gái hối hận không đưa người yêu.
14. Đóng môn chi thiêu: cô gái tỏ tình với người yêu.
15. Phong vũ: cô gái hả hê khi gặp người yêu.
16. Tử khâm: cô gái mong nhớ người yêu.
17. Dương chi thủy: khuyên gười yêu giữ trọn niềm tin giữa hai người.
18. Xuất kỳ đồng môn: lòng trung thành mến thương vợ.
19. Dã hữu man thảo: trai gái gặp nhau và cũng vừa lòng thích ý.
20. Trần vĩ: trai gái thửa dịp dạo chơi để trao ân tình.

Tề phong (11 thiên):

1. Kê minh: lời người hiền phi khuyên vua dậy sớm.
2. Tuyền: lời châm biếm vua quan ham săn bắn mà quên việc chính trị.
3. Trử: chàng rể chờ rước cô dâu.
4. Đóng phương chi nhật: trai gái yêu nhau hoà thuận với nhau.
5. Đóng phương vị minh: lời châm biếm quan coi tính giờ sai.
6. Nam Sơn: lời châm biếm bọn vua chúa anh em thông dâm.

7. Phủ điền: lời khuyên chớ dục tốc mà bất đạt.
8. Lô linh: lời khen tặng vua đi săn.
9. Tệ cầu: châm biếm người đàn bà loạn luân được tự do trở về thông dâm với anh ruột.
10. Tái khu: châm biếm người đàn bà thông dâm với anh ruột.
11. Y ta: khen Lỗ Trang Công đủ tài mà không ngăn được mẹ.

Ngụy phong (7 thiêng):

1. Cát cú: châm biếm người keo kiệt.
2. Phản tú nhu: châm biếm người cần kiệm không trúng lễ.
3. Viên hữu đào: nỗi lo buồn của người hiểu biết với thời cuộc bấy giờ.
4. Trắc hộ: nỗi lo buồn của cha mẹ, anh em người đi quân dịch.
5. Thập mẫu chi gian: chính trị hỗn loạn, người hiền lo trở về ở ẩn.
6. Phật đản: người quân tử chẳng chịu ngồi không mà hưởng.
7. Thạc thử: dân chúng hận vua bội bạc mới bỏ đi nơi khác.

Đường phong (11 thiêng):

1. Tất suất: lời răn cũng nên vui chơi, nhưng không nên thái quá, phải lo công việc của mình.
2. Sơn hữu xu: ai rồi cũng chết, nên cũng nên vui chơi.
3. Dương chi thủy: dân chúng chở che, ủng hộ người quân tử dựng nước.
4. Tiêu liêu: khen tặng cây tốt trái nhiều.
5. Trù mậu: lời trai gái mừng rỡ vì được thành vợ chồng.
6. Đệ đỗ: lời than trách của người không anh em mà cũng không được ai giúp đỡ.
7. Cao cầu: lời than phiền quan lại hống hách không ưa dân.
8. Vô y: lời kiêu ngạo của kẻ soán ngôi mà trở nên danh chính ngôn thuận do hối lộ.
9. Hữu đệ chi đỗ: vua mong hậu đãi bậc hiền tài.
10. Cát sinh: lời chung thủy của người vợ lính quân dịch mong nhớ chồng.
11. Thái linh: chớ nghe gièm pha.

Tần phong (10 thiêng):

1. Xa lân: tìm được vua đáng thờ.
2. Tứ thiết: vua tôi hòa hiệp cùng đi săn bắn.
3. Tiêu nhung: chinh phụ khen nhớ chồng.
4. Kiêm gia: đi tìm người hiền.
5. Chung Nam: lời dân khen tặng vua mình.
6. Hoàng điêu: dân thương tiếc người có tài mà bị chôn sống theo vua.
7. Thần phong: vợ nhớ chồng vắng nhà.
8. Vô y: binh sĩ thương nhau lo việc chiến đấu.
9. Vị dương: tiễn người cậu ra đi.
10. Quyền dư: lời than của người hiền lần lần bị bạc đãi.

Trần phong (10 thiêng):

1. Uyển khâu: người hoang dã múa hát vui chơi.
2. Đông môn chi phần: trai gái tụ họp múa hát trao ân tình.
3. Hoàng môn: người ở ẩn dễ tính sống thế nào cũng được.

4. ĐÔNG MÔN CHI TRÌ: trai gái nói chuyện mà hiểu lòng nhau.
5. ĐÔNG MÔN CHI DƯƠNG: trai gái hẹn mà không gặp.
6. MỘ MÔN: kẻ ác được cảnh cáo mà không biết hồi cãi.
7. PHONG HỮU THƯỚC SÀO: lo buồn vì người yêu bị kẻ khác lừa bịp.
8. NGUYỆT XUẤT: nhớ người đẹp mà lòng ưu sầu.
9. TRU LÂM: châm biếm vua thông dâm với vợ quan.
10. TRẠCH BÌ: đau đớn nhớ thương mà không được gặp người yêu.

CỐI PHONG (4 thiêng):

1. CAO CẦU: thương vua không lo chính trị chỉ lo đẹp đẽ quần áo.
2. TỐ QUAN: mong mỏi thấy lại tang phục đòi xưa.
3. THÁP HỮU TRƯỜNG SỞ: dân chúng quá thông khổ than thở không bằng loại cỏ cây.
4. PHỈ PHONG: lòng bi thương nhớ đền nhà Chu tàn hạ.

TÀO PHONG (4 thiêng):

1. PHÙ DU: ngao ngán người đòi ham mê vật chất mà muốn trở về ở yên.
2. HẬU NHÂN: lời châm biếm đùa tiếu nhân được làm quan to.
3. THI CƯU: khen tặng người quân tử chuyên nhất công bình, đủ tài đức trị yên thiên hạ.
4. HẠ TUYỀN: thương tiếc nhà Chu không còn cường thịnh như xưa.

BÂN PHONG (MÂN PHONG) (7 thiêng):

1. THẤT NGUYỆT: những công việc phải làm quanh năm của nhân dân.
2. XI HIÊU: chim tận tụy bảo vệ ố qua cơn giông bão.
3. ĐÔNG SƠN: tình cảnh khi chinh chiến trở về.
4. PHÁ PHỦ: quân sĩ khổ nhọc nhưng vẫn kính mến chủ tướng.
5. PHẠT KHA: việc gì cũng có đường lối noi theo.
6. CỬU VỰC: dân mến tiếc Chu công.
7. LANG BẠT: thái độ ung dung của Chu công.

Ghi chú

國風 國風

dân ca 15 nước bắc sông Hoàng Hà PHONG

國風是《詩經》中的前160篇，收各諸侯國民歌（「風」）。

章

次章名　注釋

所含

目次

周南 C	東周王朝直接統治區（大致包括今河南的洛陽、偃師、鞏縣、溫縣、沁陽、濟源、孟津一帶地方）內受到「南音」影響的民歌	001-011
01 hu Nam		012-025
召南 T	召國及其南部之民歌	

hiệu		
Nam		
<u>邶風</u> B		
á		
03 phong <u>邶國民歌</u>	026-	
	044	
<u>鄘風</u> D		
ung		
04 phong <u>鄘國民歌</u>	045-	
	054	
<u>衛風</u> V		
ê		
05 phong <u>衛國民歌</u>	055-	
	064	
<u>王風</u> V	王,是「王畿」的簡稱,即 <u>東周王朝</u> 的直接統治區。和 <u>周南</u> 不同,王風所含	
uong		
06 phong <u>的是東周國當地的固有音樂。</u>	065-	
	074	
<u>鄭風</u> T		
rinh		
07 phong <u>鄭國民歌</u>	075-	
	095	
<u>齊風</u> T		
è		
08 phong <u>齊國民歌</u>	096-	
	106	
<u>魏風</u> N		
guy		
09 phong <u>魏國民歌</u>	107-	
	113	
<u>唐風</u> D		
uong		
10 phong <u>唐國民歌</u>	114-	
	125	
<u>秦風</u> T		
än		
11 phong <u>秦國民歌</u>	126-	
	135	
<u>陳風</u> D		
öng		
12 phong <u>陳國民歌</u>	136-	
	145	
<u>檜風</u> C		
óí		
13 phong <u>檜國民歌</u>	146-	
	149	
<u>曹風</u> T		
ào		
14 ào <u>曹國民歌</u>	150-	
	153	

phong	
<u>翹風</u> B	
ân	
15 phong	<u>翹國民歌</u>

154-
160

Chú thích: mục 06: 王風 “vương” tức là [vương kỳ] gọi đơn giản, tức khu vực cai trị của Đông Chu vương triều và Chu Nam, Vương phong là âm nhạc truyền thống vùng Đông Chu quốc.

NHÃ

Tiểu nhã

1. Lộc minh: Đãi đãng tân khách để vua tôi quyến luyến nhau.
2. Tứ mẫu: Nỗi lòng của bè tôi vì việc vua sai mà không phụng dưỡng được cha mẹ.
3. Hoàng hoàng giả hoa: Bè tôi lo công việc của vua sai.
4. Thường đệ: Anh em, vợ con thì bao giờ cũng quý hơn bạn hữu.
5. Phật mộc: Tìm bạn bè, hậu đãi bạn bè.
6. Thiên bảo: Lời của bè tôi cúc tụng vua.
7. Thái vi: Nỗi lòng người chiến sĩ lúc ra đòn thú và lúc trở về.
8. Xuất xa: Quân đội đi và trở về sau khi thắng trận.
9. Đệ đò: Vợ mong chồng đi quân dịch mau trở về.
10. Nam cai (không có lời thơ).
11. Bạch hoa (không có lời thơ).
12. Hoa thủ (không có lời thơ).
13. Ngư ly: Các món để ăn uống đãi khách rất nhiều và ngon.
14. Do canh: (không có lời thơ).
15. Nam hữu gia ngư: Món ăn vật uống ngon lành đem ra đãi khách.
16. Sùng khâu (không có lời thơ).
17. Nam sơn hữu đài: Lời chủ nhân chúc tụng tân khách.
18. Do nghi: (không có lời thơ).
19. Lục tiêu: Lời thiên tử chúc tụng tân khách.
20. Trẫm lộ: Chư hầu có uy nghi đứng đắn đến chầu Thiên tử được đãi đãng yến tiệc.
21. Đồng cung: Thiên tử đãi yến và ban cung cho chư hầu.
22. Tinh tinh giả nga: Lòng chủ nhân ham thích tân khách.
23. Lục nguyệt: Cảnh trạng tướng lãnh đem quân đánh giặc.
24. Thái khỉ: Quân đội ra đánh dẹp giặc rợ làm phản.
25. Xa công: Thiên tử đi săn cùng chư hầu.
26. Cát nhật: Thiên tử đi săn.
27. Hòng nhạn: Dân chúng lưu lạc nghèo khổ được vua cứu giúp.
28. Đinh liệu: Thiên tử nôn nao sắp ra triều gặp chư hầu.
29. Miễn thủy: Buồn đời loạn lạc tình đời biến đổi.
30. Hạc minh: Trong cái dở có cái hay, trong cái hay có cái dở. Hay dở đắp đổi nhau.
31. Kỳ phủ: Quân sĩ đi quân dịch oán trách quan chỉ huy.
32. Bạch câu: Mong lưu giữ được người hiền tài.

33. Hoàng điêu: Dân lưu lạc đến nước khác cũng ở không yên, ý muốn trở về.
34. Ngã hành kỷ dã: Vì chồng phụ bạc, vợ bỏ trở về.
35. Tư can: Vua xây dựng cung thất mà ở, rồi sinh con cái.
36. Vô dương: Việc vua nuôi bò dê.
37. Tiệt nam sơn: Trách thura tướng tham bạo bất công khiến nhân dân cùng khổ.
38. Chính nguyệt: Buồn than đời điên đảo, nhân dân sầu khổ, tình đời thoái hóa.
39. Thập nguyệt chỉ giao: Dân chúng hoạn nạn vì bọn tiểu nhân được trọng dụng.
40. Vũ vô chính: Trách trời, trách vua, trách quan trong thời biến loạn.
41. Tiêu mân: Than triều đình toàn kẻ tiểu nhân, ra làm quan không tránh khỏi tai họa.
42. Tiêu uyển: Lời khuyên răn nhau phải giữ mình để tránh họa.
43. Tiêu biển: Lời than trách vua cha.
44. Xảo ngôn: Khuyên vua chớ nghe lời sàm nịnh.
45. Hạ nhân tư: Trách mắng đứa tiểu nhân đã lánh mặt.
46. Hạng bá: Trách mắng đứa siêm nịnh đã hại mình.
47. Cốc phong: Trách bạn vì tiểu tiết mà quên nhau.
48. Lục nga: Nhớ ơn cha mà tự trách mình.
49. Đại đồng: Thương dân nghèo khổ vì bị vua bóc lột.
50. Tứ nguyệt: Thương xót mình mà trách vua bất tài.
51. Bắc sơn: Phiền trách vua không công bình, quan kia nhàn rảnh.
52. Vô tương đại xa: Chớ lo nghĩ điều ưu phiền.
53. Tiểu minh: Than thân mình mà răn bạn đồng liêu.
54. Cỗ chung: Trách vua đương thời mà nhớ tiếc vua xưa.
55. Sở từ: Lo cày cấy để có vật phẩm cúng tế thần linh.
56. Tín Nam Sơn: Lo trồng trọt để có vật phẩm cúng tế thần linh.
57. Phủ điền: Lo cúng tế để được mùa.
58. Đại điền: Công việc nhà nông.
59. Chiêm bỉ lạc hỉ: Lời chúc hapy khen tặng Thiên tử.

* “Nhất nhật thiên thu” (Một ngày, ngàn năm): Bài thơ Thái Cát (采葛) trong Kinh Thi có viết:

Nhất nhật bất kiến như tam thu hè (一日不見、如三秋兮), nghĩa là “Một ngày không gặp mặt
bằng ba năm xa cách”.

(Không có **Đại nhã**)

Hết
KINH THU

Kinh Thư (書經 *Shū Jīng*): là một cuốn trong bộ sách Ngũ Kinh của Trung Quốc, ghi lại các truyền thuyết, biến cố về các đời vua cổ trước Khổng Tử. Khổng Tử biên tập lại để giúp các vua chúa đời sau nêu theo gương các minh quân như Nghiêu, Thuấn và tránh tàn bạo như Kiệt, Tru.

NỘI DUNG

Kinh Thư bao gồm :

Ngu thư (ghi chép về đời Nghiêu và Thuấn, nhà Ngu),

Hạ thư (ghi chép về vua Vũ và nhà Hạ),

Thương thư (ghi chép về Thành Thang và nhà Thương)

Chu thư (ghi chép về nhà Chu).

Ngu thư gồm các thiên:

1. Nghiêu Điển
2. Thuấn Điển
3. Đại Vũ mô
4. Cao Dao mô
5. Ích Tắc

Hạ thư gồm các thiên:

1. Vũ Công
2. Cam Thệ
3. Ngũ Tử chi ca
4. Dận Chinh

Thương thư gồm các thiên:

1. Thang Thệ
2. Trọng Hủy chi cáo
3. Thang Cáo
4. Y Huân
5. Tứ Mệnh
6. Tồ Hậu
7. Thái Giáp thượng
8. Thái Giáp trung
9. Thái Giáp hạ
10. Hàm Hữu nhất đức
11. Bàn Canh thượng
12. Bàn Canh trung
13. Bàn Canh hạ
14. Thuyết Mệnh thượng
15. Thuyết Mệnh trung
16. Thuyết Mệnh hạ
17. Cao Tông dung nhật
18. Tây Bá kham lê
19. Vi Tử

Chu thư gồm các thiên:

1. Thái Thệ thượng
2. Thái Thệ trung
3. Thái Thệ hạ
4. Mục Thệ
5. Vũ Thành
6. Hồng Phạm
7. Lữ Ngao
8. Kim Đằng
9. Đại Cáo
10. Vi Tử chi mệnh
11. Khang Cáo

- 12. Tứu Cáo
- 13. Tử Tài
- 14. Triệu Cáo
- 15. Lạc Cáo
- 16. Đa Sĩ
- 17. Vô Dật
- 18. Quân Thích
- 19. Thái Trọng chi mệnh
- 20. Đa Phương
- 21. Lập Chính
- 22. Chu Quan
- 23. Quân Trần
- 24. Cố Mệnh
- 25. Khang Vương chi cáo
- 26. Tất Mệnh
- 27. Quân Nha
- 28. Quynh Mệnh
- 29. Lữ Hình
- 30. Văn Hầu chi mệnh
- 31. Phí Thệ
- 32. Tân Thệ

Hai tư tưởng tiêu biểu của Kinh Thư:

1. “**Vương đạo lạc thổ**” (Đường vua, đất vui [chương Hồng Phạm (洪範) viết:

Vô hữu tác hảo, tuân vương chi đạo (無有作好、遵王之道),

nghĩa là “Yêu chớ theo cách thiên vị, hãy theo đạo Vương”.

2. “**Quy mã phóng ngưu**” (Trả ngựa, thả bò)

[chương Vũ Thành 武成), sau khi Vũ Vương (nhà Chu) đã trả thù đồi với Trụ Vương (nhà Thương), có viết: *Quy mã ur Hoa Sơn chi dương, phóng ngưu ur Đào Lâm chi dã* (歸馬于華山之陽、放牛于桃林之野),

nghĩa là “Trả ngựa ở hướng nam của núi Hoa Sơn và thả con bò ở đồng của rừng Đào Lâm“, tức là chiến tranh đã được kết thúc rồi.

Hết

KINH XUÂN THU

KINH XUÂN THU

(Biên niên sử Xuân Thu)

Xuân Thu (tiếng Trung Quốc: 春秋; phiên âm la tinh: Chūnqiū), cũng được gọi là **Lân**

Kinh (麟經) là bộ biên niên sử nước Lỗ viết về giai đoạn từ năm **722 tr.CN** tới năm **481 tr.CN**.

Đây là văn bản lịch sử Trung Quốc sớm nhất còn lại và được ghi chép theo các quy tắc sử biên niên. Văn bản cực kỳ súc tích, và nếu chúng ta bỏ toàn bộ những lời phê bình, nội dung dài khoảng

16.000 nghìn từ, vì thế chỉ có thể hiểu được nghĩa của nó với sự hỗ trợ của những lời bình của các học giả thời xưa, theo truyền thống Tả Truyện.

Theo truyền thống, cuốn sách này được coi là do Khổng Tử biên soạn (theo giả thuyết của Manh Tử), nó được đưa vào trong bộ Ngũ Kinh của văn học Trung Quốc.

Nội dung

Thời cổ đại Trung Quốc, “Xuân Thu” là một từ hoán dù thường được dùng để chỉ tổng thể khoảng thời gian trong năm (mùa xuân và mùa thu đại diện cho cả năm), và cũng thường được dùng làm tiêu đề cho những cuốn biên niên sử của nhiều nước chư hầu Trung Quốc giai đoạn đó. Ví dụ, chương Minh Quý trong cuốn Mặc Tử đã đề cập tới nhiều cuốn Biên niên sử Xuân Thu của nhà Chu, nước Yên, nước Tống và nước Tề. Tất cả các văn bản đó hiện đều không còn; chỉ cuốn biên niên sử nước Lỗ còn tồn tại.

Phạm vi sự kiện được ghi chép trong cuốn sách chỉ tập trung vào các **quan hệ ngoại giao** giữa các nước chư hầu phong kiến, các liên minh và các **hành động quân sự**, cũng như những **sự kiện sinh tử bên trong gia đình hoàng gia**. Cuốn biên niên sử cũng ghi chép về các **sự kiện thảm họa thiên nhiên** như lũ lụt, động đất, nạn châu chấu và nhật thực, bởi vì những sự kiện đó được xem là phản ánh sự ảnh hưởng của trời đối với thế giới loài người.

Các sự kiện được miêu tả theo trật tự thời gian, đầu tiên là niên hiệu của vua nước Lỗ, mùa, tháng và ngày theo năm âm lịch. Kết cấu biên niên được tuân thủ chặt chẽ, tới mức liệt kê bốn mùa trong mỗi năm thậm chí khi không có sự kiện nào xảy ra ở thời điểm đó.

Văn phong ngắn gọn và giọng điệu khách quan.

GNLT

KINH DỊCH

Nguyên văn: Dịch kinh

易經

Biên dịch: Nguyễn Hiến Lê

Giải đoán 64 quẻ

(Giang Nam lăng tử biên tập)

Nguồn gốc Kinh dịch:

Hoàng đế Phục Hy vạch ra 64 quẻ dựa theo Hà đồ và Lạc thư (thần linh ban cho hai bối).

Chu Văn Vương giải thích “hoán từ”

Chu Cơ Đán con thứ của ngài tiếp tục giải “Hào từ”

Sau nữa Khổng tử giải thành “Dịch truyện” (Thập dực: 10 cánh chim)

Mỗi quẻ có 6 hào, một từ/hào gọi là Hào từ.

Giảng quẻ : Khái quát, từng hào rồi kết luận.

DANH MỤC 64 QUÉ

Thượng kinh 30	Hạ kinh 34
<u>Thuần Càn</u>	Trạch Sơn

	<u>Thuần</u>	Hàm	Lôi Phong
<u>Khôn</u>	<u>Thủy Lôi</u>	Hăng	Thiên Sơn
<u>Truân</u>	<u>Sơn Thủy</u>	Độn	Lôi Thiên
<u>Mông</u>	<u>Thủy</u>	Đại Tráng	
<u>Thiên Nhu</u>		Hỏa Địa	
	<u>Thiên</u>	Tần	
<u>Thủy Tung</u>		Địa Hỏa	
<u>Sư</u>	<u>Địa Thủy</u>	Minh Di	Phong Hỏa
	<u>Thủy Địa</u>	Gia Nhân	
<u>Tỷ</u>	<u>Phong</u>	Khuê	Hỏa Trạch
<u>Thiên Tiêu Súc</u>		Thủy Sơn	
	<u>Thiên</u>	Kiên	
<u>Trạch Lý</u>		Lôi Thủy	
<u>Thái</u>	<u>Địa Thiên</u>	Giải	Sơn Trạch
	<u>Thiên Địa</u>	Tôn	
<u>Bí</u>	<u>Thiên Hỏa</u>	Phong Lôi	
<u>Đồng Nhân</u>		Ích	
	<u>Hỏa Thiên</u>	Trạch	
<u>Đại Hữu</u>		Thiên Quái	
	<u>Địa Sơn</u>	Thiên	
<u>Khiêm</u>		Phong Cầu	
	<u>Lôi Địa</u>	Trạch Địa	
<u>Dụ</u>		Tụy	
	<u>Trạch Lôi</u>	Địa Phong	
<u>Tùy</u>		Thăng	
	<u>Sơn</u>	Trạch	
<u>Phong Cỗ</u>		Thủy Khôn	
	<u>Địa Trạch</u>	Thủy	
<u>Lâm</u>		Phong Tinh	
	<u>Phong Địa</u>	Trạch Hỏa	
<u>Quan</u>		Cách	
	<u>Hỏa Lôi</u>	Hỏa Phong	
<u>Phê Hap</u>		Đinh	
	<u>Sơn Hỏa</u>	Thuần	
<u>Bí</u>		Chấn	
	<u>Sơn Địa</u>	Thuần	
<u>Bác</u>		Cân	
	<u>Địa Lôi</u>	Phong Sơn	
		Tiệm	

Phuc		Lôi Trạch
	<u>Thiên Lôi</u>	Quy Muội
Vô Vong		Lôi Hỏa
	<u>Sơn Thiên</u>	Phong
Đại Súc		Hỏa Sơn
	<u>Sơn Lôi Di</u>	Lữ
	<u>Trạch</u>	Thuần
Phong	<u>Dai Quá</u>	Tốn
	<u>Thuần</u>	Thuần
Khảm		Đoài
	<u>Thuần Ly</u>	Phong
		Thủy Hoán
		Thủy
		Trạch Tiết
		Phong
		Trạch Trung Phu
		Lôi Sơn
		Tiêu Quá
		Thủy Hỏa
		Ký Té
		64. Hỏa Thủy Vị
		Té

1. Thuần Càn

Nội quái, ngoại quái đều là Càn.

còn gọi là **quẻ Càn** (乾 qián), tức Trời, là quẻ số 1 trong Kinh Dịch.

Trời

* Nội quái là: 乾 (乾 qián) Càn hay Trời (天).

* Ngoại quái là: 乾 (乾 qián) Càn hay Trời (天

乾: 元, 亨, 利, 貞.

Càn: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

Dịch : Càn (có bốn đức / đặc tính): đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, chính và bền.

Giảng: Văn Vương cho rằng bói được quẻ này thì rất tốt, hanh thông, có lợi và tất giữ vững được cho tới lúc cuối cùng.

Về sau, tác giả Thóan truyện (tương truyền là Khổng tử, nhưng không chắc), cho quẻ này một ý nghĩa về vũ trụ, Càn gồm sáu hào đều là dương cả, có nghĩa rất cương kiện, tượng trưng cho trời. Trời có đức “nguyên” vì là nguồn gốc của vạn vật; có đức “hanh” vì làm ra mây, mưa để cho vạn vật sinh trưởng đến vô cùng, có đức “lợi” và “trinh” vì biến hóa, khiến cho vật gì cũng giữ được bẩm tính được nguyên khí cho thái hòa (cực hòa) .

Bậc thánh nhân đứng đầu muôn vật, theo đạo Càn thì thiên hạ bình an vô sự.

Tác giả Văn Ngôn truyện cho quẻ này thêm một ý nghĩa nữa về nhân sinh, đạo đức. Càn tượng trưng cho người quân tử . người quân tử có bốn đức.

Nhân, đức lớn nhất, gốc của lòng người, tức như đức “nguyên” của trời.

Lễ, là hợp với đạo lý, hợp với đạo lý thì hanh thông, cho nên lễ tức như đức “hanh” của trời.

Nghĩa, đức này làm cho mọi người được vui vẻ sung sướng, tức như đức “lợi” của trời.

Trí, là sáng suốt, biết rõ thị phi, có biết thị phi mới làm được mọi việc cho nên nó là đức cốt cán, cũng như đức “trinh” chính và bền – của trời.

Nguyên, hanh, lợi, trinh mà giảng thành *nhân, lễ, nghĩa, trí*, (bốn đức chính của đạo Nho) thì rõ là chịu ảnh hưởng nặng của Nho gia mà ý nghĩa và công dụng của Dịch đã thay đổi khá nhiều rồi.

Trở lên trên là cách hiểu của tiên Nho, các nhà Nho chính thống. Còn vài cách hiểu “mới mẻ” hơn của một số học giả gần đây, như Phùng Hữu Lan, Tào Thăng, Cao Hanh (mà ở phần I, Chương IV, chúng tôi đã ghi lại rồi).

Hào từ

Từ đây trở xuống là Hào từ, lời Chu Công đoán về mỗi hào.

初九: 潛龍勿用

Sơ cửu: Tiềm long vật dụng.

Dịch: hào 1 dương: Rồng còn ẩn náu, chưa (đem tài ra) dùng được.

Giảng: Người Trung Hoa cho con rồng là thần vật, rất biến hóa, lúc ẩn lúc hiện, mà lại thuộc về lòai dương, cho nên Chu Công dùng nó để cho ta dễ thấy ý nghĩa các hào – đều là dương cả - trong quẻ Càn.

Hào 1, ở dưới thấp nhất, cho nên ví nó với con rồng còn nấp ở dưới vực sâu, chưa thể làm mây biến hóa được, còn phải đợi thời. Ý nghĩa rất rõ, Tiêu tượng truyện không giảng gì thêm. Còn Văn Ngôn truyện thì bàn rộng ra về cách sử sự của bắc thánh nhân, người quân tử: chưa gặp thời thì nên tu đức, luyện tài, không vì thế tục mà đổi chí, không cầu danh, ở ẩn, không ai biết mình cũng không buồn, không gì lay chuyển được chí của mình.

九二: 見龍在田. 利見大人.

Cửu nhị: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân.

Dịch: Hào 2, dương: rồng đã hiện ở cánh đồng, ra mắt đại nhân thì lợi.

Giảng: hào 2 là dương, ở giữa nội quái là đắc trung, như vậy là gặp thời, tài đức giúp ích cho đời được: lại thêm hào ứng với nó là hào 5, cũng là dương, cũng đắc trung (vì ở giữa ngoại quái); cho nên hào 2 có thể ví với con rồng đã rời vực mà hiện lên cánh đồng; mà cũng như người có tài đức gặp thời, nên kiến đại nhân).

Văn ngôn: Khuyên người có tài đức gặp thời này nên giữ đức tín, đức thận trọng trong ngôn, hành, tránh tà bậy, giữ lòng thành, giúp đời mà không khoe công, như vậy là giữ được đức trung chính của hào 2.

九三: 君子終日乾乾, 夕惕若. 屬无咎.

Cửu tam: Quân tử chung nhặt càn càn, tịch dịch nhược. Lê, vô cữu.

Dịch: hào 3, dương: Người quân tử mỗi ngày háng hái tự cường, đến tối vẫn còn thận trọng như lo sợ. Nguy hiểm, nhưng không tội lỗi.

Giảng: Hào 3 là dương lại ở vị ngôi dương, như vậy là rất cường, mà không đắc trung. Hơn nữa, nó ở trên cùng nội quái mà chưa tiến lên ngoại quái, nghĩa là ở một chỗ chông chênh, rất khó xử, cho nên bảo là nguy hiểm (lệ). Nhưng nó vẫn là quân tử, có đức tự cường không ngừng, rất thận trọng, lúc nào cũng như lo sợ, cho nên tuy gặp thời nguy mà cũng không đến nỗi tội lỗi.

Văn ngôn bàn thêm: người quân tử giữ trung tín để tiến đức; sửa lời nói (lập ngôn) vững lòng thành để lập sự nghiệp . . . nhờ vậy mà thấu được đạo lý, giữ được điều nghĩa làm được sự nghiệp tới cùng, ở địa vị cao mà không kiêu, địa vị thấp mà không lo (coi toàn văn ở phần I, Chương II . . .) Lời khuyên đó cũng tựa như lời khuyên ở hào 2

九四: 或躍, 在淵, 无咎.

Cửu tú: Hoặc dược, tại uyên, vô cữu.

Dịch: Hào 4, dương: như con rồng có khi bay nhảy, có khi nằm trong vực (biết tùy thời như thế thì không làm lỗi).

(Có người dịch là như con rồng có khi bay nhảy trên vực sâu, không làm lỗi).

Giảng: Hào 4 là dương ở vị (ngôi) âm, như vậy là bất chính và bất trung; nó lại cũng như hào 3 ở địa vị chông chênh, mới rời nội quái tiến lên ngoại quái, tiến chưa chắc đã tốt mà thóai thì dở dang. Cho nên phải thận trọng xem xét thời cơ, nên tiến thì tiến (như con rồng bay nhảy) nếu không thì chờ thời (con rồng nằm trong vực), cho nên Chu Công dùng chữ “hoặc”: không nhất định.

Tuy bất chính, bất trung như nó có chất cương kiện (hào dương trong quẻ Càn) nên cũng như hào 3 là bậc quân tử, biết giữ tư cách, biết tùy thời, và rốt cuộc không có lỗi.

Hào này chỉ khác hào 3 ở chỗ nó có thể tiến được, còn hào 3 chưa thể tiến được.

Văn ngôn không giảng gì khác, chỉ khuyên người quân tử tiến đức tu nghiệp, chuẩn bị cho kịp thời để có lúc ra giúp đời.

九五: 飛龍在天, 利見大人.

Cửu ngũ: Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân.

Dịch: Hào 5, dương: Rồng bay trên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi.

Giảng: Hào 5 là dương ở vị (ngôi) dương cao nhất trong quẻ lại đắc trung (ở giữa ngoại quái), như vậy là có đủ những điều tốt, vừa cao quý vừa chính trung. Nó lại được hào 2 ở dưới ứng với nó, mà hào 2 cũng cương kiện, đắc trung như nó. Nó là hào tốt nhất trong quẻ, cho nên ví nó với con rồng bay trên trời, và ngôi của nó là ngôi chí tôn (ngôi vua).

Chữ đại nhân (người có tài đức) trỏ cả hào 5 lẫn hào 2: hai đại nhân ở hai hào đó nên gặp nhau, hợp lực với nhau thì có lợi.

Văn ngôn giảng thêm rất rõ và hay về bốn chữ lợi kiến đại nhân: “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu; nước chảy xuống thấp, lửa bén tới chỗ khô; máy bay theo rồng, gió bay theo cọp, thánh nhân xuất hiện mà vạn vật đều trôi vào (...) Mọi vật đều theo loài của nó” (Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu; thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân tòng long, phong tòng hổ, thánh nhân tác nhanh vạn vật đồ (...) các tùy kỳ loại dã).

上九. 亢龍有悔.

Thượng cửu: Kháng long hữu hối.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Rồng lên cao quá, có hối hận.

Giảng: hào dương này ở trên cao của quẻ, cương kiện đến cùng rồi, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu vẫn còn hành động thì sẽ có điều đáng tiếc, vì lẻ thịnh quá thì tắt suy, đầy thì không được lâu, (doanh bất khả cữu)...

Văn ngôn: giảng thêm: Hào 5 địa vị rất quý (vì ở trên cao hơn hết) nhưng không có ngôi, cao mà không có dân (vì hào 5 là vua mới có dân), các người hiền ở dưới mình mà không giúp đỡ mình (vì

hào 3 tuy ứng với hào 6 nhưng lại ở nội quái, mà giữa hào 3 và hào 6 có hào 5 là vua làm chủ hào 3 rồi) cho nên hào 6 mà hoạt động thì tất có điều phải ăn năn. (Lời giảng trong Văn ngôn, tác giả Hệ Tử truyền dẫn lại trong thiên thương, Chương VIII, Tiết 9).

Tóm lại thời của hào này là thời không nên hoạt động gì cả, sớm rút lui đi thì còn giữ được tư cách người quân tử.

用九. 見群龍無首. 吉.

Dụng cửu: Kiến quần long vô thủ. Cát.

Dịch: (nghĩa từng chữ) Dùng hào dương: thấy bầy rồng không có đầu, tốt.

Chú thích: Chu Hi giảng: Gặp quẻ Càn này mà sáu hào (dương) đều biến (ra âm) cả, tức là cương mà biến ra nhu, thì tốt. Thánh nhân dùng cái tượng bầy rồng (sáu hào dương) mà không đầu (tức là nhu) để diễn ý đó.

J. Legge, R. Wilhelm đều hiểu theo Chu Hi mà không giảng gì thêm. Duy Phan Bội Châu đưa thêm ý kiến riêng, đại ý bảo “Dụng cửu” không phải là một hào. “quần long vô thủ” là sáu hào dương đều biến cả. Con rồng hoạt động khác thường là cốt ở cái đầu. Sáu hào dương đã biến (ra âm) hết thì không còn hình tích hoạt động nữa, cho nên gọi là rồng không đầu.

Nhưng cụ cũng nhận rằng đó chỉ là mặt chữ mà giải thích nghĩa đen thôi, chứ cái “ý thâm diệu của thánh nhân thì sâu xa huyền bí quá” Nghĩa là lời kinh tối nghĩa quá, cụ không hiểu nổi.

- Cao Hanh hiểu khác, bảo “bầy rồng không đầu, nghĩa là bầy rồng đã bay lên trời, đầu bị mây che, nên chỉ thấy mình và đuôi. Đó là cái tượng rồng cưỡi mây lên trời, tốt”.

Cách giảng đó dễ hiểu, nhưng hai chữ “dụng cửu” có nghĩa gì đây, phải là một “hào” mới không, thì ông không cho biết. Cứ theo cách ông giảng “dụng lục” của quẻ Khôn – coi quẻ sau – cho “dụng lục” là một hào, thì chắc ông cũng cho “dụng cửu” của quẻ Càn là một hào. Nếu vậy thì “hào” này ra sao? Có phải là cả sáu hào của quẻ đều từ dương biến ra âm, như Chu Hi giảng không?

- Tào Thăng giải nghĩa khác nữa: “Cửu “ là hào dương biến; “dụng” là lợi dụng, “vô thủ” là không có đầu mới. Đạo Càn (quần long) vận hành, biến hóa kỳ diệu, vạn vật nhờ đó mà thành công, nhưng cái lý do nó không thể thấy được (vô thủ), hễ dùng nó hợp thời thì tốt.

Vậy cơ hồ Tào không cho “dụng cửu” là một hào, mà chỉ có nghĩa là cách dùng quẻ Càn.

- Chu Tuấn Thanh trong “Lục thập tứ quái kinh giải” – Cổ tịch xuất bản xã – đưa ra một cách giải nữa cho “Dụng cửu” là tóm lại nghĩa của sáu hào thuần dương, Thuần dương là cái đức của trời, là gốc của vạn vật không có gì ở trước nó được, ở trước nó thì xấu, theo sau nó thì tốt. Đó là ý nghĩa của hai chữ “vô thủ” Nghĩa này theo tôi, khó chấp nhận được.

- Nghiêm Linh Phong trong “Chu Dịch tân luận” – Chính trung thư cục – dẫn nhiều thuyết nữa.

Thuyết của Vương An Thạch, Đô Khiết, cho câu: “dụng cửu: Kiến quần long vô thủ, cát “không phải là một tiết riêng mà chỉ là tiếp theo tiết Thượng cửu”

Thuyết của Ngô Nhân Kiệt, bảo các bản Dịch thời cổ, cho đến đời Phi Trực nhà Hán không có hai chữ “Dụng cửu”, đời sau thêm vào v.v. .

Tóm lại câu “dụng cửu . . .” này, tới nay vẫn còn là một bí mật, không ai hiểu rõ nghĩa, toàn là đoán phỏng. Nếu coi nó là một hào thứ bảy tức trường hợp cả 6 quẻ Càn biến một lần ra âm hết, thì trường hợp đó cả ức triệu lần chưa chắc đã xảy ra một (1), các sách bói, đoán số không khi nào dùng nó cả. Về triết lý, thì ý nghĩa của nó chẳng có gì đặc biệt, cũng chỉ là biết cương mà cũng biết nhu, hợp thời mới tốt.

*

Phụ lục quẻ Càn

Dưới đây chúng tôi trích dẫn vài cách giải **hào 1 quẻ Càn** của một số học giả gần đây, để độc giả so sánh.

- Chu Tuấn Thanh (sách đã dẫn)

“Rồng có 81 cái vảy ! đù chín lần chín, cho nên dùng nó để tượng trưng hào dương. Rồng tới tiết xuân phân thì lên trời, tiết thu phân thì nấp dưới vực. Hào dương ở vị trí 1, tức là tháng giêng theo lịch nhà chu, tháng tý. Khí dương lúc đó mới động ở suối vàng (hàng tuyền) chưa mạnh nha, còn tiềm phục, như người có thánh đức ở giữa đám người ngu . . . cho nên chưa dùng được, tài đức chưa thi thoả được.”

- Tào Thăng (sách đã dẫn).

“Người thời cổ thấy con rồng khéo biến hóa, cho nó là thần kỳ, dùng nó để đại biểu năng lực. Nếu lấy chữ “long” (rồng) làm chữ “năng” (lực) mà giảng thì con rồng ở dưới vực không dùng được, vì năng lực nó còn tiềm phục, chưa hiện, chưa sinh tác dụng được (. . .)

Dùng cái phép của hào mà giảng thì hào 1 ở dưới hào 2, hào 2 chưa động thì hào 1 không thể động trước. Hào 1 biến động quẻ Càn này thành quẻ Câu (trên là Thiên, dưới là Phong) thì cũng chỉ là mới gặp “ở âm” (?) mà thôi, cho nên bảo là rồng còn ẩn náu, chưa dùng được (Câu có nghĩa là gặp).

- Cao Hanh (sách đã dẫn) Tôi chỉ trích câu cuối: “Con rồng còn ẩn ở dưới vực mà không hiện, có cái “tượng” tĩnh mà không động. Bói được quẻ này thì không nên thi hành.

Chúng tôi không biết các học giả Trung Hoa gần đây còn những cách giảng nào mới mẻ hơn không, chứ ba cách trên không kỹ gì hơn cách của người xưa, mà cũng chẳng phát huy thêm được gì.

||

2. Quẻ Thuần Khôn

Nội quái, ngoại quái đều là Khôn.

Thuần Khôn

Đồ hình quẻ

坤

: 元, 亨, 利, 牝馬之貞. 君子有攸往. 先迷後得. 主利. 西南得朋. 東北喪朋

. 安貞吉.

Khôn: Nguyên, hanh, lợi, tần mā chi trình. Quân tử hữu du vāng, tiên mê hậu đắc, chủ lợi. Tây nam đắc bằng, đông bắc táng bằng. An trình, cát.

Dịch: Khôn có đức đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, đức chính và bền của con ngựa cái. Người quân tử có việc làm mà thủ xướng thì làm, để người khác thủ xướng mà mình theo sau thì được. chỉ cốt lợi ích cho vạn vật. đi về phía tây nam thì được bạn, về phía đông bắc thì mất bạn. An lòng giữ đức bền vững, tốt.

Giảng : Quẻ Càn gồm 6 hào dương, quẻ Khôn gồm 6 hào âm. Càn “tượng” (1) trời thì không “tượng” đất. Càn cương kiện thì Khôn nhu thuận. Càn tạo ra vạn vật ở vô hình, thuộc phân khí; nhưng phải nhờ Khôn vạn vật mới hữu hình, mới sinh trưởng, cho nên công của Khôn cũng lớn như công của Càn; chỉ khác Khôn phải ở sau Càn, tùy theo Càn, bồ túc cho Càn; cho nên các đức

nguyên, hanh, lợi, Khôn có đủ như Càn; chỉ riêng về đức trinh (chính và bền) thì Khôn hơi khác: tuy chính và bền nhưng phải thuận. Văn Vương dùng con ngựa cái để “tượng” Khôn: ngựa là giống mạnh mà ngựa cái có tính thuận theo ngựa đực.

Cũng vì Khôn có đức thuận, cho nên khởi xướng phải là Càn, Khôn chỉ tiếp tục công việc của Càn. Người quân tử nếu ở vào địa vị khôn, phải tùy thuộc người trên thì làm việc cũng đừng nên khởi xướng để khỏi lầm lẫn, chờ người ta khởi xướng rồi mới theo thì được việc, như vậy là có đức dày như đất, chờ được muôn vật, lớn cũng không kém đức của trời (Càn): “Quân tử dĩ tự cường bất túc” là bài học rút ra từ quẻ Càn.

Chu công còn khuyên đi về phía Tây Nam vì trên Hậu thiên bát quái Khôn ở phía Tây nam (có học giả hiểu là phía Tây và phía Nam) thì được bạn (hoặc được tiền bạc, vì chữ “bằng” có thể hiểu là bằng hữu, cũng có thể hiểu là bằng bối: bối là vò sò ngao xua dùng làm tiền, 1 bằng là 2 hoặc 10 bối) nếu đi về phía Đông bắc thuộc dương thì mất bạn (hoặc tiền bạc).

Được quẻ này, nên theo những lời khuyên đó mà an lòng, giữ đức bền vững thì tốt.

Câu “Quân tử hữu du vãng, tiên mê hậu đắc” có người hiểu là: “Người quân tử có đi đâu thì trước làm sau đúng”, mà không giảng tại sao lại như vậy. Hiểu như chúng tôi ở trên thì có lý hơn, làm rõ cái đạo “thuận tòng thì tốt” của Khôn. Chữ “du” ở trong kinh Dịch thường dùng như chữ “sở” Tác giả Văn ngôn không giảng gì thêm chỉ tóm tắt lại: Đạo Khôn là thuận theo trời mà tiến hành không ngừng.

Hào từ:

1) 初六: 履霜, 壢冰至

Sơ lục: Lý sương, kiên băng chí.

Giảng: Đây là hào âm đầu tiên trong quẻ. Âm thì lạnh, nên Chu Công ví với sương lạnh mới kết lại thì thành sương, rồi lần lần, lạnh hơn, nước sẽ đông lại thành băng. Hao này có hàm cái ý phải thận trọng từ bước đầu. Tiêu tượng truyện không giảng thêm, còn Văn ngôn truyện thì khuyên ta: “Nhà nào tích lũy điều lành thì tất có thura phúc (để đến đời sau); nhà nào tích lũy điều chẳng lành thì tất có thura tai vạ (để đến đời sau). Như việc bè tôi giết vua, con giết cha, nguyên do không ở trong một buổi sớm chiều; tất dần dà có từ lâu rồi, mà người ta không biết lo toan từ sớm vậy” (tích thiện chí gia tất hữu dư khách, tích bất thiện chí gia tất hữu dư ương: Thần thí kỳ quân, tử thí kỳ phụ, phi nhất triều nhất tịch chi cố, kỳ sở do lai giả tiệm hĩ. Do biện chi bất tảo biện dã.)

Chúng ta để ý: hào 1 quẻ Càn, Dịch chỉ khuyên cứ ở ẩn, tu đức luyện tài chờ thời; còn hào 1 quẻ Khôn này. Dịch răn phải đề phòng từ đầu, nếu không sẽ gặp họa; như vậy Dịch tin ở Dương hơn đạo Âm, trọng Dương hơn Âm.

2) 六二: 直方大, 不習无不利

Lục nhị: trực phương đại, bất tập vô bất lợi.

Dịch: Hào 2, âm (Đức của mình) thẳng, vuông, lớn thì chẳng phải học tập mà cũng không có gì là không lợi.

Giảng: Hào này rất tốt: thể là âm, vị cũng là âm (hào chẵn), thể là đắc chính, cho nên bảo là có đức thẳng (trực) nó lại đắc trung, (ở giữa nội quái) cho nên bảo là vuông vức (phương) (1) nó lại ở trong quẻ Khôn, có qui mô lớn, nên chẳng cần học tập khó khăn mà hành động nào cũng hợp đạo lý.

Văn ngôn giảng thêm: người quân tử muốn như hào 2 này mà ngay thẳng ở trong lòng thì phải có đức kinh; vuông ở ngoài (khi tiếp vật) thì phải có đức nghĩa. Có hai đức kinh, nghĩa đó thì sẽ không có lập (?). Nguyên văn: “bất cõi”, Chu Hi giảng là to lớn, tức có ý cho rằng: Kinh thì “trực”, nghĩa thì “phương”. Có đủ kinh và phương thì là “đại”. Chúng tôi hiểu theo câu: Đức bất cõi, tất

hữu lân” (người có đức thì không lě loi, tất có bạn cũng trọng đạo đức như mình (bạn đây là hào 5, ứng với 2) không biết có đúng không).

3) 六三: 含章可貞, 或從王事, 无成有終

Lục tam: hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung.

Dịch: Hào 3, âm: Ngậm chứa (đứng đê lộ ra) đức tốt mà giữ vững được, có khi theo người trên mà làm việc nước, đứng chiếm lấy sự thành công thì sau cùng sẽ có kết quả.

Giảng: Hào 3 là âm mà ở vào địa vị dương (lě), như vậy là không chính, nhưng nó vốn có đức nhu thuận của quẻ Khôn, thêm được tính cương kiện của vị dương, thì lại là tốt (đây là lě biến hóa của Dịch).

Nó đứng trên cùng nội quái, tức có thể có chức phận, cho nên bảo là có lúc theo bè trên làm việc nước. Nhưng nó nên nhũn, nhu thuận (đức của Khôn) chỉ làm trọn nghĩa vụ mà đứng chiếm lấy sự thành công thì sau cùng sẽ có kết quả.

Văn ngôn bàn thêm: Ngậm chứa đức tốt, theo người trên làm việc mà không dám chiếm lấy sự thành công, đó là đạo của Đất, của vợ, của bè tôi (địa đạo, thê đạo, thần đạo). Đó là cách cư xử của người dưới đối với người trên.

4) 六四: 括囊, 无咎, 无譽.

Lục cửu: quát nang, vô cữu, vô dự.

Dịch: Hào 4 âm: như cái túi thắt miệng lại, (kín đáo giữ gìn) thì khỏi tội lỗi mà cũng không danh dự.

Giảng: hào 4 là âm ở địa vị âm trong một quẻ toàn âm, mà không đắc trung như hào 2, ví như người quá nhu thuận, vô tài, không có chút cương cường nào. Đã vậy, mà ở sát hào 5, tức là có địa vị một đại thần, tài thấp mà địa vị cao, nên phải thận trọng thì mới khỏi tội lỗi, an thân, mặc dù không có danh dự gì.

Hào 4 quẻ Càn cũng ở địa vị như hào này, nhưng là dương, có tài năng, nên còn có thể bay nhảy, tiến được (hoặc được), khác nhau ở chỗ đó.

Văn ngôn cho hào này có cái tượng “âm cự tuyệt dương” (vì không có chút dương nào cả từ bản thể tới vị), như vậy là âm dương cách tuyệt nhau, trời đất không giao nhau (thiên địa bế), lúc đó hiền nhân nêu ở ẩn (hiền nhân ẩn), rất thận trọng thì không bị tai họa.

5) 六五: 黃裳, 元吉.

Lục ngũ: hoàng thường, nguyên cát.

Dịch: hào 5, âm: như cái xiêm màu vàng, lớn, tốt (rất tốt).

Giảng Hào 5 là hào chí tôn trong quẻ, đắc trung. Tuy nó không đắc chính vì là âm mà ở vị dương; nhưng ở trong quẻ Khôn, như vậy lại tốt vì có chút cương, không thuần âm, thuần nhu, như hào 4, tức là có tài, nhưng vẫn là Khiêm nhu (vì là âm). Âm còn hàm ý vẫn vê nữa, trái với dương cương kiện là võ. Cho nên Chu Công cho là hào này rất tốt, và “tượng” bằng cái xiêm màu vàng. Vàng là màu của đất, của trung ương (hàm ý không thái quá, không bất cập) của vàng, đồng, nên người Trung Hoa thời xưa rất quý, chỉ vua chúa mới được dùng màu vàng trong y phục. Xiêm là một bộ phận y phục ở phía dưới, đẹp đẽ, hàm cái nghĩa khiêm hạ, không tự tôn.

Văn ngôn bàn thêm: người quân tử có đức trung (màu vàng) ở trong mà thông suốt đạo lý, ở ngôi cao mà vẫn khiêm, tự coi mình ở thế dưới (như cái xiêm); như vậy là chất tốt đẹp ở bên trong mà phát ra bê ngoài, làm nên sự nghiệp lớn, tốt đẹp như vậy là cùng cực.

Như vậy Dịch tuy coi âm (Khôn) không quý bằng dương (Càn), nhưng có lúc coi trọng đức khiêm nhu, mà Dịch cho là đức của người văn minh. Tinh thần đó là tinh thần hiếu hòa, trọng văn hơn võ.

Hào 5 quẻ Càn, Chu Công cho là đại quý (long phi tại thiên) nhưng chỉ bảo: “Lợi kiến đại nhân”; còn hào 5 quẻ không thì khen là “nguyên cát” hào tốt nhất trong Kinh Dịch, là có nghĩa vậy.

6) 六上: 龍戰于野, 其血玄黃.

Lục thượng: Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng.

Dịch: Hào trên cùng âm: Như rồng đánh nhau ở đồng nội, đồ máu đen máu vàng.

Giảng: hào này âm lên tới điểm cực thịnh. Âm dương tuy bổ túc nhau, nhưng bản thể vẫn là ngược nhau, đối địch nhau. Khi âm cực thịnh, dương cũng vậy (hào 6 quẻ Càn) thì hai bên tất tranh nhau, và cả hai đều bị hại. Đạo đến đó là cùng rồi. cũng vẫn cái nghĩa thịnh cực thì suy như hào 6 quẻ Càn.

Văn ngôn: không giảng gì khác, chỉ cho biết rằng “huyền hoàng”: là sắc của trời đất, âm dương.

Cao Hanh ngòi rằng hai chữ đó [玄 黃] thời xưa dùng như hai chữ [] (vì đọc như nhau) và có nghĩa là chảy ròng ròng. Không rõ thuyết nào đúng, nhưng đại ý vẫn là tai hại cả cho hai bên.

7) 用六: 利永貞.

Dụng lục: Lợi vĩnh trinh.

Dịch: (nghĩa từng chữ) dùng hào âm: phải (nên) lâu dài, chính và bền.

Giảng: Hai chữ “dụng lục” ở đây cũng như hai chữ “dụng cửu” ở quẻ Càn rất tối nghĩa, và câu 7 này mỗi nhà giảng một khác. Dưới đây tôi chỉ đưa ra ba thuyết:

- Thuyết của tiên nho: sáu hào âm biến ra sáu hào dương, tức Thuần khôn biến thành Thuần Càn, như một người nhu nhược biến ra một người cương cường, cho nên bảo là: phải (nên) lâu dài, chính và bền.
- Thuyết của Cao Hanh: hỏi về việc cát hay hung lâu dài, mà được “hào” này thì lợi.
- Thuyết của Tào Thăng: Khôn thuận theo Càn cho nên gọi là lợi; Không động thì mở ra, tĩnh thì đóng lại. Cho nên bảo chính và bền, ý muốn nói: đạo Khôn đơn giản mà tác tác thành vạn vật.

Chú ý: chỉ hai quẻ Càn và Khôn là có Văn ngôn truyện, Dụng Cửu và dụng Lục; từ quẻ sau trở đi không còn những tiết đó nữa.

□

3. QUẺ THỦY LÔI TRUÂN

Đồ hình quẻ

Ngurai quái (ở trên) là Khảm, nội quái (ở dưới) là Chấn. Khảm là thủy (mà cũng là vân: mây), chấn là lôi (sấm) cho nên quẻ này gọi là Thủy lôi (hoặc Vân Lôi), có nghĩa là *Truân*.

Theo Tự quái truyện thì sở dĩ sau hai quẻ Càn, Khôn tới quẻ Truân là vì có trời đất rồi vạn vật tất sinh sôi này nở đầy khắp, mà lúc sinh sôi đó là lúc khó khăn. Chữ Truân [屯] có cả hai nghĩa đó: đầy và khó khăn (gian truân)

屯 : 元, 亨, 利, 貞, 勿用有攸往, 利建侯.

Truân: Nguyên, hanh, lợi, trinh, vật dụng hữu du vãng, lợi kiến hầu.

Dịch: Gặp lúc gian truân, có thể hanh thông lăm (nguyên hanh), nếu giữ vững điều chính (trái với tà) và đừng tiến vội, mà tìm bậc hiền thần giúp mình (kiến hầu là đề cử một người giỏi lên tước hầu).

Giảng: Thoán truyện và Đại tượng truyện giảng đại ý như sau:

Tượng quẻ này là sấm (Chấn) ở dưới mà trên mưa (Khảm), tức có nghĩa động ở trong chốn hiêm, (Khảm là nước có nghĩa là hiêm trớ) (1) cho nên có nghĩa là truân.

Lại thêm: nội quái có một hào dương (cương) hai hào âm (nhu); ngoại quái cũng thế; như vậy là cương nhu, dương âm bắt đầu giao nhau để sinh vạn vật mà úc đầu bao giờ cũng gian nan: truân. Trong lúc gian nan mà hành động thì có thể tốt, nhưng phải kiên nhẫn giữ điều chính; đừng vội hành động mà trước hết nên tìm người tài giỏi giúp mình. Người tài đứng ra cảng đáng lúc đầu (người mình cất nhắc lên tước hầu) đó là hào 1 dương. Dương thì cương, có tài; hào 1 lại là hào chủ yếu trong nội quái (chấn) có nghĩa hoạt động. buổi đầu gian nan thì được người đó, tỉ như lập được một đoàn thể có nhiều người có tài kinh luân, thì mọi việc sẽ làm được tốt. Đó là ý nghĩa quẻ Truân.

Hào từ:

初九: 磐桓, 利居貞, 利建侯 .

Sơ cửu: Bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu.

Dịch: Hào 1, dương : còn dùng dǎng, giữ được điều chính thì lợi, được đặt lên tước hầu (nghĩa là được giao cho việc giúp đời lúc gian truân) thì lợi.

Giảng: Như trên tôi đã nói, hào này là dương, tượng người có tài, lại đặc chính vì dương ở dương vị, cho nên giữ được điều chính và có lợi; sau cùng nó là dương mà lại dưới hai hào âm trong nội quái, có cái tượng khiêm hạ, được lòng dân. Vậy là người quân tử mới đầu tuy còn do dự, sau sẽ được giao cho trọng trách giúp đời.

六二: 屯如適如, 乘馬班如, 匪寇婚媾. 女子貞不字, 十年乃字 .

Lục nhị: Truân như, chuyên như, thừa mã ban như. Phỉ khẩu hôn cầu, nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự.

Dịch : hào 2, âm : Khốn đốn khó khăn như người cưỡi ngựa còn dùng dǎng lẩn quẩn (Nhưng hào 1 kia) không phải là kẻ cướp, chỉ là muôn cầu hôn với mình thôi. Mình cứ giữ vững chí, đừng chịu, mười năm nữa sẽ kết hôn (với hào 5).

Giảng: Hào 2, âm, vừa đặc trung lẩn đặc chính, lại ứng với hào 5 cũng đặc trung đặc chính ở trên, như vậy là tốt. Chỉ hiềm cách xa hào 5 mà lại ở sát ngay trên hào 1, dương, bị 1 níu kéo, cho nên còn ở trong cảnh truân chuyên (khó khăn). Nhưng đừng ngại, hào 1 có tư cách quân tử, không phải là kẻ xấu muôn hảm hại mình, chỉ muôn cưới mình thôi (1 là dương, 2 là âm). Đừng nhận lời, cứ giữ vững chí, mười năm nữa sẽ kết hôn với hào 5.

Chữ tự [字] ở đây nghĩa là gả chồng. Theo kinh Lễ, con gái tới tuổi gả chồng thì cài trâm và đặt tên tự.

六三: 即鹿, 无虞, 惟入于林中. 君子幾, 不如舍, 往吝 .

Lục tam: Túc lộc, vô ngu, duy nhập vu lâm trung. Quân tử cơ, bất như xả, vãng lận.

Dịch: Hào 3 âm: đuổi hươu mà không có thợ săn giúp sức thì chỉ vô sâu trong rừng thôi (không bắt được). Người quân tử hiểu cơ sự ấy thì bỏ đi còn hơn, cứ tiếp tục tiến nữa thì sẽ hối hận.

Giảng: Hào 3 là âm, ở dương vị, bất chính bất trung; tính chất đã không tốt mà ở vào thời truân; hào 6 ở trên cũng là âm nhu không giúp được gì mình, như vậy mà cứ muôn làm càn, như người ham đuổi hươu mà không được thợ săn giúp (chặn đường con hươu, đuổi nó ra khỏi rừng cho mình bắt) thì mình cứ chạy theo con hươu mà càng vô sâu trong rừng thôi. Bỏ đi là hơn.

六四: 乘馬班如. 求婚媾, 往吉, 无不利 .

Lục tứ: Thừa mã ban như. Cầu hôn cầu, vãng cát, vô bất lợi.

Dịch: Hào 4, âm: cưỡi ngựa mà dùng dǎng. Cầu bạn trăm năm (hay đồng tâm) ở dưới (ở xa) thì không gì là không tốt.

Giảng: Hào này âm nhu, đắc chính là người tốt nhưng tài tàm thường, gấp thời Truân không tự mình tiến thủ được. Tuy ở gần hào 5, muốn cầu thân với 5, nhưng 5 đã ứng với 2 rồi, thế là 4 muốn lên mà không được, như người cưỡi ngựa muốn tiến mà dùng dǎng. Chu Công khuyên hào 4 nên cầu hôn với hào 1 ở dưới thì hơn: (vì 1 có tài đức) mà cùng nhau giúp đời, không gì là không lợi. Chúng ta để ý: cặp 5-2 rất xứng nhau, cả hai đều đắc chính, đắc trung, rất đẹp, cặp 4-1 không đẹp bằng: 4 bất trung, kém 2; cho nên phải kết hợp với 1 ở dưới, 1 tuy ở dưới mà đắc chính, như vậy là xứng đôi. Đó là luật: “dĩ loại tụ”, hợp với nhau thì phải xứng nhau, đồng tâm, đồng đạo.

九五: 屯其膏; 小貞吉, 大貞凶 .

Cửu ngũ: Truân kì cao; tiểu trinh cát, đại trinh hung

Dịch: Hào 5, dương: Ân trạch không ban bố được (nguyên văn: dâu mõ (cao) không trơn (truân), chính đốn việc nhỏ thì tốt, việc lớn thì xấu.

Giảng: Hào cửu ngũ này vừa chính vừa trung, ở địa vị chí tôn, đáng lẽ tốt; nhưng vì ở trong thời gian truân (quẻ Truân) lại ở giữa ngoại quái là Khảm, hiềm, nên chỉ tốt vừa thôi. Hào 2 tuy ứng với nó nhưng âm nhu, không giúp được nhiều; lại thêm hào 1 ở dưới, có tài đức, được lòng dân, uy quyền gần như lấn 5, mà ân trạch của 5 không ban bố khắp nơi được. Cho nên 5 phải lấn lấn chỉnh đốn các việc nhỏ đã, đừng vội làm việc lớn mà hỏng.

Nghĩa là tuy có tài đức, có địa vị, nhưng cũng phải đợi có thể có thời nữa.

上六: 乘馬班如, 泣血漣如 .

Thượng lục: Thùa mã ban nhu, khắp huyết liên nhu.

Dịch: Hào trên cùng âm. Cưỡi ngựa mà dùng dǎng, khóc tới máu mắt chảy đầm đìa.

Giảng: Hào này ở trên cùng, là thời gian truân tới cực điểm. Nếu là hào dương (có tài trí) thì gian truân cùng cực sẽ biến thông; nhưng hào này là hào âm, bất tài, bất trí, nhu nhược, chỉ biết lunge ngựa rồi mà vẫn dùng dǎng mà khóc đến chảy máu mắt (Hào tuy ứng với hào 6 nhưng cũng âm nhu, chẳng giúp được gì.)

Đọc xong ba quẻ đầu này chúng ta cũng đã thấy: thể của hào chỉ cò: âm và dương, vị của hào chỉ có 6: từ hào sơ đến hào thượng; nhưng ý nghĩa mỗi hào rất thay đổi, tùy ý nghĩa của trọn quẻ, cho nên hào 1 dương quẻ Càn không giống hào 1 dương quẻ Truân; hào 5 dương quẻ Truân cũng không giống hào 5 dương quẻ Càn; hào 2 âm quẻ Khôn không giống hào đó quẻ Truân, hào 6 âm quẻ Truân cũng không giống hào đó quẻ khôn. ý nghĩa của quẻ quyết định ý nghĩa của hào, nói cách khác: quẻ là cái thời chung của các hào, mà hào là mỗi việc, mỗi hoàn cảnh trong thời chung đó.

||

4. Quẻ SƠN THỦY MÔNG

Trên là Cân (núi) dưới là Khảm (nước)

Đồ hình quẻ Sơn Thủy Mông

Quẻ số 3 là Truân, lúc vạn vật mới sinh. Lúc đó vạn vật còn non yếu, mù mờ, cho nên quẻ 4 này là Mông. Mông có hai nghĩa: non yếu và mù mờ

Thoán từ :

蒙: 亨, 匪我求童蒙, 童蒙求我 .

初筮告, 再三瀆, 瀆則不告 . 利貞 .

Mông: Hanh, Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã.

Sơ phê cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo. Lợi trinh.

Dịch: trẻ thơ được hanh thông. Không phải ta tìm trẻ thơ mà trẻ thơ tìm ta. Hỏi (bói) một lần thì bảo cho, hỏi hai lần thì là nhảm, nhảm thì không bảo. Hợp với đạo chính thì lợi (thành công).

Giảng : Theo nghĩa của quẻ thì cần là ngưng, Khám là hiếm. Ở trong (nội quái) thì hiếm, mà ở ngoài (ngoại quái) thì ngưng, không tiến được, tỏ ra ý mù mờ, cho nên gọi là Mông.

Xét theo hình tượng thì ở trên có núi (Cán), dưới chân núi có nước sâu (khám), cũng có nghĩa tối tăm (Mông). Cũng có thể giảng là dưới chân núi có suối nước trong, tức như hạng người còn nhỏ (khi thành sông mới là lớn), hạng “đồng mông”, cho nên gọi quẻ này là Mông (mông có nghĩa là non yếu).

Đặc biệt quẻ này chỉ chú trọng vào hào 2 và hào 5. Hào 2 là dương cương, đắc trung làm chủ nội quái, đáng là một vị thầy cương nghị, khải mông (tức mở mang cái tối tăm) cho trẻ. Hào đó ứng với hào 5 âm nhu thuận mà cùng đắc trung, là tượng học trò ngoan. Vậy là thầy trò tương đắc, sự học hành tất có kết quả tốt, cho nên quẻ này có đức hanh thông.

Tư cách của thầy cương, của trò nhu, cho nên thầy không phải cầu trò, mà trò phải cầu thầy. Và khi dạy, trò hỏi một lần thì bảo, nếu hỏi 2, 3 lần thì là nhảm, không bảo. Giữ được đạo chính (hoặc bồi dưỡng chính nghĩa) thì lợi thành công.

Hào từ :

1. 初六: 發蒙, 利用刑人, 用說桎梏, 以往吝.

Sơ lục: phát mông, lợi dụng hình nhân, Dụng thoát chât cốc, dĩ vãng lận.

Dịch: Hào 1, âm: mở mang cái tối tăm (cho hạng người hôn ám) thì nên dùng hình phạt cốt cho họ thoát khỏi gông cùm, nhưng đừng đi quá mức sẽ hối tiếc.

Giảng: Hào âm này vị ở thấp nhất trong quẻ Mông là tượng kẻ hôn ám nhất, phải dùng hình phạt trừng trị mới cởi cái gông cùm (vĩ vật dục) cho họ được; khi có kết quả rồi thì thôi, đừng quá dùng hình phạt mà sẽ ân hận.

Chữ : “dụng hình nhân”, dịch sát là dùng người coi về hình, tức dùng hình phạt.

2. 九二. 包蒙吉. 納婦吉. 子克家.

Cửu nhị: Bao mông cát, nạp phụ cát, tử khắc gia.

Dịch: Hào, dương: Bao dung kẻ mờ tối, dung nạp hạng người nhu ám như đàn bà, tốt; (ở ngôi dưới mà gánh vác việc trên) như người con cai quản được việc nhà.

Giảng: Hào 2 dương, cương cường, nhưng đắc trung cho nên bảo là có đức bao dung; nó làm chủ nội quái, thống trị cả bốn hào âm, cho nên bảo nó dung nạp được các hào âm, tức hạng người nhu ám như đàn bà, nó ở dưới thấp mà lại là hào quan trọng nhất trong quẻ, nên ví nó như người con cai quản được việc nhà. Tóm lại hào này tốt.

Phan Bội Châu giảng ba chữ “tử khắc gia” cách khác: Cụ cho hào 5 ở địa vị tôn trọng quẻ trên (ngoại quái) tức như cha trong nhà, hào 2 ở dưới, tức như con. Cha nhu nhược (vì là âm), con cương cường sáng suốt (vì là dương), cảm hóa được cha mà cha hết hôn ám, như vậy là con chính lý được việc nhà.

Cao Hanh chỉ đứng về phương diện bói, mà không đứng về phương diện đạo lý, không cho Kinh Dịch có ý nghĩa triết lý, xử thế, cho nên hiểu khác hẳn: giảng “nạp phụ” là cưới vợ cho con “tử

khắc gia” là con thành gia thất, đó là cái việc tốt của người làm bếp mắt không có đồng tử (bao mông, theo ông là : bào mông, bào là người làm bếp, mông là mắt không có đồng tử). Đại khái cách hiểu của Cao Hanh như vậy, xin đơn cử làm thí dụ.

3. 六三: 勿用取女見金夫 .

不有躬, 无攸利.

Lục tam: Vật dụng thủ nữ kiến kim phu.

Bất hữu cung, vô du lợi.

Dịch : hào 3, âm: đừng dùng hạng con gái thấy ai có vàng bạc là (theo ngay) không biết thân mình nữa; chẳng có lợi gì cả.

Giảng: Hào 3 là âm nhu (ở trong quẻ Mông, là hôn ám) bất trung, bất chính, cho nên ví với người con gái không có nét, bất trinh, ham của. Mà hạng tiểu nhân thấy lợi quên nghĩa cũng vậy (âm còn có nghĩa là tiểu nhân). Phan Bội Châu cho hào này xấu nhất; hạng người nói trong hào không đáng dùng, không đáng giáo hóa nữa.

4. 六四: 困, 蒙, 啓 .

Lục tứ : Khốn, mông, lận.

Dịch: Hào 4, âm: Bị khốn trong vòng hôn ám, hối tiếc.

Giảng: Quẻ Mông chỉ có hào 2 và 6 là dương cương, có thể cởi mở sự hôn ám được, còn hào 4 kia đều là âm hết. Hào 4 này cũng hôn ám như hào 3, nhưng còn tệ hơn hào 3 vì ở xa hào 2 dương (hào 3 còn được ở gần hào 2 dương), mà chung quanh đều là âm hết (hào 3 và hào 5), như bị nhốt trong vòng hôn ám, tất bị khốn sẽ phải hối tiếc, xấu hổ.

Tiểu tượng truyện giảng: nó phải hối tiếc, xấu hổ vì chỉ một mình nó trong số bốn hào âm là ở xa các hào “thực” tức các hào dương. Hào dương là nét liền, không khuyết ở giữa, nên gọi là “thực” (đặc, đầy) hào âm là vạch đứt, khuyết ở giữa nên gọi là “hư” ; “thực” tượng trưng người có lương tâm “hư” tượng người không có lương tâm.

5. 六五: 童蒙吉 .

Lục ngũ: Đồng mông cát.

Dịch: Hào 5, âm: Bé con, chưa biết gì (nhưng dễ dạy), tốt.

Giảng: hào 5 này là hào âm tốt nhất như chúng tôi đã nói khi giảng Thoán từ của Văn Vương, vì nó có đức nhu (âm) trung (ở giữa ngoại quái), lại ứng với hào 2 cương ở dưới, có thể ví nó với đứa trẻ dễ dạy, biết nghe lời thầy (hào 2).

Phan Bội Châu coi hào này như ông vua (vì ở ngôi cao quý nhất trong quẻ) biết tín nhiệm hiền thần (hào 2).

6. 上九: 撃蒙不利為寇, 利禦寇.

Thượng cửu: Kích mông bất lợi vi khâu, lợi ngự khâu.

Dịch : Hào trên cùng, dương : phép trừ cái ngu tối mà nghiêm khắc quá thì kẻ mình dạy dỗ sẽ phản uất, có thể thành giặc, như vậy không có lợi, ngăn ngừa giặc ở ngoài (tức những vật dục quyền rũ kẻ đó) thì có lợi.

Giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Mông, có nghĩa sự ngu tối tới cùng cực; nó là dương, ở trên cùng, mà bất trung, cho nên tuy có tài mở mang sự ngu tối nhưng quá nghiêm khắc, làm cho kẻ ngu tối phản uất, phản kháng, bất tuân giáo hóa, có thể thành giặc, có hại (chữ “khâu có cả hai nghĩa: giặc, có hại), nên tìm cách ngăn ngừa những vật dục quyền rũ nó thì hơn; mà “cả thầy lân trù đều thuận đạo lý (thượng hạ thuận dã, Tiểu tượng truyện).

Quẻ này nói về cách giáo hóa, cẩn nghiêm (hào 1) nhưng không nên nghiêm khắc quá mà nên ngăn ngừa lỗi của trẻ (hào 6). ॥

5. QUẺ THỦY THIÊN NHU

Trên là Khảm (nước), dưới là Càn (trời)

Đồ hình quẻ *Thủy Thiên Nhu*

Quẻ trên là Mông, nhỏ thơ; nhỏ thơ thì cần được nuôi bằng thức ăn, cho nên quẻ này là Nhu. Chữ Nhu này [需] là chữ nhu trong “nhu yếu phẩm”, những thứ cần thiết, tức thức ăn. Tự quái truyện giảng như vậy.

Nhưng Thoán Tử thì lại giải thích khác: Nhu đây còn có nghĩa nữa là chờ đợi, và theo cái tượng của quẻ thì phải hiểu là chờ đợi.

*

Thoán từ :

需: 有孚, 光亨, 貞吉. 利涉大川 .

Nhu: Hữu phu, quang hanh, trinh, cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Chờ đợi: có lòng thành thực tin tưởng, sáng sửa, hanh thông, giữ vững điều chính thì tốt. “Dù gặp việc hiểm như qua sông cũng sẽ thành công.

Giảng: Nội quái là Càn, cương kiện, muôn tiến lên nhưng gặp ngoại quái là Khảm (hiểm) chặn ở trên, nên phải chờ đợi.

Hào làm chủ trong quẻ này là hào 5 dương, ở vị chí tôn (ở quẻ này nên hiểu là ngôi của trời – theo Thoán truyện) mà lại trung, chính; cho nên có cái tượng thành thực, tin tưởng, sáng sửa, hanh thông; miễn là chịu chờ đợi thì việc hiểm gì cũng vượt được mà thành công.

Đại tượng truyện giải thích cũng đại khái như vậy: dưới là Càn, trời, trên là Khảm, mây (Khảm còn có nghĩa là mây); có cái tượng mây đã bao kín bầu trời, thế nào cũng mưa; cứ “ăn uống yên lạc” (ẩm thực yên lạc) yên vui di dưỡng thể xác và tâm chí mà đợi lúc mưa đổ.

Hào từ:

1. 初九: 需于郊, 利用恒, 无咎.

Sơ cửu: Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu.

Dịch: Hào 1 là dương, cương kiện, sáng suốt mà ở xa ngoại quái là Khảm, tức xa nước, xa chỗ hiểm (cũng như còn ở ngoài thành, không gần sông nước), đừng nóng nảy xông vào chỗ hiểm nạn, cứ chịu chờ đợi thì không có lỗi. Chu Công khuyên như vậy vì hào dương này không đắc trung mà có ý muôn tiến.

2. 九二: 需于沙, 小有言, 終吉 .

Cửu nhị: Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát.

Dịch: Hào 2, dương: Đợi ở bãi cát, tuy có khẩu thiệt một chút, nhưng sau sẽ tốt.

Giảng: Hào này đã gần quẻ Khảm hơn, ví như đã tới bãi cát ở gần sông, chưa tới nỗi sụp hiểm; mà hào lại đắc trung, cho nên tuy là dương cương mà biết khôn khéo, ung dung, không nóng nảy như hào 1, cho nên dù có điều tiếng nho nhỏ, rốt cuộc cũng vẫn tốt.

3. 九三：需于泥。致寇至。

Cửu tam: Nhu vu nê, trí khâu chí.

Dịch: Hào 3, dương : đợi ở chỗ bùn lầy, nhu tự mình vời giặc đến.

Giảng: Hào này đã ở sát quẻ Khảm, tuy chưa sụp xuống nước, nhưng đã ở chỗ bùn lầy rồi; thể của nó là dương cương, vị của nó cũng là dương, mà lại không đắc trung, có cái “tượng rất táo bạo nóng nảy, làm càn, tức như tự nó vời giặc đến, tự gây tai họa cho nó. Nếu nó biết kính cẩn, thận trọng thì chưa đến nỗi nào, vì tai họa vẫn còn ở ngoài (ở ngoại quái) (theo tiểu tượng truyện).

4. 六四：需于血，出自穴。

Lục tứ: Nhu vu huyết, xuất tự huyết.

Dịch: Hào 4, âm: nhu đã chờ đợi ở chỗ lưu huyết mà rồi ra khỏi được.

Giảng: hào này đã bắt đầu vào quẻ Khảm, tức chỗ hiểm (như vào chỗ giết hại), nhưng nhờ nó là âm, nhu thuận lại đắc chính (ở vị âm) , nên tránh được họa.

5. 九五：需于酒食，貞吉。

Cửu ngũ: Nhu vu tửu thực, trinh cát.

Dịch: Hào 5, dương: Chờ đợi ở chỗ ăn uống no say (chỗ yên vui), bèn giữ đức trung chính thì tốt.

Giảng: Hào 5, địa vị tôn quý, mà là dương cương trung chính, cho nên tốt, nhưng muốn hạnh phúc được bền thì phải giữ đức trung chính.

6. 上六：入于穴，有不速之客三人來，敬之，終吉。

Thượng lục: Nhập vu huyết, hữu bất tốc chi khách tam nhân lai, kính chi, chung cát.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Vào chỗ cực hiểm rồi, nhưng có ba người khách thủng thảng tới, biết kính trọng họ thì sau được tốt lành.

Giảng: Hào này ở trên cùng ngoại quái là Khảm, cho nên bảo là chỗ cực hiểm. Nó có hào 3 ở dưới ứng với nó, hào 3 là dương , kéo theo cả hào 1 và 2 cũng là dương, cho nên nói là có 3 người khách sẽ tới; họ không tới ngay được vì họ ở xa hào 6, cho nên nói là họ thủng thảng sẽ tới.

Hào 6 âm, có đức Khiêm, nhu thuận, biết trong và nghe theo ba vị khách đó, cho nên cuối cùng sẽ được họ cứu ra khỏi chỗ hiểm mà được tốt lành.

Tiểu tượng truyện: bàn thêm: Tuy hào 6 không xứng vị (bất đáng vị), nhưng không đến nỗi thất bại lớn.

Chu Hi hiểu chữ “vị” đó , là ngôi chǎn (âm vị) ; hào âm ở âm vị, là “đáng” chứ sao lại “bất đáng”, cho nên ông bảo là :”chưa hiểu rõ” (vị tường).

Phan Bội Châu hiểu chữ “vị” là ngôi cao hay thấp; hào 6 ở trên cùng, tức là ngôi cao nhất, mà là âm nhu, bất tài, cho nên bảo “bất đáng” là phải .

+

Quẻ này chỉ cho ta cách xử thế khi chờ đợi, tùy họa ở gần hay ở xa, cốt nhất là đừng nóng nảy, mà phải giữ trung chính. Chúng ta để ý: hào 5 ở giữa quẻ Khảm, tức giữa cơn nguy hiểm mà Chu Công vẫn cho là tốt chỉ vì hào đó cương mà trung chính, nghĩa là cương một cách vừa phải, sáng suốt, chính đáng.

¶

6. QUẺ THIÊN THỦY TỤNG

Trên là Càn (trời), dưới là Khảm (nước) ngược hẳn với quẻ 5.

Hình quẻ Thiên Thủy Tụng

Tự quái truyện đã cho Nhu là ăn uống, cho nên giảng rằng vì (vấn đề) ăn uống mà người ta sinh ra tranh nhau, rồi kiện nhau, cho nên sau quẻ Nhu là quẻ Tụng (có nghĩa là kiện cáo)

Thoán từ:

訟 . 有孚 , 壹 , 惕 . 中吉 . 終凶 . 利見大人 . 不利涉大川.

Tụng: Hữu phu, trát, dịch. Trung cát, chung hung

Lợi kiện đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Kiện cáo vì mình tin thực mà bị oan ức (trát), sinh ra lo sợ (dịch). Nếu giữ đạo trung (biện bạch được rồi thì thôi) thì tốt lành, nếu kiện cho đến cùng thì xấu. Tim được bậc đại nhân (công minh) mà nghe theo thì chỉ có lợi, nếu không thì như lội qua sông lớn (nguy), không có lợi.

Giảng: Theo tượng quẻ này có thể giảng: người trên (quẻ Càn) là dương cương, áp chế người dưới, mà người dưới (quẻ Khảm) thì âm hiềm, tất sinh ra kiện cáo, hoặc cho cả trùng quái chỉ là một người, trong lòng thì nham hiềm (nội quái là Khảm), mà ngoài thì cương cường (ngoại quái là Càn), tất sinh sự gây ra kiện cáo.

Thoán từ của Chu Công không hiểu hai cách đó mà cho quẻ này là trường hợp một người có lòng tin thực (hữu phu) mà bị oan ức, vu hãm, không có người xét rõ cho, cho nên lo sợ, phải đi kiện. Nếu người đó giữ đạo trung như hào 2 (đắc trung), nghĩa là minh oan được rồi thì thôi, thì sẽ tốt, nếu cứ đeo đuổi cho tới cùng, quyết thắng, không chịu thôi, thì sẽ xấu.

Quẻ khuyên người đó nên đi tìm bậc đại nhân công minh (tức hào 5 – ứng với hào 2, vừa trung, chính, vừa ở ngôi cao), mà nghe lời người đó thì có lợi; nếu không thì là tự mình tìm sự nguy hại, như lội qua sông lớn.

Đại tượng truyện (Hệ từ) đưa ra một cách giảng khác nữa: Càn (trời) có xu hướng đi lên; Khảm (nước) có xu hướng chảy xuống thấp, như vậy là trái ngược nhau, cũng như hai nơi bất đồng đạo, tranh nhau mà sinh ra kiện cáo. Và Đại tượng truyện khuyên người quân tử làm việc gì cũng nên cẩn thận từ lúc đầu để tránh kiện cáo.

Hào từ

1. 初六: 不永所事 , 小有言 , 終吉 .

Sơ lục: Bất vinh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung cát.

Dịch: Hào 1 âm: đừng kéo dài (vụ kiện) làm gì, tuy bị trách một chút, nhưng sau được tốt.

Giảng: Hào 1, âm nhu ở dưới, được hào 4 cương kiện ở trên ứng viện, tức là có chỗ dựa; nhưng đừng nên ỷ thế sinh sự kéo dài vụ kiện; có bị trách một chút thì cũng thôi, kết quả được biện minh, thế là tốt.

2. 九二: 不克訟 , 歸而逋. 其邑人三百戶 , 无眚.

Cửu nhị: Bất khắc tụng, qui nhi bô. Kì áp nhân tam bách hộ, vô sảnh.

Dịch: Hào 2, dương: không nên kiện, lui về mà tránh đi, áp mình chỉ có ba trăm nóc nhà thôi (ý nói địa vị mình thấp, thế mình nhỏ), như vậy thì không bị họa.

Giảng: Trong phần I, chương IV, chúng tôi đã nói: các hào ứng với nhau (1 với 4, 2 với 5, 3 với 6) phải một dương một âm thì mới có “tình” với nhau, mới đứng vào một phe, viện trợ nhau, tức trường hợp hào 1 và hào 4 quẻ này; nếu cả hai cùng là dương hay là âm thì tuy ứng nhau đấy, nhưng có thể kỵ nhau, cũng như hào 2 và hào 5 quẻ này. Hai hào này đều là dương cả, cho nên coi

là địch nhau, đứng vào hai phe ở trong quẻ tụng (kiện cáo).

Hào 2 ở dưới, trung chử không chính, ở giữa nội quái là Khảm (hiểm) lại bị hai hào âm 1 và 3 vây, nên thế yếu, muốn kiện hào 5 (vì 2 có tính dương cương) nhưng thế không địch nổi, vì 5 trung, chính lại ở ngôi cao. Dưới kiện trên khác gì trúng chọi đá, không nên, thà rút lui về, tránh đi còn hơn, như vậy không bị tội lỗi.

Tiểu tượng truyện còn dặn thêm: nếu dưới mà kiện trên, tai họa tới là tự mình vơ lấy đáy: hoạn chí xuyết (cũng đọc là chuyết, là đoát) dã:

Phan Bội Châu giảng hào này, dẫn việc Nguyễn Hoàng muốn kinh với Trịnh Kiểm (sự thực Trịnh Kiểm muốn hại Nguyễn Hoàng, Nguyễn Hoàng sợ), cho người hỏi ý kiến Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Bỉnh Khiêm đáp: “Hoành sơn nhất đá, vạn đại dung thân”, có ý khuyên nên trốn tránh vào Nam cho thoát nạn; đó là ý nghĩa ba chữ “qui nhi bô” trong hào này.

3. 六三：食舊德, 貞厲, 終吉. 或從王事, 无成.

Lục tam: Thực cựu đức, trinh lệ,

Chung cát; hoặc tòng vương sự, vô thành.

Dịch: Hào 3 âm, Cú (yên ổn) hưởng cái đức (ân trạch) cũ của mình (Chu Hi hiểu là giữ cái nếp cũ), ăn ở cho chính đáng mà thường để lòng lo sợ thì kết quả sẽ tốt; nếu phải đi theo làm với người trên (chữ vương ở đây là người trên, không nhất định là vua), thì cũng đừng mong thành công.

Giảng: Hào 3 đã âm nhu lại bất chính (vì hào âm mà ở ngôi dương, ở chông chênh trên cùng quẻ Khảm (hiểm), chung quanh đều là kẻ thích gây sự, kiện cáo (vì hào 2 và 4 đều là dương), cho nên 3 thường phải lo sợ (lệ), nếu hiểu vậy mà biết giữ gìn thì rốt cuộc sẽ yên ổn.

Hào 3 có hào 5 ở trên ứng và có “tình” với mình, 6 là dương cương lại là bè trên (ngôi cao), nên có khi lôi kéo 3 theo nó; trong trường hợp đó, 3 nên an phận thủ thường, cù phục tùng 6, đừng mong thành công (chẳng hạn 6 muốn đứng ra kiện, kéo 3 theo thì 3 chỉ nên giúp 6 lấy lệ thôi, đừng ham lập công).

4. 九四：不克訟, 復即命, 愈, 安貞吉.

Cửu tứ: Bất khắc tụng, phục túc mệnh, du, an trinh cát.

Dịch: Hào 4, dương : không thể kiện cáo được, trở lại theo thiên mệnh (lẽ chính đáng), đổi ý đi, ở yên theo điều chính thì tốt.

Giảng: Hào này dương cương mà bất trung, bất chính, “tượng” một người ham kiện cáo. Nhưng không thể kiện ai được: kiện 5 thì 5 ở trên mình, ngôi tôn, không dám kiện; kiện 3 thì 3 nhu thuận, chịu thua trước rồi; kiện 2 thì 2 vừa cương, chính, trung, sáng suốt, đã tiên liệu rồi, không chịu kiện; còn 1 thì đã về phe với 4. Đành phải bỏ ý ham kiện đi, theo lẽ phải, ở yên, giữ điều chính, như vậy thì tốt.

5. 九五：訟, 元吉 .

Cửu ngũ: Tụng, nguyên cát.

Dịch: Hào 5 dương : xử kiện hay đi kiện, đều rất tốt.

Giảng : Hào 5 này ở ngôi chí tôn, cương mà minh, trung và chính. Nếu là người xử kiện thì là bậc có đức, có tài (như Bao Công); nếu là người đi kiện thì gặp được quan tòa có đức, có tài. Không gì tốt bằng.

6. 上九：或錫之鞶帶, 終朝, 三褫之.

Thượng cửu: hoặc tích chi bàn đá, chung triêu, tam sỉ chi.

Dịch: hào trên cùng, dương : (kiện) may mà được cái đai lớn (của quan chức) thì trong một buổi

sáng sẽ bị cướp ba lần.

Giảng: Hào dương này ở trên cùng quẻ Tụng là kẻ rất thích kiện, kiện tới cùng. Nó ở ngôi 6 là bất chính, cho nên dù có may ra được kiện, thì chẳng bao lâu cũng sẽ mất hết, rốt cuộc vẫn không lợi.

* Quẻ tụng này ý nghĩa các hào rất nhất trí, sáng sủa.

Trước sau chỉ là răn người ta đừng ham tranh nhau kiện cáo: hào 3 không kiện với ai, tốt; hào 2 muốn kiện mà sau thôi không kiện, cũng tốt; hào 1 bị kiện thì nên nhường nhịn một chút, rốt cuộc sẽ tốt, duy có hào 6 bằng kiện tới cùng thì dù có thắng, cũng hóa xấu.

Còn hào 5 diễn cái ý: có một Tòa án công minh thì phục cho dân biết bao.

¶

7. QUẺ ĐỊA THỦY SƯ

Hình quẻ Địa Thủy Sư

Kiện tụng là tranh nhau, tranh nhau thì lập phe, có đám đông nổi lên; cho nên sau quẻ Tụng tới quẻ Sư, Sư là đám đông, cũng có nghĩa là quân đội.

Thoán từ:

師: 貞, 丈人吉, 无咎 .

Sư : Trinh, trượng nhân cát, vô cữu.

Dịch: quân đội mà chính đáng (có thể hiểu là bên chí), có người chỉ huy lão thành thì tốt, không lỗi.

(Có sách hảo hai chữ “trượng [丈] nhân” chính là “đại [大] nhân) người tài đức)

Giảng: Trên là Khôn, dưới là Khảm mà sao lại có nghĩa là đám đông, là quân đội ? có 4 cách giảng:

– Đại tượng truyền bảo Khôn là đất, Khảm là nước, ở giữa đất có nước tụ lại, tượng là quần chúng nhóm họp thành đám đông.

– Chu Hi bảo ở dưới, Khảm là hiểm; ở trên, Khôn là thuận; người xưa gởi binh ở trong việc nông (thời bình là nông dân, nhưng vẫn tập tành võ bị, thời loạn thì thành lính), như vậy là giàu cái hiểm (võ bị) trong cái thuận (việc nông).

– Chu Hi còn giảng cách nữa: hào 2 là dương, nằm ở giữa nội quái là tượng ông tướng, 5 hào kia là âm nhu, mềm mại, giao quyền cho 2 điều khiển quân lính (4 hào kia).

Thoán truyền giảng: xuất quân là việc nguy hiểm (quẻ Khảm), độc hại, nhưng nếu xuất quân vì chính nghĩa (trinh chính), để trừ bạo an dân thì dân sẽ theo (Khôn: thuận), sẽ giúp đỡ mình, mình sai khiến được, thì sẽ tốt, lập được nghiệp vương thống trị thiên hạ, không có tội lỗi.

Hào từ

1. 初六: 師, 出以律, 否臧, 凶 .

Sơ lục: sư, xuất dĩ luật, phủ tàng, hung

Dịch: Hào 1, âm: Ra quân thì phải có kỷ luật, không khéo (chữ phủ tàng nghĩa là bất thiện) thi xấu.

Giảng: Đây là bước đầu ra quân, phải cẩn thận, có kỷ luật nghiêm nhưng khéo để khỏi mất lòng dân, quân.

2. 九二: 在師, 中, 吉, 无咎, 王三錫命 .

Cửu nhị: Tại sư, trung, cát, vô cữu, vương tam tích mệnh.

Dịch: Hào 2 dương: Trong quân, có đức trung thì tốt, không tội lỗi, được vua ba lần ban thưởng.
Giảng: Hào này là hào dương độc nhất trong quẻ, thống lĩnh quân âm. Nó đắc cương, đắc trung, lại được hào 5, âm ở trên ứng thuận với nó, như một vị nguyên thủ giao toàn quyền cho một vị tướng. Nhờ nó đắc trung; nên tốt, không bị tội lỗi, mà được nhiều lần ban thưởng (có người giảng là được nhiều lần vua trao lệnh cho).

3. 六三: 師, 或 輿 戸, 凶 .

Lục tam: Sư, hoặc dư thi, hung.

Dịch: Hào 3, âm: bất chính (vì hào âm ở ngôi dương) lại bất trung, xấu, thất trận, có thể phải chở xác chết về .

4. 六四: 師, 左 次, 无 爻 .

Lục tứ: Sư, tả thứ, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: Ra quân rồi mà lui về đóng (thứ) ở phía sau (tả) không có lỗi.

Giảng: hào này tuy bất trung nhưng đắc chính, không có tài (hào âm) nhưng biết liệu sức mình, hãy tạm lui, không tiến để khỏi hao quân, đó là phép thường hẽ gấp địch mạnh thì tránh đi, cho nên không bị lỗi.

5. 六五: 田 有 禽. 利 執 言. 无 爻. 長 子 帥 師. 弟 子 輿 戸. 貞 凶 .

Lục ngũ: Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn, vô cữu.

Trưởng tử xuất sư, đệ tử dư thi, trinh hung.

Dịch: Hào 5 âm: Như đồng cỏ muông thú (về phá), bắt chúng (chữ ngôn [禽] ở đây, dùng như chữ chi [之], thay chữ cầm [禽]) thì lợi.

(dùng) người lão thành làm tướng súy để cầm quân, nếu dùng bọn trẻ (tài kém) thì phải chở thây mà về, và dù danh nghĩa chính đáng (trinh) kết quả vẫn xấu.

Giảng: Hào 5 này, âm, ở vị chí tôn, tượng ông vua ôn nhu và thuận đạo trung, không gây chiến, vì quân địch lẩn cõi (như muông thú ở rừng về phá đồng) nên phải đánh đuổi đi, bắt chúng mà không có lỗi.

Ông vua áy giao quyền cầm quân cho vị lão thành (hào 2 ở dưới) là người xứng đáng, nếu giao cho bạn trẻ bất tài (như hào 3) hoặc để chúng tham gia vào thì sẽ thất bại, dù chiến tranh có chính nghĩa, cũng phải chở xác về, mang nhục.

6. 上六: 大 君 有 命. 開 國 承 家, 小 人 勿 用 .

Thượng lục: đại quân hữu mệnh.

Khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng.

Dịch Hào trên cùng, âm: (Sau khi khai hoàn) vua ra lệnh gì quan hệ đến việc mở nước trị nhà thì dùng dùng kẻ tiểu nhân (dù họ có công chiến đấu).

Giảng: Hào này ở trên cùng, trả lúc thành công, vua luận công mà khen thưởng. Kẻ tiểu nhân tuy có tài chiến đấu, lập được công thì cũng chỉ thưởng tiền bạc thôi, không nên phong đất cho để cai trị, giao cho địa vị trọng yếu trong nước, vì công việc kiến thiết quốc gia phải người có tài, đức mới gánh nổi.

*

- Quẻ sư này rất hay, lời gọn, ý đủ và đúng. Chúng ta nên nhớ:

- Bất đắc dĩ mới phải ra quân, ra quân phải có chính nghĩa.

- Dùng tướng phải xứng đáng (như hào 2), dùng để cho kẻ bất tài (như hào 3) tham gia.

- Phải cẩn thận từ lúc đầu, kỷ luật nghiêm minh, nhưng phải khéo để khỏi mất lòng dân quân.
- Nếu gặp kẻ địch đương ở thế mạnh thì hãy tạm tránh, không sao.
- Khi thành công rồi, luận công ban thưởng thì kẻ tiêu nhẫn có công chỉ nên thưởng họ tiền bạc, đừng giao cho họ trọng trách; trọng trách phải về những người tài đức như vậy nước mới thịnh được.

Chỉ dùng hai nét liền, đứt mà suy diễn được như vậy, tài thật. ॥

8. QUẾ THỦY ĐỊA TỈ

Trên là Khảm (nước), dưới là Khôn (đất)
(đồ hình ::::|:)

Hình quẻ Thủy Địa Tỷ

Sư là đám đông, trong đám đông người ta gần gũi nhau, liên lạc với nhau, cho nên sau quẻ Sư là quẻ Tỉ (tỉ là gần gũi, liên lạc).

Chúng ta để ý: quẻ này Khảm trên, Khôn dưới, ngược hẳn với quẻ trước Khôn trên, khảm dưới.

Thoán từ:

比吉 . 原筮 , 元永貞 , 无咎 . 不寧方來 , 後夫凶 .

Tỉ cát. Nguyên phệ, nguyên vĩnh trinh, vô cữu.

Bất ninh phuơng lai, hậu phu hung.

Dịch: Gần gũi thì tốt. Bói lần thứ nhì mà được như lần đầu (nguyên phệ) rất tốt, lâu dài, chính thì không có lỗi.

Kẻ nào ở chỗ chưa yên (hoặc gặp trắc trở) sẽ lại với mình (hoặc mình nêu vời lại) 1 kẻ nào tới sau (trễ) thì xấu.

Giảng: Quẻ này là trên đất có nước, nước thâm xuống đất, đất hút lấy nước, cho nên có nghĩa là gần gũi, thân thiết, giúp đỡ nhau.

Lại thêm một hào dương cương, trung chính (hào 5) thống lĩnh năm hào âm, có cái tượng ông vua (hay người trên) được toàn thể dân (hay người dưới) tin cậy, qui phục do lẽ đó mà gọi là “tỉ”.

Nhưng hào 5 đó ở địa vị chí tôn nên phải thận trọng, tự xét mình kỹ càng (nguyên phệ) mà thấy có đủ những đức nguyên, vĩnh, trinh thì mới thật không có lỗi.

“Bất ninh phuơng lai”, Chu Hi giảng là trên dưới ứng hợp với nhau, chắc là muốn nói hào 5 (trên) và hào 2 (dưới), một dương một âm. Còn ba chữ “hậu phu hung” thì không sách nào cho biết là ám chỉ hào nào, có lẽ là hào trên cùng chăng?

Hào từ:

1. 初六 : 有孚比之 , 无咎 . 有孚盈缶 , 終來有他吉 .

Sơ lục: Hữu phu, tỉ chi, vô cữu.

Hữu phu doanh phẫu, chung lai hữu tha cát.

Dịch: Hào 1, âm: (Mới đầu) có lòng thành tín mà gần gũi nhau thì không có lỗi. Nếu lòng thành tín nhiều như đây một cái ảng thì có thêm điều tốt khác nữa.

2. 六二 : 比之自內 , 貞吉 .

Lục nhị: tỉ chi tự nội, trinh cát.

Dịch: Hào 2, âm: Tự trong mà gần gũi với ngoài, chính đáng thì tốt.

Giảng: hào này âm nhu, đặc trung và chính, ở nội quái, ứng hợp với hào 5 dương cương cũng đặc

trung và chính ở ngoại quái, cho nên nói là tự trong mà gần gũi với ngoài. Hai bên thân nhau vì đạo đồng chí hợp (cùng trung, chính cả), chứ không phải vì 2 làm thân với bè trên để cầu phú quý, như vậy là chính đáng, không thất thân, nên tốt.

3. 六三 : 比之匪人 .

Lục tam: Tỉ chi phi nhân

Dịch: Hào 3 âm: Gần gũi người không xứng đáng.

Giảng: Hào này âm nhu, không trung không chính, chung quanh lại toàn là âm nhu, cho nên ví với người xấu, không xứng đáng.

4. 六四 : 外比之, 貞吉 .

Lục tứ: Ngoại tỉ chi, trinh cát.

Dịch: Hào 4, âm: Gần gũi với bên ngoài (hào 5) giữ đạo chính thì tốt.

Giảng: hào âm ở ngôi 4 đắc chính, tốt hơn hào 3; lại ở gần hào 5, như vậy là thân với người hiền (5 trung và chính) và phục tòng bè trên, cho nên tốt.

5. 九五 : 顯比, 王用三驅

Cửu ngũ: Hiển tỉ, vương dụng tam khu

Giảng: hào này ở ngôi chí tôn, dương cương mà trung chính, cho nên cả 5 hào âm (cả thiên hạ) đều phục tòng; đạo gần gũi như vậy, là rất quang minh. Ai tòng phục vua thì cùi cõi, không tùng phục mà chống lại thì cùi rút lui, không ép ai cả; để cho mọi người tự do lui, cũng như đi săn, không bao vây cả bốn mặt mà chừa một mặt cho cầm thú thoát ra. Do đó người chung quanh được cảm hóa, không phải răn đe mà họ cũng giữ được đạo trung chính như vua.

6. 上六 : 比之无首, 凶 .

Thượng lục: tỉ chi vô thủ, hung.

Dịch: Hào trên cùng, âm: không có đầu mối để gần gũi, xấu.

Giảng: Hào âm này ở trên cùng bất trung, không sao gần gũi với những hào âm dưới được, thế là không có đầu mối, là vô thủy (thủ ở đây có nghĩa là thủy) mà vô thủy thì vô chung, cho nên xấu.
*

Quẻ này nói về phép nhóm bạn tìm thầy. Phải cẩn thận từ lúc đầu, thành tín, trung chính, vì đạo chứ không vì lợi. Và phải để cho tự do, không nên ép buộc.

□

9. QUẺ PHONG THIÊN TIỀU SÚC

Trên là Tốn (gió) dưới là Càn (trời)

Đồ hình quẻ Phong Thiên Tiêu Súc

Tự quái truyền bảo đã nhóm họp, gần vui với nhau (tỉ) thì phải có chở nuôi nhau, cho nên sau quẻ

Tỉ tới quẻ Tiêu súc [小畜]

Chữ súc này có nghĩa là nuôi (như mục súc); lại có nghĩa là chứa, dùng như chữ súc tích (chứa chất), và nghĩa: ngăn lại, kiềm chế.

Thoán từ

小畜 . 亨 . 密雲不雨 . 自我西郊 .

Tiêu súc: Hanh: Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao.

Dịch: Ngăn cản nhỏ (hoặc chừa nhỏ vì chừa cũng hàm cái nghĩa ngăn, bao lại, gom lại) hanh thông. Mây kít (chưa tan) mà không mưa ở cõi tây của ta.

Giảng: Có ba cách giảng theo tượng của quẻ:

- Quẻ Càn (cương kiện) ở dưới quẻ Tốn (nhu thuận) có nghĩa là âm (Tốn) ngăn cản được dương (Càn), nhỏ ngăn cản được lớn.
- *Hoặc*: Gió (Tốn) bay trên trời (Càn) còn xa mặt đất, sức ngăn cản của nó còn nhỏ, cho nên gọi là Tiêu súc.
- Xét các hào thì hào 4 là âm nhu đắc vị; hào này quan trọng nhất trong quẻ (do luật: chúng dĩ quả vi chủ) ngăn cản được 5 hào dương, bắt phải nghe theo nó, cho nên gọi là Tiêu súc (nhỏ ngăn được lớn).

Ngăn được hào 2 và hào 5 đều dương cương thì việc chắc sẽ hanh thông. Nhưng vì nó nhỏ mà sức ngăn cản nhỏ, nên chưa phát triển hết được, như đám mây đóng kít ở phương Tây mà chưa tan, chưa mưa được. Theo Phan bộ Châu, chữ “ngã” (ta) ở đây trả Tốn, mà Tốn là âm, thuộc về phương Tây. Nhưng theo Hậu Thiên bát quái thì tốn là Đông Nam.

Chu Hi cho rằng chữ “ngã” đó là Văn Vương tự xưng. Khi viết thoán từ này, Văn Vương ở trong ngực Dữu Lý, mà “cõi tây của ta” tức cõi Kỳ Châu, ở phương Tây của Văn Vương.

Đại Tượng truyền khuyên người quân tử ở trong hoàn cảnh quẻ này (sức còn nhỏ) nên trau dồi, tài văn chương (ý văn đức) chẳng hạn viết lách, chứ đừng hoạt động chính trị.

Hào từ

1. 初九: 復自道, 何其咎? 吉 .

Cửu cửu: Phục tự đạo, hà kỳ cửu? Cát.

Dịch: Hào 1, dương : trả về đạo lý của mình, có lỗi gì đâu? Tốt.

Giảng: hào này là dương cương lại ở trong nội quái Càn, có tài, có chí tiến lên, nhưng vì ở trong quẻ Tiêu Súc, nên bị hào 4, ứng với nó ngăn cản. Nó đành phải quay trở lại, không tiến nữa, hợp với đạo tùy thời, như vậy không có lỗi gì cả.

2. 九二: 牽復, 吉 .

Cửu nhị: khiên phục, cát.

Dịch: Hào 2, dương . Dắt nhau trở lại đạo lý thì tốt.

Giảng: hào này với hào 5 là bạn đồng chí hướng: cùng dương cương, cùng đắc trung, cùng muôn tiến cả, nhưng cùng bị hào 4 âm ngăn cản, nên cùng dắt nhau trở lại cái đạo trung, không để mất cái đức của mình.

3. 九三: 輿說輻, 夫妻反目 .

Cửu tam: Dư thoát bức, phu thê phản mục.

Dịch: Hào 3, dương : Xe rót mắt trực; vợ chồng hục hặc với nhau.

Giảng: Hào 3 quá cương (vì thể vị đều là dương) mà bất trung, hăng tiến lên lầm, nhưng bị hào 4 ở trên ngăn chặn, nên tiến không được, như chiếc xe rót mắt trực. Hào này ở sát hào 4, dương ở sát âm, mà không phải là ứng của hào 4, như một cặp vợ chồng hục hặc với nhau. Lỗi ở hào 3 vì không biết tùy thời, không nhớ mình ở trong thời Tiêu súc mà nhịn vợ.

4. 六四: 有孚, 血去, 惕出 . 无咎 .

Lục tứ: hữu phu, huyết khứ, dịch xuất, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: nhờ có lòng chí thành, nên thương tích được lành, hết lo sợ, mà không có lỗi.
Giảng: hào này là âm, nhu thuận mà đối với các hào dương thì khó tránh được xung đột, có thể lưu huyết và lo sợ, nhưng nó đắc chính (âm ở ngoài âm), ở gần hào 5 là thân với bậc chí tôn, lại ở vào thời Tiêu súc, có hào 1 ứng hợp với nó, hào 2 cùng giúp nó, nên nó tránh được lưu huyết, lo sợ, không có lỗi.

Tiểu tượng truyện giảng: hết lo sợ, nhờ hào trên (hào 5) giúp đỡ nó.

5. 九五: 有孚, 機如. 富以其鄰.

Cửu ngũ: Hữu phu, luyên như, phú dĩ kỳ lân.

Dịch: Hào 5, dương. Có lòng thành tín, ràng buộc dắt dìu (cả bầy hào dương), nhiều tài đức, cảm hóa được láng giềng.

Giảng: hào này ở ngôi chí tôn, có uy tín, làm lãnh tụ các hào dương khác; nó trung chính, tức có lòng thành tín, kéo các hào dương kia theo nó, mà giúp đỡ hào âm 4 ở cạnh nó, ảnh hưởng tới 4, sai khiến được 4, khiến cho 4 làm được nhiệm vụ ở thời Tiêu súc.

Chữ [機] có người đọc là luyên và giảng là có lòng quyến luyên.

6. 上九: 既雨, 既處, 尚德載. 婦貞厲. 月幾望, 君子征凶.

Thượng cửu: Ký vũ, ký xử, thượng đức tái.

Phụ trinh lệ. Nguyệt cơ vọng, quân tử chinh hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Đã mưa rồi, yên rồi, đức nhu tôn của 4 đã đầy (ngăn được đàn ông rồi), vợ mà cứ một mực (trinh) ngăn hoài chồng thì nguy (lệ) đầy. Trăng sắp đến đêm rằm (cực thịnh), người quân tử (không thận trọng, phòng bị) vội tiến hành thì xấu.

Giảng: Đây đã tới bước cuối cùng của quẻ tốn mà cũng là bước cuối cùng của quẻ Tiêu súc. Hào 4 đã thành công đến cực điểm, các hào dương hòa hợp với nó cả rồi, như đám mây kít đã trút nước, mọi sự đã yên. Tới đó, hãy nên ngưng đi, cứ một mực ngăn chặn các hào dương thì sẽ bị họa đầy. Mà các hào dương (quân tử) cũng nên lo đề phòng trước đi vì sắp tới lúc âm cực thịnh (trăng rằm) rồi đầy. Âm có nghĩa là tiêu nhán.

*

Đọc quẻ Tiêu súc này chúng tôi nhớ tới Võ Hậu đời Đường và Từ Hi Thái Hậu đời Thanh. Họ như hào 4, thông minh, có tài, mới đầu nhu thuận, nhờ ở gần vua (hào 5), được vua sủng ái, che chở, lại lấy được lòng người dưới (hào 1, hào 2), gây phe đảng rồi lèn lèn “thống lĩnh quần dương”, cả triều đình phải phục tòng họ. Tới khi họ thịnh cực, sắp suy, bọn đại thần có khí tiết, mưu trí mới họp nhau lật họ. Ngoài đời không đúng hẳn như trong quẻ, nhưng cũng không khác mấy.

Ở các thời đó, chắc nhiều nhà Nho Trung Hoa đọc lại quẻ này.

||

10. QUẺ THIÊN TRẠCH LÝ

Trên là Càn (trời), dưới là Đoài (chăm)

Đồ hình quẻ Thiên Trạch Lý

Đầu quẻ Tiêu Súc đã nói súc còn có nghĩa là chúa, nhóm (như súc tích)

Tự quái truyện dùng nghĩa đó mà giảng: khi đã nhóm họp nhau thì phải có trật tự, có trên có dưới, không thể hỗn tạp được, nghĩa là phải có lề. Sống trong xã hội phải theo lề, dẫm lên cái lề, không chêch ra ngoài (chúng ta thường nói dẫm lên đầu chân của một người để diễn cái ý theo đúng

đường lối người áy); mà dẫm lên, chữ Hán gọi là 𩫑, do đó sau quẻ Tiêu súc, tới quẻ Lí. Cách giải thích đó có phần nào gượng ép.

Thoán từ:

履虎尾, 不咥人, 亨 .

Lí hô vĩ, bất diệt nhân, hanh.

Dịch: Dẫm lên đuôi cọp, mà cọp không cắn, hanh thông.

Giảng: Trên là dương cương, là Càn, là trời: dưới là âm nhu, là Đoài, là chǎm, vậy là trên dưới phân minh lại hợp lẽ âm dương túc là lẽ, là lý. Có tính âm nhu, vui vẻ đi theo sau dương cương thì dù người đi trước mình dũng như cọp, cũng tỏ ra hiền từ với mình, cho nên bảo rằng dẫm lên đuôi cọp mà cọp không cắn. Ba chữ “lý hô vĩ” chính nghĩa là dẫm lên đuôi cọp, chỉ nên hiểu là đi theo sau cọp, lấy sự nhu thuận, vui vẻ mà ứng phó với sự cương cường.

Thoán truyện bàn thêm: Hào 5 quẻ này là dương mà trung, chính, xứng với ngôi chí tôn, chẳng có tệ bệnh gì cả mà lại được quang minh.

Đại tượng truyện: bảo trên dưới phân minh (có tài đức ở trên, kém tài đức ở dưới) như vậy lòng dân mới không hoang mang (định dân chí) không có sự tranh giành.

Hào từ:

1. 初九: 素履, 往, 无咎 .

Cửu cửu: tố lý, vãng, vô cửu.

Dịch: hào 1, dương : giữ bản chất trong trắng mà ra với đời thì không có lỗi.

Giảng: hào 1 này như người mới ra đời, còn giữ được bản chất trong trắng (ý nghĩa của chữ tố) chưa nhiễm thói đời, vì là hào dương, quân tử, có chí nguyên, cứ giữ chí nguyên mình thì không có lỗi.

2. 九二: 履道坦坦, 幽人貞吉 .

Cửu nhị: Lý đạo thản thản, u nhân trinh cát.

Dịch: Hào 2, dương: như đi trên đường băng phẳng, cứ một mình giữ vững đường chính thì tốt.

Giảng: Hào 2, dương : như đi trên đường băng phẳng, cứ một mình giữ vững đường chính thì tốt.

Giảng: Hào dương này đắc trung, vẫn là hiền nhân, quân tử, bình thản giữ đạo trung không để cho lòng rối loạn thì tốt.

Tuy có hào 5 ở trên ứng với , nhưng 5 cũng là dương, không hợp, (phải một dương một âm mới tìm nhau, hợp nhau, viện nhau) cho nên bảo hào này là cô độc.

Chúng ta để ý: quẻ Càn, hào 2 và hào 5 cũng đều là dương cả, mà Hào từ bảo 2 và 5 nên tìm nhau mà làm việc; còn quẻ Lí này thì không , như vậy là phải tùy theo ý nghĩa của quẻ (tùy thời) mà giảng.

3. 六三: 眇, 能視; 跛, 能履. 履虎尾, 噬人, 凶. 武人為于大君 .

Lục tam: Miễn, nǎng thị; bả, nǎng lý.

Lý hô vĩ, diệt nhân, hung. Võ nhân vi vu đại quân.

Dịch: Hào 3, âm: chộp (mà tự phụ là) thấy tỏ, thợ (mà tự phụ là) đi nhanh, như vậy thì nguy như dẫm lên đuôi cọp mà bị nó cắn. Đó là kẻ vũ phu mà đời làm việc của một ông vua lớn.

Giảng: Hào này âm nhu mà ở ngôi dương cương, bất chính, bất trung, trên dưới đều là hào dương cả, không lượng tài minh kém (âm) mà đua đời theo các hào dương, không khác người thợ tự khoe là đi nhanh; đó là hạng vũ phu mà đời làm một ông vua lớn, sẽ gặp họa, như dẫm lên đuôi cọp, bị cọp cắn.

4. 九四: 履虎尾. 憇愇終吉.

Cửu tú: Lí hô vĩ, sách sách (hoặc sóc sóc) chung cát.

Dịch: Hào 4, dương: Dẫm lên đuôi cọp, nhưng biết sợ hãi, nên quẻ sẽ tốt.

Giảng: Hào này, dương mà ở vị âm, cũng bất trung, bất chính như hào 3, cũng ở sau một hào dương cương, cũng như dẫm lên đuôi cọp, nhưng hào 3 hung, hào 4 cát, chỉ do lẽ: 3 bản chất nhu, tài kếm, u mê mà ở vị dương, chí hăng; còn 4 bản chất cương, có tài, sáng suốt mà ở vị âm, biết sợ hãi, thận trọng.

5. 九五: 夬履貞厲.

Cửu ngũ: Quyết lý, trinh lệ.

Dịch: Hào 5, dương: Quyết tâm hành động quá thì tuy chính đáng cũng có thể nguy.

Giảng: Hào 5 đắc chính, đắc trung, rất tốt, nhưng ở địa vị chí tôn trong quẻ Lý (nói về cách ở đời) thì e có lòng cương quyết quá mà tự thị, ý thế, mà hóa nguy.

6. 上九: 視履, 考祥. 其旋, 元吉.

Thượng cửu: Thị lý, khảo tường, kỳ toàn, nguyên cát.

Dịch: Hào trên cùng, dương, xem cách ăn ở trong đời người, cho nên Hào từ diễn ý nghĩa của toàn quẻ chứ không diễn ý nghĩa của riêng hào cuối. Cũng là một lệ ngoại như hào cuối cùng quẻ Tiêu súc.

Quẻ này tên là Lí có nghĩa là lễ, là dẫm lên, nhưng cả 6 hào đều nói về cách ăn ở trong suốt đời người: mới ra đời thì phải giữ tính chất phác trong trắng, rồi sau giữ vững đường chính (hào 2); biết sức mình, đừng tự phụ (hào 3) để tránh nguy, biết thận trọng, sợ hãi thì tốt (hào 4), và ở địa vị cao nhất, đừng ý thế mà cương quyết quá (hào 5), cách ăn ở được như vậy cho tới cuối đời thì tốt không gì bằng.

Chúng ta để ý: Quẻ này cũng chỉ có một hào âm mà không có nghĩa thống lĩnh quần dương như quẻ tiêu súc. Như vậy là biến dịch.

||

11. QUẺ ĐỊA THIÊN THÁI

Trên là Khôn (đất), dưới là Càn (trời)

Đồ hình quẻ 11 Địa Thiên Thái

Lý là lễ, có trật tự trên dưới phân minh, như vậy thì yên ổn, Lý cũng có nghĩa là dẫm, là giày (dép) đi giày thì được yên ổn; vì vậy sau quẻ Lý, tiếp tới quẻ Thái. Thái nghĩa là yêu thích, thông thuận.

Thoán từ

泰: 小往大來, 吉, 亨.

Thái: Tiêu văn đại lai, cát, hanh.

Dịch: Thái là cái nhỏ (âm), đi, cái lớn (dương) lại, tốt, hanh thông.

Giảng: Trong quẻ Lí, Càn là trời, cương, Đoài là chầm, nhu; trên dưới phân minh, hợp lẽ âm dương, tốt.

Trong quẻ Thái này, Càn không nêu hiếu là trời, vì nếu hiếu như vậy thì trời ở dưới đất, không còn trên dưới phân minh nữa, xấu. Nên hiếu Càn là khí dương, Khôn là khí âm “khí dương ở dưới có tính cách thăng mà giao tiếp với âm, khí âm ở trên có tính cách giao tiếp với khí dương”, hai khí giao hòa, mà mọi vật được yên ổn, thỏa thích.

Một cách giảng nữa. Theo Phan Bội Châu (sách đã dẫn) thì:

Nguyên Thuần âm là quẻ Khôn, là âm thịnh chi cực, cực thì phải tiêu, nhân đó một nét dương thay vào dưới, hào 1 của Khôn thành ra quẻ Phục, Phục là một dương mới sinh.

Dương sinh đến hào thứ hai thì thành quẻ Lâm [臨], thế là dương đã lớn thêm lần lần. Khí dương sinh đến hào thứ 3 thì thành quẻ Thái, trên là Khôn, dưới là Càn.

Khôn là âm nhu, là tiểu nhân; Càn là quân tử. Quẻ Thái là tượng đạo tiểu nhân dương tiêu mòn, đạo quân tử dương lớn mạnh, hai bên ngang nhau cho nên gọi là Thái.

Thoán từ bàn thêm: “Thái là lúc cái nhỏ đi, cái lớn trở lại (. . .) là trời đất giao cảm mà muôn vật thông, trên dưới giao cảm mà chí hướng như nhau. Trong (nội quái) là dương, ngoài (ngoại quái) là âm, trong mạnh mà ngoài thuận, trong quân tử mà ngoài tiểu nhân, đạo quân tử thì lớn lên, mà đạo tiểu nhân thì tiêu lần.

Hào từ:

1. 初九：拔茅茹。以其彙。征吉。

Sơ cửu: bạt mao nhụ, dĩ kỳ vị, chinh cát.

Dịch: Hào 1, dương : Nhỏ rẽ cỏ mao mà được cả đám, tiến lên thì tốt.

Giảng: Hào nay là người có tài, còn ở vị thấp, nhưng cặp với hào hai trên, như có nhóm đồng chí dắt díu nhau tiến lên, để gánh việc thiên hạ, cho nên việc làm dễ có kết quả như nhỏ rẽ cỏ mao, nhỏ một cọng mà được cả đám.

2. 九二：包荒，用馮河，不遐遺。朋亡，得尚于中行。

Cửu nhị : Bao hoang, dụng bằng hà, bất hà di,

Bằng vong, đắc thượng vu trung hành.

Dịch: Bao dung sự hoang phế (những tệ hại cũ), dùng cách cương quyết mạo hiểm như lội qua sông, không bỏ sót những việc (hoặc người) ở xa, không nghĩ đến bè đảng, mà phải hợp với đạo trung.

Giảng: Hào dương, đắc trung, đồng chí đãi đồng (hào 1 và 3) lại ứng hợp với hào 5 âm, cũng đắc trung, tức với vị nguyên thủ tin cậy, nghe theo mình, vậy là có tài lớn mà hoàn cảnh rất thuận lợi; nhưng cần có những đức này nữa:

- Có độ lượng, bao dung một số tệ hại cũ còn lại, đừng mong trừ tiệt ngay trong buổi đầu.
- Có đức cương quyết mạo hiểm như người có gan lội qua sông, như luận hgsu nói: bạo hổ bẳng hà.
- Tính trước những việc xa xôi sẽ xảy tới (có người hiểu là đừng bỏ sót những người ở xa).
- Đừng có tinh thần đảng phái mà có hại cho đại nghĩa.

Cần nhất là giữ đạo trung của hào 2, việc gì cũng vừa phải thôi, chẳng hạn bao dung quá hay mạo hiểm quá đều là hại cả.

3. 九三：无平不陂，无往不復。艱貞无咎，勿恤，其孚，于食有福。

Cửu tam: Vô hình bất bí, vô vãng bất phục.

Gian trinh vô cửu, vật tuất, kỳ phu, vu thực hữu phúc.

Dịch: Hào 3, dương: không có cái gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại, trong cảnh gian nan mà giữ được chính đáng thì không lỗi. Đừng lo phiền, cứ tin ở điều chính thì được hưởng phúc.

4. 六四：翩翩，不富，以其鄰，不戒以孚。

Lục tứ: Phiên phiên, bất phú, dĩ kỳ lân, bất giới dĩ phu.

Dịch: Hào 4, âm : Dập dìu (hoặc hờn hở) với nhau, không giàu mà thành một xóm, chǎng ước hẹn mà cung tin nhau.

Giảng: đây đã qua nửa quê Thái, dương suy, bày âm (ba hào âm) tức bọn tiểu nhân kết hợp với nhau, tuy chúng không “giàu”, không có tài đức (âm có nghĩa là hư, trái với thực – dương – cho nên bảo là không giàu) nhưng cũng thành một xóm đồng, đồng tâm với nhau chǎng ước hẹn mà cung tin nhau, vì cùng sắn lòng gian tà cả.

5. 六五：帝乙歸妹。以祉，元吉。

Lục ngũ: Đế Át qui muội, dĩ chỉ, nguyên cát.

Dịch: Như vua đế Át (đời Thương) cho em gái về nhà chồng, có phúc, rất tốt.

Giảng: Hào âm này đắc trung, tuy ở địa vị chí tôn mà khiêm nhu, lại ứng hợp với hào 2, dương ở dưới, như em gái vua Đế Át, chịu làm vợ một người hiền trong giới bình dân, sẽ được hưởng phúc.

6. 上六：城復于隍，勿用師，自邑告命，貞吝。

Thượng lục: Thành phục vụ hoàng, vật dụng sư,

Tự áp cáo mệnh, trinh lận.

Dịch: Hào trên cùng, âm: thành đổ sụp xuống, lại chỉ là đồng đất. Đừng dùng quân nữa, bất quá mệnh lệnh chỉ ban ra được trong áp mình thôi. Dù hành động của mình chính đáng nhưng vẫn thất bại mà xấu hổ.

Giảng: Đây tới lúc cuối cùng của thời Thái, sắp bī rồi, như cái thành sụp xuống. Vì là hào âm lại ở địa âm, đừng tranh giành (dùng quân) nữa, không cứu vãn được đâu, có ban lệnh cũng chỉ một áp mình nghe thôi.

Hai chữ “trinh lận”, R. Wilhem giaeng là : dù có kiên nhẫn (chống đỡ) cũng thất bại mà xấu hổ. Chúng tôi nghĩ hào cuối này âm nhu thái quá, không có chí kiên nhẫn được, nên dịch theo Chu Hi. *

Dưới đây chúng tôi chép thêm lời bàn của Phan Bội Châu (tr. 285 – 286) “Chúng ta đọc Dịch từ lúc có Càn, Khôn, trải qua trung gian, nào Truân mà kinh luận: nào Mông mà giáo dục; nào Nhu mà sinh tụ; nào Tụng, nào Sư mà sắp đặt việc binh, việc hình; nào Súc, nào Lý mà chỉnh đốn việc kinh tế, việc lễ chế; hao tổn biết bao tâm huyết, chúa trũ biết bao thì giờ. Kể về phần Khảm (hiểm) trải qua đến 6 lần:

1. Truân, Khảm thượng 2. Mông . khảm hạ

3. Nhu , Khảm thượng 4. Tụng, Khảm hạ.

5. Sư, Khảm hạ 6. Ti, Khảm thượng.

Thoát khỏi 6 lần nguy hiểm rồi. Vậy sau, trong có chốn nuôi trũ là Tiêu súc, ngoài có chốn băng tạ (nhờ cây, ỷ vào) là Lý. Bây giờ mới làm nên Thái.

Thái vừa đến cuối cùng, tức khắc ra Bī (coi quê sau). Ghê gớm thật ! Làm nên tốn vô số công phu mà làm hư chỉ trong chốc lát, vun đắp biết bao nền tảng mà đánh đổ chỉ trong nháy mắt.

Không chắc đó đã là thâm ý của người sắp đặt các quẻ, nhưng việc đời quả có như vậy: Kiến thiết lâu, suy rất chóng.

||

12. QUẺ THIÊN ĐỊA BĨ

Trên là Càn (trời) dưới là Khôn (đất)

Đồ hình quẻ Thiên Địa Bĩ

Trong vũ trụ không có gì là thông hoài được, hết thông thì tới bế tắc, cùng, cho nên sau quẻ Thái tới quẻ Bĩ.

Thoán tử.

否之匪人, 不利君子貞, 大往小來.

Bĩ chi phi nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng tiêu lai.

Dịch: Bĩ không phải đạo người (phi nhân nghĩa như phi nhân đạo), vì nó không lợi cho đạo chính của quân tử (Tượng của nó là cái lớn (dương) đi mà cái nhỏ (âm) lại).

Giảng: Bĩ trái với Thái. Thái thì dương ở dưới thăng lên, giao với âm ở trên giáng xuống; bĩ thì dương ở trên đi lên, âm ở dưới đi xuống không giao nhau. Âm dương không giao nhau thì bế tắc, ở đạo người như vậy mà ở vạn vật cũng như vậy. Thời đó không lợi với đạo chính của quân tử, vì dương đi nghĩa là đạo của người quân tử tiêu lòn, mà âm lại nghĩa là đạo của tiêu nhân lòn lên.

Đại tượng truyện – Khuyên: gặp thời bĩ thì người quân tử nên thu cái đức của mình lại (đừng hành động gì cả, riêng giữ các đức của mình) để tránh tai nạn, đừng màng chút lợi danh nào cả. (Quân tử dĩ kiêm đức tị nạn, bất khả vinh dĩ lộc). Nghĩa là nên ở ẩn.

Gặp thời Truân, thời khó khăn, gian truân, người quân tử nên tập hợp nhau lại mà hành động; còn thời đã bĩ, đã bế tắc cùng cực rồi thì hành động chỉ vô ích, cốt giữ cái đức và cái thân mình thôi.

Hào tử.

1.

初六: 拔茅茹, 以其彙, 貞吉亨.

Sơ lục: Bạt mao nhụ, dĩ kỳ vị, trinh cát hanh.

Dịch: Hào 1 âm: Nhỏ rẽ cỏ mao mà được cả đám, hẽ chính thì tốt mà hanh thông.

Giảng: Hào này rất giống hào 1 quẻ Thái: cũng “bạt mao dĩ kỳ vị” vì quẻ Thái hào 1 cặp với hai hào trên, quẻ này cũng vậy, cũng có đồng chí, làm việc dễ có kết quả; chỉ khác quẻ thái hào 1 là dương, quân tử, quẻ này hào 1 là âm, tiêu nhân; cho nên quẻ Thái khuyên cứ tiến lên (chính) sẽ tốt; còn quẻ này thì khuyên phải “trinh” chính đáng (trinh – khác nhau ở hai chữ chính [正] và trinh [貞] thì sẽ tốt và hanh thông.

Hào 1 quẻ Bĩ là tiêu nhân nhưng mới bước đầu, cái ác chưa hiện rõ, lại ứng hợp với hào 4 ở trên là quân tử, cho nên còn có hy vọng cải hóa được. Đại tượng truyện bảo: nếu đề tâm giúp nước (chí tại quân – quân là vua, là quốc gia) như hào 4 thì sẽ tốt. Như vậy là có ý khuyên tiêu nhân nên đứng vào phe quân tử.

2.

六二: 包承, 小人吉;大人否, 亨.

Lục nhị: Bào thừa, tiêu nhân cát; đại nhân bĩ, hanh.

Dịch: Hào 2, âm: Tiêu nhân chịu đựng và vâng thuận người quân tử thì tốt: đại nhân (có đức lớn) nên giữ tư cách trong cảnh bế tắc (khốn cùng) thì hanh thông.

Giảng: Hào này tuy là tiêu nhân, nhưng đắc trung đắc chính, chung quanh là tiêu nhân cả, mà ứng hợp với hào 5 quân tử ở trên, cho nên hào tử khuyên nó nên vâng thuận quân tử thì tốt. Còn kẻ đại nhân được bọn tiêu nhân vâng thuận – vì chúng muốn mua danh – thì cũng đừng theo chúng, cứ giữ khí tiết của mình trong thời khốn cùng, như vậy sẽ hanh thông.

3.

六三: 包羞.

Lục tam: Bao tu .

Dịch: Hào 3, âm: Chứa chất sự gian tà, xấu hổ.

Giảng: Hào này, không trung, không chính, là kẻ đứng đầu bọn tiểu nhân (vì ở trên cùng nội quái khôn), cho nên rất xấu, đáng ghét.

4.

九四: 有命, 无咎. 疏離祉.

Cửu tú: Hữu mệnh, vô cữu. Trù li chỉ.

Dịch : Hào 4 dương : có mệnh trời (tức như thời vận đã tới) thì không lỗi mà bạn của mình cũng nhờ cậy mình mà được hưởng phúc.

Giảng: Hào này ở quá nửa quẻ Bĩ, có mòi sắp hết bĩ rồi, cho nên nói là thời vận đã tới; nó là dương ở trong ngoại quái Càn, chính là người quân tử thực hiện được chí của mình. Bạn của nó, tức hai hào 5, 6 cùng là dương cả – cũng sẽ được hưởng phúc.

5.

九五: 休否, 大人吉. 其亡, 其亡, 繫于苞桑.

Cửu ngũ: Hưu bĩ, đại nhân cát.

Kỳ vong, kỳ vong, hệ vu bao tang.

Dịch: Hào 5, dương : làm cho hết bĩ, đó là đạo tốt của bậc đại nhân (tuy nhiên, phải biết lo). Có thể mất đầy, (đừng quên điều đó thì mới vững như buộc vào một cụm dâu (dây dâu nhiều rễ, ăn sâu dưới đất, rất khó nhổ).

Giảng: Hào này có đức dương cương trung chính, lại ở vào ngôi chí tôn, trong thời Bĩ sắp hết, cho nên lời đoán là tốt. Những vẫn phải thận trọng, đừng sai sót.

Theo Hé từ hạ chương V thì Không tử đọc tới hào này, bàn thêm rằng: “Người quân tử khi yên ổn thì không nên quên rằng sẽ có thể nguy; khi vững thì không quên rằng có thể mất, khi trị thì không quên rằng sẽ có thể loạn. Nhờ vậy mà thân an nước nhà giữ vững được.”

6.

上九: 傾否, 先否, 後喜.

Thượng cửu: Khuynh bĩ, tiên bĩ, hậu hĩ.

Dịch: Hào trên cùng, dương: đánh đổ được cái bĩ, trước còn bĩ, sau thì mừng.

Giảng: Đây là thời cuối cùng của Bĩ mà bĩ cực thì thái lai; người quân tử có tài sẽ dắt cả bạn bè (trò hào 4 và 5) mà đánh đổ được bĩ. Nhưng mới đầu còn phải lo lắng (tiên bĩ) sau mới mừng là bước lên được cảnh Thái rồi.

Chúng ta để ý: Quẻ Thái, mới đến hào 3, còn thịnh cực mà Dịch đã khuyên phải giữ được chính đáng trong cảnh gian nan (gian trinh); còn quẻ Bĩ, khi mới tới hào 4, mới có mòi sắp hết bĩ mà Dịch đã khuyên là thời đã tới, người quân tử nên thực hiện chí của mình đi. Nghĩa là luôn luôn phải sẵn sàng để nắm ngay lấy cơ hội.

□

13. QUẺ THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

Trên là Càn (trời), dưới là Li (lửa)

đồ hình |:|||

Không thể bế tắc, cách tuyệt nhau mãi được, tất phải có lúc giao thông hòa hợp với nhau; cho nên sau quẻ Bĩ tới quẻ Đồng Nhân.

Đồng nhân là cùng chung với người, đồng tâm với người.

Thoán từ:

同人于野, 亨. 利涉大川. 利君子貞.

Đồng nhân vu dã, hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi quân tử trinh.

Dịch: Cùng với người ở cánh đồng (mênh mông) thì hanh thông. (gian hiểm như) Lợi qua sông lớn, cũng lợi. Quẻ này lợi cho người quân tử trung chính.

Giảng: li ở dưới là lửa, sáng, văn minh, Càn ở trên là Trời. Quẻ này có tượng lửa bốc lên cao tới trời, cũng soi khắp thế giới (cánh đồng mênh mông có nghĩa đó). Cho nên tốt. dù có hiểm trở gì, cũng vượt được (Phan Bội Châu bảo đó “chính là cảnh tượng đại đồng rất vui vẻ”) Muốn vậy phải có được trung chính của người quân tử.

Thoán truyện cùng hào 2 ở nội quái ly, hào âm độc nhất, quan trọng nhất trong 6 hào mà giảng thêm:

Hào đó âm nhu đắc vị (tức là chính) đắc trung, lại ứng hợp với hào 5 dương cương cũng đắc vị đắc trung trong ngoại quái Càn, thế là có hiện tượng nội ngoại tương đồng, nên gọi là đồng nhân. Văn minh (Ly) ở phía trong, cương kiện (Càn) tức dụng ở ngoài, mà được cả trung lẫn chính, ứng hợp với nhau, đó là tượng người quân tử thông suốt được tâm tri của thiên hạ.

Đại tượng truyện bàn thêm: Người ta muốn thực hiện được cảnh tượng mọi vật cùng sống chung với nhau thì phải phân biệt từng loại của các chủng tộc, xét kỹ mỗi sự vật (quân tử dĩ loại tộc, biến vật); hễ cùng loại thì đặt chung với nhau và cho mỗi vật được phát triển sở năng, thỏa được sở nguyện, có vậy thì tuy bất đồng mà hòa đồng được.

Hào từ:

1.

初九: 同人于門, 无咎.

Sơ cửu: Đồng nhân vu môn, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương : Ra khỏi cửa để cùng chung với người thì không có lỗi.

Giảng: Hào dương này, như người quân tử mới bắt đầu ra đời, đã muốn “đồng” (cùng chung) với người khác thì có lỗi, có gì đáng trách đâu?

2.

六二: 同人于宗, 啓.

Lục nhị: Đồng nhân vu tôn, lận.

Dịch: Hào 2, âm: (chỉ) chung hợp với người trong họ, trong đảng phái, xấu hổ.

Giảng: Hào này tuy đắc trung đắc chính, nhưng ở vào thời Đồng nhân, nên cùng chung với mọi người mà lại chỉ ứng hợp riêng với hào 5 ở trên, như chỉ cùng chung với người trong họ, trong đảng phái của mình thôi, thế là hẹp hòi, đáng xấu hổ.

3.

九三: 伏戎于莽, 升其高陵, 三歲不興 .

Cửu tam: Phục nhung vu māng,

Thăng kì cao lăng, tam tuế bất hưng.

Dịch: Hào 3, dương : núp quân ở rừng rậm (mà thập thò) lên gò cao, ba năm chẳng hưng vượng được.

Giảng: Hào này muốn hợp với hào 2 (âm) ở dưới, nhưng nó quá cương (dương ở dương vị), lại bất đắc trung, như một kẻ cường bạo; mà 2 đã ứng hợp với 5 ở trên, 3 sợ 5 mạnh nên không dám công kích 2, chỉ núp trong rừng, rình trộm, rồi thập thò lên đồi cao mà ngó (3 ở trên cùng nội quái, nên

nói vậy); như vậy ba năm cũng không tiến (hưng lên) được.

4.

九四: 乘其墉, 弗, 克攻, 吉.

Cửu tú: thừa kỳ dung, phát, khắc công, cát.

Dịch: Hào 4, dương : cưỡi lên tường đất rồi mà không dám đánh thế là tốt.

Giảng: hào này cũng là dương cương, bất trung, bất chính, cũng muốn hợp với 2, lăng áp 3 mà cướp 2 (hào 3 ở giữa 2 và 4 cũng như bức tường ngăn cách 2 và 4, 4 ở trên 3 như đã cưỡi lên bức tường đó); nhưng tuy cương mà ở vị âm, còn có chút nhu, nên nghĩ lại, không thể lấn áp 3 được, như vậy không nên, cho nên Hào từ bảo “thế thì tốt” .

Tiểu tượng truyện khen là biết phản tắc (反則) tức biết trở lại phép tắc.

5.

九五: 同人, 先號咷而. 後笑, 大師克相遇.

Cửu ngũ: Đồng nhân, tiên hào đào nhi

Hậu tiểu, đại sư khắc tương ngộ.

Dịch: Hào 5, dương: Cùng với người, trước thì kêu rêu, sau thì cười, phải dùng đại quân đánh rồi mới gặp nhau.

Giảng: hào này dương cương trung chính, ứng hợp với hào 2, thật là đồng tâm đồng đức, tốt.

Nhưng giữa 5 và 2, còn có hai hào 3 và 4 ngăn cản, đèm pha, phá rối, nên mới đầu phải kêu rêu, phải dùng đại quân dẹp 3 và 4 rồi 2 và 5 mới gặp nhau mà vui cười. Công việc hòa đồng nào mới đầu cũng bị nhiều kẻ ngăn cản như vậy, không dễ dàng thực hiện ngay được, dù là hợp với công lý, với hạnh phúc số đông.

6.

上九: 同人于郊, 无悔.

Thượng cửu: Đồng nhân vu giao, vô hối.

Dịch: Hào trên cùng, dương : cùng với người ở cánh đồng ngoài đô thành, không hối hận.

Giảng: “Giao” là cánh đồng ngoài đô thành, không rộng bằng “dã” (đồng nội nơi nhà quê). Hào này tuy ở cuối quê Đồng nhân, không có hào nào ứng hợp với nó, cho nên chí chưa được thì hành như mình muốn, mới chỉ như cùng với người ở cánh đồng ngoài đô thành thôi, chưa ở giữa quang đồng nội được.

*

Đọc quẻ này, chúng ta rút ra được hai lời khuyên:

– Muốn hòa đồng thì đừng có tinh thần đảng phái; phải tôn trọng đặc tính của mỗi hạng người, khả năng cùng nhu cầu của mỗi người.

– Công việc hòa đồng mọi người tuy rất chính đáng, mang hạnh phúc cho dân chúng nhưng cũng gian nan, bị nhiều kẻ phá.

】

14. QUẺ HỎA THIỀN ĐẠI HỮU

Trên là Ly (Lửa), dưới là Càn (trời)

đồ hình ||||:|

Đã cộng đồng với mọi người thì mọi người về với mình, mà sở hữu của mình cũng lớn, cho nên sau quẻ Đồng nhân, tới quẻ Đại hưu (có lớn).

Thoán từ:

大有: 元亨.

Đại hữu: Nguyên hanh.

Dịch: Có lớn thì rất hanh thông.

Giảng: 三 ở trên Càn là lửa ở trên trời, chiếu sáng mọi vật như vậy là “có lớn” Ly lại có nghĩa là văn minh, Càn là cương kiện, gồm cả văn minh và cương kiện cho nên rất hanh thông.

Theo Thoán truyện: Còn một cách giảng nữa: quẻ này chỉ có một hào âm, nó thông linh quân dương, 5 hào dương đều theo nó, có nghĩa là mọi người về với nó, mà nó được “có lớn”. Sở dĩ nó thông linh được vì nó ở ngôi tôn mà lại đặc trung. Nó ứng hợp với hào 2, dương ở giữa quẻ Càn, như vậy nó vừa văn minh vừa cương kiện, ứng với trời (Càn) mà hành động đúng với thời.

Đại tượng truyện khuyên: người quân tử trong quẻ này phải ngăn đón ngay điều dữ khi nó chưa phát hiện, và biểu dương điều tốt khi nó còn mập mờ để thuận mệnh tốt của trời (át ác dương thiện, thuận thiên hưu mệnh: chữ hưu ở đây là tốt).

Hào từ:

1.

初九: 无交害, 匪咎; 艰則无咎.

Sơ cửu: Vô giao hại, phi cữu; nan tắc vô cửu.

Dịch: Hào 1, dương: chưa làm việc gì tai hại, chưa có lỗi; nhưng phải (cẩn thận) cư xử như gặp lúc gian nan thì mới khỏi lỗi.

Giảng: Đại hữu là có lớn. Hào 1 như con một nhà giàu sang, còn trẻ, chưa làm gì tai hại thì chưa có tội, nhưng vì là con nhà giàu, ít người ưa, nếu lại kiêu căng xa xỉ thì sẽ gây oán ghét, cho nên Hào từ khuyên sống trong cảnh gian nan thì mới khỏi tội.

2.

九二: 大車以載, 有攸往, 无咎.

Cửu nhị: đại xa dĩ tái, hữu du vãng, vô cửu.

Dịch: Hào 2, dương: xe lớn chở nặng, đi chốn nào (ý nói làm gì) cũng được, không có lỗi.

Giảng: Hào này tốt nhất trong quẻ: dương cương mà đặc trung, vừa có tài vừa khiêm tốn, được hào 5, âm ở trên ứng hợp, như được vua hết sức tin dùng sẽ thành công, cho nên ví với cỗ xe lớn chở nặng đi đường xa, đâu cũng tới được.

3.

九三: 公用亨于天子, 小人弗克.

Cửu tam: Công dụng hưởng vu thiên tử, tiểu nhân phát khắc.

Dịch: Hào 3, dương: như bậc công (hầu) mở tiệc mời thiên tử hạng tiểu nhân không đương nổi việc đó.

Giảng: Thời xưa chữ [亨] đọc là hanh (nghĩa là hanh thông) mà cũng đọc là hưởng) nghĩa là hưởng dụng, dâng, yến tiệc, lễ lớn) Chu Hi hiểu là triều hiến. R.Wilhem hiểu là đem đất đai của cải dâng thiên tử, hoặc cho dân chúng.

Chúng tôi theo Phan Bội Châu mà dịch như trên. Hào 3 này dương cương đặc chính, đứng trên cùng nội quái, cho nên ví với một bậc công; ở vào thời Đại hữu tất có nhiều đất đai, nhân dân; nên bậc thiên tử cũng nể, tới dự tiệc do vị công đó dâng. Những phải là người quân tử, có đức hạnh, không kiêu, mới làm như vậy được; còn hàng tiểu nhân, thấy thiên tử tới nhà mình càng kiêu căng, xa xỉ thì không đương nổi danh dự đó, mà chỉ hại thôi (tiểu nhân hại dã – lời Tiểu tượng truyện)

4.

九四: 匪其彭, 无咎.

Cửu tú: phi kỳ bành, vô cữu.

Dịch: Hão, dương: đừng làm ra vẻ thịnh vượng (khoe của, sống sang quá) thì không có lỗi.

Giảng: Chữ bành [彭] ở đây, Trình tử hiếu là thịnh vượng; Phan Bội Châu dẫn câu “Hành nhân bành bành” trong Kinh Thi mà hiếu là rầm rộ. Chúng tôi châm chước hai nghĩa đó mà dịch như trên.

Hào này ở địa vị cao, gần hào 5, mà bất trung, bất chính, e có họa tới nơi, nên Hào từ khuyên phải khiêm tốn, tiết kiệm. Tiêu tượng truyện cũng khuyên phải phân biệt thị phi họa phúc cho rành thì mới khỏi lỗi.

5.

六五: 厥孚交如, 威如, 吉.

Lục ngũ: quyết phu giao như, uy như, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Lấy đức tin, chí hành mà giao thiệp, và phải có uy thì tốt.

Giảng: Hào này ở vị chí tôn, được cả 5 hào dương theo, nên phải đem đức tin, lòng chí thành mà đối đãi với người dưới. Nhưng vì là âm, nên ngại rằng quá nhu, nên Hào từ khuyên phải có chút uy mới được.

Tiêu tượng truyện cơ hồ hiếu khác, bảo phải dùng uy vũ, đừng khinh dị mà phải phòng bị đạo tặc (uy như chi cát, dị nhi vô bị dã).

6.

上九: 自天祐之, 吉, 无不利.

Thượng cửu: tự thiên hựu chi, cát, vô bất lợi.

Dịch: hào trên cùng, dương: tự trời giúp cho, tốt, không có gì mà chẳng lợi.

Giảng: Ở thời Đại hữu, thịnh trị, hào dương cương này ở trên cùng mà chịu hạ mình theo hào 5, chỉ vì 5 có đức thành tín; như vậy là không kiêu, tuy thịnh mà không đầy tràn, nên được trời giúp cho, hóa tốt, chứ lẽ thường hào cuối cùng, Đại hữu đã đến màn cuối, khó mà tốt được.

Không tử đọc tới hào này bảo: “Trời sở dĩ giúp cho là vì thuận với đạo trời; người sở dĩ giúp cho là vì có lòng thành tín”. Ông muốn nói hào 5 được các hào khác giúp là vì có lòng thành tín; còn hào trên cùng được trời giúp vì thuận với đạo trời: trọng người hiền (hào 5) không kiêu.

Quẻ này khuyên chúng ta sống trong cảnh giàu có, nên khiêm, kiệm: giao thiệp với người, nên chí thành.

Phan Bội Châu nhận xét rằng trong 64 quẻ, không quẻ nào tốt đều như quẻ này: hào 1, 2, 3 đều không có lỗi, hào 4 được hanh thông, hào 5 tốt, hào 6 đã tốt hơn nữa, “không có gì mà chẳng lợi”. Ngay đến quẻ Càn, quẻ Thái hào cuối cùng cũng xấu, kém quẻ này. Đại hữu chính là thời thịnh trị sau thời đại đồng.

||

15. QUẺ ĐỊA SƠN KHIÊM

Trên là Khôn (đất), dưới là Cán (núi)

|| đồ hình ::|:::

Đại hữu là thời rất thịnh, không nên để cho quá đầy, mà nên nhún nhường, nên Khiêm.

Thoán từ

谦: 亨, 君子有終.

Khiêm: Hanh, quân tử hữu chung.

Dịch: Nhún nhường, hanh thông, người quân tử giữ được trọn vẹn tới cuối.

Giảng: Trên là đất, dưới là núi. Núi cao, đất thấp, núi chịu ở dưới đất là cái tượng nhún nhường.

Khiêm hạ. Vì vậy mà được hanh thông.

Quẻ này chỉ có mỗi một hào dương, dùng nó làm chủ quẻ.

Thoán truyện bàn thêm: Khiêm là đạo của trời, đất và người.

Trời có đức khiêm vì ở trên đi xuống chỗ thấp mà sáng tỏ; đất có đức khiêm vì chịu ở dưới mà đi lên. Đạo trời, cái gì đầy thì làm cho khuyết đi, cái gì thấp kém (khiêm) thì bù đắp cho (Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm). Đạo đất, đạo quỷ thần cũng vậy. Còn đạo người thì ghét kẻ đầy, tức sự kiêu căng thỏa mãn, mà thích kẻ khiêm tốn (Nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm). Hễ khiêm thì ở địa vị cao mà đạo càng sáng, ở địa vị thấp mà chẳng ai vượt mìn được.

Đại tượng truyện. Khuyên người quân tử nên bớt chốn nhiều, bù chốn ít, để cho sự vật được cân xứng, quân bình (Biều đa ích quả, xứng vật bình thí).

Hào từ

初六: 謙謙君子, 用涉大川, 吉.

Sơ lục: khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát.

Dịch: Hào 1, âm – Nhún nhường, nhún nhường, người quân tử dùng đức ấy để qua sông lớn thì tốt.

Giảng: Hào này âm như mà lại ở dưới cùng, thật là khiêm hạ, dầu gặp hoàn cảnh hiểm nguy nào cũng vượt được.

Tiểu tượng truyện khuyên người quân tử trau giồi tư cách mình bằng đức khiêm hạ, (Khiêm khiêm quân tử, ti dĩ tự mục)

2

六二: 鳴謙, 貞吉.

Lục nhị: Minh khiêm, trinh cát.

Dịch: Hào 2, âm: Tiếng tăm lừng lẫy về đức khiêm, nếu chính đáng thì tốt.

Giảng: hào này nhu thuận, đắc trung, đắc chính, rất tốt, cho nên bảo là tiếng tăm lừng lẫy về đức Khiêm. Nhưng ngại tiếng tăm lừng lẫy thì dễ ham danh, mà hóa ra quá khiêm đến mức giả nhún nhường hoặc nịnh bợ), nên Hào từ khuyên phải giữ đức trung, chính (trinh) của hào 2 mới tốt.

九三: 勞謙, 君子 有終, 吉.

Cửu tam: Lao khiêm, quân tử hữu chung, cát.

Dịch: Hào 3, dương : Khó nhọc (có công lao) mà nhún nhường, người quân tử giữ được trọn vẹn, tốt.

Giảng: hào này có đức dương cương, làm chủ cả quẻ, năm hào âm đều trông cậy vào, như người có địa vị (ở trên cùng nội quái), có tài năng (hào dương) mà khiêm tốn (vì ở trong quẻ Khiêm), không khoe công, nên càng được mọi người phục, mà giữ được địa vị, đức độ tới cùng.

Theo Hé từ thượng truyện chương VIII, Khổng tử đọc hào này, giảng thêm: “Khó nhọc mà không khoe khoang, có công với đời mà chẳng nhận là ân đức, đức như vậy là cực dày”.

4.

六四: 无不利, 摭謙.

Lục tứ: vô bất lợi, huy khiêm.

Dịch: Hào 4, âm: Phát huy sự nhún nhường thì không gì là không lợi.

Giảng: Hào này nhu thuận mà đắc chính, tốt đáy, nhưng vì ở trên hào 3 là người có công lao, mà lại ở gần hào 5, là vua, nên càng phải phát huy thêm đức khiêm, mới tránh được mọi khó khăn mà không gì là không lợi.

5.

六五: 不富以其鄰, 利用侵伐, 无不利.

Lục ngũ: Bất phú dĩ kỳ lân, lợi dụng xâm phạt, vô bất lợi.

Dịch: Hào 5, âm: chẳng cần giàu (có thể lực) mà thâu phục được láng giềng (được nhiều người theo); nhưng phải có chút uy, chinh phạt kẻ nào chưa phục mình thì mới không gì là không lợi.

Giảng: Hào này âm nhu, đắc trung, ở địa vị chí tôn, nên tự nhiên thâu phục được nhiều người, nhưng nếu nhu quá, thiếu uy thì không phải là tư cách một ông vua, nên Hào từ khuyên nên dùng uy võ đối với kẻ nào chưa phục mình. Hào này có thể dùng uy được vì ở vị dương (lê).

6.

上六: 鳴謙, 利用行師, 征邑國.

Thượng lục: Minh khiêm, lợi dụng hành sư, chính ấp quốc.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Tiếng tăm lùng lẫy về đức Khiêm, được nhiều người theo có thể lợi dụng điều đó mà ra quân, nhưng cũng chỉ trị được những kẻ trong áp của mình không phục mình thôi.

Giảng: hào này thê nhu, vị nhu, ở vào thời cuối cùng quẻ Khiêm, cho nên khiêm nhu cùng vực, tiếng tăm lùng lẫy, nhiều người theo đáy; nhân đó mà có thể ra quân chinh phạt những kẻ không theo mình, nhưng vì tài kém, nên chỉ trị được những kẻ trong áp mình thôi, chưa thỏa chí được.

*

Quẻ này hào nào cũng tốt không nhiều thì ít, không kém quẻ Đại hưu bao nhiêu.

Đa số các triết gia Trung Hoa rất đề cao đức Khiêm, nhất là Khổng tử và Lão tử, vì họ cho rằng luật trời hễ đầy quá thì vơi, trong khi đầy phải nghĩ tới lúc sẽ vơi, phải khiêm hạ, đừng tự phụ. Không thể dẫu hết những châm ngôn của Trung Hoa về đức khiêm được; trong quẻ này chúng ta đã thấy được mấy câu như Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm, khiêm khiêm quân tử, ti dĩ tự mục. Trong Đạo đức kinh, cũng rất nhiều câu, như: Hậu kỳ thân nhi thân tiên; Quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ; Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi: Bất cảm vi thiên hạ tiên . .

Nhưng khiêm nhu của Lão tử có vẻ triệt để, tuyệt nhiên không tranh hơn với ai, mà khiêm nhu trong Dịch thì không thái quá, vẫn trọng đức trung (hào 2).

||

16 QUẺ LÔI ĐỊA DỤ

Trên là Chân (sầm sét,) dưới là Khôn (đất)

đồ hình ::|::

Đã Đại hưu mà lại Khiêm thì tất nhiên là vui vẻ, sung sướng, cho nên sau quẻ Khiêm, tới quẻ Dụ (vui, sướng).

Thoán từ :

豫: 利建侯, 行師.

Dụ: Lợi kiến hầu, hành sự.

Dịch: vui vẻ: Dựng tước hầu (để trị dân), ra quân thì tốt.

Giảng: Có ba cách giảng ý nghĩa quẻ này.

– Chấn ở trên, Khôn ở dưới, có nghĩa là ở trên thì động, hành động; ở dưới thuận theo, như vậy tất vui vẻ.

– Sấm ở trên đất, nghĩa là khí dương phát động (chấn thuộc dương) mà muôn vật ở trên phát sinh, cũng là cảnh tượng vui vẻ.

– Quẻ này chỉ có một hào dương (hào 4), 5 hào âm đều theo nó, nó làm chủ trong quẻ, như một người tài đức, làm việc gì cũng thuận cả, tất thành công, sẽ vui vẻ, an ổn.

– Thuận với lẽ tự nhiên thì dù trời đất cũng nghe theo, huống hồ là việc dựng tước hầu, ra quân, dân há lại không theo.

– Thoán truyện bàn rộng thêm: Cái đạo thuận lẽ mà hành động đó là đạo trời, cho nên mặt trời mặt trăng thay nhau chiếu sáng ban ngày ban đêm, không bao giờ lầm; bốn mùa thay nhau chẳng bao giờ sai. Thánh nhân thuận lẽ mà hành động thì hình phạt không phiền phức mà dân chúng phục tòng.

Hào từ:

1.

初六: 鳴豫, 凶.

Sơ lục: Minh dụ, hung.

Dịch: Hào 1, âm: Khoe mình vui sướng một cách ồn ào, xấu.

Giảng: Chữ Dự, tên quẻ có nghĩa là trên dưới thuận nhu hành động mà cùng vui vẻ; còn chữ dụ trong các hào thì có nghĩa là cá nhân vui vẻ.

Như hào âm nhu ở dưới cùng này, bất trung, bất chính, là một tiểu nhân, ý có hào 4 cương kiện và có địa vị ở trên ứng viện, lấy làm đắc ý, bộc lộ nỗi sung sướng của mình một cách ồn ào, thế là kiêu mạn, xấu.

2.

六二: 介于石, 不终日, 贞吉.

Lục nhị: giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát.

Dịch: Hào 2, âm: Chí vững như đá, chẳng đợi hết ngày (mà ứng phó ngay), chính đính, bền, tốt.

Không tử, theo Hé từ hạ truyện, Chương V, cho rằng người quân tử biết trước được triết chứng từ khi mới có dấu hiệu, cho nên ứng phó mau, giao tiếp với kẻ trên thì không nịnh, với kẻ dưới thì không nhờn, biết lúc nào nên nhu, lúc nào nên cương.

3.

六三: 眇豫, 悔遲, 有悔.

Lục tam: Hu dự, hối trì, hữu hối.

Dịch: Hào 3, âm: Ngửa mặt lên trên (mong được phú quý) mà vui mừng, như vậy thế nào cũng ăn năn, mà sửa đổi chậm, lại càng ăn năn hơn.

Giảng: Hào này cũng bất trung, bất chính, như kẻ tiểu nhân ngó lên trên là hào 4 dương cương, mong được phú quý mà vui mừng; không sớm rút chân ra khỏi cái bẫy quyền thế thì sẽ ân hận lớn.

4.

九四: 由豫, 大有得; 勿疑, 朋盍簪.

Cửu tứ: Do dự, đại hữu đắc; vật nghi, băng hạp trâm.

Dịch: Hào 4, dương : người khác nhờ mình mà vui, mình có thể thành công lớn được; cứ hết lòng chí thành, đừng nghi ngờ thì các bạn thanh khí sẽ lại giúp mình đông mà chóng.

Giảng: Hào này làm chủ trong quê, có tài, có địa vị cao, lại được hào 5 (vua) hết lòng tin, nên tạo hạnh phúc được cho người, thành công lớn được.

Nhưng là hào dương độc nhất trong quê một mình đắm dương gánh nặng, có lúc chán nản, nghi ngờ, nên Hào tử khuyên cứ chí thành, thì sẽ có nhiều bạn tới giúp.

5.

六五: 貞疾, 恒, 不死.

Lục ngũ: Trinh tật, hằng, bất tử.

Dịch: hào 5, âm : Bệnh hoài, dai dẳng nhưng không chết.

Giảng: Hào 5, ở địa vị chí tôn, nhưng âm nhu, và có hào 4 được lòng dân, gánh hết việc thiên hạ, chuyên quyền; 5 chẳng phải làm gì cả, chỉ chìm đắm trong cảnh hoan lạc (vì ở thời Dự), nên ví với một người bị bệnh hoài. Nhưng may là có 5 đắc trung mà 4 cũng không áp bức, nên vẫn giữ được hưng vị, cũng như bị bệnh dai dẳng mà không chết.

Phan Bội Châu cho hào 5 này đúng là trường hợp các vua Lê nhu nhược bị chúa Trịnh chuyên quyền, nhưng vẫn giữ được hưng vị.

6.

上六: 夥豫, 成有渝, 无咎.

Thượng lục: Minh dự, thành hữu du, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, âm: mê tối vì hoan lạc, nhưng nếu biết sửa đổi nét xấu thì không lỗi.

Giảng: hào này âm nhu, bất trung bất chính, lại ở thời cuối quê Dự, cho nên ví với người mê tối vì hoan lạc. Nhưng cũng may, hào này ở trong ngoại quái Chấn, Chấn có nghĩa là động, có hy vọng nhúc nhích tự cường được, như vậy sẽ không xấu.

*

Chúng ta nhận thấy tên quê là Vui, mà sáu hào chỉ có hai hào (2 và 4) là tốt, còn 4 hào kia xấu nhiều hay ít cả, xấu nhất là hào 1 vì kiêu mạn, khoe khoang ồn ào cái vui bất chính của mình; mà tốt nhất là hào 2, vì không ham vui mà giữ vững chí mình.

Phan Bội Châu dẫn câu “Sinh ư ưu hoạn, nhi tử ư an lạc” của Mạnh tử để kết, là tóm tắt được triết lý của quê này. Quốc gia cũng như cá nhân, hễ sống trong cảnh vui sướng, vui vẻ quá thì sẽ mau chết.

□

17. QUÉ TRẠCH LÔI TÙY

Trên là Đoài (chàm), dưới là Chấn (động, sấm sét)

đồ hình |::||:

Dụ là vui vẻ, vui vẻ thì có nhiều người theo nên tiếp sau là quê Tùy. Tùy là theo.

Thoán từ

隨: 元, 亨, 利, 貞, 无咎.

Tùy: Nguyên, hanh, lợi, trinh, vô cữu.

Dịch: Theo nhau: rất hanh thông, nhưng phải theo điều chính đáng, vì điều chính đáng (trinh) mới có lợi, không có lỗi.

Giảng: Đoài ở trên là vui vẻ, Chấn ở dưới là động; đó là cái tượng hành động mà được người vui theo.

Lại có thể giảng: Chân là sấm, Đoài là chầm, sấm động ở trong chầm, nước chầm theo tiếng sấm mà cũng động, cho nên gọi là tùy.

Lời thoán từ quẻ này chỉ khác lời Thoán từ quẻ Càn vì có thêm hai chữ “vô cữu” (không có lỗi) ở sau, mà nghĩa thay đổi hẳn. Chúng tôi dịch như trên là theo Chu Hi: nguyên hanh (rất hanh thông) là “đức” (tính cách) của Tùy; còn trinh (chính đáng) là điều kiện để cho Tùy có lợi mà không có lỗi.

Phan Bội Châu hiểu hơi khác: cả nguyên, hanh, lợi, trinh đều là điều kiện để “Tùy” có lợi mà không có lỗi. Theo người nhưng phải theo cái hay, theo đạo ; người có rất thiện (nguyên) , việc có thông thuận (hanh), có cái lợi công (lợi), thì mới nên theo, và khi theo thì phải giữ tiết tháo (trinh) thì mới không có lỗi.

Đại khái ba cách hiểu đó cũng không khác nhau mấy. Mà quẻ Tùy so với quẻ Càn thì kém xa. Thoán truyện bàn rộng thêm, đưa một điều kiện nữa: Theo mà phải đúng thời mới được. Ví dụ thời Hán, Vương Mãng cũng đã muốn làm một cuộc cách mạng xã hội; rất công bằng, tốt; nhưng thời đó sớm qua, nên thất bại. Tới đời Tống, Vương an Thạch cũng thất bại, như vậy là không hợp thời. Và Thoán truyện nhấn mạnh vào cái nghĩa tùy thời đó. (Tùy thời chi nghĩa đại hĩ tai!)

Hào từ;

1.

初九: 官有渝, 貞吉, 出門交有功.

Sơ cửu: Quan hữu du, trinh cát, xuất môn giao hữu công.

Dịch: Hào 1, dương : chủ trương thay đổi, hễ chính thì tốt, ra ngoài giao thiệp thì có công.

Giảng: chữ “quan” ở đây có nghĩa là chủ, chữ “du” có nghĩa là thay đổi . Chu Hi hiểu là chủ trương thay đổi. Phan Bội Châu hiểu là cái thể của mình thay đổi, vì hào 1 là dương đáng lẽ làm chủ hai hào âm ở trên, nhưng ngược lại phải tùy hai hào đó (vì hào dương ở dưới cùng).

Hiểu theo cách nào thì vẫn : cứ chính đáng, theo lẽ phải, thì tốt (trinh cát). Đừng theo tư tình, mà theo người ngoài (xuất môn) nếu họ phải , thì thành công.

2.

六二: 係小子, 失丈夫.

Lục nhị: Hẹ tiểu tử, thất trượng phu.

Dịch: Hào 2, âm: Ràng buộc với kẻ thấp kém (nguyên văn là : con nít) mà mất kẻ trượng phu.

Giảng: Hào này âm nhu,không biết giữ mình, gần đâu tùy đầy, nên ràng buộc với hào 1 dương (tiểu tử), mà bỏ mất hào 5 cũng dương , ở trên, ứng hợp với nó.

Quẻ này, hễ là hào âm thì không dùng chữ tùy là theo, mà dùng chữ hẹ là ràng buộc, có ý cho rằng âm nhu thì vì tư tình, hoặc lợi lộc mà quắn quít, còn dương cương thì vì chính nghĩa mà theo.

3.

六三: 係丈夫, 失小子; 隨有求得, 利居貞.

Lục tam: Hẹ trượng phu, thất tiểu tử;

Tùy hữu cầu đắc, lợi cư trinh.

Dịch: Hào 3, âm: Ràng buộc với trượng phu, bỏ kẻ thấp kém; theo như vậy cầu xin cái gì thì được đầy, nhưng phải chính đáng mới có lợi.

Giảng: Hào này cũng âm nhu như hào 2, gần đầu thân cận đầy, cho nên thân với hào 4 dương cương, có địa vị ở trên (tức với trượng phu) mà bỏ hào 1 (tiểu tử). Nó xin 4 cái gì cũng được vì 4 hơi có thể lực; nhưng Hào từ khuyên đừng xu thế trực lợi, phải giữ tư cách chính đáng thì mới tốt.

4.

九四: 隨有獲, 貞凶. 有孚, 在道, 以明何咎.

Cửu tú: Tùy hữu hoạch, trinh, hung.

Hữu phu, tại đạo, dĩ minh hà cữu.

Dịch: Hào 4, dương : Theo thì thu hoạch được lớn đầy, nhưng dù lẽ vẫn ngay mà cũng có thể gặp hung được. Cứ giữ lòng chí thành, theo đạo lý, lấy đức sáng suốt mà ứng phó thì không có lỗi.

Giảng: Hào này như một vị cận thần, được vua tin cậy (5 và 4 cùng là dương cả), ở vào thời Tùy là thiên hạ theo mình, như vậy thu hoạch được lớn (có thể hiểu là được lòng dân, hoặc lập được sự nghiệp); nhưng chính vì vậy mà có thể gặp hung (chẳng hạn bị ngờ là chuyên quyền, bị vua ghen ghét như Nguyễn Trãi). Cho nên Hào từ khuyên giữ lòng chí thành theo đạo lý sáng suốt ứng phó (nghĩa là có đủ ba đức: tín, nhân, trí) thì mới khỏi lỗi.

5.

九五: 孚于嘉, 吉.

Cửu ngũ: phu vu gia, cát.

Dịch: Hào 5, dương. Tín thành với điều thiện thì tốt.

Giảng: Hào 5, dương cương, ở vị tôn, trung và chính, lại ứng hợp với hào 2, cũng trung chính, cho nên rất tốt. “Gia”, điều thiện, ở đây là đức trung chính.

6.

上六: 拘係之, 乃從維之. 王用亨于西山.

Thượng lục: câu hệ chi, mãi tòng duy chi.

Vương dụng hanh vu Tây Sơn.

Dịch: Hào trên cùng, âm. Ràng buộc lấy, theo mà thắt chặt lấy; Thái Vương nhà Chu, được nhân tâm như vậy mới lập được nghiệp vương hanh thịnh ở Tây Sơn (tức Kỳ Sơn).

Giảng: Hào này ở cuối quẻ Tùy, là được nhân tâm theo đến cùng cực, như thắt chặt với mình, như vua Thái Vương nhà Chu, lánh nạn rợ Địch, bỏ áp Mân mà chạy sang đất Kỳ Sơn (năm -1327), người áp Mân già trẻ trai gái dắt díu nhau theo, đông như đi chợ.

Chúng tôi theo Phan Bội Châu mà dịch câu: “Vương dụng hanh vu Tây Sơn” như vậy.

Chu Hi bảo chữ [亨] phải đọc là hưởng và hiểu là : vua dùng ý thành mà làm tế hưởng ở đất Tây Sơn.

J. Legge cũng dịch như Chu Hi. R. Wilhem cũng đọc là hưởng mà hiểu khác nữa: Vua cho những công thần được phụ hưởng (thờ chung với tổ tiên nhà Chu) ở nhà Thái Miếu tại Tây Sơn.

*

Quẻ này khuyên chúng ta chỉ nên theo chính nghĩa (chứ đừng vì tư tình, vì lợi) và biết tùy thời, như vậy thì tốt tới cùng được (hào cuối, đạt đến cực điểm mà vẫn không xấu.)

】

18. QUẺ SON PHONG CỎ

Trên là Cấn (núi), dưới là Tốn (gió)

đồ hình 😊 |::|

Vui theo thì tất có công việc làm, cho nên sau quẻ Tùy, tới quẻ Cỏ. Cỏ có hai nghĩa: đồ nát và công việc. Hễ đồ nát thì phải sửa sang lại, thế là có công việc.

Thoán từ:

蠱: 元亨, 利涉大川. 先甲三日, 後甲三日.

Cỗ: Nguyên hanh, lợi thiệp đại xuyên

Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật.

Dịch: Đỗ nát mà làm lại mới thì rất tốt, vượt qua sông lớn thì lợi. Ba ngày trước ngày giáp (nghĩa là phải tìm nguyên nhân từ trước), ba ngày sau ngày giáp (phải nghĩ đến tương lai nên thế nào).

Giảng: Quέ này trên là núi, dưới là gió, gió đụng núi, quật lại, đó là tượng loạn, không yên, tất phải có công việc.

Cũng có thể giảng như sau: tốn ở dưới là thuận, mà Cấn ở trên là ngưng chỉ; người dưới thì thuận mà người trên cứ ngồi im; hoặc người dưới một mực nhu, người trên một mực cương (Tốn thuộc âm, mà hào 1 cùng là âm, còn Cấn thuộc dương, mà hào cuối cùng thuộc dương), để néng người dưới, như vậy mọi sự sẽ đỗ nát, phải làm lại.

Đỗ nát mà làm lại thì rất nên, rất tốt; phải xông pha nguy hiểm, nhưng rồi sẽ có lợi.

Tuy nhiên phải suy nghĩ, có kế hoạch trước sau. Ví dụ bắt tay vào việc là ngày giáp, thì phải nghĩ tới ba ngày trước ngày giáp, tức ngày tân [辛], tìm xem vì lẽ gì mà có sự đỗ nát, và muốn đổi cũ sang mới (mới cũng là tân, nhưng chữ tân này [新], người Trung Hoa thường có cách mượn một chữ đồng âm để diễn một ý khác) thì phải làm sao. Rồi lại nghĩ đến ba ngày sau, tức ngày định [丁], mà định nịnh (chữ [丁寧] này) phòng bị cho tương lai.

Làm lại mới mà được như vậy thì rất tốt.

Thoán truyện và Đại tượng truyện không giảng gì khác.

Hào từ:

1.

初六: 幹父之蠱, 有子, 考无咎, 厽, 終吉.

Sơ lục: Cán phụ chi cỗ, hữu tử, khảo vô cữu, lẻ, chung cát.

Dịch: Hào 1, âm: Sửa sang sự đỗ nát của cha; nhờ con mà cha không lỗi; nhưng cũng có thể nguy đây, phải biết răn sợ, sau mới tốt.

Quέ Cỗ này lấy việc trong nhà làm thí dụ, nên nói đến cha, con.

2.

九二: 幹母之蠱, 不可貞.

Cửu nhị: Cán mẫu chi cỗ, bất khả trinh.

Dịch: Hào 2, dương: Sửa sang sự đỗ nát của mẹ, không nên cỗ chấp (trinh)

Giảng: Hào này dương cương, đắc trung, trên ứng với hào 5 âm nhu, nên ví như con (2) với mẹ (5). Hào 2 có tài, sửa sang được, nhưng tính cương cường, có thể xung đột với 5, cho nên Hào từ khuyên đừng cỗ chấp mà phải mềm dẻo.

3.

九三: 幹父之蠱, 小有悔, 无大咎.

Cửu tam: Cán phụ chi cỗ, tiểu hữu hối, vô đại cữu.

Dịch: Hào 3, dương: sửa sang sự đỗ nát của cha, có chút hối hận những không có lỗi lớn.

Giảng: Hào này là dương lại ở vị dương, là quá cương, nóng nảy, không hợp đạo trung cho nên làm vài việc đáng ăn năn; nhưng làm nỗi việc, đắc chính, nên không đến nỗi có lỗi lớn.

Ví như người con trung ngôn, trực gián mà giữ được đạo lý cho cha.

4.

六四: 裕父之蠱, 往見吝.

Lục tú: Dụ phụ chi Cỗ, vāng kiến lận.

Dịch: Hào 4, âm: (Vì dùng dǎng mà chỉ) kéo dài sự đỗ nát của cha, nếu cứ như vậy hoài thì sẽ hối tiếc.

Giảng: Hào âm, nhu lại ở vị âm, là người thiếu nghị lực, nhút nhát, không dám cương quyết sửa sự đỗ nát của cha, để cho nó kéo dài hoài thì xấu cho cả gia đình mà phải hối hận.

5.

六五: 幹父之蠱, 用譽.

Lục ngũ: Cán phụ chi cỗ, dụng dự

Dịch: Hào 5, âm: sửa sự đỗ nát cho cha, mà được tiếng khen.

Giảng: Âm nhu ở ngôi chí tôn, không đủ tài sáng nghiệp, nhưng nhờ có đức trung mà ở dưới ứng với hào 2, dương cương là người có tài, sửa sự đỗ nát được, rốt cuộc thành công, cả hai được tiếng khen.

6.

上九: 不事王侯, 高尚 其事.

Thượng cửu: Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.

Dịch: Hào trên cùng, dương : Không xu phụ bậc vương hầu, mà nêu cao tư cách (đức của mình.)

Giảng: Hào này dương cương ở trên hào 5, như một vị hiền nhân quân tử cao khiết, ở ngoài mọi việc, không màng phú quý, không xu phụ vương hầu, giữ chí hướng của mình làm phép tắc trong thiên hạ.

*

Người Trung Hoa rất trọng đức hiếu, mà có hiếu trước hết là giữ được danh dự cho gia đình, làm vể vang cho tổ tiên, cho nên nếu cha mẹ làm điều gì trái đạo lý thì con có bốn phận can ngăn (cha có con như vậy là nhà có phúc), nếu còn nhu nhược quá, dùng dǎng không dám can thì có lỗi lớn; nếu cương cường quá mà xung đột với cha mẹ thì có lỗi, nhưng nhẹ, tốt nhất là giữ đạo trung, mềm mỏng mà kiên trì, ngoài nhu mà trong cương.

Quẻ này kết một cách bất ngờ: hào trên cùng không nói gì về việc sửa sang sự đỗ nát cả, mà chỉ khen bậc hiền nhân treo gương danh tiết cho thiên hạ soi.

Nên để ý: Cỗ là đỗ nát, rất xấu mà thoán từ khen là tốt, chỉ vì đỗ nát thì phải làm lại, canh tân, mà canh tân là điều rất tốt. Không có gì suy cực mà không thịnh lên, tới lúc cùng mà không bắt đầu trở lại.

||

19. QUÉ ĐỊA TRẠCH LÂM

Trên là Khôn (đất), dưới là Đoài (champus).

||

, đồ hình ||:::

Tự quái truyện giảng: Cỗ là công việc, có công việc rồi mới làm lớn được; cho nên sau quẻ Cỗ tới quẻ Lâm. Lâm có nghĩa là lớn.

Nhưng Lâm còn có nghĩa nữa là tới (như lâm chung là tới lúc cuối cùng, tới lúc chết; hoặc lâm hạ: người trên tới người dưới).

Thoán từ:

臨: 元亨, 利貞. 至于八月有凶.

Lâm: Nguyên hanh, lợi trinh. Chí vu bát nguyệt hưu hung.

Dịch: (dương) lớn lên và tới, rất hanh thông, chính đính thì lợi. Đến tháng 8 (hoặc tám tháng nữa) sẽ xấu.

Giảng: Mới đầu là quẻ Khôn, 5 hào âm. Một hào dương tới thay hào 1 âm ở dưới, rồi một hào dương nữa tới thay hào 2 âm, thành ra quẻ Lâm. Thế là dương cung lớn dần, tới ngày thịnh lớn, nên gọi là Lâm.

Một cách giảng nữa: trên chǎm (đoài) có đất, tức là đất tới sát nước, nên gọi là Lâm (tới gần).

Theo cách giảng thứ nhất, dương cương lớn dần mà âm nhu tiêu dần, thế là đạo gần tới lúc thông, cho nên bảo là rất hanh thông.

Xét theo hào thì hào 2 cương trung, ứng với hào 5, nhu trung, nhân sự có phần vui vẻ, cũng hanh thông nữa (Thoán truyện).

Trong cảnh hanh thông, đừng nên phóng túng mà nên giữ vững chính đạo, (lợi trinh): nếu không thì đến tháng 8 (hoặc tám tháng nữa) sẽ hung.

Có nhiều thuyết giảng hai chữ “bát nguyệt” ở đây chúng tôi không biết tin thuyết nào chỉ xin hiểu đại ý là “sau này sẽ hung”; mà không chép những thuyết đó.

Đại tượng truyện bàn thêm: đất tới sát chǎm, có cái tượng quân tử tới dân, giáo hóa dân không bao giờ thôi, bao dung, giữ gìn dân không có giới hạn (vô cương).

Hào từ

1.

初九: 咸臨, 貞吉.

Sơ cửu: Hàm lâm, trinh cát.

Dịch: Hào 1, dương : Cùng tới, giữ chính đạo thì tốt.

Giảng: Trong quẻ này chỉ có hai hào dương tới lần bốn hào âm, cho nên hai hào dương phải hợp lực nhau cùng tới, mới chiến thắng được. Hào 1 đặc chính (vì là dương mà ở vị dương lẻ) cho nên khuyên nên giữ chính đạo của mình.

Chu Hi, theo Trình Di cho chữ “hàm” ở đây có nghĩa là cảm, hào 1 dương ứng hợp với hào 4 âm, như vậy là vì cảm ứng với hào 4 mà tới.

2.

九二: 咸臨, 吉, 无不利.

Cửu nhị: Hàm lâm, cát, vô bất lợi.

Dịch: Hào 2, dương : cùng tới, tốt, không gì là không lợi.

Giảng: Nghĩa cũng như hào 1. Hào 2, dương cương đặc trung, gặp lúc dương đương lên, cho nên hiện tại tốt lành mà tương lai cũng thuận lợi.

Tiểu tượng truyện thêm 4 chữ: vị thuận mệnh dã (chưa thuận mệnh vậy). Trình Di giảng là hào 2, dương trung, cảm ứng với hào 5 âm trung, hai hào đó cảm ứng với nhau không phải vì theo mệnh của người trên, cho nên tốt, không gì là không lợi. Chu Hi không chấp nhận lời giảng đó, bảo: “chưa rõ ý nghĩa ra sao”

Phan Bội Châu giảng: hào 1 và 2 phải cùng tới thì mới tốt, phải lấy sức người giúp mệnh trời, chứ không ngồi yên mà chờ mệnh trời.

3.

六三: 甘臨, 无攸利; 既憂之, 无咎.

Lục tam: Cam lâm, vô du lợi; Kí ưu chi, cô cữu.

Dịch: Hào 3 âm: Ngọt ngào (a dua) mà tới (để dù dỗ hào 2) thì không có lợi đâu; nhưng đã biết lo sửa tính thì không có lỗi nữa.

Giảng: Hào này âm nhu, bát trung, bát chính nên ví với bọn tiểu nhân, dùng lời ngọt ngào mà dụ dỗ hào 2.

4.

六四: 至臨, 无咎.

Lục tứ: Chi lâm, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: Hết lòng thành thực tới với hào 1, không có lỗi.

Giảng: Hào này cũng là âm nhu, nhưng đắc chính (âm ở vị âm), có lòng thành thực, lại ứng với hào 1 là người có tài, chính đáng (hào 1 cũng đắc chính), nên không có lỗi gì cả.

5.

六五: 知臨, 大君之宜, 吉.

Lục ngũ: Trí lâm, đại quân chi nghi, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Dùng đức sáng suốt mà tới, đúng là tư cách một vị nguyên thủ, tốt.

Giảng: hào âm này ở vị chí tôn, có đức trung, ứng hợp với hào 2, dương, có thể ví với một vị nguyên thủ tuy ít tài (âm) nhưng sáng suốt, biết người nào có tài (hào 2), tín nhiệm, ủy thác việc nước cho người đó, như vậy kết quả chắc tốt.

6.

上六: 敦臨, 吉, 无咎.

Thượng lục: Đôn lâm, cát, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Lấy lòng đôn hậu mà tới (với đòn), tốt, không có lỗi.

Giảng: Hào này là âm, ở cuối cùng ngoại quái Khôn, là có đức rất nhu thuận, ở thời Lâm, tức thời của dương, của quân tử đương tiên, nó hướng về hai hào dương ở dưới cùng (mặc dù không hào nào trong 2 hào đó ứng với nó) mà dắt mày hào âm kia theo hai hào dương đó, cho nên khen nó là đôn hậu, tốt, không có lỗi.

||

20. QUẺ PHONG ĐỊA QUÁN

Trên là Tốn (gió) dưới là Khôn (đất)

đồ hình ::::||

Lâm là lớn, vật gì đến lúc lớn thì mới đáng biểu thị cho người ta thấy, cho nên sau quẻ Lâm tới quẻ Quán cũng đọc là Quan. Quán là biểu thị cho người ta thấy, Quan là xem xét

Thoán từ:

觀: 盡而不薦, 有孚顒若.

Quán: Quán nhi bát tiên, hữu phu ngung nhược.

Dịch: Biểu thị (làm mẫu mực cho người ta thấy) cũng như người chủ tế, lúc sấp tế, rửa tay (quán) cho tinh khiết, bấy nhiêu cũng đủ rồi, không cần phải bày mâm cỗ dâng lên (tiến); mình chí thành (phu) như vậy thì người khác cũng chí thành tín ngưỡng (ngung) mình.

Giảng: Theo tượng quẻ, Tốn ở trên, Khôn ở dưới là gió thổi trên đất, tượng trưng cho sự cỗ động khắp mọi loài, hoặc xem xét (quan) khắp mọi loài.

Lại thêm: hai hào dương ở trên, bốn hào âm ở dưới, là dương biểu thị (quán) cho âm; âm trông (quan) vào dương mà theo.

Đó là giải nghĩa tên quẻ.

Thoán từ và Thoán truyện đưa một thí dụ cho ta dễ hiểu.

Muốn biểu thị (quán) là mẫu mực cho người khác thấy thì nên có lòng chí thành như người chủ tế, lúc sấp tết, rửa tay cho tinh khiết, đó là điều quan trọng nhất, còn việc dâng cỗ, thuộc về vật chất, có nhiều cũng được, có ít cũng được, ví dụ như không có, chỉ dùng hương, hoa cũng tốt.

Hào 5 ở trong quẻ ở ngôi chí tôn, có đức dương cương, trung chính, chính là người cho thiên hạ trông vào mà cảm hóa theo.

Người đó nên coi đạo trời lặng lặng vậy mà bốn mùa vận hành không sai, mà lấy lòng chí thành làm gương cho dân, dạy dân, dân sẽ không ai không phục.

Hào từ:

1

初六: 童觀, 小人无咎, 君子吝.

Sơ lục: Đồng quan, tiểu nhân vô cữu, quân tử lận.

Dịch: Hào 1, âm: Trẻ con nhìn lên (không hiểu gì), tiểu nhân thì không đáng trách, quân tử mà như vậy thì hối tiếc.

Giảng: Tên quẻ thì đọc là Quán, người trên (hào 5) biểu thị, làm gương cho người dưới. Nhưng xét từng hào thì đọc là quan, người dưới xem xét tư cách, hành vi của người trên. Hào 5, dương, đắc trung làm chủ quẻ, tượng trưng cho người trên, ông vua.

Hào nào cũng nhìn lên hào 5 cả, hào 1 ở xa quá, như con nít tò mò mà nhìn lên, không hiểu gì cả, nhưng vì là con nít, không đáng trách; người quân tử mà như vậy mới đáng trách.

2.

六二: 闖觀, 利女貞.

Lục nhị: Khuy quan, lợi nữ trinh.

Dịch: Hào 2, âm: Nhìn lên, chỉ thích hợp với nét trinh của đàn bà thôi.

Giảng: Hào này âm nhu, trung chính, là người con gái có nét trinh, ngó lên hào 5, không thấy được đạo lý của 5, con gái như vậy thì được. Người trượng phu mà như thế thì đáng xấu hổ (khả xú dã – Tiểu tượng truyện.)

3.

六三: 觀我生, 進退.

Lục tam: Quan ngã sinh, tiến thoái.

Dịch: Hào 3, âm: Xét bản thân, hành vi của mình, xem nên tiến lên (theo hào 4) hay nên đứng yên, đừng để phải lui xuống 2.

Giảng: Hào này bất chính (âm mà ở vị dương), lại ở trên cùng nội quái, có thể tiến hay thoái; Hào từ khuyên đừng ngó lên hào 5, cứ tự xét bản thân, hành vi của mình, nếu đối phó được với hoàn cảnh thì tiến lên, không thì thôi, như vậy là chưa sai đường lối.

4.

六四: 觀國之光, 利用 賓于王.

Lục tứ: Quan quốc chi quang, lợi dụng tân vu vương.

Dịch: Hào 4, âm: Xem cái quang vinh của nước mà lợi dụng địa vị thân cận với vua.

Giảng: Hào này âm, đắc chính, ở ngay dưới hào 5, tức là vị thân cận với vua (quí khách của vua)

được vua tín nhiệm, xem xét đức sáng của vua (vua hiền thì nước mới vinh quang, nền vinh quang của nước túc là đức sáng của vua), mà bắt chước, đem tài sức ra giúp đời.

5.

九五: 觀我生君子, 无咎.

Cửu ngũ: Quan ngã sinh quân tử, vô cữu.

Dịch: Hào 5, dương: Xét bản thân, hành động của ta hợp với đạo quân tử, như vậy là không có lỗi.

Cũng có thể chấm câu như vậy: Quan ngã sinh, quân tử vô cữu; và dịch là người quân tử ở đời này phải xem bản thân, hành động của ta (tức hào 5) mà noi theo thì không có lỗi.

Giảng: Hào 5 ngôi chí tôn, cương cường mà trung chính là bậc quân tử làm gương cho 4 hào ở dưới, mọi người đều ngó vào.

Tiểu tượng truyện bàn rộng: “Quan ngã sinh, quan dân dã” nghĩa là muốn xem đức của ta (của vua) thì cứ xem phong tục đạo đức của dân”, vì vua mà hiền minh thì dân tình tốt, vua u mê thì dân tình xấu.

6.

上九: 觀其生君子, 无咎.

Thượng cửu: Quan kỳ sinh quân tử, vô cữu.

Dịch: hào trên cùng, dương: xét bản thân, hành động của hào này hợp với đạo quân tử, như vậy là không có lỗi.

Cũng có thể chấm câu như vậy: quan kỳ sinh, quân tử vô cữu; và dịch là : người quân tử ở đời này phải xem bản thân, hành động của nó (của hào cuối cùng) mà noi theo thì không có lỗi.

Giảng: Hào từ: hào này y như hào từ 5, chỉ khác hào 5 dùng chữ ngã là ta, mà hào này dùng chữ kỳ là của nó (của hào trên cùng). Là vì hào 5 là vua, nói với hào 4 là cận thần, tự xưng là ta; còn hào này là lời Chu Công nói về hào trên cùng, cũng như đã nói về các hào 1, 2, 3, 5 ở dưới.

Hào trên cùng này cũng là dương như hào 5, cũng là quân tử, tuy không phải ở ngôi chí tôn, nhưng ở trên cao hơn hết, cũng làm gương cho các hào âm trông vào. Vì nó có tư cách quân tử, nên không có lỗi.

*

Quέ Quán này khuyên người trên nêu gương cho dưới và người dưới noi gương người trên; nhưng trẻ con và tiểu nhân thì nhiều khi chưa biết noi gương.

||

21. QUÉ HỎA LÔI PHỆ HẠP

Trên là ly (lửa), dưới là Chấn (sấm)

đồ hình |::|:

Tự quái truyện giảng: tình, lý có chỗ khả quan rồi sau mới hợp nhau được; nhưng muốn cho hợp nhau thì trước hết phải trừ sự ngăn cách đã, cho nên sau quέ Quán, tới quέ Phệ hạp. Phệ là cắn, là trừ (sự ngăn cách), hạp là hợp.

Thoán từ:

噬嗑: 亭, 利用獄.

Phệ hạp: Hanh, lợi dụng ngục.

Dịch: Cắn để hợp lại, như vậy là hanh thông; dùng vào việc hình ngục thì có lợi.

Giảng: Quέ Phệ hạp này nói về việc hình ngục.

Hào sơ và hào trên cùng là hai vạch liền, tượng như hàm trên và hàm dưới; ở giữa có ba vạch đứt, là miệng há ra; xen vào một vạch liền như một cái cắn ngang miệng, làm gián cách hai hàm răng; Phải cắn gãy, trừ nó đi rồi hai hàm mới hợp với nhau được.

Trong xã hội, kẻ gián cách đó là bọn gian tà, sàm nịnh bung bít kẻ trên người dưới mà trên không thông tới dưới, dưới không đạt tới trên. Cho nên phải dùng hình ngục để trừ chúng.

Hình ngục muôn có kết quả thì phải vừa uy, vừa sáng suốt. Nội quái Chấn là uy; ngoại quái Ly là sáng suốt.

Lại xét riêng hào 5, hào làm chủ trong quẻ; nó ở ngôi cao, âm nhu mà đắc trung, là có ý khuyên dùng hình ngục tuy phải uy, phải cương, nhưng vẫn nên có một chút nhu, hiếu sinh; nếu chỉ cương thôi thì hóa ra tàn khốc, hiếu sát mát.

Đó là đại ý Thoán truyện. Đại tượng truyện bảo tiên vương theo ý nghĩa quẻ Phê hạp này mà làm sáng tỏ sự trùng phạt và răn bảo bằng pháp luật. (Tiên vương dĩ minh phạt, sắc pháp: 先王以明罰, 敕法 cũng có người hiểu là sắp đặt pháp luật hoặc ban bố pháp luật)

Hào từ .

1.

初九: 屢校滅趾, 无咎.

Sơ cửu: Lí giảo diệt chỉ, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương : ví như chân đạp vào cái cùm mà đứt ngón chân cái, không có lỗi lớn.

Giảng: Trong quẻ này hào 1 và hào trên cùng là người không có chức vị, bị chịu hình; còn 4 hào kia là người có chức vị áp dụng hình pháp.

Hào 1 ở dưới cùng là hạng dân thường, mới làm bậy mà bị tội nhẹ (cùm chân, chặt ngón chân cái) thì sẽ sợ phép nước mà sau không làm điều ác nữa, cho nên không có lỗi lớn.

2.

六二: 噬膚, 滅鼻, 无咎.

Lục nhị: Phê phu, diệt tị, vô cữu.

Dịch: Hào 2, âm: Cắn miếng thịt mềm, sút cái mũi, không có lỗi.

Giảng: hào này cũng như ba hào sau, dùng chữ phê (cắn) để tro người dùng hình pháp.

Hào 2 âm nhu đắc trung, chính lại được hào 5 ứng, tức là người được vua ủy cho quyền hình pháp, vì vậy dễ thu phục được kẻ có tội, công việc dễ như cắn miếng thịt mềm. Nhưng vì hào 2 cưỡi lên hào 1 dương cương, tức như gấp kẻ ương ngạnh, nên phải cưỡi lên hào 1 dương cương, tức như gấp kẻ ương ngạnh, nên phải quá tay một chút, kẻ bị tội chịu hình phạt khá đau, như bị cắn vào mũi, đó là lỗi của hấn chứ hào 2 vẫn là trung chính, không có lỗi.

3.

六三: 噬腊肉, 遇毒, 小吝, 无咎.

Lục tam: Phê tích nhục, ngộ độc, tiêu lận, vô cữu.

Dịch: Hào 3, âm: Cắn phải miếng thịt có xương lại ngộ độc, đáng ân hận một chút, nhưng không có lỗi.

Giảng: Hào 3, âm: Không trung chính, dùng hình ngục và không được người phục, có phần bị oán nữa, như cắn phải miếng thịt có xương lại ngộ độc; những ở vào quẻ Phê hạp, dùng hình pháp để giữ trật tự cho xã hội, cho nên việc làm của mình tuy đáng ân hận, mà không có lỗi lớn.

4.

九四: 噩 乾肺, 得金矢, 利艱貞, 吉.

Cửu tú: phệ can trĩ (có người đọc là tì)

đắc kim thi , lợi gian trinh, cát.

Dịch: Hào 4, dương : Cắn phải thứ thịt liền xương mà phơi khô, được mũi tên đồng, chịu khó nhọc mà vững lòng giữ đường chính thì tốt.

Giảng: Hào này dương cương ở gần ngôi chí tôn (hào 5) là người cương trực, có trách nhiệm; lại ở ngoại quái Ly, nên có tài minh đoán, cho nên dù gặp kẻ ngoan cố cũng trị được dễ dàng, như cắn được miếng thịt liền xương (cứng) phơi khô, mà vẫn giữ được đạo cương trực, tượng bằng mũi tên bằng đồng.

Nhưng vì hào này cương, mà cương quyết thì e gặp khó khăn, nên Hào từ khuyên phải chịu khó nhọc, tuy cương mà vị lại nhu (hào thứ 4, chẵn), nên lại khuyên phải vững chí. Có hai điều kiện đó thì mới tốt.

5.

六五: 噩乾肉, 得黃金, 貞厲, 无咎.

Lục ngũ: phệ can nhục, đắc hoàng kim, trinh, lệ, vô cữu.

Dịch: Hào 5, âm: Cắn miếng thịt khô, được vàng (danh dự quý báu); phải giữ vững đạo, thường lo sợ, thì không có lỗi.

Có sách giảng về hai chữ “hoàng kim” như sau: kim là vật quý, tượng trưng ngôi chí tôn của hào 5, hoàng là sắc của đất, của trung ương (đen là màu của phương bắc, đỏ của phương nam, xanh của phương đông, trắng của phương tây), tượng trưng đức trung của hào 5.

6.

上九: 何校滅耳, 凶.

Thượng cửu: Hạ giảo diệt nhĩ, hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương : cỗ tra vào gông, bị tội cắt tai, xâu.

Giảng: Hào này lại nói về kẻ thù hình như hào 1. Xấu hơn hào 1, vì dương cương lại ở cuối quẻ, trổ hạng cực ác, nên bị tội nặng: đeo gông, cắt tai.

Theo hệ từ hạ truyện, chương V thì Khổng tử bàn như sau: “. . . không tích lũy nhiều điều ác thì không đến nỗi bị diệt thân thể (như hào này). Kẻ tiểu nhân cho rằng (. . .) một điều ác nhỏ là vô hại, nên cứ làm; vì vậy mà các điều ác cứ tích lũy tới lúc(. . .) tội hóa lớn mà không thể tha thứ được”.

*

Quẻ này xét về việc hình ngục, đại ý khuyên: Người xử hình phải sáng suốt trước hết, cương quyết mà cũng cần có đức nhu (để bớt cương đi), có chút từ tâm, và luôn luôn phải giữ đạo chính, thận trọng (hào 5).

Hào 4 cũng tốt, vì vừa cương vừa nhu, có tài và có địa vị.

– Nên răn đe dân từ khi dân mới mắc phải tội nhỏ, nếu không dân sẽ quen làm bậy, ác cứ tích lũy mà mắc tội lớn.

||

22. QUẺ SƠN HỎA BÍ

Trên là Cấn (núi), dưới là Ly (lửa)

đồ hình |:|::|

Đám đông, hợp lại với nhau thì phải có trật tự, uy nghi, có văn vẻ, cho nên tiếp theo quẻ Phê Hap là quẻ Búi là văn vẻ, rực rỡ, sáng sủa trang sức.

Thoán từ:

賁: 亨, 小利, 有攸往.

Bí: hanh, tiểu lợi, hữu du vãng.

Dịch: Trang sức văn vẻ thì hanh thông; làm việc gì mà chỉ nhở ở trang sức thì lợi bé nhỏ mà thôi.

Giảng: Trên là núi, dưới là lửa; lửa chiếu sáng mọi vật ở trên núi, như vậy làm cho núi đẹp lên, trang sức cho núi.

Còn một cách giảng nữa: trong nội quái (vốn là quẻ đơn Càn) hào 2, âm, vốn ở quẻ đơn Khôn, thay vào hào 2 dương của quẻ đơn Càn, thành quẻ đơn Ly, như vậy là tô điểm cho quẻ đơn Càn. Trong ngoại quái (vốn là quẻ đơn Khôn) hào trên cùng vốn ở quẻ đơn Càn, lại thay hào trên cùng của quẻ đơn khôn, thành quẻ đơn Cấn.

Nói cách khác, văn tắt mà không sai mấy thì nội quái có một hào âm trang sức cho hai hào dương, còn ngoại quái có một hào dương trang sức cho hai hào âm, vì vậy mà gọi là quẻ Bí: trang sức.

Vật gì cũng vậy: có chất, tinh thần; mà lại thêm văn, hình thức, thì tốt (hanh thông), nhưng nếu chỉ nhở ở trang sức mà thành công thì lợi ít thôi.

Thoán truyện bàn rộng thêm: âm nhu và dương cương giao với nhau, thay đổi lẩn nhau (tức hào 2 và hào trên cùng như trên mới giảng). Đó là cái văn vẻ tự nhiên (thiên văn) của trời; còn cái văn vẻ nhân tạo (nhân văn) thì nên hạn chế (quẻ Cán ở trên có nghĩa là ngăn, hạn chế), vì tuy nó có công giáo hóa thiên hạ, nhưng nhiều quá thì văn thắc chất, xấu.

Đại tượng truyện còn khuyên: Việc chính trị nhỏ thì dùng trang sức được; còn việc quan trọng như phán đoán hình ngục thì dùng nên quả quyết, tô điểm thêm.

Hào từ.

1.

初九: 賁其趾, 舍車而徒.

Sơ cửu: Bí kì chỉ, xả xa nhi đồ.

Dịch: Hào 1, dương, Trang sức, trau giòi ngón chân (địa vị thấp) của mình; bỏ cách sung sướng là ngồi xe mà nên đi bộ (chịu khó nhọc).

Giảng: Hào này dương cương, ở cuối cùng nội quái Ly, tức như người có đức sáng suốt mà ở địa vị thấp nhất. Chỉ nên trau giòi phẩm hạnh của mình trong địa vị đó (ví như ngón chân, bộ phận thấp nhất trong thân thể), mà an bần, chịu đi bộ chứ đừng ngồi xe.

2.

六二: 賁其須.

Lục nhị: Bí kì tu.

Dịch: Hào 2, âm: trang sức bộ râu.

Giảng: Chữ tu ở đây nghĩa là râu, cũng như chữ tu : 鬚

Hào này làm chủ nội quái ly, có công dụng trang sức cho quẻ Ly, đặc biệt là cho hào 3 dương ở trên nó, cho nên ví nó như bộ râu trang sức cho cái cầm (hào 3). Nó phải phụ vào hào 3 mà hành động. Hào 3 có tốt thì tác động của hào 2 mới tốt, cũng như phải có cái cầm đẹp thì để râu mới thêm đẹp, nếu cầm xấu thì để râu càng thêm khó coi. Nói rộng ra thì bản chất phải tốt, xứng với sự trang sức; chất và văn phải xứng nhau.

3.

九三: 賢如濡如, 永貞吉.

Cửu tam: Bí nhu, nhu nhu, vĩnh trinh cát.

Dịch: Hào 3, dương: Trang sức mà đầm thắm, hễ giữ vững chính đạo thì tốt.

Giảng: Hào này dương cương, đắc chính, lại ở trên cùng nội quái ly, có cái nghĩa rất văn minh; tượng trưng người có tài trang sức cho hai hào âm ở trên và dưới nó, tính rất đầm thắm với hai hào âm (có người dịch “nhu nhu” là trang sức một cách nhuần nhã, thắm nhuần). Vì vậy mà nên coi chừng, đừng say mê vì tư tình, mà phải bền giữ chính đạo thì mới tốt, không bị người xâm lấn (mặc chi lăng dã: Tiêu tượng truyện).

4.

六四: 賢如皤如, 白馬翰如, 匪寇, 婚媾.

Lục tứ: Bí nhu, bà (có người đọc là ba) nhu, bạch mã hàn nhu, phi khâu, hôn cầu.

Dịch: hào 4 âm: Muốn trang sức cho nhau (nhưng không được) nên chỉ thấy trắng toát. Hào 4 nhu cưỡi ngựa trắng mà chạy như bay (đuôi kịp hào 1), rốt cuộc cưới nhau được vì kẻ gián cách hai bên (hào 3) không phải kẻ cướp (người xấu).

Giảng: hào 4 âm nhu, ứng với hào 1 dương cương, cả hai đều đắc chính, tình ý hợp nhau, muốn trang sức cho nhau, nhưng bị hào 3 ở giữa ngăn cách, nên không trang sức cho nhau được, chỉ thấy trắng toát (trắng nghĩa là không có màu, không trang sức). Mặc dù bị 3 cản trở, 4 vẫn cố đuổi theo 1, rốt cuộc 3 vốn cương chính, không phải là xấu, không muốn làm hại 4 và 1, cặp này kết hôn với nhau được.

5.

六五: 賢于丘園, 束帛箋箋, 奢, 終吉.

Lục ngũ: bí vu khâu viên, thúc bạch tiên tiên, lận, chung cát.

Dịch: Hào 5, âm: Trang sức ở gò vườn, mà dùng tấm lụa nhỏ, mỏng, tuy là bùn xỉn, đáng chê cười đây, nhưng rốt cuộc được tốt lành.

Giảng: Hào 5, âm nhu, đắc trung, làm chủ quẻ Bí; vì là âm nhu nên có tính quá tần tiện, lo trang sức cái gì hữu dụng như vườn tược thôi, mà lại chỉ dùng tấm lụa nhỏ, mỏng cho đỡ tốn, cho nên bị cười chê, nhưng như vậy còn hơn là xa hoa, mà biết trọng cái gốc là sự chất phác, cho nên cuối cùng vẫn được tốt lành, có hạnh phúc cho dân (hữu hỉ dã: lời Tiêu tượng truyện.)

6.

上九: 白賁, 无咎.

Thượng cửu: Bạch bí, vô咎.

Dịch: Hào trên cùng, dương: lấy sự tố phác, như màu trắng (không màu mè gì cả) làm trang sức, không có lỗi.

Giảng: Hào này là thời cuối cùng của quẻ Bí, trang sức, màu mè đã cùng cực rồi; mà vật cực tắc phản, người ta lại trở lại sự chất phác, nên không có lỗi gì cả. Trong văn học sử, chúng ta thấy sau những thời duy mĩ quá mức, người ta lại “phục cổ”, trở lại lỗi văn bình dị, tự nhiên thời xưa.

*

Đại ý quẻ Bí này là có văn vẻ, có trang sức mới là văn minh, nhưng vẫn nên trọng chất hơn văn, lấy chất làm thể, lấy văn làm dụng, và không nên xa hoa, màu mè quá.

□

23. QUẾ SƠN ĐỊA BÁC

Trên là Cấn (núi) dưới là Khôn (đất)

Đồ hình quẻ Sơn Địa Bác

Bí là trang sức, trau giòi; trau giòi tới cực điểm thì mòn hết. Cho nên sau quẻ Bí tới quẻ Bác. Bác là mòn, là bóc, lột bỏ cho tiêu mòn lần đi.

Thoán từ

剥: 不利有攸往.

Bác: Bất lợi hưu du vãng.

Dịch: Tiêu mòn: Hết tiến tới (hành động) thì không lợi.

Giảng: Theo tượng quẻ, năm hào âm chiếm chỗ của dương, âm tới lúc cực thịnh, dương chỉ còn có một hào, sắp đến lúc tiêu hết. Do đó gọi là quẻ thịnh, dương, chỉ còn một hào sắp đến lúc tiêu hết. Do đó gọi là quẻ Bác. Ở thời tiêu nhân đắc chí hoành hành, quân tử (hào dương ở trên cùng) chỉ nên chờ thời, không nên hành động. Chờ thời vì theo luật tự nhiên, âm thịnh cực rồi sẽ suy, mà dương suy cực rồi sẽ thịnh. (Lão Tử khuyên: “đại trí nhược ngu, đại dũng nhược khiếp, đại xảo nhược chuyết (vụng) “nghĩa là phải tạm giấu cái khôn, cái khéo, cái dũng của mình để được yên thân đợi chờ cơ hội).

Thoán truyện: giảng thêm: nên thuận đạo trời mà ngưng mọi hoạt động vì nội quái là Khôn, có nghĩa là thuận, ngoại quái là Chấn có nghĩa là ngưng; mà đạo trời là hết hao mòn (tiêu) thì sẽ phát sinh (túc) – nói về các hào dương; mà hết đầy (doanh) thì sẽ trống không (hư) – nói về các hào âm trong quẻ này.

Đại tượng truyện: chỉ xét tượng của quẻ mà đưa ra một nghĩa khác: ngoại quái là núi, nội quái là đất; núi ở trên đất, đất là nền móng của núi; đất có dày thì núi mới vững; vậy người trên (nhà cầm quyền) phải lo cho dân an cư lạc nghiệp thì địa vị của người trên mới vững. Ý đó thêm vào, không có trong thoán từ.

Hào từ:

1.

初六: 剥床以足, 蔑貞, 凶.

Sơ lục: Bác sàng dĩ túc, miệt trinh, hung.

Dịch: Hào 1, âm: như cắt (phá hoại) chân giường, dần dần sẽ làm tiêu diệt đạo chính của người quân tử, xấu.

Giảng: âm (tiêu nhân) bắt đầu tiêu diệt dương (quân tử), cũng như bắt đầu phá cái giường từ dưới chân trở lên.

2.

六二: 剥床以辨, 蔑貞, 凶.

Lục nhị: bác sàng dĩ biện, miệt trinh, hung.

Dịch: Hào 2, âm: như phá tới then giường (có người dịch là thành giường, hay sườn giường), tiêu diệt đạo chính của người quân tử, xấu.

Giảng: Nghĩa hào này cũng như hào 1: bọn tiêu nhân đã tiến thêm một bước nữa, phá tới then

giường rồi, chưa tới mặt giường.

3.

六三: 剝之, 无咎.

Lục tam: Bác chi, vô cữu.

Dịch: Hào 3 âm: Phá bỏ bè đảng của mình, không có lỗi.

Giảng: Hào này cũng là âm nhu, tiểu nhân, nhưng vì ứng với hào dương, quân tử, ở trên cùng, cho nên theo hào đó mà bỏ các hào âm ở trên và dưới nó (tức các hào 1, 2, 4) chịu mất lòng với các hào âm này (lời Tiểu tượng truyện) mà theo đạo chính, cho nên không có lỗi.

4.

六四: 剝床以膚, 凶.

Lục tứ: Bác sàng dĩ phu, hung.

Dịch: hào 4, âm: phá giường mà xéo tới da thịt người nằm trên giường nữa, xấu.

Giảng: Hào âm này đã lên tới ngoại quái, thế là tiểu nhân đã hoành hành, quân tử bị hại quá đau, tai họa bức thiết quá rồi; xấu.

5.

六五: 貫魚, 以宮人寵, 无不利.

Lục ngũ: Quán ngư, dĩ cung nhân sủng, vô bất lợi.

Dịch: Hào 5, âm: Dắt bầy cung nhân như một xâu cá (ám chỉ bầy tiểu nhân), để lên hầu vua (tức theo người quân tử, hào dương ở trên cùng), như vậy là tiểu nhân biết thuận tòng quân tử, không có gì là không lợi.

Giảng: Hào này làm thủ lãnh bầy âm. Theo nghĩa mây hào trên, chúng ta tưởng hào này càng phá mạnh hạng quân tử hơn nữa; nhưng ngược lại. Hào từ lối lẽ rằng hào 5, ở sát hào dương ở trên cùng thân cận với 6, chịu ảnh hưởng tốt của 6, nên dắt cả bầy âm (ví như một xâu cá – cá thuộc loài âm) để theo hào 6 quân tử cũng như bà hậu dắt bầy cung phi lên hầu vua. Thế là theo đạo chính, cho nên không gì là không lợi.

Theo Phan Bội Châu, sở dĩ có nhân tới hào này bỏ cái nghĩa âm tiêu diệt dương, mà cho cái nghĩa âm thuận theo dương, là để khuyến khích tiểu nhân cải tà qui chánh, mà giúp đỡ quân tử. Kinh dịch “Vị quân tử mưu” (lo tính cho quân tử) là nghĩa đó. Có thể như vậy. Lý do chính thì coi hào sau ta sẽ thấy.

6.

上九: 碩果不食, 君子得輿, 小人剝廬.

Thượng cửu: thạc quả bất thực,

Quân tử đắc dư, tiểu nhân bác lư.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Còn một trái lớn trên cây, không hái xuống ăn (ý nói dương tức quân tử không bao giờ hết). Quân tử ở hào này được quần chúng (dư) theo; còn tiểu nhân thì biết rằng nếu diệt hết quân tử tức lá phá đổ nhà chúng ở (chúng cũng không còn).

Giảng: Cả quẻ chỉ có mỗi hào này là dương cho nên ví với trái cây lớn còn lại trên cây, không hái xuống ăn thì có ngày nó sẽ rụng mà mọc mầm, như vậy là đạo quân tử không bao giờ hết. Hào 3 và 5 kéo các hào âm khác theo hào dương này, cho nên bảo là quân tử được dân chúng theo. Hào dương này ở trên cùng, cũng như cái nhà che cho tất cả các hào âm ở dưới. Nếu bọn tiểu nhân phá nhà đó cho sập – nghĩa bóng là không còn quân tử thì quốc gia suy vong, chủng tộc tiêu diệt- thì chúng cũng không sống được, không có chỗ dung thân.

Vậy ta thấy sở dĩ Chu Công, người viết Hào từ, cho hào 5 theo hào trên cùng (âm theo dương) là vì lẽ có thể xã hội mới tồn tại được, không khi nào người tốt bị diệt hết.

Quẻ này nói về thời âm thịnh dương suy, tiểu nhân tàn hại quân tử, tiểu nhân tuy rất đông, nhưng vẫn có một số (hào 3 và 5) hiểu đạo cải quá, đứng về phe quân tử, và khi xã hội lâm nguy thì ủng hộ quân tử. Người quân tử mới đầu chỉ nên im hơi lặng tiếng mà chờ thời, chuẩn bị cho lúc thịnh trở lại.

Đó là luật âm dương trong vũ trụ; vũ trụ luôn luôn có đủ cả âm, dương ; khi âm cực thịnh, vẫn còn dương, khi dương cực thịnh cũng vẫn còn âm, âm dương cứ thay nhau lên xuống, thế thôi.

||

24. QUẺ ĐỊA LÔI PHỤC

Trên là Khôn (đất), dưới là Chân (sầm)

đồ hình |:::::

Vật không bao giờ tới cùng tận; quẻ Bác, hào dương ở trên cùng thì lại quay trở xuống ở dưới cùng (cùng thượng phản hạ); cho nên sau quẻ Bác tới quẻ Phục. Phục là trở lại (phát sinh ở dưới). Như vậy là đạo tiểu nhân thịnh cực thì phải tiêu, đạo quân tử suy cực thì lại thịnh lần.

Thoán từ.

復: 亨, 出入无疾, 朋來无咎.

反復其道, 七日來復, 利有攸往

Phục: Hanh, Xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu.

Phản phục kì đạo, thất nhật lai phục, lợi hữu du vãng.

Dịch: Trở lại: Hanh thông. Ra vào không gặp tai nạn, bạn bè sẽ lần lượt tới, không làm lỗi nữa.

Vận trời phản phục (tráo đi trở lại), cứ bảy ngày thì trở lại, hành động việc gì cũng có lợi.

Giảng: Khí dương bây giờ trở lại, cho nên hanh thông. Người quân tử (dương) ra vào tự do, không bị tai nạn; rồi sẽ có các hào dương khác kéo nhau tới, cũng như bạn bè tới, không còn làm lỗi nữa (ý muốn nói; sau quẻ này sẽ tới quẻ Lâm, có hai hào dương ở dưới, rồi tới quẻ Thái, có ba hào dương ở dưới, tới quẻ Đại tráng (4 hào dương) quẻ Quái, (5 hào dương) quẻ Càn (cả 6 hào đều dương), thế là sáu quẻ dương cứ tăng dần. Đó là vận phản phục của trời đất, cứ bảy ngày thì trở lại. Chữ nhật (ngày) ở đây thay cho chữ hào; bảy ngày mới trở lại vì sau quẻ Càn, tới quẻ Câu, một hào âm sinh ở dưới 5 hào dương, ngược lại với quẻ Phục (một hào dương ở dưới 5 hào âm), lúc đó mới hết một vòng (1).

Thoán truyện giảng thêm: Sở dĩ ra vào không bị tai nạn, bạn bè kéo tới, không còn làm lỗi, vì tượng của quẻ: nội quái Chân là động, ngoại quái Khôn là thuận; hoạt động mà thuận theo đạo trời thì tốt. Cái đạo của trời đó là tĩnh lâu rồi thì động, ác nhiều rồi thì thiện, có vậy vạn vật mới sinh sôi nảy nở. Xem quẻ Phục này thấy một hào dương bắt đầu trở lại, tức là thấy cái lòng yêu, nuôi dưỡng vạn vật của trời đất (kiến thiên địa chí tâm).

Đại tượng truyện bảo các vua đời xưa tới ngày đông chí, ngày mà dương bắt đầu sinh (tượng của quẻ Phục: sầm nấp ở dưới đất) thì đóng các cửa ải, không cho khách đi đường và con buôn qua lại mà vua cũng không đi xem xét các địa phương, là có ý muốn yên lặng để nuôi cái khí dương mới sinh.

Hào từ.

1.

初九: 不遠復, 无祇悔, 元吉.

Sơ cửu: Bất viễn phục, vô kì hối, nguyên cát.

Dịch: Hào 1, dương. Tuy làm lỗi nhưng thời gian chẳng xa, trở lại tốt lành ngay, thì không đến nỗi ăn năn lớn; rất tốt (chữ Kì ở đây có nghĩa là lớn).

Giảng: Hào 1, dương cương, ở đầu quẻ Phục, có nghĩa là người đầu tiên trở lại đạo, biết tu thân, nên rất tốt.

Theo Hệ từ hạ truyện chương V, thì Khổng tử cho rằng Nhan Hồi có đức của hào 1 này, vì Nhan có lỗi làm gì thì biết ngay mà biết rồi thì sửa liền không mắc lần thứ nhì nữa.

2.

六二: 休復, 吉.

Lục nhị: Hưu phục, cát.

Dịch: Hào 2, âm: Trở lại đẹp đẽ (hữu), tốt.

Giảng: Hào này âm nhu đắc trung, chính, vốn tốt rồi, mà lại ở gần hào 1 là người quân tử, tức là người biết khắc kỉ, trở lại đạo nhân nghĩa; cho nên tuy là âm mà tốt lành.

3.

六三: 頻復, 厥, 无咎.

Lục tam: Tân phục, lê, vô cửu.

Dịch: hào 3, âm (Mắc lỗi nhưng) sửa lại nhiều lần, tuy đáng nguy, mà kết quả không có lỗi.

Giảng: Hào này bất trung, bất chính, lại ở thời cuối cùng của nội quái Chấn (có nghĩa là động), ví như người không bèn chí, theo điều thiện không được lâu, sửa lỗi rồi lại mắc lỗi trở lại, như thế là đáng nguy (lê), nhưng lại biết phục thiện sửa đi sửa lại nhiều lần, nên rốt cuộc không có lỗi.

4.

六四: 中行, 獨復.

Lục tứ: Trung hành, độc phục.

Dịch: Hào 4, âm: ở giữa các tiêu nhân (các hào âm: 2,3 và 5,6) mà một mình trở lại theo quân tử (hào 1), tức theo đạo.

Giảng: hào này âm nhu, đắc chính ở giữa các hào âm, nhưng chỉ một mình nó ứng với hào 1 là dương, quân tử, cho nên Hào từ khen là một mình nó biết theo người thiện.

5.

六五: 敦復, 无悔.

Lục ngũ: Đôn phục, vô hối.

Dịch: Hào 5, âm: Có đức dày trở lại điều thiện, không có gì hối hận.

Giảng: Hào này nhu thuận, đắc trung lại ở vị tôn quý, như một người có đức dày phục thiện (trở lại điều thiện), biết tự sửa mình, cho nên không hối hận.

6.

上六: 迷復, 凶. 有災眚.

用行師, 終有大敗, 以其國君凶, 至于十年, 不克征.

Thượng lục: Mê phục, hung, hưu tai sảnh,

Dụng hành sư, chung hưu đại bại, dĩ kì quốc quân hung, chí vu thập niên, bất khắc chính.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Mê muội, không trở lại, sẽ bị tai vạ từ ngoài đưa đến (tai) và tự mình gây

nên (sảnh); đã vậy lại cậy vũ lực mà dùng quân đòn áp người, rốt cuộc sẽ đại bại, làm cho quốc quân cũng bị khốn nạn (hung), tới mười năm (tới chung cục) cũng không khá được.

Giảng: hào này ở trên cùng, như kẻ tiểu nhân mê đến cùng cực, không biết trở lại, cho nên bị đòn thù tai vạ. Nó có thể lực nhất trong các hào âm (đám tiểu nhân) vì ở trên cùng, muốn dùng vũ lực đòn áp người, rốt cuộc sẽ đại bại, gây vạ lây cho nước nó, không bao giờ khá được. Chữ thập (số 10) là số cuối cùng (số 1 là số đầu) cho nên thập niên ở đây có nghĩa là tới cùng, chớ không nhất định là 10 năm.

Tiểu tượng truyện bảo hào trên cùng này sở dĩ hung là vì làm trái đạo vua (phản quân đạo), tức đạo của hào 1. Hào 1 này là hào dương duy nhất trong quẻ, làm chủ cả quẻ cho nên gọi là vua.

*

Quẻ này xét về sự sửa lỗi để trở về đường chính. Tốt nhất là hạng người tự nhận thấy lỗi rồi sửa liền, không mặc phải lần nữa, rồi tới hạng ở gần người tốt, mà bắt chước vui vẻ làm điều nhân, nghĩa; sau tới hạng có đức dày trở lại điều thiện, hạng ở giữa kẻ xấu mà một mình theo đạo; hạng không bền chí, giữ điều thiện được lâu, nhưng biết phục thiện thì cũng không lỗi.

Xấu nhất là hạng mê muội không biết trở lại đường chính. Ý nghĩa không có gì đặc biệt.

||

25. QUẺ THIÊN LÔI VÔ VỌNG

Trên là Càn (trời), dưới là Chấn (sấm)

đồ hình |::|||

Đã trở lại thiên lý, chính đạo rồi thì không làm càn nữa, cho nên sau quẻ Phục, tới quẻ Vô vọng. Vọng có nghĩa là càn, bậy.

Thoán từ.

无妄: 元亨, 利貞. 其匪正有眚, 不利有攸往.

Vô vọng: Nguyên hanh, lợi trinh.

Kì phỉ chính hữu sảnh, bất lợi hữu du vãng.

Dịch: không càn bậy thì rất hanh thông, hợp với chính đạo thì có lợi. Cái gì không hợp với chính đạo thì có hại, có lỗi, hành động thì không có lợi.

Giảng: Tượng quẻ này: nội quái là Chấn (nghĩa là động, hành động); ngoại quái là Càn (trời), hành động mà hợp với lẽ trời thì không càn bậy, không càn bậy thì hanh thông, có lợi.

Thoán truyện giảng rõ thêm:

Nội quái nguyên là quẻ Khôn, mà hào 1, âm biến thành dương, thành quẻ Chấn. Thế là dương ở ngoài trời làm chủ nội quái, mà cũng làm chủ cả quẻ vô vọng, vì ý chính trong Vô vọng là: động, hành động. Động mà cương kiên như ngoại quái Càn, tức là không càn bậy.

Xét về các hào thì hào 5 dương cương, trung chính ứng, ứng với hào 2 cũng trung chính, thế là hợp với thiên lý, rất hanh thông.

Ở thời Vô vọng (không càn bậy) mình không giữ chính đạo mà đi thì đi đâu được? Chữ đi (vãng) ở đây nghĩa rộng là hành động (nguyên văn: Vô vọng chi vãng, hà chi hǐ? Nên hiểu là: vô vọng: phi chính chi vãng, hà chi hǐ; chữ chi thứ này có nghĩa là đi). Trái lẽ trời thì trời không giúp, làm sao đi được?

Đại tượng truyện bàn thêm về cái đạo của trời (đất) là nuôi nẩng, và thánh nhân cũng theo đạo đó mà nuôi nẩng vạn dân. Chúng tôi cho là ra ngoài đê.

Hào từ:

1.

初九: 无妄, 往吉.

Sơ cửu: vô vọng, vāng cát.

Dịch: Hào 1, dương: không còn bậy, mà tiến đi thì tốt.

Giảng: Hào này dương cương, làm chủ nội quái, là người có đức, cho nên khen như vậy.

2.

六二: 不耕穫, 不蓄畜, 則利有攸往.

Lục nhị: Bất canh hoạch, bất tri dư, tắc lợi hữu du vāng.

Dịch: Khi cày thì không nghĩ tới lúc gặt, khi mới khai phá (tri) thì không nghĩ đến ruộng đã thuộc (dự), như vậy mà tiến tới thì có lợi.

Giảng: Lời hào này quá vắn tắt, hơn điện tín ngày nay nữa, nên tối nghĩa, có nhiều sách cứ dịch từng chữ; không thông.

Chu công muôn bảo: Khi cày mà không nghĩ tới lúc gặt, khi mới khai phá mà không nghĩ tới khi ruộng đã thuộc, có nghĩa là thấy việc chính đáng phải làm thì làm mà không nghĩ đến cái lợi rồi mới làm, không chỉ trông mong vào kết quả, như vậy mới tốt.

Hào 2, âm, vừa trung vừa chính, ứng với hào 5 cũng trung chính; nó vốn là âm có đức thuận ở trong nội quái Chấn là động, như một người tốt hành động hợp với trung, chính, cho nên Hào từ bảo như vậy mà tiến thì có lợi.

Có lẽ chính vì ý nghĩa hào này mà Sử ký của Tư Mã Thiên chép tên quẻ là 无 望 (vô vọng :không mong) với nghĩa làm điều phải mà “không mong” có lợi, có kết quả. Hiểu như vậy cũng được.

3.

六三: 无妄之災, 或繫之牛, 行人之得, 邑人之災.

Lục tam: vô vọng chi tai, hoặc hệ chi ngưu,

Hành nhân chi đắc, áp nhân chi tai.

Dịch: Hào 3, âm: không còn bậy mà bị tai nạn tự nhiên đến như có kẻ cột con bò ở bên đường (rồi bỏ đi chỗ khác), một người đi qua (thấy bò không có ai coi), dắt trộm đi, được bò, mà người trong áp bị oan là lấy trộm bò, mà mắc họa.

Giảng: cả 6 hào trong quẻ này đều là không càn bậy, nhưng hào này khác một chút là bất trung, bất chính, nên bị tai nạn; tai nạn đó chỉ là vô cớ mà mắc.

4.

九四: 可貞,无咎.

Cửu tứ: khả trinh, vô cữu.

Dịch: Hào 4, dương: nên giữ vững tư cách thì không có lỗi (hoặc: có thể giữ vững được tư cách, cho nên không có lỗi).

Giảng: chữ “Trinh” có hai nghĩa: chính đáng và bền. Ở đây nên hiểu là bền. Hào 4 này dương, không ứng hợp với hào nào cả. (vì hào 1 cũng là dương cương như nó), không nên hoạt động, nhưng nó cương kiện, có thể giữ vững được tư cách.

5.

九五: 无妄之疾, 勿藥, 有喜.

Cửu ngũ: vô vọng chi tật, vật dược, hữu hỉ.

Dịch: Hào 5, dương: Không càn bậy mà vô cớ bị bệnh (gặp tai họa) thì đừng uống thuốc, sẽ hết bệnh.

Giảng: Hào này ở địa vị cao, trung chính lại ứng với hào 2 cũng trung chính, vậy là rất tốt, chăng may có bị bệnh (gặp tai họa) thì đừng uống thuốc (nghĩa bóng là đừng chạy chọt gì cả, cứ thản nhiên như Khổng tử khi bị giam ở đất Khuông) rồi sẽ tai qua nạn khỏi (như Khổng tử sau được thả ra, vì người Khuông nhận là rằng họ làm ông với Dương Hổ, một người mà họ ghét.)

6.

上九: 无妄, 行有眚, 无攸利.

Thượng cửu: Vô vọng, hành hữu sảnh, vô du lợi.

Dịch: Hào trên cùng, dương. Không càn bậy, nhưng đi (hành động) thì bị họa, không lợi gì.

Giảng: Hào từ khuyên không nên hành động, mặc dầu vẫn là “vô vọng”, chỉ vì hào này tới cuối cùng của quẻ rồi, chỉ nên yên lặng chờ thời.

*

Quẻ này cũng nhấn mạnh vào lẽ tùy thời. Cả 6 hào đều là “vô vọng” cả, không càn bậy mà tùy thời, có lúc hoạt động thì tốt như hào 1, 2; có lúc lại nên thản nhiên, chăng làm gì cả, như hào 5, có lúc không nên hành động như hào 4 (nếu hoạt động thì bị họa) và như hào trên cùng.

||

26. QUẺ SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

Trên là Cấn (núi), dưới là Càn (trời)

đồ hình |||::

Mình không có càn bậy (Vô vọng) rồi bản thân mới có thể chứa được nhiều tài, đức, hoài bão, nên sau quẻ vô vọng, tới quẻ Đại súc. Chữ súc trong quẻ này cũng là chữ súc trong quẻ Phong thiên tiêu súc, có ba nghĩa: Nhóm chúa, nuôi nấng, ngăn lại. Thoán từ dùng theo nghĩa chúa (súc tích, uẩn súc), mà Hào từ dùng với nghĩa ngăn lại.

Thoán từ:

大畜: 利貞, 不家食, 吉; 利涉大川.

Đại súc: Lợi trinh, bất gia thực, cát; lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Chứa lớn: Chính đáng (theo chính đạo) thì lợi. Không phải ăn cơm nhà (tức được hưởng lộc của vua), tốt; vượt qua sông lớn (làm việc khó khăn, gian nguy để giúp nước) thì lợi.

Giảng: Trên là núi, dưới là trời, núi mà chúa được trời thì sức chúa của nó thật lớn, cho nên gọi là Đại súc. Nói về bậc quân tử thì phải “chứa” tài đức, nghĩa là tu luyện cho tài đức uẩn súc; trước hết phải cương kiện như quẻ Càn, phải rất thành thực, rực rỡ (có văn vẻ) như quẻ Cấn, mà những đức đó phải mỗi ngày một mới, nhật tân kì đức (Thoán truyện); phải biết cho đến nơi đến chốn, làm cho đến nơi đến chốn, đủ cả tri lẵn hành (đại tượng truyện).

Người nào “uẩn súc” được như vậy thì được quốc gia nuôi, và khi xã hội gặp gian truân thì cứu được (vượt qua sông lớn), vì ứng với trời (như hào 5 ở vị cao ứng với hào 2 trong quẻ Càn là trời).

Hào từ:

1.

初九. 有厲. 利已.

Sơ cửu: Hữu lê, lợi dĩ.

Dịch: Hào 1, dương: có nguy, ngưng lại thì lợi.

Giảng: Hào này cương kiện, muôn tiên lên nhưng bị hào 4, âm ở trên chặn lại (trong các hào, súc có nghĩa là ngăn chứ không có nghĩa là chúa), nếu có tiến thì nguy, ngưng lại thì tốt.

2.

九二: 輿說輶 .

Cửu nhị: Dư thoát phúc.

Dịch: Hào 2, dương, như chiếc xe đã tháo cái trục.

Giảng: Hào này cũng bị hào 5, âm, ngăn lại như hào 1, nhưng vì đặc trung (ở giữa nội quái), nên biết tự ngăn mình (như tự tháo cái trục xe ra) để thôi không đi. Như vậy không có lỗi.

3.

九三: 良馬逐; 利艱貞. 曰閑輿衛, 利有攸往.

Cửu tam: Lương mã trục; lợi gian trinh,

Nhật nhàn dư vê, lợi hữu du vãng.

Dịch: Hào 3, dương : như hai con ngựa tốt chạy đua nhau; phải chịu khó giữ đạo chính thì có lợi, lại phải thường ngày luyện tập, dự bị các đồ hộ thân thì tiến lên mới có lợi.

Giảng: Chúng ta để ý: hai hào 1, 2 đều là dương cương mà đều bị hai hào âm nhu (4 và 5) ngăn cản, vì tuy cương mà ở trong nội quái (quέ dưới), cũng như các tướng tài năng phải phục tùng Võ Hậu, Từ Hi Thái Hậu. Không phải thời nào dương cũng thắng âm cả đâu. Tới hào 3 này, may được hào trên cùng cũng là dương, ứng với mình như một đồng chí, cho nên cả hai hăng hái như hai con ngựa tốt đua nhau chạy; nhưng hăng quá mà không nhớ rằng trên đường gặp nhiều gian nan, không luyện tập để phòng hàng ngày thì không tiến được xa, nên Hào từ khuyên như trên.

4.

六四: 童牛之牿, 元吉.

Lục tứ: đồng ngưu chi cốc, nguyên cát.

Dịch: Hào 4, âm: như con bò mộng còn non, mới nhú sừng, đặt ngay mảnh gỗ chặn sừng nó, thì rất tốt.

Giảng: Trong quέ Đại súc, hào âm này vẫn ngăn chặn được hào 1, dương, vì tuy nó âm nhu, nhưng hào 1 ở đầu quέ là dương còn non, như con bò mộng mới nhú sừng, nếu kịp thời ngăn cản ngay, chặn sừng nó lại thì không tấn công mà có kết quả rất tốt. đại ý là phải đề phòng ngay từ khi họa mới có mồi phát.

5.

六五: 獬豕之牙, 吉.

Lục ngũ: Phần thi chi nha, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Như thế ngăn cái nanh con heo đã thiến thì tốt.

Giảng: Hào 2 là dương đã già giặn, không non nớt như hào 1, cho nên dữ hơn 1, ví như nanh con heo (rừng). Hào 5 muốn chặn nó, mà chỉ bẻ nanh con heo thôi thì nó vẫn con hung; tốt hơn hết là thiến nó để cho nó hết dữ, lúc đó dù nó còn nanh cũng không hay cắn nữa. Hào 5, chặn được hào 2 là nhờ cách đó, trừ tận gốc, không tấn công mà kết quả tốt.

6.

上九: 何天之衢, 亭.

Thượng cửu: hà thiên chi cù, hanh.

Dịch : Hào trên cùng, dương. Sao mà thông suốt như dương trên trời vậy.

Giảng: tới hào này là thời gian cản đã cùng rồi, hết trời ngại, đường thật rộng lớn, bát ngát như đường trên trời. Có nghĩa là đại lớn được thi hành.

*

Quẻ này Thoán từ nói về sự súc tích tài đức, mà Hào từ lại xét cách ngăn cản kẻ hung hãn. Hai hào có ý nghĩa nhất là 4 và 5: muôn ngăn thì phải ngăn từ khi mới manh nha; và muôn diệt ác thì phải diệt từ gốc, tìm nguyên nhân chính mà trừ thì mới không tốn công, kết quả chắc chắn. ॥

27. QUẺ SON LÔI DI

Trên là Cán (núi), dưới là Chấn (sấm)

|| đồ hình |:::|

Súc là chúa, có chứa nhóm vật lại rồi mới nuôi được, cho nên sau quẻ Đại súc là quẻ Di. Di có hai nghĩa: nuôi nấng và cái cắm. Nhìn hình quẻ, chúng ta thấy như cái miệng mở rộng, hai nét liền ở trên và dưới như hai cái hàm, toàn bộ gợi cho ta ý cái cắm (thay cái mép) lại gợi cho ta sự ăn uống để nuôi sống.

Thoán từ

頤: 貞吉. 觀頤, 自求口實.

Di : Trinh cát. Quan di, tự cầu khẩu thực.

Dịch: Nuôi: hễ đúng chính đạo thì tốt. Xem cách nuôi người và tự nuôi mình.

Giảng: Nuôi tinh thần hay thể chất, cũng phải hợp chính đạo thì mới tốt. Xem cách nuôi người và tự nuôi mình thì biết tốt hay xấu.

Thoán truyện suy rộng ra: Trời đất khéo nuôi vạn vật mà vạn vật sinh sôi nảy nở về mọi mặt; thánh nhân dùng những người hiền giúp mình trong việc nuôi dân chúng; cái đạo nuôi nẩng lớn như vậy đó.

Đại tượng truyện đưa thêm một ý nữa: theo cái tượng của quẻ, thì dưới núi có tiếng sấm, dương khí bắt đầu phát mà vạn vật trong núi được phát triển như vậy là trời đất nuôi vật. Người quân tử tự nuôi mình thì phải cẩn thận về lời nói để nuôi cái đức, và tiết độ về ăn uống để nuôi thân thể (Quân tử dĩ thận ngôn ngữ, tiết ẩm thực). Là vì đời, “họa tòng khẩu xuất, bệnh tòng khẩu nhập” Phải giữ gìn nhất cái miệng.

Hào từ

初九: 舍爾靈龜, 觀我朵頤, 凶.

Sơ cửu: Xã nhỉ linh qui, quan ngã đóa di, hung.

Dịch: hào 1, dương: chú bò con rùa thiêng (tượng trưng phần tinh thần quý báu) của chú đi mà cút ngó ta, tới xé mép xuống, xấu.

Giảng: Chúng ta nên để ý: nội quái là Chấn, có nghĩa là động, cho nên cả ba hào đều diễn cái ý mình đi cầu cạnh người.

Hào 1 này dương cương, khôn lanh, nhưng ứng với hào 4 âm, có thể lực ở trên hầm hở theo âm đến nỗi bỏ thiên lí, thèm thuồng cầu ăn ở người khác (hào 4) để nuôi xác thịt, mà quên phần tinh thần của mình (nó quý như con rùa thiêng chỉ sống bằng khí trời) như vậy rất xấu. Hai chữ “đóa di”, thòng mép xuống, cực tả sự bỉ ổi của bọn người chỉ ham ăn, nói rộng ra là bọn bị tư dục mê hoặc đến mất cả liêm sỉ.

2.

六二: 頽頤, 拂經, 于丘 頤, 征凶.

Lục nhị: điên di, phát kinh, vu khâu di, chinh hung .

Dịch: Hào 2, âm: Đảo lộn cách nuôi mình, trái với lẽ thường, cầu sự nuôi dưỡng ở gò cao, tiến lên thì xấu.

Giảng: Hào này âm nhu, không tự súc nuôi mình được, nên phải cầu ăn với hai hào dương 1 và 6. nhưng hào 1 ở dưới mình, như vậy là người trên xin ăn người dưới, đảo lộn rồi, trái lẽ thường

(kinh) rồi; còn như câu ăn ở hào trên cùng (ví như cái gò cao), thì hào này không ứng với 2, 2 sẽ bị từ chối, bị khinh mà mắc nhục.

Nên để ý: theo thường lệ, hào 2 này đặc trưng, chính thì tốt mà đây lại xấu, vì ý nghĩa của quẻ nuôi dưỡng, mà hào này lại không đủ sức tự dưỡng được.

3.

六三: 拂頤, 貞凶. 十年勿用无攸利.

Lục tam: Phật di, trinh hung. Thập niên vật dụng vô du lợi.

Dịch: Hào 3 âm: Cách nuôi trái hẳn với chính đạo, xấu. Mười năm (có nghĩa là tới cùng) cũng không tốt được không làm nên gì.

Giảng: hào này âm nhu, bất trung, bất chính, lại hay động (vì ở trên cùng nội quái Chấn) không chịu ngồi yên, thấy đâu có ăn là đâm đầu vào. Rất xấu – Về hai chữ “thập niên” chúng ta đã giảng ở hào cuối cùng của quẻ Phục.

4.

六四: 顛頤, 吉. 虎視眈眈, 其欲逐逐, 无咎.

Lục tứ: điên di, cát. Hổ thị đam đam, kì dục trực trục, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: Đảo lộn cách nuôi mà tốt. Mắt hổ nhìn đăm đăm, lòng ham muốn day dứt không ngớt, không có lỗi.

Giảng: Hào này âm nhu đặc chính, ở vào địa vị cao, được hào 5 chí tôn tượng đặc với mình (cùng là âm cả) lại thêm có hào 1 dương ứng với mình, như vậy là người trên biết trọng đạo nghĩa, biết hạ mình cầu người dưới (hào 1) nuôi mình; tuy là điên đảo, trái lẽ thường đầy, nhưng vì là người tốt (đặc chính), cầu 1 giúp mình để mình lập nên sự nghiệp san sê giúp đỡ dân chúng, cho nên vẫn là tốt.

Nhưng phải chuyên nhất, không gián đoạn (như mắt hổ nhìn đăm đăm, ham muốn không ngớt), cứ tiếp tục cầu 1 giúp hoài thì mới có kết quả, không có lỗi.

Cầu nuôi ở hào này là cầu nuôi về tinh thần, chứ không phải về thể xác.

5.

六五: 拂經, 居貞, 吉. 不可涉大川.

Lục ngũ: Phật kinh, cư trinh, cát. Bất khả thiệp đại xuyên.

Dịch: Hào 5, âm: Trái lẽ thường, bền chí giữ đạo chính thì tốt. Không thể vượt sông lớn được.

Giảng: Hào này như một vị nguyên thủ, có trách nhiệm nuôi người, nhưng vì âm nhu, kém tài, nên phải nhờ người (tức hào trên cùng) nuôi mình (giúp đỡ mình); tuy là trái lẽ thường, nhưng cứ bền chí, giữ đạo chính thì tốt; vì nhờ người khác giúp đỡ để mình làm trọn nhiệm vụ nuôi dân.

Tuy nhiên, vì tài kém (âm nhu), làm việc lớn gian hiểm không nổi, nên Hào từ khuyên: không thể qua sông lớn được.

Cầu nuôi ở hào này cũng là cầu nuôi về tinh thần.

6.

上九: 由頤, 厥吉, 利涉大川.

Thượng cửu: do di, lê cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Hào trên cùng, dương. Thiên hạ nhờ mình mà được nuôi, trách nhiệm mình lớn như vậy, mình phải thường lo lắng, sợ hãi thì được tốt. Qua sông lớn được.

Giảng: Hào này dương cương mà ở trên cùng, như bậc làm thầy cho vị nguyên thủ, vị nguyên thủ nhờ mình mà nuôi được thiên hạ, thì cũng như chính mình nuôi thiên hạ. Trách nhiệm lớn như vậy

nên mình phải thường lo lắng, sợ hãi, rất thận trọng thì mới được tốt lành, mà thiên hạ được phúc lớn (lời Tiêu tượng truyện).

Hào này dương cương có tài, không như hào 5, cho nên làm được việc lớn gian hiểm.

*

Tóm lại ba hào cuối đều có nghĩa là nuôi về tinh thần, giúp đỡ dân chúng nên đều được “cát” hết. Ba hào đầu có nghĩa là nhờ người nuôi thể xác của mình, cho nên đều xấu . 】

28. QUẾ TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

Trên là Đoài (chầm) dưới là Tốn (gió)

】 đồ hình 😊 |||:

Tự quái truyện giảng rất mù mờ, “Di là nuôi, không nuôi thì không thể động (bất dưỡng tức bất động) (?) cho nên sau quẻ Di đến quẻ Đại quá (lớn quá) “Phan Bội Châu giảng: “Có nuôi rồi sau mới có việc lớn quá”

Chúng tôi nghĩ có thể giảng: Có bồi dưỡng tài đức thì sau mới làm được việc lớn quá (rất lớn), phi thường.

Chữ “đại quá” có hai cách hiểu: Phần dương trong quẻ tới 4 (phần âm chỉ có hai) mà dương có nghĩa là lớn (âm là nhỏ); vậy đại quá có nghĩa là phần dương nhiều quá; – nghĩa nữa là (đạo đức công nghiệp) lớn quá.

* Thoán từ

大過: 棟撓, 利有攸往, 亭.

Đại quá: đồng nạo, lợi hưu du vãng, hanh.

Dịch: (Phần dương) nhiều quá (phần âm ít quá) như cái cột yếu, cong xuống (chóng không nổi).

Trên di thì lợi, được hanh thông.

Giảng: Nhìn hình của quẻ, bốn hào dương ở giữa, 2 hào âm hai đầu, như cây cột, khúc giữa lớn quá, ngọn và chân nhỏ quá, chống không nổi, phải cong đi.

Tuy vậy, hai hào dương 2 và 5 đều đắc trung, thế là cương mà vẫn trung; lại thêm quẻ Tốn ở dưới có nghĩa là thuận, quẻ Đoài ở trên có nghĩa là hòa, vui, thế là hòa thuận, vui vẻ làm việc, cho nên bảo là tiến đi (hành động) thì được hanh thông.

Đại tượng truyện bàn rộng: Đoài là chầm ở trên, Tốn là cây ở dưới, có nghĩa nước lớn quá, ngập cây. Người quân tử trong quẻ này phải có đức độ, hành vi hơn người, cứ việc gì hợp đạo thì làm, dù một mình đứng riêng, trái với thiên hạ, cũng không sợ (độc lập bất cu); nếu là việc không hợp đạo thì không thèm làm, dù phải trốn đời, cũng không buồn (độn thê vô muộn).

Hào từ:

1.

初六: 藉用白茅, 无咎.

Sơ lục: Tụ dụng bạch mao, vô cữu.

Dịch: Hào 1, âm: Lót (vật gì) băng cây cỏ mao trắng, không có lõi.

Theo Hệ tự thượng truyện Chương VIII, Không từ bàn về quẻ này: “Nếu đặt vật gì xuống đất cũng được rồi mà lại còn dùng cỏ mao trắng để lót thì còn sợ gì đỗ bể nữa? Như vậy là rất cẩn thận”.

2.

九二: 枯楊生梯, 老夫得其女妻, 无不利.

Cửu nhị: Khô dương sinh đê, lão phu đắc kì nữ thê, vô bất lợi.

Dịch: Hào 2, dương : cây dương khô đâm rẽ mới, đàn ông già cưới được vợ trẻ, không gì là không lợi.

Giảng: Dương cương mà ở vị âm (hào 2), như vậy là cương mà có chút nhu, lại đắc trung. Nó thân cận với hào 1 âm, thế là cương nhu tương tế, bớt cứng đi, như cây khô mà đâm rẽ mới, rồi càng là sẽ tươi tốt. Có thể ví với một người già cưới được vợ trẻ. . .

3.

九三: 棟橈, 凶.

Cửu tam: Đóng nạo, hung.

Dịch: Hào ba, dương: cái cột cong xuống, xấu.

Giảng: Hào 3 dương ở vị dương, thế là quá cương, định làm công việc lớn quá (thời Đại quá), quá cương thì cong xuống, gãy, việc sẽ hỏng.

Chúng ta để ý: Thoán từ nói về nghĩa toàn quẻ, nên dùng hai chữ “đóng nạo” mà vẫn khen là tốt (lí do đã giảng ở trên). Còn Hào từ xét riêng ý nghĩa hào 3, chê là xấu, vì hào này quá cương, mặc dù ứng với hào trên cùng (âm nhu), cũng không chịu để hào đó giúp mình.

4.

九四: 棟隆, 吉. 有它, 善.

Cửu tứ: Đóng long, cát. Hữu tha, lận.

Dịch: Hào 4, dương: như cây cột lớn, vững, tốt. Nếu có ý nghĩa gì khác thì hối tiếc.

Giảng: cũng là hào dương nhưng ở vị âm (4), vừa cương vừa nhu, như cái cột lớn vững đỡ nổi nhà. Ý nói làm được việc lớn, không lo thất bại.

Nó lại ứng hợp với hào 1 âm, tiêu nhân ở dưới, như vậy e nó quá nhu chǎng, cho nên Hào từ khuyên: chó quyền luyến quá với 1, có ý nghĩ khác, mà đáng xấu đây.

5.

九五: 枯楊生華, 老婦得其士夫, 无咎, 无譽.

Cửu ngũ: Khô dương sinh hoa, lão phụ đắc kỉ sỹ phu, vô cữu, vô dự.

Dịch: Hào 5, dương: Cây dương khô ra hoa, bà già có chồng trai tráng, không chê cũng không khen.

Giảng: Hào 5, dương cương, trung chính. Ở ngôi chí tôn, đáng lẽ làm được việc rất lớn, nhưng ở thời đại quá, thì quá cương, quá cương mà ở gần hào trên cùng, âm ở âm vị, là một người quá nhu, không giúp nhau được việc gì, cũng như cây dương đã khô mà ra hoa cuối mùa, sắp tiêu tụy đến nỗi rồi. Không khác gì bà già mà có chồng trai tráng, chǎng mong gì sinh đẻ nữa.

Hào này khác với hào 2 ở chỗ hào 2 vừa cương vừa nhu, nên tốt, ví với cây dương khô đâm rẽ mới; hào 5 thì quá cương, xấu, ví với cây dương khô, không đâm rẽ mà ra hoa, nhụa sấp kiệt rồi.

6.

上六: 過涉, 滅頂, 凶, 无咎.

Thượng lục: quá thiệp, diệt đính, hung, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, âm. Lội qua chỗ nước sâu, nước ngập đầu, xấu: nhưng không có lỗi.

Giảng: Bản chất âm nhu, tài hèn mà ở vào cuối thời Đại quá muốn làm việc lớn thì rất nguy hiểm, như người lội chỗ nước sâu lút đầu. Nhưng làm công việc nguy hiểm đó để cứu đời, cho nên không gọi là có lỗi được. Hào này trỏ hướng người “sát thân di thành nhân” (tự hi sinh để làm nên điều nhân), đàng phục chó không chê được.

Tên quẻ là Đại quá (lớn quá), mà Hào từ lại ghét những người quá cương, (hào 3, 5) quá nhu như hào trên cùng tuy không có lỗi, nhưng cũng cho là xấu. Vậy Kinh Dịch có ý trọng đức trung (vừa cương vừa nhu) hơn cả.

29. QUẺ THUẦN KHẨM

Trên và dưới đều là Khảm (nước)

|| đồ hình 😊 ::|:

Lẽ trời không thể quá (cực đoan) được mãi, hễ quá thì sẽ phải sụp vào chỗ hiểm. Vậy sau quẻ Đại quá, tới quẻ Thuần khảm. Khảm có nghĩa là sụp, là hiểm.

* Thoán từ :

習坎: 有孚, 維心亨, 行有尚.

Tập Khảm: Hữu phu, duy tâm hanh, hành hữu thượng.

Dịch: Hai lớp khảm (hai lớp hiểm), có đức tin, chỉ trong lòng là hanh thông, tiến đi (hành động) thì được trọng mà có công.

Giảng: Tập Khảm có nghĩa là trùng khảm, hai lần Khảm. Nhìn hình quẻ Khảm ta thấy một hào dương bị hâm vào giữa hai hào âm, cho nên Khảm có nghĩa là hâm, là hiểm.

Ta lại thấy ở giữa đặc (nét liền), ngoài rỗng (nét đứt), trái với quẻ Ly ☰ giữa rỗng trên dưới đặc, như cái miệng lò; chỗ rỗng đó là chỗ không khí vô để đốt cháy than, củi, cho nên Ly là lửa. Khảm trái với Ly, chỗ nào trống thì nước chảy vào; Ly là lửa thì Khảm là nước. Nguy hiểm không gì bằng nước sâu, không cẩn thận thì sụp xuống, chết đuối, nên bảo nước là hiểm.

Xét theo ý nghĩa thì hào dương ở giữa, dương là thực, thành tín, vì vậy bảo là Khảm có đức tin, chí thành (hữu phu) ở trong lòng, nhờ vậy mà hanh thông. Gặp thời hiểm, có lòng chí thành thì không bị tai nạn, hành động thì được trọng mà còn có công nữa.

Thoán truyện giảng thêm: Nước chảy hoài mà không bao giờ út lại (lưu nhí bất doanh) chỗ hiểm trở nào cũng tới, cho nên bảo là có đức tin.

Lòng được hanh thông vì hai hào giữa (hào 2 và 5), đã cương mà đặc trung.

Trời có tượng hiểm (vì không lên trời được); đất có tượng hiểm, tức núi sông. Các bậc vương công theo tượng trời và đất mà đặt ra những cái hiểm (tức đào hào, xây thành, đặt ra hình pháp) để giữ đất đai và sự trật tự trong xã hội. Cái công dụng của hiểm nếu hợp thời thì cực lớn.

Đại tượng truyện khuyên nên theo cái đức chảy hoài không ngừng của nước mà giữ bền đức hạnh mà tu tĩnh không ngày nào quên.

Hào từ:

初六: 習坎, 入于坎窔, 凶.

Sơ lục: Tập khảm, nhập vu khảm năm (có người đọc là đậm, hạm, lạm), hung.

Dịch: Hào 1, âm: Hai lần hiểm, sụp vào hố sâu, xấu.

Giảng: hào 1 đã âm nhu, lại ở dưới cùng quẻ Thuần Khảm hai lần hiểm, nên rất xấu.

2.

九二: 坎有險, 求小得.

Cửu nhị: khảm hữu hiểm, cầu tiểu đặc.

Dịch: Hào 2, dương: ở chỗ nước (hiểm) lại có hiểm, mong làm được việc nhỏ thôi.

Giảng: Hào này dương cương, đặc trung, có tài trí, nhưng ở giữa thời trùng hiểm, trên dưới bị hai hào âm nhu bao vây, chưa thoát được; cho nên chỉ mong làm được việc nhỏ thôi.

Hào 4 quẻ Dư (số 6) cũng là dương ở vị âm; cũng bị hai hào âm bao vây, còn kém hào 2 quẻ Khảm

vì không đặc trung, vậy mà Hào từ cho là “đại hưu đặc” (thành công lớn); còn hào 2 quẻ Khảm này chỉ cầu được “tiểu đặc” thôi; chỉ vì thời khác; thời quẻ Dụ là thời vui vẻ, hanh thông, thời quẻ Khảm là thời gian nan, nguy hiểm.

3.

六三: 來之坎坎, 險且枕, 入于坎窟, 勿用.

Lục tam : Lai chi khǎm khǎm, hiěm tha chǎm, nh?p vu khǎm nǎm, vật dụng.

Dịch: Hào 3, âm : tới lui (chữ chi ở đây nghĩa là đi) đều bị hǎm, trước mặt là hiěm mà sau lưng lại kê (dựa) vào hiěm, chỉ càng sụp vào chỗ sâu hơn thôi, chớ dùng (người ở hoàn cảnh hào 3 này, không được việc gì đâu).

Giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bát chính, ở trên cùng quẻ nội khǎm, mà tiến lên thì gặp ngoại khǎm, trước mặt là khǎm, sau lưng là khǎm, toàn là hiěm cả, cho nên chỉ sụp vào chỗ sâu hơn thôi.

4.

六四: 樽酒簋, 貢用缶, 納約自牖, 終无咎.

Lục tứ: Tôn tǔu quĩ, nhị dụng phǎu, n?p ước tự dū, chung vô cǔu.

Dịch: Hào 4, âm: Như thế chỉ dâng một chén rượu, một quĩ thức ăn, thêm một cái vò đựng vài thức khác nữa (không cần nhiều, hễ chí thành là được); (có thể tùy cơ ứng biến) dứt khé ước qua cửa sổ (chứ không đưa qua cửa chính), như vậy không có lỗi.

Giảng: Lời hào này gọn quá, khó hiểu. Phan Bội Châu giảng như sau: tôn là chén rượu, quĩ là đồ đựng thức ăn; nhị là thứ nhì, phó (trái với chánh) là thêm sao, phǎu là cái vò. Tôn tǔu quĩ, nhị dụng phǎu nghĩa là rượu chỉ một chén, thức ăn chỉ một quĩ, các thức khác thêm vào chỉ dùng một cái vò cũng đủ. Ý nói không cần nhiều, miễn lòng chí thành là được. “N?p ước tự dū” Nghĩa là khé ước (để làm tin) đáng lẽ phải nộp qua cửa lớn, nhưng lại dứt qua cửa sổ (dū), như vậy là không chính đại quang minh, nhưng gặp thờ ihiěm, khó khăn, có thể “bát đặc dī nhi dụng quyền” (quyền này không phải là quyền hành, mà là quyền biến: tùy cơ ứng biến), miễn là giữ được lòng chí thành. Hào này như một vị đại thần, nhưng âm nhu, vô tài, không cứu đói ra khỏi cảnh hiěm được; cũng may mà đặc chính, chí thành, cứ giữ đức chí thành đó mà đối với vua, với việc nước, nếu lại có chút cơ trí, biết tòng quyền, thì rốt cuộc không có lỗi.

5.

九五: 坎不盈, 祇既平, 无咎.

Cửu ngũ: Khǎm bất doanh, chỉ kì bình, vô cǔu.

Dịch : Hào 5, âm: Nước (hiěm) chưa đầy, nhưng đến lúc nước đầy rồi, lặng rồi, thì sẽ khỏi hiěm, không có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương, có tài, đặc trung, đặc chính, ở ngôi chí tôn, mới trải qua già nữa thời Khǎm, hiěm chưa hết, nước còn dâng lên nữa, đến khi nào nước đầy rồi mới bình lại, mà dắt dân ra khỏi hiěm được. Chữ Kì ở đây nghĩa là bệnh, tức hiěm nạn, trả chữ khǎm.

6.

上六: 係用徽纆, 實于叢棘, 三歲不得, 凶.

Thượng lục: Hệ dụng huy mặc, trí vu tùng cúc, tam tué bất đặc, hung.

Dịch: Hào trên cùng, âm: đã trói bằng dây thừng to, lại đặt vào bụi gai, ba năm không được ra, xấu.

Giảng: Hào này âm nhu, ở trên cùng quẻ Khǎm, chỗ cực kì hiěm, đã không có tài ra khỏi cảnh hiěm, lại không biết hối mà sửa mình, nên bị họa rất nặng.

*

Quẻ này là cái tượng quân tử bị tiêu nhânh bao vây, chỉ có hai hào là tạm tốt (hào 2 và 5), còn các hào khác đều xấu. Lời khuyên quan trọng nhất gấp thời hiềm, phải giữ lòng chí thành, và biết tòng quyến. 】

30. QUẺ THUẦN LY

Trên dưới đều là Ly (lửa)

【 đồ hình |:||:】

Khảm là hâm, hâm thì phải có chỗ nương tựa, cho nên sau quẻ Khảm tới quẻ Ly. Ly [離] là lê [麗] ; thời xưa hai chữ đó đọc như nhau, dùng thay nhau được, như nước Cao Ly (Triều Tiên) viết là [高麗]. Mà lê có nghĩa là phụ thuộc vào (như từ ngữ lệ thuộc), dựa vào. Theo hình quẻ, một nét âm ở giữa dựa vào hai nét dương ở trên, dưới.

Ly còn nghĩa thứ nhì là sáng: nét ở giữa đứt, tức là ở giữa rỗng, rỗng thì sáng. Lửa sáng, mặt trời sáng, cho nên Ly có có tượng là lửa, là mặt trời.

Sau cùng Ly còn có nghĩa là rời ra, như chia Ly.

Kinh Dịch mở đầu bằng hai quẻ Càn, Khôn (trời đất); tới giữa Kinh. (cuối phần thượng của Kinh) là hai quẻ Khảm, Ly, vì hai lê.

Ba hào thuần dương là Càn, lấy một hào của Khôn thay vào hào giữa của Càn, thành Ly; ba hào thuần âm là Khôn, lấy một hào của Càn thay vào hào giữa của Khôn, thành Khảm; vậy Ly, Khảm là “thiên địa chi trung”, ở giữa trời, giữa đất; công dụng tạo hóa của trời đất nhờ lửa và nước (Ly và Khảm) cả. Khảm ở chính bắc, Ly ở chính nam; Khảm ở giữa đêm (giờ tí), Ly, ở giữa trưa (giờ ngọ).

Khảm, ở giữa là nét dương, liền, thực, cho nên đức của nó là trung thực. Ly ở giữa là nét đứt, hư, rỗng, cho nên đức của nó là sáng, là văn minh.

Thoán từ.

離: 利貞, 亨. 畜牝牛, 吉.

Ly: lợi trinh, hanh. Súc tẫn ngưu, cát.

Dịch: Dựa, lệ thuộc: chính đáng thì lợi, hanh thông. Nuôi bò cái thì tốt.

Giảng: Dựa vào chỗ chính đáng, chẳng hạn vào người quân tử thì hanh thông. Dựa vào người thì phải sáng suốt, và thuận theo người, vậy phải nuôi đức thuận, đức của con bò cái (loài này dễ bảo nhất) thì mới tốt.

Ly còn nghĩa là sáng. Quẻ thuần Ly, trên dưới đều là Ly, sáng quá, sáng suốt quá, tinh minh hơn người thì ít người ưa, cho nên phải giấu bót cái sáng đi mà trau giòi đức thuận.

Thoán truyện bảo phải có đức trung chính nữa như hào 2 và hào 5 (hào này chỉ trung thô, nhưng đã đắc trung thì cũng ít nhiều đắc chính) như vậy mới cải hóa được thiên hạ, thành văn minh.

Hào từ;

1.

初九: 履錯然, 敬之, 无咎.

Sơ cửu: Lý thác nhiên, kính chi, vô cửu.

Dịch: Hào 1, dương : Dẫm bậy bạ; phải thận trọng thì không có lỗi.

Giảng: hào dương này có nghĩa nóng nảy, cầu tiến qua, mà còn non nớt, chưa có kinh nghiệm, như đứa trẻ vội vàng dẫm bậy bạ (Phan Bội Châu hiểu là sô giày nhô nhăng), tất có lầm lỗi, nên khuyên phải thận trọng (kính chi).

2.

六二: 黃離, 元吉.

Lục nhị: Hoàng ly, nguyên cát.

Dịch: Hào 2, âm: Sắc vàng phụ vào ở giữa, rất tốt.

Giảng: hào này ở quê Ly có đức văn minh, lại đắc trung, đắc chính, trên ứng với hào 5 cũng văn minh, đắc trung, nên rất tốt. Vì ở giữa, văn minh, nên ví với sắc vàng, đẹp, sắc của trung ương như đã giảng ở hào 5 quê Khôn và hào 5 quê Phê hợp.

3.

九三: 曰昃之離, 不鼓 缶而歌, 則大耋之嗟, 凶.

Cửu tam: Nhật trắc chi Ly, bất cổ phẩu nhi ca, tắc đại diệt chi ta, hung.

Dịch: Hào 3, dương: mặt trời xế chiều lặn, (ý nói người già, tính tình thất thường, không đáng vui mà vui. Không đáng buồn mà buồn). Khi thì gõ cái phẩu (vò bẳng đất, đựng rượu mà cũng dùng làm nhạc khí) mà hát, lúc lại than thân già nua; xáu, (Hồi xưa khi hát thì gõ nhịp bẳng cái phẩu).

Giảng: Hào 3 này ở trên cùng nội quái ly, như mặt trời sắp lặn mà chưa lên ngoại quái Ly, chưa tới lúc mặt trời mọc (sáng hôm sau).

Câu: “bất cổ phẩu nhi ca, tắc đại diệt chi ta”, Chu Hi hiểu là “chẳng yên phận mà vui vẻ, mà lại than thở vì già nua, thế là không biết tự xử.”

4.

九四: 突如, 其來如, 焚如, 死如, 棄如.

Cửu tú: Đột như, kì lai như, phàn như, tử như, khí như.

Dịch: Hào 4, dương: thình lình chạy tới, như muốn đốt người ta vậy, thì sẽ chết, bị mọi người bỏ.

Giảng: Hào này dương cương, nóng nảy, bất chính, bất trung, mới ở nội quái lên, gặp hào 5 âm nhu, muốn lấn át 5, như một người ở đâu thình lình tới, lồn lộn lên muốn đốt người ta (hào 5), táo bạo, vụng về như vậy làm sao khỏi chết, có ai dung được nó đâu.

5.

六五: 出涕沱若, 戚嗟若, 吉.

Lục ngũ: xuất thé đà nhược, thích ta nhược, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Nước mắt ròng ròng, nhưng biết buồn lo than thở, nên tốt.

Giảng: Hào này âm nhu, ở ngôi tôn, trung những không chính, bị ép giữa hào hào dương, mắc vào hoàn cảnh khó khăn, cho nên bảo là “nước mắt ròng ròng”; nhưng nhờ đức văn minh của quê Ly, nên là người biết lo tính, than thở, tìm cách đối phó với hoàn cảnh được, cho nên rồi sẽ tốt.

6.

上九: 王用出征, 有嘉; 折首, 獲匪其醜, 无咎.

Thượng cửu: Vương dụng xuất chinh,

Hữu gia; chiết thủ, hoạch phi kì xú, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, dương: vua dùng (người có tài, tức hào này) để ra quân chinh phạt, có công tốt đẹp, giết đầu đảng mà bắt sống kẻ xáu đi thì thôi, như vậy thì không có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương lại ở trên cùng quê Ly, thế là vừa cương quyết vừa sáng suốt đến cực điểm, vua dùng tài ấy để trừ kẻ gian tà thì thành công lớn.

Nhưng vì cương quá thì dễ hóa tàn bạo, nên Hào từ khuyên dẹp loạn thì chỉ nên giết những kẻ đầu sỏ, còn những kẻ đi theo thì bắt sống thôi. Như vậy sẽ không có lỗi.

】

31- QUẺ TRẠCH SƠN HÀM

Trên là Đoài (chàm), dưới là Cấn (núi)

đồ hình ::|||:

Kinh thượng bắt đầu bằng hai quẻ Càn Khôn: trời, đất. Có trời đất rồi mới có vạn vật, có vạn vật rồi mới có nam, nữ; có nam nữ rồi mới thành vợ chồng, có cha con, vua tôi, trên dưới, lễ nghĩa. Cho nên đầu kinh thượng là Càn, Khôn, nói về vũ trụ; đầu kinh hạ là Hàm, Hăng, nói về nhân sự. Hàm là trai gái cảm nhau. Hăng là vợ chồng ăn ở với nhau được lâu dài.

Thoán từ:

咸: 亨, 利貞, 取女吉.

Hàm: Hanh, lợi trinh, thú nữ cát.

Dịch: giao cảm thì hanh thông, giữ đạo chính thì lợi, lấy con gái thì tốt.

Giảng: đoài là thiếu nữ ở trên, Cấn là thiếu nam ở dưới (1). Cảm nhau thân thiết không gì bằng thiếu nam, thiếu nữ. Cảm nhau thì tất hanh thông.

Thiếu nữ ở trên, thiếu nam phải hạ mình xuống cạnh thiếu nữ; hồi mới gặp nhau thì phải vậy; chứ nếu thiếu nữ cầu cạnh thiếu nam thì là bất chính, không tốt. Cho nên thoán từ bảo phải giữ đạo chính mới có lợi. Hai bên giữ đạo chính cả thì cưới vợ chắc tốt lành.

Hàm 咸 khác cảm 感 ở điểm: Cảm có chữ Tâm 心 là lòng, hàm thì không. Hàm là tự nhiên hai bên tương hợp, rồi cảm nhau, không có tư ý, không vì một lẽ nào khác, phải hứa tâm (trống rỗng trong lòng).

Đại tượng truyện khuyên: “dĩ hứa tâm thụ nhân”. Như trên núi có chỗ trũng xuống (hứa) để nước đọng lại mà thành cái chàm.

Hứa tâm thì lòng được tinh, như cái núi (nội quái là Cấn), mà vui như tính của cái chàm (ngoại quái là Đoài) (chỉ nhi duyệt; lời Thoán truyện); muốn giữ được lòng tinh thì phải “khắc kỉ phục lẽ” tự chủ được mình mà giữ lẽ.

Tóm lại, Thoán từ cho rằng trai gái cảm nhau phải chân thành, tự nhiên, vì nét, vì tài thì mới tốt; mà khi cảm nhau rồi phải tự chủ, giữ lẽ, đừng để đến nỗi hóa ra bất chánh.

Coi đạo âm dương giao cảm mà sinh hóa vạn vật, thành nhân chí thành mà cảm được thiên hạ, thì thấy được chân tình của thiên địa, vạn vật. Đạo cảm nhau quả là quan trọng.

Hào từ:

1

初六: 咸其拇.

Sơ lục: Hàm kì mẫu.

Dịch: Hào 1, âm: Như cảm ngón chân cái.

Giảng: Hào từ lấy thân người làm thí dụ. Hào 1 ở dưới cùng. Nó ứng với hào 4, thấp mà cảm với trên cao, sức cảm còn nhỏ, chưa động được lòng người, mới hơi động được ngón chân thôi. Không khen cũng không chê.

2.

六二: 咸其腓, 凶; 居吉.

Lục nhì: Hàm kì phì, hung; cư cát.

Dịch: Hào 2, âm: Cảm được bắp chân, xấu; ở yên thì tốt.

Giảng: Hào 2, cao hơn một chút, ví như bắp chân. Nó ứng với hào 5, nhưng nó là âm, phận gái, mà còn ở dưới thấp, nếu nóng lòng cầu thân với 5 thì xấu. Nó nên giữ nét trung chính (vì là hào 2 đắc

trung, đắc chính) của nó thì mới tốt, như vậy mới hợp đạo lý.

Thoán truyện bảo: quẻ Hàm này, hễ tĩnh thì tốt; cho nên hào 2 này khuyên không nên động.

3.

九三: 咸其股, 執其隨, 往吝.

Cửu tam: Hàm kì cổ, chấp kì tùy, vãng lận.

Dịch: Hào 3, dương : cảm được tới đùi, chỉ muốn theo người, cứ như vậy mà tiến thì xấu.

Giảng: Hào này ở trên cùng nội quái, nên ví với bắp đùi. Nó là dương cương, ham tiến, muốn theo hào 4 cũng dương cương ở trên nó; trong thời Hàm, nên tĩnh mà nó động, lại động theo người nữa, đáng chê.

4.

九四: 貞吉悔亡; 憬憧往來, 朋從爾思.

Cửu tú: Trinh cát hối vong; đồng đồng vãng lai, băng tòng nhĩ tư.

Dịch: Hào 4, dương: hễ chính đáng thì tốt, mà mất hết những điều đáng ăn năn. Nhược băng nếu lăng xăng tính toán có qua có lại với nhau thì những người qua lại với anh chỉ là những người anh nghĩ tới mà thôi (ý nói: số bạn không đồng, đoàn thể không lớn).

Giảng: Hào này đã lên ngoại quái, dương cương, lại ở quẻ Đoài (vui vẻ), tức là có tình hoà duyệt, nặng về cảm tính, cho nên ví với trái tim (tâm lòng). Tình cảm phải chính đáng, chí công vô tư, như vậy mới tốt, không phải ăn năn. Nếu có óc tính toán, tốt với người để mong người tốt lại với mình, có đi có lại thì số bạn không được đồng.

Theo Hệ từ truyện, Chuong V, Không tử giảng hào này rất kỹ, chúng tôi trích ra đoạn dưới đây: “Đạo lý trong thiên hạ, cần gì phải ngẫm nghĩ băng ý riêng, tính toán băng mèo vặt, vì thiên hạ đường đi tuy khác nhau mà qui kết thì ý như nhau: tính toán trăm lối mà cuối cùng chỉ tóm vào một lẽ (lẽ đó là có cảm thì có ứng, ứng lại gây ra cảm) cần gì phải ngẫm nghĩ băng ý riêng, tính toán băng mèo vặt. . .”

5.

九五: 咸其脢, 无悔.

Cửu ngũ: Cảm kì mỗi, vô hối.

Dịch: Hào 5, dương : Cảm tới bắp thịt ở trên lưng, không hối hận.

Giảng: Bắp thịt ở trên lưng, cao hơn tim (hay lòng) mà trái với tim, không cảm được vật. Không cảm được vật mà cũng không có tư tâm, tư ý, nên cũng không có gì hối hận. Có lẽ vì hào 5 này dương cương, ở vị rất cao, trung, chính, cách biệt dân chúng quá, cho nên Chu Hi bảo là “không cảm được vật” chẳng?

6.

上六: 咸其輔, 頰, 舌.

Thượng lục: Hàm kì phụ, giáp, thiệt.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Cảm người băng mép, má, lưỡi.

Giảng: Hào này ở trên cùng Hàm, nên ví với mép, má, lưỡi. Nó là âm nhu ở trong ngoại quái Đoài (vui vẻ), ham cảm người ta băng miệng lưỡi, không thành thực. Chẳng cần nói cũng biết là đáng chê rồi.

* Đạo cảm người phải chí thành, tự nhiên, không dùng trí tính toán, nhưng cũng không nên có tư ý, tư tâm.

□

32. QUẺ LÔI PHONG HẰNG

Trên là Chân (sấm), dưới là Tốn (gió)

đồ hình 😊 ||::

Ở đầu quẻ Hâm, tôi đã nói tại sao sau quẻ Hâm (trai gái cảm nhau) tiếp tới quẻ Hằng (đạo vợ chồng có tính cách lâu dài). Hâm: trên là Chân trưởng na, dưới là Tốn, trưởng nữ chồng trên, vợ dưới, rất hợp đạo, thì tất được lâu dài.

Thoán từ :

恒: 亨, 无咎; 利貞, 利有攸往.

Hằng: Hanh, vô cữu; lợi trinh, lợi hữu du vãng.

Dịch: Lâu dài thì hanh thông, không có lỗi; giữ được chính đạo thì có lợi, tiến hành việc gì cũng thành công.

Thoán truyện giảng: Cương (Chân) ở trên, nhu (Tốn) ở dưới, sấm gió giúp sức nhau, Chân động trước, Tốn theo sau, thế là thuận đạo. Lại thêm ba hào âm đều ứng với ba hào dương, cũng là nghĩa thuận nữa, cả hai bên đều giữ được đạo chính lâu dài.

Hào từ:

1

初六: 涅恒, 貞凶, 无攸利.

Sơ lục: tuân hằng, trinh hung, vô du lợi.

Dịch: Hào 1, âm: Quá mong được thân mật lâu dài; cù quyết (trinh) như vậy, không chịu bỏ thì xấu, không làm gì được thuận lợi cả.

Giảng: Hào 1 ứng với hào 4, nhưng địa vị mình quá thấp, địa vị 4 quá cao, mà 4 là dương cương, chỉ trông lên không ngó xuống mình; lại thêm có 2 hào 2 và 3 ngăn cách vậy mà không biết phận cù tiên sâu (tuân là sâu), mong được thân mật lâu dài, keo sơn với 4, thành ra ngu. Cù kiên cố giữ cách ấy thì xấu.

2.

九二: 悔亡.

Cửu nhị: hối vong.

Dịch: Hào 2, dương: hối hận tiêu hết.

Giảng: Hào này dương cương ở vị âm, đáng lẽ có hối hận, nhưng vì đắc trung lại ứng với hào 5 cũng đắc trung, thế là giữ được đạo trung, nên không có gì hối hận.

3.

九三: 不恒其德, 或承之羞, 貞吝.

Cửu tam: Bất hằng kì đức, hoặc thừa chi tu, trinh lận.

Dịch: Hào 3, dương: không thường giữ được cái đức của mình, có khi bị xấu hổ, dù chính đáng cũng đáng tiếc.

Giảng: Hào dương ở vị dương là đắc chính, nếu thường giữ được đức “chính” đó thì tốt; nhưng vì quá cương mà bất đắc trung, lại theo dõi với hào trên cùng âm nhu, thế là bỏ cái đức chính của mình, muốn kết bạn với hào trên cùng, chưa biết chừng bị xấu hổ đây. Vậy 3 tuy “chính” “đấy”, chỉ vì không thường giữ được đức đó, thì tuy chính mà vẫn đáng tiếc.

4.

九四: 田无禽.

Cửu tú: Điền vô cầm.

Dịch: Hào 4, dương : như đi săn mà không được cầm thú.

Giảng: Hào dương mà ở vị âm, là không phải chỗ của mình mà cứ ở lâu chỗ đó, vì trong quẻ Hằng thì chẳng nên việc gì, chỉ mất công thoi, như đi săn mà không bắt được cầm thú.

5.

六五: 恒其德, 貞. 婦人吉, 夫子凶.

Lục ngũ: Hằng kỳ đức, trinh. Phụ nhân cát, phu tử hung.

Dịch : Hào 5, âm: giữ được thường (lâu) đức của mình, bền mà chính. Đàn bà thì tốt, đàn ông thì xấu.

Giảng: Hào 5, âm nhu, đắc trung, ứng với hào 2 dương cương cũng đắc trung, nếu cứ thuận tòng từ trước tới sau thì là bền mà chính đáng. Nhưng đó chỉ là đạo của đàn bà như hào 5, âm này thoi; không hợp với đàn ông, vì theo quan niệm thời xưa, phu xướng phụ tùy.

Tiểu tượng truyện giảng thêm, đàn ông phải tìm ra cái gì đáng làm thì làm (phu tử chế nghĩa), chứ cứ một mực theo vợ thì xấu.

6.

上六: 振恒, 凶.

Thượng lục: chấn hằng, hung.

Dịch: Hào trên cùng, âm: cử động hoài, không chịu yên thì xấu.

Giảng: Ở trên cùng quẻ Hằng và ngoại quái Chấn, cho nên nói là ham động quá, lại âm nhu, không bền chí, ở yên không được sê thất bại.

* Quẻ này quan trọng ở hào 5: đạo phu xướng phụ tùy của Trung Hoa thời xưa. Một lời khuyên là theo lý mà làm, đừng hành động càn.

¶

33. QUẺ THIÊN SƠN ĐỘN

Trên là Càn (Trời), dưới là Cấn (núi)

¶

đồ hình ::|||

Hết ở lâu thì phải rút lui, lánh đi, hết ngày thì tới đêm, hết đông tới xuân, ngoài lâu phải đứng dậy, già rồi nên về hưu . . , cho nên sau quẻ Hằng (lâu) tới quẻ động (là trốn lánh đi).

Thoán tú:

遯: 亨, 小利貞.

Dộn: Hanh, tiêu lợi trinh.

Dịch: Trốn lánh đi thì hanh thông; trong các việc nhỏ, giữ được điều chính thì có lợi.

Giảng: Trên là trời, dưới là núi: ở chân núi thì thấy đỉnh núi là trời, nhưng càng lên càng thấy trời lùi lên cao nữa, tới đỉnh núi thấy trời mù mịt tít vời, như trời trốn lánh núi, cho nên đặt tên quẻ là Độn.

Quẻ này hai hào âm ở dưới đẩy bốn hào dương lên trên, có cái tượng âm (tiểu nhân) mạnh lên, đuổi dương (quân tử) đi, trái hẳn với quẻ Lâm. Độn thuộc về tháng 5, Lâm thuộc về tháng 12.

Ở thời Độn, âm dương tiến mạnh, dương nên rút lui đi là hợp thời, được hanh thông (có thể hiểu là : đạo quân tử vẫn hanh thông). Tuy nhiên âm mới có 2, dương còn tới 4, chưa phải là thời Bĩ (cả

3 âm đều tiến lên), nên chưa đến nỗi nào, trong các việc nhỏ, giữ được điều chính thì còn có lợi, còn làm được.

Sở dĩ chưa đến nỗi nào, còn hanh thông vì trong quẻ có hào 5, dương, ứng với hào 2, âm; cả hai đều trung chính. Vậy ở thời đó, chưa nên trốn hẳn, nên tính xem việc nào còn làm được thì làm, tùy cơ ứng biến, cho nên Thoán truyện bảo lẽ tùy thời trong quẻ Độn này rất quan trọng.

Đại tượng truyện khuyên trong thời này quân tử nên xa lánh tiểu nhân, cứ giữ về uy nghiêm, đừng dữ dằn với chúng quá.

Hào từ:

1

初六: 遷尾, 虞, 勿用有攸往.

Sơ lục: độn vĩ, lê, vật dụng hữu du vãng.

Dịch: Hà 1, âm: Trốn sau cùng, như cái đuôi, nguy đấy, đừng làm gì cả.

Giảng: Hào ở dưới cùng, nên ví với cái đuôi ở lại sau cùng. Nó là âm, nhu nhược, hôn ám, không trốn theo kịp người, còn rù rò ở sau, nên bảo là nguy.

2.

六二: 執之用黃牛之革, 莫之勝說 .

Lục nhị: chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thăng thoát.

Dịch: Hào 2, âm: Hai bên (hào 5 và hào 2) khăng khít (bền chặt) với nhau như buộc vào nhau bằng da bò vàng, không thể nào cởi được.

Giảng: hào 2 âm, đắc trung đắc chính, ứng với hào 5 dương cũng đắc trung đắc chính, cho nên tương đắc, khăng khít với nhau, không thể rời nhau được, 2 không thể bỏ 5 mà trốn được.

Màu vàng (da bò vàng) là màu trung, ám chỉ hai hào đó đều đắc trung.

3.

九三: 係遯, 有疾厲, 畜臣妾, 吉.

Cửu tam: Hệ độn, hưu tật lệ, súc thần thiếp, cát.

Dịch: Hào 3, dương, lúc phải trốn mà bịn rịn tư tình thì nguy; nhưng nuôi kẻ tớ trai gái thì tốt.

Giảng: Hào dương này ở gần hào 2 âm, có vẻ bịn rịn tư tình với hào đó, không thể trốn mau được, như bị bệnh mà nguy; có tư tình đó thì không làm được việc lớn, chỉ nuôi bọn tớ trai gái mình tốt với họ thì họ vui lòng mà dễ sai khiến, được việc cho mình.

Bốn chữ “súc thần thiếp, cát” tôi hiểu theo Phan Bội Châu; Chu Hi giảng rất mù mờ, lúng túng; J. Legge giảng là: nếu 3 đổi hào 2, như nuôi tớ trai gái thì tốt. R. Wilhem giảng là 3 vẫn giữ được sự tự quyết, đừng để cho hào 2 sai khiến mình thì tốt.

4.

九四: 好遯, 君子吉, 小人否.

Cửu tứ: Hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân phủ.

Dịch: Hào 4 dương: Có hệ lụy với người, nhưng trốn được, quân tử thì tốt, tiểu nhân thì không.

Giảng: Hào này cũng tối nghĩa; chữ 好 có người đọc là hảo, chữ 否 có người đọc là bĩ, vì vậy có nhiều cách hiểu, với hào 1 âm nhu, có tình thân thiết (hệ lụy) với nhau; nhưng 4 là quân tử, 1 là tiểu nhân, 4 cát được tư tình mà trốn đi, theo lệ phải (chính nghĩa); chỉ hạng quân tử mới làm vậy được, tiểu nhân thì không .

5.

九五: 嘉遯, 貞吉.

Cửu ngũ: gia độn, trinh cát.

Dịch: Hào 5, dương, trốn mà theo điều chính cho nên tốt.

Giảng: Hào 5, dương có đức trung chính, ứng với hào 2 cũng trung chính, ở thời Độn, cả 2 hào trung chính dắt nhau trốn bọn tiểu nhân, giữ được điều chính, cho nên tốt.

6.

上九: 肥遯, 无不利.

Thượng cửu: Phi độn, vô bất lợi.

Dịch: Hào trên cùng, dương: trốn mà ung dung, đàng hoàng, không có gì là không lợi.

Giảng: Vào lúc cuối thời Độn, càng trốn được xa càng được tự do. Hào này dương cương quân tử, không bịn rịn với hào nào cả (vì hào 3 cũng là dương), có thể ung dung, đàng hoàng trốn được, không nghi ngại gì cả.

* Ý nghĩa quẻ Độn: trốn phải hợp thời; trốn sau cùng là trễ, thì nguy (hào 1) trốn mà còn vương tư tình thì xấu (hào 3); trốn một cách trung chính thì tốt (hào 5); trốn mà không bịn rịn thì được ung dung (hào 6). Lại có trường hợp vì hoàn cảnh mà không được trốn đi (hào 2).

||

34. QUẺ LÔI THIÊN ĐẠI TRÁNG

Trên là Chấn (sấm), dưới là Càn (trời)

đồ hình |||::

Hết thời lui rồi thì tới thời tiến lên, tiến lên thì lớn mạnh, cho nên sau quẻ Độn tới quẻ Đại Tráng (lớn mạnh).

Thoán từ:

大壯: 利貞.

Đại tráng, lợi trinh.

Dịch: Lớn mạnh, theo điều chính thì lợi.

Giảng: Quẻ này có 4 nét dương ở dưới, hai nét âm ở trên; dương đã lớn mạnh mà âm sắp bị diệt hết. Quẻ Càn ở trong, quẻ Chấn ở ngoài, thế là có đức dương cương mà động. Lại có thể giảng là sấm vang động ở trên trời, tiếng rất lớn, vang rất xa.

Lớn mạnh thì dĩ nhiên là tốt rồi, nhưng thường tình, gặp thời thịnh, người ta kiêu căng, làm điều bất chính, cho nên thoán từ phải dặn: giữ điều chính, lúc đắc ý nghĩ đến lúc thất ý, thì mới có lợi.

Đại tượng truyện bảo muôn giữ điều chính thì đừng làm cái gì phi lễ. (Quân tử phi lễ phát lí)

Thoán truyện bàn thêm: có chính thì mới có lớn (đại), chính đại là cái “tình” của trời đất, tức cái công dụng hiện ra ngoài của trời đất, (chính đại nhi thiên địa chi tình khả kiến hĩ). Chúng ta để ý: quẻ Phục mới có một nét dương hiện ở dưới cùng, cho nên bảo chỉ thấy cái lòng của trời đất (kiến thiên địa chi tâm), quẻ Đại tráng này, dương đã lớn, được 4 nét rồi, thì thấy được cái tình của trời đất.

Hào từ:

1.

初九: 壯于趾, 征凶, 有孚.

Sơ cửu: Tráng vu chỉ, chinh hung, hữu phu.

Dịch: Hào 1, dương: mạnh ở ngón chân, đi lên thì xấu, có thể tin chắc như vậy (hữu phu ở đây

không có nghĩa là có đức tin như những nơi khác).

Giảng: Hào này ở dưới cùng, dương cương, cho nên ví với ngón chân, ở địa vị thấp mà hăng hái muôn tiên, sẽ vấp, xấu.

2.

九二: 貞吉.

Cửu nhị: Trinh cát.

Dịch: Hào 2, dương : có đức chính ,tốt.

Giảng: Hào này dương cương, ở vị nhu, tuy không đắc chính, nhưng đắc trung, mà trung thì không bao giờ bất chính, vậy cũng là tốt.

3.

九三: 小人用壯, 君子用罔. 貞厲, 羯羊觸藩, 羸其角.

Cửu tam: Tiêu nhân dụng tráng, quân tử dụng võng.

Trinh lẻ, đè dương xúc phiền, luy kì giác.

Dịch: Hào 3, dương: tiêu nhân dùng sức mạnh, quân tử không; dù giữ điều chính cũng nguy, như con cừu đực húc vào cái dậu, bị thương cái sừng.

Giảng: Hào này dương cương, ở vào vị dương (lẻ) trong quẻ Đại tráng, lại ở cuối nội quái Càn, thế là cực kì hung mạnh, dù giữ được chính đáng cũng nguy; quân tử biết vậy mà không hành động, chỉ tiêu nhân mới hung hăng như con cừu đực, húc vào cái dậu.

Bốn chữ “quân tử dụng võng”, Chu Hi, J. Legge,R. Wilhelm đều giảng như vậy. Duy Phan Bội Châu bảo “võng” là gan liều, không sợ gì, và “quân tử dụng võng” là “quân tử hữu dũng mà vô nghĩa thì làm loạn”. Chữ at ở đây không phải là người có đức (như Chu Hi hiểu) mà là người trị dân.

4.

九四: 貞吉, 悔亡, 藩決不羸. 壮于大舆之輶.

Cửu tứ: Trinh cát, hối vong, phiền quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc.

Dịch: Hào 4, dương : theo điều chính thì tốt, hối hận mất hết; dậu đã mở không khốn nữa, mạnh mẽ tiến lên, như ngồi cỗ xe lớn mà trực xe vững vàng.

Giảng: Hào này dương cương, qua khỏi nội quái là Càn, mà lên ngoại quái là Chấn, là tráng thịnh đến cực điểm; nó ở trên hết các hào dương, làm lãnh tụ đám quân tử, sợ nó hăng quá mà làm đường nên dặn kĩ: giữ điều chính thì mới tốt, khỏi ân hận.

Ở trên nó là hai hào âm, âm đã đến lúc suy, dễ đánh đổ; như cái dậu ở trước mặt hào 4 đã mở, không còn bị khốn nữa; nó có thể dắt ba hào dương ào ào tiến lên dễ dàng, cơ hội thuận lợi như ngồi cỗ xe lớn mà trực xe vững vàng.

5.

六五: 襄羊于易, 无悔.

Lục ngũ: táng dương vu dị, vô hối.

Dịch: Hào 5, âm: làm mất sự hung hăng của bầy cừu bằng cách vui vẻ dễ dại, thì sẽ không ân hận.

Giảng: Hào này ở vị chí tôn, nhưng vốn âm nhu, không thể áp đảo được 4 hào dương ở dưới, phải vui vẻ dễ dại với họ thì họ sẽ hết hung hăng. Bốn hào dương đó ví như bầy dê hung hăng. Sở dĩ phải có thái độ đó vì ngôi của 5 quá cao đối với tư cách âm nhu của nó.

6.

上六: 羯羊觸藩, 不能退, 不能遂, 无攸利, 艱則吉.

Thượng lục: đê dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng toại, vô du lợi, gian tặc cát.
Dịch: Hào trên cùng, âm: Cùu đực húc vào dậu, mắc kẹt, lui không được, tiến cho toại ý cũng không được, không có lợi gì cả; chịu khó nhọc thì tốt.

Giảng: hào này ở trên cùng quẻ Đại tráng là hết thời lớn mạnh, mà cũng ở trên cùng ngoại quái Chấn, là rất ham động mà bất lực (âm nhu); như con cùu đực hung hăng húc vào dậu, mắc kẹt, lui không được, tiến lên cho toại ý cũng không được, không lợi ở chỗ nào cả. Nếu bỏ tính hung hăng húc quàng đi mà chịu khó nhọc thì tốt.

*

Quẻ này là thời âm suy, dương lớn mạnh lên, đáng lẽ tốt; mà sáu hào không có hào nào thật tốt, chỉ tốt với điều kiện là giữ đạo chính của quân tử; cỗ nhân khuyên muôn gấp vận hội tốt thì phải coi chừng hoạ nấp ở đâu đó, nên đề phòng.

||

35. QUẺ HỎA ĐỊA TÂN

Trên là Ly (lửa) dưới là Khôn (đất)

Đồ hình quẻ Hoả Địa Tân

Đã tráng thịnh thì tất nhiên phải tiến lên, cho nên sau quẻ Đại tráng tới quẻ Tân [晉], Tân có nghĩa là tiến [進] lên.

Thoán từ:

晉: 康侯用錫馬蕃庶, 畫日三接.

Tân: Khang hầu dụng tích mã phồn thú, trú nhật tam tiếp.

Dịch: tiến lên, bậc hầu có tài trị nước được thưởng ngựa nhiều lần, ban ngày được tiếp tới ba lần.

Giảng: Quẻ này có tượng mặt trời (ly) lên khỏi mặt đất (Khôn), càng lên cao càng sáng, tiến mạnh.

Lại có thể hiểu là người dưới có đức thuận (Khôn) dựa vào bậc trên có đức rất sáng suốt (☰); cho nên ví với một vị hầu có tài trị dân (Khang hầu) được vua tín nhiệm, thưởng (tích) ngựa nhiều lần, nội một ngày mà được vua tiếp tới ba lần.

Thoán truyện giảng thêm: quẻ này hào 5 có cái tượng một hào âm nhu tiến lên địa vị vua chúa: nhu tiên nhi thượng hành. Theo Chu Hi, như vậy là vì quẻ Tân do quẻ Quán biến thành: hao quẻ Quán là âm, nhảy lên trên, thành 5 quẻ Tân. Phan Bội châu hiểu khác: hào 5 vốn là hào dương giữa quẻ Càn, biến thành hào âm ở giữa ngoại quái Ly của quẻ Tân. Theo tôi, cách hiểu của Chu Hi dễ chấp nhận hơn.

Đại tượng truyện khuyên người quân tử xem tượng quẻ Tân này nên tự làm cho đức của mình càng ngày càng sáng như mặt trời hiện lên khỏi mặt đất rồi tiến mãi lên.

Hào từ:

1.

初六: 晉如, 催如, 貞吉, 囙孚, 裕. 无咎.

Sơ Lục: tần như, tồi như, trinh cát, võng phu, dụ, vô cữu.

Dịch: Hào 1 âm: : muôn tiến lên mà bị chấn lại, giữ đạo chính thì tốt; nếu người chẳng tin mình thì nên khoan thai, bình tĩnh, như vậy sẽ không có lỗi.

Giảng: Âm nhu ở dưới cùng, ứng với hào 4, mà 4 lại bất trung, bất chính, nên chẳng giúp mình

được gì, mình muốn tiến lên mà như thế bị chặn lại. Trong hoàn cảnh đó, nếu có người không tin mình thì mình chỉ nên khoan thai, bình tĩnh tu thân là sẽ không có lỗi.

2.

六二: 晉如, 愁如, 貞吉; 受茲介福于其王母.

Lục nhị: Tân như, sầu như, trinh cát;

Thụ tư giới phúc vu kì vương mẫu.

Dịch: Hào 2, âm: Tiến lên mà rầu rĩ, giữ đạo chính thì tốt; sẽ được nhờ phúc lớn của bà nội.

Giảng: Hào này có đức trung chính, đáng lẽ tiến lên được nhưng trên không có người ứng viện (vì hào 5 cũng âm nhu như 2), phải tiến một mình, nên rầu rĩ. Nhưng cứ giữ đạo chính thì chẳng bao lâu sẽ gặp cơ hội tốt: hào 5 ở trên, cũng là hào âm nhu mình, tuy không giúp được mình trong công việc, nhưng cũng đặc trung như mình, sẽ ban phúc lớn cho mình, và mình sẽ được nhờ hào 5 như được nhờ phúc của bà nội (vương mẫu tức như tổ mẫu) mình vậy.

Sở dĩ ví hào 5 với bà nội vì 5 là âm mà ở trên cao, cách 2 khá xa.

3.

六三: 眇允, 悔亡.

Lục tam: chúng doãn, hối vong.

Dịch: hào 3, âm: mọi người tin cẩn, thì mọi sự hối tiếc sẽ mất đi.

Giảng: hào âm này ở trên cùng nội quái Khôn, bất trung chính, đáng lẽ có điều hối hận, nhưng có hai hào âm ở dưới đều muốn tiến lên với mình, đều tin mình, mình được lòng họ, thì còn gì phải hối tiếc nữa đâu?

4.

九四: 晉如, 鼠鼠, 貞厲.

Cửu tứ: Tân như, thạch thử, trinh lệ.

Dịch: hào 4, dương: tiến lên, tham lam như con chuột đồng, cứ giữ thói đó thì nguy.

Giảng: Hào này bất chính, bất trung, ở địa vị cao, tham lam muốn giữ ngôi mà lại sợ một bầy âm ở dưới dương hăng hái dắt nhau tiến lên, nên ví với con chuột đồng, vừa tham vừa sợ người.

Nếu nó giữ thói đó (trinh ở đây là bèn vững chứ không phải là chính đáng, vì hào 4 vốn bất chính) thì sẽ nguy, bị tai hoạ mà mất ngôi.

5.

六五: 悔亡, 失得勿恤, 往吉, 无不利.

Lục ngũ: hối vong, thất đặc vật tuất, vãng cát, vô bất lợi.

Dịch: Hào 5, âm: không có gì ân hận cả; nếu đừng lo được hay mất, mà cứ tiến thì tốt, không gì là không lợi.

Giảng: Hào này làm chủ quẻ Tân, có đức sáng suốt (vì ở giữa ngoại quái Ly), lại được ba hào âm ở dưới thuận giúp mình, nên không có gì phải ân hận.

Nhưng nó là âm nhu, e có lòng ham được, sợ mất, cho nên Hào từ khuyên thành bại chẳng màng, cứ giữ đức sáng suốt thì sẽ thành công.

6.

上九: 晉其角, 維用伐邑, 厲吉, 无咎, 貞吝.

Thượng cửu: Tân kì giác, duy dụng phạt áp, lẻ cát, vô cữu, trinh lận.

Dịch: Hào trên cùng, dương: chỉ tiến cắp sừng thôi, lo trị cái áp riêng của mình thôi thì dù có nguy, kết quả cũng tốt, không tội lỗi, nhưng dù được điều chỉnh thì cũng đáng thận.

Giảng: Dương cương mà ở trên cùng quẻ Tân, có nghĩa là cứng đén cùng cực, mà ham tiền cũng cùng cực, không khác con thú hung hăng chỉ húc bằng cặp sừng. Như vậy không làm được việc lớn, chỉ giữ được cái vị của mình, như trị được cái áp riêng của mình thôi, dù có nguy thì cũng vẫn thành công đấy. Có điều là ở thời đại Tiên lên mà chỉ làm được vậy, chứ không thành sự nghiệp lớn thì cũng đáng thẹn đáng tiếc.

¶

36. QUẺ ĐỊA HỎA MINH DI

Trên là Khôn (đất), dưới là ly (lửa)

đồ hình |:|:::

Tiên lên thì tất có lúc bị thương tổn, cho nên sau quẻ Tân tiếp tới Minh di. Di [夷] nghĩa là thương tổn.

Thoán từ.

明夷: 利艱貞.

Minh di: Lợi gian trinh.

Dịch: Ánh sáng bị tổn hại, chịu gian nan, giữ điều chính thì lợi.

Giảng: Quẻ này ngược với quẻ Tân ở trên; mặt trời (ly) lặn xuống dưới đất (Khôn) ánh sáng bị tổn hại, tối đi (Minh di).

Người quân tử ở thời u ám này, gặp nhiều gian nan, chỉ có cách giữ đức chính trinh của mình thì mới có lợi. Muốn vậy thì ở trong lòng giữ đức sáng mà ở ngoài thì nhu thuận để chống với hoạn nạn như tượng của quẻ Ly là sáng văn minh ở nội quái, Khôn là nhu thuận ở ngoại quái. Vua Văn Vương bị vua Trụ nghi ngờ, giam vào ngọc Dữu Lý, tỏ vẻ rất nhu thuận, không chống đối Trụ, mà để hết tâm trí vào việc viết Thoán từ giảng các quẻ trong Kinh Dịch, nhờ vậy Trụ không có cớ gì để giết, sau thả ông ra.

Không những ở ngoài phải tỏ vẻ nhu thuận, mà có khi còn nêu giấu sự sáng suốt của mình đi nữa mà trong lòng vẫn giữ chí hướng, như Cơ tử một hoàng thân của Trụ. Trụ vô đạo, Cơ Tử can không được, giả điên, làm nô lệ, để khỏi bị giết, mong có cơ hội tái tạo lại nhà Ân; khi nhà Ân mất, ông không chết với Trụ, cũng không bỏ nước ra đi. Võ vương – con Văn Vương – diệt Trụ rồi, trọng tư cách Cơ Tử, mời ra giúp nước, ông không chịu; sau Võ vương cho ra ở Triều Tiên, lập một nước riêng. Như vậy là Cơ Tử giấu sự sáng suốt của mình để giữ vững chí, không làm mất dòng dõi nhà Ân (Hồi kì minh, nội nạn nhi năng chính kì chí – Thoán truyện).

Đại tượng truyện bảo quân tử gặp thời Minh di, muốn thống ngự quân chúng nên dùng cách kín đáo mà lại thấy được rõ (dụng hối nhi minh), nghĩa là dùng thủ đoạn làm ngơ cho kẻ tiêu nhân, đừng rạch ròi, nghiêm khắc quá mà sẽ bị hại, tóm lại là làm bộ như không biết để chúng không nghi ngờ mình và để lộ hết dụng tâm của chúng ra mà mình sẽ biết được. Cơ hò tác giả Đại tượng truyện muốn dùng thuật của Hàn Phi.

Hào từ.

1.

初九: 明夷, 于飛 垂其翼. 君子于行, 三日不食, 有攸往, 主人有言.

Sở cửu: Minh di, vu phi thùy kì dực. Quân tử vu hành, tam nhật bất thực, hưu du vãng, chủ nhân hưu ngôn.

Dịch: Hào 1, dương : ở thời u ám (ánh sáng bị tổn hại), hào này như con chim muốn bay mà cánh

rũ xuống. Người quân tử biết thời cơ thì bỏ đi ngay, dù (không có tiền) phải nhịn đói ba ngày, mà đi tới đâu, gặp chủ cũ, cũng bị chủ cũ chê trách.

Giảng: Hào dương ở đầu thời Minh di, là người quân tử gặp thời hắc ám, có thể bị hại như con chim rũ cánh xuống. Cách xử thế là nên bỏ đi ngay, như Phạm Lãi bỏ nước Việt vì biết vua Việt là Câu Tiễn sẽ nghi ngờ mà hại các công thần, nhờ vậy tránh được cái họa bị giết như đại phu Chung.

2.

六二: 明夷, 夷于左股, 用拯馬壯, 吉.

Lục nhị: Minh di, di vu tả cổ, dụng chứng mã tráng, cát.

Dịch: Hào 2, âm: Ở thời ánh sáng bị tổn hại, hào này như bị đau ở đùi bên trái, nhưng cũng mau khỏi, sẽ như con ngựa mạnh mẽ tiến lên, tốt.

Giảng: Hào này làm chủ nội quái Ly (sáng suốt), đắc trung, đắc chính, là bậc quân tử có tài, nhưng ở thời Minh di, hôn ám nên bị tiêu nhân làm hại ít nhiều, như bị thương ở đùi bên trái, nhưng rồi sẽ mau khỏi (dụng chứng), mà như con ngựa mạnh mẽ.

Tốt vì hào 2 trung, chính, lại vẫn thuận theo (vì là hào âm) phép tắc.

“dụng chứng mã tráng” R. Wilhelm giảng là: sẽ dùng sức con ngựa mạnh mà giúp đỡ người khác khỏi cơn nguy, J. Legge dịch là: tự cứu mình bằng sức một con ngựa mạnh. Chúng tôi theo Chu Hi và Phan Bội Châu.

3.

九三: 明夷, 于南狩, 得其大首, 不可疾, 貞.

Cửu tam: Minh di, vu nam thú, đắc kì đại thủ, bất khả tật, trinh.

Dịch: Hào 3, dương: ở thời ánh sáng bị tổn hại, đi tuần về phương Nam, bắt được kẻ đầu sỏ, nhưng đừng hành động gấp, phải bền chí.

Giảng: Hào này ở trên cùng nội quái Ly là cực sáng suốt; nó là dương cương, ở vị dương, vậy là rất cương kiện, nó ứng với hào âm ở trên cùng quẻ Khôn (ngoại quái), hào này cực hôn ám. Nó sẽ đánh đổ hào âm đó. Nó cứ đem binh đi tuần về phương Nam (Nam thú: Phan Bội Châu giảng là đem quân tiến lên phía trước để trừ loạn) sẽ bắt được tên đầu sỏ phản loạn. Nhưng nó cương cường nóng nảy, nên phải khuyên: đừng gấp, phải bền chí giữ đạo chính.

4.

六四: 入于左腹, 獲明夷之心, 于出門庭.

Lục tứ: Nhập vu tả phúc, hoạch minh di chi tâm, vu xuất môn đình.

Dịch: Hào 4, âm: như vô phía bên trái của bụng (ý nói chỗ u ám); tâm lòng ở thời u ám (minh di) là nên bỏ nhà mà ra đi.

Giảng: Hào này âm nhu, ở vào thời Minh di, mà lại vượt quẻ Ly, sang quẻ Khôn rồi, tức bỏ chỗ sáng sửa, bước vào chỗ tối tăm, cho nên ví như vô phía bên trái của bụng. Nhưng hào này đắc chính (âm ở vị ám) nên có thể rút chân ra khỏi cảnh khốn nạn ấy được: cứ bỏ nhà ra đi, tức tránh cho xa cảnh đó, mặc nó.

Đó là hiểu theo Phan Bội Châu. Chu Hi nhận rằng không thấy được nghĩa hào này.

5.

六五: 箕子之明夷, 利貞.

Lục ngũ: cơ tử chi Minh di, lợi trinh.

Dịch: Hào 5, âm: như ông Cơ Tử ở thời u ám (Minh di), cứ bền giữ đạo chính thì lợi.

Giảng: Thường các quẻ khác, hào 5 là ngôi chí tôn, quẻ Minh di này hào trên cùng mới là ngôi chí tôn, hào 5 là người thân cận với ngôi chí tôn. Hào trên cùng là ông vua rất hờn ám như vua Trụ, hào 5 là người thân cận có đức trung, như ông Cơ Tử; ông giả điên để khỏi bị Trụ hại mà sau giữ được dòng dõi nhà Ân, như vậy là giữ vững đạo chính, ở ngoài làm ra vẻ hờn mê, mà trong lòng vẫn sáng suốt.

6.

上六: 不明晦, 初登于天, 後入于地.

Thượng lục: Bất minh di, sơ đăng vu thiêng, hậu nhập vu địa.

Dịch: Hào trên cùng, âm: không còn là ánh sáng bị tốn thương nữa, lên cao tới trời mà rồi sụp xuống đất.

Giảng: Hào trên cùng, âm; ở cuối cùng thời Minh di, lại ở trên cùng ngoại quái Khôn, tức như người có địa vị tối cao mà lại hờn ám cùng cực; như vậy là tối mù mù, chứ không phải chỉ là ánh sáng bị tốn hại (Minh di), nữa, cho nên Hào từ bảo là “bất minh di”. Có cái tượng lên cao tới trời (địa vị tối cao) mà rồi sụp xuống đất.

*

Quẻ này khuyên người quân tử ở thời hắc ám quá thì có thể bỏ nhà, nước mà đi; hoặc muốn ở lại thì giữ sự sáng suốt của mình mà giữ vững đạo chính để chờ thời.

】

37. QUẺ PHONG HỎA GIA NHÂN

Trên là Tốn (gió), dưới là Ly (lửa).

đồ hình |:|:||

Di là bị thương; hẽ ra ngoài bị thương thì trở về nhà, cho nên sau quẻ Minh di tới quẻ Gia nhân. Gia nhân là người trong một nhà.

Thoán từ :

家人: 利女貞.

Gia nhân : Lợi nữ trinh.

Dịch: người trong nhà: hẽ đàn bà mà chính đáng thì có lợi.

Giảng: Nội quái là Ly, sáng suốt; ngoại quái là Tốn thuận. Ở trong thì suốt, xử trí không hò đồ, ở ngoài thì thuận, như vậy việc tề gia sẽ tốt đẹp. Nói rộng ra việc nước cũng vậy, vì người trong một nước lấy nước làm nhà; mà việc thế giới cũng vậy, vì mỗi nước như một người, cả thế giới như một nhà.

Quẻ này, nội quái Ly là trung nữ, ngoại quái Tốn là trưởng nữ (1); hào 2, âm làm chủ nội quái, hào 4, âm làm chủ ngoại quái, hai hào đó đều đắc chính cả, cho nên nói đàn bà mà chính đáng thì có lợi.

Tuy chỉ nói “nữ” trinh thôi, nhưng phải hiểu nam cũng cần chính đáng nữa, vì nếu nam không chính đáng thì nữ làm sao chính đáng được. Cho nên Thoán truyện giải thích: Đàn bà chính đáng ở trong (ám chỉ hào 2, âm ở vị âm trong nội quái), mà đàn ông chính đáng ở ngoài (hào 5, dương, ở vị dương trong ngoại quái); đàn bà lo việc nhà, đàn ông lo việc ở ngoài, cả hai đều giữ đạo chính, đó là hợp với nghĩa lớn của trời đất (nữ chính vị hò nội, nam chính vị hò ngoại; nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã). Nam nữ là nói chung, gồm cả cha mẹ, con cái, anh chị em, vợ chồng, ai này đều phải giữ đạo chính hết, chứ không phải chỉ có người trên, chồng không phải giữ đạo. Cha mẹ cũng có đúng đạo cha mẹ thì con mới đúng đạo con, anh em cũng vậy, chồng vợ cũng vậy.

Thời xưa chẳng riêng ở Trung Hoa mà ở khắp các nước theo chế độ phụ quyền như phương Tây cũng vậy, không có bình đẳng giữa nam nữ; nhưng về tư cách, đạo đức, thì nam nữ đều có bốn phận, trách nhiệm ngang nhau.

Đại tượng truyện khuyên: coi tượng quẻ này, gió từ trong lửa phát ra (điều này khoa học đã giảng rồi), người quân tử hiểu rằng trong thiên hạ, việc gì ở ngoài cũng phát từ ở trong; muốn trị nước thì trước phải trị nhà, muốn trị nhà thì trước phải tu thân; mà việc tu thân cốt ở hai điều: nói phải có thực lý; thực sự, không nói suông, vu vơ; làm thì thái độ phải trước sau sau vội, triệt để từ đầu tới đuôi, đừng thay đổi hoài (quân tử dĩ ngôn hữu vật, như hạnh hữu hằng).

Hào tử:

1.

初九: 閑有家, 悔亡.

Sơ cửu: nhàn hữu gia, hối vong.

Dịch: Hào 1, dương: phòng ngừa ngay từ khi mới có nhà thì không hối hận gì cả.

Giảng: Hào này dương cương ở đầu quẻ Gia nhân, chính là lúc mới có nhà, nếu biết đề phòng, ngăn ngừa ngay các tật như lười biếng, xa xỉ thì không có gì phải ăn năn. Ý hào này cũng như tục ngữ của ta: Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.

2.

六二: 无攸遂, 在中饋, 貞吉.

Lục nhị: vô du loại, tại trung quĩ, trình cát.

Dịch: Hào 2, âm: không việc gì mà tự chuyên lấy thành công (năm hết trách nhiệm), cứ ở trong nhà lo việc nấu nướng, giữ đạo chính thì tốt.

Giảng: Hào này âm nhu mà ở vị âm, đắc trung đắc chính là người dâu hay con gái thuận lòng, nhún nhường, nhưng bất tài, ở địa vị thấp, nên không gánh vác nổi việc trị gia, không lãnh trách nhiệm lớn được, chỉ nên lo việc nấu nướng ở trong nhà thôi.

3.

九三: 家人嗃嗃, 悔厲, 吉. 婦子嘻嘻, 終吝.

Cửu tam: Gia nhân hác hác, hối lè, cát; phụ tử hi hi, chung lận.

Dịch: Hào 3, dương: người chủ nhà nghiêm khắc, tuy hối hận, có nguy nhưng lại tốt; (nếu quá khoan để cho) dâu con nhí nhảnh chơi đùa thì lại hối tiếc.

Giảng: Hào này là dương ở vị dương, đắc chính nhưng không đắc trung, quá nghiêm khắc, tuy có lúc phải hối hận, gặp nguy, nhưng kết quả lại tốt vì nhà có trật tự, trái lại nếu quá dễ dãi để cho dâu con luông tuồng, thì nhà sẽ suy loạn mà phải hối tiếc.

4.

六四: 富家, 大吉.

Lục tứ: phú gia, đại cát.

Dịch: Hào 4, âm: Làm giàu thịnh cho nhà, rất rốt.

Giảng: Hào này âm nhu, đắc chính ở vào ngoại quái Tốn, ở địa vị cao, như bà mẹ có trách nhiệm làm cho nhà giàu thịnh lên.

Theo Phan Bội Châu, chữ “phú” ở đây không có nghĩa là làm giàu, mà có nghĩa là gia đạo hưng thịnh lên, mọi người hoà hợp nhau, trên ra trên, dưới ra dưới.

5.

九五: 王假有家, 勿恤, 吉.

Cửu ngũ: Vương cách hữu gia, vật tuất, cát.

Dịch: Hào 5 dương : vua (hoặc gia chủ) rất khéo về việc trị gia (cách là rất tốt không có gì phải lo, tốt.

Giảng: Chữ vương ở đây có thể hiểu là vua trong nước hay gia chủ, nếu hiểu là vua thì “trị gia” phải hiểu là “trị quốc”

Hào này dương cương, đắc trung, đắc chính, lại có hào 2, âm ở dưới ứng với mình, cũng trung, chính; như có người nội trợ hiền giúp đỡ mình, không còn lo lắng gì nữa, tốt.

6.

上九: 有孚, 威如, 終吉.

Thượng cửu: Hữu phu, uy như, chung cát.

Dịch: Hào trên cùng, dương: (người trên) có lòng chí thành và thái độ uy nghiêm (không lòn) thì cuối cùng sẽ tốt.

Giảng: Hào này ở trên cùng quẻ Gia nhân, tức lúc gia đạo đã hoàn thành. Người trên chỉ cần thành tín là người dưới tin, lại nghiêm trang thì đạo được tốt đẹp lâu dài.

*

Quẻ này dạy cách tề gia, cần nhớ ba điều này:

- Phải ngăn ngừa ngay từ lúc đầu.
- Bất kỳ người nào trong nhà, nhất là những người trên, phải giữ chánh đạo, giữ bốn phận, trách nhiệm của mình.
- Người chủ phải nghiêm, nếu nghiêm thì có điều hối hận đây, nhưng còn hơn là quá dễ dãi.

Chúng ta để ý: sáu hào không có hào nào xấu; nhưng ba hào dưới thuộc về bước đầu, có lời răn bảo (hào 1: phải phòng ngừa từ lúc đầu, hào 2: phải giữ đạo chính ; hào 3: coi chừng nghiêm quá thì hối hận, nguy); tới hào 4 và 5; kết quả rất tốt, hào cuối chỉ cách giữ được sự tốt đẹp đó tới cùng.

□

38. QUẺ HỎA TRẠCH KHUÊ

Trên là Ly (lửa), dưới là Đoài (chǎm)

đồ hình ||:|:|

Gia đạo đến lúc cùng thì có người trong nhà chia lìa, chống đối nhau, cho nên sau quẻ Gia nhân tới quẻ Khuê. Khuê nghĩa là chống đối, chia lìa.

Thoán từ

睽. 小事吉.

Khuê: Tiêu sự cát.

Dịch: Chống đối: việc nhỏ thì tốt.

Giảng: đoài (chǎm) ở dưới Ly (lửa). chǎm có tính thâm xuông, lửa có tính bốc lên, trên dưới không thông với nhau mà càng ngày càng cách xa nhau.

Quẻ này xấu nhất trong Kinh dịch, ngược hẳn lại với quẻ Cách. Chỉ làm những việc nhỏ cá nhân thì hoạ may được tốt.

Thoán truyện giảng thêm: Đoài là thiếu nữ, Ly là trung nữ, hai chị em ở một nhà mà xu hướng trái nhau (em hướng về cha mẹ, chị hướng về chồng), chí hướng khác nhau, cho nên gọi là khuê.

Tuy nhiên Đoài có đức vui, Ly có đức sáng, thế là hòa vui mà nương tựa vào đức sáng. Lại thêm hào 5, âm nhu mà tiến lên ở ngôi cao, đắc trung mà thuận ứng với hào 2, dương dương ở dưới, cho nên bảo việc nhỏ thì tốt.

Xét trong vũ trụ, trời đất, một ở trên cao, một ở dưới thấp, vốn là khác nhau, chia lìa nhau, vậy mà công hoà dục vạn vật là của chung trời đất. Trai gái, một dương, một âm, vẫn là trái nhau, vậy mà cảm thông với nhau. Vạn vật tuy khác nhau mà việc sinh hào cùng theo một luật như nhau. Thé là trong chỗ trái nhau vẫn có chỗ giống nhau, tìm ra được chỗ “đồng” đó trong cái “đi”, là biết được cái diệu dụng (công dụng kỳ diệu) của quẻ Khuê, của thời Khuê.

Thoán truyện khuyên ta như vậy. Đại tượng truyện ngược lại khuyên ta ở trong chỗ “đồng” có khi nêu “đi”. Ví dụ người quân tử bình thường hành động cũng hợp thiên lý, thuận nhân tình như mọi người (đó là đồng); nhưng gặp thời loạn, đại chúng làm những việc trái với thiên lý thì không ưa theo họ, mà tách riêng ra, cứ giữ thiên lý, dù bị chê bai, bị gian khổ cũng chịu (đó là đi). Vậy không nhất định là phải đồng mới tốt, đi (chia lìa) cũng có lúc tốt.

Hào từ”

1.

初九: 悔亡, 肄馬, 勿逐, 自復. 見惡人. 无咎.

Sơ cửu: Hối vong, tảng mã, vật trực, tự phục kién ác nhân, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương: hối hận tiêu hết; mất ngựa đừng tìm đuổi, tự nó sẽ về: gấp kẻ ác rồi mới tránh được lỗi.

Giảng: Hào này có tính cương, ở địa vị dưới, trong thời chống đối nhau, thì tất ít kẻ hợp với mình, hành động thì sẽ bị hối hận; nhưng may ở trên có hào 4 cũng dương cương, ứng với mình, tức như có bạn đồng chí, cứ chờ đợi rồi sẽ gặp mà bao nhiêu khó khăn, ân hận sẽ tiêu hết. đối với kẻ ác thì tuy không ưa cũng đừng nêu tỏ ra, cứ làm bộ vui vẻ giao thiệp họ, để họ khỏi thù oán.

2.

九二: 遇主于巷, 无咎.

Cửu nhị: Ngộ chủ vu hạng, vô cữu.

Dịch: Hào 2, dương: gặp chủ trong ngõ hẹp (do đường tắt) không có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương đắc trung, ứng với hào 5, âm nhu đắc trung, nếu ở trong quẻ Thái (thời thông thuận) thì rất tốt; nhưng ở trong quẻ Khuê (thời chống đối nhau) thì kém vì hào 5 âm nhu có ý kiêng nể hào 2 dương cương, do đó, 2 muôn gấp 5 thì phải dùng đường tắt, rình 5 trong ngõ hẹp như tình cờ gặp nhau vậy. Không có lỗi gì cả, vì thái độ đó chỉ là quyền biến thôi.

3.

六三: 見輿曳, 其牛掣; 其人天且劓. 无初有終.

Lục tam: Kiến dư duệ, kì nguru xê (hay xiết);

Kì nhân thiên thả nghị, vô sơ hữu chung.

Dịch: Hảo, âm: Thấy xe dắt tới, nhưng con bò bị (hào 4) cản, không tiến được; như người bị xâm vào mặt, xéo mũi, mới đầu cách trở, sau hòa hợp với nhau.

Giảng: Hào 3 bất chính (dương mà ở vị âm), ứng với hào trên cùng cũng bất chính. Vì ứng với nhau nên cầu hợp với nhau, 3 muôn tiến lên gặp hào ứng với nó, nhưng bị hào 4 ở trên ngăn chặn, như cỗ xe đã dắt tới rồi mà con bò bị cản, không tiến được. Lại thêm bị hào 2 ở dưới níu kéo lại.

Hào 3 phải chống lại 4 và 2, xô xát với chúng mà bị thương ở mặt ở tai (chữ thiên [天] ở đây có nghĩa là bị tội xâm vào mặt, chữ nghị [劓] có nghĩa là bị tội xéo mũi). Nhưng rõ cuộc là (2 và 4) vẫn không thắng được chính (3) và 3 vẫn hòa hợp được với hào trên cùng.

4.

九四: 瞽孤, 遇元夫, 交孚, 厥无咎.

Cửu tú: Khuê cô, ngộ nguyên phu, giao phu, lệ vô cữu.

Dịch: Hào 4, dương: ở thời chia lìa chồng đối mà cô lập; nếu gặp được người trai tốt (nguyên phu), mà chí thành kết hợp với nhau (giao phu) thì dù có gặp nguy, kết quả cũng không có lỗi.

Giảng: hào 4 này cô lập vì là dương mà bị hai hào âm bao vây, người trai tốt đây là hào 1, cùng đức (dương) với 4.

5.

六五: 悔亡, 厥宗噬膚, 往, 何咎.

Lục ngũ: hối vong, quyết tôn phê phu, vãng, hà cữu.

Dịch: Hào 5 âm, hối hận tiêu hết; nếu người cùng phe với mình cắn vào da mình (hết sức giúp đỡ mình) thì tiến đi, không có lỗi gì cả.

Giảng: Hào này không đặc chính (âm mà ở vị dương), ở vào thời chồng đối, đáng lẽ xấu, mà nhờ có đức trung, lại có hào 2 dương cương ứng với mình, nên không xấu nữa, hối hận tiêu tan hết.

Được vậy là nhờ hào 2 chịu đứng vào một phe với mình, rất thân thiết với mình, như cắn chặt vào da mình.

6.

上九: 瞽孤, 見豕負塗, 載鬼一車. 先張之弧, 後說之弧, 匪寇, 婚媾. 往遇雨則吉.

Thượng cửu: Khuê cô, kiến thi phụ đồ, tải quỉ nhất xa. Tiên trương chi hồ, hậu thoát chi hồ, phi khâu, hôn cầu. Vãng ngộ vũ tắc cát.

Dịch: Hào trên cùng, dương: ở thời chia lìa mà cô độc (sinh nghi ky), thấy con heo đội đầy bùn, thấy chở quỉ đầy một xe. Mới đầu giương cung để bắn, sau buông cung xuống, xin lỗi rằng mình không muốn làm hại hào 3 mà muốn cầu hôn. (Hai bên hòa hợp nhau, vui vẻ) như sau khi nắng lên, gặp cơn mưa, tốt lành gì hơn?

Giảng: Ở vào thời chia lìa, người ta hay nghi ky nhau, hào cuối cùng này, dương cương ở địa vị tối cao, không tin ai ở dưới cả, cho nên bị cô độc. Ngay hào 3 âm, chính ứng với mình mà cũng bị mình nghi ky, vì 3 ở kẹt vào giữa 2 hào dương, cho rằng 3 theo phe 2 hào dương đó mà chống với mình. Vì nghi ky, nên thấy 3 như con heo đội bùn, lại tưởng xe mình chở một bầy quỉ muốn hại mình. Do đó mà đâm hoảng, giương cung muốn bắn 3, nhưng nhờ vẫn còn chút minh mẫn (vì ở trên cùng ngoại quái Ly) nên sau nghĩ lại, buông cung xuống, xin lỗi 3: “Tôi không phải là giặc (kẻ thù) muốn làm hại em đâu, mà trái lại muốn cầu hôn với em” Hết nghi ky rồi, hai bên hòa hợp vui vẻ như sau khi nắng lâu gặp trận mưa rào, và cùng giúp nhau cứu đờm.

Văn thật là bóng bẩy, tâm lý cũng đúng: Phan Bội Châu khen là “đạo lý rất tinh thâm mà văn tự cũng ly kỳ biến hoá”.

*

Quẻ Khuê là quẻ xấu nhất trong Kinh Dịch nhưng kết quả lại không có gì xấu. Sáu hào thì có ba hào “vô cữu”, một hào “hối vong” một hào “hữu chung” (hòa hợp với nhau), nhất là hào cuối lại “cát nữa. Như vậy thì trong cái hoạ vẫn có mầm phúc.

||

39. QUẺ THỦY SƠN KIẾN

Trên là Khảm (nước), dưới là Cấn (núi)

đồ hình ::|:|:

Ở thời chia lìa chông đối thì tất gặp nỗi gian nan, hiềm trở, cho nên sau quẻ Khuê tới quẻ Kiến (gian nan)

Thoán từ;

蹇: 利西南, 不利東北, 利見大人, 貞吉.

Kiến: Lợi Tây Nam, bất lợi đông Bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát.

Dịch: Gian nan: đi về Tây nam thì lợi, về đông Bắc thì bất lợi. Gặp đại nhân giúp cho thì lợi; bèn giữa đạo chính thì mới tốt.

Giảng: Trước mặt là sông (Khảm), sau lưng là núi (Cán), tiến lui đều gian nan hiềm trở nên gọi là quẻ Kiến. Phải bỏ đường hiềm trở mà kiếm đường bằng phẳng dễ đi, ở hướng Tây Nam, hướng quẻ Khôn, đừng đi hướng đông Bắc, hướng quẻ Cán. Dĩ nhiên chúng ta không nên hiểu đúng từng chữ Tây Nam và Đông Bắc, chỉ nên hiểu ý thôi.

Ở thời gian nan này, phải nhờ có người có tài, đức (đại nhân) giúp cho thì mới thoát nạn (lợi kiến đại nhân), và phải bên giữ đạo chính.

Đại tượng truyện khuyên phải tự xét mình mà luyện đức (phản thân tu đức).

Hào từ:

1.

初六: 往蹇, 來譽.

Lục lục: vãng kiến, lai dự.

Dịch: Hào 1, âm: tiến lên thì gặp nạn, lui lại (hoặc ngừng) thì được khen.

Giảng: Vào đầu thời gian nan, hào 1 này âm nhu, không có tài, tiến lên hay hành động thì xấu, chỉ nên chờ thời.

2.

六二: 王臣蹇蹇, 匪躬之故.

Lục nhị: Vương thân kiến kiến, phi cung chi có.

Dịch: Hào 2 âm: bậc bè tôi chịu gán hết gian nan này tới gian nan khác là vì vua, vì nước, chứ không phải vì mình.

Giảng: hào này cũng âm nhu, kém tài, nhưng đắc trung đắc chính, có đức, được vua (hào 5, dương mà cũng trung chính) phó thác việc nước, nên phải chống chọi với mọi gian nan, không dám từ, mặc dầu tự biết không chắc gì cứu nước, cứu dân được trong thời khó khăn này. Hoàn toàn không vì mình, đáng khen.

3.

九三: 往蹇, 來反.

Cửu tam: Vãng kiến, lai phản.

Dịch: Hào 3, dương: Tiến tới thì mắc nạn, nên trở lại.

Giảng: hào này dương cường đắc chính, nhưng vẫn còn ở nội quái, tức chưa hết nửa thời gian nan, lại thêm hào trên cũng âm nhu, ứng với nó mà không giúp được gì, nên Hào từ khuyên đừng tiến, cứ quay lại với hào âm thì vui vẻ hơn; bèn gì cũng là bạn cũ rồi.

4.

六四: 往蹇, 來連.

Lục tứ: Vãng kiến, lai liên.

Dịch: Hào 4, âm: tiến tới thì mắc nạn, nên trở lại mà liên hiệp với các hào dưới.

Giảng: Hào này âm nhu, kém tài, đã tiến lên ngoại quái, quá nữa thời gian nan, nhưng lại gặp hiềm

trở (ngoại quái là Khảm) cũng không nên tiến lên, mà nên lùi lại với hào 3, liên hợp với ba hào ở dưới, để thêm thế lực.

5.

九五: 大蹇, 朋來.

Cửu ngũ: Đại kiển, băng lai.

Dịch: Hào 5, dương: cực kỳ gian nan, nhưng có bạn tới giúp.

Giảng: Ở giữa ngoại quái khâm (hiêm) cho nên cực kỳ gian nan. Hào này như ông vua có tài, nhưng cũng khó thoát được hiêm. May có hào 2 đắc trung, đắc chính ứng với mình, sẵn lòng dắt các bạn túc các hào 1, 3, 5 tới giúp mình. Nhưng các hào ấy đều ít tài, trừ hào 3; như vậy là tay chân của 5 cầm thường cả, không làm nên việc lớn, nên Hào từ không khen là tốt. Cũng không dùng chữ lai, không bảo nên lùi vì địa vị nguyên thủ của 5 không cho phép 5 lùi được, lùi thì trút trách nhiệm cho ai?

6.

上六: 往蹇, 來碩, 吉. 利見大人.

Thượng lục: Vãng kiển, lai thạc, cát, lợi kiến đại nhân.

Dịch: Hào trên cùng ,âm; tiến tới thì gian nan, lùi lại thì làm được việc lớn, tốt; nên tìm gặp đại nhân thì có lợi.

Giảng: Ở cuối thời gian nan, có cảnh tượng đáng mừng; hào này âm nhu, không một mình mạo hiêm được nên quay lại giúp hào 5, bậc đại nhân (có tài đức), thì lập được công lớn (thạc), tốt.

*

Gặp thời gian nan, nên thận trọng đợi thời. Riêng vị nguyên thủ phải tìm người tốt giúp mình, liên kết mọi tầng lớp để cùng mình chống đỡ.

||

40. QUẺ LÔI THỦY GIẢI

Trên là Chấn (sấm), dưới là Khảm (nước)

||

đồ hình 😊 :|::

Không thể bị nạn hoài được, thế nào cũng tới lúc giải nạn, vì vậy sau quẻ Kiển tới quẻ Giải. Giải là cởi, tan.

Thoán từ

解: 利西南, 无所往, 其來復吉. 有攸往, 凶, 吉.

Giải : Lợi Tây nam, vô sở vãng, kì lai phục, cát. Hữu du vãng, túc, cát.

Dịch: tan cởi: đi về Tây nam thì lợi, đừng đa sự, cứ khôi phục lại như cũ thì tốt. Nhưng cũng có điều đáng làm, làm cho chóng thì tốt.

Giảng: Tượng quẻ là âm dương giao hoà với nhau, sấm (Chấn) động và mưa (Khảm) đổ, bao nhiêu khí u uất tan hết, cho nên gọi là Giải. Cũng có thể giảng: Hiêm (Khảm) sinh ra nạn, nhờ động (Chấn) mà thoát nạn nên gọi là Giải.

Khi mọi hoạn nạn đã tan rồi, thì dân chỉ mong an cư lạc nghiệp, người trị dân nên có chính sách khoan đại, giản dị (Tây Nam thuộc Khôn là đường lối khoan đại, bình dị); đừng đa sự, cứ khôi phục trật tự cũ cũng đủ tốt rồi. Tuy nhiên cũng phải trừ những tệ đã gây ra những hoạn nạn trước kia, cũng phải sửa đổi cho sự bình trị được lâu dài, công việc đó nên làm cho mau xong (vẫn là ý đừng đa sự) thì tốt.

Đại tượng truyện khuyên sau khi giải nạn rồi, nên tha tội cho những kẻ lầm lỗi trước, nếu không tha được thì cũng nên giảm án cho nhẹ đi (quân tử dĩ xá quá, hựu tội).

Hào từ.

1.

初六: 无咎.

Sơ lục: Vô cữu.

Dịch: Hào 1, âm: không lỗi.

Giảng: Mới bắt đầu vào thời cởi mở, hào này âm nhu, mà có dương cương (hào 4) ở trên ứng, cứ lặng lẽ ở yên không sinh sự thì không có lỗi gì cả.

2.

九二: 田獲三狐, 得黃矢, 貞, 吉.

Cửu nhị: Điền hoạch tam hồ, đắc hoàng thi, trinh, cát.

Dịch: Hào 2, dương: Đi săn được ba con cáo, được mũi tên màu vàng, giữ đạo chính thì tốt.

Giảng: Không ai biết “ba con cáo” ám chỉ những hào nào, Chu Hi ngỡ là hào âm 1, 3 và trên cùng (trừ hào âm 5). Chỉ có thể đoán ý rằng: hào này dương cương, ứng với hào 5 âm, vị nguyên thủ, cho nên thế khá mạnh, có trách nhiệm với quốc gia trừ bọn tiểu nhân (ba con cáo), mà không mất mũi tên màu vàng (tức đạo trung trực – vàng là màu của trung ương, mũi tên tượng trưng cho việc ngay thẳng: trực). Hào từ khuyên phải giữ vững (trinh) đạo trung đó thì mới tốt.

3.

六三: 負且乘, 致寇至. 貞吝.

Lục tam: Phụ thả thừa, trí khâu chí; trinh lận.

Dịch: Hào 3, âm: kẻ mang đội đồ vật mà lại ngồi xe là xui bọn cướp tới, nếu cứ giữ cái thói đó (trinh ở đây nghĩa khác trinh ở hào trên) thì phải hối hận.

Giảng: Hào này âm nhu, bất chính, bất trung mà ở trên cùng nội quái, tức như kẻ tiểu nhân ở ngòi cao, không khác kẻ vừa mang đội (người nghèo) mà lại ngất ngưởng ngồi xe (như một người sang trọng), chỉ tò xui cướp tới cướp đồ của mình thôi.

Theo Hộ từ thượng truyện, Chương VIII, Không từ bàn rộng ra như sau: ‘người thường mà ngồi xe của người sang là xui kẻ cướp tới cướp đoạt của mình. Người trên khinh nhòn kẻ dưới tàn bạo thì kẻ cướp (giặc) tìm cách đánh đuổi ngay. Giấu cát không kín đáo là dạy cho bọn gian vào lấy của nhà mình; trau giòi nhan sắc là dạy cho bọn gian dâm tới hiếp mình’.

4.

九四: 解而拇, 朋至斯孚.

Cửu tứ: Giải nhi mẫu, băng chí tư phu.

Dịch: Hào 4, dương: Bỏ ngón chân cái của anh đi (chữ nhi ở đây là đại danh từ) thì bạn (tốt) mới tới và tin cậy anh.

Giảng: Hào này là dương, tuy không chính (vì ở ngòi âm) nhưng ở gần hào 5, vị nguyên thủ, là có địa vị cao. Nó ứng với hào 1 âm, tiểu nhân ở dưới, nên bị nhiều người chê, nếu nó biết tuyệt giao với hào 1 (tượng trưng bằng ngón chân cái, ở chỗ thấp nhất trong cơ thể) thì người tốt mới vui tới mà tin cậy ở nó.

5.

六五: 君子維有解, 吉. 有孚于小人.

Lục ngũ: Quân tử duy hữu giải, cát; hữu phu vu tiểu nhân

Dịch: Hào 5, âm: người quân tử phải giải tán bọn tiếu nhân đi thì mới tốt; cứ xem bọn tiếu nhân có lui đi không thì mới biết chắc được mình có quân tử hay không.

Giảng: hào này âm nhu, chưa chắc đã là quân tử, nhưng ở địa vị chí tôn, làm chủ quẻ, cho nên Hào từ khuyên phải tuyệt giao với bọn tiếu nhân (tức ba hào âm kia) thì mới tỏ rằng mình là quân tử được.

6.

上六: 公用射隼于高墉之上. 獲之, 无不利.

Thượng lục: Công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng. Hoạch chí, vô bất lợi.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Một vị công nhắm bắn con chim chuẩn ở trên bức tường cao. Bắn được, không gì là không lợi.

Giảng: đã tới lúc cuối cùng thời giải, nội loạn đã an rồi, nếu còn kẻ ở ngoài dám gây loạn (tượng trưng là con chim chuẩn ở trên bức tường cao). Thì cứ diệt đi, sẽ thành công. Vị “công” ở đây là hào trên cùng.

Theo Hệ từ hạ truyện, Không từ giải thích hào này như sau: “chuẩn là một loài chim, cung tên là đồ dùng, kẻ bắn là người. Người quân tử chưa sẵn đồ dùng (tài, đức) ở trong mình, đợi thời mà hoạt động thì có gì chẳng lợi?

*

Ý nghĩa quẻ này ở trong Thoán từ: dẹp loạn xong thì nên khoan hồng với kẻ lỡ lỗi lầm, đừng đà sự, chỉ cần khôi phục trật tự cũ, và cũng cố nó bằng một số công việc, nhưng phải làm cho mau đê khỏi phiền nhiễu dân.

Hào 3 cũng có một lời khuyên nên nhớ: giấu cát không kín đáo là dạy cho kẻ trộm vào lấy của nhà mình; trau giòi nhan sắc là dạy cho bọn tà dâm tới hiếp mình. (Mạn tàng hối đạo, dã dung hối dâm).

】

41. QUẺ SƠN TRẠCH TÔN

Trên là Cấn (núi), dưới là Đoài (chàm)

đồ hình ||:::|

Khoan nói thì tất có điều sơ ý mà bị thiệt hại, cho nên sau quẻ Giải tới quẻ Tôn. Tôn là thiệt hại mà cũng có nghĩa là giảm đi.

Thoán từ:

損: 有孚, 元吉, 无咎, 可貞, 利有. 攸往. 爻之用 ? 二簋可用享.

Tôn: Hữu phu, nguyên cát, vô cữu, khả trinh, lợi hữu.

Du vắng. Hạt chi dụng? Nhị quí khả dụng hưởng.

Dịch: Giảm đi: nếu chí thành thì rất tốt, không có lỗi, giữ vững được như vậy thì làm việc gì cũng có lợi. Nên dùng cách nào? (ví dụ) dùng hai cái bình (hay bát) đồ cúng thôi để dâng lên, cũng được.

Giảng: Quẻ này nguyên là quẻ Thái, bớt ở nội quái Càn hào dương thứ 3 đưa lên thêm vào hào cuối cùng của quẻ Khôn ở trên, nên gọi là Tôn: bớt đi.

Lại có thể hiểu: khoét đất ở dưới (quẻ Đoài) đắp lên cao cho thành núi, chàm càng sâu, núi càng cao, càng không vững phải đổ, nên gọi là Tôn (thiệt hại).

Giảm đi, không nhất định là tốt hay xấu. Còn tùy mình có chí thành, không lỡ thì mới tốt. Ví dụ việc cúng tế, cần lòng chí thành trước hết, còn đồ cúng không quan trọng, dù đậm bạc mà tâm thành thì cũng cảm được quí thần. Giảm đi như vậy để tiết kiệm, thì không có lỗi.

Thoán truyện giảng thêm: phải biết tùy thời; nếu cương quá thì bớt cương đi nếu nhu quá thì bớt

nhu đi, nếu voi quá thì nên làm cho bớt voi đi, nếu văn sức quá thì bớt đi mà thêm phần chất phác vào; chất phác quá thì thêm văn sức vào, dân nghèo mà bốc lột của dân thêm vào cho vua quan là xấu; nhưng hạng dân giàu thì bắt họ đóng góp thêm cho quốc gia là tốt; tóm lại phải tùy thời; hễ quá thì giảm đi cho được vừa phải.

Đại tượng truyện thường đúng về phương diện tu thân, khuyên người quân tử nên giảm lòng giận và lòng dục đi (quân tử dĩ trung phẫn, trất dục).

Hào từ:

1.

初九: 已事遄往, 无咎, 酌損之.

Sơ cửu: Dĩ sự thuyền vãng, vô cữu, chước tốn chi.

Dịch: Hào 1, dương: nghỉ việc của mình mà tiến lên gấp, giúp (cho hào 4) như vậy thì không có lỗi, nhưng nên châm chước cái gì nên rút bớt của mình để giúp cho 4 thì hãy rút.

Giảng: hào 1 dương cường, ứng với hào 4 âm nhu ở trên, theo nghĩa thì nên giúp ích cho 4, nhưng cũng đừng nên để thiệt hại cho mình quá; như vậy là cũng hợp chí với người trên ở thời Tốn (rút bớt).

2.

九二: 利貞, 征凶, 弗損益之.

Cửu nhị: lợi trinh, chính hung, phát tốn ích chi.

Dịch: Hào 2, dương: giữ đạo chính thì lợi, nếu vội tiến ngay (bỏ đức cương trung của mình), để chiều bạn thì xấu; đừng làm tổn hại đức của mình cũng là ích cho bạn đấy.

Giảng: quẻ này có nghĩa tốn dương cương (quẻ Càn ở dưới) để làm ích cho âm nhu (quẻ Khôn ở trên); cho nên hào này là dương cương, nên giúp ích cho hào 5 âm nhu, cũng như hào 1 giúp ích cho hào 4. Nhưng hào 5 bất chính (âm mà ở vị dương), hay đòi hỏi những điều bất chính, nếu hào 2 bỏ đức cương và trung của mình đi mà vội vàng chiều lòng 5 thì sẽ xấu; phải giữ đức cương trung đó mới lợi (lợi trinh). Không làm tổn hại đức cương trung của mình, cũng là một cách khuyên hào 5 phải bỏ tính bất chính đi, như vậy là giúp ích cho 5 đấy.

3.

六三: 三人行則損一人, 一人行則得其友.

Lục tam: tam nhân hành tắc tổn nhất nhân, nhất nhân hành tắc đắc kì hữu.

Dịch: Hào 3, âm: Ba người đi thì bớt một người, một người đi thì được thêm bạn.

Giảng: Theo tượng của quẻ, nội quái Càn có ba hào dương bớt đi một để đưa lên trên; ngoại quái Khôn có ba hào âm, bớt đi một để đưa xuống dưới, thành quẻ trùng tổn. Hào 3 dương đi lên, hào trên cùng âm xuống dưới, tương đắc với nhau, thế là tuy tách ra, đi một mình mà hoá ra có bạn. Xét trong vũ trụ thì một dương một âm là đủ, nếu thêm một âm hay một dương nữa, thành ba thì thừa; mà nếu chỉ có một âm hay một dương thì thiếu, phải thêm một dương hay một nữa mới đủ. Việc người cũng vậy, hai người thành một cặp, thêm một người thì dễ sinh chuyện, mà nếu chỉ có một người thôi thì lẻ loi quá, phải kiêng thêm bạn (coi Hộ từ hạ truyện, Ch. V số 13).

4.

六四: 損其疾, 使遄, 有喜, 无咎.

Lục tứ: tổn kì tật, sử thuyền, hữu hỉ, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: làm bớt cái tật (âm nhu) của mình cho mau hết, đáng mừng, không có lỗi.

Giảng: Hào này có tật âm nhu, được hào 1 dương cương sửa tật đó cho mau hết, tốt.

5.

六五: 或益之十朋之龜, 弗克違, 元吉.

Lục ngũ: Hoặc ích chi thập bẳng chi quý, phát khắc vi, nguyên cát.

Dịch: Hào 5, âm: thình lình có người làm ích cho mình, một con rùa lớn đáng giá mười “bằng”, không từ chối được, rất tốt.

Giảng: Hào này ở vị tối cao, nhu mà đắc trung, được hào 2 dương tận tình giúp ích cho, như cho mình một con rùa rất lớn. Sở dĩ vậy là vì hào này, đắc trung mà hiền (nhu) nên được lòng người, cũng như được trời giúp cho vậy (tự thương hữu chí – lời Tiêu tượng truyện).

Chữ “bằng” mỗi nhà hiểu một cách: có người cho hai con rùa là một bằng; có người cho mười bằng là chu vị lớn tới 2.160 thước, có người bảo mỗi bằng là 10 “bối” [貝] (vỏ sò, ngao quý, hồi xưa dùng làm tiền, khi chưa có lụa, đồng) 10 hằng tức là 100 bối. Không biết thuyết nào đúng. Chúng ta chỉ nên hiểu con rùa 10 bằng là một vật rất quý thôii.

6.

上九: 弗損益之, 无咎. 貞吉. 利有攸往, 得臣无家.

Thượng cửu: phát tổn ích chi, trinh cát.

Lợi hữu du vãng, đắc thần vô gia.

Dịch: Hào trên cùng, dương: làm ích cho người mà chẳng tổn gì của mình, không lỗi, chính đáng thì tốt, làm việc gì cũng vô lợi, vì được người qui phu, chẳng phải chi nhà mình mới là nhà (ý nói đâu cũng là nhà mình, ai cũng là người nhà mình)

Giảng: Hào này tối nghĩa, mỗi sách giảng một khác, chúng tôi châm chước theo Phan Bội Châu. Dương cương ở trên cùng quẻ tổn, nên đem cái cương của mình giúp cho nhiều hào âm nhu, chính đáng như vậy thì tốt, mà chẳng hại gì cho mình, vì mọi người sẽ quý mến, qui phụ mình. Có người hiểu là đừng làm hại, mà làm ích cho người thì tốt. Lê áy dĩ nhiên rồi.

*

Đại ý quẻ này là Tổn chưa chắc đã xáu, ích (tăng) chưa chắc đã tốt; còn tùy việc tùy thời, hễ quá thì nên tổn để được vừa phải, thiếu thì nên ích, và mình nên chịu thiệt hại cho mình mà giúp cho người.

】

42. QUẺ PHONG LÔI ÍCH

Trên là Tổn (gió), dưới là Chấn (sấm).

đồ hình |:::||

Tổn đến cùng rồi thì phải tăng lên, cho nên sau quẻ Tổn đến quẻ Ích. Ích là tăng lên, làm ích cho nhau.

Thoán từ:

益: 利有攸往, 利涉大川.

Ích: lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Tăng lên: tiến lên thì lợi làm (làm việc ích) thì lợi, qua sông lớn thì lợi (có gian nan nguy hiểm gì cũng vượt được).

Giảng: Quẻ này trái với quẻ Tổn. Ngoại quái vốn là Càn, bót một hào dương, thành quẻ Tổn; nội quái vốn là quẻ Khôn, được một hào dương quẻ Càn thêm vào, thành quẻ Chấn. Vậy là bớt ở trên

thêm (ích) cho dưới; còn quẻ Tốn là bớt ở dưới thêm cho trên.

Xét về tượng quẻ thì sấm (Chấn) với gió (Tốn) giúp ích cho nhau vì gió mạnh thì tiếng sấm đi xa, mà sấm lớn thì gió mới dữ. Vì vậy gọi là quẻ Ích.

Mình ở địa vị cao mà giúp cho người ở thấp, càng làm càng có lợi, khó khăn gì rồi kết quả cũng tốt.

Thoán truyện giải thích thêm: Xét hào 2 và hào 5, đều đắc trung đắc chính cả; lấy đạo trung chính mà giúp ích cho dân, dân sẽ vui vẻ vô cùng mà đạo càng sáng sủa.

Nhưng quẻ này cũng như quẻ Tốn, tốt hay xấu còn tùy cách thức làm và tùy thời nữa (ích chi đạo, dữ thời gia hành): dân đói không có gạo ăn mà cưỡng bách giáo dục; dân rét không có áo bận mà cấp cho xà bông thì việc giúp ích đó chỉ có hại.

Đại tượng truyện đứng về phương diện tu thân, khuyên: Thầy điêu thiện thì tập làm điêu thiện.

Thầy mình có lỗi thì sửa lỗi (kiến thiện tác thiện, hữu quá tắc cải).

Hào từ:

1.

初九: 利用為大作, 元吉, 无咎.

Sơ cửu: Lợi dụng vi đại tác, nguyên cát, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương: Lợi dụng (sự giúp đỡ của người) mà làm việc lớn; nhưng phải khéo tính toán, hành động cho đúng, hoàn thiện (nguyên cát) thì mới không có lỗi. Sở dĩ khuyên như vậy vì hào này ở địa vị thấp, không nên lanh việc nặng nề quá (hạ bất hậu sự dã, lời Tiêu Tượng truyện).

2.

六二: 或益之十朋之龜 弗克違, 永貞吉. 王用享于帝, 吉.

Lục nhị: Hoặc ích chi thập bằng chi qui, phát khắc vi, vĩnh trinh cát. Vương dụng hưởng vu đế, cát.

Dịch: Hào 2, âm: Thình lình có người giúp cho mình một con rùa lớn đáng giá mươi “bằng”, không từ chối được, rất tốt. Nếu là vua dùng đức đế tể Thượng Đế, Thượng Đế cũng hưởng, mà được phúc, tốt.

Giảng: Hào này âm, nhu thuận, trung chính, nên được người trên giúp ích cho nhiều (như cho mình một con rùa quý – coi hào 5 quẻ Tốn ở trên), không từ chối được, cứ giữ vững đức trung chính thì tốt. Ví dụ: là nhà vua mà có được đức trung chính để cầu Trời, thì Trời cũng giúp cho.

3.

六三: 益之用凶事, 无咎. 有孚惠心, 告公用圭.

Lục tam: Ích chi dụng hung sự, vô cữu.

Hữu phu trung hành, cáo công dụng khuê.

Dịch: Hào 3, âm: giúp ích cho bằng cách bắt chịu hoạn nạn (hay trừng phạt) thì không có lỗi. Nếu chân thành sửa lỗi, giữ đạo trung (ví với ngọc khuê) thì được người trên (ví với vị công) chấp nhận.

Giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, đáng lẽ không được giúp ích, nhưng ở vào thời ích thì cũng được giúp; có điều là giúp cho bằng cách bắt chịu hoạn nạn (dụng hung sự) để mà mở mắt ra thành người tốt; cũng như trừng trị để sửa lỗi cho vậy.

Nhưng 3 phải thật chân thành sửa mình theo đúng đạo trung thì rồi sự cải quá của nó sẽ được bê trên biết, sự chân thành quá ấy như chiếc ngọc khuê (ngọc trắng mà trong) nó dâng lên bậc “công” (vương công) sẽ được nhận.

4.

六四: 中行, 告公從. 利用為依遷國.

Lục tú: Trung hành, cáo công tòng; lợi dụng vi y thiên quốc.

Dịch: Hào 4, âm: Rán theo đạo trung mà thua với bậc “công” thì bậc “công” sẽ theo; lợi dụng đạo trung đó làm chỗ tựa thì dù việc lớn như dời đô cũng làm nổi.

Giảng: Hào này lên tới ngoại quái rồi, có địa vị cao, trách nhiệm quan trọng, thân cận với vua, nhưng kém đức trung nên Hào từ khuyên rán theo đạo trung mà cáo với bê trên (bậc vương công) thì bê trên sẽ nghe mà có thể làm được việc như dời quốc đó.

5.

九五: 有孚, 惠心, 勿周, 元吉. 有孚, 惠我德.

Cửu ngũ: Hữu phu, huê tâm, vật vấn, nguyên cát.

Hữu phu, huệ ngã đức.

Dịch: Hào 5, dương: có lòng chí thành làm ân đức, thì chẳng cần hỏi, cũng biết là rất tốt rồi. Thiên hạ ai cũng tin vào đức ban ân huệ của 5.

Giảng: Hào này là ông vua có tài đức, vừa trung vừa chính, có lòng chí thành ban ơn đức cho dân, cho nên rất tốt. Dân do đó rất tin vào đức của vua (chữ ngã ở đây trả hào 5).

6.

上九: 莫益之或擊之. 立心勿恒, 凶.

Thượng cửu: Mạc ích chi hoặc kích chi. Lập tâm vật hăng, hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Không ai làm ích cho mình mà có kẻ đả kích mình nữa, là vì không giữ được hăng tâm (lòng luôn luôn tốt), xấu.

Giảng: Hào này dương cương, ở cuối quẻ ích, là có lòng cầu ích đến cùng cực, tất bị nhiều người oán; như vậy chỉ vì không giữ được hăng tâm.

Theo Hệ từ hạ truyện, Chương V, Không từ áp dụng hào này vào phép xử thế, khuyên người quân tử làm cho thân mình được yên ổn rồi sau mới hành động; lòng mình được bình dị rồi sau mới thuyết phục người khác; làm cho giao tình được bền rồi sau mới yêu cầu mà khỏi bị dân từ chối.

Không từ hiểu “hăng tâm”: là như vậy chăng?

*

Quẻ Tốn vốn xấu mà hào cuối lại tốt, được chữ “cát, lợi hữu du vãng” quẻ Ích này vốn tốt mà hào cuối lại rất xấu, bị chê là “hung”.

Cũng chỉ là luật “mẫn chiêu tổn, khiêm thụ ích”, tràn thì cuối cùng sẽ đổ (cuối quẻ Ích), với thì cuối cùng được thêm vào (cuối quẻ Tốn). Đó là luật thiên nhiên mà Nho, Lão, Dịch học phái đều coi là qui tắc xử thế.

||

43. QUẺ TRẠCH THIÊN QUÁI

Trên là Đoài (chầm), dưới là Càn (trời)

đồ hình |||||:

Tăng lên đến cùng cực thì tới lúc tràn đầy, nứt vỡ nên sau quẻ Ích tới quẻ Quái. Quái có nghĩa là nứt vỡ, lại có nghĩa là quyết liệt.

Thoán từ:

夬: 揭于王庭, 孚號. 有厲, 告自邑. 不利即戎, 利有攸往.

Quái: Dương vu vương đình, phu hiệu. Hữu lỵ, cáo tự áp, bất lợi tức nhung, lợi hữu du vãng.

Dịch: Quyết liệt: phải tuyên cáo tội ác của nó ở sân vua, lấy lòng chí thành mà phát hiệu lệnh. Có điều như sợ đáy, phải tự răn phe mình đã, đừng chuyên dùng vũ lực, được như vậy thì sự nghiệp của mình càng tiến tới, có lợi.

Giảng: Chầm (Đoài) ở trên, trời (Càn) ở dưới, là nước chầm dân lên ngập trời, tất nhiên các đê ngăn nước phải nứt vỡ khắp nơi.

Lại thêm 5 hào dương tiến lên, quyết tâm trừ một hào âm ở trên cùng. Vì hai lẽ đó mà quẻ này đặt tên là Quái.

Quẻ này thuộc về tháng 3, âm sắp tiêu hết, suy đến cực rồi. Tuy nhiên vẫn phải đề phòng, phải tuyên bố tội ác của tội nhân trước công chúng, rồi lấy lòng chí thành để ban lệnh.

Mặc dù vậy, vẫn có thể gặp nguy được (cỗ nhân thật dè dặt!) cho nên phải răn phe mình đoàn kết, hành động đàng hoàng, mà đừng nên chuyên dùng vũ lực, vì ngoại quái là Đoài có nghĩa là hoà thuận, vui vẻ. Bốn chữ “lợi hưu du vãng” có sách giảng là “cứ như vậy – tức không dùng vũ lực – mà tiến tới thì có lợi”

Thoán truyện giảng là: cứ tiến tới, đến khi trừ xong hào âm, chỉ còn toàn quân tử, thì mới là hoàn thành (cương trưởng nãi chung dã).

Đại tượng truyện khuyên nên ban phát lợi lộc cho dân, cũng do cái ý của ngoại quái là đoài: vui vẻ, thuận hoà.

Hào tử:

初九: 壯于前趾, 往, 不勝為咎.

Sơ cửu: Tráng vu tiên chỉ, vãng, bất thắng vi cữu.

Dịch: Hào 1, dương: mạnh (thắng ở ngón chân bước lên trước (tức hăng tiến lên trước), tiến lên mà không chắc thắng được là có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương, hăng lăm, ở địa vị thấp nhất, tài cò non mà muốn tiến lên trước để diệt hào âm ở trên cùng, chưa chắc đã thắng mà cứ tiến lên là có lỗi (vì không lượng sức mình, không chuẩn bị kỹ).

2.

九二: 惕, 號, 莫夜有戎, 勿恤.

Cửu nhị: Dịch, hao, mạc dạ hưu nhung, vật tuất.

Dịch: Hào 2, dương: lo lắng mà hô hào các bạn (đề phòng) như vậy dù đêm khuya giặc có tới cũng chẳng sợ.

Giảng: Hào này dương cương, quyết tâm diệt tiều nhân, mà đặc trung là biết lo lắng, đề phòng, cảnh cáo các bạn luôn luôn, khi vô sự mà như vậy thì khi giặc tới thình lình nữa đêm, cũng chuẩn bị sẵn sàng rồi, nên không sợ.

3.

九三: 壯于頄. 有凶. 君子夬夬. 獨行遇雨, 若濡有慍, 无咎.

Cửu tam: Tráng vu quì (cùu), hưu hung, quân tử quái quái,

Độc hành ngộ vũ, nhược nhu hưu uẩn, vô cữu.

Dịch: Hào 3, dương: Cường bạo ở gò má (hiện trên mặt), có điều xấu. Người quân tử cương quyết (bỏ tiều nhân): trước kia đã lỡ đi riêng một đường gấp mưa ướt và lấm, bị bạn bè giận, bây giờ cãi quá, sẽ không có lỗi.

Giảng: Hào này là dương cương nhưng bất trung, lại ứng với hào âm (tiều nhân), thì kẻ tiều nhân đó không ưa mà ngay các bạn quân tử của 3 cũng không ưa, (vì cho là giả dối?), có điều xấu đấy – Câu đầu: “Tráng vu quì, hưu hung” tối nghĩa, mỗi sách giảng một cách mà đều lúng túng.

Hào từ khuyên cù thật cương quyết bỏ hào trên cùng đi, đánh đổ nó đi; trước kia lỡ thân với nó mà xa các bạn, như một người đi riêng một đường, gặp mura, ướt và lấm (ý nói mắc tội lỗi), bị bạn bè giận, bây giờ hợp lực với bạn, diệt xong hào âm đó rồi, sẽ rửa sạch được lỗi.

4.

九四: 臀无膚, 其行次且, 牽羊悔亡, 聞言不信.

Cửu tứ: Đồn vô phu, kì hành tư thư, khiên dương hối vong, văn ngôn bất tín.

Dịch: Hào 4, dương: Như bàn toạ mà không có da (có người cho là không hợp có lớp thịt sau da), đi chập chững (khó khăn); chỉ nên đi sau người ta như người lùa bầy cừu, thì hết ân hận; (nhưng e rằng) nghe (ta) nói mà chẳng tin đâu.

Giảng: Hào dương này bất trung bất chính, ở vào vị âm, thấy mấy hào dương kia tiến nó không lẽ ngồi im, nhưng thiếu tài, tiến chập chững (như người bàn toạ không có da), chỉ có cách tốt nhất là nhường cho các hào dương kia tiến trước, nó đi sau cùng như người lùa bầy cừu, như vậy không ân hận.

Nhưng nó ở vị nhu, không sáng suốt, cho nên khuyên nó vậy mà không chắc nó đã nghe.

5.

九五: 奚陸, 夬夬, 中行, 无咎.

Cửu ngũ: Nghiễn lục, quái quái, trung hành, vô cữu.

Dịch: Hào 5, dương (Hào trên cùng) như rau sam (được nhiều âm khí), nếu hào 5 cương quyết, đào tận gốc nó, cứ theo đạo trung mà đi thì không lỗi.

Giảng: Hào này ở gần hào trên cùng, gần tiêu nhân (âm, ví như rau sam), như vậy không tốt; nhưng may nó là dương cương, đắc trung đắc chính, nên không bịn rịn với hào trên cùng mà quyết tâm trù đi. Hào từ khuyên phải giữ đạo trung thì mới không có lỗi (vì 5 vốn có tư tình với hào trên)

6.

上六: 无號, 終有凶.

Thượng lục: vô hào, chung hữu hung.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Đừng kêu gào, không ai giúp đâu, cuối cùng sẽ bị hoạ.

Giảng: Hào âm ở trên cùng quẻ Quái, bị 5 hào dương tấn công, nguy cơ tới rồi, không có hào nào giúp nó cả, cho nên khuyên nó đừng kêu gào vô ích, cuối cùng sẽ chết thôi.

*

So sánh quẻ Quái này với quẻ Phục chúng ta thấy dụng ý của cổ nhân. Quẻ Phục có 5 tiêu nhân kình với một quân tử trong số đó có một tiêu nhân (hào 4) làm nội ứng cho quân tử cho nên được khen là một mình biết trở lại điều phải. Quẻ Quái, trong số 5 quân tử đuổi một tiêu nhân, cũng có một quân tử (hào 3) thân thiện với tiêu nhân, cho nên khuyên là phải cương quyết tuyệt giao với tiêu nhân đi thì sẽ không có lỗi; còn hào 5 tuy không chính ứng với tiêu nhân, nhưng vì là ngôi chí tôn, cầm đầu phe quân tử, mà lại ở gần tiêu nhân (hào 6) cho nên cũng khuyên phải cương quyết diệt tiêu nhân thì sẽ không có lỗi. “Dịch vị quân tử mưu” là vậy.

||

44. QUẺ THIÊN PHONG CẤU

Trên là Càn (trời), dưới là Tốn (gió)

đồ hình 😊 |||

Lời giảng của Tự quái truyện rất ép: Quái là quyết, phán quyết; phán quyết xong rồi thì biết được lành hay dữ, tất có người để gấp gỡ, cho nên sau quẻ Quái tới quẻ Cấn (gấp gỡ).

Thoán từ

姤: 女壯, 勿用取女.

Câu: Nữ tráng, vật dụng thú nữ.

Dịch: Gặp gỡ: Con gái cường tráng, đừng cưới nó (cũng có nghĩa là tiểu nhân đương lúc rất mạnh, đừng thân với nó).

Giảng: Trời (Càn) ở trên, gió (Tốn) ở dưới, gió đi dưới trời, tất đụng chạm vạn vật, cho nên gọi là Câu (gặp gỡ).

Quẻ này một hào âm mới sinh ở dưới (thuộc về tháng 5), đụng với 5 hào dương ở trên, cũng như một người con gái rất cường tráng, đụng với (Cấn) năm người con trai, chồng được với 5 người còn trai, hào đó lại bất đắc chính (âm ở vị dương), như người con gái bất trinh, không nên cưới nó. Thoán truyện đưa thêm một nghĩa khác, trai hắn, tương truyền là của Khổng tử; một hào âm xuất hiện ở dưới năm hào dương, là âm dương bất đầu hội ngộ (gặp nhau: câu), vạn vật nhờ đó sinh trưởng, các phẩm vật đều rực rõ. Tốt. Lại thêm hào 5 dương cương, trung chính, thế là đạo quân tử được thi hành khắp thiên hạ (cương ngộ trung chính, thiên hạ đại hành dã). Cho nên ý nghĩa chữ “Câu” này thật lớn lao. Đại tượng truyện chỉ coi tượng quẻ, không để ý tới nghĩa gấp gỡ của quẻ, mà đưa ra lời khuyên người quân tử nên thi hành mệnh lệnh, báo cáo, hiểu dụ khắp bốn phương, như gió thổi vào khắp vạn vật ở dưới trời.

Hào từ

1.

初六: 繫于金柅, 貞吉. 有攸往見凶. 羸豕孚蹢躅.

Sơ lục: Hệ vu Kim nê, trinh cát; hữu du vãng kiến hung. Luy thi phu trich trực.

Dịch: Hào 1, âm: chẵn nó lại bằng cái hầm xe bằng kim khí, thì đạo chính mới tốt; nếu để cho nó (hào 1) tiến lên thì xấu. Con heo ấy tuy gầy yếu, nhưng quyết chắc có ngày nó sẽ nhảy nhót lung tung.

Giảng: Hào âm (tiểu nhân) này mới xuất hiện, phải chẵn ngay nó mới được, đừng cho nó tiến lên thì đạo chính của người quân tử mới tốt; nếu để nó tiến lên thì xấu. Vì bây giờ nó tuy còn non, yếu, nhưng một ngày kia nó sẽ mạnh, nhảy nhót lung tung. Đừng nên coi thường nó.

Đó là cách trừ kẽ tiểu nhân mà cũng là cách trừ những tật mới phát sinh.

2.

九二: 包有魚, 无咎. 不利賓.

Cửu nhị: Bao hữu ngư, vô cữu; bất lợi tân.

Dịch: Hào 2, dương: nhốt con cá (hào 1) vào trong bọc, không có lỗi; nhưng đừng cho nó (hào 1) gặp khách.

Giảng: Hào 2 này tuy ở sát hào 1, nhưng có đức dương cương, lại đắc trung, cho nên chế ngự được 1, như nhốt lồng nó trong cái bao (ví hào 2 với con cá vì cá thuộc âm), như vậy không có tội lỗi.

Nhưng 1 chính ứng với hào 4; 4 muốn làm thân với 1 lăm, nó bất trung bất chính, không có đức như 2, sẽ bị 1 mê hoặc mất, cho nên Hào từ khuyên hào 2 phải ngăn không cho 1 gặp 4 (chữ tân là khách, trả hào 4).

3.

九三: 臀无膚, 其行次且, 厥, 无大咎.

Cửu tam: Đòn vô phu, kì hành tư thư, lê, vô đại cữu.

Dịch: Hào 3, dương: như bàn tay không có da (ngòi không yên mà đứng dậy) đi thì chập chững, có thể nguy đấy, nhưng không có lỗi lớn.

Giảng: Hào 3 này quá cương (dương ở vị dương), bất trung, muốn có bạn là 1, nhưng hào 2 đã là bạn của 1 rồi; ngó lên trên có hào trên cùng ứng với 3, nhưng cũng là dương như 3, thành thử có vẻ ngòi không an, mà đi thì chập chững, có thể nguy đấy. Nhưng nó đắc chính (dương ở vị dương) nên biết giữ đạo, không mắc lỗi lớn.

4.

九四: 包无魚, 起凶.

Cửu tứ: Bao vô ngư, khởi hung.

Dịch: Hào 4, dương: Trong bọc của mình không có cá, hoạ sẽ phát.

Giảng: Hào này ứng với 1, nhưng bị 2 ngăn không cho gấp (coi lại hào 2), 1 đã như ở trong cái bọc của 2 rồi, cho nên cái bọc của 4 không có gì cả. Sở dĩ vậy cũng do lỗi của 4, bất trung, bất chính, làm mất lòng 1. Người trên mà mất lòng kẻ dưới, thì hoạ sẽ phát.

5.

九五: 以杞包瓜, 含章, 有隕自天.

Cửu ngũ: Dĩ kỉ bao qua, hàm chương, hữu vân tự thiên.

Dịch: Hào 5, dương: dùng cây kỉ mà bao che cây dưa, ngậm chứa đức tốt, (sự tốt lành) từ trên trời rớt xuống.

Giảng: Hào này ở địa vị tối cao, dương cương, trung chính, có đức tốt mà không khoe khoang (ngậm chứa đức tốt), bao bọc cho kẻ tiểu nhân ở dưới (hào 1) như cây kỉ, cao, cành lá xum xuê che cây dưa (thuộc loài âm). Như vậy là hợp đạo trời, sẽ được trời ban phúc cho.

6.

上九: 姤其角, 咎, 无咎.

Thượng cửu: Cấu kì giác, lận, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, dương: gấp bằng cái sừng, đáng hối tiếc, không đổ lỗi cho ai được.

Giảng: Hào này ở trên cùng, thời Cấu (gấp gõ) cho nên ví với cặp sừng. Gấp nhau mà bằng cặp sừng (đụng nhau bằng sừng) ý nói quá cương – đáng hối tiếc. Mọi sách đều dịch “vô cữu” là không có lỗi mà không giảng tại sau quá cương mà không có lỗi. Riêng Phan Bội Châu hiểu là: không đổ lỗi cho ai được.

*

Quẻ Cấu này khuyên ta:

- Phải chế ngự tiểu nhân (và tật của ta) từ khi nó mới xuất hiện hào 1).
- Muốn chế ngự tiểu nhân thì nên có độ lượng bao dung có đức trung chính như hào 2, hào 5); nếu quá cương (như hào 3) bất trung bất chính (như hào 4) thì tiểu nhân sẽ không phục minh.

||

45. QUẺ TRẠCH ĐỊA TỤY

Trên là Đoài (chàm), dưới là Khôn (đất)

đồ hình ::::||:

Gấp nhau rồi thì thành bầy, thành bầy thi phải nhóm họp, cho nên sau quẻ Cấu tới quẻ Tụy (nhóm

hợp)

Thoán từ:

萃 : 亭, 王假有廟. 利見大人. 亭, 利貞. 用大牲, 吉, 利有攸往.

Tụy: hanh, vương cách hữu miếu. Lợi kiến đại nhân,

Hanh, lợi trinh. Dụng đại sinh, cát, lợi hữu du vãng.

Dịch: Nhóm họp: hanh thông. Vua đến nhà Thái miếu, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi, hanh thông, giữ vững đạo chính thì lợi. Lễ vật (để cúng) lớn (hậu hĩ) thì tốt, tiến đi (sự nghiệp) được lâu dài.

Giảng: chǎm (Đoài ở trên đất (Khôn), là nước có chỗ nhóm, tụ, cho nên gọi là quẻ Tụy.

Nội quái là Khôn có tính thuận, ngoại quái là Đoài có nghĩa vui vẻ, hòa thuận; mà hào 5 ở trên được hào 2 ở dưới ứng trợ cho, tất nhóm họp được đông người, cho nên hanh thông, tốt.

Nhóm họp cần long trọng và tỏ lòng chí thành, có thần linh chứng giám, cho nên vua tới nhà Thái miếu để dâng lễ, thề.

Người đứng ra nhóm họp một đảng phải là bậc đại nhân có tài, đức, được người tin, trọng thì mới tốt; người đó phải giữ vững đạo chính, đường lối chính đảng thì mới tốt (lợi trinh).

Nhóm họp ở thái miếu thì tế lễ phải long trọng, những con vật để cúng phải lớn, thì mới tốt. Nhóm họp để cùng nhau mưu tính mọi việc cho sự nghiệp được lâu dài (lợi hữu du vãng).

Đại Tượng truyện khuyên khi nhóp họp nên có tinh thần hoà thuận vui vẻ như quẻ Khôn, quẻ Đoài, cất khí giới đi để ngừa những sự biến bất ngờ xảy ra.

Hào từ

1.

初六: 有孚, 不終, 乃亂乃萃. 若號, 一握為笑勿恤, 往, 无咎.

Sơ lục: hữu phu, bất chung, mãi loạn nãi tụ;

Nhược hào, nhất ác vi tiểu vật tuất, vãng, vô cữu.

Dịch: Hào 1, âm: có người tin mình mà mình không thể đến cùng, rồi làm rối loạn nhóm của mình; nên biết làm mà kêu gọi người tin mình kia, dù có bị một bầy (tiêu nhân) cười cợn mặc, cứ theo lên (vãng) với người tin mình, thì không có lỗi.

Giảng: Hào 1 này có chính là hào 4 dương cương, tức là có bạn tin mình, nhưng 1 âm nhu, giữ đạo chính không được vững (không theo 4 đến cùng) mà nhập bọn với 2, 3 đều là âm nhu tiêu nhân, làm rối loạn nhóm của mình. Nếu có biết như là làm mà kêu gọi 5, theo 4, dù có bị 2, 3 cười cợn mặc, thì sẽ không có lỗi.

2.

六二: 引, 吉, 无咎, 孚, 乃利用禴

Lục nhị: Dẫn, cát, vô cữu, phu, nãi lợi dụng thược.

Dịch hào 2, âm: dẫn bên lên nhóm với hào 5 thì tốt, không có lỗi, phải chí thành, chí thành thì như trong việc tế lễ, dùng lễ mọn cũng tốt.

Giảng: Hào này âm nhu nhưng trung chính, ứng với hào 5 dương cương trung chính ở trên, là một nhóm rất tốt. Nhưng vì nó xen vào giữa hai hào âm 1 và 3, mà cách xa hào 5, nên Hào từ khuyên nó kéo hai hào âm đó lên nhóm họp với 5, thì tốt, không có lỗi, và nhớ phải chí thành (phu) mới được, chí thành thì như trong việc cúng tế, dùng lễ mọn (thược) cũng tốt).

3.

六三: 萃如, 噎如, 无攸利, 往, 无咎, 小吝.

Lục tam: Tụy nhu, ta nhu, vô du lợi, vãng, vô cữu, tiêu lận.

Dịch: Hào 3, âm: Muốn họp mà không được nén than thở, chẳng có gì tốt cả; tiến lên mà họp với hào thượng, tuy hơi bất mãn đấy, nhưng không có lỗi.

Giảng: Hào 3 này âm nhu, ứng với hào trên cùng, nhưng không thích (vì hào này cũng âm nhu), muốn họp với 4 và 5 là dương kia, nhưng 4 có bạn là 1, 5 có bạn là 2 rồi, chê 3 là bất trung, bất chính không thèm; 3 nhìn xuống dưới, muốn họp với 2, 1 cũng không được vì họ có bạn là 5, 4 rồi; vì vậy 3 than thở, chẳng có gì tốt cả. Đành phải tiến lên mà họp với hào trên cùng vậy, bất như ý đấy, nhưng không có lỗi.

4.

九四: 大吉, 无咎.

Cửu tú: đại cát, vô cữu.

Dịch: Hào 4, dương: nếu được rất tốt thì mới không có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương, tốt, chỉ hiềm bất chính; nó thân với hào 5, dương cương ở trên, mà lại gần với một bầy âm nhu ở dưới tình thế khó khăn, phải làm sao thuyết phục được bầy âm theo 5, như vậy mới khỏi có lỗi.

5.

九五: 萃有位, 无咎, 匪孚元永貞, 悔亡.

Cửu ngũ: tụy hữu vị, vô cữu, phi phu nguyên vĩnh trinh, hối vong.

Dịch: Hào 5, dương: Nhờ có vị cao mà nhóm họp được người, không có lỗi, nếu người chưa tin mình thì phải giữ tư cách nguyên thủ, giữ người được lâu, giữ đạo chính được bền, như vậy mới không hối hận.

Giảng: Bốn hào âm trong quẻ này đều muốn họp với hai hào dương, mà trong hai hào dương này, hào 5 có địa vị cao nhất, đức lại thịnh hơn hào 4, đủ cả trung, chính, cho nên các hào âm đều hướng vào (tụy hữu vị), tốt, không có lỗi. Nhưng còn e có người vẫn chưa tin hào 5 (phỉ nhu); muốn cho mọi người tin thì phải làm sao xứng đáng là vị nguyên thủ (nguyên), giữ người được lâu (vĩnh) giữ đạo chính (trinh) được bền, như vậy sẽ không hối hận.

6.

上六: 齋咨, 涕洟, 无咎.

Thượng lục: té tư, thé di, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Than thở, sụt sùi, không trách lỗi ai được.

Giảng: Hào này âm nhu, kém tư cách, lại ở cuối thời nhóm họp (tụy) muốn họp với ai cũng không được, tới nỗi than thở, sụt sùi, cứ an phận thì không có lỗi. Phan Bội Châu hiểu “vô cữu” là không trách lỗi ai được, cũng như hào trên cùng quẻ Cầu ở trên.

*

Đại ý quẻ này là muốn họp người, lập một đảng chẳng hạn thì phải là bậc đại nhân: có địa vị cao, có tài, có đức, phải có lòng chí thành, một chủ trương chính đáng.

】

46. QUẺ ĐỊA PHONG THĂNG

Trên là Khôn (dát), dưới là Tốn (gió)

đồ hình 😊 |:::

Nhóm họp lại thì tất nhiên chồng chất mãi lên, cho nên sau quẻ tụy đến quẻ Thăng (lên).

Thoán từ:

升: 元亨, 用見大人, 勿恤, 南征, 吉.

Thăng: nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất, nam chinh, cát.

Dịch: Lên: rất hanh thông, phải dùng người có tài đức (đại nhân), không có gì là lo ngại, cứ tiến về phía trước thì tốt.

Giảng: Tốn là gió mà cũng là cây. Ở đây hiểu là cây. Cây mọc ở dưới đất, mỗi ngày mỗi đâm lên cao, cho nên gọi là quẻ Thăng.

Cũng có thể hiểu: Khốn vôn là âm nhu mà tiến lên ngoại quái là vì thời tiến lên thì nên như vậy chứ bình thường thì dương mới thăng mà âm thì giáng. Tốn có tính nhún, khôn có tính thuận; lại thêm hào 5 âm có đức nhu và trung, ứng với hào 2 có đức dương cương, cho nên rất hanh thông. Phải dùng người có tài đức (hào 2) thì mới không có gì lo ngại. “Nam chinh” là tiến về phía trước mặt, chứ không có nghĩa là tiến về phía Nam.

Đại Tượng truyện khuyên xem quẻ này nên thuận đạo mà sửa đức, mỗi ngày một chút, lần lần sẽ rất cao (tích tiểu dĩ cao đại).

Hào từ

1.

初六: 允升, 大吉

Sơ lục: Doãn thăng, đại cát.

Dịch: Hào 1, âm: có lòng tin mà tiến lên, rất tốt.

Giảng: Hào này âm nhu, ở dưới cùng, làm chủ nội quái Tốn, là có đức khiêm tốn, nhu thuận, theo sau hai hào dương (2 và 3) mà nhờ 2 hào đó dắt lên, rất tốt. “Doãn” nghĩa là tin, 1 tin 2 và 3, mà 2 và 3 cũng tin 1. Tiêu tượng truyện gọi như vậy là hợp chí nhau.

2.

九二: 孚, 乃利用禴, 无咎.

Cửu nhị: Phu, nãi lợi dụng thược, vô cữu.

Dịch: Hào 2, dương: tin nhau có lòng chí thành thì dùng lễ nhỏ cũng được, không có lỗi.

Giảng: Hào 2, này dương cương mà ở dưới, hào 5 âm nhu mà ở vị cao, hai bên khác nhau như vậy mà ứng với nhau là rất tin nhau bằng lòng chí thành, hợp tác với nhau làm nên sự nghiệp ở thời “Thăng”. Đã có lòng chí thành thì lễ vật rất đơn sơ cũng được, không có lỗi.

3.

九三: 升, 虛邑.

Cửu tam: Thăng, nhu ấp.

Dịch: Hào 3, dương: lên dễ dàng như vào cái ấp không người.

Giảng: Hào này đặc chính, có tài, ở trên cùng nội quái là Tốn, có đức thuận theo ba hào âm ở trên, được 3 hào dắt lên một cách dễ dàng, như vào một cái ấp không có ai ngăn cản, không có gì ngại cả.

4.

六四: 王用亨于岐山, 吉, 无咎.

Lục tứ: Vương dụng hanh vu Kì sơn, cát, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: vua Văn Vương dùng đạo mà hanh thịnh ở núi Kì sơn, tốt, không có lỗi.

Giảng: Hào này nhu thuận, đặc chính, ở ngay dưới hào 5, như vua một nước chư hầu, giúp thiên tử, dắt các người hiền cùng tiến lên; đó là trường hợp vua Văn Vương, một chư hầu dưới thời nhà Ân, lập nên sự nghiệp ở Kì Sơn.

5.

六五, 貞吉, 升階.

Lục ngũ: Trinh cát, thăng giai.

Dịch: Hào 5, âm: giữ được đạo chính thì tốt, dễ dàng lên thềm.

Giảng: Hào này tuy âm nhu nhung đắc trung, ở dưới có hào 2 là hiền thần giúp, nên dễ dàng đắc chí, lên thềm cao một cách dễ dàng (lập được sự nghiệp)

6.

上六: 冥升, 利于不息之貞.

Thượng lục: Minh thăng, lợi vu vật túc chi trình.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Hôn ám cù muôn lên hoài, nếu sửa đức cho hợp đạo chính, không bao giờ nghỉ thì có lợi.

Giảng: Hào này âm nhu, hôn ám, ở dưới thời “thăng”, đã lên đến cùng cực rồi mà còn muôn lên nữa; nếu đổi lòng ham lên đó thành lòng tự cường, sửa đức cho hợp đạo chính, không bao giờ nghỉ, thì lại tốt.

*

Năm hào dưới đều tốt, chỉ có hào trên cùng là xấu vì quá tham, cù muôn tiến lên hoài về danh lợi, địa vị.

||

47. QUẺ TRẠCH THỦY KHỐN

Trên là Đoài (chầm), dưới là Khảm (nước)

đồ hình 😊 :||:

Lên cao mãi thì có lúc sẽ té mà khốn, cho nên sau quẻ Thăng tới quẻ Khốn.

Thoán từ:

困: 亨, 貞, 大人吉, 无咎. 有言不信.

Khốn: Hanh, Trinh, đại nhân cát, vô cữu. Hữu ngôn bất thân (chữ [nhân đứng kê ngôn 信] ở đây dùng như chữ [伸])

Dịch: Khốn: Hanh thông. Chính đính như bậc đại nhân (có đức) thì tốt, không lỗi. Dù nói gì cũng không bày tỏ được lòng mình (không ai nghe mình)

Giảng: Quẻ Khảm là dương ở cuối, quẻ Đoài là âm ở trên, dương cương (quân tử) bị âm nhu (tiểu nhân) che lấp, cho nên gọi là Khốn.

Lại thêm: nội quái một hào dương bị kẹt giữa hai hào âm; ngoại quái hai hào dương ở dưới một hào âm, cùng là cái tượng quân tử bị tiểu nhân làm khốn.

Một cách giảng nữa: Chầm (Đoài) ở trên mà Khảm (nước) ở dưới, nước trong chầm chảy xuống dưới, tiết mệt hết, chầm sẽ khô, thành ra cái tượng Khốn.

Tuy nhiên, Khảm là hiềm, Đoài là hoà duyệt, vậy tuy gặp hiềm mà vẫn vui vẻ hanh thông. Hanh thông chỉ là đối với bậc đại nhân, có đức cương, trung, giữ đạo chính thỏi; vì hạng người đó càng gặp cảnh khốn, tài càng được luyện; đức càng được trau, chí càng vững dù có phải hy sinh tính mệnh để thỏa chí nguyện cũng không ngại, thắn tuy khốn mà vẫn vui vẻ, đạo của họ vẫn hanh thông, cho nên Hào từ cho là tốt, không có lỗi.

Ở vào thời Khốn, chỉ có cường quyền, không có công lý, nên đừng nói gì cả, càng nói chỉ càng thêm vạ miệng, không biện bạch được gì đâu. Đây là lời khuyên chung, còn bậc quân tử có thể “sát thân dĩ thành nhân” thì lại khác.

Hào từ:

1.

初六: 體困于株木, 入于幽谷, 三歲不覲 .

Sơ lục: Đòn khốn vu chầu mộc, nhập vu u cốc, tam tué bát dịch.

Dịch: Hào 1, âm: Bàn toạ bị khốn ở gốc cây, lại sụp vào trong hang tối, ba năm không thấy ai.

Giảng: Hào này ở đầu quẻ Khốn, âm nhu, mê muội; hào 3, dương ứng với nó, bất trung bất chính không giúp gì được nó; như một người ngồi trên cây trại trời gốc ra (ý nói ở hào đầu, thấp nhất), rồi lại sụp vào hang tối (hào này âm, nhu mê muội) mà không thấy ai lại cứu (ai đây trả hào 4).

2.

九二: 困于酒食, 朱紱方來. 利用享祀, 征凶, 无咎.

Cửu nhị: Khốn vu túu thực, chu phát lai.

Lợi dụng hướng tự, chinh hung, vô cữu.

Dịch: Hào này dương cường, đặc trung, đáng lẽ tốt, nhưng ở thời Khốn thì cũng vẫn bị khốn vì ăn uống, do ơn vua lộc nước; được ở trên ứng hợp lại nhờ giúp (ở đây tượng trưng bằng việc đem cái “phát” đó, một bộ phận lễ phục để che đầu gối); nên đem lòng tinh thành để tế thần linh mà xử sự trong thời khốn này; nếu cứ tiến hành thì không gặp thời xấu; giữ đạo thì không có lỗi.

3.

六三: 困于石, 據于蒺藜, 入于其宮, 不見其妻, 凶.

Lục tam: Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kì cung, bất kiến kì thê, hung.

Dịch: Hào 3, âm: như người bị khốn vì đá, mà lại dựa vào cây tật lê, vô nhà thì không thấy vợ, xấu.

Giảng: Hào này bất trung, bất chính, âm nhu ở vào thời khốn, ở trên cùng nội quái là Khảm, tức ở cảnh cực hiểm, tần thoái đều không được nên ví với người bị đá dồn ở trên (tức hào 4) mà lại dựa vào một loại cây có gai (tật lê – tức hào 2), vô nhà lại không thấy vợ (tức hào trên cùng cũng âm nhu, không giúp 3 được gì). Rất xấu.

Theo Hệ từ truyện Chương v, Không tử thích nghĩa thêm như sau:

“Không phải chỗ đáng bị khốn mà mình bị khốn thì danh át bị nhục, không phải chỗ đáng dựa mà mình dựa vào thì thân tất bị nguy; đã bị nhục lại bị nguy thì sắp chết tươi rồi, còn thấy sao được vợ nữa?”

4.

九四: 來徐徐, 困于金車, 奚, 有終.

Cửu tứ: Lai từ từ, Khốn vu kim xa, lận, hữu chung.

Dịch: Hào 4, dương: (Bạn mình) lại chậm vì bị cỗ xe bằng kim khí chặn (khốn) có điều ân hận, nhưng được trọng vẹn về sau.

Giảng: Hào này dương cường, nhưng bất trung, bất chính, ở vào Khốn, trong vào hào 1 (ứng với nó) tới giúp; nhưng 1 không tới mau được vì bị hào 2 chặn ở giữa (hào 2 này ví với cỗ xe bằng kim khí, có lẽ vì 2 dương cường, mà kim khí là chất cứng chằng cho nên có điều đáng ân hận, xấu hổ; nhưng cuối cùng vẫn liên hợp được với 1 vì hai bên đều dốc lòng ứng với nhau (4 là dương, 1 là âm))

5.

九五: 剷剗, 困于赤紱. 乃徐有說, 利用祭祀.

Cửu ngũ: tị nguyệt, khốn vu xích phát,

Nãi từ hữu duyệt, lợi dụng tế tự.

Dịch: Hào 5, dương: Bị xéo mũi, cắt chân, khốn vì cái “phát” đỏ; thủng thảng sẽ vui, nên dùng lòng chí thành lúc cúng tế (mà xú vào thời Khôn).

Giảng: Hào dương ở vị chí tôn, có tài đức, nhưng ở vào thời Khôn, người chung quanh mình và ở dưới mìmh đều bị khốn cả, lại thêm hào trên cùng là âm muôn dè ép quanh mình, hào 4 dương cương ở dưới tình làm hại mình, ngay đến hào 2 đã đem cái “phát” đỏ cho nó, nhờ nó giúp, nó cũng chỉ làm cho mình thêm khốn’ như vậy mình không khác gì kẻ bị thương ở mũi (xéo mũi), ở chân (cắt chân); nhưng 5 và 2 cùng có đức cương trung thì rồi sẽ hợp với nhau, cứ chí thành thì sẽ hanh thông, vui.

6.

上六: 困于葛藟, 于臲臲 . 曰: 動悔, 有悔, 征吉.

Thượng lục: Khôn vu cát lũy, vu niết ngọt.

Viết động hối, hưu hối, chinh cát.

Dịch: Hào trên cùng ,âm: Bị khốn vì dây săn dây leo, khập khẽnh, gập ghènh; tự hỏi rằng; hoạt động thì ân hận chăng? Biết suy nghĩ như vậy thì hành động sẽ tốt.

Giảng: Hào này ở cuối thời Khôn, như người bị buộc chằng chít trong đám dây săn dây leo mà lại đi đứng trong chỗ khập khẽnh, gập ghènh; nhưng khốn tới cùng cực rồi thì sẽ thông, cho nên nếu thận trọng, biết ăn năn thì sẽ tốt.

So sánh ba quẻ Truân, Kiển, Khôn.

Quẻ Truân là đầu thời khó khăn, còn có thể hành động chút ít để cứu vãn thời thế được. Quẻ Kiển là giữa thời có khó khăn, nên chờ thời, không làm gì hết, hoặc có vì bốn phận mà làm thì cũng khó có kết quả.

Tới Quẻ Khôn, thời khó khăn lên tới tột điểm, 5 hào xâu (Khôn, lận) chỉ có hào cuối cùng mới tốt, đành phải chờ thời, giữ đức trung, chính, lòng chí thành mới qua được cơn khốn.

||

47. QUẺ TRẠCH THỦY KHÔN

Trên là Đoài (chầm), dưới là Khảm (nước)

đô hình

Lên cao mãi thì có lúc sẽ té mà khốn, cho nên sau quẻ Thăng tới quẻ Khôn.

Thoán từ:

困: 亨, 貞, 大人吉, 无咎. 有言不信.

Khôn: Hanh, Trinh, đại nhân cát, vô cữu. Hữu ngôn bất thân (chữ [nhân đứng kế ngôn 信] ở đây dùng như chữ 伸)

Dịch : Khôn: Hanh thông. Chính đính như bậc đại nhân (có đức) thì tốt, không lỗi. Dù nói gì cũng không bày tỏ được lòng mình (không ai nghe mình)

Giảng: Quẻ Khảm là dương ở cuối, quẻ Đoài là âm ở trên , dương cương (quân tử) bị âm nhu (tiểu nhân) che lấp, cho nên gọi là Khôn.

Lại thêm: nội quái một hào dương bị kẹt giữa hai hào âm; ngoại quái hai hào dương ở dưới một hào âm, cùng là cái tượng quân tử bị tiểu nhân làm khốn.

Một cách giảng nữa: Chầm (Đoài) ở trên mà Khảm (nước) ở dưới, nước trong chầm chảy xuống dưới, tiết mát hết, chầm sẽ khô, thành ra cái tượng Khôn.

Tuy nhiên, Khảm là hiếm, Đoài là hoà duyệt, vậy tuy gặp hiếm mà vẫn vui vẻ hanh thông. Hanh

thông chỉ là đối với bậc đại nhân, có đức cương, trung, giữ đạo chính thôii; vì hạng người đó càng gặp cảnh khốn, tài càng được luyện; đức càng được trau, chí càng vững dù có phải hy sinh tính mệnh để thỏa chí nguyệt cũng không ngại, thân tuy khốn mà vẫn vui vẻ, đạo của họ vẫn hanh thông, cho nên Hào từ cho là tốt, không có lỗi.

Ở vào thời Khốn, chỉ có cường quyền, không có công lý, nên đừng nói gì cả, càng nói chỉ càng thêm vạ miệng, không biện bạch được gì đâu. Đây là lời khuyên chung, còn bậc quân tử có thể “sát thân dĩ thành nhân” thì lại khác.

Hào từ:

1.

初六: 膽困于株木, 入于幽谷, 三歲不覲 .

Sơ lục: Đồn khốn vu châu mộc, nhập vu u cốc, tam tuế bất dịch.

Dịch: Hào 1, âm: Bàn toạ bị khốn ở gốc cây, lại sụp vào trong hang tối, ba năm không thấy ai.

Giảng: Hào này ở đầu quẻ Khốn, âm nhu, mê muội; hào 3, dương ứng với nó, bất trung bất chính không giúp gì được nó; như một người ngồi trên cây trại trời gốc ra (ý nói ở hào đầu, thấp nhất), rồi lại sụp vào hang tối (hào này âm, nhu mê muội) mà không thấy ai lại cứu (ai đây trả hào 4).

2.

九二: 困于酒食, 朱紱方來. 利用享祀, 征凶, 无咎.

Cửu nhị: Khốn vu tảo thực, chu phát lai.

Lợi dụng hưởng tự, chinh hung, vô cữu.

Dịch: Hào này dương cương, đắc trung, đáng lẽ tốt, nhưng ở thời Khốn thì vẫn bị khốn vì ăn uống, do ơn vua lộc nước; được ở trên ứng hợp lại nhờ giúp (ở đây tượng trưng bằng việc đem cái “phát” đó, một bộ phận lẽ phục để che đầu gối); nên đem lòng tinh thành để tế thần linh mà xử sự trong thời khốn này; nếu cứ tiến hành thì không gặp thời xấu; giữ đạo thì không có lỗi.

3.

六三: 困于石, 據于蒺藜, 入于其宮, 不見其妻, 凶.

Lục tam: Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kì cung, bất kiến kì thê, hung.

Dịch: Hào 3, âm: như người bị khốn vì đá, mà lại dựa vào cây tật lê, vô nhà thì không thấy vợ, xấu.

Giảng: Hào này bất trung, bất chính, âm nhu ở vào thời khốn, ở trên cùng nội quái là Khảm, tức ở cảnh cực hiểm, tần thoái đều không được nên ví với người bị đá dồn ở trên (tức hào 4) mà lại dựa vào một loại cây có gai (tật lê – tức hào 2), vô nhà lại không thấy vợ (tức hào trên cùng cũng âm nhu, không giúp 3 được gì). Rất xấu.

Theo Hệ từ truyện Chương v, Khổng tử thích nghĩa thêm như sau:

“Không phải chỗ đáng bị khốn mà mình bị khốn thì danh át bị nhục, không phải chỗ đáng dựa mà mình dựa vào thì thân tất bị nguy; đã bị nhục lại bị nguy thì sắp chết tươi rồi, còn thấy sao được vợ nữa?”

4.

九四: 來徐徐, 困于金車, 咎, 有終.

Cửu tứ: Lai từ từ, Khốn vu kim xa, lận, hưu chung.

Dịch: Hào 4, dương: (Bạn mình) lại chậm vì bị cỗ xe bằng kim khí chặn (khốn) có điều ân hận, nhưng được trọng vẹn về sau.

Giảng: Hào này dương cương, nhưng bất trung, bất chính, ở vào Khốn, trong vào hào 1 (ứng với

nó) tới giúp; nhưng 1 không tới mau được vì bị hào 2 chặn ở giữa (hào 2 này ví với cỗ xe băng kim khí, có lẽ vì 2 dương cương, mà kim khí là chất cứng chăng cho nên có điều đáng ân hận, xấu hổ; nhưng cuối cùng vẫn liên hợp được với I vì hai bên đều dốc lòng ứng với nhau (4 là dương, 1 là âm)

5.

九五: 剷剗, 困于赤紱. 乃徐有說, 利用祭祀.

Cửu ngũ: tị nguyệt, khốn vu xích phát,

Nǎi từ hữu duyệt, lợi dụng tế tự.

Dịch: Hào 5, dương: Bị xéo mũi, cắt chân, khốn vì cái “phát” đỏ; thủng thảng sẽ vui, nên dùng lòng chí thành lúc cúng tế (mà xú vào thời Khốn).

Giảng: Hào dương ở vị chí tôn, có tài đức, nhưng ở vào thời Khốn, người chung quanh mình và ở dưới mình đều bị khốn cả, lại thêm hào trên cùng là âm muốn đè ép quanh mình, hào 4 dương cương ở dưới tình làm hại mình, ngay đến hào 2 đã đem cái “phát” đỏ cho nó, nhờ nó giúp, nó cũng chỉ làm cho mình thêm khốn’ như vậy mình không khác gì kể bị thương ở mũi (xéo mũi), ở chân (cắt chân); nhưng 5 và 2 cùng có đức cương trung thì rồi sẽ hợp với nhau, cứ chí thành thì sẽ hanh thông, vui.

6.

上六: 困于葛藟, 于臲臲 . 曰: 動悔, 有悔, 征吉.

Thượng lục: Khốn vu cát lũy, vu niết ngọt.

Viết động hối, hữu hối, chinh cát.

Dịch: Hào trên cùng ,âm: Bị khốn vì dây sắn dây leo, khập khẽnh, gập ghềnh; tự hỏi rằng; hoạt động thì ân hận chăng? Biết suy nghĩ như vậy thì hành động sẽ tốt.

Giảng: Hào này ở cuối thời Khốn, như người bị buộc chằng chít trong đám sắn dây leo mà lại đi đứng trong chỗ khập khẽnh, gập ghềnh; nhưng khốn tới cùng cực rồi thì sẽ thông, cho nên nếu thận trọng, biết ăn năn thì sẽ tốt.

So sánh ba quẻ Truân, Kiển, Khốn.

Quẻ Truân là đầu thời khó khăn, còn có thể hành động chút ít để cứu vãn thời thế được. Quẻ Kiển là giữa thời có khó khăn, nên chờ thời, không làm gì hết, hoặc có vì bỗn phận mà làm thì cũng khó có kết quả.

Tới Quẻ Khốn, thời khó khăn lên tới tột điểm, 5 hào xấu (Khốn, lận) chỉ có hào cuối cùng mới tốt, đành phải chờ thời, giữ đức trung, chính, lòng chí thành mới qua được cơn khốn.

||

48. THỦY PHONG TỈNH

Trên là Khảm (nước), dưới là Tốn (gió)

đò hình 😊 |:|:

Lên (Thăng) tới cùng thì bị khốn, mà té xuống dưới, cho nên sau quẻ Khốn tới quẻ Tỉnh (giêng, tức chỗ thấp hơn hết).

Thoán từ:

井: 改邑不改井, 无喪无得, 往來井井. 泣至, 亦未繕井, 窽其瓶, 凶.

Tỉnh: Cải áp bất cải tĩnh, vô táng vô đắc, vãng lai tĩnh tĩnh.

Ngật chí, diệc vị duật tĩnh, luy kì bình, hung.

Dịch: giêng: đổi áp chứ không đổi giêng, nước giêng không kiệt mà cũng không thêm; người qua

người lại để mực nước giếng. Gần đến nơi (đến giếng), chưa kịp thòng dây gàu xuống mà bể cái bình đựng nước, thì xấu.

Giảng: Theo tượng quẻ, trên là nước (Khảm), dưới là gỗ (Tốn ở đây không hiểu là gió mà hiểu là cây, là đồ bằng gỗ – trỏ cái gàu), có nghĩa là thòng cái gàu xuống nước để mực lên.

Theo hình của quẻ: dưới cùng là một âm, như mạch nước, rồi tiến lên là hai hào dương, như lớp đất ở đáy giếng; tiến lên nữa là hào âm, tức nước giếng, lòng giếng; trên nữa là một vạch liền, tức cái nắp giếng, trên cùng là một vạch đứt, tức miệng giếng.

Đại tượng truyện giảng một cách khác: nước (Khảm) ở trên cây (Tốn), tức là nhựa (nước từ dưới đất theo thân cây lên) ở ngọn cây, cũng như mạch nước ở trong giếng, chảy ra, cho nên gọi là quẻ Tỉnh.

Bản thể của cái giếng là ở đâu thì ở đây, áp còn có khi thay đổi, chứ giếng thì cố định; có nước mạch chảy vô giếng hoài, nên nước giếng không kiệt, nhưng nước giếng chỉ lên tới một mực nào đó, không khi nào tràn ra. Công dụng của giếng là ai cũng lại giếng để lấy nước (tỉnh tĩnh: chữ tĩnh trên là động từ, chữ tĩnh dưới là danh từ), kẻ qua người lại thường, người nào cũng nhớ nó mà có nước, nó giúp đỡ mọi người mà như vô tâm.

Nói về nhân sự thì người đi lấy nước, đã gần tới rồi, chưa kịp thòng dây gàu (duật) xuống, mà đánh vỡ cái bình đựng nước thì thật uổng công; vậy làm việc gì cũng phải cẩn thận, đến nơi đến chốn để khỏi thất bại nữa chừng.

Thoán truyện bảo giếng ở đâu ở đây, không thay đổi như áp, vậy là có đức cương trung của hào 2 và hào 5.

Đại tượng truyện khuyên người quân tử nên coi tượng cái giếng mà nuôi dân và chỉ cho dân cách giúp đỡ lẫn nhau.

Hào từ:

1.

初六: 井泥不食. 舊井无禽.

Sơ lục: tĩnh nê, bất thực, cựu tĩnh vô cầm.

Dịch: Hào 1, âm: Giếng lầy bùn, không ai lại lấy nước; không có con vật nào lại một giếng cũ.

Giảng: Hào 1 âm nhu, ở địa vị thấp nhất, hào 4 ở trên cũng không giúp gì nó, chính là hạng người vô dụng, bất tài, nên ví như cái giếng không có mạch, bị bùn, không ai lại lấy nước, chim muông cũng không tới.

2.

九二: 井谷, 射鲋, 甕敝漏.

Cửu nhị: Tỉnh cốc, xạ phụ, ủng tệ lậu.

Dịch: Hào 2, dương: giếng ở trong hang (có người hiểu là giếng có cái hang), nước chỉ lách tách ít giọt bắn vào con giếc, như cái chum nứt, nước dỉ ra.

Giảng: Hào này dương cương, có tài hơn hào 1, nhưng địa vị cũng thấp, trên cũng không có người ứng viện cho, nên cũng không làm nổi việc đòi, ví như cái giếng nước tuy trong, nhưng nước mạch ít, chỉ dỉ ra đủ nuôi con giếc, chứ không có người tới mực. Hào này khác hào 1 ở chỗ 1 vì bất tài mà vô dụng, hào này vì hoàn cảnh mà hoá vô dụng.

3.

九三: 井渫不食, 為我心惻. 可用汲. 王明, 並受其福.

Cửu tam: tĩnh tiết bất thực, vi ngã tâm trắc.

Khả dụng cấp; vương minh, tĩnh thụ kì phúc.

Dịch: Hào 3, dương: giếng trong mà chẳng ăn, để lòng ta thương xót, có thể dùng mà múc lên được; gặp ông vua sáng suốt thì mọi người đều được phúc.

Giảng: Hào dương này đắc chính, là người có tài, muôn giúp đời, nhưng địa vị còn ở thấp (nội quái), không được dùng, ví như cái giếng nước trong mà không ai múc. Nếu được ông vua sáng suốt dùng, thì người đó sẽ giúp cho mọi người được nhờ.

4.

六四: 井甃, 无咎.

Lục tứ: Tinh trúu, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: Giếng mà thành và đáy xếp đá, không có lỗi.

Giảng: Hào này âm nhu, tài tầm thường, nhưng đắc chính, ở gần hào 5 chí tôn, nên nhờ 5 mà làm được việc nhỏ, không có lỗi, ví như cái giếng mạch không nhiều, nhưng xếp đá ở thành và đáy, thì nước mạch thẩm vào, lóng lại, cũng tạm dùng được.

5.

九五: 井冽, 寒泉食.

Cửu ngũ: Tinh liết, hàn tuyền thực.

Dịch: Hào 5, dương: Nước giếng trong, lạnh, múc lên ăn được.

Giảng: Hào nay dương cương, đắc trung, ở ngôi chí tôn, có ân trạch với dân chúng, nên ví với nước giếng vừa trong, vừa mát, lại múc lên được.

6.

上六: 井收, 勿幕, 有孚, 元吉.

Thượng lục: Tinh thu, vật mạc, hữu phu, nguyên cát.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Nước giếng múc lên rồi, đừng che đậm, cứ mãi mãi như vậy, không thay đổi thì rất tốt.

Giảng: Hào trên cùng này tuy là âm nhu, nhưng ở cuối cùng quẻ Tinh, nó có cái tượng nước giếng đã múc lên rồi, nên để cho mọi người dùng, chứ đừng che đậm, và cứ như vậy giúp đời mãi thì không gì tốt bằng.

*

Chúng ta để ý, quẻ Tinh này có điểm đặc biệt là các hào càng lên cao càng tốt, tốt nhất là hào trên cùng.

Thường các quẻ khác, hào trên cùng có nghĩa là cùng cực: hẽ là quẻ tốt như quẻ Càn, quẻ thái thì hào trên cùng xấu; nếu là quẻ xấu như quẻ Bĩ, quẻ khốn thì hào trên cùng tốt, vì luật: cực thì phải biến, tốt biến ra xấu, xấu biến thành tốt. quẻ Tinh này với quẻ Đinh (và một số quẻ nữa như quẻ Tiêm . . .), hào trên cùng không có nghĩa cùng cực, mà có nghĩa là lúc cuối (chung), lúc nước đã múc lên (Tinh) hoặc thức ăn đã chính (đinh), tức là lúc thành công, cho nên đều tốt cả. ॥

49. QUẺ TRẠCH HỎA CÁCH

trên là Đoài (chăm), dưới là Ly (lửa)

đò hình |:|||:

Nước giếng tích trữ lâu ngày, bụi cát và các vật dơ mỗi ngày mỗi nhiều, không còn trong sạch nữa, phải tát hết nước cũ để nước mạch mới chảy vào thay, cho nên sau quẻ Tinh tới quẻ Cách. Cách nghĩa là thay đổi, như trong từ ngữ cải cách, biến cách, cách mạng.

Thoán từ.

革: 已日乃孚, 元亨 利貞. 悔亡.

Cách: Dĩ nhặt nãi phu, nguyên hanh lợi trinh. Hồi vong.

Dịch: Thay đổi: Phải lâu ngày người ta mới tin được; phải rất hanh thông, hợp chính đạo (thì người ta mới phục). Được vậy thì không phải ăn năn.

Giảng: Theo tượng quẻ, chàm (Đoài) ở trên, lửa (Ly) ở dưới; lửa đốt thì nước cạn, nước xối vào thì lửa tắt; hai thứ đốt tranh nhau thì có sự thay đổi, cho nên gọi là quẻ Cách.

Lại có thể giảng: Doài là con gái út, Ly là con gái giữa, họ có xu hướng khác nhau (con gái út nghĩ tới cha mẹ, con gái giữa nghĩ tới chồng), phải có sự thay đổi, không thể như vậy mà ở chung với nhau được.

Thay cũ đổi mới là một việc khó, ngược với thói quen thủ cựu của con người, cho nên mới đầu người ta không tin, cho là đa sự. Muốn cho người ta tin thì phải một thời gian lâu để người ta thấy kết quả.

Mà muốn có kết quả, sự cải cách phải hợp thời hợp chính đạo, phải sáng suốt, soi xét rạch ròi và có tính hoà duyệt thoả thuận với lòng người (văn minh dĩ duyệt: lời đoán truyện), có vậy mới đặc nhân tâm mà người ta không phản kháng. Sáng suốt là đức của nội quái Ly, hoà duyệt là đức của ngoại quái Đoài. Có đủ những điều kiện đó: hợp thời, hợp chính đạo (tức là thích đáng, chính đáng) sáng suốt và hoà duyệt thì không phải ăn năn.

Vua Thang diệt Kiệt, vua Võ diệt Trụ, hai cuộc cách mạng đó đều thuận với đạo Trời (chính đạo) và ứng với lòng người (hợp thời, hợp nguyện vọng nhân dân) cho nên thành công. Trời đất phải thay đổi mới có mùa, mà vạn vật mới sinh sinh hoá hoá, việc đổi lâu lâu cũng phải cải cách, để trừ những tệ hại cũ mà thích hợp với hoàn cảnh mới.

Hào từ.

1.

初九: 鞏用黃牛之革.

Sơ cửu: củng dụng hoàng ngưu chi cách.

Dịch: Hào 1, dương: bó chặt bằng da con bò vàng.

Giảng: người nào muốn làm việc cải cách lớn thì phải có thời (hợp thời), có địa vị có tài. Hào 1 này mới ở vào buổi đầu của thời Cách (thay đổi), còn lỡ dở, thế là chưa có thời, địa vị lại thấp, tuy dương cương nhưng bất trung thế là tài đức còn kém, trên không có người ứng viện (hào 4 cũng là dương); làm việc cải cách tất hỏng; chỉ nên giữ vững (bó chặt bằng) đạo trung (tượng trung bằng màu vàng); thuận (đức của loài bò), thì mới khỏi bị lỗi.

2.

六二: 已日乃革之, 征吉, 无咎.

Lục nhị: Dĩ nhặt nãi cách chi, chinh cát, vô cữu.

Dịch: Hào 2, âm: chuẩn bị lâu ngày rồi cải cách, tiến đi thì tốt, không lỗi.

Giảng: Hào này nhu thuận, đặc trung đặc chính, ở giữa nội quái Ly là sáng suốt, ở trên có hào 5 dương cương, trung chính, vị cao, ứng viện cho, đủ tư cách, hoàn cảnh thuận tiện để cải cách (vì vị 2 này là cơ hội cải cách đã tới) cho nên cứ việc mà đi miễn là chuẩn bị cho kỹ, để cho người trên kẻ dưới đều tin mình.

3.

九三: 征凶, 貞厲, 革言三就, 有孚.

Cửu tam: chính hung, trinh lệ, cách ngôn tam tựu, hữu phu.

Dịch: hảo, dương: hăng hái tiến liều thì xấu, bền vững giữ đạo và thận trọng lo lắng, tính toán sắp đặt kế hoạch tới 3 lần thì kết quả mới chắc chắn.

Giảng: Hào này dương cương, bất trung, có tính nóng nảy, muốn làm liều, hăng hái tiến tới, hóng việc (chinh hung). Phải giữ vững (trinh) đạo chính, thận trọng, lo lắng (lệ); phải sắp đặt, tính toán kế hoạch đến 3 lần, chắc không có gì khuyết điểm, thì kết quả mới chắc chắn (phu ở đây nghĩa là chắc chắn).

4.

九四: 悔亡, 有孚, 改命, 吉.

Cửu tú: Hối vong, hữu phu, cải mệnh, cát.

Dịch: Hào 4, dương: Hối hận tiêu hết, có lòng chí thành, trên dưới đều tin theo, đổi mệnh (cải cách lớn) được, tốt.

Giảng: Hào này dương ở vị âm, đáng lẽ có điều ăn năn, nhưng ở vào thời cải cách, không nên cương quá, cho nên tính cương mà vị nhu, vừa cương vừa nhu là tốt, không phải ân hận. Nếu có đủ lòng chí thành khiến người trên kề dưới đều tin mình, thì cứ việc tiến hành việc cách mệnh, tốt.

5.

九五: 大人, 虎變. 未占有孚.

Cửu ngũ: Đại nhân, hổ biến; vị chiêm hữu phu.

Dịch: Hào 5 dương: Bậc đại nhân làm cho xã hội thay đổi như con hổ thay lông (mướt, đẹp hơn) chưa bói cũng đã tin như vậy rồi.

Giảng: Hào này có đủ cả thời (công cuộc cải cách đã được tám chín phần mười rồi, vị ở ngôi chí tôn), tài đức (dương cương, trung chính, đúng là một đại nhân) cho nên thành công mỹ mãn, làm cho xã hội thay đổi, tốt đẹp, mới mẻ lên như con hổ thay lông, dân chúng sẵn lòng in như vậy từ khi chưa bói.

6.

上六: 君子豹變, 小人革面. 征凶, 居貞, 吉.

Thượng lục: Quân tử báo biến, tiêu nhân cách diện. Chính hung, cư trinh, cát.

Dịch: Người quân tử (thực hiểu và theo sự cải cách như) con báo thay lông; kẻ tiểu nhân miễn cưỡng theo ngoài mặt. Công việc cải cách đến đây đã xong, nên ngừng lại, tiến nữa thì xấu, cứ giữ vững chính đạo thì tốt.

Giảng: Hào này ở cuối cùng thời cách, công việc cải cách đã xong. Kết quả là hạng người từ bậc trung trở lên, sáng suốt (quân tử) thực tâm tự thay cũ mà theo mới, còn người tư cách thầm kém (tiểu nhân) chỉ thay đổi bề ngoài thôi. Như vậy là kết quả tốt đẹp rồi, đừng cải cách hoài nữa mà sinh hậu hoạn, nên giữ chính đạo.

Phan Bội Châu chê Nã phá Luân khi lật nền quân chủ của Pháp, khai quốc hội, lập hiến pháp rồi, không chịu ngừng lại, còn xưng đế, rồi muốn chinh phục Châu Âu nữa, kết quả thân bị đày, danh bị hủy.

*

Sáu hào quẻ này diễn đúng những giai đoạn từ bước đầu khó khăn đến lúc cải cách thành công.

Phải có đủ những điều kiện: hợp thời, hợp đạo, có địa vị, có tài đức, sáng suốt rất thận trọng (tính toán, sắp đặt kế hoạch kỹ lưỡng ba lần), có lòng chí thành, tính hoà duyệt, được nhiều người tin thì làm công việc cải cách lớn mới được. Cần nhất là được lòng tin, chí công vô tư.

||

50. QUẺ HỎA PHONG ĐỈNH

Trên là Ly (lửa), dưới là Tốn (gió)

đồ hình 😊 ||:|

Cách là biến đổi, có công dụng “cách vật” (biến đổi các vật) dễ thấy nhất là cái đinh (vạc) vì nó dùng để nấu ăn, biến đồ sống thành đồ chín; cho nên sau quẻ Cách tới quẻ Đinh.

Thoán từ:

鼎: 元吉, 亨.

Đinh: Nguyên cát, hanh.

Dịch: Vạc (nấu ăn): rất tốt, hanh thông.

Giảng: Nhìn hình của quẻ, ta thấy vạch đứt ở dưới cùng như cái chân vạc, ba vạch liền ở trên như cái thân vạc trong chén thức ăn, vạch đứt ở trên nữa như hai tai vạc vạch liền ở trên cùng là cái đòn để khiêng vạc, vì vậy gọi là quẻ đinh.

Theo nghĩa thì nội quái Tốn là cây, gỗ (ở đây không nên hiểu tốn là gió), ngoại quái Ly là lửa; đút cây vào lửa để đốt mà nấu thức ăn.

Ở trên đã xét quẻ Tinh, về việc uống; ở đây là quẻ Đinh, về việc ăn. Cỗ nhân trong việc nấu nướng, trước hết để tế Thượng đế, rồi để nuôi bậc thánh hiền. Tế Thượng đế thì cốt thành tâm, nuôi thánh hiền thì cốt trọng hậu. Đó là ý nghĩa câu trong Thoán truyện.

“thánh nhân phanh (chữ ở đây đọc là phanh như chữ dĩ hướng Thượng đế, nhi đại phanh (đại ở đây là trọng hậu dường thánh hiền”. Vì vậy quẻ Đinh có cái nghĩa rất tốt.

Quẻ Ly có đức thông minh, sáng suốt; quẻ Tốn có đức vui thuận; hào 5, âm nhu mà được ngôi chí tôn, đặc trung, ứng với hào 2 dương cương ở dưới; vậy quẻ Đinh có đủ những đức sáng suốt, vui thuận, đặc trung, cương (hào 2) nhu (hào 5) ứng viện nhau để làm việc đời, thì có việc gì mà không hanh thông?

Hào từ:

1.

初六: 鼎颠趾, 利出否, 得妾, 以其子, 无咎.

Sơ lục: Đinh điên chi, lợi xuất bĩ, đặc thiếp, dĩ kì tử, vô cữu

Dịch: Hào 1, âm: Vạc chống chân lên, trút những đồ dơ bụi bặm (bĩ) ra thì lợi; (ngẫu nhiên gặp may) như gặp được người thiếp để sinh con cho mình, không lỗi.

Giảng: Hào này là cái chân vạc, âm nhu mà ứng với hào 4 dương cương ở trên có cái tượng chống chân lên trên, tuy xấu, nhưng vì vạc chưa đựng thức ăn, chưa đặt lên bếp thì nhân nó chống chân lên mà trút hết các dơ bẩn ra, rốt cuộc hóa tốt; ngẫu nhiên gặp may như người đàn ông có vợ rồi, gặp một người thiếp thấp hèn nhưng sinh con cho mình, không có lỗi.

2.

九二: 鼎有实, 我仇有疾, 不我能即, 吉.

Cửu nhị: Đinh hữu thực, ngã cửu hữu tật, bất ngã nǎng túc, cát.

Dịch: Hào 2, dương: Vạc chứa thức ăn rồi; kẻ thù oán ta vì ghen tuông, nhưng không tới gần ta được. tốt.

Giảng: Hào này dương cương ở vị trung, hữu dụng rồi như cái vạc đã chứa thức ăn. Vì nó thân với hào 5 ở trên, mà không để ý đến hào 1 âm ở sát nó, nên nó bị 1 ghen tuông mà oán nó. Nhưng nó quân tử, ứng với hào 5, nên 1 không tới gần mà hãi hãi được nó. Nên cẩn thận thôi, vẫn là tốt.

3.

九三: 鼎耳革, 其行塞, 雉膏不食. 方雨, 鬼悔, 終吉.

Cửu tam: Đinh nhĩ cách, kì hành tắc, trĩ cao bát thực; phương vũ, khuy hối, chung cát.

Dịch: Hào 3, dương: như cái tai vạc dương thay đổi, chưa cát vạc lên được, thành thủ mõ chim trĩ (mõ ngon) chưa đem ra cho người ta ăn; nhưng sắp mưa rồi, không còn ăn năn nữa, kết quả sẽ tốt.

Giảng: Hào này ở giữa lòng vạc, dương cương, là hạng người tốt, có hào trên cùng ứng với nó, nhưng bị hào 5 ngăn cách (cũng như cái tai vạc hào 5 còn dương sửa, chưa cát vạc lên được) thành thủ chưa đặc dụng, cũng như món ăn (hào 3) chưa đem ra cho người ta ăn được. Nhưng 3 có tài, lại chính đáng (dương ở vị dương) thì chẳng bao lâu 5 và sẽ hợp nhau, âm(5) dương (3) giao hào, tượng như trời sắp mưa, không còn gì ân hận nữa; lúc đó 3 sẽ đặc dụng, kết quả sẽ tốt.

4.

九四: 鼎折足, 覆公餗其形渥, 凶.

Cửu tú: Đinh chiết túc, phúc công túc (túc) kì hình óc, hung.

Dịch: Hào 4, dương: Chân vạc gãy, đánh đỗ thức ăn của nhà công hầu, mà bị hình phạt nặng, xấu.

Giảng: Hào này ở vị cao, gần ngôi chí tôn, vậy là có trách nhiệm lớn, nhưng ứng hợp với 1, âm nhu ở dưới, nên không gánh nỗi trách nhiệm, như cái vạc gãy chân, đánh đỗ thức ăn, mà bị tội.

Theo Hệ từ hạ truyền Chương v, Không tử cho rằng hào này cảnh cáo những kẻ đức mỏng mà ngôi tôn, trí nhỏ mà mưu lớn, sức yếu mà gánh nặng.

5.

六五: 鼎黃耳, 金鉉, 利貞.

Lục ngũ: Đinh hoàng nhĩ, kim huyễn, lợi trinh.

Dịch: Hào 5, âm: Vạc có tai màu vàng, có đòn xâu bằng kim khí; giữ được đạo chính thì bền.

Giảng: Hào này là cái quai vạc, đặc trung cho nên tượng bằng màu vàng; ở trên nó là hào dương cương, tượng bằng cái đòn xâu bằng kim khí (chất cứng), vậy là người có tài, đức, chỉ cần giữ được đạo chính thôi.

6.

上九: 鼎玉鉉, 大吉, 无不利.

Thượng cửu: Đinh ngọc huyễn, đại cát, vô bất lợi.

Dịch: Hào trên cùng dương: vạc có cái đòn xâu bằng ngọc rất tốt, không gì là không lợi.

Giảng: Hào trên cùng này là cái đòn đẽ xâu vào tai vạc mà khiêng; nó dương cương mà ở vị âm (chắn), vừa cương vừa nhu, nên ví nó với chất ngọc vừa cứng vừa ôn nhuận. Ở cuối thời Đinh, như vậy là rất tốt.

*

Quέ này cũng như quέ Tỉnh, hào trên cùng tốt nhất vì tới lúc thành công.

】

51. QUÉ THUẦN CHÂN

Trên dưới đều là Chân (sấm, động).

】 đồ hình |::|::

Vạc là một đồ dùng quan trọng trong nhà, làm chủ giữ nó, không ai bằng con trai trưởng, cho nên sau quέ Đinh tới quέ Chân. Chân là sấm mà cũng là trưởng nam.

Thoán từ:

震, 亨. 震來虩虩, 笑言啞啞. 震驚百里, 不喪匕鬯.

Chấn hanh. Chấn lai hích hích, tiêu ngôn ách ách.

Chấn kính bách lý, bất táng chuỷ xướng.

Dịch: Sấm động thì hanh thông. Lúc sấm nổ àm àm mà nớp nớp lo sợ thì sau sẽ cười nói ha ha.

Sấm động trăm dặm mà không mất muỗng và rượu nghệ (đò té thần)

Giảng: Sấm phát động thì vạn vật mới nảy nở, cho nên bảo là hanh thông.

Khi có điều gì kinh động mà nớp nớp lo sợ, giữ gìn sửa mình thì không bị tai họa mà sau sẽ được vui vẻ. Sấm vang động xa đến trăm dặm, mà tinh thần vẫn vững, không đến nỗi đánh mất đòn tinh thần (cái muỗng và rượu làm bằng lúa mạch hoà với nghệ) thế là tốt, hanh thông. Nói đến việc tinh thần là để diễn cái ý: giữ được tôn miếu, xã tắc.

Hào từ:

1.

初九: 震來虩虩, 後笑言啞啞, 吉.

Sơ cửu: chấn lai hích hích, hậu tiêu ngôn ách ách, cát.

Dịch: Hào này ở đầu thời sấm động. Hào từ y hệt Thoán từ, chỉ thêm hai chữ “hậu” (sau) và “cát” tốt.

2.

六二: 震來, 厥. 億喪貝, 踏于九陵, 勿逐七日得.

Lục nhị: Chấn lai, lật; úc táng bối, tê vu cửu lăng, vật trực, thất nhật đắc.

Dịch: Hào 2, âm: Sấm nổ, có cơ nguy, e mất của chảng (sợ hãi) chạy lên chín tùng gò để tránh; dù mất của những đùng đuối theo, bảy ngày sẽ được.

Giảng: Hào này âm nhu lại cười lên hào 1 dương cường, nhút nhát, sợ 1 áp bức, e có cơ nguy, lại ngại mất của, nên phải tránh xa (lên chín tùng gò); nhưng nó vốn trung, chính, khéo xử nên đùng quá lo mà khiếp sợ, cứ bình tĩnh, dù có mất tiền, sau cũng lấy lại được.

3.

六三: 震蘇蘇, 震行无眚.

Lục tam: Chấn tô tô, chấn hành vô sảnh.

Dịch: Sấm động mà sinh thác loạn; cứ tránh đi, bỏ điều bất chính thì không bị họa.

Giảng: Hào âm, ở vị dương, là hạng người bất chính, nên lo sợ tới thác loạn; nếu trở về đường chính thì không bị tai họa.

4.

九四: 震, 遂泥.

Cửu tứ: chấn, toại nê.

Dịch: Hào 4, dương: sấm động, bị say mê chìm đắm.

Giảng: Hào dương này, bất trung, bất chính, mà lại bị hâm vào giữa bốn hào âm, hai ở trên, hai ở dưới, nên gặp việc chấn động, lo sợ, không tự thoát được, chỉ chìm đắm thôi.

5.

六五: 震往來, 厥. 意无喪, 有事.

Lục ngũ: Chấn vãng lai, lật; úc vô táng, hữu sự.

Dịch: Hào 5, âm: Sấm tới hay lui cũng đều thấy nguy; cứ lo (úc) sao cho khỏi mất đức trung (vô táng), thì làm được công việc.

Giảng: Hào âm, hay lo sợ, chỉ thấy toàn là nguy, nhưng ở vị 5, có đức trung; cứ giữ đức đó thì sấm tới hay lui (vãng lai cũng có thể hiểu là hào 5 này tới hay lui) cũng không sao mà còn làm được

công việc nữa.

6.

上六: 震索索, 視聾聾, 征凶. 震不于其躬, 于其鄰, 无咎, 婚媾有言.

Thượng lục: Chấn tác tác, thị quắc quắc, chinh hung.

Chấn bất vu kì cung, vu kì lân, vô cữu, hôn cầu hữu ngôn.

Dịch: Hào trên cùng: Sấm động mà kinh hoảng, mắt nhợn nhác, nếu đi tới (hành động) thì xấu.

Nếu đê phòng trước từ khi sự chấn động chưa tới bản thân mình, mới tới hàng xóm, thì không lầm lỗi, mặc dầu bà con có kẻ chê cười mình.

Giảng: Hào này âm nhu, gấp hoàn cảnh cực kỳ chấn động (vì ở trên cùng quẻ Chấn) cho nên có vẻ quá sợ sệt, mà không có tài nên không nên hành động gì cả, chỉ nên đê phòng trước thôi. Bốn chữ: “hôn cầu hữu ngôn” Chu Hi hiểu là nói về việc gả cưới, không khỏi có lời ngò vực; các sách khác đều hiểu là bị bà con (hôn cầu) chê cười. Tại sao lại chê cười? Tại hào này nhút nhát: Tại không dám hành động chẳng?

||

52. QUẺ THUẦN CẨN

Trên dưới đều là Cẩn (núi)

||

đồ hình ::|::|

Không thể động hoài được, sẽ tới lúc phải ngưng, cho nên sau quẻ Chấn tới quẻ Cẩn. Cẩn có nghĩa là núi, núi đứng yên một chỗ, cho nên cũng có nghĩa là ngừng lại.

Thoán từ.

艮其背, 不獲其身, 行其庭, 不見其人, 无咎.

Cẩn kì bối, bất hoạch kì thân, hành kì đình, bất kiến kì nhân, vô cữu.

Dịch: Ngừng ở cái lưng (tĩnh như cái lưng) không thấy được thân mình, đi ở trước sân, không thấy có người, không có lỗi.

Giảng: Quẻ này vốn là quẻ Khôn, lấy nét thứ ba, dương của quẻ Càn thay vào nét thứ ba, âm của Khôn mà thành một nét dương ở trên, hai nét âm ở dưới; nét dương ngưng lại ở trên, hai nét âm cũng bị chặn ở dưới, cho nên đặt tên là quẻ Cẩn (ngừng)

Trong thân thể người ta, đầu, cổ tay chân thường động đậy, chỉ có lưng là thường tĩnh; đó là nghĩa ba chữ: “Cẩn kì bối”

Hễ tĩnh thì không bị tình dục chi phối, không làm điều ác; tĩnh thì không nghĩ tới mình (bất hoạch kì thân), mà cũng quên cả người khác (như đi ở trước sân mà không thấy có người), tức là không phân biệt mình với người, như vậy thì không có lỗi.

Thoán truyện giảng thêm: Lúc đáng ngưng thì ngưng, đáng đi thì đi (đi tức là biết tiến tới chỗ phải ngưng lại), động tĩnh đều hợp thời. Lại phải biết ngưng ở chỗ đáng ngưng, ví dụ cư xử với người có đạt cho được đức nhân, đức tín, như vậy là biết ngưng ở chỗ đáng ngưng. Không phân biệt mình với người, coi nhân ngã chỉ là nhất thể (cũng như nội quái là Cẩn, ngoại quái cũng là Cẩn, cùng một thể với nhau, theo cách giải của Thoán truyện), đó là nghĩa sâu sắc của quẻ Cẩn.

Đại Tượng truyện khuyên người quân tử chỉ nên ngưng ở chỗ làm trọn bốn phận của mình và đừng trật ra ngoài bốn phận của mình (bất xuất kỳ vị)

Hào từ.

1.

初六: 艮其趾, 无咎, 利永貞.

Lục lục: Cán kỳ chỉ, vô cữu, lợi vĩnh trinh.

Dịch: Hào 1, âm: Biết ngừng ở ngón chân thì không có lỗi, giữ bền được chính đạo thì có lợi.

Giảng: hào âm này ở dưới cùng quẻ Cấn ví như ngón chân; lúc mới bắt đầu động mà biết cẩn thận, ngừng lại thì không có lỗi. Sở dĩ khuyên như vậy vì hào 1 bắt chính (âm ở vị dương. Mà phải kiên nhẫn giữ chính đạo thì mới có lợi).

2.

六二: 艮其腓, 不拯其隨, 其心不快.

Lục nhị: Cán kỳ phì, bất chứng kỳ tùy, kỳ tâm bất khoái.

Dịch: Hào 2, âm: Ngăn ở bắp chân, không cứu được bắp về mà mình phải theo nó, lòng không vui.

Giảng: hào này ở trên hào 1, như bắp chân; nó đặc trung đặc chính, biết lúc nào nên ngưng, nhưng nó tùy thuộc hào 3 ở trên nó, như bắp về ở trên bắp chân (về cử động thì bắp chân cử động theo), mà 3 thì làm lỗi không sửa được, phải theo một kẻ làm lỗi thì lòng không vui.

3.

九三: 艮其限, 列其夤, 肠薰心.

Cửu tam: Cán kỳ hạn, liệt kỳ di (cũng đọc là dần), lệ huân tâm.

Dịch: Hào 3, dương: Ngăn ở lưng quần (ngang thận), như bị đứt ở giữa xương sống, nguy khốn, lo như cháy cả ruột.

Giảng: Hào này ở trên cùng nội quái, như ở chỗ lưng quần, nơi phân cách trên và dưới. Nó là dương cương, bất trung, tiến lên thì người trên không nghe, lui xuống cũng không được, như bị đứt ở giữa xương sống, rất nguy khốn.

4.

六四: 艮其身, 无咎.

Lục tứ: Cán kỳ thân, vô cữu.

Dịch: Hào 3, âm: Ngăn phần thân mình, không có lỗi.

Giảng: Hào này lên đến giữa thân mình, nó đặc chính (âm ở vị âm) biết lúc nên ngừng thì ngừng, tuy không làm được việc gì, nhưng không có lỗi.

5.

六五: 艮其輔, 言有序, 悔亡.

Lục ngũ: Cán kỳ phụ, ngôn hữu tự, hối vong.

Dịch: Hào 5, âm: Ngăn cái mép lại (có sách dịch là xương hàm), ăn nói có thứ tự, hối hận mất đi.

Giảng: Hào này lên tới mép, đặc trung, biết thận trọng lời nói, lúc nào không đáng nói thì không nói, nên không có gì hối hận.

6.

上九: 敦艮, 吉.

Thượng cửu: Đôn cán, cát.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Đôn hậu về đạo biết ngưng phải lúc, tốt.

Giảng: Hào này ở trên cùng, làm chủ quẻ dương cương, có tính đôn hậu, biết lúc nào nên ngừng thì ngừng tốt.

*

Phan Bội Châu nhận rằng trong Kinh Dịch có tám quẻ mà ngoại quái là Cấn, tức các quẻ : Bĩ, Bác, Đại Súc, Cỗ, Di, Tốn, Mông và quẻ Thuần Cấn này. Mà hào trên cùng của tám quẻ đó đều tốt. Như vậy Kinh Dịch rất trọng núi, vì núi có đức “trọng hậu”.

Chúng tôi nghĩ có thể cũng vì lẽ núi có đức “tĩnh” nữa. Dịch học phái như Khổng giáo chủ trương hữu vi (hành động để giúp đời), nhưng cũng trọng đức tĩnh, tĩnh như núi. Tĩnh là không bị thị dục dao động mà ít lỗi, tĩnh thì mới sáng suốt. Đạo Lão rất trọng đức tĩnh. Dịch học phái trọng động mà cũng trọng tĩnh, là dung hoà được hai triết lý lớn nhất của Trung Hoa.

Chúng tôi lại nhớ tới câu: “Trí giả nhạo thủy, nhân giả nhạo sơn” trong Luận ngữ (VI 20) Khổng và Lão dễ dung hoà với nhau là phải.

||

53. QUẺ PHONG SƠN TIỆM

Trên là Tốn (gió), dưới là Cấn (núi)

|| đồ hình ::|:||

Ngừng rồi thì có lúc phải tiến lần lần, cho nên sau quẻ Cấn tới quẻ Tiệm. Tiệm là tiến lần lần.

Thoán từ:

漸: 女歸, 吉, 利貞.

Tiệm: Nữ qui, cát, lợi trinh.

Dịch: tiến lần lần; Như con gái về nhà chồng, tốt; giữ vững đạo chính thì lợi.

Giảng: Quẻ này trên là Tốn (ở đây có nghĩa là cây), dưới là Cấn (núi). Trên núi có cây, có cái tượng dưới tháp lần lần lên cao, nên đặt tên là Tiệm.

Cấn còn có nghĩa là ngăn, Tốn còn có nghĩa là thuận, ngăn ở dưới mà thuận ở trên, để cho tiến, nhưng không cho tiến vội, mà tiến lần lần thôi. Như trường hợp con gái về nhà chồng, việc gả con, phải thận trọng, thung dung, không nên hấp tấp, có vậy mới tốt.

Xét bốn hào ở giữa quẻ, từ 2 tới 5, từ dưới tiến lên, hào nào cũng đắc chính (hào âm ở vị âm, hào dương ở vị dương), nhất là cũng đắc chính, đắc trung ; cho nên Thoán từ khuyên giữ vững đạo chính như những hào đó thì tốt.

Tiến mà lần lần, không nóng nảy, vẫn tĩnh như nội quái Cấn, vẫn hoà thuận như ngoại quái Tốn thì không vấp váp, không bị khốn cùng.

Đại Tượng truyện Khuyên người quân tử nên theo tượng quẻ này mà tu thân, tiến lần lần cho được thành người hiền, rồi thành bậc thánh, để cải thiện phong tục cho dân (Quân tử dĩ cư hiền đức, thiện tục).

Hào từ:

1.

初六: 鴻漸于干, 小子厲, 有言, 无咎.

Sơ lục: Hồng tiệm vu can, tiêu nhân lệ, hữu ngôn, vô cữu.

Dịch: Hào 1, âm: Con chim hồng tiến đến bờ nước, nhỏ dại (hoặc tiêu nhân) cho là nguy, than thở, nhưng không có lỗi.

Giảng: Hồng là loài chim sống ở mặt nước, di thê, mùa lạnh thì bay xuống phương Nam, mùa nóng trở về phương Bắc, bay từng đàn, có thứ tự; sáu hào quẻ Tiệm đều tượng trưng bằng chim hồng.

Hào 1 âm nhu, ở dưới cùng, như chim hồng mới tiến được tới bờ nước, than thở không tiến được mau, cho là nguy, vì còn nhỏ, chưa hiểu biết (tiêu tử), sự thực thì tuy chưa tiến được mấy, nhưng vẫn không tội lỗi gì.

2.

六二: 鴻漸于磐, 飲食衎衎, 吉.

Lục nhị: Hòng tiệm vu bàn, ẩm thực khản khản, cát.

Dịch: Hào 2 âm: Chim hòng tiến đến phiến đá lớn, ăn uống thảm thoái, tốt.

Giảng: Hào này đắc trung, đắc chính, âm nhu mà ứng với hào 5 dương cương ở trên, nên tiến được một cách dễ dàng, tới đậu ở phiến đá lớn, vui vẻ, ung dung.

Tiểu tượng truyện khuyên hào này được hào 5 giúp đỡ thì phải làm gì đáp lại, chú đừng ăn không. 3.

九三: 鴻漸于陸, 夫征不復, 婦孕不育, 凶. 利禦寇.

Cửu tam: Hòng tiệm vu lục, phu chinh bất phục, phụ dụng bất dục, hung, lợi ngự khâu.

Dịch: Hào 3, dương: Chim hòng tiến tới đất bằng, chồng đi xa không về, vợ có mang (đẻ con mà) không nuôi, xấu; đuổi cướp thì có lợi.

Giảng: Hào này đã tiến lên đất bằng, nó dương cương còn muôn tiến nữa, mà không muôn ngó lại; nó ở sát hào 4 âm nhu, thân với 4 nhưng không chính ứng với nhau, mà cả hai đều bất trung, ví như cặp vợ chồng không chính đáng; chồng (hào 3) bỏ vợ mà đi không ngó lại, vợ (hào 4), có mang đẻ con mà không nuôi, xấu. Nếu hoà thuận với nhau mà giữ đạo chính (trừ cái bất chính đi như trù cướp) thì có lợi.

4.

六四: 鴻漸于木, 或得其桷, 无咎.

Lục tứ: Hòng tiệm vu mộc, hoặc đắc kỳ giốc, vô cữu.

Dịch: Hào 4 âm: Chim hòng nhảy lên cây, may tìm được cành thẳng mà đậu, không có lỗi.

Giảng: Hào 4 âm nhu mà ở trên hào 3 dương cương, như chim hòng bay lên cây cao, không phải chỗ đậu của nó (vì nó vốn ở trên nước), nhưng may được cành thẳng, thì cũng yên ổn. Hào này bản chất âm, nhu thuận mà lại ngoại quái Tốn cũng có nghĩa thuận, nên được yên ổn.

5.

九五: 鴻漸于陵, 婦三歲不孕 . 終莫之勝, 吉.

Cửu ngũ: Hòng tiệm vu lăng, phụ tam tué bất dụng. Chung mạc chi thẳng, cát.

Dịch: Hào 5, dương: chim hòng lên gò cao; vợ ba năm không sinh đẻ, nhưng cuối cùng không gì thắng nổi điều chính, tốt.

Giảng: Hào dương này ở ngôi cao, chính ứng với hào 2, âm ở dưới, như vợ chồng muốn ăn nằm với nhau, nhưng hào 5 bị hào 4 ngăn cản (ghen với 2); hào 2 lại bị hào 3 ngăn cản (ghen với 5) thành thử ba năm vợ chồng bị cách trở, mà vợ không có mang được. Nhưng 3 và 4 không thẳng được 2 và 5 vì 2 và 5 đều đắc trung, mà việc 5 với 2 kết hợp với nhau là chính đáng, nên rốt cuộc chúng phải chịu thua.

6.

上九: 鴻漸于陸, 其羽可用為儀, 吉.

Thượng cửu: Hòng tiệm vu quì (chữ 陸 dùng như chữ 遙 quì là đường mây), kì vũ khả dụng vi nghi, cát.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Chim hòng bay bồng ở đường mây, lông nó (rót xuồng) có thể dùng làm đồ trang điểm, tốt.

Giảng: Theo thường lệ, hào trên cùng, ở trên hào 5 chí tôn, không có “vị” gì cả, vô dụng. Trong quẻ này, nó ở cao hơn cái gò cao, tức ở trên không trung, trên đường mây (vân lô). Nó là hạng xuất

thê, khí tiết thanh cao, khác phàm; tuy không trực tiếp giúp đời, nhưng tư cách làm gương cho đời, xã hội có họ thì mới văn minh, cũng như lông con hổ không dùng vào việc ăn uống cát nhè, cày ruộng, chở đồ... được, nhưng làm đồ trang điểm như cờ, quạt, mũ, thì lại quí.

||

54. QUÉ LÔI TRẠCH QUI MUỘI

Trên là Chán (sầm), dưới là Đoài (chầm)

|| Đồ hình ||:|::

Đã tiến lên thì phải tới, về một nơi nào đó (nơi đó là mục đích); cho nên sau quẻ Tiệm tới quẻ Qui muội. Qui là về, muội là em gái; qui muội là em gái về nhà chồng.

Thoán từ:

歸妹: 征凶, 无攸利.

Qui muội: chinh hung, vô du lợi.

Dịch: Con gái nhỏ về nhà chồng, tiến lên thì xấu, không có gì lợi cả.

Giảng: Nội quái là Đoài (con gái nhỏ), ngoại quái là Chán (con trai lớn); chán lại có nghĩa là động, Đoài có nghĩa là vui vẻ, thuận theo; con gái nhỏ về với trưởng nam, cho nên gọi là qui muội.

Trai gái phối hợp nhau vốn là “cái nghĩa lớn của trời đất” vì có vợ chồng rồi mới có gia đình, xã hội. Vậy mà Thoán từ bảo là xấu, vì lẽ:

- Cặp trai gái này không xứng nhau: trai lớn quá (trưởng nam) gái nhỏ quá (muội).
- Tình của họ không chính đáng: gái chỉ vì vui (hoà duyệt, đức của nội quái Đoài) mà tự động (Chán) theo trai; cũng có thể giảng là vì gái cầu trai mà trai đã bị động theo gái; như vậy là bất chính. Sự bất chính đó còn thấy trên bốn hào ở giữa nữa; không một hào nào ở vị chính đáng.
- Lại thêm hào 3 và 5 đều là âm mà cưỡi lên dương: 4 và 2 có cái tượng vợ ăn hiếp chồng.

Ngay từ buổi đầu, sự phối hợp đó không được chính đáng thì biết trước được về sau không có gì lợi, chỉ tệ hại thôi (Lời Đại Tượng truyện).

Hào từ:

1.

初九: 彸妹以娣, 跛能履, 征吉.

Sơ cửu: Qui muội dĩ qui đệ, bả năng lý, chinh cát.

Dịch: Hào 1, dương: Em gái về nhà chồng làm vợ bé, chân thot mà đi được, tiến đi thì tốt.

Giảng: Ý nghĩa chung của quẻ là xấu, nhưng mỗi hào xấu hay tốt tùy hoàn cảnh. Như hào này dương cương ở vị thấp nhất, không có chính ứng ở trên, nên ví với người con gái nhỏ có đức, nhưng không được làm vợ cả (không có chính ứng; hào 4 cũng là dương), chỉ làm vợ bé thôi, giúp đỡ vợ cả. Vì làm vợ bé, nên bảo là chân thot, vì giỏi giúp việc nên bảo là đi được. Cứ tiến đi siêng năng giúp việc thì tốt.

Thời xưa các vua chúa cưới một người vợ chính thì có năm ba em gái hay cháu gái cô dâu đi phù dâu rồi ở luôn bên nhà trai, gọi là “đệ” như vợ bé.

2.

九二: 眇能視, 利幽人之貞.

Cửu nhị: Diểu (miểu) năng thị, lợi u nhân chi trinh.

Dịch: Hào 2, dương: chột mà thấy được âm thầm giữ đức trinh chính thì tốt.

Giảng: Hào này dương cương đặc trung, là người con gái hiền, trinh; nhưng chính ứng với hào 5 âm nhu, bất chính, tức như gặp người chồng dở, không dung nỗi cơ đồ, nên ví với người chột mắt.

Cứ âm thầm giữ đức trung của mình thì tốt. Đây là hoàn cảnh một người không gặp thời.

3.

六三: 归妹以须, 反归以娣.

Lục tam: qui muội dĩ tu, phản qui dĩ đệ.

Dịch: Hào 3, âm: Em gái về nhà chồng, chờ đợi mãi, nóng lòng trở về làm vợ bé.

Giảng: Hào này ở trên cùng nội quái, có địa vị, đáng lẽ không phải làm vợ bé. Nhưng vì là âm nhu, bất trung bất chính, mà lại đa tình (ham vui là tính cách của nội quái đoài) tính nét như thế nên é chồng, chờ đợi mãi không ai chịu lấy, đành phải trở về làm vợ bé vậy. Kẻ ham công danh, phú quý, cầu cạnh người, kết quả bị người khinh, coi như tội tú, cũng giống cô gái trong hào này.

4.

九四: 归妹, 憾期, 遷歸, 有時.

Cửu tứ: Qui muội, khiên kì, trì qui, hữu thời.

Dịch: Hào 4, dương: em gái về nhà chồng, lỡ thời; nhưng dù chậm gả ít lâu, rồi cũng sẽ có lúc gặp được chồng tốt..

Giảng: Hào này dương cương, ở ngoại quái là người con gái đã hiền lại sang, nhưng không có hào chính ứng với nó (vì 1 cũng là dương), nên lỡ thời, không sao, cứ đợi giá cao, chậm trễ ít lâu rồi sẽ gặp duyên lành.

5.

六五: 帝乙歸妹, 其君之袂, 不如其娣之袂良, 月幾望, 吉.

Lục ngũ: Đế Át qui muội, kì quân chi duệ, bất như kì đệ chi duệ lương, nguyệt cơ vọng, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Vua Đế Át (nhà Thương) cho em gái về nhà chồng, tay áo của công chúa (cô dâu) không đẹp bằng tay áo của cô phù dâu (vợ bé); như trăng đêm muỗi bốn (sắp đến rằm) tốt.

Giảng: Hào này âm nhu đắc trung, ở địa vị cao quý mà lại chính ứng với hào 2 dương, địa vị thấp, như nàng công chúa em vua Đế Át mà hạ giá với bình dân. Đã vậy mà khi rước dâu, y phục của nàng lại không đẹp bằng y phục mấy cô phù dâu (vợ bé). Như vậy là đức hạnh rất cao, không hụm mình địa vị cao quý, lại coi thường phục sức. Đức như vậy thật đẹp, như trăng mười bốn (trăng mười bốn tròn, đẹp mà chưa đầy hẳn; chưa đầy hẳn có nghĩa là Khiêm hư).

6.

上六: 女承筐, 无实. 士刲羊, 无血, 无攸利.

Thượng lục: Nữ thừa khuông, vô thực.

Sĩ khuê dương, vô huyết, vô du lợi.

Dịch: Hào trên cùng, âm: (Đế cung tổ tiên) người con gái (vợ) xách giỏ mà giỏ không có đồ cung, người con trai (chồng) cắt cổ con cừu để lấy huyết mà (cắt giả vờ) không có huyết, không có gì lợi cả.

Giảng: Năm hào trên, các cô em gái đều về nhà chồng cả rồi, hào này là hào trên cùng, muộn nhất, mà lại không có chính ứng (hào 3 ứng với nó cũng là âm), không thành vợ chồng chính thức được, chỉ sống bầy bạ với nhau, không có gì lợi cả.

Hồi xưa, khi cung tổ tiên, bốn phận của vợ là dâng đồ cung, của chồng là dâng huyết cừu; người con gái trong hào này xách giỏ dâng đồ cung mà giỏ lại trống không, còn người con trai cắt cổ cừu để lấy huyết thì lại cắt giả vờ, không có huyết; như vậy thì tổ tiên nào chứng giám, trai gái không thành vợ chồng chính thức được. Vì hữu danh mà vô thực.

* Hào đẹp nhất trong quẻ là hào 5. Việc kén dâu, kén vợ, trọng người có đức, không hợp mình cao sang, giàu có, coi thường phục súc, mà khiêm tốn.

||

55. QUẺ LÔI HỎA PHONG

Trên là Chấn (sấm), dưới là Ly (lửa)

|| đồ hình |:||::

Qui là về, là tới nơi, tới mục đích, đạt kết quả (qui kết), mà đạt được kết quả thì thịnh lớn, cho nên sau quẻ Qui (muội) tới quẻ Phong (thịnh lớn).

Thoán từ.

豐: 亨. 王假之, 勿憂, 宜日中.

Phong : hanh. Vương cách chi, vật ưu, nghi nhật trung.

Dịch: thịnh lớn thì hanh thông. Bậc vương giả tới được đứng lo, nên giữ đạo trung như mặt trời đứng giữa trời.

Giảng: Dưới là Ly (sáng suốt), trên là Chấn (động) sáng suốt mà hành động thì làm nên được sự nghiệp thịnh lớn. Chỉ bậc vương giả có quyền có vị mới làm tới nơi được. Khi đã thịnh lớn thì người sáng suốt biết rằng sẽ phải suy nén thường lo; nhưng đứng nén lo suông, cứ giữ được đạo trung như mặt trời (nội quái Ly có nghĩa là mặt trời) đứng ở giữa trời thì sẽ tốt.

Đại Tượng truyện áp dụng vào việc hình ngục, khuyên người trị dân nên sáng suốt mà soi xét tình dân mạnh mẽ xứng đoán thì mau xong việc.

Hào từ.

1.

初九: 遇其配主, 雖旬, 无咎, 往有尚.

Sơ cửu: Ngộ kì phối chủ, tuy tuần, vô cữu, vãng hữu thượng.

Dịch: Hào 1, dương: Gặp được người chủ hợp với mình, tuy ngang nhau nhưng không có lỗi tiến đi thì có công nghiệp đáng khen.

Giảng: Hào này ở nội quái Ly, có đức sáng suốt, có tài (vì là dương), ở trên ứng với hào 4, thuộc ngoại quái Chấn, có đức hoạt động, mà cũng có tài (dương cương) Bình thường thì ứng với nhau, phải một âm một dương mới tốt, ở hào này thì khác, cùng là dương cả mà cũng tốt, vì 1 sáng suốt, 4 hoạt động, hai hào dương thành, chư không tương phản, giúp nhau làm nên sự nghiệp lớn được. Hai hào ngang nhau, biết châm chước ý kiến nhau là điều tốt cho sự hợp tác; nếu một bên cầu thắng, một bên chỉ nhường, thì không còn là hợp tác nữa, khó mà thành công lớn được.

2.

六二: 豐其蔀, 曰中見斗. 往, 得疑疾, 有孚發若, 吉.

Lục nhị: phong kì bộ, nhật trung kiến đầu;

Vãng, đắc nghi tật, hữu phu phát nhược, cát.

Dịch: Hào 2, âm: Bị màn che lớn, dày quá, như ban ngày (mặt trời bị che lấp) mà thấy sao Bắc đầu; tiến đi thì bị ngờ và ghét, cứ lấy lòng chí thành mà cảm hoá được người trên thì tốt.

Giảng: Hào âm này ở giữa quẻ Ly, đắc trung đắc chính; nhưng kẻ ứng với nó là hào âm, âm nhu bất chính, không giúp được nó, không tin nó; nó như một hiền thần gặp một ám chúa, nên ví với mặt trời (quẻ Ly) bị mây mù che dày. Có muốn theo 5 thì bị 5 nghi kỵ và ghét; chỉ có cách giữ vững đức trung trinh, lấy lòng chí thành mà đối xử với 5, rồi sau 5 sẽ tinh ngộ. Chữ 若 nhược ở đây trả hào 5.

3.

九三: 豊其沛, 日中見沫 . 折其右肱, 无咎.

Cửu tam: Phong kỳ bái, nhật trung kiến muội.

Chiết kì hữu quăng, vô cữu.

Dịch: Hào 3 dương: bị màn che kín mít, ban ngày mà thấy sao nhỏ (muội) gẩy cánh tay phải, không có lỗi.

Giảng: Hào này dương cương, ở trên cùng quẻ Ly là người sáng suốt, có tài; nhưng hào trên cùng ứng với nó lại bất tài (âm nhu), không giúp gì được nó; đã vậy nó còn bị hào 4 che ám, hoàn cảnh còn tệ hơn hào 2 nữa, cho nên bảo là bị tấm màn che kín mít, ban ngày mà tối như đêm, thấy được cả những vì sao nhỏ. Như vậy hào 3 như người bị gẩy cánh tay phải (trở hào 5 không giúp gì được nó), nó không có lỗi vì hoàn cảnh khiến vậy.

4.

九四: 豊其蔀, 日中見斗, 遇其夷主, 吉.

Cửu tú: Phong ki bộ, nhật trung kiến đầu, ngộ kì di chủ, cát.

Dịch: Hào 4, dương: Bị màn che lớn dày quá, như ban ngày mà thấy sao Bắc Đầu gấp được bạn bằng vai về, tốt.

Giảng: Hào này dương cương, ở địa vị cao, có thể lập được sự nghiệp, nhưng bất trung, bất chính lại bị hào 5 âm nhu, hôn ám che lấp hoàn cảnh cũng như hào 2, cũng ban ngày mà thấy sao Bắc Đầu, nhưng nay được hào 1 ở dưới đồng đức (cũng dương cương) bằng vai về ứng với nó, cũng coi là tốt được.

5.

六五: 來章, 有慶, 驕, 吉.

Lục ngũ: Lai chương, hữu khánh, dự, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Mời những nhân tài giúp mình thì được phúc, có tiếng khen, tốt.

Giảng: Hào này ở địa vị chí tôn, âm nhu, không có tài tạo được sự nghiệp thịnh lớn, nhưng khá là có đức trung (ở giữa ngoại quái), và có hào 3, 4 dương cương, hiền tài ở dưới mình, nếu biết mời họ giúp mình thì có phúc và được tiếng khen, tốt.

6.

上六: 豊其屋, 蔽其家, 闕其戶 . 閨其无人, 三歲不覲, 凶.

Thượng lục: Phong kì óc, bộ kì gia, khuy kì hộ,

Huých kì vô nhân, tam tué bất địch, hung.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Cát nóc nhà rất cao lớn mà phòng mình ở lại nhỏ hẹp, bị bưng bít (tự mình không muốn ai lui tới với mình), cho nên nhìn vào cửa, lặng tanh không thấy bóng người, ba năm không thấy ai (hoặc không giác ngộ) xấu.

Giảng: Hào này khó hiểu, mỗi sách giảng một khác, chúng tôi theo cách hiểu của Phan Bội Châu vì hợp với Tiêu Tượng truyện hơn cả.

Hào này âm nhu, như người hôn ám, mà ở trên cùng, có địa vị rất cao, y như người cát nhà, nóc rất cao (địa vị cao), mà buồng mình ở lại thấp hẹp (bản tính âm nhu), thế là tự mình che lấp mình, nên không ai lui tới với mình, do đó mà đứng ở cửa nhìn vào, không thấy bóng người, ba năm không thấy ai (hoặc ba năm vẫn không giác ngộ: địch là thấy rõ). Không gì xấu hơn.

*

Tên quẻ là thịnh lớn, rất tốt mà không có hào nào thật tốt, hào nào cũng có lời răn đe. Cố nhân

muốn cảnh cáo chúng ta ở thời thịnh lớn, có phúc thì cũng có sǎn mầm hoạ, phải cẩn thận lǎm mới được.

Các quẻ khác, thường hào dương ứng với âm, âm ứng với dương mới tốt; quẻ này trái lại, dương ứng với dương (như 1 và 4) mới tốt. Đó cũng là một lời khuyên nữa: ở thời thịnh, người ta thường vì quyền lợi chia rẽ nhau mà hoá suy, phải biết đồng đức, đồng tâm với nhau, thì mới tránh được hoạ.

||

56. QUẺ HỎA SON LŨ

Trên là Ly (lửa), dưới là Cán (núi)

đồ hình ::||:|

Thịnh lớn đến cùng cực thì phải suy, đến nỗi mất chỗ ở, phải đi ở đậu đất khách, cho nên sau quẻ Phong tới quẻ Lũ. Lũ là bỏ nhà mà đi tha phương.

Thoán từ:

旅: 小亨. 旅貞, 吉.

Lũ: tiêu hanh, Lũ trinh, cát.

Dịch: Ở đậu; hơi hanh thông. Đi ở đậu mà giữ đạo chính thì tốt.

Giảng: chỗ ở của lửa là mặt trời hay lò, chứ không phải ở trên núi: trên núi lâu lâu vẫn có đám lửa cháy rùng hay đốt rùng, nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi. Cho nên dùng các tượng lửa (ly) ở trên núi Cán để chỉ cảnh bỏ nhà mà đi ở đậu quê người.

Cảnh đó là cảnh bát đắc dĩ, nhiều lǎm chỉ có thể hơi hanh thông được thôi, nếu người đi ở đậu biết giữ đức trung, thuận, như hào 5, yên lặng như nội quái Cán, sáng suốt như ngoại quái Ly. Hào 5 đắc trung mà lại là âm ở giữa hai hào dương, biết thuận theo dương. Cái đạo ở đậu là mềm mỏng, đừng làm cao để người ta khôi ghét; nhưng mặt khác, cũng phải yên lặng sáng suốt giữ tư cách, đạo chính của mình để người ta khôi khinh. Giữ cho đạo được nghĩa lý trong hoàn cảnh đó thật là khó (lũ chỉ thời nghĩa, đại hĩ tai: lời Thoán truyện).

Đại tượng truyện cũng lại áp dụng vào việc hình pháp, khuyên phải xử đoán sáng suốt (Ly) và thận trọng (như Cán) đừng giam tội nhân quá lâu trong ngục (quân tử dĩ minh thận dụng hình, như bắt lưu ngục)

Hào từ.

1.

初六: 旅瑣瑣, 斯其所取災.

Sơ lục: Lũ toả toả, tư kì sở thủ tai.

Dịch: Hào 1, âm: Ở đậu mà tư cách nhỏ nhen, tǎn mǎn túc là tự chuốc lấy hoạ.

Giảng: hào này âm nhu, ở vị thấp nhất, ví với người chí đã cùng, tư cách hèn hạ đối với chủ nhà mình ở đậu mà tham lam, tǎn mǎn, khiên người ta ghét, như vậy là tự rước hoạ vào mình.

2.

六二: 旅即次, 懷其資, 得童僕, 貞.

Lục nhị: Lũ túc thứ, hoài kì tư, đắc đồng bộc, trinh.

Dịch: Hào 2, âm: Ở đất khách, được chỗ trọn an lành, giữ được tiền bạc, lại có đầy tớ tín cẩn.

Giảng: Ở đất khách nên nhu thuận, mà hào này âm nhu, đắc trung, đắc chính, trên lại ứng với hào 5, cũng âm nhu, đắc trung mà lại văn minh (ở ngoại quái Ly), như gặp được chủ nhà tốt, mình có chỗ trọn an lành, lại giữ được tiền, có đầy tớ tín cẩn, mọi việc đều tốt cả.

3.

九三: 旅, 焚其次, 肄其童僕, 貞, 厥.

Cửu tam: Lữ, phần kì thứ, táng kì đồng bộc, trinh, lệ.

Dịch: Hào 3, dương: Ở đất khách, mà (tự mình) đốt chõ trọ, mất đầy tó, dù chính đáng cũng nguy.

Giảng: Hào này quá cương (dương ở vị dương), bất trung, ở đất khách như vậy không tốt, vị lai khá cao, có ý tự cao, bị chủ nhà trọ đuổi, như vậy không khác gì tự đốt chõ trọ của mình, đầy tó cũng không ra mình, mất lòng cả người trên kẻ dưới, dù mình có chính đáng, cũng nguy.

4.

九四: 旅于處, 得其資斧, 我心不快.

Cửu tú: Lữ vu xǔ, đắc kì tư phủ, ngã tâm bất khoái.

Dịch: Hào 4, dương: tới đất khách, được chõ ở tạm, có tiền của và đồ hộ thân (tượng trưng bằng cái búa), nhưng trong lòng không vui.

Giảng: tuy dương cương nhưng ở vị âm, lại ở dưới cùng ngoại quái, là biết mềm mỏng, tư hạ, tức biết xử thế, cho nên được chõ ở tạm, có tiền của, vật liệu để phòng thân, nhưng ở trên, hào 5 âm nhu không giúp đỡ gì được 4, ở dưới, hào 1, ứng với 4 âm nhu, lại thấp hèn, cũng chẳng giúp đỡ 4 được gì, vì vậy là lòng 4 không vui.

Các sách cho “tư phủ” là cái búa sắc bén, và giảng là : lữ khách tới nơi, không có quán trọ, chỉ có mảnh đất gai góc, phải dùng búa bén để phá bụi bờ mà làm chõ ở, nên trong lòng không vui.

5.

六五: 射雉, 一矢亡, 終以譽命.

Lục ngũ: Xạ trĩ, nhất thi vong, chung dĩ dự mệnh.

Dịch : Hào 5, âm : Bắn con trĩ, mất một mũi tên, sau được khen và phúc lộc (hoặc chức vị: mệnh)

Giảng: Thường hào 5 trỏ ngôi vua, nhưng nếu vua là làm lữ khách thì là vua mất nước, cho nên chỉ nên coi là một lữ khách thôi, một lữ khách văn minh (ở ngoại quái ly), nhũn nhặn, mềm mỏng (âm nhu) được lòng mọi người (đắc trung) , như vậy tất được tốt đẹp như bắn được con trĩ (một loài chim đẹp – tượng quẻ Ly) tốn hao không mấy mà được tiếng khen, và phúc lộc.

6.

上九: 烏焚其巢, 旅人先笑, 後號咷, 肄牛于易, 凶.

Thượng cửu: điểu phần kì sào, lữ nhân tiên tiêu, hậu hào đào, táng ngưu vu dị, hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương: con chim cháy mất tổ, người lữ hành trước cười, sau kêu khóc, vì lầu túa (vô ý) đánh mất con bò (đức nhu thuận), xấu.

Giảng: thân phận ở đâu mà lại ở trên chủ nhà, đã là nghịch cảnh rồi, đã vậy lại quá cương (hào dương), mất lòng người, tất bị đuổi đi, như con chim cháy mất tổ. Mới đầu hờn hở, vì được ở trên người, sau phải kêu khóc vì mất chõ trọ. Sở dĩ vậy vì khinh dị đánh mất đức nhu thuận (tượng bằng con bò) rất cần ở thời ở đâu.

*

Cuối quẻ Lữ này, cụ Phan Bội Châu có ghi cảm tưởng:

“xử cảnh khốn nạn không gì bằng Lữ, thiệp thế rất khó khăn cũng không gì bằng Lữ. Tạp quái (truyện) nói rằng: “Lữ là ít người thân yêu, là đường cùng khốn của người vậy: Lữ quả thân dã, nhân chi cùng dã.

“Tuyệt sáu hào không một chữ cát, chữ hanh nào cả . . Dở sinh gấp hồi đen rủi, gởi thân ở đất

khách quê người . . may khôi tai hoạ là hạnh phúc đã lớn rồi. Vậy nên trung chính như Lục Nhị (hào 2, âm), văn minh nhu trung nhu Lục ngũ (hào 5, âm) mà hào từ không có chữ cát hanh. Huống gì quá cương, bất trung như Cửu tam (hào 3, dương). Thượng cửu (hào trên cùng, dương) nữa ru? Vậy nên người ở vào thời Lữ, nên mang chặt lấy hai chữ nhu, trung làm bùa hộ thân” Đọc lời của Cụ, chúng tôi vô cùng cảm thán. Trong mấy chục năm, vì quốc gia, dân tộc, Cụ gởi thân quê người, gặp biết bao cảnh tủi nhục, nỗi gian nguy, rốt cuộc cũng không tránh khỏi tai hoạ, nhưng lúc nào cũng giữ được tư cách, khí phách chí hướng. Ai hiểu được tình cảnh lữ thú, hiểu được quê Lữ hơn Cụ?

||

57. QUẾ THUẬN TỐN

Trên dưới đều là Tốn (gió, thuận)

đồ hình 😊 |:|

Lâm vào cảnh ở quê người thì thái độ nên thuận tòng người, cho nên sau quê Lữ tới quê Tốn. Tốn là gió mà có nghĩa là thuận, là nhập vào.

Thoán từ.

巽: 小亭, 利有攸往, 利見大人.

Tốn: tiêu hanh, lợi hưu du vãng, lợi kiến đại nhân.

Dịch: Thuận thì hơi được hanh thông, tiến hành thì có lợi, lựa bậc đại nhân mà tin theo thì có lợi.

Giảng: Quê này có một hào âm ở dưới hai hào dương, là âm phục tòng dương, nên gọi là Tốn. tiêu nhân mà phục tòng quân tử thì có thể tốt, nhưng phải có việc để tiến hành, chứ không phải chỉ ở yên mà tốt, lại phải lựa bậc đại nhân (có tài, đức) mà tin theo. Đại nhân trồ hào 2 và hào 5, cũng mà dth, tiêu nhân là hào 1 và hào 4. Nhất là hào 5, đắc trung lại đắc chính nữa, 1 và 4 đều phải theo hào đó.

Đại tượng truyện giảng: trên là gió, dưới là gió (Tốn), là có hai luồng gió tiếp tục theo nhau. Người quân tử tiếp tục xuất phát mệnh lệnh để thi hành chính sự, mà thiên hạ phục tòng, cũng như vạn vật ngả theo gió.

Hào từ:

1.

初六: 進退, 利武人之貞.

Sơ lục: tiến thoái, lợi vũ nhân chi trình.

Dịch: Hào 1, âm: Tiến lui tự do, thêm vào cái chí hướng bền của hạng võ dũng thì có lợi.

Giảng: Hào này âm nhu ở dưới cùng quê Tốn là người nhu thuận thái quá, còn nghi ngờ, không cương quyết tiến hay lui, không thể làm gì được; Hào từ khuyên phải theo cái chí kiên cường của hạng người võ dũng thì mới trị được tật nghi hoặc.

2.

九二: 巽在床下, 用史巫 紛若, 吉, 无咎.

Cửu nhị: Tốn tại sàng hạ, dụng sử vu phân nhuược, cát, vô cữu.

Dịch: Hào 2, dương: Thuận nép ở dưới giường, dùng vào việc lê bái, đồng cốt rối ren thì tốt, không có lỗi.

Giảng: Hào dương mà ở vào vị âm thời Tốn (thuận), nên quá thuận đến nỗi nép ở dưới giường.

May àm đắc trung, không phải là kẻ siêm nịnh, mà lại có lòng thành; trong việc tế thần, mà như

vậy thì tốt, không có lỗi. “sử” là chức quan coi việc té, “Vu” là chức quan coi về việc trừ tai hoạ, như đồng cốt. “Phân nhược” (rối ren) dùng để tả việc cúng té, cầu thản.

3.

九三: 頻巽吝.

Cửu tam: Tân tốn, lận.

Dịch: Thuận tòng quá nhiều lần (quá mức), đáng xấu hổ.

Giảng: Hào này quá cương (dương ở vị dương), bất đắc trung, vốn nóng nảy, kiêu căng, thất bại nhiều lần, sau mới làm bộ tự hạ, thuận tòng, nhưng lại thuận tòng quá mức, việc gì cũng thuận tòng dù không phải lúc, đáng xấu hổ, R. WilheLm giảng: suy nghĩ đi suy nghĩ lại nhiều lần kĩ quá, mà không quyết định hành động, xấu hổ.

4.

六四: 悔亡, 田獲三品.

Lục tứ: Hối vong, điền hoạch tam phẩm.

Dịch: Hào 4, âm: Hối hận mất đi; đi săn về, được chia cho ba phần.

Giảng: Hào này âm nhu, hào 1 ứng với nó cũng âm nhu, không giúp gì được nó, mà lại bị kẹt giữa 4 hào dương ở trên và dưới, xấu; nhưng nhờ nó đắc chính, địa vị cao (ở ngoại quái, sát hào 5) mà lại có đức tự khiêm, thuận tòng, nên được trên dưới mến, chẳng những không có gì hối hận mà còn được thưởng công. Thời xưa đi săn về, chia làm 3 phần (phẩm vật): một phần để làm đồ tế, một phần để dâng khách, một phần giao cho nhà bếp. Có công lớn mới được chia như vậy.

5.

九五: 貞吉, 悔亡, 无不利, 无初有終.

先庚三日, 後庚三日. 吉.

Cửu ngũ: Trinh cát, hối vong, vô bất lợi, vô sở hữu chung.

Tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, cát

Dịch: Hào 5, dương: giữ đạo chính thì tốt, hối hận mất đi, không có gì là không lợi, mới đầu không khá mà cuối cùng tốt; (định ninh như) trước ngày canh ba ngày, (đắn đo như) sau ngày canh ba ngày, tốt.

Giảng: Hào này ở thời Tốn, phải thuận tòng, mà bản thể và vị đều là dương cả, mới đầu không tốt (vô sợi), e có điều hối hận, may mà đắc trung, đắc chính, hợp với tư cách một vị chủ, cứ giữ đức trung, chính áy thì sau sẽ tốt (hữu chung), hối hận mất hết mà không có gì không lợi. Tuy nhiên, muốn kết quả được tốt thì trước khi hành động, canh cãi, phải định ninh cân nhắc cho kỹ, rồi sau khi canh cãi phải khảo nghiệm chu đáo.

Trong thập can: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Canh Tân, Nhâm, quý, Canh đứng hàng thứ 7, quá giữa, tới lúc phải thay đổi. (chữ Canh trong hào từ 庚 cũng dùng như chữ Canh 更 là đổi) Ba ngày trước ngày Canh là ngày Đinh, chữ Đinh 丁 này mượn nghĩa chữ đinh 叮寧 (định ninh); ba ngày sau ngày Canh là ngày Quý, chữ quý này 癸 mượn nghĩa chữ quý 揆度 (quí đặc là đo lường)

Cách dùng chữ ở đây cũng như cách dùng chữ trong Thoán từ quẻ Cỗ.

6.

上九: 巽在床下, 肄其資斧, 貞凶.

Thượng cửu: Tốn tại sàng hạ, táng kì tư phủ, trinh hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Thuận nép ở dưới giường, mắt đồ hộ thân, cứ giữ thói xấu đó thì càng bị hoạ.

Giảng: Ở trên cùng quẻ Tốn là thuận tòng đến cùng cực như kẻ nép ở dưới giường; tới nỗi đức dương cương – ví với đồ hộ thân (tư phủ) của mình cũng mắt luôn. Cứ giữ thói xấu xa, đê tiện, siêm nịnh đó thì càng bị hoạ.

||

58. QUẾ THUẦN ĐOÀI

Trên dưới đều là Đoài (chăm, hòa duyệt)

đồ hình ||:||:

Tốn có nghĩa là nhập vào, hễ nhập được vào lòng nhau, hiểu lòng nhau, thì mới ưa nhau mà hoà duyệt, vui vẻ với nhau, cho nên sau quẻ Tốn tới quẻ Đoài. Đoài là chăm mà cũng có nghĩa là hoà duyệt.

Thoán từ.

兌; 亨. 利貞.

Đoài; Hanh. Lợi trinh.

Dịch: Vui thì hanh thông. Hợp đạo chính thì lợi.

Giảng: Đoài là chăm, cũng là thiếu nữ. Nước chăm làm cho cây cỏ vui tươi, sinh vật vui thích; thiếu nữ làm cho con trai vui thích. Vui thích thì hanh thông, miễn là phải hợp với đạo chính; phải ngay thẳng, thành thực, đoan chính. Đoài có hai hào dương ở phía trong, một hào âm ở ngoài, nghĩa là trong lòng phải thành thực rồi ngoài mặt nhu hoà, như vậy là hợp với đạo chính, tốt.

Thoán truyện – Giảng rộng ra: vui vẻ mà hợp với đạo chính thì là thuận với trời, hợp với người. Vui vẻ mà đi trước dân thì dân quên khó nhọc; vui vẻ mà xông vào chốn nguy hiểm thì dân quên cái chết mà cũng xông vào; đạo vui vẻ (làm gương cho dân) thật lớn thay; khuyến khích dân không gì bằng.

Đại Tượng truyền thiên về sự tu thân, khuyên người quân tử nên họp bạn cùng nhau giảng nghĩa lý, đạo đức, rồi cùng nhau thực hành (dĩ bằng hữu giảng tập), để giúp ích cho nhau mà hai bên cùng vui vẻ.

Hào từ.

1.

初九: 和兌吉.

Sơ cửu: Hoà đoái, cát.

Dịch: Hào 1, dương: Hoà thuận, vui vẻ, tốt.

Giảng: dương ở dưới cùng quẻ đoái là quân tử mà khiêm hạ, ở trên lại không tư tình với ai (vì 4 cũng là dương, không phải là âm, tiểu nhân), nên chỉ dùng đạo chính mà hoà thuận vui vẻ với mọi người, tốt.

2.

九二. 孚兌吉. 悔亡.

Cửu nhị: Phu đoái, cát, hối vong.

Dịch: Hào 2, dương: Trung trực mà vui vẻ, tốt, hối hận mất đi.

Giảng: Ở gần hào 3, âm nhu, tiểu nhân, nhưng hào 2 này đã dương cương mà lại đắc trung, cho nên có đức thành thực cương trung, không nhiễm xấu của hào 3, không bị hối hận.

3.

六三: 來兌凶.

Lục tam: Lai đoài, hung.

Dịch: Hào 3, âm: Quay lại cầu vui với người ở dưới, xấu.

Giảng: Âm nhu, bất trung bất chính, là hạng tiểu nhân tìm vui mà không giữ đạo; là phận gái ở giữa bốn người con trai (4 hào dương, 2 ở trên, 2 ở dưới), cầu vui với 2 người ở trên, thì không dám vì phận thấp, phải quay lại cầu với 2 người ở dưới, nhưng họ cũng không thèm, vì hào 1 cương trực mà chính, hào 2 cương trực mà trung, kết quả là xấu.

4.

九四: 商兌, 未寧, 介疾, 有喜.

Cửu tứ; Thương đoài, vị ninh, giới tật, hữu hỉ.

Dịch: Hào 4, dương: cân nhắc xem nên cầu vui ở phía nào mà chưa quyết định được rồi sau theo chính bồ tà, đáng mừng.

Giảng: Dương cương mà ở vị âm, chưa thật là quân tử, ở trên thừa tiếp hào 5 vừa trung vừa chính, nhưng ở dưới lại gần hào 3, tiểu nhân, cho nên mới đầu do dự, cân nhắc xem nên hướng về phía nào; nhưng nhờ có đức dương cương, đồng đức với 5, nên sau hướng về 5, quyết tâm bồ tà theo chính, thật đáng mừng.

5.

九五: 孚于剝, 有厲.

Cửu ngũ : Phu vu bác, hữu lê.

Dịch: Hào 5, dương: Nếu tin kẻ tiểu nhân mà tiêu mòn (bác) hết đức trung chính của mình thì nguy.

Giảng: Hào này dương cương, trung chính, địa vị chí tôn, ở vào thời Đoái mà thân cận với hào trên cùng âm nhu là kẻ tiểu nhân làm chủ sự vui, rồi ham vui bậy bạ thì nguy; đây là lời răn kệ trị nước.

6.

上六: 引兌.

Thượng lục: Dẫn đoài.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Đem sự vui thú tới.

Giảng: Ở trên cùng quẻ Đoái mà âm nhu là kẻ chuyên siêm nịnh, dụ dỗ người ta tìm vui một cách bất chính. Tất nhiên là xấu rồi, chẳng cần nói.

*

Chúng ta để ý; 6 hào thì 2 hào âm là tiểu nhân dụ dỗ 4 hào dương quân tử, và 4 hào này giữ được chính đạo cả, vì Kinh dịch tin như Không tử rằng muốn làm vui lòng người quân tử mà không dùng chính đạo thì không thành công (duyệt chi bất dĩ đạo, bất duyệt dã. Luận ngữ XIII 25).

||

59. QUẺ PHONG THỦY HOÁN

Trên là Tốn (gió), dưới là Khảm (nước)

đồ hình 😊 ::||

Hoà vui đến cực điểm rồi thì sẽ ly tán, vì vậy sau quẻ đoài đến quẻ Hoán. Hoán là lìa, tan tác. Thoán từ.

涣; 亨. 王假有廟. 利涉大川. 利貞.

Hoán; hanh. Vương cách hữu miếu,

Lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.

Dịch: Lìa tan: hanh thông. Vua tới nhà Thái miếu, vượt qua sông lớn thì lợi, giữ đạo chính thì lợi. Giảng: Trên là gió, dưới là nước (Khảm cũng có thể hiểu là mây – như quẻ Thủy lôi Truân, cũng gọi là Vân Lôi truân); gió thổi trên nước (hay mây) làm nước tung tóe ra (hay mây tan rã ra), cho nên đặt tên quẻ là Hoán.

Thường thì nhóm họp mới hanh thông (như quẻ tụy), nhưng ly tán cũng có khi hanh thông, chẳng hạn sương mù tụ lại nhiều quá, nắng lên, nó tan đi thì tốt, hoặc thời nhiễu loạn, dân chúng tụ họp lại chống đối, phải giải tán đi v.v.. Hết hợp thời thì tốt, trái lại thì xấu. Muốn cho công việc giải tán hanh thông thì nhà cầm quyền phải có lòng chí thành, như một ông vua tới nhà Thái miếu; lại phải biết mạo hiểm như có gan vượt qua sông lớn; sau cùng phải giữ đạo chính, đừng làm những việc bất chính.

Thoán truyện giảng ý nghĩa hanh thông của quẻ này như sau: nội quái vốn là quẻ Khôn, một hào dương của quẻ Càn vào thay hào 2 quẻ Khôn mà thành quẻ Khảm; ngoại quái vốn là quẻ Càn, hào 1 quẻ Khôn vào thay hào 1 quẻ Càn, thành quẻ Tốn. Vậy là trong trùng quái Hoán có một hào dương cương ở trong, một hào âm nhu ở ngoài, mà hào này đặc vị, thuận theo 2 hào dương ở trên nó để tiến lên, như vậy là tốt.

Vượt qua sông lớn mà có lợi vì quẻ có cái tượng gỗ (Tốn cũng là cây, gỗ) ở trên nước, tức thuyền ở trên nước, nhờ thuyền mà qua sông được. Nghĩa bóng là nhờ người có tài mà làm nên việc lớn. Đại Tượng truyện bàn rộng ra, khuyên sau khi giải tán rồi lại nên nghĩ tới việc nhóm họp lại, mà muôn nhóm họp, thống nhất nhân tâm thì nên đặt lễ tế Thượng đế, tế Tổ tiên.

Hào từ.

1.

初六: 用拯, 馬壯, 吉

Sơ lục: Dụng chứng, mã tráng, cát.

Dịch: Hào 1, âm: Dùng con ngựa mạnh để cứu vớt, tốt.

Giảng: Ở đầu thời ly tán, còn có thể gom lại được; hào này âm nhu, kém tài, không đủ sức, nhưng trên có hào 2 dương cương đặc trung, ý thác vào được, như đi đường xa có con ngựa khỏe, cho nên tốt.

2.

九二: 淚, 奔其机, 悔亡.

Cửu nhị: Hoán, bôn kì kỉ, hối vong.

Dịch: Hào 2, dương: Lúc ly tán, nên dựa vào hào 1 làm ghế ngồi thì hối hận mất đi.

Giảng: Thời này là thời ly tán rồi, dễ có việc ăn năn; hào này dương cương đã giúp được cho hào 1, bây giờ nên dựa vào 1 làm ghế ngồi, đỡ đần nhau thì khỏi phải hối hận.

3.

六三: 淚其躬, 无悔.

Lục tam: Hoán kì cung, vô hối.

Dịch: Hào 3, âm: đánh tan lòng riêng tây của mình đi thì không hối hận.

Giảng: Hào này âm nhu, bất trung, bất chính, là người có lòng vị kỉ, nhưng ở vị dương lại được hào trên cùng chính ứng với nó, mà có lòng lo việc đời (vì là dương cương); nếu 3 bỏ tính vị kỉ đi, lo gánh việc đời với hào trên cùng, thì sẽ không hối hận.

4.

六四: 淚其群, 元吉. 淚有丘, 匪夷所思.

Lục tứ: hoán kì quần, nguyên cát. Hoán kì khâu, phi di sở tư.

Dịch: Hào 4 âm: Giải tán bè phái của mình đi, rất tốt. Vì nhu vậy là giải tán cái nhỏ để tập hợp cái lớn lại thành gò đồng; điều đó người thường không thể nghĩ tới được.

Giảng: Hào này âm nhu, thuận, giúp đỡ hào 5 vừa cương vừa đắc trung, như vị đại thần giúp một minh quân, mà biết giải tán bè phái của mình đi (sở di nói vậy vì hào 1 ở dưới không ứng viễn với 4, cũng như 4 không còn bè phái), để đoàn kết, tập hợp cả quốc dân mà cùng lo cứu nước; nhu vậy là giải tán cái nhỏ để gom cái lớn lại thành gò đồng, rất tốt. Người thường không hiểu được lẽ đó mà chê sao lại giải tán đảng của mình. Muốn vậy phải là người đắc chính (âm ở vị âm), và đắc trung, cương cường như hào 5.

5.

九五: 淚汗其大號, 淚王居, 无咎.

Cửu ngũ: Hoán hân kì đại hiệu, hoán vương cư, vô cữu.

Dịch: Hào 5, dương: Ban bố hiệu lệnh lớn khắp nước như mồ hôi phát ra ở khắp thân thể, phát hết kho lâm của vua để chu cấp cho dân, không có lỗi.

Giảng: năm chữ “Hoán hân kì đại hiệu” tối nghĩa. Chu Hi giảng là hủy bỏ các hiệu lệnh trước đi, những hiệu lệnh đó như mồ hôi, chảy ra mà không trở lại”. Chúng tôi theo Phan Bội Châu mà dịch như trên là ban bố hiệu lệnh đi khắp nơi. J Legge và R. WilhelM cũng hiểu như vậy, nhưng giảng là những hiệu lệnh đó cứu nguy được cho dân như người bị bệnh mà phát tán, làm cho mồ hôi toát ra vậy.

Ba chữ sau: “Hoán vương cư” nghĩa dễ hiểu: vua nên tán tài để tụ dân, cũng như hào 4, giải tán bè phái để tụ dân, đều là chính sách tốt ở thời ly tán cả.

6.

上九: 淚其血去, 遊出, 无咎.

Thượng cửu: hoán kì huyết khử, địch xuất, vô cữu.

Dịch: Hào trên cùng, dương: Tan (trừ) được máu (vết thương cũ), thoát khỏi kinh sợ (chữ 遊) ở đây nên đổi làm chữ địch [惕] là kinh sợ), không có lỗi.

Giảng: hào này ở cuối thời ly tán, sắp hết xấu; nó có tài (dương cương), lại được hào 3 ứng viễn, cho nên nó thành công, trừ được vết thương ly tán và thoát khỏi cảnh lo sợ.

*

Phan Bội Châu so sánh quẻ này với quẻ Tụy, đại ý như sau:

Tụy và Hoán là hai thời trái ngược nhau, một thời nhóm họp một thời lìa tan, nhưng thời nào cũng hanh thông được cả, miễn là biết hành động hợp lúc và có lòng chí thành: Thoán từ hai quẻ đều có 4 chữ: “Vua tới Thái miếu”, nghĩa là phải chí thành như nhà vua khi vào tế ở Thái miếu.

Nhưng hai quẻ khác nhau ở chỗ. Tụy có 4 chữ: “lợi kiến đại nhân”, Hoán có 4 chữ: “Lợi thiệp đại xuyên” vì ở thời Tụy, thuận cảnh, chỉ cần có người tài đức là làm nên việc còn ở thời Hoán, nghịch cảnh, phải có tài đức mà lại phải mạo hiểm nữa. Đó là thâm ý của cỗ nhân.

Sáu hào quẻ Hoán ý nghĩa rất phân minh: hào 1, còn mong cứu chữa được; hào 2 ly tán đã nhiều rồi, chưa cứu được; hào 3 có thể bắt tay làm việc, muốn vậy phải bỏ lòng vị kỷ đi; hào 4, phải giải tán bè phái để đoàn kết toàn dân; hào 5 phải ra hiệu lệnh mới, ban phát của riêng, hào 6 thì thành công. Quan trọng nhất là lời khuyên hào 4 và 5.

||

60. QUẾ THỦY TRẠCH TIẾT

Trên là Khâm (nước), dưới là Đoài (chầm)

đồ hình ||::|:

Không thể để cho ly tán hoài được, tất phải chặn bắt lại, tiết chế lại, cho nên sau quẻ Hoán tới quẻ Tiết.

Thoán từ:

節: 亨. 苦節不可貞.

Tiết : Hanh. Khô tiết bất khả trinh.

Dịch: Tiết chế thì hanh thông. Nhưng tiết tiết chế đến mức cực khô thì không ai chịu được lâu.

Giảng: Theo tượng quẻ, trên chầm có nước; bờ chầm hạn chế số nước chứa trong chầm, cho nên đặt tên là quẻ Tiết.

Cái gì cũng vừa phải thì mới tốt, thái quá cũng như bất cập đều xấu cả. Quẻ này có ba hào cương, ba hào nhu, không bên nào quá; lại thêm hào 2 và hào 5 đều là dương cương mà đắc trung, như vậy là xử sự được trung tiết, cho nên việc gì cũng hanh thông. Nhưng tiết chế quá, bắt người ta khô cực thì không ai chịu được lâu, như vậy không còn hanh thông nữa.

Thoán truyện khuyên nhà cầm quyền nên theo luật tiết chế của trời đất: bốn mùa thay đổi, nắng mưa, nóng lạnh đều có chừng mực, mà trị dân: hạn chế lòng ham muốn, tính xa xỉ của con người, bắt dân làm việc vừa sức thôi, như vậy không tồn của cái, không hại dân (tiết dĩ chế độ, bất thương tài, bất hại dân). Lời đó giống lời khuyên trong Luận ngữ: “Tiết dụng nhi ái dân” (dè dặt trong việc tiêu dùng mà yên dân).

Đại tượng truyện khuyên người quân tử (quân tử ở đây tro hạng người trị dân) đặt ra số, độ, nghĩa là hạn định một chừng mực nào đó trong sự làm việc và hưởng thụ của dân, tùy đạo đức, tài nghệ của mỗi người. (Quân tử, dĩ chế số độ, nghị đức hạnh). Như vậy là Đại tượng truyện đã cho chữ tiết một tác dụng rất lớn: tiết chế có nghĩa gần như kế hoạch hoá ngày nay và có mục đích thi hành sự công bằng trong xã hội, như lời Đại tượng truyện quẻ Khiêm (xứng vật bình thí: cho sự vật được cân xứng, quân bình).

Hào từ:

1.

初九: 不出戶庭, 无咎.

sơ cửu: Bất xuất hội đình, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương: không ra khỏi sân ngõ, không có lỗi.

Giảng: Hào này dùng chữ tiết với nghĩa tự mình tiết chế mình, tức dè dặt. Ở với lời Tiết chế, làm việc gì cũng phải đúng mức (trung tiết) mới tốt. Hào, 1 dương cương, đắc chính, ở đầu thời Tiết chế, biết thận trọng, không ra khỏi sân ngõ, vì biết là thời chưa thông, hãy còn tắc, như vậy là đúng với đạo tiết chế, không có lỗi. Hai chữ “hộ đình chúng tôi dịch theo nghĩa “ngoại chi đình” của Chu Hi. J legge dịch là không ra khỏi cái sân ở ngoài cái cửa (door): R. Wilhelm dịch là không ra khỏi cái sân và cái cửa (door).

2.

九二: 不出門庭, 凶.

Cửu nhị: Bất xuất môn đình, hung.

Dịch: Hào 2, dương: không ra khỏi cái sân ở trong cửa, xấu.

Giảng: Hào này đáng lẽ ra giúp việc được, vì thời đã khác thời của hào 1 đã thông rồi không tắc

nữa mà lại được hào 5 ở trên cũng dương như mình giúp sức cho; vậy mà đóng cửa không ra cũng như 1, hành vi đó xấu (hung).

Chữ môn J.Legge và R.Wilhelm đều dịch là gate, cửa ngõ, túc cửa ở ngoài cùng. Từ Hải chỉ giảng: cửa có một cánh gọi là hộ, hai cánh gọi là môn, tối không biệt cái nào là cửa ngõ, cái nào là cửa nhà. Phan Bội Châu không phân biệt thế nào là môn, là hộ, dịch là cửa hết. Điểm đó không quan trọng; chỉ cần hiểu đại khái là không ra khỏi nhà, không đi đâu.

3.

六三: 不節若, 則嗟若, 无咎.

Lục tam: Bất tiết nhược, tất ta nhược, vô cữu.

Dịch: Hào 3, âm: không dè dặt (tự tiết chế mình) mà phải than vãn, không đổ lỗi cho ai được.

Giảng: Âm nhu, bất trung bất chính, lại cưỡi lên hai hào dương, mà muốn tiến tới cõi nguy hiểm (quẻ Khảm ở trên), như vậy là không biết dè dặt, tự chế, rước vạ vào thân, còn đổ lỗi cho ai được nữa.

4.

六四. 安節, 亨.

Lục tứ: An tiết, hanh.

Dịch: Hào 4, âm: Vui vẻ tự tiết chế (không miễn cưỡng) hanh thông.

Giảng: Nhu thuận, đắc chính, vâng theo hào 5, thực tâm dè dặt, tự tiết chế đúng thời, cho nên hanh thông.

5.

九五: 甘節, 吉. 往有尚.

Cửu ngũ: Cam tiết, cát. Vãng hữu thượng.

Dịch: Hào 5, dương: Tiết chế mà vui vẻ (cho là ngon ngọt) thì tốt. Cứ thế mà tiến hành thì được người ta trọng, khen.

Giảng: Hào này ở vị chí tôn, làm chủ quẻ Tiết, có đủ các đức dương cương trung chính tự tiết chế một cách vui vẻ, thiên hạ noi gương mà vui vẻ tiết chế, cho nên tốt; và cứ thế mà tiến hành thì có công lớn, đáng khen.

6.

上六: 苦節, 貞凶, 悔亡.

Thượng lục: Khổ tiết, trinh hung. Hối vong.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Tiết chế mà tới mức cực khổ, nếu cứ giữ mãi (trinh) thôi đó thì xấu. Nếu biết hối hận, bớt thái quá đi thì hết xấu.

Giảng: Hào này trái với hào trên, vì ở trên cùng quẻ Tiết, có nghĩa là tiết chế thái quá, tới cực khổ, không ai chịu được hoài như vậy.

Hai chữ “hối vong” ở đây không có nghĩa thường dùng là hối hận tiêu tan đi, mà có nghĩa là nếu hối hận thì cái xấu (hung) sẽ tiêu tan đi.

Sau một cuộc ly tán, phong tục suy đồi, kinh tế cùng quẫn, cho nên phải tiết dục, tiết chế nhu cầu. Nhưng tiết chế một cách vừa phải thôi (không nên thái quá) mà hợp thời thì mới tốt. Chúng ta nhận thấy 6 hào chia làm 3 cặp: 1 và 2 liền nhau mà 1 tốt, 2 xấu; 3 với 4 liền nhau mà 3 xấu, 4 tốt; 5 và 6 liền nhau mà 5 tốt 6 xấu; chỉ do lẽ hoặc hợp thời hay không, đắc trung, đắc chính hay không.

||

61. QUẾ PHONG TRẠCH TRUNG PHU

Trên là Tốn (gió), dưới là Đoài (chăm)

Hình quẻ

Đã định **tiết chê** thì người trên phải giữ **đức tín** để người dưới tin theo, cho nên sau quẻ Tiết tới quẻ Trung phu. Trung phu là có đức tin (**phu**) ở trong (trung) lòng.

Thoán từ:

中孚: 豚魚吉, 利涉大川, 利貞.

Trung phu: Đòn ngư cát, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.

Dịch: trong lòng có đức tin tới cảm được heo và cá, tốt như vậy thì lội qua sông lớn được, giữ đạo chính thì lợi.

Giảng: quẻ này ở giữa có hai hào âm (hai nét đứt), như trong lòng trống rỗng (hư tâm) không có tưống, tư ý; còn 4 hào dương là nét liền, đặc, thực (trái với hư), mà hào 2 và hào 5 lại đặc trung (ở giữa nội và ngoại quái), vậy là có đức trung thực. Do đó mà đặt tên quẻ là Trung phu.

Theo nghĩa thì trên là Tốn, thuận với người dưới; dưới là Đoài, phục tòng người trên; như vậy là cảm hoá được dân.

Lòng chí thành cảm được cả những vật ngu, không biết gì như heo và cá. Lấy lòng chí thành, hư tâm mà ứng phó với nguy hiểm thì vượt được hết, như qua sông lớn mà ngồi chiếc thuyền trống không (hư chu), không chở gì cả, thật là an toàn. Phải giữ chính đạo mới tốt.

Đại Tượng truyện giảng: gió ở trên, chăm ở dưới, là gió (làm) động được nước như lòng thành thực cảm động được người. Nên tuy lòng trung thành mà xử việc thiên hạ; như xử tội thì sét đi xét lại, tìm cách cứu tội nhân, tha cho tội chết.

Hào từ:

1.

初九: 虞吉, 有它, 不燕.

Sơ cửu: Ngu cát, hưu tha, bất yên.

Dịch: **Hào 1**, dương: liệu tính cho chắc chắn rồi mới tin thì tốt; có lòng nghĩ khác thì không yên.

Giảng: Hào này mới vào thời Trung phu, tuy ứng với hào 4, âm nhu, đặc chính là người đáng tin, nhường bước đầu, phải xét cho kỹ lưỡng xem 4 có đáng tin không, khi đã tin rồi thì đừng đổi chí hướng, lòng phải định rồi mới tĩnh mà yên được.

2.

九二: 鶴鳴在陰. 其子和之. 我有好爵. 吾與爾靡之.

Cửu nhị: Minh hạc tại âm, kỳ tử hoạ chi;

Ngã hưu hảo tước, ngô dũ nhĩ mĩ chi.

Dịch: **Hào 2, dương**:

*Như con hạc mẹ gáy ở bóng râm, con nó hoạ lại;
lại như tôi có chén rượu ngon, tôi cùng anh chia nhau.*

Giảng: Hào này ứng với hào 5 ở trên, cả hai đều có đức dương cương, lại đặc trung đều có lòng thành thực, đều là những hào quan trọng trong quẻ Trung phu; hai bên cảm ứng, tương đặc với nhau như hạc mẹ gáy mà hạc con hoạ lại, hoặc như một người có chén rượu ngon mà chia với bạn.

Theo **Hệ từ thượng truyện**, **Chương VIII, số 5**, Không từ giải thích ý nghĩa hào này như sau:

“Người quân tử ở trong nhà mà nói ra, nếu lời nói hay thì người ngoài nghìn dặm cũng hưởng ứng, huống chi là người ở gần; hành vi từ gần phát ra thì ảnh hưởng hiện ngay ở xa . như vậy chẳng nên thận trọng lắm ư?” .

Không tử đã hiểu rộng “tiếng gáy của con hạc” là **lời nói hay**; và “chén rượu ngon’ là **hành vi đẹp**, mà khuyên chúng ta phải thận trọng về **ngôn, hành**.

(Nguyên văn Không tử trong Dịch truyện nói khác, đây chỉ là lời giảng đơn giản hóa)

3.

六三: 得敵, 成鼓, 或罷, 或泣, 或歌.

Lục tam: Đắc địch, hoặc cỗ, hoặc bái, hoặc khấp, hoặc ca.

Dịch: **Hào 3**, âm: gặp được bạn (địch) lúc thì đánh trống vui múa, lúc thì chán nản mà ngừng, lúc thì khóc, lúc thì hát.

Giảng: Hào này âm nhu bất chính, bất trung, ứng với hào ở trên cùng, dương cương mà bất trung, bất chính, như hai người ăn ở với nhau mà không thành thực, tính tình thay đổi luôn luôn, vui đó rồi khóc đó “Hoặc cỗ hoặc bái”, (có người hiểu là: lúc thì cỗ vỗ, lúc thì bỏ đi).

4.

六四: 月幾望, 馬匹亡, 无咎.

Lục tứ: Nguyệt cơ vọng, mã thất vong, vô cữu.

Dịch: Hào 4, âm: Trăng mười bốn (gần tới rằm), con người bỏ bạn mà tiến lên, không lỗi.

Giảng : Hào này đắc chính, thân cận với hào 5, được vua tín nhiệm sự thịnh vượng đã gần tới tuyệt đỉnh rồi, như trăng mười bốn gần đến ngày rằm. Nó ứng với hào 1, hai bên cặp kè nhau như cặp ngựa, nhưng nó biết phục tòng đạo lý, nên sau bỏ 1, để chuyên nhất với 5, như vậy không có tội lỗi gì.

5.

九五: 有孚惠心, 无咎.

Cửu ngũ: Hữu phu luyến như, vô cữu.

Dịch: Hào 5, dương: có lòng chí thành ràng buộc, không lỗi.

Giảng: Như trên đã nói, hào này ở ngôi chí tôn, có đủ đức trung chính, thành tín buộc được lòng thiên hạ.

6.

上九: 翰音登于天, 貞凶.

Thượng cửu: Hán âm đăng vu thiêng, trinh hung.

Dịch: Hào trên cùng, dương: tiếng gà lên tận trời, dù có chính đáng cũng xấu.

Giảng: Hào này dương cương, không đắc trung lại ở vào thời thành tín đã cùng cực, đức tin đã suy, vậy là có danh mà không có thực. Lại thêm không biết biến thông, muốn cố giữ đức tin (vì có tính dương cương, cho nên ví với con gà không là loài bay cao được mà muốn lên trời).

Vậy lòng thành tín vẫn là tốt, nhưng phải đừng thái quá mà biết biến thông, Phan Bội Châu nhắc truyện ngũ ngôn anh chàng họ Vĩ (có sách nói là họ Vĩ) thời Xuân Thu hẹn với một người con gái ở dưới cầu; người đó không tới, nước lên cao, anh ta cứ ôm cột cầu chịu chêt. Tín như vậy là ngu, không biết biến thông.

62. QUẾ LÔI SON TIỀU QUÁ

Trên là Chấn (sầm), dưới là Cấn (núi)

đồ hình ::||::

Tin (Trung phu) mà làm ngay, không xét đều tin đó phải hay không, thì có thể mắc lầm lỗi, cho nên sau quẻ Trung phu tới quẻ Tiêu quá. Quá có hai nghĩa: lỗi; ra ngoài cái mức vừa phải thoán từ dưới đây dùng nghĩa sau.

Thoán từ:

小過: 亨, 利貞. 可小事, 不可 大事. 飛鳥遺之音, 不宜上, 宜下, 大吉.

Tiêu quá: Hanh, lợi trinh. Khả tiêu sự, bất khả đại sự.

Phi điểu di chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát.

Dịch: Cái nhỏ nhiều: Hanh thông hợp đạo chính thì lợi. Có thể làm việc nhỏ, không thể làm việc lớn. Con chim bay mà để tiếng kêu lại, không nên lên cao mà nên xuống thấp. Người quân tử biết được như vậy thì tốt.

Giảng: Quẻ này trái với quẻ Đại quá số 28. đại quá có 4 hào dương ở giữa, 2 hào âm ở dưới cùng và trên cùng, như vậy dương nhiều hơn âm, mà dương có nghĩa là lớn, âm là nhỏ, cho nên Đại quá có nghĩa là cái lớn (dương) nhiều hơn. Tiêu quá có 2 hào dương ở giữa, 4 hào âm ở trên và dưới, như vậy là âm – tức cái nhỏ – nhiều hơn dương tức cái lớn; cho nên đặt tên là Tiêu quá. Tiêu quá là cái nhỏ nhiều hơn; nhưng cũng có nghĩa là quá chút ít.

Bình thường thì vừa phải là hay. Nhưng cũng có khi quá một chút lại hay, chẳng hạn trong nhà, chòng tiêu pha nhiều quá, vợ chắt bóp một chút để được trung bình; hoặc khi thiên về bên tả quá, muốn lấy lại mức trung thì lại nên thiên về bên hữu một chút. Nhưng việc gì cũng phải hợp lẽ, hợp thời, hợp đạo chính thì mới được. Đó là ý nghĩa câu đầu.

Câu thứ hai” “Chỉ nên “quá” trong việc nhỏ, không nên “quá” trong việc lớn; vì việc nhỏ, lỡ có quá một chút, hậu quả không tai hại, còn việc lớn mà lỡ quá một chút, một li có thể đi một dặm hậu quả rât nặng nề, như việc nước, lỗi làm một chút có thể gây chiến tranh hoặc sự suy sụp về kinh tế...

Thoán truyện giảng: Các hào dương (lớn) đều không đắc trung, là quân tử nhất thời, không làm việc lớn được.

Câu thứ ba tôi nghĩa, không hiểu sao lại dùng tượng con chim bay ở đây. Mỗi nhà giải thích một khác: Chu Hi bảo “trong thực, ngoài hư như con chim bay”, có lẽ vì cho hai hào âm ở dưới như hai chân chim, hai hào âm ở trên như hai cánh chim xòe ra? Còn về ý nghĩa thì có người giảng: người quân tử ở thời Tiêu quá nên khiêm tốn, không nên có tiếng tăm lớn, chỉ nên như tiếng chim kêu khi bay, thoảng qua mà thôi; mà cũng không nên ở ngôi cao, như con chim không nên bay lên cao. Hai chữ “đại cát”, các sách đều dịch là rất tốt; Phan Bội Châu dịch là tốt cho người quân tử, nếu đừng có tiếng tăm, đừng ở ngôi cao “Đại” đó trổ người quân tử.

Đại Tượng truyện giản: Chân ở trên Cấn là tiếng sấm ở trên núi, bị nghẹt vì núi mà thu hẹp lại, nên gọi là Tiêu quá. Người quân tử ở thời này chỉ nên làm quá trong việc nhỏ, như có thể quá cung kính, quá thương cảm trong việc ma chay, quá tiết kiệm.

Hào từ:

1

初六. 飛鳥以凶.

Sơ lục: Phi điểu dĩ hung.

Dịch: Hào 1, âm: Chim (nên nấp mà lại) bay, nên xấu.

Giảng: Hào này âm nhu, bất tài, được hào 4, dương; giúp, lại ở thời “hơi quá” (Tiêu quá), nên hăng hái muốn làm việc quá, e mắc vạ, cho nên xấu. Chỉ nên làm chim nấp, đừng làm chim bay.

2.

六二: 過其祖, 遇其妣, 不及其君. 遇其臣, 无咎.

Lục nhị: Quá kì tồ, ngộ kì tỉ, bất cập kì quân.

Ngộ kì thần, vô cữu.

Dịch: Hào 2, âm: Vượt qua ông mà gặp bà; không được gặp vua thì nên giữ phận bè tôi, như vậy không lỗi.

Giảng: Hào nay nhu thuận, trung chính ở vào thời Tiếu qua, 1 có quá một chút mà không lỗi. Nó là âm đáng lẽ cầu dương mà nó lại vượt hai hào dương (3 và 4) để gặp (ứng với 5) nghĩa là gặp âm nữa, cho nên Hào từ nói là vượt ông mà gặp bà. Hào từ khuyên hào này ở thấp, là phận làm tôi, không gặp được vua thì cứ giữ phận bè tôi (đứng vào hàng những bè tôi khác).

Hào này tối nghĩa, chúng tôi dịch theo Phan Bội Châu, Chu Hi giảng là: không gặp được vua thì gặp bè tôi, như vậy là giữ được trung, chính, tuy hơi quá (vì muốn gặp vua) mà không lỗi (sau gặp bè tôi). Cả hai cách giảng đều không xuôi.

3.

九三. 弗過防之, 從或戕之, 凶.

Cửu tam: Phát quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, hung.

Dịch: Hào 3, dương: Chẳng quá phòng bị (tiểu nhân) thì rồi sẽ bị chúng làm hại đấy.

Giảng: Thời Tiếu qua; tiểu nhân nhiều hơn quân tử, nên đề phòng quá cẩn thận thì tốt. Hào này dương cương đắc chính là quân tử, nhưng vì quá cương (dương ở vị dương), tự thi, không đề phòng cẩn thận nên bị vạ. Hào này xấu nhất trong quẻ vì bị 2 hào âm ở trên ép xuống, 2 hào âm ở dưới thúc lên, chỉ có mỗi hào 4 là bạn, mà chẳng giúp được gì.

4.

九四: 无咎, 弗過遇之, 往厲, 必戒; 勿用永貞.

Cửu tứ: vô cữu, phát quá ngộ chi, vãng lệ, tất giới; vật dụng vĩnh trinh.

Dịch: Hào 4, dương: không lỗi vì không quá dương mà vừa đúng với đạo lý thời Tiếu quá; nếu tiến tới thì nguy, nên răn về điều đó, đừng cố giữ đức cương của mình, mà nên biến thông.

Giảng: hoàn cảnh hào này y hệt hào 3; cũng bị 2 hào âm ép ở trên, 2 hào âm thúc ở dưới, và cũng ở chỗ chưa dứt được với nội quái, chưa lên hẳn được ngoại quái, đáng lẽ cũng xấu, nhưng nhờ 4 tuy dương mà ở vị âm, như vậy là hơi biết mềm dẻo, không quá cương như 3, đúng với đạo lý thời Tiếu quá, chi nên không có lỗi.

Tuy nhiên phải nhớ đừng tiến lên mà theo hai hào âm, như vậy là quá nhu mì, sẽ nguy; mà cũng đừng cố chấp giữ tính dương cương của mình, mà nên biến thông.

5.

六五: 密雲不雨, 自我西郊; 公弋, 取彼在穴.

Lục ngũ: Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao;

Công đặc, thủ bỉ tại huyệt.

Dịch: Hào 5, âm: mây kít mà không mưa ở cõi tây của ta, công bắn mà bắt lấy nó ở hang.

Giảng: Âm dương tiếp xúc với nhau thì mới thành mua, nay âm lên quá cao rồi (hào 5), dương ở dưới, âm dương bất hoà, có cái tượng mây kít mà không mưa ở cõi tây của ta (như thoán từ quẻ Tiếu súc số 9), đại ý là không làm được gì cả; vì là âm nhu, bắt tài lại ở vào thời âm nhiều quá. Chỉ có một cách là xuống tìm hào 2, cũng âm, mà làm bạn. Chữ “công” (ông) ở đây trả hào 5, “bỉ” (nó) trả hào 2; hào 2 ở vị âm, tối tăm cho nên ví với cái hang.

6.

上六: 弗遇過之, 飛鳥離之. 凶, 是謂災眚.

Thượng lục: phát ngộ quá chi, phi điêu li chi. Hung, thị vị tai sảnh.

Dịch: Hào trên cùng, âm: không đúng với đạo mà lại sai quá, như cánh chim bay cao quá, xa quá, sợ bị tai vạ.

Giảng: Hào này âm nhu, mà biến động vì ở ngoại quái Chán (động), lại ở vào cuối thời Tiểu quá, là thái quá, cho nên bảo là sai đạo quá; có cái tượng con chim bay cao quá, xa quá rồi; khó kéo lại được mà còn sợ bị tai vạ nữa. Hào 6 này âm là tiểu nhân, tiểu nhân mà vượt lên trên quân tử (dương hào 4), cho nên răn là sẽ bị tai hoạ.

Quẻ này khuyên quân tử ở vào thời tiểu nhân quá nhiều thì đừng nên quá cương như hào 3, mà nên mềm mỏng một chút, biến thông như hào 4.

||

63. QUÉ THỦY HỎA KÍ TẾ

Trên là Khảm (nước), dưới là ly (lửa)

(đồ hình |:|:|:|)

Quá là hơn, tài đức có chỗ nào hơn người trong một việc gì đó thì làm nên việc ấy, cho nên sau quẻ Tiểu quá tới quẻ Kí tế. Tế là vượt qua sông, là nén; kí tế là đã vượt qua, đã nén, đã thành.

Thoán từ.

既濟: 亭小, 利貞. 初吉, 終亂.

Kí tế: Hanh tiêu, lợi trinh. Sơ cát, chung loạn.

Dịch: đã xong: Hanh thông, nếu làm nốt các việc nhỏ, có giữ được những việc đã thành rồi thì mới lợi. Mới đầu tốt, cuối cùng thì loạn (nát bét).

Giảng: Trong thoán từ này, hai chữ ‘Hanh tiêu’, Chu Hi ngờ là “tiểu hanh” mới đúng; tiểu hanh nghĩa là việc nhỏ, được hanh thông. Chúng tôi cho cách hiểu của Phan Bội Châu (theo Thoán truyện) là đúng hơn, nên dịch như trên.

Quẻ này trên là nước, dưới là lửa. Lửa có tính bốc lên mà ở dưới nước, nước thì chảy xuống, thế là nước với lửa giao với nhau, giúp nhau mà thành công. Cũng như nồi nước để ở trên bếp lửa, lửa bốc lên mà nước mới nóng, mới sôi được.

Lại xét sáu hào trong 1 : hào dương nào cũng ở vị dương hào âm nào cũng ở vị âm; mà hào nào cũng có ứng viện: 1 dương có 4 âm ứng; 2, âm có 5 dương, ứng; 3, dương, có 6 âm ứng; đâu đó tốt đẹp cả, mọi việc xong xuôi, thế là hanh thông.

Ở vào thời Kí tế, việc lớn đã xong, còn những việc nhỏ cũng phải làm cho xong nữa, thì mới thật là hoàn thành. Hoàn thành rồi lại phải cố giữ được sự nghiệp; nếu không thì chỉ tốt lúc đầu thôi mà rốt cuộc sẽ nát bét. Nghĩa lúc trị phải lo trước tới lúc loạn.

Thoán truyện giảng mới đầu tốt vì hào 2 ở nội quái có đức nhu thuận mà đắc trung; và rốt cuộc sẽ loạn vì ngừng không tiến nữa, không đề phòng nữa (chung chỉ tắc loạn).

Đại Tượng truyện cũng căn dặn phải phòng trước lúc loạn, lúc suy.

Hào từ.

1.

初九: 曳其輪, 濡其尾, 无咎.

Sơ cửu: duê kì luân, nhu kì vĩ, vô cữu.

Dịch: Hào 1, dương: kéo lết bánh xe (chậm lại), làm trót cái đuôi thì không có lỗi.

Giảng: hào này là dương, có tài, ở trong nội quái Ly (lửa) có tính nóng này, lại ở đầu quẻ Kí tế, có chí cầu tiến quá hăng. Nên hào từ khuyên phải thận trọng, thủng thảng (kéo lết bánh xe lại), chưa

qua sông được đâu (như con chồn ướt cái đuôi, không lội được), như vậy mới khỏi có lỗi .

2.

六二: 婦喪其茀, 勿逐, 七日得.

Lục nhị: Phụ táng kỳ phát, vật trực, thất nhật đắc.

Dịch : Hào 2, âm: Như người đàn bà đánh mất cái màn xe, dừng đuổi theo mà lấy lại cứ đợi bảy ngày sẽ được.

Giảng: Hào này ở giữa nội quái Ly, có đức văn minh, trung chính, có thể thực hiện được chí mình. Nó ứng với hào 5 dương cương, trung chính, ở địa vị chí tôn; nhưng ở thời Kí tế, đã xong việc, nên 5 không đoái hoài tới 2, thành thử 2 như người đàn bà có xe để đi. Mà đánh mất cái màn che bốn mặt xe, không đi được. Tuy nhiên vì 2 trung chính mà đạo trung, chính không bị bỏ lâu bao giờ, nên dừng mất công theo đuổi, cứ đợi rồi tự nhiên sẽ được như ý.

3.

九三: 高宗伐鬼方三年, 克之. 小人勿用.

Cửu tam: Cao tôn phạt quỷ Phương tam niên, khắc chi. Tiêu nhân vật dụng.

Dịch : Hào 3, dương: Vua Cao Tôn đánh nước Quỷ Phương, ba năm mới được, dừng dùng kẻ tiêu nhân.

Giảng: Hào này là dương ở vị dương, nên quá cương cường, hoá ra khinh suất, phải thận trọng như vua Cao Tôn, tức Vũ đinh (1324-1264) nhà Ân, khi đánh một rợ nhỏ là quỷ Phương mà cũng mất ba năm mới được.

Đừng dùng kẻ tiêu nhân là lời khuyên chung, chứ không phải chỉ khuyên riêng hào 3 này.

4.

六四: 繻有衣袴, 終日戒.

Lục tú: chu hữu y như, chung nhật giới.

Dịch : Hào 4, âm: Thuyền bị nước vào, có giề để bít lỗ, phải rắn sợ suốt ngày.

Giảng: Đã bắt đầu lén ngoại quái Khảm, nguy hiểm, phải phòng bị cẩn thận, như người ngồi chiếc thuyền bị nước vào, phải có giề để bít lỗ. Hào này âm nhu, ở vị âm, đắc chính, là người thận trọng biết lo sợ.

5.

九五: 東鄰殺牛, 不如西鄰之禴祭, 實受其福.

Cửu ngũ: Đông lân sát ngưu, bát như tây lân chi thược tế, thực thụ kì phúc.

Dịch: Hào 5, dương: Hàng xóm bên đông mổ bò (làm tế lễ lớn) mà thực tế không hưởng được phúc bằng hàng xóm bên tây chỉ tế lễ sơ sài.

Giảng: Hàng xóm bên đông là hào 5, bên tây là hào 2. Cả hai hào đều đắc trung, đắc chính, lòng chí thành ngang nhau; 5 ở địa vị chí tôn làm lễ lớn, nhưng được hưởng phúc thì 2 lại hơn 5, chỉ vì 2 gấp thời hơn; 2 ở vào đoạn đầu Kí tế sức tiến còn mạnh, tương lai còn nhiều; 5 ở vào gần cuối Kí tế, lại ở giữa quẻ Khảm (hiểm), tiến tới mức chót rồi, sắp nguy, thịnh cực thì phải suy.

6.

上六: 濡其首, 厥.

Thượng lục: Nhu kì thủ, lê.

Dịch: Hào trên cùng, âm: Ướt cái đầu, nguy.

Giảng: tiêu nhân bất tài (hào này là âm) ở thời cuối cùng của Kí tế, lại ở trên hết quẻ khảm, càng nguy nữa, như một người lội qua sông, nước ngập cả đầu.

*

Kí tế vốn là một quẻ tốt, nhưng chỉ ba hào đầu là khá tốt, còn ba hào sau thì càng tiến lên càng xấu: hào 5, kém phúc hào 2, mà hào trên cùng (ướt đầu) so với hào 1 (ướt đuôi) còn xấu hơn nhiều. Vẫn là lời khuyên gấp thời thịnh phải cẩn thận, đề phòng lúc suy.

||

64. QUẺ HỎA THỦY VỊ TẾ

Trên là Ly (lửa), dưới là Khảm (nước)

(đồ hình 😊 :|:|)

Kí tế là qua sông rồi, nhưng theo luật thiên nhiên, không có lẽ nào hết hǎn được, hết mùa này đến mùa khác, hết thời này đến thời khác, hết lớp này đến lớp khác, sinh sinh hoá hoá hoài, cứ biến dịch vô cùng, cho nên tuy xong rồi nhưng vẫn là chưa hết, chưa cùng, do đó sau quẻ Kí tế tới quẻ Vị tế: chưa qua sông, chưa xong, chưa hết.

Thoán từ:

未濟: 亨. 小狐汔濟, 濡其尾, 无攸利.

Vị tế: Hanh. Tiếu hò ngặt tế, nhu kì vĩ, vô du lợi.

Dịch: chưa xong, chưa cùng: được hanh thông. Con chồn nhỏ sửa soạn vượt qua sông mà đã ướt cái đuôi, không qua được, không có gì lợi cả.

Giảng: Quẻ này trái hǎn quẻ trên: lửa ở trên nước, nước và lửa không giao nhau, không giúp được nhau; cả 5 hào đều ở trái ngôi cả; dương ở vị âm, mà âm ở vị dương, cho nên gọi là vị tế: chưa xong.

Vị tế chứ không phải là bất tế, chưa qua sông được chứ không phải là không qua được, sẽ có thời qua được, lúc đó sẽ hanh thông. Thời đó là thời của hào 5, có đức nhu trung, biết thận trọng mà ở giữa quẻ Ly (thời văn minh). Vả lại tuy 5 hào đều trái ngôi, nhưng ứng viện nhau cương nhu giúp nhau mà nên việc: thêm một lẽ hanh thông nữa.

Thoán từ khuyên đừng nên như con chồn con, nóng nảy hấp tấp, mới sửa soạn qua sông mà đã làm ướt cái đuôi, không qua được nữa, không làm được việc gì lợi cả, không tiếp tục được đến cùng. Đại tượng khuyên phải xem xét kỹ càng mà đặt người, vật vào chỗ thích đáng, thì mới nên việc, đừng đặt lửa ở trên nước chẳng hạn như quẻ này.

Hào từ:

1.

初六: 濡其尾,吝.

Sơ lục: nhu kì vĩ, lận.

Dịch: Hào 1, âm: để ướt cái đuôi, đáng ân hận.

Giảng: Âm nhu, tài kém, ở vào đầu thời Vị tế, mà lại bước chân vào chỗ hiểm (khảm), như con chồn sấp sửa qua sông mà đã làm ướt cái đuôi, không biết tính trước phải ân hận.

2.

九二: 曳其輪, 貞吉.

Cửu nhị: Duệ kì luân, trinh cát.

Dịch: Hào 2, dương: kéo lết bánh xe, giữ đạo trung chính thì tốt.

Giảng: dương cương là có tài, ở vị âm là bất chính, thấy hào 5 ở ngôi tôn, ứng với mình là âm nhu, có ý muốn lấn lướt 5, như vậy sẽ hỏng việc, cho nên hào từ khuyên nên giảm tính cương của mình

đi (như kéo lết bánh xe, hầm bót lại) và giữ đạo trung của mình (hào 2 đắc trung) thì tốt, vì hẽ trung thì có thể chính được.

3.

六三: 未濟, 征凶, 利涉大川.

Lục tam: Vị té: chinh hung, lợi thiệp đại xuyên.

Dịch: Hào 3, âm: chưa thành đâu, nếu cùi tiên hành thì bị hoạ, vượt qua sông lớn thì lợi.

Giảng: Âm nhu, vô tài, lại bất trung, bất chính, không làm nên việc đâu, nếu cùi tiên hành thì xấu.

Nhưng đã cảnh cáo: tiến hành thì xấu mà sao lại bảo qua sông lớn thì lợi? Mâu thuẫn chăng? Vì

vậy mà có người ngờ trước chữ lợi, thiếu chữ bất vượt qua sông lớn thì không lợi, mới phải.

Có thể giảng như vậy: xét về tài đức của 3 thì không nên tiến hành, nhưng xét về thời của 3: Ở cuối quẻ Khảm, là sắp có thoát hiểm, hơn nữa trên có hào 6 dương cương giúp cho, thì sắp có cơ hội vượt qua sông lớn được. Lúc đó sẽ có lợi.

4.

九四: 貞吉, 悔亡. 震用伐鬼方, 三年. 有賞于大國.

Cửu tú: trinh cát, hối vong. Chán dụng phạt Quỷ Phương, tam niên. Hữu thưởng vu đại quốc.

Dịch: Hào 4, dương: giữ đạo chính thì tốt, hối hận mất đi. Phấn phát (Chán) tinh thần, có vũ dũng khi mà đánh nước quỷ Phương, lâu ba năm, nhưng rồi được nước lớn thưởng cho.

Giảng: Có tài dương cương, mà ở vào thời thoát khỏi hiểm (nội quái Khảm), tiến lên cõi sáng của văn minh (ngoại quái Ly), trên có hào 5, âm, là ông vua tin vây mình, thì đáng lẽ tốt. Chỉ vì hào 4 này bất chính (dương ở vị âm) nên khuyên phải giữ đạo chính. Lại khuyên phải phấn phát tinh thần và kiên nhẫn mới làm được việc lớn cho xã hội, như việc đánh nước quỷ phương thời vua Cao Tôn (coi hào 3, quẻ Kí té) ba năm mới thành công.

5.

六五: 貞吉, 无悔. 君子之光有孚. 吉.

Lục ngũ: trinh, cát, vô hối. Quân tử chi quang hữu phu, cát.

Dịch: Hào 5, âm: Có đức trung chính, tốt, không có lỗi. Đức văn minh của người quân tử do chí thành mà rực rỡ, tốt.

Giảng: Hào này âm ở vị dương là bất chính, nhưng vì âm nhu, đắc trung (trung còn tốt hơn chính) ở vào giữa ngoại quái Ly, là có đức văn minh rực rỡ, lại ứng với hào 2 đắc trung, dương cương ở dưới, nên hai lần được khen là tốt; lần đầu vì có đức trung, văn minh lần sau vì có lòng chí thành, hết lòng tin ở hào 2.

6.

上九: 有孚于飲酒, 无咎. 濡其首, 有孚, 失是.

Thượng cửu: Hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu

Nhu kì thủ, hữu phu, thất thị.

Dịch: Hào trên cùng, dương: tin tưởng chờ đợi như thong thả uống rượu chơi thì không lỗi, nếu quá tự tin mà chìm đắm trong rượu chè (ướt cái đầu) thì là bậy.

Giảng: Dương cương ở trên cùng quẻ là cương tới dùng cực, cũng ở cuối ngoại quái Ly là sáng đến cùng cực, đều là quá cả. Sắp hết thời Vị té rồi, mà hào 4 và 5 đã làm được nhiều việc rồi, hào 6 này chỉ nên tự tín, lạc thiên an mệnh, vui thì uống rượu chơi mà chờ thời, như vậy không có lỗi. Nếu quá tự tin đến mức chìm đắm trong rượu chè (như con chồn ướt cái đầu), không biết tiết độ thì mất cái nghĩa, hoá bậy.

*

Kinh Dịch bắt đầu bằng hai quẻ Càn, Khôn, gốc của vạn vật;
ở giữa là hai quẻ Hành và Hằng, đạo vợ chồng, gốc của xã hội,
tận cùng bằng hai quẻ Kí tế và Vị tế, đã xong rồi lại chưa xong;
Như vậy hàm cái nghĩa việc trời đất cũng như việc của loài người, không bao giờ xong, cái gì
tới *chung* rồi lại tiếp ngay tới *thủy*.
Mà đạo Dịch cũng vậy không bao giờ hết.
Dịch cho ta niềm hy vọng ở tương lai.
Thật là một triết lý lạc quan.
Hết
